

Báo chí và  
Nhà văn  
Quốc ngữ  
thời sơ khởi

Hiên PHẬT HỌC  
2023

# HUỶNH ÁI TÔNG

\*

8664220914  
8664090423  
8664200523

# BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI



Mục lục .....	3
Lời tựa .....	7
Chương thứ nhất: Bối cảnh báo, tiểu thuyết quốc ngữ ra đời ..	9
<i>Tiết 1: Gia Định báo, Chánh tổng tài và người cộng tác .....</i>	<i>13</i>
1. Trương Vĩnh Ký (1837-1898) .....	25
2. Huỳnh Tịnh Của (1834-1907) .....	45
3. Trương Minh Ký (1855-1900) .....	49

## HUỖNH ÁI TÔNG

<i>Tiết 2: Tiểu thuyết gia quốc ngữ đầu tiên</i> .....	57
1. Nguyễn Trọng Quản (1862-1911) .....	59
Chương thứ hai: Những tờ báo và nhà văn tiếp theo .....	91
<i>Tiết 1: Thông Loại Khóa Trình</i> .....	93
<i>Tiết 2: Nhựt trình Nam Kỳ</i> .....	103
1. Alfred Schreiner .....	109
2. Đặng Thúc Liêng (1867-1945) .....	113
<i>Tiết 3: Phan Yên báo</i> .....	121
1. Diệp Văn Cương (1862-1929) .....	123
<i>Tiết 4: Nông Cổ Mín Đàm</i> .....	129
1. Lương Khắc Ninh (1862-1943) .....	139
2. Nguyễn Chánh Sắt (1869-1947) .....	145
3. Phạm Minh Kiên (18 -19 ) .....	157
4. Nguyễn Liên Phong (1821- ? ) .....	165
5. Lê Quang Chiêu (1852-1924) .....	175
6. Nguyễn An Khương (1860-1931) .....	189
7. Trần Phong Sắc (1873-1928) .....	193
8. Thượng Tân Thị (1878-1966) .....	201
9. Đỗ Thanh Phong ( ? - ? ) .....	209
<i>Tiết 5: Lục Tỉnh Tân Văn</i> .....	213
1. Trần Chánh Chiêu (1868-1919) .....	215
2. Lê Hoàng Mưu (1879-1941) .....	221
3. Tân Dân Tử (1875-1955) .....	243
4. Viên Hoàn (1900-1957) .....	251
5. Nguyễn Ý Bửu ( ? - ? ) .....	255
6. Dương Minh Đạt ( ? - ? ) .....	259
<i>Tiết 6: Nam Kỳ Địa Phận</i> .....	263
<i>Tiết 7: Đại Việt tạp chí</i> .....	265
1. Chánh trị khoa quăng cáo đồng nhơn .....	267
2. Một tháng ở Nam Kỳ .....	273
<i>Tiết 8: Công Luận báo</i> .....	281
1. Biền Ngũ Nhy (1886-1973) .....	283
2. Nam Đình (1907-1978) .....	287
3. Hồ Hữu Tường (1910-1980) .....	293
<i>Tiết 9: Nam Trung Nhựt báo</i> .....	307



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

1. Lê Sum (1878-1927) .....	309
<i>Tiết 10: An Hà Nhựt Báo</i> .....	313
<i>Tiết 11: Tuần báo Nữ Giới Chung</i> .....	315
1. Sương Nguyệt Anh (1864-1921) .....	349
<i>Tiết 12: Nam Kỳ Kinh Tế Báo</i> .....	359
1. Bửu Đình (1898-1931) .....	365
2. Nguyễn Háo Vĩnh (1893-1941) .....	381
<i>Tiết 13: Đông Pháp Thời Báo</i> .....	385
1. Diệp Văn Kỳ (1895-1945) .....	387
2. Trần Huy Liệu (1901-1964) .....	393
3. Bùi Thê; Mỹ (1904-1956) .....	401
4. Phan Thị Bạch Vân (1903-1980) .....	405
5. Sơn Vương (1908-1987) .....	417
<i>Tiết 14: Trung Lập Báo</i> .....	427
1. Trương Duy Toàn (1885-1957) .....	429
2. Phú Đức (1901-1970) .....	441
<i>Tiết 15: Đuốc Nhà Nam</i> .....	457
1. Nguyễn Phan Long (1898-1960) .....	467
<i>Tiết 16: Nhật báo Thần Chung</i> .....	473
1. Nguyễn Văn Bá (1904-1937) .....	475
2. Phan Văn Hùm (1902-1946) .....	483
3. Đào Trinh Nhất .....	493
<i>Tiết 17: Phụ Nữ Tân Văn</i> .....	505
1. Phan Khôi (1887-1959) .....	511
2. Mạnh Mạnh (1914-2005) .....	529
3. Hồ Văn Hảo (1917-1985) .....	535
<i>Tiết 18: Từ Bi Âm</i> .....	545
Sư Thiện Chiếu (1898-1974) .....	547
<i>Tiết 19: Sống</i> .....	555
1. Đông Hồ (1906-1969) .....	559
2. Trúc Hà (1909- ?) .....	567
3. Lư Khê (1916-1950) .....	571
4. Mộng Tuyết (1918-2007) .....	583
<i>Tiết 20: Nam Kỳ tuần báo</i> .....	591
1. Hồ Biểu Chánh (1885-1957) .....	595

## HUỶNH ÁI TÔNG

2. Thiều Sơn (1907-1978) .....	609
<i>Tiết 21: Đại Việt tập chí</i> .....	613
1. Ca Văn Thỉnh (1902-1987) .....	619
2. Khuôn Việt (1907-1977) .....	623
<i>Tiết 22: Tập san Nhân Loại</i> .....	627
1. Bình Nguyên Lộc (1914-1985) .....	631
2. Sơn Nam (1926-2008) .....	645
<i>Tiết 23: Những nhà văn nhà báo nhà khảo cứu có tên tuổi trên diễn đàn Văn chương, Báo chí ở Miền Nam</i> .....	661
1. Vương Hồng Sển (1902-1996) .....	663
2. Nguyễn Duy Cần (1907-1998) .....	663
3. Lê Ngọc Trụ (1909-1979) .....	681
4. Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) .....	685
5. Vita (1914-1956) .....	699
6. Trần Tấn Quốc (1914-1987) .....	707
7. Bà Tùng Long (1915-2008) .....	713
8. Phi Vân (1918-1977) .....	723
Chương kết .....	731

## Tựa

Trước năm 1974, tôi đã soạn bộ *Văn Học Miền Nam*, gồm có 2 tập. Tập I, viết về bối cảnh lịch sử miền Nam, những nhà văn tiên phong trên miền đất mới này, trong đó có Phan Thanh Giản, Phan Văn Trị, Thủ khoa Huân, Huỳnh Mẫn Đạt, Tôn Thọ Tường..., đưa cho ông Nguyễn Hùng Trương, Giám đốc nhà sách Khai Trí xem, ông cho ý kiến chờ hoàn tất sẽ tính. Sau đó, đất nước trải qua biến cố lớn, tôi chịu chung số phận với mọi người trên phần đất miền Nam. Đến năm 1980 tôi mới soạn tập II, về chữ quốc ngữ và những nhà văn sau này.

Khoảng năm 2000, tôi gỡ vi tính đưa lên trang mạng do tôi chủ trương từng chương, nhờ đó toàn bộ tập sách được hoàn thành.

Năm 2009, tôi nghỉ hưu, có thì giờ sửa chữa lại, có người bạn ở Việt Nam giúp, tôi đã in vài chục bản để cho người thân và biếu bạn bè. Sau đó, tôi tiến hành in sách tại Mỹ.

Gần đây, đọc lại thấy nhiều nhà văn, chi tiết còn đơn sơ, cần được bổ túc cho đầy đủ hơn vì những tài liệu về tác giả, về hình ảnh trên mạng ngày càng phong phú.

Tôi nghĩ thay vì bổ túc thêm bài viết, hình ảnh cho tập *Văn Học Miền Nam*, tốt hơn là nên viết một tập sách khác, làm như thế nội dung sẽ được đồng nhất, và tôi đã tiến hành viết tập sách này.

Mục đích tập sách này là để nói đến những tờ báo, tạp chí và những nhà văn đã đóng góp nhiều cho nền văn học quốc ngữ, tên tuổi của báo chí, của nhà văn thường được người ta nhắc tới khi nói đến Văn học miền Nam, thậm chí Văn học của cả nước Việt Nam ta.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Có một ít tác giả đã được trình bày trong tập *Văn Học Miền Nam*, nay được trình bày lại, đương nhiên là có bỏ túc chi tiết, hình ảnh, có nhiều tác giả mới được trình bày trong tập sách này như Nguyễn Liên Phong, Lê Quang Chiêu, Đỗ Thanh Phong, Biên Ngũ Nhy, Diệp Văn Kỳ, Nguyễn Háo Vĩnh, Phan Thị Bạch Vân ....

Những tờ báo được trình bày chi tiết và hình ảnh như *An Hà Nhựt Báo*, *Nam Trung Nhựt Báo*...

Những bài trích văn, thơ, chúng tôi trích nguyên văn, để độc giả có thể biết rõ từ ngữ người xưa đã dùng, trừ những bài trích từ sách của ông Nguyễn Q. Thắng, ông ấy đã sửa chữa chánh tả.

Hy vọng tập *Báo chí và nhà văn Quốc ngữ thời sơ khởi* này, sẽ mang lại cho độc giả sự thích thú, hài lòng vì những tài liệu phong phú được trình bày.

Nhân đây xin quý tác giả, chủ nơn các trang mạng có tài liệu, hình ảnh được dùng đến, nhận nơi đây lòng biết ơn của chúng tôi.

Đầu năm nay 2023, tôi thấy cần, nên bổ sung thêm 2 chương 21 & 22 gồm có 9 nhà văn, nhà báo, thêm vài hình ảnh, chỉnh sửa vài chi tiết để cho được đầy đủ hơn.

Trân trọng,  
Soạn giả





**Chương thứ nhất: Bối cảnh báo quốc ngữ ra đời.**

Nhìn lại nền văn học miền Nam, hay vai trò báo chí miền Nam, chắc ai cũng phải thừa nhận rằng báo chí miền Nam đã đóng một vai trò quan trọng, góp công xứng đáng trong việc phát triển chẳng những cho nền Văn học miền Nam, mà còn cho cả nước Việt Nam chúng ta.

Cho nên việc tìm hiểu lịch sử phát triển báo chí miền Nam, là cần thiết để biết rõ hơn về vấn đề này.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tiếc rằng người Pháp đã không quan tâm bảo tồn những tài liệu, hoặc do những cuộc chính biến năm 1945, quân đội Nhật hay những người cách mạng non trẻ, thiếu chỉ đạo và tổ chức đã tiêu hủy các tài liệu của bọn thực dân Pháp và năm 1975, người ta hô hào cổ vũ tiêu hủy các văn hóa phẩm đồi trụy, các tài liệu phản cách mạng, đã tiêu hủy các tác phẩm văn hóa, các chứng tích văn hóa có tánh cách lịch sử, nên ngày nay việc sưu tầm trở nên khó khăn, thiếu chính xác.

Tuy nhiên, dần dần các nhà biên khảo cũng tìm thấy những tài liệu từ các thư viện ở Pháp ở Mỹ và một số ở trong tay các nhà sưu tầm trong nước, giúp cho việc xác định ngày càng chính xác và phong phú hơn, tuy vẫn còn một số chưa được tìm thấy tài liệu hoặc chưa được công bố đầy đủ, để nhờ đó xác định được rõ ràng hơn.

Tương cũng nên nhìn lại lịch sử Pháp thôn tính miền Nam nước Việt. Ngày 1-9- 1858, liên quân Pháp và Tây Ban Nha đánh phá Đà Nẵng, bị quân ta chống trả cho đến ngày 23-3-1860, liên quân rút hết lực lượng, tiến vào phía Nam từ năm 1860 đến 1862 chiếm các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long và quần đảo Côn Nôn, nhà Nguyễn phải ký Hiệp Ước Nhâm Tuất 1862 nhường 3 tỉnh miền Đông và đảo Côn Nôn cho Pháp.

Năm 1851, Trương Vĩnh Ký được giám mục Long đưa đi học trường đạo Dulalma ở Penang, đây là một hòn đảo nhỏ trên vùng biển Hạ Châu, tức Nam Dương, nay thuộc Malaysia.

Năm 1858, được tin thân mẫu ông mất, Trương Vĩnh Ký trở về nước thọ tang mẹ.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Lúc Pétrus Ký trở về quê hương tại Cái Mon, cũng là lúc thực dân Pháp đem quân xâm chiếm Việt Nam. Vì thế, việc cấm đạo Thiên chúa giáo gay gắt hơn.

Không du học nữa, và cũng không thể ở quê nhà, Pétrus Ký lên Sài Gòn tá túc nhà vị Giám mục người Pháp Dominique Lefèbre, được ông này giới thiệu làm thông ngôn cho Jauréguiberry vào cuối năm 1860.

Năm 1861, Pétrus Ký thành hôn với bà Vương Thị Thọ, con gái ông Vương Tấn Ngươn, hương chủ làng Nhơn Giang nay là Chợ Quán, do Linh mục Đoàn họ đạo Nhơn Giang mới mai, và ông dời về cư ngụ ở Chợ Quán từ đó.

Năm 1862, Pháp thành lập trường Trung học Thông ngôn (Collège des Interprètes), ông được nhận vào dạy. Cũng trong năm này, ông theo sứ thần Simo đáp thuyền Forbin ra Huế bàn việc nghị hòa.

Năm 1863, triều đình Huế cử một phái đoàn do Phan Thanh Giản đứng đầu sang Pháp xin chuộc ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, và Phan Thanh Giản xin cho Pétrus Ký đi theo làm thông ngôn.

Ngày 18 tháng 3 năm 1864, phái đoàn về đến Sài Gòn. Nhờ chuyến đi này, Pétrus Ký được diện kiến hoàng đế Napoléon, Giáo hoàng, được quen biết với các nhà văn, học giả Pháp đương thời, được thăm các nước Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, ông đã thấy được nền văn minh Tây Phương, báo chí ngoại quốc thời bấy giờ.

Pétrus Trương Vĩnh Ký được liệt vào Thập bát văn hào thế giới thời bấy giờ (1873-1874), danh sách này sắp đặt tên theo mẫu tự, chớ không phải là danh sách xếp hạng, gồm có:

## HUỶNH ÁI TÔNG

1) Bác sĩ Allemand, 2) Banadona d' Ambrum, 3) Bonhomme (Honoré), 4) Cazot (Jules), 5) Đại tướng Chambron, 6) Bá tước Chambord, 7) Christophie (Albert), 8) Conte (Casimir), 9) Desmaze (Charles), 10) Duprat (Pascal), 11) Dupuy (Charles), 12) Garnier-Pages, 13) Guizot, 14) Lafayette (Oscar de), 15) Lefèvre-Pontalis (Amédée), 16) Marcon, 17) Pétrus Ký, 18) Thống chế Saldonha Oliveirae Daun.

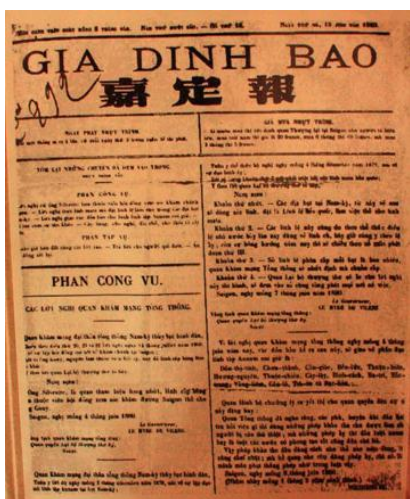




# BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

## Tiết một: Gia Định báo, Chánh tổng tài và người cộng tác.

Do theo chuyên đi sứ của Phan Thanh Giản, Pétrus Ký đã học hỏi thêm được nhiều, nên năm 1865, ông xin nhà cầm quyền Pháp, lập một tờ báo quốc ngữ mang tên là *Gia Định báo* 嘉定報. Lời yêu cầu của ông được nhà cầm quyền chấp thuận, nghị định cho phép xuất bản được ký ngày 1 tháng 4 năm 1865, bổ nhiệm Ernest Potteaux, một viên thông ngôn người Pháp thông thạo quốc ngữ, làm việc tại Soái phủ Nam Kỳ giữ nhiệm vụ Chánh Tổng Tài.



Mãi đến sau này, Chuẩn đô đốc Marie Gustave Hector Ohier (1814-1870), làm Thống đốc Nam Kỳ từ tháng 4, 1868 đến tháng 12, 1869, đã ký nghị định, giao *Gia Định Báo* cho Trương Vĩnh Ký làm Chánh Tổng Tài, từ khi ấy tờ báo mới thật sự được khởi sắc.

Quyết định số 189 ngày 16-5-1869, do Thống Đốc Nam Kỳ Ohier ký, có nội dung như sau:

## HUỶNH ÁI TÔNG

"Kể từ hôm nay việc biên tập tờ Gia Định báo được giao phó cho ông Pétrus Trương Vĩnh Ký, người với tư cách là chánh tổng tài của tờ này, sẽ được lãnh khoản lương hằng năm là 3.000 đồng quan Pháp. Tờ báo tiếp tục ra mỗi tuần. Nó sẽ được chia ra làm hai phần: một phần chính thức gồm các văn kiện, quyết định của ông thống đốc và nhà cầm quyền với tài liệu bằng tiếng Pháp do nha nội vụ cung cấp và được ông Trương Vĩnh Ký dịch ra chữ quốc ngữ; phần khác không chính thức, sẽ gồm những bài viết bổ ích và vui về những đề tài lịch sử, những sự kiện về luân lý, thời sự... để có thể đọc được trong các trường học bản xứ và khiến cho công chúng Việt Nam quan tâm đến. Trước khi phát hành, việc trao đổi sẽ thực hiện tại Nha nội vụ. Giám đốc Nha nội vụ thi hành quyết định này..."

Gia Định báo phát hành trong phạm vi thuộc địa của Pháp lúc đó là 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ. Gia Định báo có khổ 25x32cm và giá 0,5 quan/tờ hay 0,1 đồng/tờ. Thời gian đầu, báo ra mỗi tháng 1 kỳ vào ngày 15 hàng tháng. Sau đó báo ra mỗi tháng 2 kỳ, rồi mỗi tuần 1 kỳ, tuy nhiên ngày ra báo của Gia Định báo không cố định, khi thì thứ ba, thứ tư, lúc lại thứ bảy. Số trang của Gia Định báo cũng không cố định, khi thì 4 trang, lúc 12 trang. Gia Định báo số 1 ra ngày 15-4-1865.

Nội dung chính của Gia Định báo ban đầu gồm 2 phần: công vụ và tạp vụ. Phần công vụ chuyên về các vấn đề chính trị, pháp lý, công quyền, đăng các công văn, nghị định, thông tư, đạo dụ của chính quyền thực dân; còn phần tạp vụ gồm các tin tức địa phương trên các lĩnh vực: kinh tế, tôn giáo, văn hóa - xã hội... Sau khi Trương Vĩnh Ký làm giám đốc, Gia Định báo được thêm các phần khảo cứu, nghị luận, gồm các bài dịch thuật, sưu tầm, khảo cứu, sáng tác thơ, văn, lịch sử, truyện cổ tích... Ông đề ra ba mục đích cho tờ báo: Truyền bá chữ quốc ngữ, cổ động tân học và khuyến học trong dân. Từ đó, báo không chỉ làm một tờ công báo đơn thuần nữa.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Trước khi Gia Định Báo ra đời, đã có ba tờ báo bằng tiếng Pháp là Le Bulletin Officiel de l'Expedition de la Cochinchine (Nam Kỳ viễn chinh công báo), Le Bulletin des Communes (Xã thôn công báo) và Le Courrier de Saigon (Sàigòn thư tín).

Trong *Courrier de Saigon* số 7 ngày 5-4-1865, đăng lời rao về Gia Định báo như sau: “Trong tháng này sẽ ra số thứ nhất một tờ báo in bằng tiếng An Nam thông thường. Dưới hình thức thu hẹp ấn bản sẽ gồm các tin tức ở thuộc địa, giá cả nhiều loại hàng và một vài ý niệm hữu ích cho người bản xứ. Tờ báo sẽ ra hằng tháng và sẽ phát không trong các trường học để học sinh khá trong các làng mạc có thể đọc được...”.

Tuy nhiên trên Gia Định báo, có ghi giá bán cho những ai muốn mua báo để đọc.

“Tờ báo này mỗi tháng tây cứ ngày rằm in ra một lần ai muốn mua cả năm phải trả 6 góc tư”. Nghĩa là báo bán với giá 6 franc/năm cho 12 tờ, như thế giá 1/2 franc cho một tờ.

Đây là giá thưở ban đầu. Từ năm 1874, báo tăng lên hai kỳ/tháng và lên giá “20 góc tư/năm”. Tới năm 1881 trở thành tuần báo vẫn giá 20 góc tư/năm. Tới năm 1884 thì giá báo đổi thành “trót năm thì 4 đồng bạc”, năm 1895 giá bán lên “6 đồng 67 một năm” và năm 1898 tăng lên “8 đồng/năm”.

Cũng nên biết ở Nam kỳ vào lúc ấy, sử dụng nhiều loại tiền, phổ biến là tiền Đông Dương, do chính quyền thuộc địa phát hành, đơn vị là Piastre còn gọi là Đồng, tiền quan Pháp đơn vị là Franc, còn gọi là quan và tiền nhà Nguyễn gọi là tiền. Một đồng Đông Dương đổi được 5 quan Pháp hoặc 50 tiền. Góc tư là cách gọi một franc, đồng quan Pháp.

Theo thiện nghĩ của chúng tôi, thoạt đầu 4 quan đổi thành 1 đồng, do đó 1 quan bằng 1/4 đồng nên gọi là góc tư.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Do trên *Gia Định báo* không ghi tên Chánh Tổng Tài, nên những người quản lý tờ *Gia Định báo* có thể được biết đến như sau:

- Ernest Potteaux từ 1-4-1865 đến 16-5-1869
- Trương Vĩnh Ký từ 16-5-1869 đến năm 1871
- Ernest Potteaux trong năm 1872
- J. Bonet từ năm 1873 đến năm ?
- Ernest Potteaux từ tháng 2 năm 1882 đến năm 1884
- Huỳnh Tịnh Của ?
- Nguyễn Văn Giàu từ năm ? đến năm 1908
- Diệp Văn Cương từ 21-5-1908 đến 31-12-1909.

Năm 1918, *Tập san hành chánh Nam kỳ* đăng nghị định do Thống đốc Nam Kỳ Outrey ký ngày 20-9-1908 như sau: "... Ông *Diệp Văn Cương*, thông ngôn hạng nhất ngạch châu Âu, được giao trách nhiệm biên tập tờ *Gia Định báo* kể từ ngày 21-5-1908, thay thế ông Nguyễn Văn Giàu được giao nhiệm vụ khác. Với cương vị này, đương sự sẽ được lãnh phụ cấp 250 đồng (piastre) dự liệu định ngày 27-12-1901".

Ngay khi ra đời, báo thu hút nhiều cộng tác viên có tiếng là giỏi quốc ngữ như Huỳnh Tịnh Của, Paulus Toi, Trần Bảng Vàng, Trương Vĩnh Ký, phủ Ka là đốc phủ Trần Tử Ca... Nhiều người trong số cộng tác viên là thông ngôn, viết tin bài từ cơ sở gửi cho báo. Đó là những người có tên trên báo dưới danh nghĩa "người viết báo" xuất hiện khá nhiều trong khoảng 10-15 năm đầu. Nhưng đến năm 1881 thì không còn thấy tên "cộng tác viên" lẫn "người viết báo" xuất hiện trên mặt báo nữa.

Khoảng 20 năm đầu, báo được in ở "nhà in nhà nước". Vì các tờ báo chỉ ghi tên "chánh tổng tài" và "bản in nhà nước" nhưng không có địa chỉ nhà in nên không biết nhà in này ở đâu. Theo *Lục Châu học* thì Sài Gòn thập niên 1860-1870 của thế kỷ 19

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

chỉ có hai nhà in. Một của nhà nước và một của nhà thờ Tân Định.

Có tư liệu cho rằng nhà in nhà nước nằm ở số 63 Catinat nay là đường Đồng Khởi. Một đoạn dài trên đường Catinat ngày xưa đều là nhà in như Claude et Cie ở số 119, 121, 123, 125, 127 đường Catinat, Phát Toán ở 55-57 đường d'Ormay nay là Mạc Thị Bưởi, Imprimerie - Librairie de l'Union, số 157 Catinat... Và một vài tài liệu thuộc nhà nước những năm 1945 đã được in tại địa chỉ nêu trên. Theo trang web cinet.gov.vn, nhà in nhà nước ở Sài Gòn từ năm 1862-1868 nằm ở góc đường Nguyễn Du - Hai Bà Trưng. Thông tin này đúng như Vương Hồng Sển trong *Sài Gòn năm xưa*, cho biết “nhà in nhà nước” nằm trên đường Hai Bà Trưng, đối diện với công phía sau của Bưu Điện Sài Gòn, trước 1975 là Tổng Nha Điện Địa, nay là khách sạn Intercontinental.

Rất có thể là như thế vì nơi đây rất gần với dinh quan Thượng Thơ nay là Nhà Bảo tàng Tp. HCM. Cũng theo Vương Hồng Sển trong *Sài Gòn năm xưa*, dinh Thượng Thơ (Direction de l'Interieur) nằm góc đường Đồng Khởi và Lý Tự Trọng, mặt tiền trên đường Lý Tự Trọng, trước 1975 là Bộ Kinh Tế nay là Sở Tài nguyên – Môi trường Tp. HCM. Từ năm 1893, báo in ở “nhà hàng Rey, Curiol et Cie”. Đây là nhà in tư nhân chuyên in sách báo thời ấy và cũng là nhà in quyền *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của, nằm ở số 4 đường Adran (Bá Đa Lộc), nay là đường Hồ Tùng Mậu. Tới năm 1895 báo lại đổi nhà in và năm này báo in tại Imprimerie nouvelle Claude et Cie. Đây là một công ty in lớn thời kỳ này thành lập vào năm 1881 và có địa chỉ ở 99, 119, 121, 123, 125, 127 Catinat nay là đường Đồng Khởi.

Số lượng phát hành bao nhiêu chúng ta cũng không thể biết chắc. Theo Smith D. Warres, dân số Sài Gòn năm 1897 là 32.561 người, Chợ Lớn có 67.712 người, còn dân số cả Nam

## HUỶNH ÁI TÔNG

kỳ là 1.860.872 người theo *Đông Dương thuộc Pháp thế kỷ 19* do Ngô Bắc dịch. Theo *Lục châu học* của giáo sư Nguyễn Văn Trung, báo *Nông Cổ Mìn Đàm* những số đầu thập niên 1900 chỉ phát hành có 350 tờ. Trong tình hình và dân số như vậy, ước đoán số lượng phát hành của báo cũng không nhiều lắm, từ 500 tới 1.000 tờ mỗi kỳ.

Về sự tồn tại của *Gia Định báo*, có tài liệu cho rằng báo đình bản vào năm 1897, nhưng trong *Tập san hành chánh Nam Kỳ* (Bulletin de Administration de la Cochinchine), đăng nghị định của Thống đốc Nam kỳ Guorbeil ngày 21-8-1909, ấn định ngày đình bản của tờ báo là 1-1-1910 theo *Lục Châu học* của giáo sư Nguyễn Văn Trung. Như thế, *Gia Định báo* tồn tại đến ngày 31-12-1909. Ra đời vào ngày 15-4-1865, đình bản vào cuối năm 1909, *Gia Định báo* đã tồn tại hơn 44 năm, trên đất Nam Kỳ.

Như đã trình bày, trên *Gia Định báo* có hai nội dung chánh: Công vụ và tạp vụ. Chúng tôi trích một phần Công vụ sau đây:

Quyết định số 189 ngày 16-9-1869 của Thống Soái Nam Kỳ G. Ohier, đăng trên *Gia Định báo*:

“...Kể từ ngày hôm nay, việc biên-tập tờ báo An-nam *Gia Định Báo* được giao cho ông Pétrus Trương-Vĩnh-Ký với tư cách Chánh-tổng-tài tờ báo này, ông sẽ lãnh một bổng-cấp hàng năm 3.000 phật-lãng.

Tờ báo tiếp-tục ra hàng tuần. Nó chia làm hai phần, phần công-vụ gồm các văn-thư, quyết-định của quan Thống Soái và của nhà cầm quyền, nguyên văn bằng tiếng Pháp do Nha Nội-trị cung cấp và ông Trương Vĩnh Ký dịch ra chữ An-nam; phần tạp-vụ gồm các bài có ích cho sự học và vui thích với các bài sử-học, luân-lý, thời-sự để có thể đọc trong các trường bản xứ

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*và làm cho dân chúng An-nam chú ý. Trước khi phát hành, việc trao đổi sẽ thực hiện tại Nha nội vụ. Giám đốc Nha nội vụ thi hành quyết định này..."*

Sau đây là phần công vụ, đăng ở số 3 năm thứ 10, phát hành ngày 1-2-1874, nghị định thăng trật của hai công chức như sau:

### *Trường Hậu-bổ Sài-gòn*

*Trần Nguyên Hanh làm thông ngôn hạng 3, lên hạng nhì, đồng niên ăn 1.400 quan tiền.*

### *Trường Khải Tường*

*Trương Minh Ký, nguyên làm thầy dạy giúp hạng ba, lên hạng nhì, đồng niên ăn 1.400 quan tiền.*

Về phần tạp vụ, có những bài sau đây:

*Từ rầy về sau ai có muốn đặt chuyện gì vào nhứt trình, thì phải gửi ngày mồng 7 tháng tây, bởi (bởi) một mình tôi thì không có lẽ mà làm kịp trong 5 ngày, mà có gửi thì phải gửi công vụ trước hết.*

Paulus Tôi, compositeur de l'Imprimerie (số 4, ngày 15 tháng-7-1865).

*Ngày 1-6 Annam cũng là ngày 26 tháng tây, nơi phủ Bình Long có bắt đặng một con cọp lớn lắm, khi đi săn có các quan Phalangsa ở Thuận Kiều cùng đồn Tây Thới đi với quan phủ.... Quan lớn đang lo đút tiền thưởng công lớn hơn đồng bạc có nhứt hạng, nhì hạng, tam hạng để trả thưởng những ai làm*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*ruộng giỏi, làm nghề nghiệp hay, nuôi trâu bò đặng béo tốt. Cả thầy ai làm nghề chi hay thì cũng đặng thưởng.*

Paulus Cửa (số 4, ngày 15 tháng 7-1865)

*Có người bà con ở trên Mọi đã lâu năm về có tới thăm có nói chuyện lại về thói phép phong tục trên ấy... Đất thì là của chung ai muốn mở đâu mà cất nhà lập vườn trồng trạc thì mặc ý không có tranh dành nhau, đây ta nói sơ qua vậy một chút cho biết, đến sau ta sẽ nói chuyện cho dài hơn vì cũng là điều nên biết.*

Trương Vĩnh Ký (số 6, ngày 15 tháng 9-1865)

*Ngày 18 tháng này, sáng ngày thấy các quan thủy đi tam bản có máy lửa và kéo dạng một chiếc ghe khác theo trong rạch Nguru Tấn vô Chợ Lớn. It nữa bên Phalangsa sẽ gửi qua nhiều chiếc khác để đi các sông rạch nhỏ mà hết trộm cướp nó không còn dấu ấn được, giá một chiếc tam bản không có bao nhiêu tiền mà người nhà buôn jẽ mua mà chở hàng hóa cho chắc và jắt chiếc ghe từ Mĩ Tho, từ Vĩnh Luông đến đây*

(số 4, ngày 15-7-1865).

*Tháng trước mưa khá, ai nấy lo làm mùa màng gieo giống bắt mạ tờ mở, té ra qua tháng này phần thì gió phần thì nắng, nhiều nơi ruộng khô mạ héo, lại trâu mắc toi chết cũng nhiều, hóa ra ruộng nương làm không đặng bao nhiêu, sợ có khi năm mất mùa, thiên hạ đói khát như năm trước, nghe phía Tây Ninh dân sự đói khổ lắm, có kẻ ăn những bắp hạt trái cây mà chịu, ấy xưa nay chưa từng nghe những điều khốn nạn làm vậy...*

Paulus Cửa (số 5, tháng 8-1865)



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Lời cùng các thầy thông ngôn, ký lục, giáo tập... đặng hay: Nay việc làm Gia Định báo tại Saigon, ở một chỗ, nên không có lẽ mà biết các việc mới lạ các nơi trong 6 tỉnh mà làm cho thiên hạ coi; nên xin các thầy cứ mỗi tuần hay là nửa tháng phải viết những chuyện mình biết tại chỗ, tại xứ mình ở như: Ăn cướp ăn trộm. Bệnh hoạn tai nạn. Sự rủi ro, hùm tha sấu bắt. Cháy chợ, cháy nhà: mùa màng thế nào. Tại sở nghề nào thanh hơn... Nói tắt một lời là những chuyện mới lạ đem vô nhứt trình cho người ta biết. Viết rồi thì phải đề mà gửi cho Gia Định báo chánh tổng tài ở Chợ Quán.*

Trương Vĩnh Ký (số 11, ngày 8-4-1870)

Cho tới năm 1880, trên Gia Định báo xuất hiện quảng cáo ở trang cuối cùng. Thoạt đầu chỉ có nửa trang, dần dần số lượng tăng lên một trang và kéo dài khá ổn định.



LOI RAO BAN ĐẤT THỔ CƯ (Lời rao bán đất thổ cư)

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Có một khoảnh đất thổ cư tại Saigon ở tại đường Espagne hóc đường Mac-Mahon, giá bán mỗi một thước tây là một quan năm.*

*Như ai muốn mua, thì cứ hỏi ông thông phán Bollon ở Saigon mà mua.*

(Ngày 12-1-1880)

Một quảng cáo khác:

*Nhà hàng ông Lacaze ở đường Catinat, Saigon có bán rượu chát, các thứ rượu, các món mồi và làm dưa, để lâu, đồ đi săn bằng, thuốc súng, bì súng bẻ, đạn súng sáu lòng, hạng nào cũng có...*

Thêm quảng cáo khác:

*Pharmacie Normale ở góc đường Catinat và đường Olivier. Ông chủ thứ nhất tiệm thuốc này làm lời rao cho mấy thân chủ năng tới bỏ thuốc đắng hay ông ấy có các thứ thuốc nhứt hạng để mà trị hết thầy các bệnh và trị các bệnh thuốc này người ta năng lấy làm khó. Và cho ai này đắng hay, ông ấy có các vị thuốc riêng, làm theo bên I-viện thành Paris, cho đắng mà chữa các bệnh đau đầu mới cũ đắng và khỏi đau đờn gì; nội trong chừng 5-6 bữa thì lành bệnh....*

(Ngày 28-1-1881).

Có thể coi đây là những mẫu quảng cáo trên báo chí đầu tiên của nước ta.

Trong tờ báo, như đã nói có phần công vụ và tạp vụ, có những bài không ghi rõ xuất xứ. Trương Vĩnh Ký giải thích như sau:

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Những kẻ coi nhựt-trình phải có ý cũng hiểu điều này là:*

*Thường những chuyện Tap-vụ các nơi trong đất Nam-kỳ gửi về cho kẻ coi Gia-Định Báo, thì có kẻ coi lại, có trách thì sửa lại cho xuôi cho dễ nghe vì các thầy gửi cho nhựt-trình thì cũng ưng chịu làm vậy; lại cũng để tên các thầy ấy ký lấy vì là của các thầy ấy viết và gửi. Còn như phần công-vụ, các bài nghị-luận quan lớn Nguyễn-Soái cùng những khúc chẳng có tên ai đứng là kẻ coi nhựt-trình làm. Mà những khoản thẩm xét án các quan tham-biện hay là trả lời cho kẻ quì đơn, việc nọ việc kia thì của Hội-đồng quan Thống-soái Nam-kỳ luật-vụ làm ra sẵn rồi mà gửi đem vô Gia-Định Báo, có tên người đứng ký vô đó, thì hễ gửi thế nào thì in ra thế ấy mà thôi. Cho nên khi có điều gì không được cho rõ mấy thì xin kẻ coi nhựt-trình chớ trách-cứ kẻ coi việc ấy ...*

*Gia Định báo cũng có phần văn chương như bài sau đây:*

### **Nỗi đất với nỗi đồng**

*Nỗi đồng tính việc đi đàng,  
Rủ ren nỗi đất cùng trang đàng thì.  
Kiểu rằng: Chẳng tiện nỗi đi,  
Ở an xó bếp, không ly góc lò.  
Vì e sậy bước rủ ro,  
Rách lành chịu vậy, đối no vui vậy.  
Rằng da đây cứng hơn đây,  
Phận kia dễ tính, thân này khó toan.  
Đáp rằng: rủ gặp dọc đàng,  
Vật chi cứng cát cản ngang không vì.  
Để ta qua bữa lo chi,  
Bên thì vật ấy bên thì nhà người.*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Tai nghe nói ngọt tin lời,  
Chịu lòng bạn hữu bèn dời chân đi.  
Bước khua lớp cộp dị kỳ !  
Xa nhau e sợ, gần thì đụng nhau.  
Hai nôi đi chẳng đặng mau,  
Chưa đầy trăm bước đụng nhau rã rời.  
Hỡi ôi Nôi đất rồi đời,  
Khôn lời năn nỉ, khôn lời thỏ than.  
Nơi nghèo khổ, chỗ giàu sang,  
Ở đời giao kết kẻ ngang vai mình.*

Diễn quốc âm Trương Minh Ký

(số 39 năm thứ 19, ngày 13-10-1883)

Nhìn lại vai trò của *Gia Định báo*, là một tờ báo Việt ngữ tiên phong chẳng những ở đất Nam Kỳ là miền Nam mà còn cả nước Việt Nam, nó đã góp phần cổ động việc truyền bá chữ Quốc ngữ, cho nên ngay từ đầu, một phần phát không cho các trường học. Thứ nữa là tờ báo mở đường cho các thể loại văn vần, văn xuôi in bằng chữ Quốc ngữ, sau cùng là đặt nền móng cho sự hình thành báo chí Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Gia Định báo Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Nôi đất với nôi đồng* Web: [ahvinhngkiem.org](http://ahvinhngkiem.org)

## 1. Trương Vĩnh Ký (1837-1898)



Tên thật của ông, là Trương Chánh Ký sau đổi thành Trương Vĩnh Ký, tên thánh là Jean Paptiste, tên chữ là Pétrus, tự Sĩ Tải. Vì vậy người ta thường viết tên ông là Pétrus Jean Paptiste Trương Vĩnh Ký, sinh ngày 6 tháng 12 năm 1837 tại làng Vĩnh Thành (tục danh Cái Môn), tổng Minh Lý, huyện Tân Minh, phủ Hoàng An, tỉnh Vĩnh Long, nay là xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ông là con thứ ba của Lãnh binh Trương Chánh Thi và Nguyễn Thị Châu, năm 1842, được 5 tuổi, ông học chữ Hán với ông giáo Học. Năm 1847, cha ông qua đời trong khi trấn nhậm ở một vùng gần Nam Vang (Phnom Penh), có lẽ sau đó, mẹ ông giao ông cho giáo sĩ Tám, với sự dìu dắt của vị giáo sĩ này, ông học chữ Quốc ngữ, sau đó giáo sĩ Tám mất, có nhà truyền giáo người Pháp tên Việt là linh mục Long, đem về nhà dòng chánh ở Cái Nhum (Bến Tre) cho học chữ La tinh.

Dưới triều vua Minh Mạng, năm 1835 hạ Chiếu cấm đạo, nên năm 1848, Linh mục Long đưa Trương Vĩnh Ký qua học tại Trung Học Pinhalu ở Campuchia, đây là trường đạo dành riêng để dạy học trò người Việt, Miên, Lào, Thái Lan, Miến Điện và Trung Hoa, nhờ ở chung với học sinh các nước Đông

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nam Á mà ông học nói và viết thông thạo các ngôn ngữ kể trên.

Năm 1851, Trương Vĩnh Ký theo Linh mục Long qua học tại Tổng Chung Viện Viễn Đông Quốc Ngoại Truyền Giáo ở Poulou-Pénang (Hạ Châu). Trong 6 năm theo học ở Pénang, ông đã học về văn chương, khoa học, triết lý qua chữ La tinh, và ở tại đây, ông có dịp học thêm các ngôn ngữ Pháp, Anh, Hy Lạp, Ấn Độ và Nhật.

Năm 1858, được tin mẹ mất, ông rời Poulou-Pénang trở về Cái Mơn, năm này ông được 21 tuổi. Hai năm sau, qua sự giới thiệu của Linh mục Lefèvre, Trương Vĩnh Ký ra làm thông ngôn cho Đại úy Jauréguiberry.

Năm 1861, ông lập gia đình với bà Vương Thị Thọ rồi lập gia cư ở Chợ Quán (nay ở ngay tại góc đường Trần Hưng Đạo và Trần Bình Trọng, quận 5 Sài Gòn).

Năm 1862, Pháp thành lập trường Trung học Thông ngôn (Collège des Interprètes), ông được dụng làm Giám đốc. Cũng trong năm này, ông theo sứ thần Simo đáp thuyền Forbin ra Huế bàn việc nghị hòa.

Năm 1863, Trương Vĩnh Ký được Pháp phái theo sứ bộ Nam triều do Phan Thanh Giản làm Chánh sứ, phái bộ sang triều kiến Pháp hoàng Napoléon III. Nhờ sứ trình này, ông có dịp viếng các nước Anh, Tây Ban Nha, Hy Lạp, Ai Cập, Ý, La Mã. Tại La Mã, ông được Giáo hoàng Pio IX tiếp kiến, còn trong lúc ở Paris, ông kết thân với các nhà thông thái, danh vọng nước Pháp như Paul Bert, Duruy, Littré ... Ông được cử vào Hội viên của hội chuyên khảo về Nhân loại, và hội chuyên học tiếng Đông phương.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Ngày 16-9-1869, ông được Thống soái Nam Kỳ Ohier bổ nhiệm Chánh Tổng Tài tờ Gia Định Báo. Ông đã điều hành tờ báo này cho đến năm 1872,

Năm 1872, ông được thăng Tri Huyện và được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Sư Phạm (Ecole Normal).

Năm 1873, ông là Nghị viên Hội Đồng thành phố Chợ Lớn.

Năm 1875, ông là Giám đốc Trường Hậu Bô (Collège des Stagiaires).

Từ năm 1866 đến năm 1886, khoảng thời gian 20 năm này, ông chuyên về vấn đề văn hóa và giáo dục.

Năm 1886, người bạn cũ của ông là Paul Bert sang làm Thống Đốc Nam Kỳ, vì tình bạn ông đã bước sang sân khấu chính trị, một bước phù du mà cuối cùng cuộc đời ông nghèo nàn, danh vọng một thời đã mai một!

Trước tiên Paul Bert lấy tình thân hữu nhờ ông giúp cho vài việc liên lạc với triều đình Huế (1), sau sung Cơ Mật Viện và làm Giám quan, cố vấn cho vua Đồng Khánh.

Ngày 11-11-1887, Paul Bert mất, ông phải rời khỏi sân khấu chính trị, vì cả phía Pháp cũng như quan lại Nam triều, kẻ không tin cần, người lại không ưa ông. Trở về nhà, ông sáng tác và vui thú văn chương.

Năm 1888, ông xuất bản một nguyệt san lấy tên là **通類課程** (*Thông Loại Khóa Trình* - *Miscellanées ou lectures instructives pour les élèves des écoles primaires, communales et cantonales*), nguyệt san này số 1 không có ghi ngày tháng xuất bản, chỉ có ghi năm 1888, từ số 3 trở đi có ghi thêm Juillet

## HUỶNH ÁI TÔNG

1888 và các số sau ghi mỗi số một tháng kế tiếp. Như vậy số 1 có thể ra vào tháng 5 (Mai) 1888 và số sau cùng là số 18 năm 1889, in khổ 16cm X 24cm, mỗi số có 12 trang.

Chẳng những Trương Vĩnh Ký là một nhà văn tiên phong xứng danh của nền văn học chữ quốc ngữ mà ông còn là một học giả rất nổi tiếng, ông đã được các vinh dự:

1-10-1863: Lãnh huy chương Đông sĩ cứu thế của Tòa thánh La Mã.

27-6-1886: Lãnh huy chương Isabelle la Catholique của Tây Ban Nha.

15-2-1876: Được cử làm hội viên Hội chuyên khảo về Văn hóa Á Châu.

07-7-1878: Được cử làm hội viên Hội chuyên học địa dư ở Paris.

17-5-1883: Lãnh huy chương Hàn Lâm Viện đệ nhị đẳng của nước Pháp.

17-5-1886: Lãnh Tứ đẳng Long Tinh, Ngọc Khánh, Long Khánh của Nam triều.

04-8-1886: Lãnh Bắc Đẩu Bội Tinh đệ ngũ đẳng của nước Pháp.

03-6-1887: Lãnh Hàn Lâm Viện đệ nhất đẳng của nước Pháp.

Ông cũng có lãnh Hàn Lâm Viện đệ nhất đẳng của Hoàng Gia Cam Bốt.

Vua Đồng Khánh ban cho ông chức Hàn Lâm Viện thị giảng học sĩ.

Vua Khải Định ban hàm Lễ Bộ Tham Tri.

Vua Bảo Đại ban hàm Lễ Bộ Thượng Thư.

Trong khoảng năm 1873-1874, ông được liệt vào hàng thế giới thập bát văn hào, xếp theo mẫu tự như sau:



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Bác sĩ Allemand, Banadona d'Ambrum, Bonhomme (Honoré), Cazot (Jules), Đại tướng Chambron, Bá tước Chambord, Christophe (Albert), Conte (Casimir), Desmaze (Charles), Duprat (Pascal), Dupuy (Charles), Garnier-Pages, Guizot, Lafayette (Oscar de), Lefèvre-Pontalis (Amédée), Marcon, Pétrus Ký, Thống chế Saldonha Oliveirae Daun.

Cộng tác với Pháp, nhưng chắc chắn Trương Vĩnh Ký không thích con đường chính trị, ông lại thiết tha với nền văn học chữ quốc ngữ, ông có chủ đích quay về sự nghiệp văn chương của mình, khi Paul bert mất, ông không ngần ngại từ bỏ sân khấu chánh trị, trở lại nghề dạy học, viết sách dạy các thứ tiếng Đông phương, về phương diện này, ông là nhà ngôn ngữ học quảng bác, vì ông có thể nói và viết 15 ngôn ngữ Tây phương và 11 ngôn ngữ Đông phương.

Viết sách dạy người Pháp học tiếng Việt và ngược lại, dịch bộ Tứ Thư (Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ và Mạnh Tử), cũng như một số sách chữ Hán ra chữ quốc ngữ, cốt để phổ biến ngôn ngữ và tư tưởng Đông phương, chính ở phương diện này chúng ta thấy ông là nhà văn hóa, ở sân khấu chánh trị ông mong tạo sự thông cảm giữa người Việt và người Pháp, giữa những xung đột lớn lao về chánh trị, kinh tế, văn hóa giữa hai nước. Tuy theo đạo Thiên chúa nhưng phải nhận ông vẫn giữ được phong hóa Đông phương, thấm nhuần tư tưởng Không Mạnh, điểm này chúng ta xem lại bài di huấn của ông viết vào ngày 8-11-1870:

*"Người đời sanh ký tử quy, đàng đi nước bước vẫn vôi lấm. Nhưng ai cũng có phận nấy, hể nhập thế cuộc bất khả vô danh vị, cũng phải làm vai tuồng mình cho xong đã, mới chun vô phòng được. Sự sống ở đời tạm này, đồ như hoa nở một hồi sương sa; vạn sự đều chóng qua hết, tan đi như mây như khói. Nên phải liệu sức, tùy phận mà làm vai tuồng mình cho xong..."*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Và sau đây là bài thơ ông sáng tác lúc gần ngày lâm chung :

*Quanh quanh quẩn quẩn lối đường quai,  
Xô đẩy người vô giữa cuộc đời.  
Học thức gửi tên con sách nát,  
Công danh rớt cuộc cái quan tài.  
Đạo hòn, lữ kiến men chân bước,  
Bò xối, con sùng chắt lưỡi hoài !  
Cuốn sổ bình sanh công với tội,  
Tìm nơi thẩm phán để thừa khai.*

Ông mất vào ngày 1 tháng 10 năm 1898, thọ 61 tuổi. Mộ của ông hiện ở góc đường Trần Hưng Đạo và Trần Bình Trọng Sài Gòn, trong khuôn viên nhà của ông ngày xưa ở Chợ quán. Thời Pháp, tưởng nhớ công nghiệp của ông, người ta đúc tượng ông, một người nho nhã mặc quốc phục, đầu bịt khăn đóng, tay cầm quyển sách, tượng đặt trong khuôn viên trước Bộ Ngoại Giao và Dinh Độc Lập.

Tại Sài Gòn, từ thời Pháp thuộc năm 1927, một trường Trung Học lớn mang tên ông, Trường Trung học Pétrus Ký.

Tác phẩm:

1. Năm 1865: Cours pratique de langue Annamite, à l'usage du college des interpretes.
2. Năm 1867: Contes Annamite (Chuyện đời xưa)
3. " : Abrégé de Grammaire Annamite
4. Năm 1872: Grammaire Francaise (Mẹo Luật dạy tiếng Lang sa)
5. Năm 1875: Petit cours de Geographie de la Basse-Cochinchine

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

6. " : Histoire Annamite en vers (Đại Nam quốc sử diễn ca)
7. " : Cour de Langue Annamite (autographié)
8. " : Cour de Langue Mandarine ou de Caractes Chinois (autographié)
9. " : Kim Vân Kiều-Poème transcrit pour la première fois en quốc ngữ avec des notes explicatives, précédé d'un résumé succinct du sujet en prose et suivi de quelques pièces de vers relatives à la même histoire.
10. Năm 1876: Manuel des Écoles Primaires-(Syllabaire quốc ngữ, Histoire Annamite, Histoire Chinoise (en annamite))
11. " : Quatre livres classiques en caractères Chinois et en annamite (autographié)
12. " : Alphabet quốc ngữ
13. Năm 1877: Sơ học vấn tân Répertoire pour les nouveaux étudiants en caractères
14. Năm 1879: Cour d'Histoire Annamite, en 2 volumes
15. Năm 1881: Voyage au Tonkin en 1876 (Chuyến đi ra Bắc kỳ năm Ất hợi)
16. " : Retraite et Apothéose de Trương Lương.
17. " : Les convenances et les Civilités Annamites.
18. Năm 1882: Saigon d'autrefois.
19. " : Saigon d'aujourd'hui.
20. " : Passe-temps (Chuyện khôi hài)
21. " : Apologie de Trương Lương (Trương Lương hầu phú)
22. " : Événement de la vie (Kiếp phong trần, 3è édition)

## HUỶNH ÁI TÔNG

23. " : Fais ce que doit , advienne que pourra (Bất cương)
24. " : Devois des Filles et des Femmes.
25. " : La Bru (Thơ dạy làm dâu)
26. " : Défaut et Qualités des Filles et des Femmes.
27. Năm 1883: Guide de conversation Annamite Francaise (Sách tập nói tiếng An-nam Phangsa)
28. " : École domestique ou un Père et à ses Enfants.
29. " : Caprices de la Fortune (Thạnh suy bị thời phú)
30. " : Procription des Corbeaux (Bài hịch con quạ)
31. " : Un lettré pauvre (Hàn nho phong vị phú)
32. Năm 1884: Grammaire de la Langue Annamite (Sách mẹo tiếng Annam)
33. " : Tam tự kinh.
34. " : Sơ học vấn tân.
35. " : La Digne (Mắc cúm từ)
36. " : Jeux et Opium (Cờ bạc, nha phiến)
37. " : La Bucheron et la Pêcheur (Ngư tiều trường điếu)
38. " : Huấn môn ca Transcription et traduction en annamite et en francais.
39. Năm 1885: Alphabet Francais pour les Annamite.
40. Năm 1886: Conférence sur le Souvenir historique de Saigon et de ses environs.
41. " : Cours de la Langue Annamite aux Européens-Phraséologie-Thèmes versions.
42. " : Cours d'Annamite aux Élèves Européens-Explication du Lục Vân Tiên

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

43. " : Cours d'Annamite aux Élèves Annamites-Explication du Lục Vân Tiên
44. " : Prosodie et Versification Annamite-Cours d'Annamite aux Élèves Annamite.
45. Năm 1886: Dispute de Mérite entre les six Animaux domestique (Lục súc tranh công)
46. " : Maitre et Élève sur la Grammaire Francaise (Thầy trò về mẹo luật tiếng Phangsa).
47. " : Kim Vân Kiều en prose-Converti et commenté en langue vulgaire pour les Élèves Annamite.
48. " : Théâtre, Comédies, Chants, Chansons Annamite (Hát lý hò Annam) Cours aux Elèves Annamite
49. Năm 1887: Cours de caractères Chinois, 2è année-Explication du Mencius, Thèmes, Versions et explication des pièces officielles.
50. " : Vocabulaire des Mot usueles, Noms et termes Techniques, Scientifiques, et Administratifs.
51. " : Livres Élémentaire de 3.000 caractères (Tam thiên tự giải nghĩa).
52. " : Résumer de la Chronologie de l'Histoire et de la Production de l'Annam en Tableau Synoptiques (Ước lược sự tích nước Nam)
53. " : Précis de Géographie
54. " : Les six Annimeaux domestiques (Lục súc)
55. Năm 1888: Đại Nam thập nhứt tinh thành đồ.
56. " : Miscellanées ou Lectures instructives pour les Élèves des Écoles primaire, communales et cantonales et les Familles.
57. Năm 1889: Poème populaire (Lục Vân Tiên)
58. " : Poème populaire (Phan Trần)

HUỶNH ÁI TÔNG

59. " : Cours de Siamois
60. " : Cours de Langue Malaise, professé et autographié jusqu'à là 7<sup>e</sup> leçon.
61. " : Đại Nam tam thập nhứt tinh địa đồ
62. " : Quatre Livres classiques en Caractères Chinois et en Annamite-Grande Étude Invariable Milieu.
63. " : Grand Dictionnaire Annamite Française-1<sup>er</sup> feuille comme spécimen
64. Năm 1890: Cours de Cambodgien (Ecriture et langue)
65. " : Vocabulaire du Cours d'Annamite.
66. " : Vocabulaire du cours de Caractères Chinois.
67. Năm 1891: Cours de Littérature Chinoise.
68. " : Cours de Littérature Annamite.
69. " : Programme Générale d'Études des les Écoles Annamites.
70. " : Modèles des Pièces officielles et administratives en caractères.
71. " : Généalogie de la Famille de P. Trương Vĩnh Ký.
72. " : Sĩ viên thi thảo.
73. " : Recueil de Brochures sur l'histoire de la littérature annamite, relié.
74. Năm 1894: Cours d'Annamite parlé (vulgaire)
75. " : Grand Dictionnaire Français-Annamite (invachevé)
76. ( 4 ) : Grammaire de la Langue Chinoise (Mẹo chữ Nhu)
77. " : Grammaire Annamite en Annamite (Mẹo tiếng Annam)

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

78. " : Langage de la Cour en Extrême-Orient
79. " : Vocabulaire Français-Malais
80. " : Guide de la Conversation Malaise-Française
81. " : Vocabulaire Français-Cambodgien
82. " : Guide de la Conversation Cambodgienne-Française
83. " : Vocabulaire Français-Siamois
84. " : Vocabulaire Siamoise-Française
85. " : Cours de la Langue Birmane
86. " : Vocabulaire Birman-Français
87. " : Guide de la Conversation Birmane-Française
88. " : Cours de Ciampoïs
89. " : Vocabulaire Ciampoïs-Français
90. " : Guide de la Conversation Ciampoïse-Française
91. " : Cours de la Langue Laotienne
92. " : Vocabulaire Laotien-Français
93. " : Guide de la Conversation Laotienne-Française
94. " : Cours de la Langue Tamoule
95. " : Vocabulaire Tamoul-Français
96. " : Guide de la Conversation Tamoule-Française
97. " : Cours de la Langue Indoustane
98. " : Vocabulaire Indoustan-Français
99. " : Guide de la Conversation Indoustane-Française
100. " : Minh tâm-La précieux Miroir du Coeur (en 2 vol)
101. " : Cours de la Géographie de l'Indochine avec carte générales et particulières en six parties: 1. La

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cochinchine-francaise, 2. L'Annam central, 3. Le Tonkin, 4. Le Cambodge, 5. Le Siam, 6. La Birmanie.

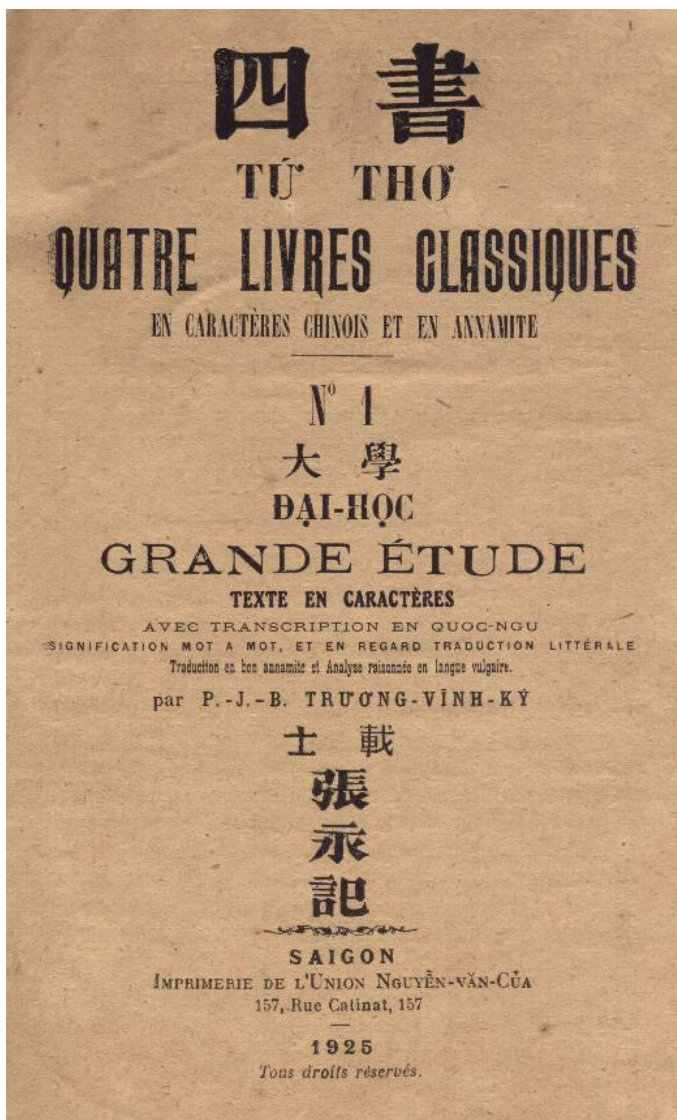
102. " : Cours d'Annamite écrit (Mandrin ou de caractères chinois)
103. " : Mencius-(Quatre Livres) No 3
104. " : Luận ngữ (Quatre Livres) No 4
105. " : Dictionnaire Chinois-Francais-Annamite.
106. " : Annam Politique et Social
107. " : Dictionnaire biographie Annamite (ou De Viris illustribus regni Annamitici)
108. " : Flore Annamite
109. " : Produits de l'Annam
110. " : Dictionnaire Géographie Annamite.
111. " : Les Droits de l'Annam dans la Vallée du Mékong (Mémoire sur)
112. " : Recueil de Chansons populaire Annamites
113. " : Recueil d'Oraisons funèbres Annamites
114. " : Recueil de pièces de théâtre Annamite
115. " : Sujets Historiques des Poèmes Annamites
116. " : Étude comparée sur les Langues, Écritures, Croyances, et Religions des Peuples de l'Indochine.
117. " : Combinaison des systèmes d'écritures idéographique, hiéroglyphique, phonétique, alphabétique
118. " : Étude comparée des Langues et des Écritures des trois branches linguistique.
119. Năm 1937: Petit Dictionnaire Francais-Annamite à l'usage des écoles et des bureaux.

Sau khi kê các tác phẩm của Trương Vĩnh Ký, chúng ta thấy



BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

khoảng thời gian 33 năm với 119 tác phẩm chúng ta được biết đến, có thể có những tác phẩm đã bị thất lạc nên không có trong danh sách này.



之	Chi chung	門	Môn cũa	子	Tử thầy	大	Đại
存	Tồn còn	也	Dã vậy	程	{ Trinh	學	Học
而	Nhi mà	於	Ư nơi	子	{ Tử		
論	Luân sách »	今	Kim nay	曰	Viết rằng		
孟	Mạnh sách »	可	Khả khả	大	Đại cả		
次	Thứ kể	見	Kiến thấy	學	Học »		
之	Chi đó	古	Cổ xưa	孔	{ Khổng		
學	Học »	人	Nhơn người	氏	thị họ		
者	Giả ấy	爲	Vi làm	之	Chi chung		
必	Tất ất	學	Học »	遺	Di di	朱	{ Châu
由	Do bởi	次	Thứ »	書	Thơ sách	熹	{ Hi
是	Thị ấy	第	Đệ bậc	而	Nhi mà	章	Chương
而	Nhi mà	者	Giả ấy	初	Sơ xưa	句	Cú
學	Học »	獨	Độc một	學	Học »		
焉	Yên vậy	賴	Lại nhờ	入	Nhập vào		
則	Tắc thì	此	Thử ấy	德	Đức »		
庶	Tử ngữ hầu	篇	Thiên »	之	Chi chung		

NGHĨA ĐEN:

## Sách Đại-học.

### CHƯƠNG CỬ CỦA ÔNG CHÂU-HI LÀM

Thầy Trình-tử rằng : Sách Đại-học chung sách để lại họ Khổng, mà kẻ mới học chung cửa vào đức vậy. Nơi nay khá thấy người xưa làm học thứ-lớp ấy, một nhờ thiên nầy chung còn, mà sách Luận sách Mạnh sau đó ; kẻ học ấy ắt bởi ấy mà học vậy, thời ngộ vậy

NGHĨA TRẮNG:

## Sách Đại-học.

### CHƯƠNG CỬ CỦA ÔNG CHÂU-HI PHÂN RA

Thầy Trình-tử nói rằng : Sách Đại học là sách của ông Khổng tử để truyền lại ; sách ấy là như cái cửa để mà vào đường đức cho kẻ mới học vậy. Đời nay coi đó mà coi thì thấy người đời xưa nguyên nhờ cái thiên nầy còn lại mà làm thứ-lớp mà học. Mà sách Luận-ngữ sách Mạnh-tử lấy đó làm trước mà kẻ theo sau ; kẻ học cứ theo đó mà học.

LÝ :

Sách Đại-học là sách nguyên làm cho kẻ lớn học, nên kêu là đại-học. Nhờ thầy Trình-tử cứ kinh-văn mà sắp lại có thứ tự vì trước lộn thế đi. Vậy thầy Trình-tử nói rao rằng :

Sách Đại-học nầy nguyên là của ông Khổng tử làm ra, mà để lại. Sách nầy nó làm như cái cửa cho kẻ mới học được vô đường đức vậy. Nay xét lại mà coi ; người đời xưa muốn làm ra thứ-lớp mà học thì thật nhờ có cái sách nầy còn lại mà làm trước. rồi sách Luận-ngữ, sách Mạnh-tử mới kẻ theo sau. Cho nên kẻ học thì lấy đó làm đầu kéo lộn thứ.

Trích văn:

### Gương Từ Thức truyện

Năm Quang-thái đời Trần, ở trong xứ Hóa-châu (Huế, ngũ quang) có tên Từ-Thức vốn dòng trâm anh. Cha người xưa dự bực công khanh, nhờ ơn vua nên mạng tù thân, làm quang Tế-huyện coi hạt Tiên-du. Gần miền có một chùa tên là Lam-tích, góp thâu cánh bầu thiên, mẫu-đơn một đóa sen mấy nhành, tiếng đồn khắp hết gần xa, trẻ già náo-nức yên anh dập diêu.

Từ-Thức cũng ra đi coi cho biết, tới nơi hoa mẫu-đơn, bỗng đâu xảy gặp một người xinh tốt lịch-sự quá chừng quá đỗi, trên trời cũng ít có, dưới đời thì hãn không. Thấy nàng (Giáng-hương) bị kẻ giữ hoa bắt cầm, thì thương mới đòi trẻ tùy-nhi mà biểu nó đi hỏi vì có làm sao làm vậy? Người ta nói nàng coi hoa nên bị bắt. Từ-Thức rằng trọng vọng gì thứ ấy, mà khách tiên phải tay phạm nhùm-nha như vậy. Bèn bước tới cởi áo gấm ra cho thẳng canh, mà xin tha cho nàng đi.

Nàng tiên cảm ơn Từ-Thức hết lòng. Rồi từ tạ trở về cõi tiên. Chàng Từ-Thức từ ấy những thương những nhớ luôn luôn, nên buồn đi chơi mãi, những say cảnh vật thú vui. Sau treo ấn-tín từ chức quòn đi. Sắm thuyền tó thầy đi lưu-linh dạo cảnh chơi, đặng hang nào ghé hang nấy coi; khỏi Xích-bích tới Viên-đào, trải qua non nước khắp nơi. Ngày kia trông ra cửa Thần-phù, (6) ngoài xa biển, ở bắc quắc chạy qua nam phương, mới nói với nàng Giáng-hương mà xin về thăm quê đặng có phú trối việc nhà cho an rồi hãy trở lại non tiên mà ở mãi kiếp cùng nhau. Nàng Giáng-hương mới năn nỉ cầm ở lại, mà chàng Từ-Thức rằng-rằng quyết một xin về. Dem nhau vào chùa chúa Tiên coi thử người phán dạy lẽ nào. Chúa tiên phán rằng chàng còn lòng tục chưa dời, còn nhớ tưởng sự đời bấy lâu thì thôi, về thì cho về, cho xe tiên đưa về. Giáng-hương mới trao một bức thơ phong làm của đưa chàng.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Chàng Từ-Thức cầm thơ từ tạ ra về. Tới nơi thì đã vật đổi sao dời khác xưa. Tìm nhà nhà chẳng còn; tìm người, người những mặt lạ cả; không thấy lấy một người quen, hỏi ông bà già cả, thì nói không biết, nói tên nói họ ra cũng không ai biết; các ông già nói: từ thuở nhỏ có nghe nói tên ấy họ ấy mà biết đã mấy đời rồi bây-giờ còn ở đâu mà tìm?

Từ-thức ngơ ngáo không biết làm sao, muốn trở lại non tiên cùng nàng Giáng-hương, hay đâu sự dở-dang ra rồi; xe mây đưa mình nó đã đi mất đi. Một mình bơ vơ ngao ngán, mới mở thơ ra mà coi, thì biết đã đành cách-biệt, không còn lẽ trở lại nữa được. Thờ than than thở ra đi, chun vào ở núi Huỳnh-son, ở ăn đó làm sao thì biệt tích không rõ đặng.

(Miscellanées No 8 Decembre 1888, trang 15-16)

### **ĐỐI ĐƯỢC VỢ**

Anh học trò khó lịch-sự bảnh bao người, đi khuyên giáo, tới nhà cái nhà kia giàu có. Trong nhà thợ đương làm âm âm ạc ạc, cũng có tiếng thầy lang ( thầy thuốc) với thầy pháp tới đó nữa.

Con gái nhà ấy đã đúng tuổi chưa có chồng, thấy vậy thì thương, ra nói rằng: “Thôi đừng có đi khuyên giáo làm chi mà xấu hổ đạo học trò, để tôi ra cho một câu đối, ai đáp được trúng ý tôi thì tôi sẽ lấy người ấy làm chồng.”

Ai này nghe ham chộp rộp. Xin ra câu đối đi. Cô ấy ra rằng:

"Đế Nghiêu, đế Thuán, đế Võ; Võ, Nghiêu, Thuán, tam đế truyền hiền".

HUỶNH ÁI TÔNG

Chú thợ mộc hớp tớp đổi lại rằng:

"Bào rà, bào tách, bào xoi; xoi, rà, tách, ba bào phạt mộc".

Thầy pháp cũng nóng đổi rằng:

"Lôi thiên, lôi tướng, lôi bông; bông, thiên, tướng, tam thiêng trừ qui".

Thầy chùa xen vào đổi rằng:

"Bò đê, bò Tát, bò lương; lương, Đê, Tát, tam bò cứu khổ".

Thầy lang lại đổi rằng:

"Huỳnh cầm, huỳnh bá, huỳnh liên; liên, cầm, bá, tam huỳnh giải nhiệt".

Anh học trò lịch ịch ở sau, đổi rằng:

"Vương Văn, Vương Khải, Vương Thang; Thang, Văn, Khải, tam vương kế thánh".

Đổi trúng ý, trúng đề, cô ấy chấm được.

May cha chả là may; sẵn nhà, sẵn cửa, sẵn cơm, sẵn gạo; nhảy phóc vô đó một cái, sướng đã nên sướng !

(Chuyện khôi hài - Passe-temps - bài số 9)



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI



Cổng vào nhà mộ Petrus Trương Vĩnh Ký  
320 đường Trần Hưng Đạo, Quận 5, Sài Gòn

Trương Vĩnh Ký thiết tha với nền văn học Quốc ngữ, đọc Ý sách *Chuyện Đời Xưa* để thấy rõ hoài bão của ông:

*Kêu rằng chuyện đời xưa, vì nó là những chuyện kể lớn trước ta bày ra để mà khen sự tốt, chê sự xấu cho người ta sửa cách ăn, nét ở cho tử tế.*

*Ta cũng có thêm một hai chuyện thiết tích mà có ý vị vui, dễ tức cười, cũng để cho người ta thấy khen mà bắt chước, thấy chê mà lánh.*

*Góp nhóm trộn trạo chuyện nọ chuyện kia, in ra để cho con nít tập đọc chữ quốc ngữ, cũng là có ý cho người ngoại quốc muốn học tiếng An Nam, coi mà tập hiểu cho quen.*

*Nay ta in sách này lại nữa: vì đã hết đi, cũng vì người ta dùng sách này mà học tiếng, thì lấy làm có ích. Vì trong sách ấy cách nói là chính tiếng An Nam ròn, có nhiều tiếng nhiều câu thường dùng lắm.*

*P.J.B. Trương Vĩnh Ký*

## HUỶNH ÁI TÔNG



Petrus Trương Vĩnh Ký (đứng quay lưng lại) đang giảng bài về ngôn ngữ học với học trò Pháp và Việt (Hình chụp của John Thomson, năm 1868)

*Văn nghiệp của nhà thông thái Trương Vĩnh Ký để lại đồ sộ, phong phú, đa dạng, gồm nhiều địa hạt như: Triết học, Văn học, Sử học, Địa lý... Riêng về ngành ngôn ngữ học, ông đã viết nhiều sách dạy tiếng Á Châu như: Trung Hoa, Lào, Kampuchea, Thái Lan, Miến Điện, Mã lai, Ấn Độ chứng tỏ ông là nhà thông thái hiếm có, danh tiếng của ông chẳng những chỉ có ở trong nước mà còn có ở nước ngoài thời bấy giờ.*

*Cho nên về văn học chữ quốc ngữ, Petrus Trương Vĩnh Ký thật xứng danh là một nhà thông thái, nhà văn quốc ngữ tiên phong có nhiều tâm huyết với nền văn chương, học thuật nước nhà.*

Tài liệu tham khảo:

- Trương Vĩnh Ký Web: [ahvinhnghiem.org](http://ahvinhnghiem.org)
- *Giương Tờ Thức truyện*, Petrus Ký Miscellannée, số 8, 1888.



## 2. Huỳnh Tịnh Của



### **Paulus Của - Huỳnh Tịnh Của (1834-1907)**

Huỳnh Tịnh Của cũng gọi là Paulus Của hiệu Tịnh Trai, sinh năm 1834, tại làng Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa, nay là huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Gia đình Huỳnh Tịnh Của theo đạo Thiên chúa giáo, nên lúc nhỏ được nhà truyền giáo đưa đi du học tại một trường đạo ở Penang, Malaysia, nên ông sớm tiếp thu văn hóa Tây Phương, ông tinh thông cả tiếng Hán và tiếng Pháp.

Năm 1861, Huỳnh Tịnh Của được bổ nhiệm Đốc phủ sứ, làm việc tại ty phiên dịch văn án ở Soái phủ Nam Kỳ, rồi tại dinh Thượng Thơ tại Sài Gòn. Ngoài công việc của một viên chức chính phủ, ông còn lưu tâm giành nhiều thời gian nghiên cứu chữ quốc ngữ. Ông cộng tác từ đầu và nhiều năm về sau với *Gia Định báo*, cũng như *Thông Loại Khóa Trình* của Trương Vĩnh Ký.

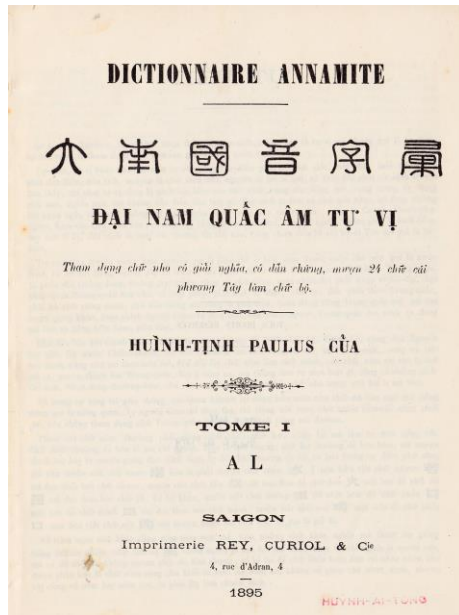
Mặc dù tinh thông cả Pháp văn lẫn Hán văn, tuyệt đại đa số các tác phẩm của ông được viết bằng chữ quốc ngữ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngoài việc thường xuyên dịch các văn kiện từ Pháp văn ra quốc ngữ, để in trên Gia Định báo, Huỳnh Tịnh Của còn soạn bộ *Đại Nam Quốc âm Tự vị*, gồm 2 quyển do Imprimerie Rey, Curiol & C<sup>ie</sup> in năm 1895, 1896.

Về các hoạt động trên của Huỳnh Tịnh Của, tưởng nên trích bài *Chữ quốc ngữ*, ông Nguyễn Kỳ Sắt viết trên báo *Nữ Giới Chung*, số 1 ra ngày 28 Mars 1930, nh ư sau: "*Nghe tiếng Huỳnh Tịnh Trai (ông đốc phủ Của) chớ chưa biết tài ngài. Năm 1889 thượng thư đổi lại là Direction du Servive local, tôi vào làm việc tại phòng thông ngôn, từng quyển ngài phụ dịch tờ Gia Định báo với ngài...Một tay tôi với Huỳnh Mai Liễu, cháu ruột ngài làm thông phán, làm gần hết cuốn tự vị quốc ngữ đó*" (Nguyễn Văn Trung - *Lục Châu học*).

Ông mất năm 1907, thọ 73 tuổi, an táng tại Bà Rịa.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tác phẩm:

- *Chuyện giải buồn* (2 tập, 112 truyện, 1880 và 1885)
- *Maximes et proverbes* (Châm ngôn, tục ngữ, sưu tầm, 1882)
- *Gia lễ* (sưu khảo, 1886)
- *Bác học sơ giai* (1887)
- *Quan chế* (sưu khảo, 1888)
- *Đại Nam quốc âm tự vị* (tự điển, 2 quyển, 1895 và 1896)
- *Tục ngữ, cổ ngữ, gia ngôn* (sưu tầm, 1897)
- *Quan âm điển ca* (điển ca, 1903)
- *Câu hát góp* (sưu tầm, 1904)
- *Trần Sanh điển ca* (điển ca, 1905)
- *Chiêu Quân công Hồ truyện* (truyện, 1906)
- *Bạch Viên Tôn Các truyện* (truyện, 1906)
- *Văn Doanh điển ca* (điển ca, 1906)
- *Thoại Khanh, Châu Tuấn truyện* (truyện, 1906)
- *Thơ mẹ dạy con* (thơ, 1907)
- *Tống Tử Vưu truyện* (truyện, 1907)
- *Ca trừ thể cách* (biên khảo, 1907)

Trích văn:

### Chuyện ký viên

Ông Ký-viên, thuở còn đi học, dạo ra ngoài đồng, thấy có ba ông già chùng bầy, tám mươi tuổi, tóc râu trắng bạc, lum khum cuộc đất, công việc làm như kẻ còn trai. Ông Ký-viên hỏi: - Ba ông tuổi tác chùng ấy, tiếp dưỡng thế nào, mà sức lực còn mạnh thế ấy? Một ông trả lời rằng: Thất nội cơ thô xú (nghĩa là trong nhà vợ thô kém); một ông đáp rằng: Văn phạm giảm sỗ khẩu (nghĩa là: cơm chiều bớt và miếng); ông thứ ba đối lại rằng: Dạ ngoại bất phúc thủ (nghĩa là: Đêm nằm chẳng úp đầu). Ông Ký-

## HUỶNH ÁI TÔNG

viên bèn nói ba câu ấy mà rằng : Chỉ tại tam tẩu ngôn, Sở dĩ thọ trường cửu (nghĩa là: ý chỉ thay lời ba ông, chỗ do sống lâu xa)

Chính là lời dạy người ta muốn hưởng tuổi xa, thì phải tiết âm thực, viên sắc dục, vẫn hợp với lời Tiên Kiên ca rằng: Thượng sĩ dị phòng, Trung sĩ dị bị, phục dược bách lã, bất như độc ngọa; (nghĩa là: kẻ thượng sĩ riêng phòng, kẻ trung sĩ riêng mền; uống thuốc trăm viên, chẳng bằng nằm riêng)

*Đính vận cả hai bài ca:*

*Thất nội cơ thô xú*

*Vãn phạm giảm số khẩu*

*Dạ ngọa bất phúc thủ*

*Chỉ tại tam tẩu ngôn!*

*Sở dĩ thọ trường cửu.*

(Trích Miscellanées)

*Huỳnh Tịnh Của là một nhà văn hóa và ngôn ngữ học, đã đóng góp xuất sắc trong việc nghiên cứu, phát triển, điển chế và truyền bá chữ quốc ngữ trong giai đoạn đầu trên vùng đất Nam Kỳ.*

Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Tịnh Của Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Chuyện Ký Viên* Web: [ahvinhnghiem.org](http://ahvinhnghiem.org)

### 3. Trương Minh Ký



#### **Thế Tài - Trương Minh Ký (1855-1900)**

Trương Minh Ký nguyên tên là Trương Minh Ngôn (張明言), sinh nhằm giờ Thìn ngày 13 tháng Chín năm Ất Mão dưới thời Tự Đức nhằm ngày 23 tháng 10 năm 1855, tại làng Hạnh Thông, thuộc Bình Trị Hạ, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, nay thuộc quận Gò Vấp, Tp. HCM. Song thân ông là ông Trương Minh Cẩn và bà Phạm Thị Nguyệt.

Thân mẫu mất sớm khi ông mới lên 7 tuổi, nhưng bù lại ông được cha chăm lo giáo dục chu đáo. Từ nhỏ, ông được cha gửi đi học chữ Nho tại trường đạo của Trương Vĩnh Ký. Sau khi học xong Ngũ kinh ông chuyển sang học tiếng Pháp. Do có năng khiếu cùng với sự chuyên cần, ông sớm trở thành một trong những học trò giỏi nhất của trường nên rất được thầy Sĩ Tài quý mến. Và do cảm mến tài đức của thầy nên ông đã thêm chữ Ký (己) vào sau tên *Ngôn* (言), đổi tên thành Trương Minh Ký (張明記). Ông còn có biệt hiệu là Mai Nham.

Năm 19 tuổi, ông lấy bằng Tài năng thượng hạng (*Brevet supérieur des instituteurs*) tại Trường Khải Tường (sau được gọi là Trường Chasseloup Laubat). Sau khi tốt nghiệp, do thông Hán văn và giỏi Pháp văn, ông được thầy giữ lại để dạy

## HUỶNH ÁI TÔNG

chữ Nho và chữ Tây cho học sinh lớp sau. Ông cũng được Trương Vĩnh Ký giới thiệu làm thông ngôn cho các quan chức thuộc địa Pháp, đồng thời làm giáo viên của Trường Thông ngôn (*Collège des interprètes*), Trường Sĩ Hoạn (*Collège des administrateurs stagiaires*).

Năm 1879, "*Trương Minh Ký nguyên làm thầy giáo giúp hạng ba, lên hạng nhì, đồng niên năm 1400 quan tiền*". Với vốn kiến thức rộng, tinh thông nhiều ngôn ngữ, đầu năm 1880, ông được Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Villers giao nhiệm vụ đưa 10 học sinh Trường Bồn quốc, trong đó có Nguyễn Trọng Quản, Diệp Văn Cương sang du học bậc Cao đẳng ở Alger.

Bên cạnh việc dạy học, ông còn cộng tác với Trương Vĩnh Ký trên tờ *Gia Định báo*, *Thông Loại Khóa Trình* cũng như viết sách dạy Pháp văn. Ông có cách hành văn rất bình dân, mộc mạc như Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của, chuyên dịch chữ Hán ra quốc ngữ và sử dụng văn vần nhiều hơn văn xuôi.

Năm 1889, ông được cử làm thông ngôn cho phái đoàn triều đình Huế đi sứ sang Pháp tham dự Hội Đấu xảo tại Paris. Trong chuyến đi này, nhà nước Pháp phong thưởng cho ông tước Hàn lâm viện cùng một số tiền lớn., ngày 3 tháng 7 năm 1889, ông được Huỳnh Quốc công Miên Triệu đặt cho biệt hiệu Thế Tải (世載). Khi về nước, ông được triều đình Thành Thái ân thưởng Kim khánh trung hạng cùng với cặp ống sa màu lục và màu hồng.

Sau khi về nước, ông vẫn tiếp tục công việc viết báo, sáng tác và làm thông sự ở ty Phiên dịch Nam Kỳ từ năm 1890 cho đến ngày tạ thế.

Ông được trao tặng:

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- Huy chương Hàn Lâm Viện Pháp quốc (Officier d'académie)
- Kim Khánh bội tinh của Nam triều và Hoàng gia Campuchia.

Ông ngã bệnh và mất đột ngột ngày 17 tháng Bảy năm Canh Tý (tức ngày 11 tháng 8 năm 1900, khi mới 45 tuổi. Mộ ông và mộ vợ ông được an táng ở phía sau Trương Gia Từ, nhà thờ gia tộc họ Trương, ngày nay nằm trong khuôn viên của nhà dân tại số 163/25 E, đường Nguyễn Văn Nghi, phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm:

- *Fables de la Fontaine. Truyện Phansa diễn ra quốc ngữ* (Guilland et Martinon, 1884 - 12 trang)
- *Riche et Pauvre. Phú bần truyện diễn ca* (Guilland et Martinon, 1885 - 24 p.)
- *Fables de la Fontaine traduites en annamite pour la première fois. Truyện Phansa diễn ra quốc ngữ* (Rey et Curiol, 1886 - 80 p.)
- *Leçon de langue annamite. Cours autographié au collègue des Interprètes* (et MM. Chéon, 1886)
- *Les aventures de Télémaque de Fénelon, suivie du Châu tử gia huấn* (Rey et Curiol, 1887 - 24 p.)
- *Joseph, tragédie tirée de l'histoire sainte. Tuồng Joseph* (Rey et Curiol, 1888 - 16 p.)
- *De Saigon à Paris. Như tây nhật trình* (Rey et Curiol, 1889 - 64 p)
- *Exposition universelle de 1889. Chư quốc thại hội có hình* (Rey, Curiol & Cie, 1891 - 72 p.)
- *Méthode pour apprendre le français et l'annamite, 1er partie. Tập dạy học tiếng Phansa và tiếng Annam* (Rey, Curiol & Cie, 1892 - 32 p.)
- *Cours gradué de langue chinoise écrite. Ấu học khai*

## HUỶNH ÁI TÔNG

- mông* (Rey, Curiol & Cie, 1892 - 32 p.)
- *Cours gradué de langue chinoise écrite. 2e partie. Ấu học khái mông* (Rey, Curiol & Cie, 1893 - 19 p.)
  - *Cours gradué de langue française en 100 leçons. Pháp học tân lương* (Claude et Cie, 1893 - 312 p.)
  - *Cours gradué de langue française à l'usage des annamites* (1895)
  - *Préceptes de morale chinoise. Trị gia cách ngôn khuyến hiếu ca* (Rey, Curiol & Cie, 1895 - 15 p.)
  - *Syllabaire quốc-ngữ. Văn quốc-ngữ có hình.*
  - *Premières lectures enfantines. Quốc-ngữ sơ giai* (Rey et Curiol, 1895 - 8 p.)
  - *Trésor poétique chinois. Ca từ điển nghĩa* (Rey, Curiol & Cie, 1896 - 16 p.)
  - *Pétite étude chinoise écrite. Tiểu học gia ngôn* (Rey, Curiol & Cie, 1896 - 32 p.)
  - *Morceaux choisis de littérature chinoise. Quatrième partie du Cours gradué de langue chinoise écrite. Cổ văn chơn bữu* (Rey, Curiol & Cie, 1896 - 32 p.)
  - *Tragédie de Bá-áp-khảo. Tuồng phong thần Bá-áp-khảo* (Rey, Curiol & Cie, 1896 - 24 p.)
  - *Tragédie de Kim-vân-Kiều. Tuồng Kim-Vân-Kiều, ba thứ* (Rey, Curiol & Cie, 1896-1897 - 3 actes 72 p.)
  - *Entretiens sur la Piété filiale. Hiếu kinh điển nghĩa, ba thứ tiếng.*
  - *Traité de versification annamite. Thi pháp nhập môn* (Rey, 1898 - 32 p.)
  - *Cours pratique et gradué de langue chinoise écrite. Hán học tân lương* (Rey, 1899 - 32 p.)
  - *Introduction à l'étude chinoise. Course gradué de langue chinoise écrite. 3e partie du maître. Tiểu học gia ngôn điển nghĩa* (Rey, 1899 - 65 p.)

Trích văn:



**Gà đẻ trứng vàng**

Tham thì thâm. Tôi muốn dẫn chứng lời này là thuật chuyện con gà thường bừa để ra một trứng vàng, chủ gà tưởng trong mình con gà có một cái kho vàng. Nó đem làm thịt đi, mổ ra coi thấy cũng giống như gà thường vậy. Ấy bởi bản thân làm cho mình phải mất của quý trọng của mình.

(*Gia Định báo số 18, ngày 6-5-1882*)

**Chức cảm hồi văn**

*Chàng vâng hoàng chiếu thú an biên,  
Đưa tới Hà kiều rẽ thảm riêng,  
Ngậm thở ngùi than ngừng giọt lụy,  
Ân tình xa cách chớ hề quên.*

\*

*Đi ra tin đứt có dè sao!  
Màn trướng đầu xuân ảm đặng nào !  
Dưới bụi quỳnh diêu rêu biếc láng,  
San hô trong trướng bụi hồng bao.*

\*

*Nỗi lìa thuở ấy bắt kinh hoàng,  
Đem giữ lòng đau gập lại chàng;  
Lòng ước làm trăng ngoài biển cả,  
Hoặc làm mây nước chổi cao san.*

\*

*Mây móc hàng năm thấy mặt chồng,  
Hàng năm trăng biển gội soi cùng,  
Bay đi bay lại cho gần được,  
Muôn dặm thấy nhau kéo đợi trông.*

HUỶNH ÁI TÔNG

\*

*Đường sá voi voi cách trở thay !  
Hòn chàng ngoài ải ở lâu ngày;  
Thuở đi đưa đó lau vàng lá,  
Ai ngỡ hoa mai nở bấy chầy.*

\*

*Trăm hoa rộn rục sớm chào xuân,  
Ai đó mà xuân giục kẻ than,  
Đầy đất dương sà vì đó vén,  
Bông rời không kẻ quét đầy đàng.*

\*

*Thiệt thơm xuân sớm lối ngoài vườn,  
Ôm lấy tàn tranh tới hoa đường.  
Ngâm khúc Giang nam vì đó kháy,  
Tình sâu xin gửi thâu lòng chàng.*

\*

*Bắc phương hiểm trở vượt non sông,  
Muôn dặm non từ dứt nẻo thông,  
Tráp bạc gói đầu dầm áo lụy,  
Chữ vàng xiêm giẻ thấy xười bông.*

\*

*Ba xuân hồng nhận tiếng qua sông,  
Ấy đó người lia đứt ruột trông,  
Chưa đứt dây đờn lòng đã đứt,  
Đã xong mối thắm, khúc chưa xong.*

\*

*Chàng nay nhớ thiếp nặng bằng non,  
Thiếp cũng nhớ chàng mỗi phút luôn,  
Một bốn dật đem dâng cúng chúa,*

*Cầu tha chồng thiếp sớm về cùng.*

Trương Minh Ký

**Con quạ với con chồn (\*)**

*Quạ kia đang đậu trên cây,  
Mỏ tha bánh sữa hơi này bay xa.  
Đánh mùi chồn đến đi (1) ra:  
"Xem qua hình cụ (2), thì là quá xinh!  
Lông đà tốt cả và mình (3),  
Giọng kia được tốt thiệt tình vô song."  
Quạ nghe chẳng xiết vui lòng,  
Muốn khoe tiếng tốt quên phòng (4) miếng ăn.  
Chồn ăn đặng của cười rân (5):  
"Cụ ôi! Nghe lấy lời răn sửa mình:  
Kẻ dua người nịnh đừng tin,  
Đã ăn của cải lại khinh đại khờ.  
Lời đây bánh đầy cũng vừa (5),  
Thôi đà biết lỗi dốc chừa (6) thì thôi."  
Ăn năn thì sự đã rồi,  
Mới thè chẳng để gạt đôi ba lần.*

(\*) Truyện Phang Sa diễn ra quốc ngữ, do giáo sư Nguyễn Văn Sâm chú thích.

(1) Đi: Nói nhỏ. Đi ra, đi rằng, đều có nghĩa là nói. Ngày nay thường dùng ri (hơi, lời...), cách nói đi bị cho là sai, quê mùa!

(2) Hình cụ: Hình (dáng của) ông. Chồn phỉnh quạ nên tôn xưng và khen điều không thiệt.

(3) Tốt cả và mình: Đẹp khắp cả mình mẩy.

(4) Đề phòng.

(5) Cười rân: cười lớn, cười vang. Rân: om sòm, rần rộ.

(6) Lời đây bánh đầy cũng vừa, chồn coi như mướn chồn dạy quạ khôn trả tiền bằng miếng bánh. Nếu biết học khôn thì

## HUỶNH ÁI TÔNG

miếng bánh cũng không mắc, chỉ khổ là bài học học hoài không thuộc.

(7) Đốc chùa: đốc lòng bỏ không làm điều xấu nào. Thí dụ đốc chùa cò bạc, rượu chè...

- 0 -

Trong bài viết *Trương Minh Ký* của Thạc sĩ Tú Nhi đã kết luận bài viết như sau:

*“Trần Hải Yến nhận định: “Với những tư liệu văn học sử hiện có, Trương Minh Ký được coi là người đi tiên phong cả trong dịch văn học Hán-Việt lẫn văn học Pháp-Việt--một công việc vừa có ý nghĩa khai mông: góp phần đưa vào đời sống văn hóa nước nhà những giá trị mới tích cực, lại vừa là sự thể nghiệm và rèn luyện khả năng biểu đạt ngôn ngữ viết dân tộc vừa mới hình thành.” Chẳng những thế, Trương Minh Ký còn là người đi đầu trong công tác sáng tác văn học bằng chữ quốc ngữ. Nhờ những con người như Trương Minh Ký mà thứ chữ Việt được La Tinh hóa dần được phổ biến trong đông đảo công chúng văn học và hướng đến hoàn thiện về nhiều mặt (từ vựng, cú pháp, khả năng diễn đạt, chuyển tải hiện thực cuộc sống...). Với số lượng tác phẩm đáng kể và những đóng góp lớn lao, Trương Minh Ký xứng đáng là một nhà văn hóa lớn, một tác gia lớn của nền văn học Nam Kỳ những năm 1862-1913.”*

Tài liệu tham khảo:

- Trương Minh Ký Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Gà đẻ trứng vàng Web: [ahvinhngkiem.org](http://ahvinhngkiem.org)

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI



*Tiết 2: Tiểu thuyết gia quốc ngữ đầu tiên.*

Trương Vĩnh Ký là người viết *Chuyện đời xưa* bằng chữ quốc ngữ đầu tiên, Nguyễn Trọng Quản là người dùng chữ quốc ngữ viết tiểu thuyết đầu tiên trong nền văn chương quốc ngữ ở Nam

HUỶNH ÁI TÔNG

Kỳ. Do đó, ông cũng là người sử dụng chữ quốc ngữ, để viết tiểu thuyết đầu tiên ở Việt Nam năm 1886, vì không thấy ông cộng tác với báo nào cả, nên chúng tôi đề cập ông trong tiết mục này.



TRUYỆN

THẦY LAZARO PHIÊN

CỦA

P. J. - B. NGUYỄN TRỌNG QUẢN

LÀM RA

SAIGON

J. LINAGE, LIBRAIRE-ÉDITEUR  
RUE CATINAT

1887

## 1. Nguyễn Trọng Quản



**Nguyễn Trọng Quản (1865-1911)**

Nhà văn Nguyễn Trọng Quản sinh năm 1865 tại Bà Rịa, gia đình ông theo đạo Thiên chúa giáo, nên ông có tên thánh rửa tội là Jean-Baptiste và tên thánh thêm sức là Pétrus, do đó viết cho đầy đủ là Pétrus Jean-Baptiste Nguyễn Trọng Quản hay viết tắt P.J.B. Nguyễn Trọng Quản, thời niên thiếu ông học ở trường Khải Tường, sau đổi tên là Trường Chasseloup-Laubat, nay là Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, Quận 3, Sài Gòn.

Năm 1880, Nguyễn Trọng Quản cùng với Diệp Văn Cương là 2 trong số 10 học sinh Việt Nam, được Trương Minh Ký theo lệnh của Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Villers, đưa sang du học tại trường Trung học phổ thông Alger (Lycée d'Alger) thuộc nước Algérie, thuộc địa của Pháp từ trước năm 1960.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sau khi tốt nghiệp về nước, Nguyễn Trọng Quản dạy học rồi làm Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Adran (Collège d' Adran) tại Sài Gòn từ năm 1890 đến năm 1902.

Là môn sinh, ông được kết hôn với Trương Thị Tự là con gái của học giả Trương Vĩnh Ký.

Năm 1886, sống tại Khánh Hội, Nguyễn Trọng Quản sáng tác quyển *Truyện Thầy Lazaro Phiền*, gồm có 10 đoạn, sách dày 32 trang, thuật lại câu chuyện của một người ở Bà Rịa, từ nhỏ đi học ở Sài Gòn rồi lập gia đình, đi làm thông ngôn, làm mưu kế của một người đàn bà, ông ta hại bạn chết và đầu độc vợ mình chết, sau đó, ông ta hối hận vì giết bạn cùng vợ nên thôi việc về nhà thờ Tân Định tu trong 10 năm, nhưng cứ bị ám ảnh bởi tội lỗi của mình nên sanh bệnh rồi trở về nhà thờ họ đạo Bà Rịa chết, tác giả cũng là người Bà Rịa, nhân chuyến tàu Jean Depuis đi từ bến Nhà Rồng Sài Gòn ra Bà Rịa, được nghe câu chuyện do bạn đồng hành, Thầy tu Lazaro Phiền thuật lại, nên ghi chép thành truyện.

Năm 1887, *Truyện Thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản do nhà in J. Linage trên đường Catinat, sau là Tự Do, nay là Đồng Khởi ấn hành, sách gồm 32 trang khổ 12X19 cm, nội dung có 28 trang, phần còn lại là tựa sách, Tựa, lời ghi tặng Diệp Văn Cương và các bạn cùng học ở Lycée d'Alger và tựa sách khác đang in. Năm 1910, sách này được nhà xuất bản Joseph Viêt tái bản lần thứ ba.

Ngoài việc dạy học, sáng tác, Nguyễn Trọng Quản còn là họa sĩ, vẽ hình minh họa cho tác phẩm *Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian truân* của Trương Duy Toàn do F.H. Schneider, Sài Gòn, xuất bản năm 1910.

Nguyễn Trọng Quản mất năm 1911, tại Sài Gòn, hưởng thọ 46 tuổi.



Tác phẩm:

- *Truyện Thầy Lazaro Phiền* (tiểu thuyết, J. Linage, 1887)
- *Truyện bốn anh tài Chà - và cùng truyện tâm phào chẳng nên đợc.*
- *Kim vọng phu truyện.*
- *Notice sur les fonderies de cuivre à Chợ Quán.*

Trích văn:

### **Truyện Thầy Lazaro Phiền**

*À Diệp Văn Cương*

*À mes amis et à mes anciens camarades Annamites du Lycée d'Alger.*

*Vous rappelez-vous encore, chers amis, ces charmantes soirées de vacances, où libres pour une heures, nous nous promenions dans les allées, à demi éclairées par la lune, du jardin Marengo?*

*Vous rappelez-vous encore, que dans ces mêmes allées, la cigarette prohibée aux lèvres, nous allions rêvant tout haut pour nôtre chère Cochinchine, un avenir brillant de lumière de progrès et de civilisation?*

*Eh bien! Chers amis! Puisse le modeste ouvrage que je vous dédie, être un commencement de la réalisation de ces rêves d'autrefois.*

*Mais, si contre mon espérance, il n'atteint pas ce but, acceptez-le toujours en témoignage de la vive amitié de votre ancien compagnon de l'exil volontaire.*

P.J-B. Nguyễn Trọng Quán

## HUỶNH ÁI TÔNG

### Tựa

*“Cao hơn tất hữu cao hơn trị: học chỉ như ngu thí vị hiền”*

*Ấy là lời đúng hiền hơn ta đã nói thuở xưa; có lời khác rằng:*

*“Dẫu học thế nào thì tôi cũng biết có một điều này mà thôi: là tôi chẳng biết gì hết” Ấy là tiếng một đứng trong bầy đứng khôn ngoan nước Greco đã xưng ra đời trước.*

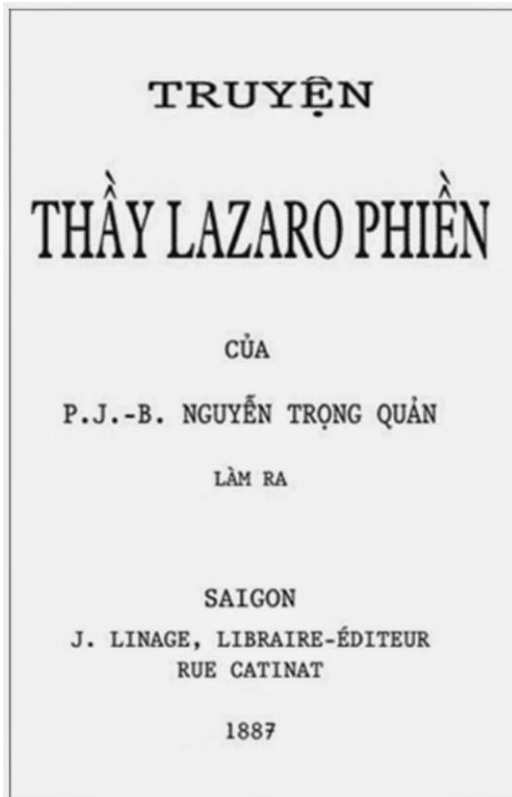
*Bởi vậy, lấy đó làm gốc, cùng xem lại tài trí tôi là như tro bụi, khi sánh với nhiều kẻ đời ta, thì tôi chẳng có ý làm sách này cho đặng khoe tài hay khoe trí; tôi có một ý dụng lấy tiếng thường mọi người hằng nói mà làm ra một truyện hầu cho kẻ sau coi mà bày đặt cùng in ra ít nhiều truyện hay; trước là làm cho con trẻ ham vui mà tập đọc, sau là làm cho các dân các xứ biết rằng: người Annam sánh trí sánh tài thì cũng chẳng thua ai!*

*Đã biết rằng: xưa nay dân ta chẳng thiếu chi thơ, văn, phú, truyện nói về những đứng anh hùng hào kiệt, những tay tài cao trí cả đời đá; mà những đứng ấy thuộc về đời xưa chớ đời này chẳng còn nữa. Bởi đó tôi mới dám bày đặt một truyện đời này là sự thường có trước mắt ta luôn, như vậy thì sẽ có nhiều người sẽ lấy lòng vui mà đọc; kẻ thì cho quen mặt chữ, người thì cho đặng giải phiền một giây.*

*Vậy nếu truyện tôi in ra đây, làm cho đẹp lòng mọi người đặng, thì tôi lấy làm có phước lắm, mà ai có thấy sự gì chẳng đẹp ý ai, thì tôi xin cho tôi biết mà thú tội cùng sửa mình lại, thì tôi sẽ cảm ơn vô cùng.*

Khánh Hội, le 1er décembre 1886

P.J.-B. Nguyễn Trọng Quản



Ai xuống Bà-ri-a, mà có đi ngang qua đất thánh ở trong Cát tại làng Phước-lễ, thì tôi xin bước vô đất thánh ấy, kiếm cái mồ có cây thánh giá bằng ván, sơn nửa đen nửa trắng, gắn một bên nhà thờ những kẻ Từ-đạo ([1]) mà thăm mồ ấy kéo tội nghiệp! Vì đã hai năm nay không ai thăm viếng không ai màng ngó tới.

Mồ đó là mồ một thầy đã chịu lương tâm mình cắn rứt đã mười năm, bây giờ mới đặng nằm yên nơi ấy.

Tôi xin phép thuật lại truyện tôi đã gặp thầy ấy và làm sao thầy ấy đã tỏ chuyện mình ra cùng tôi, như sau này:

I

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đồng hồ nhà thờ nhà nước vừa đánh tám giờ tối, đồ tôi đã đem xuống tàu mà đi Bà-ri-a rồi.

Chiếc Jean-Dupuis định mười giờ mới chạy, nên còn hai giờ chẳng biết làm đi gì? Muốn lên bờ đi dạo một hai vòng xem phố xá thành Saigon chơi, mà trong mình có ý mệt cho nên không lên, vậy mới tính lên sà-tàu coi có cái ghế nào không mà nằm nghỉ cùng xem trăng chơi, vì ngày ấy là nhằm ngày rằm tháng chạp annam là 12 janvier 1884.

Lên đến sà-tàu thấy trăng thanh gió mát thì tôi lại đứng nơi be-tàu mà hứng gió. Đứng đó lòng buồn một ít vì phải xa cách cửa nhà vợ con hơn tám bữa, cho nên đầu mà trên bờ đèn sáng như ngày, kẻ qua người lại xe ngựa rầm rầm, nhà hàng đầy đầy những kẻ vui chơi, tôi cũng chẳng đem trí mà xem các sự ấy, cứ một xem phía sông bên Thủ-thiên mà thôi; vì phía đó chẳng chói sự sang trọng vui chơi, chẳng tỏ bày sự phạm xác thịt; nơi ấy là nơi nghèo khổ làm ăn ban ngày; thong thả mà nghỉ ngơi ban đêm, nên còn một hai chỗ còn đèn leo lét mà chỉ vài nhà chưa ngủ mà thôi.

Còn dưới sông mặt trăng giọi xuống làm cho nước giọng ra như tấm lụa vàng có thả kim sa.

Xem các sự ấy thì lòng lại thêm buồn, nên tôi muốn kiếm sự giải phiền nơi khác; song vừa giay mặt lại thì tôi thấy một thầy tu đứng gần bên tôi và ngó xuống nước một cách rất buồn bực lắm.

Muốn làm quen cho có bạn vì dưới tàu lạ mặt hết, tôi mới hỏi thầy ấy rằng: “Thầy đi xuống Bà-ri-a hay là đi Vũng-tàu ?” Thầy ấy ngó tôi một chặp rồi mới nói rằng:

“Thầy hỏi tôi đi đâu làm chi ?” Khi nghe tiếng thầy nói một cách rất buồn bực thăm não lắm, thì tôi ngó mà coi thầy ấy cho tỏ tường; may đâu lúc đó trăng lại tỏ hơn, nên tôi đặng xem thầy ấy rõ ràng: Thầy chừng ba mươi tám ba mươi chín tuổi,

thấp người; giọng nói đao thương ! Mặt mũi thì xanh xao mét ưởng, mình thì ốm o gầy mòn, lại cái áo dòng người mặc nó bay phất phơ hai bên làm cho thầy ấy giống như hình con bù nhình, để nơi đồng ruộng mà đuổi chim. Tôi mới trả lời rằng:

“Thưa bởi vì tôi biết cha sở Bà-ri-a lắm, nên tôi tưởng nếu thầy đi Bà-ri-a thì làm sao nay mai tôi cũng gặp thầy.”

Thầy ấy mới trả lời rằng: “Tôi không đi Bà-ri-a, tôi đi dưỡng bệnh tại Vũng-tàu, vì tôi có bệnh tức đã hai năm nay; song tôi tưởng đi cũng vô ích, vì tôi biết tôi không còn sống đặng hơn nửa tháng nữa đâu.”

Tôi nghe lời ấy, thì tôi nói rằng: “Xin thầy đừng nói làm vậy. Chúa lòng lành vô cùng người thường làm phép lạ hoài, nên thầy đừng có ngã lòng nản chí, ít ngày đây thầy sẽ lành.”

Thầy tu ấy lắc đầu mà nói rằng: “Thầy ôi! Phải thầy biết tội tôi thì thầy không muốn cho tôi sống làm chi...”

Nói chưa dứt lời thầy lấy tay che mặt mà khóc ròng.

Tôi thấy vậy mới nói cùng thầy rằng: “Dầu mà tội thầy nặng thế nào thì Chúa cũng đã tha cho thầy rồi: vì thầy chịu cực cũng đã đủ cho nên xin thầy chớ muốn chết làm chi, vì thầy còn thuộc về những người phải dạy những kẻ chưa biết đạo Chúa; nên thầy phải sống mà đem những kẻ ấy vào đàng ngay.”

Thầy tu nghe tôi nói như vậy mới cất đầu lên chùi nước mắt mà nhìn tôi và hỏi chậm chậm rằng: “Thầy đã có đôi bạn chưa?” Tôi thưa rằng: Đã có đặng sáu tháng nay thì thầy tu ấy lấy tay mà xô tôi ra cùng nói lớn tiếng rằng:

“Vậy thì thầy phải xa tôi cho kiếp, kéo mà sự dữ xảy đến cho, tôi sẽ làm hại thầy chẳng sai đâu; tôi cũng có đôi bạn như thầy vậy; song phận tôi vô phước! Vô phước lắm! thầy ôi!”

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nói rồi thầy ấy ôm mặt mình mà khóc một lần nữa; song tôi cũng không ngã lòng, tôi nắm tay thầy mà nói rằng: “Tôi thấy thầy buồn bực như vậy, thì tôi chắc thầy đã có chịu sự gì cực khổ lắm hay là đã làm tội gì trọng, sự ấy tôi không muốn biết làm chi; song xin thầy đừng phiền quá mà làm hại mình, nếu mà thầy có tội thì thầy phải sống mà đền tội ấy. Nếu thầy không có tội, mà thầy phải chịu phiền về sự gì, thì cũng xin thầy phải sống mà chịu cho đến cùng hầu ngày sau sẽặng phần thưởng trọng hơn.”

“Ôi thôi! Thầy đừng an ủi tôi làm chi? Tội tôi đã lớn lắm, và sự cực tôi đã chịu thì đã gần quá sức tôi rồi.”

“Thầy ôi! Đã mười năm nay, tôi như thể không còn trái tim nữa, trái tim tôi như thể đã biến hóa ra tro bụi rồi; tôi như thể mất trí khôn vậy. Chớ chi thuở trước tôi đừng có: ôi thôi! Nói đến chừng nào càng đau đớn lòng chừng nấy; bây giờ có một sự chết làm cho tôi quên người đó mà thôi... Tôi có ý đi tu choặng trông cậy có lẽ đọc kinh cầu nguyện thì sẽ quên người tôi đã đem hết lòng hết trí mà thương; song vô ích, thầy! Sự tôi chịu cực mười năm nay thì đã đủ mà đền tội tôi rồi. Bây giờ tôi đặng chết bằng an.”

Tôi nghe và thấy sự đau đớn như vậy thì tôi làm tỉnh mà để cho thầy ấy khóc. Khi ấy mới nghĩ trong mình rằng: có lẽ nào dưới thế gian này mà có sự gì dữ tợn đến nỗi làm cho người ta chịu cực đến mười năm mà chẳng nguôi! Mà thật khi ấy tôi đang còn có phước, còn đang lúc sung túc, là vì tôi mới có vợ đặng ít tháng, còn chí thiết thương nhau nên tôi không hiểu người ta chịu cực làm sao đặng? Tôi mới tưởng thầy tu ấy đau đớn bệnh hoạn nên lảng trí mà nói vậy chăng? Muốn cho hẳn tôi mới ngó mà xem thầy ấy cho rõ ràng đặng coi có làm sự gì tỏ ra như người điên chăng?

Tôi vừa ngó một chặp, thì tôi thấy thầy ngác mặt lên xem trời mà thở ra rằng: “A Chúa tôi! rất lòng lạnh vô cùng, xin Chúa

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

cho tôi về gặp mặt bạn tôi cho chóng, dầu mà tội nó thể nào thì tôi cũng quên, bởi vì có lời Chúa đã phán: “Tao tha lỗi cho bay, như bay tha kẻ có lỗi cùng bay.”

Tôi thấy vậy mới nói rằng: “Điên! Thầy này điên!” Thầy tu ấy nghe đặng mới nói cùng tôi rằng: “Thầy ôi! Thầy còn trẻ chưa biết đủ việc đời: hay là còn đang lúc có phước, thầy chưa từng sự đau đớn, nên thầy nói tôi điên, tôi không điên đâu thầy! Tôi còn trí khôn đủ, tôi xin Chúa đừng cho thầy mắc sự tôi phải chịu, xin Chúa giã ra cho khỏi đầu thầy sự dữ đã xảy đến cho tôi.”

Nói vừa dứt lời, thì đồng hồ vừa đánh mười giờ, nên tàu thối hơi cùng mở đò mà chạy, làm cho tôi quên thầy tu mà coi người ta sửa soạn lui tàu.

## II

Khi tàu chạy rồi tôi ngó lại thì thầy tu đã xuống phòng mình rồi. Còn lại một mình, tôi mới lại đứng sau lái tàu mà xem lần tàu chạy, cùng nghĩ tới các sự thầy tu đã nói; khi nghĩ làm vậy, thì trong lòng muốn biết truyện thầy ấy. Vậy mới tính hỏi, xin thầy thuật truyện ấy ra, song tôi e thầy có chối chãng? Thì tôi đang kiếm mà lo phương thể cách nào làm cho thầy ấy tỏ sự mình ra. Song nghĩ đi nghĩ lại một hồi, lại bàn rằng: chuyện người mà mình muốn biết làm chi, nên tôi lại cúi xuống mà xem bọt nước vụn sau lái tàu, trào lên như bạc sôi; lại một hai khi có yếng sáng trắng giọi xuống thì bọt ấy hóa ra như bạc vàng lộn lại vậy; mà dầu làm thể nào trí khôn tôi nó cũng bắt tưởng đến truyện thầy tu luôn, nên tôi quyết lòng lần này xuống xin thầy ấy thuật truyện mình ra.

Dầu vậy mặc lòng cũng còn lần lựa chưa muốn xuống mà hỏi. Vì đoán rằng: thầy này đã nói với tôi rằng: “Xin Chúa hãy dang ra cho khỏi đầu thầy sự dữ đã đến cho tôi”. Thì sự dữ ấy là quái gỡ lắm, cho nên có lẽ thầy tu sẽ chẳng nói ra chãng?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi lần lựa như vậy, cho đến khi tàu đi qua khỏi Xóm-chiếu cho tới đồn Cá-trê, tôi mới xuống phòng tôi.

May đâu sự cũng lạ. Ngày đó không có đờn bà quá giang, nên tôi và thầy tu được một cái phòng có hai cái giường.

Đang khi đi xuống thì tôi tưởng thầy ấy thức khuya mệt đã nghỉ rồi cho nên tôi lại gần phòng, sẽ lên khoát màn ra nhẹ nhẹ kéo thầy ấy giực mình thức dậy. Song tôi vừa bước chon vô phòng thì tôi thấy thầy ấy đang quì gối cúi mặt nơi giường mà đọc kinh cùng thầm thì những lời tôi đã nghe nói trên sân khi này.

Tôi thấy vậy muốn lui ra cho thầy đọc kinh kéo lo ra, song tôi vừa bước ra thì thầy kêu tôi mà nói rằng: “Thầy! Thầy lên giường mà ngủ đừng sợ sự gì, tôi đọc kinh rồi có lẽ tôi nghỉ một chốc đây rồi; tôi sẽ thuật truyện tôi lại cho thầy nghe.”

Nghe nói vậy thì trong lòng tôi mừng lắm, nên tôi lên giường mà nằm; khi ấy ông thầy cũng lên giường mình. Cách một hồi thì tôi nghe tiếng thầy ấy thờ một cách như thể mệt lắm vậy, tôi cất đầu ngó xuống và hỏi rằng: “Thầy mệt lắm hay sao? Trong mình thầy làm sao?”

Thầy ấy trả lời rằng: “Không hề gì đâu, thầy đừng lo, trong mình tôi như thường.”

Vậy tôi mới nằm xuống; có ý thức đợi thầy ấy nói truyện mình, song mắc mệt nên lần lần tôi ngủ quên không hay. Gần nửa đêm khi dưới tàu thiên hạ ngủ hết, mọi nơi đều lẳng lặng, trừ ra tiếng máy âm âm, như trống canh nhịp, thì tôi nghe kêu rằng: “Thầy ôi! Xuống ngồi gần bên tôi, tôi sẽ nói truyện tôi cho thầy nghe.”

Khi tôi nghe kêu, tôi giựt mình và run sợ cả và mình, vì tôi nghe như thể tiếng ấy bởi nơi mồ mà lên kêu tôi vậy. Lại khi



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

đó cửa sổ phòng tôi mở, nên gió khuya thổi vô, làm cho tôi lạnh lạnh, thì lại càng run sợ hơn nữa.

Vậy tôi mới lấy mền trùm lại không trả lời, rồi tôi nghe kêu một lần nữa.

Khi ấy tỉnh trí nhớ trực thầy tu nằm dưới tôi, tôi mới xuống nhắc ghé lại ngồi gần bên giường thầy ấy.

Tôi vừa ngồi gần một bên, thì thầy ấy nắm tay tôi, mà nói rằng:

“Thầy ôi! Tôi vô phước lắm, xin Chúa tha tội cho tôi ... Tôi là kẻ có tội.”

Nói bấy nhiêu lời thì chảy nước mắt ròng ròng. Dầu mà tôi muốn biết truyện thầy ấy hết sức mặc lòng; khi tôi thấy sự cực thầy ấy phải chịu mà thuật lại thì tôi nói rằng: “Thầy ôi! Nếu mà sự này làm cực cho thầy thì xin thầy đừng nói ra làm chi.”

Thầy ấy trả lời rằng: “Không! Không! Tôi không còn sống bao lâu nữa mà giấu tội tôi. Mười năm nay tôi đã giấu với mọi người không ai hay dạng, tôi đã giả trá trước mặt người ta và trước mặt các cha nơi trường tôi tu, làm cho ai nấy tưởng tôi là người nhơn đức, song hăn thật tôi là đứa tội lỗi là ngần nào. Vậy tôi xin thầy hãy lặng tai mà nghe tôi, vì đương khi nói mà tôi mệt, thì có khi phải nín mà lâu đi chăng?”

Nói rồi thì thầy ấy nhắm mắt lại, cho dạng nhớ mọi sự trước sau cho đủ hầu sẽ thuật truyện lại cho cùng.

### III

Cách một hồi thầy ấy mở mắt ra và nói rằng:

“Xin thầy ghé tai lại mà nghe.

“Thầy ôi! Tôi là người Bà-ri-a, quê quán tôi ở tại Đất-đỏ. Ông già tôi là người có đạo dòng tử tế, vốn là người Quảng-bình,

## HUỶNH ÁI TÔNG

mà vô ở Đất-đỏ đã lâu; còn bà già tôi là người Gia-định. Tôi sanh ra là năm 1847 nhằm năm Tự-đức tức vị.

“Tôi là con thứ năm mà khi ấy tôi còn có một mình, vì mấy người trước đã chết khi còn nhỏ?”

“Khi ấy đạo ta phải chịu nhiều điều khốn cực lắm, vì chỉ vua dạy bắt những kẻ có đạo cho nhặt, cho nên kẻ ngoại kiếm thế mà làm hại cho những kẻ ấy luôn.

“VẬY khi tôi đã nên ba tuổi thì tôi đã biết chịu cực khổ rồi. Khi ấy bà già tôi được bốn mươi tuổi rồi mắc dịch tả năm 1850 mà chết để tôi lại với ông già tôi một mình, khi ấy ông già tôi hơn bốn mươi sáu tuổi, mà bà con không còn ai cả, cho nên khi cha tôi đi đâu thì tôi cũng đi theo luôn: như khi cha tôi đến nhà nào có cha làm lễ, thì tôi cũng đi theo. Khi kẻ ngoại hay được, có kẻ đạo hiệp nhau lại, thì báo với quan đến bắt. Nên ai nấy đều kiếm phương mà ẩn mình, cho khỏi chúng nó bắt: nên nhiều lần cha tôi phải đem tôi lên rừng mà trốn cho đến ba ngày mới về được, thì trong ba ngày ấy phải ăn những trái cây và rễ cây cho khỏi chết đói mà thôi.

“TỪ khi tôi mới sanh ra cho đến hai mươi tuổi, thì tôi thấy những sự bất bớ kẻ có đạo luôn. Lại ông già tôi là trùm họ nên lại càng phải sợ hơn nữa. Ngày chúa nhựt mà muốn xem lễ cho được, thì phải chịu nhiều điều rất cam khổ là quá chừng. Ông cha ở nơi Đất-đỏ thì phải trốn lánh luôn. Khi thì làm lễ nhà này khi làm lễ nhà kia; có khi kẻ ngoại hay đảng thì lại phải đi xa cách vài ba làng; cho nên bốn đạo phải chịu muôn vàn sự khốn khó mới tìm đảng cha sở mình.”

Tới đây thầy ấy nín một hồi mà nghỉ cùng nhớ các sự cho đảng tiếp theo truyện mới nói.

Tôi thấy thầy ấy gác tay trên trán cùng nhắm mắt lại dường như muốn đọc truyện mình ở trong trí khôn, như một người kia

đọc trong một cuốn sách đang khi rồi sẽ thuật truyện lại, cho nên tôi làm thình.

#### IV

Vậy tôi mới nghĩ rằng: người này từ thuở nên ba mà đã biết sự cực khổ ra thế nào, đã biết chịu đói chịu khát, chịu mệt chịu nhọc, chịu trốn lánh vào nơi thú dữ, cạp hùm tây voi ở, đã từng trải sự hiểm nghèo, đã quên sự sung sướng, nên bây giờ lòng đã cứng hơn gan sắt chẳng còn chỗ nào mà sự cực nhọc thấu vào đặng, mà đã than rằng:

“Sự cực tôi chịu đã quá trí tôi rồi”; thì sự cực ấy là độc dữ là thế nào? Mà sự cực ấy bởi đâu mà ra? Thầy tu đã nói: “Tôi cũng có đôi bạn như thầy”; mà nay sao thầy ấy lại là thầy tu? Lại thầy ấy có đọc rằng: “Xin Chúa cho tôi gặp bạn tôi”; hay là thầy ấy phiền vì đã mất bạn mình là người mình rất yêu mến lắm, cho nên phải phiền vậy chăng? Như vậy không có lẽ? nếu phải phiền vì sự ấy mà thôi thì không nói rằng: “Dầu tội nó thế nào thì tôi cũng quên rồi.” Vậy tôi chắc một là thầy này điên, hai là thầy có làm sự gì quái gở quá trí hiểu không đặng.

Tôi còn đang suy như vậy thì tôi nghe thầy ấy ho hai tiếng nhẹ nhẹ rồi nói rằng:

“Thầy ôi! Thầy nghe tôi thì thầy biết tôi là thế nào? Sanh ra khỏi lòng mẹ thì đã chịu cực cho đến lớn. Tưởng khi có trí khôn thì được sung sướng một ít mà cũng không được; số phận tôi phải chịu khốn nạn cho đến trọn đời mà thôi.

“Song sự cực tôi đã chịu cho đến mười hai tuổi thì tính lại không bằng sự tôi sẽ chịu khi Tây qua. Thuở ấy là năm 1860 tôi được mười ba tuổi thì tôi nghe nói xôn xao rằng: “Tỉnh Gia-định đã bị Tây lấy rồi hơn hai ba tháng nay; chừng ít ngày nữa thì Tây cũng sẽ qua đánh lấy Biên-hoà cùng Bà-ri-a. Kẻ ngoại khi nghe điều ấy thì lo sợ, còn kẻ có đạo thì mừng rỡ, vì người

## HUỶNH ÁI TÔNG

ta đoán rằng: “Tây qua sẽ bình vực những người có đạo Datô mà giết những người chẳng giữ đạo ấy.”

“Song người có đạo thì mạng là vì trông cậy một ít lâu sẽ đặng thông thả mà giữ đạo mình mà thôi.

“Phải chi người có đạo biết sự dữ tợn quan Annam sẽ làm cho những kẻ ấy chịu, khi Tây sẽ đánh lấy Bà-ri-a thì những kẻ ấy chẳng trông đợi như vậy đâu!

“Hẳn thật như vậy, vì năm sau thì nghe Tây đã đánh lấy Biên-hoà rồi, còn kẻ có đạo thì đã bị quan Annam đốt hết, khi ấy ai nấy đều kinh khủng, người thì sợ Tây qua giết, người thì sợ quan Annam đốt trước khi Tây qua. Mà cũng không khỏi vì cách ít tháng (khi ấy tôi đã nên mười lăm tuổi) thì có lệnh truyền dạy bắt những con nhà có đạo cầm tù lại hết; cùng khắc bốn chữ này, “Biên-hoà Tả-đạo” trên hai mép tai, hầu sau có trốn mà bắt cho dễ.

“Tôi và ông già tôi cũng bị bắt cầm một nơi. [2]

“Thầy ôi! Tôi muốn nói sự cực những kẻ bị bắt vô ngục cho thầy nghe, song nói chẳng đặng. Ban đầu khi những người ở tù còn tiền đủ mà cho những người lính canh thì còn đặng thông thả mà đi việc của mình; mà đến khi hết tiền cho chúng nó ăn, thì phải chịu các sự cực khổ muôn phần. Mọi người đều bị đóng trắng hết, cho nên những kẻ đau đớn bệnh hoạn, hay là những kẻ có việc cần phải đi ra, mà bị lính không cho đi thì lại phải làm nhiều sự dơ dáy nơi mình nằm, thì ngục ấy hóa ra thú tha gớm ghiết lắm, nhiều người phải mang bệnh mà chết. Chúng ta chịu như vậy cho tới bốn tháng trường, đến năm 1862 thì nghe đồn nói binh Langsa đã kéo qua đánh lấy Bà-ri-a. Nhiều kẻ khi nghe tin ấy thì mừng, nhiều kẻ thì sợ, nhưng mà mừng sợ cũng không bao lâu, vì binh Tây chưa đến nơi thì ngục đã bị đốt ra tro mạt hết rồi. Đến khi lấy đặng Bà-ri-a thì ngục còn một đống xương mà thôi.”

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tới đây tôi chặn truyện thầy ấy mà hỏi rằng: “Mà thầy không nói làm sao mà thầy ra khỏi tù.”

Thầy ấy gác đầu cùng trả lời rằng: “Ông già tôi trước khi đốt ngục thì đã xán bệnh rồi, nên khi đốt ông nghe tiếng thiên hạ la, thì ông ngồi dậy mà coi, song ông vừa ngó thấy ngục cháy thì giực mình té ngửa ra mà chết.” Thầy ôi! Khi tôi thấy cha tôi chết như vậy, thì tôi không còn muốn sống nữa, tôi mới chạy lại ôm xác ông già tôi quyết lòng đợi lửa tới mà chết thui với ông già tôi, song lửa mới vừa tới cháy hai chơn tôi thì sự đau đớn làm cho tôi quên hết mọi sự cùng bắt tôi chạy a ra cửa mà ra khỏi tù.

“Thầy ôi! Trong ngục hết thầy là ba trăm người mà khi ấy còn sót lại có mười người mà thôi.”

Đến đây thầy ấy vỗ trán cùng nói rằng: “Đây này! Tôi thấy rõ các sự ấy như thể mới có hôm qua vậy; nó còn rõ ràng trong trí tôi đây.” Nói những lời ấy rồi thầy ấy thở ra một tiếng cùng giấu mặt trong tay mình.

### V

Khi đồng hồ tàu đổ hai giờ khuya thì thầy ấy nói tiếp theo rằng: “Khi tôi ra khỏi ngục thì chẳng biết đi đâu, ngó quanh ngó quất thì thấy những người lạ hay là những kẻ ngoại quen, mà những người ấy chẳng dám đàm tôi về nhà vì sợ quan nói giấu người có đạo mà bắt chẳng.

“Vậy khi tôi thấy tôi còn một mình bơ vơ giữa đàng không cha không mẹ không bà con cô bác. Không ai đoái thương thì tôi quyết lên trên núi liêu mình cho thú dữ ăn đi cho rồi. Tôi phẫn phẫn đi đặng vài dặm đàng như vậy cho đến khi chơn tôi bị cháy nó phồng lên mà làm cho tôi đau đớn lắm; đi không nổi nữa, thì tôi mới ngồi lại bên đàng mà khóc, khi ấy mặt trời đã lặn rồi, lại tôi phẫn thì đau phẫn thì mệt và đói nên tôi té ngửa trong bụi kia cùng bất tỉnh nhơn sự. Tôi chẳng biết tôi nằm đó

## HUỶNH ÁI TÔNG

là bao lâu, vì khi tôi tỉnh trí lại mở con mắt ra thì tôi thấy tôi ở nơi nhà thương lính, nằm một bên người lính bị thương tích kia, còn dưới chơn tôi thì có một ông thầy thuốc đang giặc thuốc nơi chơn tôi bị phỏng.

Tôi ở nhà thương hơn bốn mươi ngày; không cục cựa đặng vì hai chơn tôi bị bó lại, cho nên đi đâu không được, mà trong bốn mươi ngày ấy thì có một ông quan ba kia cách vài ba bữa thì lại đến thăm tôi một lần. Đến khi hai chơn tôi lành, thì ông quan ba đã đến thăm tôi khi tôi đau, cho người kêu tôi lên và biểu người thông ngôn hỏi tôi rằng: “Mây còn cha mẹ bà con tại Bà-ri-a không?”

“Tôi thưa rằng: “Tôi không còn ai hết, cha tôi đã chết trong ngục rồi, còn mẹ tôi đã chết khi tôi còn nhỏ.” Thì ông biểu thông ngôn nói cùng tôi rằng: “Tao đã gặp mây nằm trong bụi gân chết, tao coi thấy mặt mây sáng sủa thì tao thương, muốn đem mây về nuôi cho mây lành; nay tao tưởng mây còn cha mẹ thì tao cho mây về, mà mây nói mây không có ai thì tao đem về Gia-định với tao. Mây chịu đi chăng?”

“Tôi mới thưa rằng: “Ông đã cứu tôi cho khỏi chết, bây giờ ông thương tôi muốn đem tôi về Gia-định mà tôi không đi thì tôi sẽ bạc ngải và đại dột là dường nào.”

“Ba bữa sau tôi xuống tàu mà về Gia-định đặng sáu tháng, kế lấy ông quan ba mắc bệnh phải về Tây, thì để tôi lại cho Đức cha Lefèbvre.

“Tôi ở giúp đức cha được một năm rưỡi cùng học chữ quốc ngữ cho đến năm 1864 thì đức cha cho tôi vô trường Latinh.

“Khi tôi mới vô nhà trường thì tôi kết nghĩa làm anh em vuôl một người tên là Verô Liễu, cũng vô trường một lượt cùng tôi. Người ấy là con ông trùm họ Cầu-kho mà bởi nhỏ hơn tôi hai

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

tuổi, thì nhường cho tôi làm anh; hai anh em thương nhau như anh em ruột vậy; chẳng khi nào mà rời nhau, dầu trong nơi học, nơi ngủ, nơi ăn, thì cũng gần nhau luôn; khi đến ngày bãi trường tôi muốn ở lại trường; song thầy Liễu một hai không cho, một bắt phải đi về nhà cùng thầy mà thôi.

“Lại cha mẹ thầy Liễu, thấy tôi kết nghĩa với con mình thì lại đem lòng thương tôi như thương con ruột mình, cho nên trong hai năm tôi học nhà trường Latinh, thì tôi chẳng thiếu sự gì, lại đặng vui lòng lắm vì chung bây giờ tôi thương cha mẹ thầy Liễu và coi hai ông bà ấy như cha mẹ ruột tôi vậy.

“Học đặng hai năm đến 1866, khi có thầy dòng qua lập trường d’Adran, thì hai anh em xin qua đó mà học. Học đó thì hai anh em cũng còn thiết nghĩa với nhau như cũ, lại tôi cũng năng về nhà cha mẹ thầy ấy như thường.

Đến năm 1870 là năm có giặc người Allemanha và người Phalangsa đánh cùng nhau thì hai anh em tôi ra đi thi tại Saigon. May đâu hai anh em thi đậu một lượt và lại được sai đi làm việc một nơi tại dinh quan Thượng-thor cho nên tôi lại còn nương ngụ nơi nhà cha mẹ thầy Liễu nữa.

“Tôi ra làm thông ngôn đặng sáu tháng, khi cha mẹ thầy Liễu thấy tôi ở nơi nhà ấy mà có lòng ngại chưa đặng thông thả, thì lại muốn giúp mà lo đòi bạn cho tôi, để tôi lập cơ nghiệp đặng ra ở riêng cho thông thả.

“Ôi! Thầy ôi! Phải mà tôi biết người thiết nghĩa ấy sẽ phá sự phước tôi, thì tôi sẽ xa lánh người ấy là thể nào? Ấy thầy xem đó mà coi, thì thầy biết lòng người ta giả trá là thể nào? Nó đang còn thiết nghĩa với mình hết sức, mà nó kiếm sự làm cho mình phải khốn không hay.

“Phải chi tôi chết cùng cha tôi trong ngục thì tôi sẽ khỏi chịu

## HUỶNH ÁI TÔNG

cực cho đến bây giờ! Ôi! Trong ba mươi lăm năm, tôi đặng hưởng phúc không đầy năm năm, còn mấy năm kia thì những chịu cực chịu khổ mà thôi.”

### VI

“Thuở tôi còn ở nhà trường d’Adran thì cha mẹ thầy Liễu thường đến mà thăm viếng hai anh em tôi, nhiều khi đi thăm thì bà già thầy Liễu hay đem một người con gái chừng mười bảy tuổi đi lên theo. Người ấy không lịch sự thiệt, song coi phải thể người mà thôi: tiếng nói dịu dàng, mặt mũi cách điệu, tính nết ăn ở thì dễ làm cho người ta thương lắm. Người ấy là con bà dì thầy Liễu.

“Ban đầu khi người đi đến thì tôi cũng tưởng là như bà con; mà cách ít tháng thì tôi lại đem lòng thương, cùng hằng tưởng đến người ấy luôn. Tôi đã thương người ấy như vậy là một năm chẳng, cho đến khi thi đậu mà ra khỏi trường.

“Song dầu mà tôi thương người ấy mặc lòng, tôi cũng chẳng tỏ sự ấy ra cho thầy Liễu là anh em thiết nghĩa với tôi hay.

“Vậy ngày kia nhằm ngày chúa nhật khi xem lễ về, ông già thầy Liễu rủ tôi ra vườn đi dạo chơi. Khi đến một đồng đá thì ông nói cùng tôi rằng: “Ta ngồi đây nghỉ một chặp và nói chuyện hử Mi Lazare!”

“Khi nghe ông mời tôi ngồi, thì trong lòng tôi bất hồ nghi có sự gì cả thể, cho nên mới kêu tôi ra ngoài vườn một mình, vậy tôi mới ngồi mà làm thinh.

Ông già thầy Liễu cũng làm thinh một chặp rồi nắm tay tôi mà nói rằng: “Thầy! Thầy biết xưa nay tôi thương thầy như con ruột tôi vậy, cho nên khi nào bãi trường có con tôi về mà không có thầy thì tôi cũng trông nhớ thầy lắm.”



“Còn thầy thì tôi cũng biết thầy thương hai vợ chồng già tôi như cha mẹ thầy, cho nên hai vợ chồng tôi cũng mắng, và lại tôi thấy thằng Liễu nó yêu mến thầy thì tôi càng mắng hơn nữa, vì nó đang bắt chước cách ăn ở thầy mà sửa mình lại và nó khỏi theo những đũa hoang đàng mà hư đi.”

“Tôi nghe nói như vậy thì tôi làm thỉnh cúi đầu xuống mà nghe cho cùng, thì ông già thầy Liễu nói rằng:

“Thầy nay đã lớn tuổi rồi, cho nên bữa nay tôi muốn nói mà hỏi thầy có ưng nơi nào thì nói ra, cho tôi liệu cho thầy.”

“Xin thầy đừng ngại mà từ chối làm chi. Nếu thầy từ chối thì sẽ làm cho vợ chồng tôi buồn bực lắm, tôi không có giàu có muôn hộ chi, song tôi cũng có đủ mà lo cho thầy cách tử tế vì thầy là như con tôi. Còn khi thầy có đôi bạn rồi, mà muốn ra tư riêng thì tôi cũng sẽ lo cho thầy đừng đủ mọi sự, mà lập cơ nghiệp riêng.”

“Vậy tôi xin thầy tỏ thật lòng thầy đã ưng nơi nào cho tôi biết?”

“Tôi trả lời rằng: “Bỏ và vú thầy tôi mồ côi, mà đem tôi về nuôi như con ruột, mà tôi chưa đền ơn ấy được nay bỏ vú lại muốn lo đôi bạn cho tôi nữa, thì tôi khi nào trả nghĩa cho vú bỏ cho xong ơn ấy kể sao cho xiết?”

“Lại tôi xưa rày chưa tưởng đến sự vợ chồng, cho nên chưa chọn nơi nào cho xong. Ông già mới nói rằng: “On ngài chi đâu mà đền, Mi Lazare! Thầy là con, ta là cha, thầy nói ngay ra thì ta sẽ lo cho. Vậy nếu Mi Lazare không biết nơi nào, thôi để ta chỉ cho.”

“Vậy thầy có biết ở trong làng ta có người con gái nào chừng mười tám tuổi, thường đến thăm ta đây không?”

## HUỶNH ÁI TÔNG

“Khi tôi nghe hỏi như vậy thì tôi dẫu mặt lại cho nên ông trùm mới cười mà nói rằng: “Bộ đây! Mi Lazare cũng biết nàng ấy thì phải! Cho nên mới dẫu mặt lại như vậy.”

“Khi tôi thấy ông già thầy Liễu hiểu biết ý tôi đã có lòng thương người ấy, thì tôi quyết lòng nói thật ra rằng:

“Thưa với bỏ, xưa nay tôi không tỏ lòng tôi ra cùng ai, mà nay bỏ đã dò lòng tôi mà biết rõ sự ấy, thì tôi xin thú thật. Tôi đã có lòng thương cô ấy hơn một năm rưỡi nay, mà bởi tôi tưởng tôi là đứa mồ côi không xứng đáng nơi ấy, nên tôi để trong lòng không dám tỏ ra cùng ai.” Ông già nghe đặng mới cười lớn lên mà rằng:

“Hả! Hả! không hề gì đâu Mi Lazare! Không hề gì! Các con trẻ tưởng ông già không biết chi! Hả! Hả! Già biết rõ hết. Để già hỏi đây, thì con cháu sẽ ừ liền không khỏi đâu.”

“Mà thật tháng sau người con gái bà dì thầy Liễu và tôi đến bàn thờ mà chịu phép hôn phối.

“Thầy ôi! Nói sự phước hai đứa tôi thì không cùng, tôi tưởng có ít người mà thương vợ như tôi. Dẫu mà vợ chồng đã về cùng nhau rồi, song lòng tôi còn thương tưởng như trước.

“Lại bạn tôi gặp tôi thì cũng lấy làm có phước lắm, vì cũng có lòng thương tôi như tôi đã thương vậy, cho nên không khi nào, dẫu có phiền lòng thế nào, thì cũng không nói lời gì ra, làm cho tôi nhớ phận tôi là con mồ côi cô độc. Khi ấy sự phước tôi là vô cùng.

“Tôi với bạn tôi về ở nhà thầy Liễu đặng sáu tháng, kế lấy có tờ quan sai tôi đi làm thông ngôn tại Bà-ri-a.”

Tới đây thầy tu nghe đồng hồ đánh ba giờ khuya thì thầy ấy la hoảng lên rằng:”Đó! Đó! thầy! nó nằm đó...! gần chết...! nó nằm tay tôi đây...!”

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Rồi nói nhỏ rằng: “Ôi! Tôi là kẻ có tội; tôi là kẻ có tội!” Nói dứt lời, thì nhắm mắt lại mà nghỉ.

Nghỉ một hồi, thức dậy nói rằng: “Bây giờ mới đến sự cực tôi đây thầy! Tôi về Bà-ri-a đặng hai tháng rồi, mà bởi tôi có làm quen với các quan trong đồn cho nên thường đi ăn cơm với các quan ấy. Vậy trong các quan thì có ông quan ba kia có một con vợ annam.

“Mà con ấy khi thấy tôi thì làm nhiều cách thể, muốn như xui giục tôi phạm tội cùng nó, cho nên tôi trốn lánh cho khỏi dịp làm thiệt hại cho vợ mình, vậy lần lần tôi bớt vô đồn ăn cơm với các quan nữa cho nên tôi đã khuất mặt người đồn bà ấy đi.

“Qua năm 1872, thầy Liễu thôi làm việc đã bốn tháng nay, xuống tại Bà-ri-a mà mua ngựa đem về Saigon.

“Thầy ấy tới nơi thì anh em rước nhau mừng rỡ bội phần, vì cách mặt đã hơn tám tháng trường, cho nên gặp đặng thì truyện vẫn cùng nhau luôn.”

Tới đây thầy tu nắm tay tôi mà nói rằng: “Thầy hãy ghé tai lại đây mà nghe cho rõ. Đây là đến hai tội tôi, tới đây là tới đầu sự khôn cực tôi. – Tôi mệt lắm, xin cho tôi nghỉ một chút cùng nhớ các sự cho rõ hơn.”

## VII

Thầy ấy mở con mắt ra mà nói rằng: “Xin thầy chịu khó mở rương tôi ra mà lấy cái thơ tôi để trong ấy mà đọc, rồi tôi sẽ nói tiếp theo cho thầy nghe.”

Tôi lại mở rương ra thì thấy có một cái thơ; tôi đem cái thơ ấy kê bên đèn mà đọc rằng:

Bà-ri-a, ngày 14 tháng tám năm Tân mùi.

## HUỲNH ÁI TÔNG

“Kính thăm thầy đặng rõ: người viết thơ này là một người xưa nay những tưởng tới thầy luôn. Dầu mà tôi biết nói thiệt sự này ra thì đau đớn lòng thầy lắm. Song là sự chán chường trước con mắt mà nín đi thì sao đặng?”

“Xưa nay ai nấy đều khen bạn thầy là người nhơn đức, hiền lành trung hiếu cùng chồng lắm, chẳng ai ngờ sự rất quái gở! Tôi không biết làm sao mà người bộ bề ngoài nhơn đức như vậy, mà có lòng ngoại tình được. Lại sự rất gớm ghiếc hơn, là người ấy đã chọn bà con mình và bạn hữu thiết nghĩa của chồng mình mà phạm tội ấy.

“Tôi biết rằng, khi thầy được thơ này thì thầy sẽ nói tôi là một đứa nói gian; song tôi có đủ tang án mà làm cho thầy tin tôi.

“Vậy xin thầy kiếm trong tủ để áo của bạn thầy, thì thầy sẽ thấy hai cái thơ của thầy Liễu gửi cho bạn thầy thì thầy sẽ biết tôi có nói sai chẳng?”

“Bấy nhiêu xin thầy nhậm lời cùng miễn chấp.”

Khi tôi đọc thơ rồi thì thầy tu ấy nói rằng: “Thầy ôi! Ngày kia đang khi vợ chồng bạn hữu bà con vui vẻ sum vầy cùng nhau thì sự dữ ấy đến nhà tôi, vì ngày ấy tôi đặng cái thơ này đây.

“Ôi! Thầy ôi! Nói sự đau đớn lòng tôi đã chịu khi được thơ ấy thì không nổi. Tôi xin thầy đừng khi nào biết sự đau đớn ấy thì hơn.

“Nhưng vậy dầu cực thể nào tôi cũng làm như không có sự gì vậy. Song thật trong lòng tôi quyết kiếm thể nào mà báo cừu hai người đã phá sự phước tôi như vậy.

“Ôi! Thầy ôi! Người ta nói rằng: “Chẳng có sự dữ nào mà nó

đến một mình đâu, một sự dữ thì nó kéo một bầy sự dữ khác theo.

## VIII

“Tôi đăng thơ đã hơn một tuần lễ, kẻ thầy Liễu mua đăng ngựa thì chở về Saigon. Thầy Liễu lui ghe đăng một ngày thì có tin báo rằng: “Ăn cướp đã chặn đàng Saigon mà đánh ghe buôn nhiều lắm.”

“Khi quan tham biện nghe báo như vậy thì kêu tôi mà hỏi rằng: “Thầy dám lãnh mười tên lính đi bắt ăn cướp chẳng?”

“Tôi suy một hồi rồi thưa lại rằng: “Xin quan lớn cho tôi quân lính và thuốc đạn cụ túc, cho được chống trả phi đảng thì tôi dám đi.”

“Vậy quan tham biện liền cho tôi đủ quờn phép khí giải quân lính cùng dạy tôi phải lo xuất hành cho kịp.”

“Khi tôi đăng phép thì trong lòng tôi bồi hồi run sợ, nửa vui nửa buồn, vì tôi có ý xin đăng đủ quờn phép mà làm một sự quái gỡ kia, cho bằng lòng tôi mới thôi.

“Sửa soạn rồi, tới ngày ấy tôi đem mười ba tên lính xuống ghe mà đi. Tôi đi đăng vài con nước thì bỏ Tắc-mọi đã xa.

“Vậy ngày sau chừng sáu giờ chiều, tôi thấy phía bên kia sông, đậu gần bên bờ, một chiếc ghe giống như ghe thầy Liễu vậy. Khi coi đi coi lại, rõ là ghe thầy ấy, thì tôi dạy đậu ghe lại ăn cơm, soạn sửa khí giải, vì tối nay nước lớn thì sẽ có ăn cướp mà bắn.

“Phải mà thầy thấy mặt tôi khi ấy thì thầy sẽ kinh khủng chẳng sai.” Là vì tôi khi đó như bị quỉ ám vậy. Một ít nữa thì tôi sẽ giết một người kia vô tội, mà bây giờ tôi còn gượng mà cười đăng, thì mặt mũi tôi hóa ra gớm ghiết lắm.

## HUỶNH ÁI TÔNG

“Vậy khi ăn cơm nước nghỉ ngơi rồi, thì vừa tới nửa canh ba, nước mới lớn, tôi liền dạy dưới ghe tắt đèn hết, cho ăn cướp không thấy mà đi qua.

“Súng ông vừa sẵn sàng, thì vừa ghe thầy Liễu đi giữa dòng sông, ngang ghe tôi; tôi liền dạy tên cai đứng nơi lái mà kêu ghé.

“Song người cai mới kêu rằng: “Ghe đi kia ghé!” thì tôi nghe một viên đạn đi vo vo bên tai tôi, cùng một tiếng súng nổ nơi ghe thầy Liễu.

“Tôi thấy viên đạn gần trúng tôi thì tôi giận quá sức cho nên sự tôi hèm thù thầy Liễu lại càng thêm nữa. Tôi liền la rằng: “Cha! Chả! Nó cự bậy! Bắn!

“Tức thì mùi súng day qua ghe thầy Liễu mà phát một lượt; vừa khi ấy tôi nghe một tiếng rằng: “Cha ôi! Chết tôi!” Tôi nghe tiếng ấy thì tôi biết là tiếng thầy Liễu thì sự giận và sự hèm thù tôi như thể biến đi đâu mất vậy, cho nên tôi sợ hãi và trách mình tôi lắm. Vậy tôi dạy chèo ghe lại có ý coi có phương thế nào mà cứu thầy ấy chẵn.

“Song vừa lại đến nơi thì thầy Liễu đã tắt hơi rồi. Nên tôi buồn bực trách móc tôi, cùng khóc lóc lắm, mà tôi khóc tội tôi mà thôi, chớ còn thầy Liễu thì tôi không thương tiếc chút nào.

“Hỏi có sự rồi tôi dạy lính đem ghe vô bờ mà nghỉ cho đặng đến sáng về mà báo quan.

“Về đến nơi thì tôi đến trình quan tham biện rằng: “Ngày kia hồi canh ba có một chiếc ghe đi ngang qua chỗ tôi đậu mà đón bắt kẻ cướp. Thấy ghe ấy đi ngang qua thì tôi kêu ghé, song ghe ấy không ghé mà lại bắn lại một phát súng, tôi thấy vậy tưởng ghe muốn cự thì dạy lính bắn lại. Bắn rồi chèo ghe ra mà coi, thì tôi thấy là ghe thầy Liễu đi mua ngựa về có giấy thông hành tử tế, tôi hỏi bạn thì bạn thưa rằng: “Khi thầy tôi nghe kêu

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

thì tưởng là ăn cướp, nên trèo lên mui mà bắn chúng nó; chẳng ngờ đằng kia tưởng ăn cướp bắn cự thì bắn lại; mà tại thầy tôi ở trên mui cho nên bị đạn mà chết đi.”

“Tôi trình rồi, quan tham biện nói rằng: “Thầy có phép quan sai đi bắt ăn cướp, mà bởi thầy kia đã không hỏi han cho rõ trước khi bắn lại cho nên chết thì phải chịu; thầy không tội gì!”

“Nói rồi quan tham biện quở trách tôi sao không hỏi cho kĩ càn cùng dạy tôi về mà chôn cất thầy ấy cho tử tế.

“VẬY THẦY ÔI! Từ ngày ấy cho đến bây giờ thì trí tôi không khi nào an định, tôi những thấy sủng óng khí giải luôn, nhưt là khi ngủ thì tôi thấy tôi bị ăn cướp bắt mà bắn tôi hoài.

“Song dầu mà lương tâm tôi cắn rứt tôi thể nào thì tôi cũng không quên sự lỗi của thầy Liễu và của bạn tôi đã phạm với tôi.

“Nhiều lần tôi ở trường án mà về thì tôi muốn lại hỏi mọi sự ra cho vợ hay mà tha lỗi cho vợ. Song khi lại gần thì tôi không muốn nói ra lại tưởng rằng: hỏi nó thì nó đương chịu cho đó. Ai dại mà chịu làm cha ăn cướp, bởi vậy cho nên tôi không khi nào nguôi sự lỗi bạn tôi đã phạm cùng tôi đặng.

## IX

“Khi tôi còn nhỏ, thì thường có Mọi hay đến mà bán hàng nơi nhà tôi. Trong mấy người Mọi đó thì có một đứa hay ra ngoài vườn mà hái một thứ bông tím tím kia, ở dưới cỏ mà mọc lên; tôi thấy người ấy hái thì tôi cũng bắt chước hái chơi. Người Mọi thấy tôi hái bông đó thì la tôi biểu đừng có hái, vì nó là giống độc lắm: sắc chừng một năm mà uống thì phải mắc bệnh lần lần cho đến bảy tám tháng một năm thì phải chết: uống vô rồi không thuốc nào mà chữa đặng.

## HUYỀN ÁI TÔNG

“Khi ấy thầy Liễu đã chết đặng mười lăm bữa rồi. Ngày kia tôi nhớ đến sự cực tôi, thì trí khôn tôi nó bắt xao xiển bối rối làm cho tôi như điên vậy, thì tôi đi ra vườn cho có gió mát giải phiền một ít.

“Tôi đi chưa đặng giáp vòng vườn thì tôi ngó thấy một đám cỏ bông tím dưới chơn tôi, tôi cúi xuống mà hái nó mà coi, thì tôi thấy nó là cái bông thuốc độc người Mọi đã nói với tôi khi trước.

“Vậy tôi nhắm cái bông một hồi, rồi cúi xuống hái một nắm bỏ vô khăn cầm vào nhà. Thật sự tôi sẽ làm thì hiểm độc lắm, mà khi tôi vô nhà thì trí tôi cũng an tĩnh như tôi mới làm một sự phước vậy.

“Tôi vô nhà thấy bạn tôi đang bắc một cái siêu trên bếp thì tôi hỏi rằng: “Minh sắc gì đó vậy?” Bạn tôi trả lời: “Ba bốn bữa rày nó bắt tôi ho dữ quá, cho nên khan tiếng; tôi sắc thử lá nguyệt bạch với chanh uống coi có hết chẳng.”

“Tôi làm thình không nói gì, cứ cúi xuống mà ngó cái siêu luôn, tôi ngó cái siêu thì thấy cái nắp nó nhảy lên nhảy xuống dường như muốn mời tôi bỏ nắm bông trong khăn vô đó vậy. Vừa khi ấy bạn tôi lên nhà trên ăn trà, thì tôi lại dở nắp siêu lên bỏ nắm bông ấy vô.

“Khi bạn tôi uống rồi, đến ngày mai thì không chôi dậy khỏi giường cũng không ăn uống gì đặng.

“Thầy ôi! Khi tôi biết tội tôi trọng là thể nào, cùng khi thấy bạn tôi nằm trên giường mà than thở thì tôi buồn bực ăn năn trách mình muốn cứu vợ tôi cho khỏi chết. Tôi rước không biết là mấy thầy; mà mỗi khi thầy nào đến tôi cũng lác đầu hết, vì khi ấy tiếng người Mọi đã nói với tôi hơn hai mươi năm nay thì tôi nhớ lại hết: “Uống vô rồi không thuốc nào cứu đặng”



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

“Bây giờ mỗi ngày thì bạn tôi lại thêm ốm o gầy mòn hoài. Khi tôi thấy bệnh bạn tôi càng ngày càng nặng hơn chừng nào thì tôi lại càng trách mình chừng này.

“Bạn tôi đau đã hơn mười một tháng song tôi không nghe khi nào bạn tôi mở miệng ra mà nói cùng than thở điều gì; khi thấy tôi buồn thì kiếm lời dịu dàng mà an ủi tôi thì có.

“Ôi! Trong mười một tháng ấy tôi trách mình tôi không biết là bao nhiêu; tôi buồn bực cho đến đôi có nhiều lần bạn tôi thấy tôi chảy nước mắt ra thì tưởng tôi khóc vì nó, thì nói cùng tôi rằng: “Xin thầy đừng rầu rĩ làm chi, tôi không chết đâu; tôi đã chịu thuốc rồi, ít ngày đây thì tôi sẽ lành.”

“Những lời như vậy thì nó làm cho tôi đau đớn như lương gươm đâm thấu vào lòng tôi vậy.

“Tôi chịu cực thể ấy cho đến gần nửa năm 1873. Ngày kia tôi thấy bạn tôi mệt lắm thì tôi biết đã gần giờ nó phải lìa khỏi thế rồi, nên tôi ở gần một bên bạn tôi luôn. Đến nửa đêm khi tôi thấy bạn tôi còn thở hơi ra mà thôi thì tôi không còn trông cậy gì về sự sống nó nữa, thì tôi cho mời các chức đến mà đọc kinh giúp kẻ mong sanh thì.

“Khi các chức đến đọc kinh cùng kêu chúa đặng một hồi lâu, thì đồng hồ đánh ba giờ sáng. Khi ấy bạn tôi bắt tay tôi mà kéo tôi lại một bên miệng mà nói rằng: “Tôi biết vì làm sao mà tôi phải chết, song tôi cũng xin Chúa thứ tha cho thầy.” Nói rồi làm thỉnh cho đến bốn giờ thì linh hồn ra khỏi xác.

“Ôi! Thầy ôi! Khi tôi thấy tôi còn ở đời một mình thì sự buồn bực nó đã quá trí tôi đi. Lại khi tôi tưởng đến hai người, tôi đã thương mến quá chừng mà đã phải bị tay tôi mà chết thì tôi buồn bực sợ hãi đêm ngày.

## HUỶNH ÁI TÔNG

“Cho nên khi chôn cất bạn tôi rồi tôi xin thôi làm việc mà lên Saigon đăng xin Đức cha chuẩn cho tôi vô ở nhà dòng Tân-định mà tu trì đức hạnh ít lâu.

“Tôi vô nhà dòng rồi, thì tôi ở một cách sốt sắng lắm: đêm ngày tôi những đọc kinh cầu nguyện, ăn chay hãm mình cùng học hành siêng năng tử tế lắm cho nên các thầy bề trên tôi đều bằng lòng mà khen ngợi tôi hết. Tôi có ý ra sức mà làm các sự ấy, cho đừng quên hai tội tôi không xưng ra. Bởi vậy, bề ngoài người ta gọi tôi là người nhơn đức, mà hẳn thật tôi là đưa tội lỗi giả hình mà thôi, cho nên dầu tôi làm thế nào, thì lương tâm tôi cũng cắn rứt luôn chẳng khi nào cho trí khôn tôi bình an đăng.

“Thầy ôi! Tôi chịu cực mà học như vậy đã đăng sáu năm, chịu đăng chức thầy, cho đến năm kia là 1882, thì tôi mắc bệnh này; vì mình tôi đã mệt lại thêm trí tôi không an nữa thì nó sanh ra nhiều chứng bệnh lắm.

“Đã hai năm nay tôi ở nhà thương mà uống thuốc, song bệnh tôi càng ngày càng tấn tới thì thầy thuốc dạy tôi xuống Vĩng-tàu, “ở đó thanh khí có lẽ ông bớt chãng.”

“Nói tới đây thì trời vừa sáng, tàu đến Vĩng-tàu.

Vậy tôi mới nói với thầy ấy rằng: “Tội thầy đã nói với tôi đó là đều độc dữ lắm, song Chúa nhơn từ vô cùng, còn dung thầy sống đến nay thì thầy phải xưng tội thì Chúa sẽ tha cho thầy chãng sai đâu.”

Thầy ấy trả lời rằng: “Thầy đừng sợ làm chi, mai đây cha sở Bà-ri-a xuống Vĩng-tàu thì tôi sẽ xưng tội tôi ra hết, vì tôi chịu cực cũng đã quá trí rồi.”

Tôi lại hỏi rằng: “Thầy xuống Vĩng-tàu mà ở nhà ai?”

Thầy ấy trả lời rằng: “Tôi xuống ở nơi nhà cha Bà-ri-a đã cất đê mà nghỉ tạm khi cha xuống Vĩng-tàu.”

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Nói truyện vừa rồi tàu gieo neo; khi thầy ấy bắt tay tôi từ già mà lên đất, thì thầy ngó tôi mà rằng: “Thầy! Coi tôi cho rõ có lẽ ta gặp nhau lần này là lần sau hết. Xin thầy đi bằng an, đến sau khi thầy có xuống Bà-ri-a, thì tôi xin thầy hãy đọc một kinh nơi mộ LAZARO PHIÊN.” Nói rồi thầy Phiên xuống đò mà lên đất.

### X

Thầy ấy lên đất đặng nửa giờ thì tàu đi vô Bà-ri-a. Tôi ở Bà-ri-a, đặng một tuần lễ, rồi tôi trở lại Saigon không nghe tin thầy Lazaro Phiên nữa cho đến ngày 27 janvier 1884 thì người đem thư đăm đến nhà tôi một cái thư. Tôi coi ở ngoài bao thư thì thấy có đóng con dấu Bà-ri-a, tôi dỡ thư ấy ra thì thấy đề rằng:

*Bà-ri-a, ngày 25 janvier 1884*

*“Kính thăm thầy đặng mạnh giỏi trong chúa Khirixitô, cùng xin Chúa phù hộ cho hai vợ chồng thầy.*

*“Thầy ôi! Tôi xưa nay đã giấu tội tôi khi còn sống làm cho thiên hạ tưởng tôi là người trọn lành cho nên trước khi tôi bỏ thế mà xuống nằm nơi tro bụi tôi muốn cho người ta biết tôi là ai, biết tội tôi là thể nào. Vậy nay tôi mới viết thư này mà xin thầy giúp tôi làm việc ấy cho nên. Bây giờ có một mình thầy cùng cha sở Bà-ri-a biết các việc tôi mà thôi, mà cha sở người chẳng có phép mà tỏ tội tôi đã xưng ra với người. Bởi vậy tôi mới dám xin “thầy, khi tôi chết rồi, thì thuật truyện tôi lại cho mọi người biết, lại tôi xin thuật truyện sau này đặng cho thầy tiếp theo sự tôi đã nói cùng thầy dưới tàu Jean-Dupuis ngày 12 janvier 1884, có lẽ khi thầy đặng thư này thì Lazaro Phiên chẳng còn ở đời nữa.*

*“Tôi về Bà-ri-a đã đặng ba bữa rày cho đặng gần cha linh hồn, vì thầy thuốc đã đoán rằng: tôi không còn sống đặng hơn ba ngày nữa. Vậy ngày hôm qua tôi xin cha cho phép người ta*

## HUỶNH ÁI TÔNG

vòng tôi đi xuống Đất-đỏ mà viếng quê hương tôi một lần sau hết, ôi! Khi tôi thấy nơi tôi ở thuê còn thơ ấu thì hai hàng nước mắt tôi tuôn xuống ròng ròng.

“Khi ấy trí khôn tôi nhớ trực lại hết những sự trốn lánh cực khổ ông già tôi và tôi đã chịu khi còn bé thì tôi bước xuống vòng lại ngồi trên miệng giếng ở trước nhà tôi thuê trước cùng ôm mặt tôi mà khóc ròng; một hồi lâu tôi chỗi dậy lên vòng biểu người ta đem tôi về Bà-ri-a.

“Tôi về vừa đến nhà thì cha sở đưa cho tôi một cái thơ cùng dạy tôi đọc cái thơ ấy cho đến cùng.

“Tôi dở thơ ra thì thấy chữ viết trong thơ là chữ đồn bà không có ký tên. Vậy trong thơ ấy viết thế này; tôi xin chép lại đây cho thầy coi:

“Thơ này là thơ một người đã làm cho thầy phạm hai tội rất trọng cùng bởi hai tội ấy mà làm cho thầy chịu cực khổ mười năm nay, tôi cúi lạy thầy! Nay mai thì thầy sẽ về cùng Chúa cho nên tôi giám đến mà tỏ ra cùng thầy sự thiệt hại tôi đã làm cho thầy phải chịu, mà xin thầy hãy theo gương Chúa mà lấy lòng thương xót tha sự tội ấy cho một người đã có lòng thật thà mà ăn “nặng cùng đền tội mình.

“Lạy thầy tôi là một người đồn bà tội lỗi đại dột cùng bạc ác lắm; thuê tôi còn xuân xanh thì đã theo đảng tội lỗi mé sa sặc đục thế gian xát thịt, cho đến hai mươi một tuổi. Khi ấy tôi ở với ông quan ba kia ở tại đồn Bà-ri-a đã đặng ba tháng; rồi qua năm 1871 khi tôi thấy thầy xuống làm thông ngôn tại Bà-ri-a thì tôi lại đăm lòng mà thương thầy một cách rất lạ lùng lắm. Ban đầu tôi muốn người làm cách nọ thế kia mà đăm thầy vô đảng tội lỗi cùng tôi mà tôi thấy thầy khinh dễ chê ghét tôi, thì tôi lại kiếm thế mà oán thù. Tôi đã kiếm cách thế mà hại thầy đã hơn hai tháng, vừa may kế lấy thầy Liễu xuống đây mà

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*mua ngựa; nhưn dịp ấy tôi mới viết hai cái thơ giả chữ thầy Liễu, mà sai người đem giấu hai thơ ấy nơi áo bạn thầy, rồi tôi gởi một cái thơ khác cho thầy mà cáo gian hai người nhưn đưc ấy.*

*“Bây giờ thầy biết rõ ràng rằng: Bạn thầy cùng thầy Liễu là người vô tội mà đã bị chết oan vì tôi. Cho nên tôi lạy xin thầy tha tội cho tôi, thì Chúa cũng sẽ tha tội cho thầy.*

*“Tôi chẳng dám viết tên tôi vào thơ này; tôi xin thầy hỏi cha sở Bà-ri-a thì thầy sẽ biết tên người đờn bà tội lỗi ấy là ai.”*

Qua năm sau, là 1885 nhằm ngày bãi trường, tôi xuống Bà-ri-a một lần nữa mà thăm bà con cùng cha sở Bà-ri-a.

Ngày kia tôi đi cùng cha sở ra đất thánh mà viếng nhà thờ Tử-đạo, vì nơi ấy có ông bà tôi nằm đó. Khi tôi ra khỏi nhà thờ thì tôi thấy có một cái mộ gần một bên có cây thánh giá, có đề chữ mà mưa đã làm lu hết còn sót bốn chữ: 27 janvier 1884 mà thôi; tôi hỏi cha rằng: “Mộ ấy là mộ ai?” Cha sở trả lời rằng: “Mộ ấy là mộ thầy kia đã phạm tội trọng lắm, mà khi gần qua đời đã ăn năn tội một cách rất trọn lành cho nên bây giờ ở tại nước thiên đàng chẳng sai?” Tôi hỏi cha rằng: “Có phải là mộ thầy Phiền chẳng?” Cha sở vừa ừ; thì tôi quì gối nơi mộ mà đọc rằng: “Chúng tôi cậy vì danh Chúa nhưn từ cho linh hồn Lazaro Phiền đặng lên chôn nghỉ ngơi. Hằng xem thấy mặt Đức Chúa Trời sáng láng vui vẻ vô cùng.” trong ngực thuở bắt đạo khi Tây qua, thì tôi đã nghe bà già tôi nói lại nhiều lần; vì bà già tôi khi ấy cũng bị bắt bị đốt tại Bà-ri-a song đã trốn ra khỏi. – Đã hai mươi năm nay mà bốn chữ “Biên-hoà Tả-đạo” cũng còn rõ ràng nơi mép tai như mới khắc vậy.

-----

(1) Nhà thờ những kẻ Tử-đạo tại Bà-ri-a là nhà thờ nhỏ cất nơi mộ chôn xương những kẻ chịu đốt tại Bà-ri-a. Trong nhà thờ ấy,

## HUỶNH ÁI TÔNG

ở giữa có một cái mồ đầu mồ có một cái bàn thờ, nơi mồ ấy thì có sáu câu như vậy:

*Ba trăm bốn đạo xác nằm đây  
Những trông sống lại hưởng phước đây  
Vì chúa tù lao dư ba tháng,  
Cam lòng chịu đốt chết chỗ này,  
Lập mồ táng chung vào một huyệt,  
Giáo nhơn coi đó nhớ hằng ngày.*

(2) Truyện thầy tu thuật lại sau này về sự giam cầm

- 0 -

*Hầu hết những nhà nghiên cứu về văn học Việt Nam, đều nhận định rằng "Truyện Thầy Lazaro Phiền" của Nguyễn Trọng Quản, là quyển tiểu thuyết đầu tiên của Việt Nam, viết theo hình thức Tây phương. Ông đã viết tiểu thuyết bằng văn xuôi đi trước thời đại vài ba thập kỷ, trong khi chữ quốc ngữ chưa được phổ biến rộng rãi, người đọc chưa thể kịp thời thưởng thức văn chương của ông thời bấy giờ, người ta mới bắt đầu thưởng thức truyện Tàu, truyện diễn ca như "Lục Vân Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu... Tuy nhiên, lần đầu tiên ấn hành 3 ngàn bản và 2 thập kỷ sau đã tái bản đến lần thứ ba, điều này chứng tỏ tiểu thuyết của Nguyễn Trọng Quản sớm được ưa chuộng mặc dầu kỹ thuật dựng truyện còn vài khuyết điểm.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Trọng Quản Web: [brt.vn](http://brt.vn)
- Truyện Thầy Lazaro Phiền Web: [truyenthong.org](http://truyenthong.org)

## Chương thứ hai: Những tờ báo tiếp theo

Sau khi từ quan, Trương Vĩnh Ký vui thú tao nhã văn chương và muốn truyền bá học thuật mới, nên xuất bản một chuyên san học tập lấy tên là 通類課程 (*Thông Loại Khóa Trình*).

Chuyên san *Thông Loại Khóa Trình* ra đời năm 1888, sau 18 số thì tự đình bản năm 1889 vì thiếu tài chánh.

Sau *Thông Loại Khóa Trình* là tuần báo *Nam Kỳ*, cũng gọi là *Nam Kỳ nhật trình*. Thật ra chính danh của nó là *Nam Kỳ*, số đầu tiên ra ngày 11-10-1897, không rõ báo tồn tại trong bao lâu, nhưng người ta có tìm thấy số 80 phát hành ngày 11-5-1899.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tiếp theo là *Phan Yên báo* của Yên Sa Diệp Văn Cương ra đời vào cuối năm 1898, có người cho rằng ngay sau đó báo bị đình bản, có người cho rằng báo ra được 7, 8 số thì đình bản, như thế báo đình bản năm 1899.

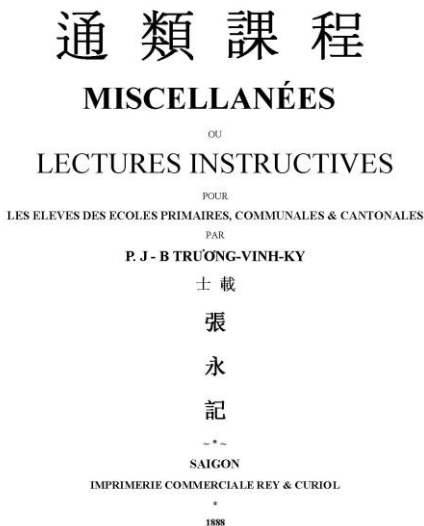
Sau đó mới đến *Nông Cổ Mìn Đàm* ra đời năm 1901, tờ báo này khai sinh ra phong trào dịch truyện Tàu.

Sau *Nông Cổ Mìn Đàm* tới *Lục Tinh Tân Văn* ra đời năm 1907, là tờ báo hô hào phát triển thương mại, cổ võ cho phong trào Đông Du và Duy Tân.

Sau đó là những tờ *Nam Kỳ Địa Phận*, *Nữ Giới Chung*, *Đông Pháp Thời Báo*, *Đuốc Nhà Nam*, *Thần Chung*, *Công Luận*, *Phụ Nữ Tân Văn* ....



Tiết 1: Thông loại khóa trình.



Nó giống như Gia Định Báo ở chỗ có hàng chữ Hán Thông Loại Khóa Trình ở trên: 通類課程 bên dưới là hàng chữ Miscellanées, số 1 và 2 không ghi tháng phát hành, số 3 có ghi Juillet 1888, như vậy số 1 có thể ra vào tháng 5 (Mai) năm 1888. Số cuối cùng là số 18 ra tháng 10-1889. Khổ 16cm × 24cm, từ số 1 đến số 3 mỗi số có 12 trang, từ số 4 trở đi, mỗi số có 16 trang.

Từ số đầu cho đến số 5, các bài đều không có ghi tên tác giả, nhưng theo bài Báo, những bài ấy đều của Trương Vĩnh Ký viết, kể từ số 6 mới có thêm các bài văn vắn, gọi là diễn Nôm của Trương Minh Ký làm đề giải nghĩa các câu chữ Nho, có lẽ để cho người ta dễ học thuộc lòng, sau đó mới có bài của những người khác.

Những người cộng tác gồm có:

- Léon Trương Vĩnh Viết là con trai của Trương Vĩnh Ký.

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Trương Minh Ký, học trò của Trương Vĩnh Ký, giáo viên Trung học Adran.
- Nguyễn Khắc Huệ, người Bến Tre, giáo viên dạy chữ Nho trường Chasseloup Laubat
- Trần Hữu Hạnh, người Bến Tre, giáo viên trường Collège des Stagiaires
- Linh mục Lê Minh Triết ở Bình Định
- Linh mục Nguyễn Biểu Đoan ở Cầu Kho
- Y sĩ Trần Văn Nghĩa ở Hà Nội
- Nguyễn Xuân Quon
- Trần Chánh Chiêu...

Về nội dung gồm có :

- Dạy chữ Nhu (chữ Hán)
- Dạy chữ Pháp (thời bấy giờ gọi là Phang sa hay Lang sa)
- Giảng nghĩa về luân lý
- Khảo cứu về thi ca, phong tục.
- Nhơn vật (danh nhân)

Bài *Cho hay* trong số cuối cùng 18, phát hành tháng 10 năm 1889, Trương Vĩnh Ký đã viết: “*Nay vì bởi không có vốn cho đủ in luôn Thông loại khoá trình nữa nên ta cực chẳng đã, phải đình in*”.

Như thế *Thông Loại Khóa Trình* tồn tại 18 số từ năm 1888 đến tháng 10 năm 1889.

Sau đây là các bài trích dẫn:

(hàng chữ Hán đọc từ trái: Thường Bả Nhất Tâm Hành Chánh Đạo)

道正行心一把常

*Bảo*

*Coi sách dạy lắm, nó cũng nhàm; nên phải có cái chi vui pha vào một hai khi, nó mới thú.*

*Vậy ta tính làm ra một tháng đôi ba kì, một tập mỏng mỏng nói chuyện sang đàng, chuyện tam hoàng cuộc chí, pha phách lộn lạo xào bần để cho học trò coi chơi cho vui. Mà chẳng phải chơi không vô ích đâu, cũng là những chuyện con người ta ở đời nên biết cả. Có ý có chí thì lâu nó cũng thấm, như là trí con trẻ còn đang sáng láng sạch sẽ, tinh thần còn minh mẫn, tươi tốt như tờ giấy bạch, như sáp mềm, vẽ vờn, uốn sửa sắc nào thế nào cũng còn dặng: tre còn măng để uốn, con còn nhỏ để dạy.*

*Phép học là trước học lễ sau học văn; được cả hai ấy mới ra con nhà gia giáo, biết phép tắc, lễ nghi, can thường, luân lý, biết chữ nghĩa văn chương, kinh sử, truyện cổ tích cổ kim ấy là đáng đợc con người tử tế: ở đời dù sao cũng chẳng nao, chẳng méch: vì hể người 道心人 đạo tâm nhơn, người 孝心人 hiếu tâm nhơn, người 好心人 hảo tâm nhơn, và người 善心人 thiện tâm nhơn thì 皇天不負 hoàng thiên bất phụ. Lấy đó làm mực mà ở thì nên, vì trời đất không lầm 天地不錯 thiên địa bất thác. Hãy cứ thường nắm một lòng làm đạo chính thì sẽ qua truông đời xống (2), xống bình an vô sự.*

*P. Trương Vĩnh Ký*

*(Số 1, trang 3)*

**Câu Chữ Nhu**

HUỶNH ÁI TÔNG

十分惺惺使五分留取五分與兒孫

*Thập phần tinh tinh sử ngũ phần, lưu thủ ngũ phần giữ nhi tôn*

十分惺惺都使盡後代兒孫不如人

*Thập phần tinh tinh đô sử tận, hậu đại nhi tôn bất như nhân*

*Nghĩa đen:*

*Mười phần rành rành dùng lấy năm phần, Để lại lấy năm phần cho con cháu;*

*Mười phần rành rành đều mình dùng hết, Đời sau con cháu chẳng như người ta.*

*Nghĩa là:*

*Như mình cóặng giàu sang rõ-ràng cả mười phần thì hãy hưởng lấy năm phần mà thôi, để dành lại năm phần sau con cháu hưởng với: vì nếu như mình được mười phần mình hưởng hết đi cả mười, thì đời sau con cháu mình còn gì mà hưởng, té ra sa sút chẳng bằng người ta.*

*Trương-Minh-Ký diễn ra ca Nôm rằng:*

*Mười phần rõ rõ lấy năm xài, Để lại năm phần trẻ gái trai,  
Rõ rõ mười phần đều dùng hết, Đời sau con cháu dám bì ai.*

**Một hai câu tiếng Phangsa**

*{Monsieur, (Bongdur moxo) = chào ông*

*Bonjour {Madame, ( ---- ‘----- madăm) = chào bà*

*{Mademoiselle, (-- ‘--madomoaxel) = chào cô*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Comment cela va-t-il? (Còmǎng xa va ti) = mạnh-khỏe thế nào?*

*Cela va bien (xa va biêng) = mạnh khỏe.*

*Où allez-vous? (u alê vú) = anh đi đâu?*

*Je vais me promener (dờ ve mơ promônê) = tôi đi dạo*

### Tam Cang Là Những Cang Nào?

1. là 君臣 *quân thân* = vua tôi (=vua với tôi)

2. “ 父子 *phụ tử* = cha con (= cha với con)

3. “ 夫婦 *phu phụ* = vợ chồng (= vợ với chồng)

君為臣綱 *quân vi thân cang* (vua là giềng tôi)

父為子綱 *phụ vi tử cang* (cha là giềng con)

夫為妻綱 *phu vi thê cang* (chồng là giềng vợ)

*Chỉ vua với tôi ở cùng nhau phải cho có đạo, cha với con ở cùng nhau phải cho có tình, chồng với vợ ở cùng nhau phải cho có nghĩa là thuận hòa với nhau.*

*Ấy là ba giềng cả.*

*Giềng là mối dây bìa giềng lưới, có nó mới thành tám lưới, mới chắc cho lưới.*

(Số 1, trang 5 và 6)

### Về Tam Cang

*Ở dưới đời, người ta không phép sinh ra mà ở một mình cho đặng. Có cha có mẹ, có anh em chị em, bà con cô bác, có bằng-hữu, thân-quyến. Có vợ có chồng sanh con đẻ cháu ra*

## HUỶNH ÁI TÔNG

nổi dòng; thành nên gia-thất; nhiều ra, ở lan ra có xóm có làng, có huyện, có phủ, có tỉnh, có xứ, có nước, có ra như vậy thì phải có tôn-ti, đẳng-cấp, nên phải có vua có chúa, có quan có quyền mà cai-trị, gìn-giữ đùm-bọc lấy nhau cho yên nhà vững nước.

Vì vậy phải có đạo tam-cang ràng-riết vấn-vít nhau; mà giữ phép ở với nhau cho trên thuận dưới hòa, thì mới bảo hộ nhau được. Lớn theo phận lớn, nhỏ theo phận nhỏ các y kỳ phận thì bằng-an.

Vua cũng có phép buộc phải ở với tôi dân làm sao; con dân cũng có luật buộc phải ở với vua quan thế nào cho phải đạo. Cha mẹ có phận phải giữ với con-cái cách nào; con-cái có phép dạy phải ở làm sao với cha mẹ cho trọn niềm; còn chồng với vợ cũng có ngãi phải giữ với nhau cho trọn nhân trọn ngãi nữa.

Ấy là ba mối cả, là chánh giềng làm nên tám lưới chắc chắn vững bền.

(Số 2, trang 3)

### Lý-Thường-Kiệt 李常傑

Lý-thường-Kiệt người tỉnh **Hà-Nội**, huyện **Vĩnh-Thuận** làm quan tướng nhà Lý. Thuở ấy bên **Tàu** nhà **Tống** nghe lời **Vương-an-Thạch** mà khinh dị Annam, vua **Lý-nhơn-Tông** mới sai **Lý-thường-Kiệt**, với **Tông đảng** đem 10 vạn binh qua đánh **Tống**, lấy đất **Châu Khâm**, **châu Liêm** giết **Thương-thủ-Tiết**, lấy châu **Ứng**, giết châu **Nham** và hơn 10 vạn con người ta.

Sau **Tống** sai binh tướng qua đánh Annam, khi đóng binh tại bờ sông **Như-nguyệt**, thì **Lý-thường-Kiệt** biết bụng dân hay tin tướng thần thánh, thấy **Quách-quì** với **Triệu-tiết** đem binh **Tàu** hơn 87 vạn qua, nao sợ ngã lòng, thì dụng mưu mà làm cho

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

vững lòng quân. Vậy mới cho người ra sau bàn-thờ miếu ông **Trương-trưởng** giả thần ứng phán, ngâm như lời sấm bốn câu như sau đây.

Nam quốc sơn-hà nam đế cư,  
Tiệt nhiên phân-định tại thiên thư.  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Binh lính nghe liền vững bụng, bèn đánh quân nhà Tống phải thua. Ông **Lý-thường-Kiệt** là người nhiều mưu-lược, có tài tướng-soái, làm tới 3 đời vua, đánh Tống thua, dẹp an **Chiêm-thành**, huân-nghiệp công-trận lớn lắm. Được tặng là **Việt quốc công**.

Đời nhà Nguyễn, Minh Mạng năm thứ 4 cho tế theo trong miếu **Lịch-đại đế vương**.

(Số 3, trang 3)

### Hát Nhà Trò

Hát nhà trò là tục ngoài Bắc vô tới Nghệ-An, Hà-Tĩnh chỉ sông Gianh.

Tại kinh thành Huế cũng có mà là đào ngoài Bắc rước vô dùng tại triều.

Ngoài Bắc hễ khi có đám-tiệc, hội-hữu, hôn-tế, kì-yên, chạp-miếu, thì thường có hát nhà trò. Tùy theo ý chủ muốn, có khi kêu một đào một kép, có khi hai, có khi năm bảy hay là nhiều hơn mặc ý mình. Trải chiếu dưới đất, đào ra ngồi hát đó, kép cầm **đờn đáy** gảy ngồi lại một bên.

Thường đào là con-gái có xuân-sắc, chuyên tập nghề xướng-ca, ngâm-nga, múa hát, bắt-bộ v.v. tục kêu là cô-đào (đầu B).

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Tay cầm quạt tay cầm sanh nhịp, miệng hát nhiều cung bậc giọng thấp cao ngân-nga hay và êm tai lắm.*

*Hát thì hát những là Ca-trù, hoặc giặm Túy-kiều, câu hát rời, Tần cung-oán, Chinh-phụ-ngâm, thơ phú hoặc kể truyện. Có người đánh trống nhỏ cầm châu hoặc là chủ đám, hoặc là người chủ nhòng mời. Hát cũng có khi đứng khi ngồi, khi múa tay, bắt bộ. Lại có khi bắt đào quình tương (13) rượu cho khách, là bắt tay bung chén rượu, chơn bước khoan- thai, miệng hát câu chi cho hay đẹp tình ưa ý khuyên mời khách uống, đem lại dâng đưa vô tới miệng.*

*Cung giọng nhà-trò thường là những cung giọng này*

- |               |                |
|---------------|----------------|
| 1. Mẫu dựng   | 9. Hãm         |
| 2. Thiệt nhạc | 10. Cung bậc   |
| 3. Ngâm vọng  | 11. Cửa quyền  |
| 4. Tì bà      | 12. Non mai    |
| 5. Tắc phản   | 13. Nường hạnh |
| 6. Hát hói    | 14. Chử khi    |
| 7. Gửi thư    | 15. Thơ        |
| 8. Huình      | 16. Thông      |

(Số 4, trang 13)

### Nữ nhi ca

*Ăn vóc học hay  
Một ngày một lớn  
Bớt giỡn bớt chơi  
Cười cười nói nói  
Khoe giỏi khoe khôn  
So hơn tính thiệt  
Cướp việc tranh công  
Ăn chùng nói vụng  
Làm nũng khóc la  
Nghịch cha nghịch mẹ*



BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Hiếp trẻ đánh em  
Nhem thềm sấp nhỏ  
Điều có nói không  
Đòi bông đòi ãm  
Đi tắm không kỳ  
Mặt lý mày lợm  
Đóng khóm, đóng hờm  
Đổ cơm đổ cháo  
Vọc gạo giỡn tiền  
Bông kiếng vòng chuỗi  
Đòi cối đòi đao  
Leo trèo nhảy múa  
Chươi rửa rây la  
Gần xa nghe tiếng  
Làm biếng ngủ ngày  
Tì rây bỏ hết  
Có nét có na  
Thờ cha kính mẹ  
Thương trẻ mến em  
Dưới êm trên thuận  
Đi đứng diu dàng  
Ra đàng tề chỉnh  
Cung kính khiêm nhường  
Kẻ thương người mến  
Ai đến hỏi chào  
Có sao nói vậy  
Mắt thấy tai nghe  
Còn e làm lỗi  
Phước tội chẳng chùng  
Nên đừng nói bậy  
Kẻ vay người ngay  
Mặc ai phải chẳng  
Ngay thẳng thiết tha  
Việc nhà lân học  
Kẻ tóc chơn tơ

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Ngày giờ phải tiếc  
Cứ việc làm ăn  
Cho bằng chúng bạn  
Việc bán việc buôn  
Học khôn học khéo  
Thêu kiêu và may  
Hàng ngày ra sức  
Bánh mứt nem bì  
Món chi cũng giỏi  
Mới gọi gái lành  
Rạng danh thực nữ  
Quân tử hảo cừu  
Danh lưu hậu thế  
Dạy để mấy lời  
Phen người dòm ngọc*

Trương Minh Ký làm

(Miscelanées, số 8 Decembre 1888, trang 15)

*Tóm lại, Thông Loại Khóa Trình được coi như nguyệt san văn học, nội dung gồm có những bài sao lục, một số bài khảo cứu và sáng tác; phần lớn dùng văn vần và không có hình ảnh trang trí. Đây là một chuyên san văn học, là tờ báo quốc ngữ thứ hai, nhưng nó là tờ báo tư nhân đầu tiên ở Nam Kỳ cũng như ở Việt Nam, đã có trước những tờ báo do người Pháp đứng tên sau này.*

Tài liệu tham khảo:

- *Thông Loại Khóa Trình* Web: [ahvinhnghiem.org](http://ahvinhnghiem.org)
- *Bảo*, Trương Vĩnh Ký *Thông Loại Khóa Trình* số 1, trang 3, 1888

Tiết 2: Nhựt trình Nam Kỳ

MỘT XẤP GIÁ MỘT CÂY ĐẠC.  
 Ngày 25 tháng chín năm 1897. Năm thứ nhứt — 52 1. Ngày thứ năm 21 Octobre 1897.

# NAM KỲ

NHỰT TRÌNH MỖI TUẦN LỄ IN MỘT LẦN NHĂM NGÀY THỨ NĂM.

giá nhựt trình này năm Nam-Kỳ, Lào, và Siam 5. 5      6. 5		Director: A. SCHNEIDER. ở số 40 rue de Valenciennes, Paris. A. SCHNEIDER Director ở Nam-Kỳ, 52, rue Nationale, SAIGON.	Ai muốn in báo chí thì phải in ở đây, vì đây là nơi in báo chí đẹp nhất và rẻ nhất ở Đông Dương. Mọi người muốn in báo chí phải đến đây để nói chuyện.
--	--	---	---

## LỜI CÙNG CÁC NGƯỜI COI NHỰT TRÌNH TA.

Làm nhựt trình hôm nay gọi là nhựt trình Nam Kỳ, để cho ai nấy coi chung; ấy là điều chúng ta muốn làm cho người Annam rõ biết sự Nhà nước cũng các quan trên nghị định nhiều việc là vì lẽ gì; nếu các nghĩa không rõ thì sẽ sinh ra điều lầm lạc, chớ hiểu.

Chúng ta cũng có ý muốn làm cho người Annam hiểu biết các nước ở chung quanh mình, cho biết chính sự, phong tục cũng sự các nước ấy giao hảo cũng nước Langsa thế nào, chúng ta cũng có ý bình vực các điều lợi ích cho dân bốn-quốc, làm cho người bốn-quốc đều biết về sự ích lợi riêng ngoài, làm cho các kẻ ấy đừng xảo.

Trong nhựt trình Nam Kỳ này bằng những gì chúng ta đem những lời dạy bảo người Annam, chẳng những là chúng ta đem những điều lợi về việc Nhà nước, về việc làng xã tại cõi Đông-Dương, mà chúng ta

lại còn đem những chuyện các nước ở gần, như là nước Trung-Quốc, Nhựt-Bản, Lê-Tông, các thuộc địa Hồng-Mao ở bên Thôn-Trạc, cũng nước Xiêm, vãn vãn...

Nhựt trình Nam Kỳ cũng làm như các nhựt trình khác, nghĩa là cũng chừa khoản chừa hàng cho ai nấy được thể đem những điều mình muốn nói, những văn thơ vãng lai các người có chịu tiền không gởi cho mình.

Về việc chữ nghĩa thì dùng những tiếng tầm thường, không dùng những tiếng cao kỳ, dân sự ít biết. Chúng ta có ý nói về điều này, là vì nhựt trình Nam Kỳ thì là để mà báo những chuyện có ích cho mọi người đều hiểu, không phải là chuyện cao xa để cho một ít người thông minh hiểu biết mà thôi. Những người Annam hay chữ nghĩa thì thông hiểu tự chúng ta, thì làm việc rõ ràng, chúng cũng chấp sự chúng ta dùng những tiếng tầm thường, vì các người ấy đi biết là việc làm ích chung cho mỗi một người.

Đang lúc chúng ta viết nhựt trình, chúng ta thường gặp những tiếng không có nghĩa cho đồng cùng tiếng Annam, như tiếng tiếng cao kỳ thì có

Nam Kỳ là tuần báo, số ra mắt ghi rõ: Năm thứ nhứt, số 1 phát hành ngày Thứ Năm 21 Octobre 1897 (21-10-1897), dưới đó có tên của báo vốn vẹn có hai chữ Nam Kỳ, và ở dưới đó có dòng chữ: Nhựt trình mỗi tuần lễ in một lần nhằm ngày thứ năm. Như thế chúng ta hiểu đây là tuần báo, nhưng danh từ nhựt trình của tờ Nam Kỳ đã khai sanh ra danh từ để chỉ cho tờ báo, người miền Nam thường dùng danh từ “nhựt trình” hơn là “tờ báo”.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhật trình *Nam Kỳ* do A. Schreiner làm chủ nhiệm, trụ sở báo đặt tại 53 đường National, Saigon.

Giá mua báo trọn năm ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Mên và Lào là 5\$, Lang sa (Pháp) và ngoại quốc là 6\$. Ở trên cùng có ghi Một xấp giá một cắt bạc.

Có lời rao:

*“Ai muốn mua, hay là muốn in việc chi vào nhật-trình này thì phải gửi bạc cho ông A. Schreiner Directeur du Nam-kỳ, 53, rue National, SAIGON”*,

*“Ai muốn in việc chi thời phải do sở nhật-trình, hai đảng tùy thích mà định lấy giá cả,”*

*“Mua nhật-trình Nam Kỳ thời phải mua cho đủ một năm.”*

Đến năm 1899, giá bán báo có ghi thêm: *Còn bán lẻ mỗi số là 0 \$ 15 (15 xu)*, và lời rao thay đổi như sau:

*Ai muốn mua, hay là muốn in việc chi vào nhật-trình này thì phải gửi bạc cho ông A. Schreiner Directeur du Nam-kỳ, 53, rue National, SAIGON.*

*GIÁ IN LỜI RAO BÁO* Giá in một phân tây xen vô giữa mấy trang nhật-trình thì là ...1\$25. Giá in một phân tây vào mấy trang ở phía sau, thì là ... 1\$00.

Theo như nhà phê bình Nguyễn Vy Khanh cho biết, nhật trình *Nam Kỳ* trong những số đầu có 16 trang, đăng các bài sáng tác, biên khảo, các nghị định nhà nước, tin tức ở Nam Kỳ, Đông Dương, tin quốc tế và những quảng cáo.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Những người cộng tác với nhựt trình *Nam Kỳ* có: Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký với bài *Trái đất* đăng trong số 1, Thê Tải Trương Minh Ký với bài *Loài người ta* đăng trong số 2, Yên Sa Diệp Văn Cương với bài *Nông vụ* đăng trong số 1 và Huỳnh Tịnh Paulus Của với *Chuyện tiểu đàm, chuyện giải buồn*, ...

Theo như bài *Ai là người Chủ bút báo quốc ngữ có tên Nam Kỳ* của ông Võ Xuân Quế cho biết số đầu tiên phát hành ngày 21 tháng 10 năm 1897, tồn tại trong 4 năm cho đến ngày 29-3-1900 được tất cả 125 số. Chủ nhiệm cũng như Chủ bút là ông Alfred Schreiner.

M THỨ HAI, -- SỞ 80.

NGÀY MÔNG 2 THÁNG TƯ NĂM ...      NGÀY THỨ NĂM, 11 MAI 1899.

# NAM KỶ

NHỰT TRÌNH MỖI TUẦN LỀ IN MỘT LẦN NHĂM NGÀY THỨ NĂM.

GIÁ NHỰT-TRÌNH MỘT NĂM: Tại Nam-Kỳ, Tại Laos và Bắc-Kỳ, Cao- Ngạc-Quốc. Môn, Lào. <b>5 \$      6 \$</b> Còn bán lẻ mỗi số là 0 \$ 15.	Directeur : A. SCHREINER. Ai muốn mua, hay muốn in việc gì nào nhựt-trình này thì phải gởi bạc của ông A. SCHREINER, Directeur của Nam-Kỳ ở rue Nationale, SAIGON.	GIÁ IN LỜI RAO BAO Giá in một phân tay xem về giữa máy trường nhựt (1 \$ 25 trình, thì là .....) Giá in một phân tay vào máy trường lời rao ở phía (1 \$ 00 sau, thì là .....) Le maximum d'insertions autorisé dans les pages de journaux: 1525. -- Le maximum d'insertions dans les pages d'annonces: 1500.
--	--	--

### Lời nói thường dùng, rút trong Tam-Quốc

- 64 -

- |   |   |
|---|---|
| Đồng tâm hiệp lực, ✓<br>Phòng sơn khai lộ,<br>Phi y tẩy tước,<br>Tham sanh hủy tử, ✓<br>Tham vinh mộ lợi,<br>Hồ quân cầu đảng,<br>Thơ phù niệm chú,<br>Bì khai nhục liệt,<br>Tả xung hữu đột, ✓<br>Văn thân vô sỉ,<br>Tề bản bạt khổ,<br>Lan tâm cầu hạnh,<br>Văn quan vô tướng,<br>Sơ tài trường nghĩa,<br>Chiêu hiền đãi sĩ, ✓<br>Chử ưu thần nhục,<br>Kinh thiên giá hải,<br>Hộ phong hoán vô,<br>Mọi quan chức tước,<br>Khi quân đồng thương,<br>Khi minh dấu ám,<br>Thâm căn cơ đồ, ✓<br>Pháp Nghiêu thiện Thuần,<br>Thiết mưu định kế,<br>Khương quân phụ quốc, | Tích đức lự nhơn.      1.<br>Túc cổ yển kỷ.<br>Nhựt phục dạ hành.<br>Yên ngữ hoành thính.<br>Bội ngời vọng án. ✓<br>Tắc hạn diện cù.<br>Diệu vũ dương oai. ✓<br>Thiêu kiệt đa hung.<br>Phần cốt toái thân.<br>Quật kỉ đãi nhơn.      10.<br>Kích cổ minh cầm.<br>Tuân lãnh cáo sào.<br>Cứu nạn phò tai.<br>Động địa chấn thiên.<br>Túc tri đa mưu.<br>Hải phật giang phiến.<br>Bình bại tướng vong.<br>Xu hổ thân lan.<br>Hạn quốc bại dân.<br>Tấn tướng chiết binh.      20<br>Nhạc hãm sơn bản.<br>Hồ thê lán yếu.<br>An Hán hưng Lưu.<br>Xuất qui nhập thân. ✓<br>Phi lực lao tâm, |
|---|---|

Trích văn:

**Lời cùng các người coi nhựt trình ta**

Làm nhựt trình hôm nay gọi là nhựt trình Nam Kỳ, để cho ai nấy coi chung; ấy là điều chúng ta muốn làm cho người Annam rõ biết sự Nhà nước cùng các quan trên nghị định nhiều việc là vì lẽ gì; nếu cất nghĩa không rõ thì sẽ sinh ra điều lầm lạc, khó hiểu.

Chúng ta cũng có ý muốn làm cho người Annam hiểu biết các nước ở chung quanh mình, cho biết chánh sự, phong tục cùng sự các nước ấy giao thông cùng nước Langsa thế nào, chúng ta cũng có ý binh vực các điều lợi ích cho dân bốn-quốc, làm cho người bốn-quốc hiểu biết sự thế mình ra làm sao, làm cho người bốn-quốc hiểu biết về sự lợi ích riêng ngoài, làm cho các kẻ ấy đặng nhớ.

Trong nhựt trình Nam Kỳ này chẳng những là chúng ta đem những điều dạy bảo người Annam, chẳng những là chúng ta đem những điều nói về việc Nhà nước, về việc làng xã ở tại cõi Đông-Dương, mà chúng ta lại còn đem những chuyện các nước ở gần, như là nước Trung-Quốc, Nhựt-Bôn, Lữ-Tổng (1), các thuộc địa Hồng Mao (2) ở bên Thiên-Trước (3), cùng nước Xiêm (4), vân vân...

Nhựt trình Nam Kỳ cũng làm như các nhựt trình khác, nghĩa là cũng chừa khoản chừa hàng cho ai nấy được thể đem những điều mình muốn nói, những văn thơ vảng lai các người có chịu tiền khảng gởi cho mình.

Về việc chữ nghĩa thì dùng những tiếng tầm thường, không dùng những tiếng cao kỳ, dân sự ít hiểu. Chúng ta có ý nói về điều này, là vì nhựt trình Nam Kỳ thì là để mà rao báo những chuyện có ích cho mọi người đều hiểu, không phải là chuyện cao xa để cho một ít người thông minh hiểu biết mà thôi. Những người Annam hay chữ nghĩa đã thông hiểu ý tứ chúng

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

ta, thì biết việc rõ ràng, chẳng câu chấp sự chúng ta dùng những tiếng tầm thường, vì các người ấy đã biết là việc làm ích chung cho mỗi một người ...”

(trích nguyên văn *Nam Kỳ*, số 1, trang 1, năm 1897)

-----  
Ghi chú của người biên soạn.

- (1) Lữ Tông: Phi Luật Tân
- (2) Hồng Mao: Anh Quốc
- (3) Thiên-Trước: Ấn Độ
- (4) Xiêm: Thái Lan

### Lời nói thường dùng, rút trong Tam-quốc

Đồng tâm hiệp lực,	Tích đức luy nhơn.
Phùng sơn khai lộ,	Túc cô yển kỳ.
Phi y tẩy túc,	Nhật phục dạ hành.
Tham sanh hỷ tử,	Yên ngữ hoanh thịnh.
Tham vinh mộ lợi,	Bội ngời vong ân.
Hồ quân cầu đảng,	Tác hạn diện cú.
Thơ phù niệm chú,	Diệu vũ dương oai.
Bỉ khai nhục liệt ,	Thiếu kiết đa hung.
Tả xung hữu đột,	Phản cốt toái thân.
Văn thần võ sĩ,	Quật kỷ đãi nhơn.
Té bản bạt khổ,	Kích cổ minh câm.
Lan tâm cầu hạnh,	Tuấn lãnh cao san.
Văn quan võ tướng,	Cứu nạn phò tai.
Sơ tài trượng nghĩa,	Động địa chấn thiên.
Chiêu hiền đãi sĩ,	Túc trí đa mưu.
Chữ ưu thần nhục,	Hải phát giang phiên.
Kĩnh thiên giá hải,	Binh bại tướng vong.
Hồ phong hoá võ,	Xu hổ thân lan.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mại quan chúc tước,	Hạ quốc hại dân.
Khi quân võng thượng,	Tôn tướng chiết binh.
Khi minh đầu ám,	Nhạc hãm sơn bản.
Thâm cặng cố đế,	Hỗ thể lân yêu.
Pháp Nghiêu thiện Thuấn,	An Hán hưng Lưu.
Thiết mưu định kế,	Xuất qui nhập thần.
Khuông quân phụ quốc,	Phủ lực lao tâm.

(trích nguyên văn *Nam Kỳ*, số 80, trang 1, năm 1899)

*Cũng là Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký là những nhà văn đã viết trên Gia Định báo, Thông Loại Khóa Trình. Nhưng nhật trình Nam Kỳ đã tiến bộ hơn, ngoài những sáng tác văn chương còn có tin tức, chẳng những ở trong nước mà còn ở các nước lân cận, lợi ích đó sẽ mang đến cho độc giả thấy xa, hiểu rộng hơn.*

Tài liệu tham khảo:

- Nhật trình Nam Kỳ Web: [namkyluctinh.org](http://namkyluctinh.org)
- Lời nói thường dùng, rút trong *Tam-quốc* Web: [sachxua.net](http://sachxua.net)



## 1. Alfred Schreiner



**Alfred Schreiner (1852-1911)**

Alfred Schreiner tên đầy đủ là Louis Alfred Schreiner, sinh ngày 6 tháng 1 năm 1852 tại Strasbourg, Cộng hòa Pháp. Là một người thích thám hiểm.

Năm 1870, Schreiner gia nhập đội quân Zouave của Pháp. Trong cuộc chiến tranh giữa Pháp và Đức (1870-1871) A. Schreiner bị bắt làm tù binh ở tại Đức trong 4 tháng.

Sau khi được ra tù, năm 1872 ông gia nhập hải quân rồi lên đường tham gia chiến dịch Caledonia, một hòn đảo ở Thái Bình Dương, từ năm 1873 đến năm 1877.

Năm 1884 A. Schreiner đến Thái Lan và năm 1885 đến định cư ở Nam Kỳ.

Sau khi trở thành một nhà đo đạc và phụ trách khảo sát địa chính, năm 1897, ông thành lập báo *Nam kỳ* bằng chữ Quốc Ngữ và năm 1899 một ấn bản chữ Pháp có tên là *Le Nam-Kỳ*. Trong thời gian này, ông cũng làm chủ bút tờ báo *Courrier saïgonnais*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1902, ông giữ chức vụ Phó chủ tịch của Hội nghiên cứu Đông Dương (Société des Études Indochinoises). Năm 1903, ông được bổ nhiệm làm giám đốc của Livre Foncier de Cochinchine và sau sự thất bại của dịch vụ này, năm 1908 ông làm giáo sư dạy tại Collège Chasseloup-Laubat (trường trung học đầu tiên của Sài Gòn, lúc đầu có tên là Collège Indigène - Trung học bản xứ)[1].

Ông mất ngày 8 tháng 7 năm 1911 tại Sài Gòn.

Sau 26 năm sống và làm việc ở Nam Kỳ từ năm 1885 đến năm 1911, Alfred Schreiner đã viết và xuất bản những ấn phẩm cả bằng tiếng Pháp và tiếng Việt như sau:

- *Essai historique: la Nouvelle-Calédonie depuis sa découverte (1774) jusqu'à nos jours* (Tiểu luận lịch sử: New Caledonia từ khi được phát hiện (1774) cho đến ngày nay. Paris: E. Dentu, 1882, 369p.
- *Les institutions annamites en Basse-Cochinchine avant la conquête française* (Các thể chế của người An Nam ở Hạ Nam Kỳ trước cuộc chinh phục của người Pháp), 3 tập. Xuất bản lần đầu ở saigon, 1901. In lại Westmead, 1969.
- *Abrégé de l'histoire d'Annam*; 2e édition, augmentée de la période comprise entre 1858 et 1889 (lược sử An Nam. Phiên bản thứ 2, từ giai đoạn giữa 1858 và 1889). Saïgon: l'auteur, 1906. 2e éd., 587p.
- *Đại-nam quốc lược sử*; Nguyễn-văn-Nhàn diễn ra quốc ngữ theo kì in tiếng langsa lần thứ hai, có chủ bút quản sóc, Saïgon: Impr. de Claude, 1905, 340p. (Bản dịch tiếng Việt cuốn “Abrégé de l'histoire d'Annam”).
- *Báo Nam-kỳ*. Nhựt trình mỗi tuần lễ in một lần nhằm ngày thứ năm (1897-1900)
- *Le Nam-ky*. Édition française (Numérotation: 1899-juil -1901 [I-III n° 1-96]
- *Le Courrier saïgonnais* (1899)

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

– *Le Livre foncier, suivi du rapport au lieutenant-gouverneur de la Cochinchine sur l'organisation de l'immatriculation foncière en divers pays*, Saigon, 1904, 1 vol. 128p.

– “*Conférence sur l'enseignement en Indochine*”, Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises 44 (1), 1908, p.163-168.

Theo De Francis, Schreiner còn có tác phẩm chưa xuất bản: *La langue annamite de Basse-Cochinchine*.

Trích văn:

### **Lời cùng quý hữu coi nhứt báo ta:**

Số này ngưng cuộc nhứt-trình Nam-Kỳ như đã in bấy lâu. Nhứt-trình sẽ ngưng và khi ta về nước Lang-sa mà trở lại xứ này ta sẽ ra sức làm khá hơn.

Thuở ta lập nhứt báo này, ta tưởng có phép nói chuyện quốc chánh trong việc giúp đỡ người bôn quốc, ta tin chắc binh vực đặng sự mấy người ấy làm. Song việc bất thành, vì chung sự bàu chữa như thế, phải bao biếm, kêu nài, lại thường khi cũng phải chống kình cùng nhà nước. Vừa in số nhứt trình đầu, thì quan trên đà đe đều ấy, kế sau có một điều luật lập ra cấm tuyệt đi.

Người ta thường khi trách ta làm sao không dẫn hộ người bôn quốc, sự đó sai lắm, bởi vì ít kẻ biết sự ta mới nói đây, ít kẻ hiểu ta cũng như một người bị trói cột, khôn phương vùng vẫy. Các đều ta thỉnh cho Ngọc-hữu rõ hôm nay là xin nghĩ đến lòng tốt ta, cùng xin nhớ ta chẳng khi nào nguôi ngoai hết mền con nhà annam. Trong tờ nhứt-trình chót này ta xin cảm ơn tất cả Quý-hữu đã ra tay tá trợ ta cách hảo tâm, nhứt là người nào mua, từ ngày mới lập nhứt-báo cho tới bây giờ, mà chẳng hề bỏ ta, cũng xin cảm ơn mấy Quói-viên đã gửi bài đặt hay là

## HUỶNH ÁI TÔNG

truyện diễn ra lại sự như vậy là chung cùng với ta mà mở lòng dân, bởi vì nó là một điều nhà-nước cho phép ta làm mà thôi.

Ta sẽ lấy làm có phước, khi thấy mấy người nào trong chur Quý-hữu biết chữ langsa còn đem lòng tin cậy ta luôn mà mua nhựt-trình *Nam-Kỳ* langsa, vì nó có ích nhiều điều hơn cho người bôn-quốc.

Bây giờ, đặng dứt chuyện ta xin cảm ơn hết thầy một lần nữa cùng tả ít hàng giã từ Chư-Hữu.

Nghiên mình giã bạn hồi hương,  
Vững bền gang sắt mến thương long vàng.  
Anh em ở lại bình an,  
Đây về viếng kiến lo toan việc nhà.  
Nay tuy Nam quốc cách xa,  
Ít trắng rồi cũng hiệp hòa đệ huynh.  
Bấy lâu chưa tỏ ý tình,  
Ngày nay mới biết với mình đồng song.  
Xem thơ lụy ứa rờn rờn,  
Tuy không biết mặt mà lòng cảm thương.  
Ra đi phân rẽ đôi đường,  
Ngàn năm cũng giữ một đường ngay tin.  
Cầu cho huynh đệ an-ninh  
Trẻ già đều hưởng thái bình thọ xương  
Bao nài ngàn dặm xông sương  
Chín chiều ruột thắt nhớ thương bạn vàng.  
Mấy lời tự giã lên đàn  
Trăm năm ta dạ vài hàng kính tin.

Tài liệu tham khảo:

- Võ Xuân Quế: *Chủ báo Nam Kỳ và đóng góp của ông cho báo chí quốc ngữ cuối thế kỷ 19.* <https://vietvafin.wordpress.com/2021/06/06/chu-but-bao-nam-ky-va-dong-gop-cua-ong-cho-bao-chi-quoc-ngu-cuoi-the-ky-19/>

## 2. Đặng Thúc Liêng



**Đặng Thúc Liêng (1867-1945)**

Đặng Thúc Liêng sinh năm 1867 ở làng Tân Phú Trung, Hóc Môn, Gia Định nay thuộc xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Tp HCM.

Cha ông là Đặng Văn Duy, có công lao chống Pháp tại mặt trận Gia Định. Sau khi Đại đồn Kỳ Hòa thất thủ tháng 2 năm 1961, ông ra làm Án sát tỉnh Bình Thuận, rồi mất tại đây, được đưa về an táng nơi quê nhà tại Hóc Môn, Gia Định.

Thuở nhỏ, Đặng Thúc Liêng học chữ Hán, chữ Quốc ngữ và tự học chữ Pháp. Ngoài ra, ông còn theo học nghề Đông y.

Thời vua Đồng Khánh trị vì 1885-1889, triều đình lập Nha Thông Thương, giao cho Phan Tôn là con Phan Thanh Giản phụ trách. Do tình thầy trò trước đây Phan Tôn dạy ông chữ Hán, nên ông được cử sang Hương Cảng nay là Hồng Kông, để mở trụ sở mậu dịch với Trung Quốc.

Từ năm 1887 đến năm 1888, công cuộc làm ăn của ông phát triển. Ở đây, ông đã có những cuộc bút đàm, thảo luận với các nhà cách mạng Trung Quốc như: Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Hồ Hán Dân...Chịu ảnh hưởng tư tưởng đổi mới của họ,

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đặng Thúc Liêng đề nghị triều đình tuyển thanh niên xuất ngoại du học để sau này trở về canh tân nước nhà, nhưng không được triều đình nghe theo.

Nguyện vọng không được như ý, Đặng Thúc Liêng xin từ quan rồi về Gia Định làm nghề Đông y tại tiệm Nam Thọ Xuân, ông là cộng tác viên đầu tiên của nhựt trình *Nam Kỳ*.

Khoảng gần cuối thập niên 1900, Đặng Thúc Liêng viết một loạt bài đề cao tư tưởng cấp tiến của Voltaire, Jean Jacques Rousseau, Abraham Lincoln..., rồi gửi đăng trên báo *Nông Cổ mín đàm*, trong mục chén trà bàn chuyện nông thương, do Lương Khắc Ninh làm chủ bút.

Năm 1907, ông là thành viên tích cực của phong trào Minh Tân do Trần Chánh Chiếu đứng đầu. Tham gia lập “Minh Tân công nghệ”, tiệm thuốc bắc “Nam Thọ Xuân” ở Sài Gòn.

Vì vậy, khi nhà cầm quyền Pháp dò la được chủ ý trên liền ra lệnh bắt giam Trần Chánh Chiếu vào tháng 10 năm 1908, Đặng Thúc Liêng và 40 người bị tình nghi khác bị tổng giam vào khám đường ở Mỹ Tho. Trong thời gian ngồi tù, cảm cảnh tù đầy ông có sáng tác bài thơ *Chim lồng cá chậu*. Sau bốn tháng bị giam cầm, ông được tha nhờ sự can thiệp của hai công chức cao cấp Landes và Mast, họ là người Pháp cấp tiến, ông đã dạy chữ Hán cho họ trước đây.

Ra tù, Đặng Thúc Liêng về quê vợ là bà Nguyễn Thị Nhon, tại làng Tân Qui Đông, tỉnh Sa Đéc nay là tỉnh Đồng Tháp. Sau đó, ông lập tiệm thuốc bắc Phước Hưng Đông ở làng Vĩnh Phước nay là chợ Sa Đéc, và cất một rạp hát nhỏ cũng ở tại đây khoảng 1910, tạo điều kiện cho nghệ thuật hát bội và ca ra bộ, cải lương thời sơ khai phát triển. Vở tuồng ca ra bộ *Gia Long tẩu quốc*, trong đó có đoạn chúa Nguyễn Ánh, tức Gia Long,

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

nhờ Bá Đa Lộc cầu viện Pháp và *Pháp Việt nhất gia*, Pháp Việt một nhà, được ông soạn trong khoảng thời gian này.

Năm 1911, Đặng Thúc Liêng giao tiếm thuốc và sản nghiệp ở Sa Đéc cho vợ, rồi ông lên Sài Gòn tiếp tục cộng tác với các báo: *Nông Cổ mìn đàm*, *Lục tỉnh tân văn*, *Công luận báo*, *Đông Pháp thời báo*, *Thần chung*, *Phụ Nữ Tân Văn*.

Kể từ đây, ông thường đi rong chơi từ Nam chí Bắc, nổi tiếng là người hào hoa phong nhã. Năm 1926, nhiều tỉnh ở Bắc Kỳ bị vỡ đê, lâm vào nạn đói. Ông liền thảo bài *Quốc văn hồn* để kêu gọi cứu tế.

Năm 1931, ông ra tờ *Việt Dân báo*. Năm 1934, ông đứng ra lập Việt Nam Y Dược hội. Khoảng năm 1944, ông cùng với Lê Phát Vĩnh xuất bản tuần báo *Đông phong*.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, quân Nhật Bản làm cuộc đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương, nhưng không bao lâu thì bị quân Đồng minh đến giải giáp. Thấy tình hình có nhiều biến động, Đặng Thúc Liêng rời Sài Gòn về lại làng Tân Qui Đông tỉnh Sa Đéc sống những ngày cuối đời.

Trong nhà Đặng Thúc Liêng có đôi liễn:

*Vạn trùng sơn hải tặng vi khách,  
Thập bát phù viên biệt hữu gia.*

\*\*\*

*Thập tam kinh văn tự lạc xứ,  
Ngũ đại châu sự thời phiền tâm.*

Dịch nghĩa:

HUỶNH ÁI TÔNG

*Muôn trùng non nước từng làm khách,  
Mười tám thôn vườn trâu ấy quê nhà.*

\*\*\*

*Mười ba kinh văn từng học hỏi,  
Năm châu thời sự ở trong lòng.*

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, Đặng Thúc Liêng mất tại Sa Đéc vì bệnh già, hưởng thọ 78 tuổi.

Tác phẩm:

- *Tâm quyền giải* (Cởi tấm lòng).
- *Tâm bốn bề thương* (Gốc chữ tâm là ở thóc gạo)
- *Quốc văn hồn*
- *Nhân hoà Thiên hội* (Người và Thiên gặp gỡ)
- *Canh hoang biến pháp* (biến pháp cải cây khẩn hoang)
- *Cao hoàng đế diễn ca* (Hoàng đế Gia Long).
- *Trương Vĩnh Ký hành trạng* (Xưa Nay, 1927)
- *Hán văn thi tập* (thơ chữ Hán)
- *Việt âm thi tập* (thơ quốc âm)
- *Trí y tiện dụng* (Tiện dùng cho nghề y)
- *Chủng mạch tân biên* (Biên soạn mới về mạch)
- *Gia Long tấu quốc* (tuồng ca ra bộ)
- *Pháp Việt nhất gia* (tuồng ca ra bộ)

Trích văn:

**Trương Vĩnh Ký hành trạng**

.....

Vĩnh Ký bình sanh không dùng Âu phục, không vào Pháp tịch. Có nhiều khi môn đệ hỏi thăm sự vào Pháp tịch, thời trả lời



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

rằng: “Nếu mình vào bộ dân Langsa, thời mất bộ dân Annam còn gì???”

Lúc Vĩnh Tiên con trai của Vĩnh Ký mới sanh vừa thấy mặt, rồi mắt, Vĩnh Ký nói: “Thế gian như khổ hải, nên nó chẳng cần gì ở lại cho lâu !”

Vĩnh Ký chẳng lấy sự buồn, vui làm giới ý; hay nói: “Người ta lúc nào gặp sự buồn, thời nên vui lên, sẽ có sự vui theo sau; lúc gặp sự vui, thời nên buồn lên, đầu ngày khác có sự buồn sẽ tới, không đến hại.”

Đại loại ngôn từ, cử chỉ Vĩnh Ký trọng về phần Đạo đức rất nhiều.

Từ viết “Bác học ư văn, ước chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phát bạn hi phù tư chi vị dư.” Đức phu Từ nói: “Rộng học văn chương, đón lấy lễ nghĩa, cũng cho là không trái đạo vậy”, ấy là nói chuyện người này vậy ru !!!

1908, Nam Kỳ sĩ phu đồng đứng xin Chánh phủ chuẩn cho dựng hình Vĩnh Ký để làm kỷ niệm, Chánh phủ phê y. Lúc ấy tôi đương chấp bút *Nông Cổ* và *Lục Tỉnh Tân Văn*, có ít lời vận động quyên ngân, chẳng mấy ngày mà công chúng hưởng ứng rất nhiều.

Diên trì cho đến 1923, trong Hội lo dựng hình Vĩnh Ký, đặc làm ở bên Pháp đem qua, chỉ có một cái đầu hình (buste) mà thôi. Hội muốn dựng, nhưng mà công chúng kích bát “Hội” không chịu ! Đã hèn lâu, bây giờ (1927) mới dựng được toàn hình, dựng nơi phần đất Norodom trước dinh Toàn Quyền Saigon. Sự dựng hình Vĩnh Ký ngày nay rất cảm bội tấm lòng ái mộ công chúng. Nhưng mà đối với tâm thuật của Vĩnh Ký, lấy Đạo đức mà suy ra, thời thật không có điều chi vọng tưởng là vinh diệu. Hỡi ai là “Thần du vân, thủy, Đạo tại nhân gian?”

## HUỶNH ÁI TÔNG

(*Tinh thần dạo chơi trên mây, nước; Đạo đức còn ở trong cảnh người*) là vinh diệu hơn, mà vinh diệu ấy, biết mấy trăm năm trường, cửu !!! Tinh như vậy, thời nên tưởng cho hình Vĩnh Ký đối với hình Paul Bert ở nơi Hà Nội, có lẽ hai Đại tinh anh phát hiện, thường khi hội ngộ linh kỳ ! Mà toan lo những việc chi đây ???

Vĩnh Ký phu nhân là Vương Thị Thụ (thành hôn 1963), chết 1907, có con trai và gái 9 người:

1. Vĩnh Thế, Tri phủ; 2. Thị Gia; 3. Vĩnh Viêt, Đốc phủ sứ; 4. Thị Tụ; 5. Vĩnh Trọng; 6. Vĩnh Mỹ; 7. Vĩnh Ký; Vĩnh Tiên; Vĩnh Tổng.

1927, tôi nhờ có rể của Vĩnh Ký là Nguyễn Hữu Nhiêu, hiện kinh làm ngoại Công sư (Archgitecte Civil), người ngoài 60 tuổi, tánh chất thuần hậu, tự hồ nhập đạo. Vẫn biết tôi thân quen với Vĩnh Ký trong khi ở Bắc; và lúc về Nam, nên lược lật các món tàn biên đã gần mất, nói về lịch sử của Vĩnh Ký, đều giao cho tôi phụ làm truyện này.

Viết truyện này rồi, gát bút thêm buồn cho người đời nay có kẻ hay tự phụ là: văn minh tấn bộ, ái quốc, nhiệt thành, thế mà không ngôn vô bổ ! Không thấy chút nào là sự thật thành. Chỉ thấy người thời lẫn lẫn đọc ít câu diễn thuyết, người thời hóp tốp viết ít tờ nhật trình, đặng hô hào rằng: “Mình văn minh tấn bộ, ái quốc, nhiệt thành”, để chung cho ra diện mạo “Chí sĩ”. Đọc truyện này chưa ??? Đó ! Có đủ Đạo đức chân tướng, mới phát anh kiệt toàn tài. Văn minh tấn bộ như vậy đó, ái quốc, nhiệt thành như vậy đó ! Người bây giờ đứng vào địa vị nào???

Tôi nguyện sống thêm 40 tuổi nữa cho đủ 100, đã sẵn cái thú vị trời chiều mát mẻ, ngồi dưới bóng cây mà lại được ngửi những mùi thơm của hoa nở trong các thứ cây kia sẽ được ăn

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

trái, đặng mà làm thêm một truyện của người như vậy nữa, biết có đặng chăng?

Thập Bác Phù Viên  
Đặng Thúc Liêng  
Sadec (Cochinchine)

(Theo Nguyễn Q. Thắng *Văn Học Việt Nam*, Tập I)

Trích thơ:

### Tự trào

*Họ đồn Đặng Thúc Liêng chơi quá lố,  
Có hay không? giả ngộ đó mà thôi!  
Gẫm bao lâu sống sót trên đời,  
Nhịn hóa dại, chơi đi, kéo uổng!  
Nhưng trách nhiệm chớ nên bỏ luống,  
Đức tài rèn đem cống hiến nhân dân.  
Làm sao cũng giữ tinh thần,  
Có giải trí, ăn, mà mới mới giải...*

### Chim lồng cá chậu

*Nhằm lồng như nội chậu như song  
Chim cá lo chi chốn chậu lồng  
Nhảy nhót ba ngày đường một khoáng  
Múa men gang tác thể trời không  
Nào phương bó buộc tay kinh ngạc  
Có thể khoa khoang cách hội hồng  
Vật đủ tánh linh trên máy tạo  
Để lồng nuôi phụng, chậu nuôi rồng.*

- 0 -

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Đặng Thúc Liêng là nhà văn, nhà văn yêu nước và tiến bộ, ông có tâm huyết muốn canh tân nước nhà, đã góp công góp sức cùng với Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Khương, Nguyễn Chánh Sắt trong phong trào Đông Du và Duy Tân, về chữ quốc ngữ và cải lương ông đã đóng góp xứng đáng trong vai trò những nhà văn quốc ngữ thời sơ khởi ở đất Nam Kỳ này.*



Tài liệu tham khảo:

- Đặng Thúc Liêng Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Chim lồng cá chậu Web: [nguyenvantrung.free.fr](http://nguyenvantrung.free.fr)



*Tiết 3: Phan Yên báo.*

Tiếp theo tờ báo đầu tiên *Gia Định báo*, có tờ nhật trình *Nam Kỳ* của A. Schreiner, tiếp nối có tờ *Phan Yên báo* của Yên Sa Diệp Văn Cương ra đời.

Có người cho rằng tên tờ báo Phan Yên là cách nói lái danh từ Phiên An, tên thành Phiên An hay trấn Phiên An, là một tên khác của đất Gia Định.

Nhiều người cho biết *Phan Yên báo* là tờ báo quốc ngữ, phát hành số đầu tiên vào tháng 12 năm 1898, ngay sau đó bị đóng cửa vì theo tác giả Chánh Đạo Vũ Ngự Chiêu, Nghị định của Thống Đốc Nam kỳ ký ngày 30-12-1898, trong Điều 2 qui định rằng tất cả báo không viết bằng Pháp ngữ phải đưa đi kiểm duyệt trước khi phát hành. Cho nên *Phan Yên báo* bị đình bản ngay vào cuối năm 1898.

Theo tác giả Minh Hiền, trong bài báo "*Sỹ Tài Trương Vĩnh Ký - Trên địa hạt "Nhà văn hóa" tiên phong làm báo bằng chữ quốc ngữ viết bằng văn xuôi*", ghi rõ *Phan Yên báo* là tuần báo, ra mắt tháng 12 năm 1898, đến tháng 2 năm 1899, được 7 số thì bị cấm lưu hành.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Theo tác giả Nguyễn Thăng trong bài nghiên cứu đăng trên Tạp chí *Sài Gòn Xưa & Nay* số 3 tháng 2008, đã dẫn: "... Trong sách *Chế độ báo giới Nam Kỳ (1938)*, ông *Diệp Văn Kỳ* (con của ông *Diệp Văn Cương*) có viết: ... Tôi chỉ nhớ Phan Yên Báo xuất bản ít lâu, thì ông Tổng thống Félix Faure tạ thế, nên chỉ trong một số của báo ấy, tôi đã có dịp đọc bài ai điều thấy câu: "Dân biên vực cũng tình thân đồng tử". Theo thông tin này thì Phan Yên báo tồn tại cho đến sau khi Tổng thống Félix Faure qua đời vào 16 tháng 2 năm 1899.

Theo những thông tin trên, chúng ta có thể đi đến kết luận rằng Phan Yên báo là tuần báo quốc ngữ, số phát hành đầu tiên vào cuối năm 1898, được 7 số thì bị đình bản vào tháng 2 năm 1889, vì vi phạm vào Nghị định của Thống Đốc Nam Kỳ ký ngày 30-12-1898.

Về lý do bị vi phạm dẫn đến bị đình bản, theo tác giả Đỗ Quang Hưng, trong "*Lịch sử báo chí Việt Nam 1865~1945*" đã dẫn: "*Phan Yên Báo* xuất bản hàng tuần, số đầu tháng 12 năm 1899 chỉ ra được khoảng 7, 8 số thì bị cấm bởi loạt bài viết cho xu hướng rõ rệt: Loạt bài "*Đòn cân ARCHIMÈDE*" của *Cuồng Sĩ*..."

- 0 -

*Cho đến nay, chưa có ai có được 1 tờ Phan Yên báo, để cho mọi người được biết nó từ hình thức đến nội dung. Nhưng chắc chắn là Phan Yên báo của Diệp Văn Cương có góp mặt trong làng báo Việt Nam năm 1898-1899, là một trong những tờ báo thuở sơ khai.*

Tài liệu tham khảo:

- Phan Yên báo Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## 1. Diệp Văn Cương



### **Yên Sa - Diệp Văn Cương (1862-1929)**

Diệp Văn Cương tự Thọ Sơn, hiệu Yên Sa, bút hiệu Cuồng Sĩ, sinh năm 1862 tại làng An Nhơn, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định.

Thuở nhỏ, nhà nghèo đi học thế cho người khác, nhờ hiếu học, ông được chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ cho đi học tại trường Trung học d'Adran tại Sài Gòn .

Năm 1880, sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở Adran, ông cùng với Nguyễn Trọng Quản (1865-1911) và 8 người khác, được chính quyền thực dân cấp học bổng du học tại Lycée d'Alger ở Algérie, cựu thuộc địa Pháp ở Bắc Phi và đỗ tú tài Pháp tại đây.

Thành tài về nước, Diệp Văn Cương được chính quyền thuộc địa cho theo quốc tịch Pháp và đi dạy tại Trường Chasseloup Laubat tục danh là "Trường Bồn quốc". Trong thời gian này, ông về cư ngụ tại gia trang riêng ở làng An Nhơn, quận Gò Vấp, nay là quận Gò Vấp thuộc Tp. HCM.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tháng 4 năm 1886, Paul Bert được cử sang làm Tổng công sứ Trung - Bắc Kỳ. Ông được chuyển ra Huế làm thông ngôn cho tòa Khâm sứ Huế. Cuối năm đó, ông được cử làm thầy dạy tiếng Pháp cho vua Đồng Khánh thay cho Trương Vĩnh Ký. Khoảng tháng 5 năm 1887, triều đình Huế mở trường dạy tiếng Pháp, gọi là Sở Hành Nhon, ông được cử làm Chương giáo (Hiệu trưởng), hàm Kiểm thảo. Ông lập gia đình với Công nữ Thiện Niệm, con của Thoại Thái vương Hồng Y, em vua Dục Đức và là cô ruột của Hoàng tử Nguyễn Phúc Bửu Lân.

Vua Đồng Khánh mất, Cơ mật viện không dám chọn vua mới nên phải sang Tòa khâm sứ để hỏi ý kiến. Diệp Văn Cương đang làm việc tại đây với chức vụ Bí thư kiêm thông dịch viên cho Tòa Khâm sứ, lãnh trách nhiệm thông dịch. Tương truyền, ông đã giúp cháu ruột của vợ là Hoàng tử Bửu Lân nối ngôi vua.

Sách *Nguyễn Phước Tộc Thế Phả* (trang 39) chép:

Cơ mật viện hỏi: "Hiện nay vua Đồng Khánh đã băng hà, theo ý của quý Khâm sứ thì nên chọn ai kế vị?". Diệp Văn Cương dịch câu trên thành: "Nay vua Đồng Khánh đã băng hà, lưỡng tôn cung và Cơ mật viện đồng ý chọn hoàng tử Bửu Lân lên nối ngôi, không biết ý kiến của quý Khâm sứ như thế nào?"

Nghe vậy quan Khâm sứ đáp: "Nếu lưỡng tôn cung và Cơ mật viện đã đồng ý chọn hoàng tử Bửu Lân thì tôi xin tán thành". Câu này Diệp Văn Cương lại dịch là: "Theo ý tôi thì các quan Cơ mật nên chọn hoàng tử Bửu Lân là hơn cả".

Vào ngày 2 tháng 2 năm 1889, hoàng tử Bửu Lân lên ngôi đặt niên hiệu là Thành Thái. Khi đó, nhà vua mới 10 tuổi.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Sau khi Thành Thái lên ngôi, triều đình Huế sợ ông chuyên quyền, nên vận động đổi ông trở về Sài Gòn, làm Đầu Phòng phiên dịch cho Soái phủ Nam Kỳ. Vợ ông là bà Thiện Niệm vẫn ở lại Huế. Năm 1894, bà sinh một người con trai, đặt tên là Diệp Văn Kỳ.

Khoảng cuối thập niên 1890, ông bước vào nghề báo, cộng tác với *Gia Định báo*, *Nhật trình Nam Kỳ*.

Tháng 12 năm 1898, Diệp Văn Kỳ chủ trương tờ *Phan Yên báo*. Tên Phan Yên là nói lái lại Phiên An tức địa danh Gia Định. Theo tác giả Chánh Đạo Nghị định của Thống Đốc Nam kỳ ký ngày 30-12-1898, trong Điều 2 qui định rằng tất cả báo không viết bằng Pháp ngữ phải đưa đi kiểm duyệt trước khi phát hành. Có thể hiểu do đó báo bị đình bản, nên ngày nay chúng ta không có một ấn bản nào. Theo tác giả Minh Hiền, trong bài báo "*Sỹ Tái Trương Vĩnh Ký - Trên địa hạt "Nhà văn hóa" tiên phong làm báo bằng chữ quốc ngữ viết bằng văn xuôi"*, ghi rõ *Phan Yên báo* là tuần báo, ra mắt tháng 12 năm 1898, đến tháng 2 năm 1899, được 7 số thì bị cấm lưu hành.

*Phan Yên báo* bị đóng cửa, ông không nản chí trong việc tham gia hoạt động chính trị. Ông ra tranh và đắc cử chức Ủy viên trong Hội đồng Quản hạt tỉnh Bến Tre, rồi sau đó là Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ (Conseil Colonial de la Cochinchine).

Năm 1908, ông được bổ nhiệm làm Chủ bút tờ *Gia Định báo*, thay thế ông Nguyễn Văn Giàu, theo nghị định ngày 20 tháng 9 năm 1908 của Thống đốc Nam Kỳ Louis Alphonse Bonhoure.

Khi gần tuổi hưu, ông trở lại dạy Sử học và Việt văn trường Chasseloup Laubat như trước.

HUỲNH ÁI TÔNG

Ông mất năm 1929, hưởng thọ 67 tuổi.

Tác phẩm:

Tác phẩm của Diệp Văn Cương có:

- *Syllabaire quốc ngữ - sách vần quốc ngữ* (Phát Toán, 1909)
- *Việt Nam luân lý tập thành*(Imprimerie de l'Union, 1917)
- *Recueil de morale annamite* (Imprimerie de l'Union, 1917)

Trích văn:

**Khúc Thầy Petrus Trương Vĩnh Ký**

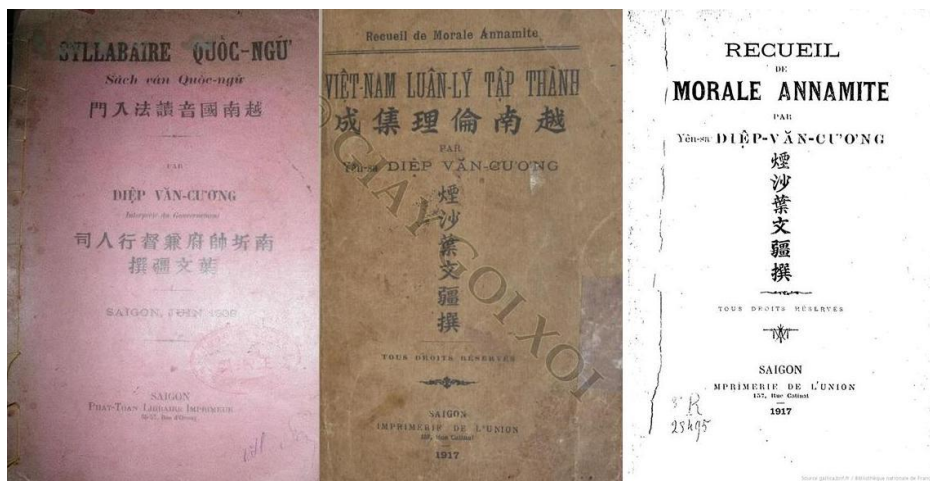
Văn Tế :

*Thương thay! Thầy ta là quan lớn  
Sĩ tài Trương Vĩnh Ký  
Nhớ Thầy xưa.  
Nên đáng thông minh.  
Thiệt trang văn phú.  
Sang đường ấy, trọng đường ấy,  
Ngó công danh ,trong mắt như không.  
Kiêu chẳng hèn, lã chẳng hèn.  
Xem tánh hạnh trong đời ít có.  
Việc chữ nghĩa trong lòng biên đặt  
Lắm thuở công phu.  
Dạy học hành ra sức vun trồng  
nhiều lời khuyên dỗ.  
Ôi!  
Tưởng còn lâu hưởng lộc trời.  
Nay đã sớm lìa cõi thọ.  
Bước Trang sinh một giấc mình cõi chốn vi cơ*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Hạt Đĩnh linh trăm năm hồn nương nơi vân vu  
Người tuy mất mà danh chẳng mất, tiếng hãy còn đây  
Coi sách Thầy mà học ở Thầy, hình như thầy có  
Hồi ôi!Tiếc thay!Hồi ôi!Thương thay.*

Môn sanh : Trương Minh Ký,  
Diệp Văn Cương,  
Nguyễn Trọng Quản  
đăng đồng bài.



Trong sách *Sài Gòn năm xưa*, học giả Vương Hồng Sển, viết về nhà văn, nhà báo Diệp Văn Cương như sau:

*“Người ông năm thập hùng vĩ, lịch duyệt Bắc Nam, ông ngâm thi sang sảng, nói tiếng Tây rất "giòn", bình sanh sở thích hát bội, roi châu bóng bẩy rất mực phong lưu, tuồng hát nằm lòng, cô đào anh kép phục sát đất! Văn hát ông rước luôn đào để cả y phục và áo mào về nhà hát lại ông thưởng thức riêng.*

*Tánh tình cứng cỏi, thẳng thắn, quen việc xưng hô chốn triều đờ. Học trò rắc rắc phải gọi "Quan Lớn", nhưng thưở ấy*

## HUỶNH ÁI TÔNG

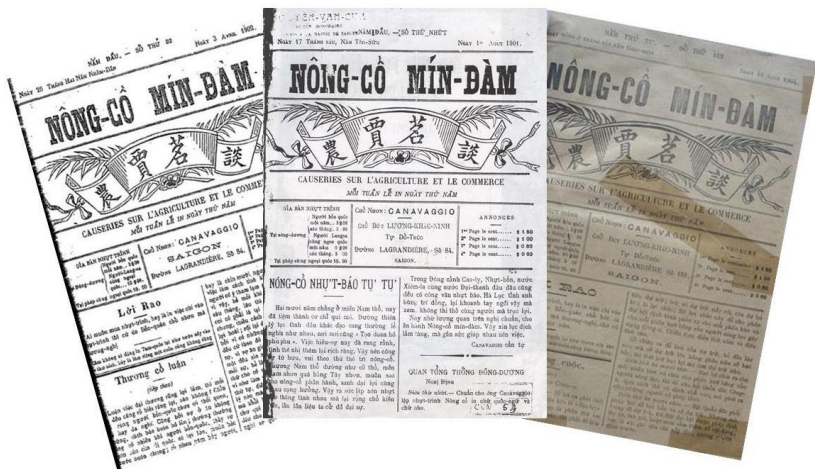
*không lấy đó làm chướng tai. Nực cười những sĩ tử trường T. qua dự thi bằng thành chung gặp ông (làm) giám khảo, chúng gọi Diệp tiên sanh bằng "ông", tiên sanh cười gằn: "Về hỏi Ch. mày dám gọi tao bằng "ông" hay chẳng, hà huống là mày?" Tuy vậy ông không tiểu tâm và học trò trường lạ đáp trúng, ông (cũng) cho điểm tọc bực. Được chỗ hay là thường thích kiếm chuyện gây gổ với người da trắng, lấy đó làm sung sướng, và luôn luôn cử xử địch thể với quan "mẫu quốc", không nhịn bước nào. Tây tà đều ngán và lánh ông vì sợ ông làm mất mặt.*

*Khoảng năm 1919, dạy sử học, ông lấy Sử Diễn Ca (Lê Ngọc Cát) ra bình chú, dạy Việt Văn ông đã biết đem những đoạn xuất sắc trong Kiều, Lục Vân Tiên, và Chinh Phụ Ngâm ra giải thích cũng là mới lạ...Kể viết bài này khi còn học lớp dưới, đã từng đứng nghe lóm ngoài cửa và ân hận không được thọ giáo cùng ông..."*

Tài liệu tham khảo:

- Diệp Văn Cương Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Khóc Thầy Petrus Trương Vĩnh Ký Web: [petruskylhp.org](http://petruskylhp.org)

Tiết 4: Nông Cổ Mìn Đàm



*Nông cổ mìn đàm* 農賈茗談 có nghĩa là: Uống trà bàn chuyện làm ruộng và đi buôn, là tờ báo tiếng Việt do Paul Canavaggio, chủ đồn điền và thương gia người đảo Corse, hội viên Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ làm chủ nhiệm, chủ bút lần lượt có các ông Dũ Thúc Lương Khắc Ninh, Gilbert Trần Chánh Chiếu, Nguyễn Đông Trụ, Lê Văn Trung, Tân Châu Nguyễn Chánh Sắt, Phạm Minh Kiên. *Nông cổ mìn đàm* phát hành ngày Thứ Năm hằng tuần tại Sài Gòn bằng chữ Quốc ngữ.

Số 1 ra ngày 1 tháng 8 năm 1901. Báo quán đặt tại số 84 đường Lagrandière, Saigon. *Nông Cổ Mìn Đàm* có khổ 20x30cm, tổng cộng 8 trang, trong đó các trang giữa đăng các truyện dịch như *Tam quốc chí tục dịch* hay một số truyện ngắn khác của Anh, Pháp hoặc Trung Quốc), thơ ca do các cộng tác viên sáng tác, điểm báo châu Âu, hướng dẫn cách thức vệ sinh phòng bệnh hoặc trồng trọt chăn nuôi, thông tin số lượng và giá lúa gạo bán đi các nước, 2 trang cuối dành cho quảng cáo và rao vặt. Một thời gian sau, báo được xuất bản một tuần 3 kỳ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tưởng cũng nên đọc bài Tự của báo:

### *NÔNG-CỔ NHỰT-BÁO TỰ TỰ*

*Ba mươi năm chẳng ở miền Nam thổ, nay đã tiệm thành cơ chỉ qui mô. Đường thiên lý lục tỉnh dầu là khác đạo cang thường lễ nghĩa như nhau, nơi nơi cũng “Tạo đoan hồ phụ phụ”. Việc hiếu sự nay đà rang rảnh, tình thâm thêm lại rịt rang. Vậy nên công sự từ hưu, vui theo thú thê trì nông-cổ. Thương Nam thổ dường như cố thổ, mến Nam hơn quả bằng Tây hơn, muốn sao cho nông cổ phấn hành, sanh đại lợi cùng nhau cộng hưởng. Vậy ra sức lập nên nhựt báo thông tình nhau mà lại rộng chỗ kiến văn lẫn lẫn liệu ta cử đồ đại sự.*

*Trong Đông cảnh Cao-ly, Nhựt-bổn, nước Xiêm-la cùng nước Đại-thanh đâu đâu cũng đều có công văn nhựt báo. Há lục tỉnh anh hùng trí dũng, lại khoan tay ngồi vậy mà xem, không thi tổ cùng người mà trực lợi.*

*Nay nhờ lệnh quan trên nghị chuẩn, cho ấn hành Nông-cổ mấn-đàm. Vậy xin lục dịch làm tàng, mà gấn sức giúp nhau nên việc.*

*Canavaggio cẩn tự*

- . -

### *QUAN TỔNG THỐNG ĐÔNG ĐƯƠNG*

#### *NGHỊ ĐỊNH*

*Điều thứ nhứt.- Chuẩn cho ông Canavaggio lập nhựt-trình Nông cổ in chữ quốc ngữ và chữ nho.*

(số 1, trang 1 ngày 1-8-1901)

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Đó là nghị định của *Toàn quyền Đông Dương* Paul Doumer ban hành tại Sài Gòn ngày 14 tháng 2 năm 1901, toàn văn trên ghi theo nguyên văn.

Chính trên *Nông Cổ Mìn Đàm* đã xuất hiện *Tam Quốc Chí tục dịch*, bản dịch chữ quốc-ngữ đầu tiên, ghi người dịch là Canavaggio. Cũng trên tờ báo này, xuất hiện tiểu thuyết feuilleton, là truyện dài đăng từng kỳ, đầu tiên là *Hà Hương Phong Nguyệt* của Lê Hoàng Mưu khởi đăng từ năm 1912, *Nghĩa Hiệp Kỳ Duyên* của Nguyễn Chánh Sắt đăng năm 1920,...

Nhưng người viết tiểu thuyết feuilleton đầu tiên ở miền Nam phải kể là nhà văn Trần Chánh Chiêu, ông đã cho đăng tiểu thuyết *Tiền căn hậu báo* dưới bút hiệu Trần Nhựt Thăng, phỏng theo tiểu thuyết *Le Comte de Monte-Cristo* (1844) của nhà văn Pháp Alexandre Dumas (1802-1870), đăng trên *Lục Tinh Tân Văn* năm 1907 do ông làm Chủ bút, về sau do nhà in Union in lại năm 1914.

*Nông Cổ Mìn Đàm* số 262 phát hành ngày 23-6-1906, đã đề xướng một cuộc thi với tên gọi “Quốc Âm thí cuộc” thi viết tiểu thuyết dài “*chừng 50 tờ giấy lớn, chia làm ba thứ (...) đặt tiếng thường, thanh nhã, dễ hiểu như truyện vậy...*”. Danh từ “Tiểu thuyết” được báo này định nghĩa như sau: “*người Lang Sa gọi là roman nghĩa là lấy trí riêng mà đặt riêng ra một truyện tùy theo nhân vật phong tục trong xứ, dường như truyện có thật vậy*”. Cuộc thi không đạt được kết quả như ý vì chỉ có một tác giả là Nguyễn Khánh Nhung dự thi với tác phẩm *Lương Hoa truyện*, nhưng cuộc thi đã là tiền đề cho sự phát triển của tiểu thuyết sau này.

*Thương cổ luận* là một mục quan trọng của báo, thường được đăng ở trang nhất và kéo dài đến trang sau, xuất hiện ngay từ

## HUỶNH ÁI TÔNG

số đầu tiên, và chỉ tạm thời đình bản trong 8 số (từ số 73 đến số 79) do tác giả là Lương Khắc Ninh đi dự đấu xảo tại Hà Nội.

Mục *Thương cổ luận* tồn tại trong suốt hơn 100 số báo, thẳng thắn tuyên chiến với tư tưởng tư dân *sĩ nông công thương* đã ăn sâu vào suy nghĩ của người Việt bằng lời khẳng định: *Sự đại thương là đệ nhất cách giúp cho dân phú quốc cường*, đồng thời hướng dẫn các thương nhân Việt Nam cách giao thương buôn bán và khuyến khích, kêu gọi họ đoàn kết để cạnh tranh với các thương nhân Hoa kiều và Ấn kiều. Về điểm này, *Nông Cổ Mìn Đàm* được coi là tờ báo kinh tế.

Đến năm 1906, Dũ Thúc Lương Khắc Ninh, chủ bút *Nông Cổ Mìn Đàm*, người giữ mục *Thương cổ luận* chính thức giã từ *Nông cổ mìn đàm*, Gilbert Trần Chánh Chiêu thay thế làm Chủ bút.

*Nông cổ mìn đàm* là tờ báo đầu tiên dịch truyện Tàu *Tam quốc chí tục dịch* ra chữ quốc ngữ ở Nam Kỳ, tên người dịch được ghi là Canavaggio, nhưng theo Vương Hồng Sển, đó là bản dịch của Lương Khắc Ninh. Từ *Tam quốc chí tục dịch* được độc giả Nam Kỳ yêu thích, gây thành một phong trào dịch truyện Tàu với những dịch giả tên tuổi như Nguyễn Chánh Sắt, Trần Phong Sắc, Nguyễn An Khương, Nguyễn An Cư ...

Những nhà văn danh tiếng đã cộng tác với *Nông Cổ Mìn Đàm* có Trịnh Hoài Nghĩa, Thái Chiêu Đĩnh, Nguyễn Liên Phong, Nguyễn An Khương, Lê Hoàng Mưu, Thượng Tân Thị Phan Quốc Quang, Lê Quang Chiêu, Giáo Sỏi, Đỗ Thanh Phong ...

Canavaggio mất năm 1922, sau đó Nguyễn Chánh Sắt là chủ nhơn của *Nông Cổ Mìn Đàm*, Nguyễn Minh Kiên làm chủ bút báo này từ số 123 ra ngày 26-8-1924, cho đến số 133 ra ngày 4 tháng 10 năm 1924 thì báo đình bản.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Nông Cổ Min Đàm* được coi là tờ báo kinh tế đầu tiên bằng chữ quốc ngữ ở nước ta, thay đổi 6 đời chủ bút, tồn tại đến 23 năm.

Trích văn:

### **Bão lụt phía Tây-Nam (1)**

Trong một năm hai lần bão, tại xứ nhỏ như Nam Kỳ, thương hại thay cho dân khổ, 16 tháng ba bão nơi Đông Nam dân Tây-Nam bình tĩnh, đến đêm 26 tháng chín bão nơi Tây Nam từ 8 giờ tối tới 4 giờ sáng mới ngơi. Từ Sóc Trăng, Đại Ngãi, Bạc Liêu, Cần Thơ, Long Xuyên, Rạch Giá, Châu Đốc và Hà Tiên, cây ngã nhà xiêu, ghe chìm người chết, hao của dân vật, nghĩ rất thảm thương. Chẳng phải bão mà thôi, lại nước lụt tràn bờ, lúa cày mạ gieo đều trốc rễ. Nghĩ coi sáu tháng chia nhau chịu khổ, người mắc trước kẻ bị sau, lúa thóc mùa màng mang hại. Thương là thương dân hèn gặp khổ, kẻ khó chịu tai; nhọc hình-hài làm mọi cho người, đói lòng, dạ không an con vợ. Thương ôi Đã biết rằng: Trời còn có khi mưa khi nắng, người sao không lúc thịnh lúc suy. Nhưng vậy mà ngoài ba mươi năm dân luống thanh-thời, quen thời-tiết phong điều vô-thuận. Xây một phút trời sanh tai biến, người không dè phải chịu nghèo nàn. Dầu tiên-tri cũng khó thờ-thần, vì dân-vật thường không tin lời phải. Nếu luận chuyện thành tiên thành phật cùng địa-phủ thiên-đàng, thì nhiều nơi tham nơi sướng tránh chỗ go; bằng mà luận trái phải việc đời, lo việc tới lui, thịnh lắm phải lo suy, sướng lâu thì sợ cực; những điều ấy người cho rằng luận vậy, ăn cơm nhà để lo chuyện bao đồng. Ôi thôi ! Hể trời khiến tai-nạn người chịu, xót tình thương nên tỏ một đôi lời. Gia Cát xưa chưa bỏ lều tranh, đã rõ trước tam-phân đánh túc; bởi Chiêu-liệt đốc-thành kinh-sĩ, nên người đành tận-tụy cục-

## HUỶNH ÁI TÔNG

cung. Vì một người, chịu nhọc một mình; làm hết sức, chớ cơ trời nào dám cãi. Thương trăm họ nên phân trái-phải, hết sức mình cho trọn phận làm người, há cầu ai rằng phải rằng chẳng, điều phải chẳng tự nhiên người xét lấy.

Thương ôi !

Bị bị tai tai trời trời khiến khiến hại hại người người đời đời hết hết tưởng tưởng chơi chơi thì thì phải phải sợ sợ.

Xin chư văn hữu đọc bài tứ tuyệt này, rồi gửi đến cho bản quán, như trúng thì xin phụng lại một tháng nhứt-trình xem chơi.

Chủ bút

### **Trường Tabert phát phần thưởng (2)**

Mỗi năm hể sau ít ngày ăn lễ sanh-nhật, thì trường học Taberd phát phần thưởng học trò rồiặng bãi trường. Khi phát phần thưởng mời cha mẹ học trò đến xem hát cho vui. Trường dạy học Taberd, thiết lập nhiều cách vui cho người có con học vào trường ấy và dục lòng trẻ nhỏ vui và siêng học, học đạo đức, học lễ nghi, học văn chương, học vẽ lại thêm học hát xướng. Đến lúc làm điều vui, cũng còn kiếm điều cho có ích, điều dạy làm lành, răn đời lấy nhơn-nghĩa. Như là bày tuồng hát chơi mà có ý khuyên người làm phải, dạy trẻ lòng lành, xem đáng cảm ơn người bày biện, lòng tốt thương người, tập rèn cho con em phải cách.

### **Lời Rao**

Thường thường hể làm cha mẹ ai ai đều thương con chẳng cùng. Bởi con tôi quá lắm, mới lấy lẽ phải mà răn. Nay vợ

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

chồng tôi là Nguyễn-Hữu-Phước làm tri huyện tại hạt Gò Công, rao cho chư vị đồng bang và người khách đặng rõ: Xin chớ có cho tên Nguyễn Hữu Vạng vay tiền mượn bạc chi. Nó là con của vợ chồng tôi mà nó không nghe lời dạy-dỗ, cứ theo hoang-đàng phóng-tứ. Nếu ai có cho mượn, mất tiền phải chịu lấy, chớ vợ chồng tôi không biết đến.

Tự hậu không ai được phép nói động đến vợ chồng tôi về tên Vạng thiếu nợ.

Tri huyện Nguyễn-Hữu-Phước

### **Rồi trái oan**

Một phu-nhân ở đường d" Espagne (3) ngó qua chùa chà chưa biết đạo xướng tùy có chi cay đắng hay là nghĩ trần ai ngán sự đời, tạm nha phiến một chung trộn với dấm mà liều má phẩn. Vào nhà thương thôi rồi nợ phong trần trả sạch còn cái giây oan trái buộc ràng. Bởi vì không rõ cơ quang, quan mới lập đàng tra vấn. Vấn cho rõ vì sao mà tự tận, có phải vì tình trường mà giận hờn ghen. Vấn cho ra coi ai ép uổng phận nhỏ nhen, làm đến đổi cánh sen chôn lấp.

Ghi chú:

- (1) *Nông Cổ Mìn Đàm* số 166, ngày 17-11-1904.
- (2) *Nông Cổ Mìn Đàm* số 173, ngày 5-1-1905.
- (3) Ngày nay là đường Lê Thánh Tôn, quận 1, Sài Gòn.

Mục Nhàn Đàm:

CON VOI VỚI CON TRÂU  
(tranh công)

## HUỶNH ÁI TÔNG

Con trâu ngày kia đi ngao du ngoài rừng, xảy gặp con voi đứng lại mà đàm luận việc công cán với nhau, thì con Voi thấy con Trâu có hơi mệt, liền hỏi sức lực mày làm đường bao mà coi bộ mệt lắm vậy, thì con trâu trả lời rằng:

Tôi làm vậy chớ công cán tôi cao dày lắm, biết mấy đời vương, giúp trong thiên hạ đã lắm thuở, tuy tôi tuổi tác nhỏ nhen chớ trong lòng sẵn có ba lá sách, nhưng vậy cũng biết đặt đường nhưn nghĩa mà cư xử trong và bề ngoài.

Con voi nói lại rằng: Nè còn công cán tao cao dày lắm, nhưn vì trước tao giúp cho vua Thuấn đã cày nên ruộng, bởi vậy sau đây người ta tặng kêu tao là ông-tượng, nên tao biết tao phải lớn hơn hết.

Con trâu trả lời: Phải ông thiệt là lớn hơn hết, lớn là lớn cái vóc và khoe mình nên người ta gọi là ông tượng, và hình thù thì lớn mà tánh nết ăn nói nhỏ nhen lắm, nên người ta sợ bụng ông không chùng, thiệt tôi coi đi xét lại, nhằm trước xem sau có một mình ông bụng lớn và bao tử cũng lớn chứa phần nhiều hơn hết, mà lại xông lớn đống, hể ai đi có gặp nói phần của ông-tượng là vậy đó.

Nguyễn Quang Trường  
Tự Cửu Viễn

(*Nông Cổ Mìn Đàm* , năm 1908)

Cũng ở trang 6 tờ báo này có đăng những quảng cáo như sau :

NHÀ ĐÓNG SÁCH J. VIẾT-LỘC & CIE  
ở đường d'Ormay số 61, Sài Gòn  
LÊ-VĂN-NGÀN, kế vị

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Kính cùng chư quý vị đặng rõ, kể từ ngày 15 tháng sáu langsa, chúng tôi mới làm hùn thêm đặng lo tấn tới và mở mang cuộc đóng sách và cuộc buôn bán thuở nay của mấy thầy Viêt-Lộc và Công-ty.

Vậy xin trong lục châu cùng châu thành Saigon Chợlớn tưởng tình anh em chúng tôi trước sau cũng vậy mà giúp sức cho người nam ta cho tấn tới theo đường thương mãi.

Luôn diệp này chúng tôi xin trong chư quý vị ai còn thiếu bạc hay là có muốn mua cái chi thì xin từ ngày nay đến sau phải gửi cho thầy Lê-văn-Ngàn.

Còn nhà J. Viêt-Lộc & Cie có thiếu của ai thì hạn trong một tháng phải đem tờ giấy chi đến tại nhà này mà tính. Bằng quá hạn này rồi thì chúng tôi chẳng biết tới nữa.

Saigon, le 16 Juin 1908

Tiệm Bán Hàng Hoá  
Ông Courtinat và Công-Ty  
ở đường Catinat, Saigon  
Số 96-98-100-102-104-106-108

Có bán: lụa, nhun, tổ, ni, hàng tây, đủ thứ, đủ màu;  
Tủ sắt, giường sắt có ruột gà, bàn rửa mặt lót mặt đá cẩm thạch, tủ cây Hongkong, xe máy từ 55 đồng;  
Xa bong hiệu Mignon mỗi hộp 100 miếng giá gửi đến chỗ 1\$85 và xa bong thơm, dầu thơm đủ thứ;  
Ghế Thonet mặt cây tốt lắm;  
Dù lục soạn hay là dù vải đủ thứ;  
Giày, vớ, khăn, đồng hồ vàng, bạc và nickel, kiếng soi lớn nhỏ đủ thứ, cùng đồ hành lý;

## HUỶNH ÁI TÔNG

Máy nói hiệu Pathé;

Pháo bông, cùng đồ chơi đủ thứ;

Hột xoàn lớn nhỏ tốt như hạng;

Có bán xe hơi hiệu Berliet, chạy từ Saigon xuống Vũng tàu 28 phút, cũng có lãnh sữa xe hơi.

Tại nhà này chẳng thiếu món chi mà lại giá rẻ.

NGÀY MỒNG 5 THÁNG MƯỜI NĂM BÍNHNGŨ		NĂM THỨ SÁU		MARDI 20 NOVEMBRE 1906. — SỐ THỨ 266	
<b>NÔNG-CỔ MÍN-ĐÀM</b>					
GIÁ MUA NHỰT TRÌNH		MỖI TUẦN LỄ IN NGÀY THỨ BA		Ai muốn mua nhựt trình và muốn để những lời rao chi, thì xin hãy gửi thơ cho tòa quản chủ-sự là ông <b>Nguyễn-dông-Tru</b> , số 199, đường Bourlouis mà thương nghĩ.	
Trọn 12 tháng....	7 8 00	<b>農 賈</b>	CHỦ SỰ CANAVAGGIO	<b>茗 談</b>	
Trọn 6 tháng....	4 00	chủ sự		chủ sự	
Trọn 3 tháng....	2 50	<b>GILBERT CHIÊU</b>		<b>NGUYỄN-DÔNG-TRU</b>	
Còn như mua lễ thì giá mỗi số là....	0 15	Nhà nhựt trình này ở tại đường <b>Bourdais</b> , số <b>199</b> , Saigon			
PHỤ DIỄN :		Việc mở mang chế biến còn rộng lớn, không lẽ làm trong một năm mà cho rồi hết được. Lần lần làm tới có thuý cũng thành công. Chớ có dục tề mà hư việc cả : Thỉnh thoảng mà lượn hoa rơi, ở cho có chí hơn người trèo cao.		cát nhà nó mà ở. — Đoạn lãnh phần, lãnh lúa, lãnh vải, lấy trâu, lãnh thuốc, lãnh vôi lãnh các món cần dùng trong vụ làm ruộng. Làm được việc, mỗi trũng thì ở mà gặt. Bằng liệu không xong thì dặc vụ, công con đi mất.	
<b>TRỊNH-HOÀI-NGHĨA</b> <b>THÁI-CHIÊU-ĐÌNH</b> <b>NGUYỄN-LIÊN-PHONG</b>		Ấy vậy bề lãnh mang ra đưng lo việc nước,		Ấy vậy làm sao mà người ta không phàn nàn.	

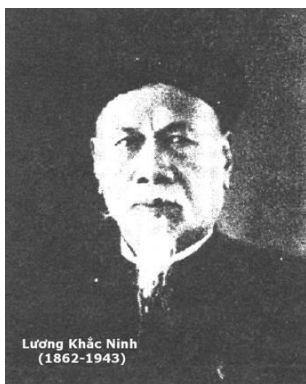
“*Nông Cổ Mìn Đàm*” là một tờ báo có khuynh hướng về kinh tế, mở đầu cho phong trào dịch truyện Tàu, phát động thi đua viết tiểu thuyết, đã tồn tại trên 21 năm, góp công không nhỏ trong việc truyền bá quốc ngữ tại miền Nam sau “*Gia Định báo*” và “*Thông Loại Khóa Trình*.”

Tài liệu tham khảo:

- *Nông Cổ Mìn Đàm* Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

- *Bảo lựt phía Tây Nam* Web: [ahvinhngkiem.org](http://ahvinhngkiem.org)

## 1. Lương Khắc Ninh



### **Dũ Thúc - Lương Khắc Ninh (1862-1943)**

Lương Khắc Ninh, tự là Dũ Thúc, bút hiệu Dị Sử Thị sinh năm 1862, tại làng An Hội, tổng Bảo Hựu, phủ Hoàng Trị, tỉnh Vĩnh Long nay thuộc thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Cha ông là Lương Khắc Huệ, một nhà Nho và thầy thuốc đông y, mẹ ông là bà Võ Thị Bường; là người làng Bảo An, huyện Điện Bàn nay là xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, họ di cư vào lập nghiệp, sinh sống ở đây.

Từ nhỏ, được sự giáo dục của cha, ông bắt đầu học chữ Nho. Thời thiếu niên của ông, thực dân Pháp đã chiếm hoàn toàn Nam Kỳ từ năm 1867. Vì vậy, ông học trường tỉnh theo chương trình giáo dục của người Pháp thời bấy giờ là học chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

Năm 1876 tốt nghiệp trường tỉnh Bến Tre, ông được theo học trung học *Le Myre De Vilers* tại Mỹ Tho.

Năm 1880, Lương Khắc Ninh tốt nghiệp Trung học, ông trở về làm việc tại sở Thương chánh Bến Tre từ năm này cho đến năm 1883.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1889, ông làm thông ngôn tại tòa án Bến Tre, rồi đăc cử vào Hội đồng quản hạt Bến Tre.

Năm 1900, ông bỏ lên Sài Gòn viết báo. Năm 1901, ông làm chủ bút cho tờ *Nông cổ mín đàm*, đưọc xem là tờ báo kinh tế đầu tiên bằng Quốc ngữ tại Việt Nam. Thường xuyên viết mục *Thương cổ luận*.

Năm 1902, ông đăc cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ.

Năm 1905, ông thành lập gánh hát bội Châu Luân ban ở Sài Gòn.

Năm 1906 ông đưọc bổ nhiệm làm thành viên của Hội đồng Tư vấn Đông Dương. Trần Chánh Chiếu thay thế ông làm chủ bút *Nông cổ mín đàm*

Tháng 10 năm 1908, ông làm chủ bút tờ *Lục tỉnh tân văn* từ số 51, thay cho khi chủ bút đầu tiên là Trần Chánh Chiếu bị chính quyền thuộc địa Pháp bắt vì hoạt động cho phong trào Đông Du và Duy Tân.

Năm 1922, ông dẫn đầu một đoàn hát bội sang lưu diễn tại Pháp nhân có hội chợ đău xảo tại Marseille. Tại đây, ông đã nhiều lần tiếp xúc và trao đổi về quan điểm, đường lối cứu nước với chí sĩ Phan Châu Trinh và tỏ ra rất kính trọng và khâm phục tài năng chí sĩ họ Phan trong đường lối giành độc lập dân tộc. Cũng tại Pháp, ông từng viết một bức thư gửi vua Khải Định, bấy giờ cũng đang ở Pháp, khuyên vua nên tiếp thu và thực thi quan điểm của Phan Châu Trinh.

Sau khi ở Pháp về, ông vẫn tiếp tục cộng tác với các báo ở Sài Gòn và thường đi diễn thuyết ở các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Mỹ Tho cổ động cho phong trào duy tân tự cường.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Từng làm nghị viên hội đồng ở Bến Tre cũng như tại Sài Gòn, nên người đương thời gọi ông là Hội đồng Ninh, tuy nhiên hoạt động chính của ông là trong ngành báo chí hơn là chính trị.

Theo giáo sư Nguyễn Văn Sâm cho biết tác phẩm của ông hầu hết đều in trên báo như *Nông Cổ Mìn Đàm*, *Lục Tỉnh Tân Văn*, nếu được sưu tập lại thì rất nhiều, một vài quyển đã in ra còn sót lại đến ngày nay thì mỏng, không đủ đại diện cho tư tưởng và văn nghiệp của một người có thời gian dài hoạt động như ông.

Ông mất ngày 22 tháng 11 năm 1943, hưởng thọ 81 tuổi.

Tác phẩm:

- *Sãi vãi* (phiên âm chữ Nôm, in chung, Claude & Cie, 1905)
- *In khờ mà khôn*

Trích văn:

### **In Khờ Mà Khôn**

(Tóm lược: Là truyện thơ ngắn. Truyện kể có anh nhà nghèo kia, tên Thông, mẹ mất sớm, cha bắt ở đợ để lấy tiền đi cò bạc. Tuy vậy anh không oán hờn cha, trái lại còn rất có hiếu với cha. Vì làm chăm chỉ và sống được lòng mọi người, khi hết hạn ở đợ, anh được chủ cho một ít tiền để làm vốn bán buôn. Anh chăm chỉ làm ăn nên được một cô gái nhà khá tên Đạo, biết chữ nghĩa, đồng ý kết hôn với anh. Vợ chồng cùng nhau bán buôn, cần kiệm, sau trở nên giàu có, nổi tiếng trong vùng.)

.....

*Ai mà hiếu thảo thiện duyên,  
Trọn đời mới rõ hiếu hiền thành thân.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Người mà tâm tánh tham gian,  
Bất trung bất hiếu oan (hoang) dàng lụy thân.  
Thông Đạo hai tên an nhân,  
Thảo cha, thuận bạn, vợ chồng thánh thoi.  
Khuyên ai phải xét việc đời,  
Ngay tin đừng sợ, dữ thời tắng thân.*

(Theo gs. Nguyễn Văn Sâm)

### Thương Cổ Luận

Cách lập thế đặng đua chen về sự hùn hiệp cho kịp người Khách, thì phải làm như vậy: lập một hùn của người bốn quốc chừng 1 triệu, trong 1 triệu chia ra làm năm ngàn phần hùn, mỗi phần là hai trăm ngàn (1) bạc, rồi hiệp với người langsa hoặc 1 triệu hoặc 2 triệu. Nhà hùn lập tại Mỹ Tho, lựa chỗ nào có thể rộng đặng ngày sau mở thành thị cho trù mật. Hãng ấy để cho bạc lúa, mua lúa của mấy tỉnh trong chớ ra. Mấy tỉnh trong là Rạch Giá, Long Xuyên, Biên Hòa, Bảy Xàu, Sóc Trăng, Cần Thơ, Sa Đéc, Vĩnh Long, Trà Vinh...Hãng cất vựa cho lớn rộng, sắm ghe chài cho nhiều, tàu kéo ghe hai ba chiếc thì mấy tay bán lúa đi không dài ngày, ghé Mỹ Tho chẳng gần đàng hơn là lên Chợ Lớn. Người bán đặng bớt sở phí, cho người mua y giá thường, mua để sẵn rồi bán lại cho nhà máy xay tại Chợ Lớn. Hãng mình cứ tính vốn lời phân phân phải mà bán lại cho nhà máy, chẳng phải chấp đoạn thặng giá làm chi, cứ có lợi thì là đủ. Mua bán như vậy thì mình đặng gồm mỗi chánh. Nhiều lúa hơn ất là bán không khi nào lỗ, vì bởi đủ giá mới bán, nếu không thì để đó. Xem coi có vững bền mạnh mẽ không? Làm đặng như vậy thì số lúa nội Nam Kỳ về hãng mình trữ, có ít lắm cũng đặng phân nữa hay là hai phần là ít.

Anh em lớn nhỏ hãy xét một điều này: vì có chi mà tại Chợ Lớn, kinh hẹp, rạch cạn, ở xa mấy tỉnh trong mà ai ai đều phải chở lúa đến đó mà bán? Nhiều khi ghe chài bị cạn một đôi ngày mới ra khỏi, tại nước kém ghe đông, chạt ra không khỏi.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Ấy đó thất lợi nhiều mà con nhà buôn phải tùy theo chỗ đô hội mà đến. Xem ra chịu thiệt hại cũng nhiều mà phải đến đó; vì sao mà phải vậy Thứ nhất chỗ đó mới bán đặng, bởi có đông người mua. Thứ hai là các sắc hóa hạng vật cần dùng cho bốn quốc, thì tại Chợ Lớn trử, nên phải đến đó, trước là bán đặng lúa, sau là bỏ đặng hàng hóa. Dầu còn cạn muốn ngăn trở, bồi, ăn cướp làm hại, cũng ráng mà đến đó. Xét cho kỹ thiệt cũng khổ và chịu thiệt hại cũng nhiều. Nhưng vậy mà người bốn quốc cứ chuyên một nghề làm lúa, bán lúa mà mua đồ vật khác mà xài, ấy là đều chỗ huyết mạch của nhơn dân. Mạch máu mình mà mình không cần đến, không ngó đến, để cho người Khách nắm, thì khổ cho mình dường nào Người Khách nếu nắm riết lại, thì mình ắt khôn nạn; vì sao Mạch máu lại bị ngăn thì người khó sống.

Vậy hăng lớn của bốn quốc lập để mua bán lúa, thì phải giúp cho người bốn quốc. Người thông đạt, kẻ lịch lãm, lãnh bạc trước lập tào khậu trử hàng hóa cho lớn, cho đủ, cho đông tại Mỹ Tho, như tại Chợ lớn vậy. Ấy đó mới có chỗ mà đua chen cuộc buôn so sánh với kẻ Khách đặng, chớ như để làm theo thành thị sẵn như chỗ Chợ lớn thì là chỗ người thành khoảnh đã lâu, mình chen bàn tay đã chẳng lọt, thế chi mà sánh kịp.

Lương Dũ Thúc  
Bến Tre

(*Nông Cổ Mìn Đàm*)

Chú thích: (1) Nguơn: khởi thủy chữ quốc ngữ chưa phổ biến, tiền do Ngân Hàng Đông Dương in chữ Hán, đơn vị là 元: Nguyên, người Nam đọc là Nguơn, sau tính theo kim bản vị, tiền giấy có đơn vị gọi là Đồng Vàng, rồi Đồng Bạc, cuối cùng chỉ còn Đồng mà thôi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Lương Khắc Ninh là văn, nhà báo, trong buổi giao thời tiếp xúc với văn minh Tây phương, ông mạnh dạn hô hào người Việt nên chọn con đường thương mại mới có thể trở nên giàu có, dân ta mới phú cường.

Nếu Trương Vĩnh Ký chọn con đường văn hóa, Lương Khắc Ninh lại chọn con đường thương mại để canh tân mảnh đất Nam Kỳ. Công của hai ông không phải là nhỏ trong việc khai hóa dân ta.

NĂM ĐẦU. — SỔ THỨ 22  
Ngày 25 Tháng Hai Năm Nhâm Thìn. Ngày 3 Avril 1902.

# NÔNG-CÔ MIN-ĐAM



CAUSERIES SUR L'AGRICULTURE ET LE COMMERCE  
MỖI TUẦN LỄ IN NGÀY THỨ NĂM

GIẤY BÁO NHẬT TRẦN (Người báo quốc mỗi năm... 2400 Người báo cộng người quốc... 10 gao. Tài pháp có sự người quốc 10. 50)	Cửa NƯỚC: CANAVAGGIO SAIGON BƯỜNG LAGRANDIÈRE, SỐ 84.	ANNONCES 1 <sup>st</sup> Page in cent... \$ 1 50 2 <sup>nd</sup> Page in cent... \$ 1 00 3 <sup>rd</sup> Page in cent... \$ 0 50 4 <sup>th</sup> Page in cent... \$ 0 50
---	---	--

### Lời Rao

AI muốn mua nưọt-trinh, hay là in việc chỉ vào  
huy-trinh thì cứ đi Đồn-quân chầu nhưn mà  
mương-ông]

Câu không ai đặng là Tân-quê lại như nước sây vào  
thư sách. hay là làm riêng một cuốn cũng không đặng

### Thương cổ luận

(tiếp theo)

Luận việc đại thương cũng lợi làm, thì mỗi  
đều cũng rõ biết rằng lợi, sao không? Chẳng  
ràng người bán-quê chưa có thời giờ,  
hay là người Công bởi sự ở in không  
trung, cách bán buôn là thế; nhưng thường  
có nhiều khi người bán-quê, thấy sự  
bán của bị quốc, có lợi lớn, muốn bán  
nước buôn chung; rồi nhau năm bảy người,  
hay là chín mười người hòa vào buôn chung;  
việc làm cách tính không có thứ lớp, để cho  
người ở ý tham lam gian giảo, thì họ lợi đặng;  
vì vậy, họ mới làm khổ sự, mau thì chóng  
sầu hàng, lâu thì vài năm, phải là bỏ bản  
coi có phải là lợi người chưa thông sự buôn  
chung, thuật cách tính toán, cho nên làm thất  
lợi hoài; rồi lợi đó thua cũng không đặng;  
bởi vì có những gương như đã rồi; mà ai ai  
đều cứ theo đó mà nói khổ; sự là, là cũng ít  
sự, vì sự ăn gian. Sự vậy cũng cho là phải; duy  
một điều xin xét lại cho kỹ, thì hiểu rõ rằng  
mỗi sự, là làm số ít người, không dùng tính  
sầu cho có công, thì việc chỉ cũng lợi; chứ  
vi như làm việc lớn, như việc quan, là số sách  
thứ tự, điều là phân minh, ai là phần này, có  
lý nào mà do gian ăn, làm cho công, là buôn  
mà khổ bị gian, thì CỬNG LỢI NHẤT. — Xin  
chư qui vị trong buôn-quê rằng hay nghĩ một  
điều cho kỹ, và sự nghĩ cho sâu, mới chớ có  
nghĩ sơ qua mà bỏ đi, rồi đến chi cũng là

Tài liệu tham khảo:

- Lương Khắc Ninh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- In khờ mà khôn Web: [namkyluctinh.org](http://namkyluctinh.org)

## 2. Nguyễn Chánh Sắt



**Tân Châu - Nguyễn Chánh Sắt (1869-1947)**

Nhà văn Nguyễn Chánh Sắt tự Tân Châu, sinh năm 1869, tại làng Long Phú, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc là con ông bà Nguyễn Văn Tài, gia đình ông nghèo, cùng xóm có gia đình ông Nguyễn Văn Bửu hiếm con, nên xin ông về làm con nuôi. Lúc nhỏ ông được học Hán văn với Tú Tài Trần Văn Thường, rồi sau đó sang tỉnh lỵ Châu Đốc, học tại Trường Tiểu Học tỉnh Châu Đốc.

Sau khi đậu bằng Sơ Học, ông đã đến tuổi trưởng thành, được dưỡng phụ lập gia đình cho ông với bà Văng Thị Yên. Khi cha mẹ nuôi qua đời, gia đình ông có một con gái.

Lúc bấy giờ có ông De Colbert, người Pháp đến Tân Châu lập Sở Kén, nuôi tầm để lấy tơ để dệt lụa, hai ông có đi lại chơi thân với nhau, về sau việc làm ăn thất bại, De Colbert được nhà cầm quyền Pháp đề cử giữ chức Quản đốc đề lao Côn Nôn. Dịp này De Colbert tiến cử Nguyễn Chánh Sắt theo ông ra Côn Nôn làm Thông ngôn.

Trong thời gian ở Côn đảo, Nguyễn Chánh Sắt được De

## HUỶNH ÁI TÔNG

Colbert đối đãi như tình bạn bè, vì vậy ông mượn lý do học chữ Hán, ông xin cho vài nhà cách mạng được ra ở nhà ngoài với ông.

Bốn năm sau, De Colbert bị bệnh kiết lỵ phải đưa về Sài Gòn chữa trị, không khỏi rồi qua đời tại đây, do đó Nguyễn Chánh Sắt xin nghỉ việc ở Côn Nôn. Về Sài Gòn ông làm việc qua các sở Canh Nông, Công Chánh, Địa chánh... Sau cùng thôi làm việc, đi dạy chữ Hán ở vài trường trong đó có trường Tabert, trong thời gian này ông có quen biết với Canavaggio.

Canavaggio có ruộng muối ở Bạc Liêu, nên đưa Nguyễn Chánh Sắt xuống Bạc Liêu trông nom ruộng muối cho ông ta. Ở đây được 4 năm, Nguyễn Chánh Sắt trở về Sài Gòn, bắt đầu dịch truyện Tàu. Đầu tiên ông dịch truyện *Tây Hôn*, giao bản quyền cho nhà in J. Viêt Lộc et Cie. Nhà in này sau khi phát hành quyển 1, được độc giả ưa chuộng nên quyển 2 và 3 được in cấp tốc phát hành cho kịp thời. Sau đó, ông tự xuất bản lấy quyền *Đông Hôn*.

Trong thời gian này, phong trào Đông Du lan tràn khắp nước, tại Sài Gòn có y sĩ Nguyễn An Khương, thân sinh nhà ái quốc Nguyễn An Ninh, lập Chiêu Nam Lâu ở đường Nguyễn Huệ ngày nay, tầng trên là khách sạn, tầng dưới là hiệu may do cô của Nguyễn An Ninh đứng trông nom.

Gilbert Trần Chánh Chiêu, chủ bút *Lục Tỉnh Tân Văn*, lập Nam Kỳ Kỹ Nghệ Công Ty, có làm xà phòng hiệu con Rết và vài món hàng khác.

Còn Nguyễn Chánh Sắt được phong trào đề cử xuống Mỹ Tho lập khách sạn Nguyễn Chánh Sắt. Mỹ Tho lúc ấy là trục giao lưu chính, xe lửa chạy từ Sài Gòn xuống Mỹ Tho, từ Mỹ Tho có

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

tàu chạy đường Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, Long Xuyên, Rạch Giá, Sađéc, Châu Đốc, Nam Vang... và ngược lại.

Các công ty, khách sạn là những cơ sở kinh tài, cũng là nơi giao thiệp, hội họp của phong trào. Nguyễn Chánh Sắt ở Mỹ Tho được vài năm thì phong trào Đông Du đổ bể, ông trở về Sài Gòn làm chủ bút *Nông Cổ Mìn Đàm* của Canawaggio và do Hội Đồng Lê Văn Trung giúp vốn. Thời gian làm báo, ông dùng ba bút hiệu là Bá Nghiêm, Du Nhiên Tử và Vĩnh An Hà.

Năm 1906, ông có đi dự triển lãm ở Marseille, được chánh phủ Pháp tặng Diplôme de mérite avec mention honorable. Trở về nước với số kinh nghiệm thu thập được ở Pháp, ông lo chỉnh đốn lại tờ báo và dịch thêm các truyện *Chung Vô Diệm, Tam Quốc...*

Năm 1912, việc khai thác tờ báo không được như ý, ông trả tờ báo lại cho Canawaggio rồi đi xuống Giá Rai (Bạc Liêu) làm ruộng. Bị thất mùa liên tiếp mấy năm, nên năm 1915 hay 1916, ông lại trở về Sài Gòn tiếp tục điều hành tờ *Nông Cổ Mìn Đàm*, lần này ông Nguyễn Văn Cửa chủ nhà in Imprimerie de l'Union giúp vốn. Trong thời gian ấy, ông sáng tác tiểu thuyết, lời cuốn rất đông đúc giả, người ta lấy tên một nhân vật nổi tiếng trong tiểu thuyết của ông, để đặt cho ông biệt danh "*Monsieur Chấn Cà Mum*".

Ông và ông Nguyễn Văn Cửa có lập Nam Kỳ Nhựt Báo Ái Hữu Hội. Năm 1921, ông làm Hội Thẩm toà Đại Hình Sài Gòn.

Khoảng năm 1940, ông lui về quê an hưởng tuổi già và mất tại Tân Châu ngày 6 tháng 6 năm 1947, hưởng thọ 78 tuổi. Hiện mộ phần ông và vợ tại xã Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

## HUỶNH ÁI TÔNG

### Tác phẩm:

- *Huấn tử cách ngôn* (1906)
- *Ngũ Hồ Bình Tây* (truyện Tàu, 1906-1908)
- *Tây Hớn* (truyện Tàu, 1908)
- *Hậu anh hùng* ((truyện Tàu, 1908)
- *Trinh hiệp lưỡng nữ* (tiểu thuyết, 1915)
- *Nghĩa hiệp kỳ duyên* (tức Chăng Cà Mun, tiểu thuyết, 1920)
- *Tình đời ám lạnh* (tiểu thuyết, 1922)
- *Gái trả thù cha* (tiểu thuyết, 4 tập, 1920-1925)
- *Tài mạng tương đố* (tiểu thuyết, Union, 1925)
- *Lòng người nham hiểm* (tiểu thuyết, 1926)
- *Giang hồ nữ hiệp* (tiểu thuyết, Đức Lưu Phương, 1928)
- *Trung Quốc cổ kim lược ký* (Xưa Nay, 1928)
- *Nhạc Phi diễn Nghĩa* (truyện Tàu, J. Viết, 1928 in lần thứ ba)
- *Tam tự kinh* (sách học chữ Nho, 1929)
- *Tái sanh duyên* (truyện Tàu, Huỳnh Kim Danh, 1929)
- *Vạn huê lâu* (truyện Tàu, Xưa Nay, 1929)
- *Tiết Đình Sơn* (truyện Tàu, Xưa Nay, 1929)
- *Việt Nam Lý Thái Tổ* (Đức Lưu Phương, 1929)
- *Việt Nam Lê Thái Tổ* (tiểu thuyết, Đức Lưu Phương, 1929)
- *Một đôi hiệp khách* (tiểu thuyết, 1929)
- *Anh hùng náo tam môn giai* (truyện Tàu, 1936)
- *Man hoang kiếm hiệp* (tiểu thuyết, Đức Lưu Phương, 1938)
- *Phi kiếm kỳ hiệp* (truyện Tàu, Đức Lưu Phương, 1940)
- *Đông Hớn* (dịch truyện Tàu)
- *Tam Quốc Chí* (dịch truyện Tàu)
- *Chung Vô Diệm* (truyện Tàu)
- *Cần Long Du Giang Nam* (truyện Tàu)
- *Mạnh Lệ Quân* (truyện Tàu)
- *Thập nhị quả phụ chinh tây* (truyện Tàu)



Trích văn:

### **Chuyện mộ Tào Tháo**

*Phía ngoài thành Hứa-Đô có một cái sông nước chảy rất mạnh, hai bên thì bờ vực hãm sâu. Mùa hè trời nóng nực, có một người kia xuống tắm, giây phút nổi lên như bị đao búa chém đứt ra từng khúc. Sau có một người cũng bị như vậy, thiên-hạ thất-kinh lấy làm lạ. Quan phủ sở tại thấy vậy, bèn bắt nhiều dân khiêng đất đôn cây chặn ngọn nước sông lại, lúc nước cạn rồi thì thấy dưới sông có cái hang sâu, trong ấy có đặt những xa máy tinh những guom bén lắ. Phá máy lấy guom lên, moi riết vào thấy có cái bia nhỏ đề chữ giống điệu chữ đời Hán, xem kỹ ra mới biết là mộ của Tào Mạnh Đức. Quan phủ bèn dạy phá hòm ra, lấy xương đem chôn nơi khác. Còn những ngọc ngà châu báu liệm trong hòm, thì lấy hết mà bỏ vào kho.*

*Trong sách có nói Tào Tháo có bảy mươi hai cái mã nghi, hay đầu ngoài bảy mươi hai cái lại còn một cái này nữa. Ấy vậy thì gian trá như Tào Tháo, đến thác cũng còn gian trá. Song đã ngoài ngàn năm mà một nắm xương tàn còn chẳng giữ đặng thay, nghĩ lại mà coi, thì gian trá cho lắm lại có ích gì.*

Rút trong *Liêu Trai Chí Dị* dịch ra  
(*Nông Cổ Mìn Đàm*)

Trích thơ:

### **Khóc Con (1)**

*Xón xang bức rút mấy canh gà,  
Thương nhớ vong nhi lụy nhỏ sa.*

HUỶNH ÁI TÔNG

Một giấc nghỉ ngơi an phận trẻ,  
Ngàn năm đau đón tủi thân già.  
Bơ vơ hai cháu đành không mẹ.  
Hủ hỉ mình con nở bỏ cha,  
Tạo hóa bất nhơn theo khuấy mãi.  
Khiến người cắt ruột tệ chi mà.

\*

Chi mà đau đón lăm trời ôi !  
Cái nghĩa cha con đã phui rồi.  
Tức nổi trẻ thơ sao vấn vỏi,  
Thương bày cháu ngoại chịu mồ cô.  
Chim đà mắt mẹ buồn ngơ ngác,  
Tre phải khóc măng thấm dập dôi.  
Thắt thèo ruột tâm vò chín khúc,  
Chi mà đau đón lăm trời ôi !

\*

Trời ơi bao nỗi hại người lành,  
Cái nghĩa cha con há dứt đành.  
Hăm tám tuổi xanh sao vắng số,  
Bảy mươi đầu bạc ngẩn ngơ hình.  
Gia đình những tướng già nương trẻ,  
Thơ xã hết trông trẻ giúp mình.  
Sách vở mấy trương còn để đó.  
Từ đây khuê các phải buồn tanh.

\*

Buồn tanh thốn thức mấy năm canh,  
Vắng dạng tai nghe tiếng trống thành.

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Trước cửa vật vờ hòn núi giả,  
Bên tường thỏ thẻ giọng chim oanh.  
Ép mình ngâm vịnh làm khuây dạ,  
Tiếng cháu ngâm thơ phút động tình.  
Bé tí chắt chiu đau đớn nhỏ,  
Bao đành độc địa hỏi cao xanh.*

\*

*Ông xanh bao nữ chẳng thương mình,  
Hiếu nghĩa sao mà lại ghét ganh.  
Phải biết ấu xuân phần vẫn số,  
Đã tầm Hậu Nghệ thuốc tràng sinh.  
Bồi hồi sáu khắc sầu khôn xiết,  
Thốn thức năm canh nhắc chẳng đành.  
Nhớ trẻ biết đâu tìm được thấy,  
Chỉ mình quanh quẩn mấy khuôn hình.*

\*

*Mấy khuôn hình trẻ vẽ trong nhà,  
Nhìn tới di dung giọt đượm sa.  
Nét đứng dạng ngồi còn phát phởng,  
Lời ăn tiếng nói đã phai pha.  
Trông vào tử sắt lòng chua xót,  
Đoái lại phòng văn dạ thiết tha.  
Thương nhớ ái nhi buồn khó tả,  
Sụt sùi chan chứa tấm lòng ta.*

\*

*Lòng ta khắc khoải trót đêm tròn,  
Thốn thức năm canh mãi nhớ con.*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Thảm thiết lòng già nằm chẳng tiện,  
Mơ màng dạng trẻ ngủ sao ngon.  
Xưa còn tin tức trông lom lôm,  
Nay vắng dạng hình khóc ni non.  
Ước gặp Nam Tào ta hỏi thử,  
Cớ sao mạng số lại thon von.*

\*

*Thon don phận trẻ dễ an nào,  
Cực nỗi cha già thảm xiết bao.  
Mẹ yếu một thân sầu ủ rũ,  
Con thơ hai đứa khóc ghêu ngao.  
Cửa nhà thiếu kẻ lo săn sóc,  
Vườn tược không người giữ trước sau.  
Uất ức bên lòng nằm chẳng tiện,  
Một mình trần trọc trót canh trâu.*

\*

*Trót canh trâu chẳng thấy con mình,  
Một giấc ngàn thu đã biệt hình.  
Sao nỡ chia phôi tình cốt nhục,  
Bao đành phân rẽ mối thâm tình.  
Ngã ngơ tuổi cháu còn suy ấu,  
Ngao ngán thân già nỗi tử sinh.  
Cội cũ một mai mà xé bóng,  
Bơ thờ hai mục nổi linh đình.*

\*

*Linh đình phận trẻ biết đâu mà,  
Nỗi trước sau đây dạ xót xa.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Ngày tháng bơ vơ không bố mẹ,  
Sớm khuya bận bịu có ông bà.  
Nãi nùng tiếng đế lòng ngao ngán,  
Vắng vỏi hơi ve dạ thiết tha.  
Đoái lại cảnh tình thêm bát ngát,  
Xón xang bút rứt mấy canh gà.

### Văn tế (2)

Hỡi ôi !

Cộng tháp sơn phai

Đồng chu keo rã

Đầu đương trắng xé, xón xang trong đám mây chiều,  
Trước án hương tàn đau đón thấy muôn lần khói tỏa !  
Nhớ linh xưa !

Tánh hạnh khiêm hòa.

Phong tí thanh nhã.

Văn chương lỗi lạc ít kẻ hơn Ngài

Bút toán tinh thông không ai bằng cả

Việc xử thế, vô kiêu vô lãn, tánh ái nhân biết trọng kẻ hiền tài.  
Phép tề gia, khắc niệm khắc cần, lòng thể chúng hay thương  
người cô quả.

Tới lui cùng bạn tác, lòng chẳng chút đơn sai.

Ăn ở với bà con, dạ không hề dối trá.

Tưởng những lúc đàm văn luận phú, sớm tới trưa ý chẳng biết  
nhàm,

Nhớ những khi chén rượu chung trà, ngày chỉ tới tình còn chưa  
thỏa.

Cuộc thăng thưởng của tôi vừa được đó, tưởng cùng nhau vui  
hợp một trường,

Thơ chúc mừng của bạn mới đây, nay lại đã vật phân hai ngã.

Ôi !

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tạo hóa khéo trở trêu,  
Vô thường hay khuấy khuấy.  
Đoái thấy linh sàng khói tỏa, chín chiều ruột thắt đòi con.  
Xa trông cô trũng mưa tuôn, mấy đoạn lòng đau như sả.  
Nhà Hàn uyên mình vàng vóc ngọc, bao nỡ đành nắm đất lấp vùi.  
Cửa Lan đài tuyết trắng gương trong, Cớ sao gặp trời chiều  
hối hải.  
Nghe tin điển tay run lập cập, chưa kịp xem mà lòng đã phập  
phồng.  
Nhớ dạng hình dạ luống ngậm ngùi, trông chẳng thấy giọt lụy  
tuôn là chả  
Đã biết đường sanh tử nay tay tạo hóa, nhưng mà người thác  
yên kẻ sống khó nguôi lòng,  
Cho hay nẻo tồn vong tự máy thiên công, ngặt nỗi đây còn  
thảm đó sao yên dạ.  
Nay phút đã tới tuần bá nhật, đĩa muối dưa để tổ tám chơn thành.  
Mai đây rồi cách biệt thiên niên, cuộc thơ rượu khó cùng nhau  
xướng họa.  
Sống cũng vậy, thác rồi cũng vậy, tình cố giao đã có non sông.  
Còn làm sao, mất làm sao ? Lời cữ ước khôn phai vàng đá.  
Lòng thương tưởng lấy chi bày tỏ, trước linh từ ba tiếng ô hô !  
Dạ ai hoài luống những sụi sùi, trong văn tế vài lời bài tạ  
Hỡi ôi thương thay !  
Có linh xin chứng.

Ghi chú:

(1) Con gái ông, Bà Nguyễn Thị Nguyệt tự Minh Nghĩa, giáo học, từ trần năm 1929.

(2) Bài văn tế ông Dương Minh Chí (1862-1836) người xã Long Phú, quận Tân Châu tỉnh Châu Đốc, ông là bậc thâm nho, giỏi Nôm và Quốc ngữ. Thường xướng họa với Trần Kim

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Phụng, Nguyễn Quang Chiểu, Cao Nhật Tân, Trần Thới Hạnh, Nguyễn Chánh Sắt. Bài này đăng trên Lục Tỉnh Tân Văn ngày 31-12-1936.

6 1936 NÔNG-CỔ MÍN-DAM

ÔNG P. AUZY  
ở ĐƯỜNG PELLERIN SỐ 142 SAIGON

em chúng tôi trước sau cứ vậy mà  
giúp sức cho người nam ta  
theo đường thương mại.  
Luôn điên nấy chúng ta

01/2014

Nguyễn Chánh Sắt

**Nghĩa  
hiệp  
kỳ  
duyên**

dan, muống nĩa bằng bạc và xuy, đốt  
hồ-phách bạch vàng, giường sắt giường  
ruột gà, có mền nệm sần, khăn bàn,  
khăn lau mặt, đồ nữ trang, dầu thơm  
đủ thứ, kim chỉ, xe máy hiệu Hercule  
chất làm, bán có đèn, có chuông, giá từ  
210 tới 225 quan tiền Langsa. Nhà này  
người Annam thường hay tới mua, bán  
giá rẻ và đồ tốt.

Lục châu ai có viết thơ cùng xin  
kiểu hàng giẻ cùng mua vật chỉ thì ông  
Rousseau sẵn lòng trả lời lập tức.

Pháo bông, cùng đồ cho con nít chơi đủ thứ  
Hột xoàng lớn nhỏ tốt nhưt hạng ;  
Có bán xe hơi hiệu Berliet, chạy từ Saigon  
xuống Vungtau 28 phút, cũng có lãnh sửa xe hơi.  
Tại nhà này chẳng thiếu món chi mà lại giá rẻ.

**LÒ LÀM DẦU VÀ XÀ BÔNG**

Ông FAUSSEMAGNE  
Saigon (Khánh-hội)

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Từ những nhà văn tiền phong đến Nguyễn Chánh Sắt, cách hành văn đã có nhiều thay đổi, văn chương của Nguyễn Chánh Sắt có trao chuốt, cho nên chẳng những ông dịch truyện Tàu, mà còn là một trong những nhà văn viết tiểu thuyết sau Nguyễn Trọng Quang, Trần Chánh Chiếu, Lê Hoàng Mưu, cùng thời với nhà văn Hồ Biểu Chánh, tên tuổi ông vang dội một thời với biệt danh Monsieur Chăng Cà Mun, là tên nhân vật trong tiểu thuyết của ông, sau này nhà văn Sơn Nam sưu tầm cho in lại trên Nhân Loại tạp san bộ mới, trong cuối thập niên 1950 tại Sài Gòn.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Chánh Sắt Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Chuyện mộ Tào Tháo Web: [ahvinhngkiem.org](http://ahvinhngkiem.org)



### 3. Phạm Minh Kiên



#### **Phạm Minh Kiên (18?? -19??)**

Nhà văn Phạm Minh Kiên để lại những tác phẩm quốc ngữ trong thời kỳ sơ khai ở Nam Kỳ, nhưng cho đến nay chưa có tài liệu cho biết ông sanh năm nào ? Tại đâu ? Người ta chỉ biết ông quê quán ông ở miền Trung, vốn là một tu sĩ Phật giáo hoàn tục, đầu thập niên 1920 vào Sài Gòn làm báo. Ngoài bút danh Phạm Minh Kiên, ông còn ký tên là Tuấn Anh hay Dương Tuấn Anh. Do đó, người ta nghĩ có thể tên thật của ông là Dương Tuấn Anh.

Ông cộng tác thường xuyên các báo *Nông cổ mín đàm*, *Đông Pháp thời báo*, *Lục tỉnh tân văn*, *Nam kỳ kinh tế báo*... trong các mục *Tự do diễn đàn*, *Văn uyển*, *Xã luận*... với nhiều bài viết có phong cách, tạo dấu ấn riêng và ông đã từng là trợ bút tờ *Nông cổ mín đàm* trong hai năm 1923-1924, rồi làm Chủ bút của tờ báo này từ số 123, ngày 26 tháng 8 năm 1924, đến số cuối cùng 133, ngày 04 tháng 10 năm 1924; và chủ bút tờ báo *Nhật tân* do ông Lê Thành Tường sáng lập, chưa rõ thời điểm cụ thể. Một số tiểu thuyết của ông là tiểu thuyết feuilleton được cho đăng nhiều kỳ trên các tờ báo vừa nêu, sau đó mới in thành sách.

Tác phẩm đầu tay của ông là quyển *Hiếu nghĩa vẹn hai*, sách do nhà xuất bản Đức Lưu Phương, Sài Gòn in năm 1923.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Căn cứ vào các hoạt động của tác giả Phạm Minh Kiên, chúng ta có thể đoán ông sinh khoảng thập niên 1890 và mất khoảng thập niên 1930, như thế văn nghiệp của ông chỉ khoảng 10 năm với chừng 18 tác phẩm, và ông thọ độ 50 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hiếu nghĩa vẹn hai* (tiểu thuyết, Imp. du centre, 1923)
- *Ân oán vì tình* (tiểu thuyết, Xưa Nay, 1925)
- *Duyên phận lỡ làng Hà cảnh lạc* (tiểu thuyết, J. Viêt, 1925)
- *Vì nước hoa rơi* (tiểu thuyết, Xưa Nay, 1926)
- *Việt Nam anh kiệt, Vì nghĩa liều mình* (Duy Xuân, Sadec, 1926)
- *Hai mươi năm lao碌* (Xưa nay, 1927)
- *Vì nước hoa rơi* (Xưa nay, 1927)
- *Bèo mây tan hiệp* (Tín Đức thư xã, 1928)
- *Việt Nam Lý trung hưng* (Đức Lưu Phương, 1925)
- *Lý Bằng Phi* (tiểu thuyết lịch sử, Đức Lưu Phương, 1930)
- *Thói đời đen bạc, Tình nghĩa đổi thay* (tiểu thuyết, Đức Lưu Phương, 1931)
- *Lê triều Lý thị* (tiểu thuyết lịch sử, J. Viêt, 1931)
- *Một đoạn sầu tình* (tiểu thuyết, Tín Đức thư xã, 1931)
- *Tình duyên xảo ngộ* (tiểu thuyết, Tín Đức Thư xã, 1931)
- *Tiền Lê vận mạng* (Tín Đức thư xã, 1932)
- *Trần Hưng Đạo* (tiểu thuyết lịch sử, 1933)
- *Việt Nam anh kiệt* (Tín Đức Thư xã, 1952)

Trích văn:

### Tình duyên xảo ngộ

Cách châu thành Cần Thơ chừng năm cây số, nơi con đường đi Bình Thủy, có một cái nhà ngói ba căn, cất theo kiểu kim thời. Cột gạch phong tô, cửa cuốn vòng nguyệt, trên có gắn chỉ niền dây hoa xem rất đẹp. Nhưng cái màu sơn thủy hồ kia bầy

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

giờ nó bị mưa chang rong đóng mà ra lem luốc, không còn tốt đẹp như xưa. Cái nền đúc đá xanh cao ráo hồi trước, bây giờ đen đen mốc mốc chẳng còn sạch sẽ như xưa. Trước sân có bông bông, kiếng vật. có hòn non bộ, có hồ thả cá; nhưng bông đã còi cọc, kiếng vật đã sơ rơ, ao hồ đã cạn khô, hòn non bộ đã trôi trôi. Chung quanh có vòng rào sắt; nhưng mà cỏ lấp biền leo , không ai dọn dẹp.

Cái cảnh nhà gần điều tàn suy sụp ấy, lại gặp lúc đêm trăng vàng vọt, luồng gió lao xao, thổi vô mấy cây đào, cùng mảnh cầu vồng ối, lá rụng bay như bướm bướm, làm cảnh buồn càng thêm buồn điệp.

Bức tranh quanh quẽ im lìm, bóng lầu lầu sang rờ kia hiện ra một nàng con gái ngồi dựa hòn non hình dung đã dượi. Nàng ngó lên thấy trăng tỏ nàng thở ra, nàng ngó xuống thấy lá bay nàng chặc lưỡi, không biết nàng vì cảnh suy sụp mà chẳng vui, hay là nàng vì tâm sự buồn rầu mà ngơ ngẩn. Dung nghi diện mạo của nàng lúc bấy giờ nhờ gương nga tỏ rõ, nên thấy nước da nàng trắng như giấy bạch, môi đỏ như bông hường. Mày dài, mũi ngay, mắt sang, miệng đẹp tóc đen láng mượt; gió thổi mấy sợi tóc con trước trán bay lơ thơ dường như mây vương trên mặt cô hằng. Nàng mặc áo cảm nhung đen quần lãnh trắng, nhưng cả thấy đều cũ mèm. Tay đeo một chiếc huyền, cổ không có chuyền chuỗi, làn da trắng nõn. Nàng ngồi khoanh tay để hai bàn chân đưa ra nhằm chỗ trăng rọi, xem dường như bàn chân bột. Thật là nhan sắc nàng nếu nói ngư trầm nhạt thì thái quá; còn so với hang con gái hào hộ trâm anh thì nàng đứng đầu hết.

Nàng này tên là Đỗ Huệ Châu con quan tri phủ Đỗ Hoài Hầu. Ông là người hiền lương nhân đức, ăn ở làng xóm đều thương, làm việc quan dân thầy mến; mỗi lần ông đi làm việc gặp người lao động nghèo nàn, quần cùn áo cục chào ông, thì ông dờ nón chào lại, có khi ông cười rồi hỏi nhà em mạnh giỏi he! Cái hành động cử chỉ của ông như vậy, cho nên làng xóm dân

## HUỶNH ÁI TÔNG

tình có việc lầm lỗi hay chạy đến cầu cứu với ông. Việc nào oan ức thì ông cực lực lo giùm cho khỏi tội; trừ ra những việc đại tội đại ác thì ông không thể cứu được mới chịu khoanh tay. Có một điều này đáng khen hơn hết là ông giúp đỡ ai việc gì, thì ông rán sức, mà tiền bạc thì ông không ăn. Đầu năm ngày tết làng tổng đem cho món gì, ông sợ mích lòng lấy một phần, còn chín phần thì trả lại. Tánh tình ông như thế mà vợ ông là bà Nguyễn Thị Do cũng không kém ông. Bà không lấy nề công làm ông phủ, rồi đi mdên đâu vinh mày vinh mặt, xưng mình là bà phủ, để thị oai với bạn hàng ngoài chợ, hay là làm kiêu với đàn bà con gái thiệt thà quanh làng cúi xóm. Bà chỉ biết bà là người đàn bà cũng như ai vậy; nhưng bà có phước hơn một chút đó thôi. Vì vậy nên bà thấy ai nghèo nàn rách rưới bà thương đem bán món gì cho bà, nói bao nhiêu thì bà trả tiền không chê mắc chê mỗ chi. Có nhiều khi một hai người tham tâm biết ý bà, đem xoài chín hay nắm rom bán mắc cho bà thì bà cũng mua. Mấy con ở trong nhà thấy vậy nói sao mà bà mua mắc quá, họ nói thách sao bà không chịu trả giá. Bà trả lời rằng: Người ta nghèo túng, mình mua maacì một hai cắc cũng như mình giúp cho họ mua gạo cho con họ ăn, có gì mà ngại. Mình phải xét công ơn của người ta mà thương họ. Có món ngon vật lạ không dám ăn, gom góp để đem bán cho mình mà lấy tiền nuôi chồng nuôi con. Nghĩ vậy nên mắc một chút đình không hề gì.

Lòng bà ăn ở như vậy cho nên nhiều người yêu mến kính trọng. Họ yêu mến kính trọng cho tới cách ăn mặc của bà. Bà thường ăn mặc màu đen, màu trắng chớ không chịu sắc kia sắc nọ như ai. Nhất là bà ghét hột xoàn không chịu sắm. Bà cũng không ưa son phấn, bà cứ để mặt thiệt của cha mẹ sanh. Nói tóm lại thì bà không ham lên xe xuống ngựa lãng phí tiền xài; bà cứ giữ công, dung, ngôn, hạnh, thí đức bố nhân, từ nhỏ đến lớn bà không làm điều gì trái ngược với lương tâm.

Cái lòng nhân đức của ông, cái dạ hiền lành của bà giao thiệp nhau trong đầy đường như có keo sơn gắn chặt, cho nên càng

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

ngày càng khăng khít yêu thương, càng ngày càng kính trọng thân ái. Năm chí cuối không có điều gì xích mích nhau; thật là một duyên cá nước rất nên thuận thảo.

Nhờ tình nông nghĩa nặng, ý hiệp tâm đầu, chẵn gói vui vầy mà bà ở với ông đặng ba năm mà sanh nàng Luệ Châu. Ông bà cung dưỡng như trứng mỏng, nuôi nấng như nuôi hoa xinh, rui có van mình sốt mảy thì ông bà thức sang đêm lo thầy lo thuốc cho con.

Lần hồi ngày lụn tháng qua, sen tàn cúc nở, cửa hoạn lộ ông chuyên cần làm việc, nơi gia đường bà lo liệu nuôi con, thì Luệ Châu đã được tám tuổi. Ông thấy con sang láng công cho đi học, mỗi bữa ông đi làm việc ông dắt con lại trường, rồi bãi châu thì đem con về.

Luệ Châu có khiếu thông minh học đâu nhớ đó, đặng mười ba tuổi thi đậu bằng cấp tiểu học. Ông bà mừng rỡ rồi đem con lên học trường Sài Gòn. Từ đó hai ông bà thay phiên nhau tuần này ông đi thăm, thì tuần khác bà đi, nhờ vậy nên Luệ Châu ít hay nhớ nhà. Nàng ở trong trường, trên thầy giáo, dưới học trò, thái cái tánh siêng học hiền lành, ở ăn hòa nhã của nàng cả thầy đều thương. Nàng lại giống ý cha tánh mẹ, không hay lãng phí tiêu xài, không hay đòi quần kia áo nọ. Mỗi lần ông lên cho tiền, thì nàng gửi mua kim chỉ để học may, học thêu; còn dư thì cất đó, chị em bạn trong lớp có ai thiếu hụt thì cho mượn. Cho mượn cũng không cần đòi, ai có trả thì lấy, không trả thì thôi. Có một hai chị em bạn học thương nàng, hỏi nàng sao cho mượn lại không đòi, thì nàng trả lời rằng: Tôi dư người ta thiếu, giúp lẫn nhau để đó làm gì.

Than ôi một người đạo đức hiền lành như nàng mà không trọn vẹn may mắn, nàng học đặng hai năm thì bà thân nàng phát bệnh đau nặng, ông phủ lên xin phép đem con về để sớm khuya nuôi mẹ.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Lúc về đường Luệ Châu thấy cha buồn rầu nàng nghĩ mẹ nhà chắc là đau nặng; nên nàng hỏi cha thì ông nói, ông lặc đầu rồi nói lảng chuyện khác.

Luệ Châu thấy cử chỉ cha vậy thì lại càng nghi ngờ lo sợ, rồi cũng buồn rầu theo cha, không dám hỏi cha điều gì nữa. Về đến nhà, Luệ Châu bước vô cửa thấy trong nhà cỏ vẻ buồn bực thì nàng bồi hồi tất dạt; lại thấy cha lặc đầu chắc lưỡi bước thẳng vô phòng, lại nghe tiếng rên ở trong thì nàng đau long thêm nữa. Nàng biết rên ấy là tiếng mẹ, nên nàng lật gật đi trước cha mà vô thăm mẹ. Nàng bước vô phòng vén màn lên thấy mẹ nằm thiêm thiếp, hai mắt nhắm lại, miệng rên ư ư không biết việc gì nữa.

Luệ Châu thấy mẹ vậy thì tối tăm mảy mặt, rụng rời tay chân, nàng quì xuống gục đầu bên mình mẹ, tay nắm vai mẹ lúc lặc mà kêu rằng: “Mẹ ôi ! Con về đây mẹ ! Mẹ mở mắt ra mẹ ! Mẹ làm gì vậy con sợ lắm mẹ.”

Luệ Châu kêu thì kêu mà bà không trả lời đặng; bà cứ rên, cứ nhắm mắt, cứ nằm thiêm thiếp không cựa quậy gì hết. Luệ Châu thấy vậy khóc rống lên rồi day lại thấy cha đứng một bên cũng rung rung đôi giọt, thì nàng hỏi rằng: “Cha ôi ... Mẹ đau sao nặng dữ vậy cha? Mẹ con uống thuốc tây hay là thuốc nam vậy cha?”

Ông phủ nghe con hỏi, ông thở ra rồi lấy khăn lau nước mắt mà nói: “Tây tây thầy nam gì cũng đủ hết đi con. Không biết mẹ con đau bệnh gì mà uống thuốc thang chịu thang trở; cha không tin dị đoán mà thét rồi cũng phải đi bói đi xin xăm; kẻ nói ấy người nói khác cha cũng chịu long cứng vái mà chẳng thấy thuyên giảm gì, càng ngày càng trầm trọng. Sáu bảy bữa rày lại mê muội nhiều, cơm nước gì không ăn uống nữa.”

Luệ Châu nghe cha nói thì khóc rồi hỏi rằng: “Sao cha không đem con về cho sớm để bây giờ mẹ con liệt không còn biết con nữa.” Luệ Châu nói rồi gục đầu vô mình mẹ than khóc.

Ông phủ nghe con hỏi vậy ông động long úa lệ mà nói rằng: “Ban đầu cha cũng muốn lên đem con về; nhưng mẹ con bảo để con học. Cha cũng muốn tùy theo lòng mẹ con mà cha cũng tưởng mẹ con đau ít bữa thì mạnh, không dè càng ngày càng nặng như vậy! Cha mắc lo thuốc men, ngày đêm không hở, nên không rảnh đặng mà đi rước con. Hồi hôm này mẹ con tỉnh lại bảo cha lên rước con về cho mẹ con thấy mặt, sao bây giờ mẹ con lại mê dữ vậy không biết.”

Ông nói rồi chứa chan lụy ngọc, rồi ông nôi xuống nắm tay bà giục mà kêu: “Mẹ nó ôi ... Con Huệ Châu về đây nè. Sao mẹ nó không mở mắt ra mà nhìn con.”

Ông kêu ba bốn lần bà mới mở mắt ra nhìn con, bà thấy Huệ Châu quì bên cạnh thì bà lấy tay vuốt đầu con, ỏi nước mắt chảy ra, thở một hơi rất dài, nhắm mắt lại hồn qui di lộ, không trối trăng lời gì.

Huệ Châu thấy vậy tưởng mẹ mê mết, nằng giục kêu lên kêu xuống cho năm ba bận, bà không trả lời, chỉ thêm thiếp hồn hoa. Ông thấy thế lấy tay rờ vô ngực bà thì trái tim đã hết nhảy; ông vụt khóc lớn lên rồi nói rằng: “Con ôi... Mẹ con chết rồi còn đâu con.” Ông nói vậy rồi ông dậm cẳng kêu trời một tiếng, ông cúi xuống hôn trán bà, mà khóc hòa như mưa xối.

Huệ Châu nghe cha nói mẹ chết thì nằng bất tỉnh nhân sự, nhào lăn ra khóc ngất, không biết gì nữa. Con Nở là đứa bấy lâu, nghe khóc lớn chạy vô thấy vậy lật đật đỡ Huệ Châu lên, rồi ông nắm tóc mai mà kêu cho con cả chục tiếng Huệ Châu mới tỉnh lại. Ông đắp điểm cho bà xong xuôi rồi dất con ra; nhưng Huệ Châu không chịu ra, cứ nhào vô mình mẹ mà khóc hoài. Ông và con Nở khuyên giải đến đều mới đem ra đặng.

Ôi thôi ... Cuộc tóc tơ đứt đoạn, niềm mẫu tử biệt ly, biết bao nhiêu thảm thiết ai bì, kể đau long xót dạ. Tưởng đời người không có điều nào đau đớn buồn rầu, cho bằng cái cuộc kể còn

## HUỶNH ÁI TÔNG

người mất; dấu cho những tay kiệt sĩ, ngòi bút thần cng không  
tả ra cho đúng cái sự buồn thảm của con người đặng.

.....

Trong bài: *Tiểu thuyết lịch sử của Phạm Minh Kiên*, đăng trong  
tạp chí *Phát triển Khoa học và Công nghệ*, năm 2012, tác giả  
Nguyễn Công Lý đã có nhận định:

*Với thể loại tiểu thuyết lịch sử, cùng với các nhà văn hồi đầu  
thế kỷ, Phạm Minh Kiên ít nhiều cũng có vài đóng góp cho văn  
xuôi Quốc ngữ Nam Bộ. Tuy có chịu ảnh hưởng truyện thơ  
Nôm và tiểu thuyết lịch sử chương hồi cổ điển Trung Quốc khi  
kể chuyện, khi xây dựng nhân vật, nhưng Phạm Minh Kiên  
cũng đã tạo được dấu ấn riêng như có chú ý khắc họa tâm lý  
nhân vật qua độc thoại nội tâm; hoặc thể nghiệm kiểu kết cấu  
không theo trình tự tuyến tính thường gặp mà lại sử dụng kiểu  
kết cấu tâm lý, đan xen giữa quá khứ và hiện tại, làm cho câu  
chuyện hấp dẫn hơn. Cuối cùng, qua những cuốn tiểu thuyết  
lịch sử này, người đọc hiểu rõ và trân trọng tấm lòng của nhà  
văn đối với dân tộc. Đó là niềm tự hào về những trang anh  
hùng hào kiệt của dân tộc, từ đó khơi gợi lòng yêu nước, lòng  
căm thù giặc trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân xâm chiếm,  
giúp cho người đọc có thêm sức mạnh để vùng lên đánh đuổi  
kẻ thù cướp nước khi có cơ hội.*

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Minh Kiên Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Tình duyên xảo ngộ*: Nguyễn Q. Thắng, *Văn Học Việt Nam*  
Tập I, Tr. 1255-58



#### 4. Nguyễn Liên Phong



#### Nguyễn Liên Phong (1821- )

Nguyễn Liên Phong sinh năm 1821, tại làng Thịnh Lạc, xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An). Xuất thân trong một gia đình quan lại, cha là Nguyễn Du (1754 - ?, không phải là tác giả truyện Kiều), và anh là Hoàng giáp Nguyễn Thái (1819 - ?).

Năm 1867, khoa thi Đinh Mão, Nguyễn Liên Phong đậu Cử nhân tại trường thi Nghệ An. Ông làm quan nhiều nơi thăng dần đến chức Tuần phủ nên ông còn được gọi là Tuần phủ Phong.

Tương truyền, khi thực dân Pháp đang tiến hành cuộc xâm lược Việt Nam, ông tham gia phong trào Cần Vương. Sau đó, ông bị quân Pháp bắt đày vào Bình Định, rồi cuối cùng là Sài Gòn.

Nguyễn Liên Phong có tài ngâm vịnh, đàn bầu. Vào Nam Kỳ, ông đi nhiều nơi, giao du với nhiều bạn văn, trong đó có nhà thơ Học Lạc, và nhiều nhóm đờn ca tài tử và nhờ vậy ông viết được quyển *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca*.

Con ông là Nguyễn Tùng Bá tức Tư Bá, giỏi nghề đờn kìm, đờn tranh. Ông Bá có soạn tập bản đờn kìm khoảng 20 bài,

## HUỶNH ÁI TÔNG

xuất bản trước năm 1923. Sau, ông Bá đến Sóc Trăng làm nghề dạy đờn.

Nguyễn Liên Phong mất năm nào, tại đâu không rõ, nhưng chắc ông thọ trên 90 tuổi.

Tác phẩm:

- *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca* (gồm 7.000 câu thơ lục bát, Đinh Thái Sơn, 1909)
- *Án Túy Kiều* (Phát Toán, 1910)
- *Từ Dũ Hoàng Thái hậu* (F.M. Schneider, 1913)
- *Điều cổ hạ kim thi tập* (F.M. Schneider, 1915)

Trích thơ:

### **Điều Án sát Phạm Hữu Chánh<sup>(\*)</sup>**

*Cuộc đời dâu bể nghĩ thon von,  
Chạnh nhớ người xưa tiếng hầy còn.  
Ngòi viết chẳng rời bên đĩa mực,  
Mão đai từng dựa chốn liêu sơn.  
Vẹn tròn ngay thảo niệm tôi chúa,  
Đông đảo sang giàu phận rẻ con.  
Hoàng Trị gương thom ngời dấu để  
Lâu đài phước đức sánh tài non.*

### **Điều Huỳnh Mẫn Đạt<sup>(\*)</sup>**

*Ông Hoàng Mẫn Đạt ở Kiên Giang,  
Tác lớn về hưu phận cũng nhàn.  
Cơm áo ấm no ơn cố chúa,  
Đất rau ăn ở ngời tân bang  
Văn minh dân bước lên cao rạng,*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Chúng trí mọo càng chóng mở mang.  
Chín suối hồn linh con phượng phát,  
Hộ phò mới cũ mới giếng an*

### **Điều Tôn Thọ Tường<sup>(\*)</sup>**

*Người học Nho thuở trước,  
Nhớ ông Đốc phủ Ba,  
Hình dung xem xấu nhược.  
Tánh hạnh rất lương hòa  
Gặp gió cơn ào tới,  
Coi mòi căng bước ra.  
Văn chương dòng phép tác,  
Thi phú khéo nôm na.  
Co dùi theo thời thế,  
Bung long với quốc gia.  
Đã lắm công đặng hỏa,  
Riêng vui thú yên hà.  
Vừa sang miền Bắc cảnh  
Bỗng giục giắc Nam Kha  
Sốt lại hơi tao nhã  
Sáu châu tiếng một già.*

Ghi chú:

(\*) *Điều cổ hạ kim thi tập.*

Sau đây, một số bài trích từ *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* do nhà Phát Toán in năm 1909.

### **Tựa rằng:**

*Năm Nhân Dân, tháng giếng ngày vọng  
Nhơn lúc nhàn, vổ lộng bút nghiên*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Dạo Nam Kỳ, sáu tỉnh sơn xuyên  
Xem nhơn vật đủ miền mọi chỗ  
On tứ hải, đệ huynh điều độ  
Giúp hành trình, phí lộ kim ngân  
Hơn năm dư, chép thảo lần lần  
Thành một cuốn xa gần các hạt:  
Cách đặt dùng quốc âm lục bát  
Cộng hai mươi hai, hạt nhỏ to  
Biết bao nhiêu công khó dẫn đo  
Cứ việc thật không trò thêm bớt  
Giọng quê kịch nhiều lời thừa thớt  
Vận dưới trên non nớt chưa liền  
Từ Vũng Tàu, dĩ chí Hà Tiên  
Qua Châu Đốc, xuống miền Sa Đéc  
Tới mỗi hạt, trải chơi xem xét  
Hỏi đon ren, mới biết ngọn ngành  
Những lớp xưa, người trước có danh  
Vớỉ thổ sản, dân tình phong tục  
Quan giám khảo, xem tường trong đục  
Lấy đậu rồi, mấy lúc chưa in  
Đình Thái Sơn, có dạ thương tin  
Chịu hao tốn, án hành đãi hậu  
Gọi là để, khóa đồng tập ấu  
Đâu giám rằng tú khẩu cảm tâm  
Lễ xưa nay thủy bất tại thâm  
Có rồng ở thì đầm linh hiển  
Phận già cả, tiếc vì kinh điển  
Đã bấy lâu, rùng biểnh mình mông  
Dẫu khen chê, miệng thế thường đồng  
Phò danh giáo xúc công tiểu bổ  
Chẳng phải bì Mã Thiên, Ban Cố*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Dầu sử xanh, kim cổ lưu truyền  
Song cũng là cờ chiếm nước tiên  
Roi sự tích niên niên trường cửu”.*

### **Vũng Tàu phong cảnh thi**

*Đổi đời vực biển hóa cồn dâu,  
Hứng chí vui xem cảnh Vũng Tàu.  
Bền chắc đồn xây giành thạch lại,  
Vọi cao đèn chói đánh Vân đầu.  
Bãi Dưa dầu để còn danh trước,  
Xanh Rắc<sup>(\*\*)</sup> chừ thêm vũng cuộc sau.  
Đường nước Nam Kỳ khoe hiểm cứ,  
Ở trên nhằm xuống mối giềng râu.*

(\*\*) St. Jacques

### **Biên Hòa phong cảnh thi**

*Quản hạt đường xa mấy dặm dài,  
Vừa ba trạm đất tới Đồng Nai.  
Thạch Nang giữa lạch thuyền kinh hãi,  
Chiêu Thới bên triền khách vắng lai.  
Linh cậ miếu chùa linh ngó thấy,  
Lợi nhờ sỏi đá lợi bền dai.  
Nhà dân xóm xóm đều trung hậu,  
Thói cũ lễ xưa hãy mĩa mai.*

### **Gia Định phong cảnh**

*Gia Định thành xưa trọng một phương,  
Nhớ Cao hoàng đế thuở hưng vương  
Mả ông Đa Lộc bên rường cột,*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Miêu Tả quân Lê thanh lửa hương,  
Đâu biển trải bao đời đổi cuộc,  
Ngựa xe vòng lớn thả dầm đường.  
Xóm làng phong tục đều trung hậu,  
Tiếng tốt ngàn thu hãỵ tạc gương.*

### **Sàigòn phong cảnh**

*Khen báy Sàigòn định giới cương,  
Lăng xăng ngã vách dọc ngang đường.  
Cột cờ Thủ Ngũ xây tram trượng,  
Trại lính Hội đồng trấn một phương.  
Dinh dãy cửa nhà chen thứ lớp,  
Bạc vàng su lúi đổi cang thường.  
Phiền ba xiết kể nay thanh lịch,  
Lẽ nghĩa ngày xưa chạnh nỗi thương.*

### **Chợ Lớn phong cảnh thi**

*Dời đổi ngùi thương cảnh nước non,  
Phiền hoa Chợ Lớn giáp Sàigòn.  
Dục anh rục rở lâu đôi lớp,  
Mai tỵ sum sê lữ một hòn.  
Tham biện, xã Tây, cò bót đủ,  
Minh hương, chùa Phật, miếu đình còn.  
Kể sau cho hết bề thanh lịch,  
Nho nhã phong lưu dấu chẳng mòn.*

### **Bến Tre phong cảnh thi**

*Thuở cựu thuộc về tỉnh Vĩnh Long,  
Bến Tre cảnh tốt lại người đông.  
Đại khoa cờ điển danh còn tạc,*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Thổ sản điền viên lợi thanh sung.  
Đất lịch dân hào trong mây rạch,  
Xóm nhơn nhà nghĩa các nơi giông.  
Tổng làng viên chức đều nho nhã  
Tập tục mỹ thuần gốc cổ phong*

Về nhân vật Bến Tre:

*Ông Lương Khắc Ninh rất hay,  
Nhứt trình Nông Cổ khéo bày quốc âm.  
Năm năm chủ bút lao tâm,  
Dựng cờ nơi chốn từ lâm một mình.  
Tuy là họa hổ vị thành,  
Tài bồi giáo hóa đặng danh nhơn tiên.  
Truyện thơ nay dịch liền liền  
An Khương, Chánh Sắt noi tuyền them hay.  
Thảm thay Chánh Chiêu ngày nay,  
Ra làm Nông Cổ chưa đầy mấy trắng.  
Bởi vì biếm nhẽ lằng xằng,  
Khua ba tác lười họa căng nhưong thành.  
Đặng Thúc Liên người trăm anh,  
Giúp việc nhà nước đã đành có công.  
Mang tai, chuyện khéo khi không,  
An Khương hiện tại cũng đồng như Liêng.  
Bi chừ Nông Cổ mkỏi giềng,  
Lê Trung Quản hạt thay quyền chủ nhơn.  
Nguyễn Chánh Sắt tổ nguồn cơn,  
Làm phó chủ bút nhờ ơn thánh hiền.*

### **Mỹ Tho phong cảnh thi**

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Phong cảnh vui xem hạt Định Tường  
Tàu xe đông đảo mới đầu đường.  
Cầu rồng đất nổi che tiền điện,  
Cổ Lịch đồn xây trấn viễn phương.  
Phú nữ hào nam nơi tổng lý,  
Cử nhơn tán sĩ chốn khoa trường.  
Thuần lương tạp tục dân no đủ,  
Hóa hóa sanh sanh lợi ruộng vườn.*

### **Vĩnh Long phong cảnh thi**

*Vĩnh Long địa cảnh rộng thình thình,  
Thuở cựu trào ta chốn tỉnh thành.  
Miếu thánh ngày nay còn hiện tại,  
Quốc công thờ trước dấu anh linh.  
Mười ba tổng, tục đều trung hậu,  
Trăm mấy thôn, người biết học hành.  
Thế cuộc hợp tan tan lại hiệp,  
Mau như mây nổi giữa trời xanh.*

### **Cần Thơ phong cảnh thi**

*Phong cảnh Cần Thơ phát tự nhiên,  
Mấy năm khia kkhấn đất thành điền.  
Lâu đài quan bố nơi sơn thủy,  
Kho lẫm nhà giàu lúa vừa thiên.  
Xe kiếng sắm đưa hàng chục rước,  
Ghe hầu kiểu đóng khéo khuôn viên  
Đạo nhu chủ nghĩa còn roi dẫu,  
Nhớ bởi người xưa góc dạy truyền.*

### **Hà Tiên phong cảnh thi**



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Hà Tiên non nước cảnh vui tình,  
Thập vịnh hiền, xưa đã tập danh.  
Đánh pháo đài, đấng quang chiếu điện,  
Mặc tiên ông, Miếu võ anh linh.  
Am chùa hang động nhiề nơi cổ,  
Thơ phú rượu đờn lắm kẻ thanh.  
Nhớ thuở Cao hoàng hưng đế nghiệp  
Bầy xà cứu giá giữa giòng xanh.

### Châu Đốc phong cảnh thi

Vui xem Châu Đốc cảnh thêm xinh,  
Nhớ thuở Toại Hầu trấn Vĩnh Thanh.  
Sông trước, sông sau chia tả hữu,  
Núi Sam, núi Két dấu anh linh.  
Rạch ngòi Giồng án không cùng lợi,  
Cá mắt tầm tơ đệ nhất danh.  
May có Tú Thường người biết học,  
Ra công dạy dỗ trẻ mày xanh.

Về nhân vật ở Châu Đốc:

Thoại Hầu tiết rạng non song,  
Còn ngôi thạch mộ người đồng gọi lừng.  
Núi Sam phía bắc dưới chơn,  
Đắp phong mã lạp bốn căn một nền.  
Ngày xưa bảo hộ Cao Mên,  
Ghe phen án ngữ giữ bên an biên.  
Đào kinh Lạc Dục Long Xuyên,  
Giáp cvô Rạch Giá bia truyền Thoại Sơn.  
Đào kinh Vĩnh Tế lại hơn,  
Danh chồng danh vợ không sờn cả hai.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Thoại Sơn thì đặt tên ngài,  
Bà là tên Tế, lâu dài với song.  
Sông tên bà, núi tên ông,  
Thoại Sơn Vĩnh Tế song song miên trường.*

*Từ nhà biên khảo Ca Văn Thỉnh, có nhận định rằng Nguyễn Liên Phong được Pháp cho vào Nam Kỳ để làm tay sai cho Pháp, để ca ngợi những người theo Pháp, nếu đọc bài thơ về Nguyễn Liên Phong, của Bá hộ Chơn đã làm thơ mỉa mai ông như sau:*

*Hỡi quan Tuần phủ Nguyễn Liên Phong!  
Nợ nước ơn vua chẳng hết lòng.  
Giám cấm đã đành thân bị nhục,  
Công danh chi nữa dạ còn mong!*

*Qua bài thơ trên và những bài điệu cổ, những nhân vật đã mất ở đất Nam Kỳ, người ta sẽ dễ đồng ý với nhận định của Ca Văn Thỉnh. Thơ của Nguyễn Liên Phong để lại cho chúng ta biết một thời về nhân vật, phong cảnh đất Nam Kỳ thời Pháp mới qua, chẳng khác nào một địa dư chí vậy.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Liên Phong Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Điệu Án Sát Phạm Hữu Chánh Nguyễn Q. Thắng, Văn Học Việt Nam nơi miền đất mới, Văn Học, 2007, tr. 266*

## 5. Lê Quang Chiêu



**Lê Quang Chiêu (1852-1924)**

Lê Quang Chiêu, còn được gọi là Cai tổng Chiêu, sinh năm 1852, tại làng Nhân Ái, huyện Phong Điền, tỉnh Cần Thơ, nay là thành phố Cần Thơ.

Ông sinh trong một gia đình giàu có nhờ ruộng đất, thuở nhỏ ông là học trò của cử nhân Phan Văn Trị. Trước ông làm việc cho Pháp, giữ chức Cai tổng, tổng Định Bảo, huyện Phong Điền tỉnh Cần thơ, nhưng sau đó ông xin thôi và đã làm mười bài thất ngôn bát cú liên hoàn có tên là *Tự thuật giải chức* để giải bày.

Rảnh rỗi, ông chuyên tâm lo sáng tác thơ. Trong số ấy, có nhiều bài viết nhằm chỉ trích Tôn Thọ Tường, Trần Bá Lộc, Huỳnh Công Miêng...như họa lại 10 bài *Giang sơn ba tỉnh* của Tôn Thọ Tường và một số bài vịnh sử, vịnh vật có giá trị.

Ông cũng có công sưu tập thơ của các sĩ phu đương thời như Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Phan Văn Trị... và gom chung với một số thơ của ông, làm thành

## HUỶNH ÁI TÔNG

tập thơ có tựa là *Quốc âm thi hợp tuyển*, được nhà xuất bản *Claude & Cie* tại Sài Gòn in năm 1903.

Vào năm 1912, Lê Quang Chiêu đem bản văn tuồng hát bội *Lý Thiên Long* in ra chữ quốc ngữ. Trước đó bản tuồng ở dạng chữ Nôm chép tay, ít người biết. Nhờ việc làm này, tuồng *Lý Thiên Long* mới được phổ biến rộng rãi đến số đông người ham chuộng văn chương và tuồng hát.

Lê Quang Chiêu là chú ruột của bác sĩ Lê Văn Hoạch người kế vị bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh làm Thủ tướng Nam Kỳ từ tháng Giêng năm 1947 và ông có một người "vợ không chính thức" đó là nữ sĩ Trần Ngọc Lâu, con trai ông là Lê Quang Nhơn cũng có danh tiếng ở Cần Thơ.

Năm 1924, Lê Quang Chiêu mất. Hiện mộ ông ở tại vườn nhà của ông Lê Quang Thụy, cháu gọi ông Chiêu bằng bác ruột. Nơi ngôi mộ xây hồi 1926 có ghi: *Ô. Lê Quang Chiêu - Nguyên nhứt hạng Cai tổng Định Bảo - Từ trần ngày 16 tháng 2 An Nam năm Giáp Tý. Hưởng thọ đặng 72 tuổi (1852-1924).*

Tác phẩm:

- *Quốc âm thi hợp tuyển* (thơ, Claude & Cie, Sài Gòn, 1903)
- *Lý Thiên Long* (1912)

Trích thơ:

### **Đi chơi Sài Gòn**

*Lên chơi Bến Nghé bấy nhiêu ngày,  
Xe ngựa chen đời bụi cát bay  
Phong cảnh đã đời thành quách cũ,  
Lâu đài lại đổi sắc trang rà.  
Sớm vô Chợ Lớn dầu thông thả,*

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Chiều lại nhà hàng mặc tỉnh say  
Mới biết Nam Kỳ là chỗ hội,  
Quan quân rậm rạp tới như ngày.*

**Vịnh Cây mai**  
(của Tôn Thọ Tường)

*Đau đớn cho mai cách dưới đèo,  
Mười phần trong sạch phận cheo leo.  
Sương in tuyết đóng, nhành thưa thớt,  
Xuân đến thu về lá quạnh hiu.  
Lặng lẽ chuông quen cơn bóng xế,  
Tò le kèn lạ mặt trời chiều.  
Những tay rượu thánh thi thân cũ,  
Trông cảnh bao nhiêu tiếc bấy nhiêu.*

Lê Quang Chiêu họa bài *Vịnh Cây mai* của Tôn Thọ Tường:

*Tìm mai mấy độ đã xa đèo  
Xót nhẽ thân gầy sẵn vẫn leo  
Sương tuyết bốn mùa hoa sạch sẽ,  
Gió đông đòi trận sắc tiu hiu.  
Đầy đưa côi Phật hơi kèn sớm,  
Quạnh quẽ nhành chim xế bóng chiều.  
Thầm tiếc phông còn phong cảnh cũ,  
Văn nhơn tài tử biết bao nhiêu*

Lê Quang Chiêu họa *Giang sơn ba tỉnh* của Tôn Thọ Tường

**I**

*Rèn lòng đỉnh sắt hãy còn đây,  
Nín nậm cho qua cái hội này.  
Hạc lộn bầy gà thương nỗi kẻ,  
Chồn mang lớp cọp ghớm cho bay.*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Lỡ duyên cá nước [1] toan chờ vận,  
Gặp lúc rồng mây [2] há chẳng ngày.  
Sớm tính che phen chờ gió cá,  
Cột rường chống chỏi dễ lung lay!*

-----

1. Con thỏ chí như cá gặp nước
2. Vây vùng như rồng gặp mây

## II

*Lung lay còn chẳng hướng chi nơ,  
Hễ đứng anh hùng chớ nói vơ.  
Vận Hón gần hưng nên phải ảm,  
Xe Châu đón rước mới toan chờ.  
Coi thì vị ngộ [1] tuôn lòn bóng,  
Gặp thế đương vi [2] sẽ phát cờ.  
Gắng gổ khuyên đời đừng nháo nhác,  
Vì danh chữa đat mới tai nơ.*

-----

1. Thời chưa đến
2. Thế có thể ra làm được rồi

## III

*Tai nơ cho khỏi lúc tan tàn,  
Thâm nghĩ cho cam bốn phận mình.  
Thời nọ nhắm còn con bảng dăng, [1]  
Đời nào lại chẳng có hùng anh.  
Giết ruồi há nữ hoài gươm báu,  
Gài sẻ nên toan buộc chỉ mảnh.  
Bĩ thời [2] xưa nay đà hẳn thấy,  
Khuyên đừng ý thế chớ khoe danh.*

-----

1. Chưa đẹp yên được cuộc loạn.
2. Bĩ: lúc khôn cùng; Thời: cơn tốt đẹp. Vận đồ

IV

*Khoe danh đường ấy cũng nên hoang,  
Có thuở như cua phải rụng càng.  
Bôi mặt bằng [1] bùn như đã đáng,  
Đút đầu vô máy chết không oan.  
Đứa ngu mới ở lòng đen bạc,  
Người trí chi lay dạ đá vàng.  
Chưa đặng cướp cờ chìm nhẫn trước,  
Sao bằng một mái giữ khoan khoan.*

---

1. Bằng: do chữ Bằng chuyển ra (đổi bằng - trắc chan chát)

V

*Khoan khoan chờ vận mới trai khôn,  
Vội vã làm chi thể mấy phồn.  
Hãy ăn non cao nuôi sức cọp,  
Lừa khi nước lớn lột da chôn.  
Thày lay có bữa vương trây miệng,  
Lứng cứng ghe ngày bị lở tròn.  
Lòn lỏi theo thời mà xử thế,  
Hễ làm việc lớn chớ bôn chôn.*

VI

*Bôn chôn vì nóng trả thù nhà,  
Tính chẳng nên gần phải tính xa.  
Cung cứng mấy đời tên bản yếu,  
Non xanh bao thuở tác cho già.  
Khói un há để bầy ong loáng,  
Cần chắc chi cho vó ngựa sa.  
Gặp lúc cơ đồ đem lại cũ,  
Bốn phương hào kiệt thiếu đâu là.*

VII

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Thiếu dẫu là kẻ xúm toan lo,  
Trộm dẫu Y, Châu [1] mới phải trò.  
Suy thành lẽ trời con khó liệu,  
Cạn sâu lòng biển thuốc khôn đo.  
Nghịch truyền Khổng, Mạnh [2] kinh năm bộ,  
Nghề đời Tôn, Ngô [3] sách mấy pho.  
May đặng rõ ràng duyên cá nước,  
Ngàn thu để tiếng ất thơm tho.*

- 
1. Y, Châu: Y Doãn và Châu Công Đán hai người hiền giúp nên đời chí trị cho nhà Thương và nhà Châu.
  2. Khổng Tử và Mạnh Tử
  3. Tôn Võ và Ngô Khởi, hai nhà quân sự của Tàu

## VIII

*Thơm tho tiết nghĩa mới nên người,  
Chớ để ngày sau tiếng nhẽ cười.  
Giúp trị lẽ nào dung đặng gã,  
Trừ loạn rồi có kẻ chi người.  
Hè qua đóa tốt dang thì héo,  
Xuân lại chồi khô thắm cũng tươi.  
Mặt thế so đo điều phải quấy,  
Khôn bề dạy cả việc mười mười.*

## IX

*Mười mười đặng bảy biết tư văn, [1]  
Dẫu đến bề nào cũng chống ngăn.  
Nhắm dạng khôn phân người phải quấy,  
Đua tài mới rõ sức thua ăn.  
Đàng xa mới gởi đi sao tới,  
Sông rộng nhiều tay lấp cũng bằng.*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Gian giáo trời ai theo thói vậy,  
Miễn ta gìn giữ vẹn năm hằng.*

-----  
1. Giấy tờ hỏi về việc quan.

### X

*Năm hằng đạo cả khá noi nay,  
Giúp trẻ nên danh mới đáng thầy.  
Nhà đột mưa đêm khôn khỏe mắt,  
Nước ròng thoàn [1] cạn phải ra tay.  
Đã nguyện rửa ráy như bùn sạch,  
Chi để tưng bừng bụi cát bay.  
Phụng gáy non Kỳ [2] chờ có thuở,  
Rèn lòng đĩnh sắt hãy còn đây. [3]*

- 1. Do chữ thuyền đọc trại ra.  
2. Tương truyền vua Văn vương nhà Chu ra đời có phụng gáy trên non Kỳ (Kỳ sơn) báo hiệu thời cuộc thái bình  
3. Câu cuối bài này là câu đầu bài

Nguyên tác 10 bài thơ liên hoàn của Tôn Thọ Tường:

### Giang sơn ba tỉnh

#### I

*Giang nam ba tỉnh hãy còn đây,  
Trời đất xui chi đến nỗi này?  
Chóp nhoáng thẳng bon dây thép kéo  
Mây tuôn đẹn kịt khói tàu bay.  
Xấn vắn thâm tình, thương đôi chỗ,  
Khấp khởi riêng lo, biết những ngày.  
Miệng cọt hàm ròng chưa dễ chọc,  
Khuyến đàn con trẻ chớ tà lay!*

## HUYỀN ÁI TÔNG

### II

*Thầy lay lại chuốc lấy danh nhờ,  
Ai mượn mình lo việc bá vợ?  
Trẻ dại, giếng sâu, lòng chẳng nở,  
Đường xa, ngày tối, tuổi không chờ.  
Áo xiêm chán thấy xắn tay thợ,  
Xe ngựa nào toan gỡ nước cò.  
Rủi rủi may may đâu đã chắc?  
Miệng lẫn lưỡi mối hay tai ngờ!*

### III

*Tai ngờ mắt lấp buổi tan tàn,  
Nghĩ việc đòi thêm hổ việc mình.  
Nghỉ ngút tro tàn nhà đạo nghĩa,  
Lờ mờ bụi đóng cửa tâm anh.  
Hai bên vai gánh ba giềng nặng,  
Trăm tạ chuôn treo một sợi mảnh.  
Trâu ngựa dẫu kêu, kêu cũng chịu,  
Thân còn chẳng kể, kể chi danh!*

### IV

*Kẻ chi danh phận lúc tan hoang,  
Biển rộng trời cao nghĩ lại càng...  
Lên núi bắt hùm chưa dễ láo,  
Vào sông đánh cá, há rằng oan.  
Người giương mắt ngạo đôi trông bạc,  
Kẻ ứa gan trung bảy lá vàng.  
Chiu chít thương bày gà mắt mẹ,  
Cũng là gắng gỏi, dám khoe khoang!*

### V

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Khoe khoang sức giỏi cậy tài khôn,  
Múa mép khua môi cũng một phồn.  
Tơ vắn cánh ruồi kinh trí nhện,  
Gió đưa hơi cọp khiếp oai chồn.  
Siêng lo há đợi cơm kê miệng,  
Chậm tính nào ngờ nước đến trôn.  
Hay dở chuyện đời còn lắm lối,  
Múa men xin hãy chớ bôn chôn.*

### VI

*Hãy chớ bôn chôn việc cửa nhà,  
Sau này còn ngại nổi đàng xa.  
Ma duông cơn ngặt lung hai trẻ,  
Trời mỗn lòng thương xót một già.  
Lái đã vừng vàng cơn sóng lượn,  
Thoi toan đan dệt lục mưa sa.  
Ở đời há dễ quên đời được,  
Tính thiệt so hơn cũng gọi là...*

### VII

*Cũng gọi là người ắt phải lo,  
Có hay chịu khó mới nên trò.  
Bạc mônng mệnh biển cầu toan bắc,  
Xanh mịt mù trời thước rắp đo.  
Nước ngược chống lên thuyền một mái,  
Gác cao bỏ lại sách trăm pho.  
Lòng này dầu hỏi mà không hỏi,  
Lặng xét thâm soi cũng biết cho.*

### VIII

*Đã biết cho chưa, hỏi những người,  
Xin đừng tiếc hận, chớ chê cười!*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Ví dầu vật ấy còn roi dầu,  
Bao quản thân này chịu để người.  
Trắng giữa ba thu mây cũng tỏ,  
Hoa trong chín hạ nắng càng tươi.  
Khó lòng mình biết lòng mình khó,  
Lòn lỏi công trình kẻ mấy mươi.*

### IX

*Kẻ mấy mươi năm nước lẽ vắn,  
Rắn dài, beo lớn, thế khôn ngăn;  
Bốn đời, chung đội ơn nuôi dạy,  
Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn.  
Hết sức người theo trời chẳng kịp,  
Hoài công chim lấp biển không bằng.  
Phải sao chịu vậy thôi thì chớ,  
Nhắm mắt đưa chân lối đạo hằng.*

### X

*Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay,  
Lối đạo sao cho đáng mặt thầy.  
Đất quét đã đành bia lỗ miệng,  
Chén tràn e nổi trở bàn tay.  
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,  
Mặt trắng xem trời cánh khó bay.  
Chỉ muốn ngày nào cho được toại?  
Giang san ba tỉnh hãy còn đây!*

10 bài họa của Phan Văn Trị:

### I

*Hơn thua chưa biết đó cùng đây,  
Chẳng đã, nên ta mới thế này.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Bến Nghé quân bao cơn lửa cháy,  
Cồn Rồng dầu mặc bụi tro bay.  
Nuôi muông giết thú còn chờ thú,  
Bủa lưới săn nai cũng có ngày.  
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khí,  
Lòng ta sắt đá há lung lay !*

### II

*Thầy lay lòng sắt đã mang nơ,  
Chàng xét phận mình khéo nói vợ !  
Người trí mắng lo danh chẳng chối,  
Đứa ngu mới sợ tuổi không chờ.  
Bàì hòa đã sẵn trong tay thợ,  
Việc đánh chưa thua giống cuộc cờ.  
Chưa trả thù nhà đền nợ nước,  
Dám đâu mắt lấp lại tai nơ !*

### III

*Tai nơ sao được lúc tan tành,  
Luống biết trách người chẳng trách mình.  
Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa,  
Như vậy cũng gọi cửa tâm anh.  
Khe sâu vụng tính dung thuyền nhỏ,  
Chuông nặng to gan buộc chỉ mảnh.  
Thân có, ắt danh tua phải có,  
Khuyên người ái trọng cái thân danh.*

### IV

*Thân danh chẳng kể, thiệt thằng hoang!  
Đốt sập nên tro lụy chẳng còn ...  
Hai cửa tâm anh xô sập ngã,  
Một nhà danh giáo xáo tan hoang.*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Con buôn khắp khởi chưa từng ngọc,  
Người khó xắn vắn mới gập vàng.  
Thương kẻ đồng vắn nên phải nhắc,  
Dễ ta đâu dám tiếng khoe khoang.*

### V

*Khoe khoang việc phải mới rằng khôn.  
Kẻ vay người ngay há một phần !  
Hồng dầu hư lông đâu sợ sê,  
Hùm như thất thế dễ thua chôn.  
Ngươi Nhan sá ngại dao kẻ lưỡi,  
Họ Khuát nào lo nước đến tròn.  
Thấy máy gặp thời ta sẽ động,  
Muốn nên việc lớn chớ bôn chôn.*

### VI

*Bôn chôn cũng bởi bạn vì nhà,  
Dám trách người xưa chứa tính xa ?  
Hãm hử hãy đang hăng sức trẻ,  
Chịu lòn e cũng mồn hơi già.  
Môi thơm cá quý câu không nhay,  
Cung yếu chim cao bắn chẳng sa.  
Đáy giếng trông trời giương mắt ếch,  
Làm người như vậy cũng rằng là ..*

### VII

*Rằng là người trí cũng xa lo,  
Nhuần nhã kinh luân mới phải trò.  
Ngay vậy nảy ra cho biết mực,  
Thấp cao trông thấy há rằng đo.  
Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,  
Níp Tống vừa đầy sách nửa pho.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Chuốc miệng khen người nên các có:  
Đạo trời ghét vậy há soi cho !*

### VIII

*Soi cho cũng biết ấy là người.  
Chẳng tiếc thân danh, luống sợ cười;  
Ba côi may dầu in lại cũ,  
Đôi trông trông đã thấy không người.  
Ngọc lành nhiều vết coi sao lịch,  
Thợ vụng ít màu nhuộm chẳng tươi.  
Đũa dại trót đời, già cũng dại,  
Lựa là tuổi mới một đôi mươi.*

### XI

*Một đôi mươi uống tính xăn vắn,  
Đất lở ai mà dễ dám ngăn ?  
Nong nả dóc vun nền đạo nghĩa,  
Xón xang nào tưởng việc làm ăn.  
Thương người vì nước ngồi không vững,  
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng.  
Gió mạnh mới hay cây cỏ cứng,  
Đôi theo người trước giữ năm hằng.*

### X

*Năm hằng vốn thiệt thảo cùng ngay,  
Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy.  
Gặp lúc chẳng may nên ngậm miệng,  
Chờ khi tháy máy sẽ ra tay.  
Nổi chìm mặt thể tình dày mỏng,  
Cao thấp dầu ta sức nháy bay.  
Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ,  
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

- 0 -

*Lê Quang Chiêu một kẻ sĩ miền Nam, ông đã sớm rời bỏ quan trường, vun bồi thi ca quốc âm, tập "Quốc âm thi hợp tuyển" của ông in năm 1903, là một tập thơ quốc ngữ đầu tiên được in ở Nam Kỳ, ông còn phiên âm bản tuồng Nôm được sáng tác ở Nam Kỳ ra quốc ngữ, rồi in để phổ biến, chẳng những là một người ái quốc mà còn là nhà thơ nhiệt tâm với nền văn học quốc ngữ buổi sơ khai.*

Tài liệu tham khảo:

- Lê Quang Chiêu Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Vịnh Cây mai Web: [thivien.net](http://thivien.net)



## 6. Nguyễn An Khương



**Nguyễn An Khương (1860-1931)**

Nhà văn Nguyễn An Khương sinh năm 1860 tại thôn Phước Quảng, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn, nay thuộc tỉnh Long An.

Cha là Nguyễn An Nghi là người có tâm và yêu nước nhưng bị thất bại. Tổ tiên gốc ở Hưng Yên, họ Đoàn, do chống lại chúa Trịnh nên phải trốn chúa Trịnh vào định cư ở Bình Định và đổi thành họ Nguyễn. Ông Nguyễn An Nghi vào Nam, lấy vợ là bà Dương Thị Tiên, quê ở Phước Quảng, Cần Giuộc rồi sinh cơ lập nghiệp tại đây.

Từ thuở nhỏ, nhờ sống trong gia đình có học và gia giáo lại giỏi nghề làm thuốc nên Nguyễn An Khương tinh thông Y học, Hán văn và chữ Quốc ngữ. Ông mở trường dạy học cho trẻ em tại thị xã Tân An. Kiến thức và đạo đức của ông khiến cha mẹ học trò kính trọng, trong đó có ông Hội đồng Trương Dương Lợi gả con gái thứ bảy là Trương Thị Ngự.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Vợ chồng Nguyễn An Khương sinh được 4 con là: Nguyễn An Thái sinh năm 1890, Nguyễn An Thường sinh năm 1894, Nguyễn Thị Năng sinh năm 1897 và Nguyễn An Ninh sinh năm 1900. Nhưng 3 người con đầu mất sớm chỉ còn lại Nguyễn An Ninh.

Năm 1901, *Nông Cổ Mìn Đàm* ra đời, Nguyễn An Khương cộng tác với báo này cho đến năm 1910 và dịch truyện Tàu.

Năm 1908, hưởng ứng phong trào Duy Tân do Phan Chu Trinh khởi xướng, ông cùng với những người chung chí hướng đứng ra thành lập khách sạn Chiêu Nam Lầu ở đường kinh lập, nay là đường Nguyễn Huệ Sài Gòn. Đây là cơ sở vừa làm kinh tài cho phong trào, vừa làm trụ sở kín đáo để hội họp và để đưa rước các thanh niên ra nước ngoài học tập.

Bà Khương vì quá lo lắng cho sự nghiệp của chồng và buồn rầu vì cái chết đột ngột của người con trai lớn (Nguyễn An Thái khi đang theo học tại trường Collège Mỹ Tho, bị tiêu chảy nhưng nhà trường thiếu chăm sóc nên bệnh mà mất), bà Ngự bệnh và tạ thế năm 1911, an táng tại làng Long Thượng, Cần Giuộc quê nhà.

Ông Khương trong những năm cuối cùng của cuộc đời do bị tai biến mạch máu não, ông bị liệt nửa người. Nhờ tự bốc thuốc chữa bệnh nên ông không bị bại liệt nhưng hai chân yếu, khó đi lại. Ông nằm nhà, tiếp tục dịch sách và chuẩn bị cơ ngơi cho Nguyễn An Ninh sau này. Để có người chăm sóc, ông tục huyền với bà Mai Thị Nữ quê ở Xuân Thới Thượng.

Ông mất ngày 02 tháng 02 năm 1931, phần mộ Nguyễn An Khương và vợ hiện tọa lạc trong khu Nhà tưởng niệm Nguyễn An Ninh thuộc phường Trung Mỹ Tây, quận 12, Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Tam quốc diễn nghĩa*
- *Thủy hử*
- *Vạn huê lâu diễn nghĩa*
- *Phán Trang Lâu*
- *Chinh Đông*
- *Chinh Tây*

...

Trích văn:

### **Kim Cổ Kỳ Quan**

#### **Kim Ngọc Nô đánh chông bạc ngãi.**

*Đời nhà Tống, năm Thiệu Hưng, kinh đô là đất Lâm An. Tuy chỗ ấy là chỗ giàu có, nam thanh nữ tú mặc lòng, nhưng mà cũng có ăn mày nhiều lắm. Trong bọn ăn mày, này có một người làm đầu gọi là chủ phôn đặng mà quản suất các ăn mày kia. Hễ các ăn mày đi xin được đem về thì chủ phôn cứ lấy tiền đầu mỗi ngày. Như qua đến mùa đông, không còn đi xin đặng nữa thì chủ phôn phải nuôi cơm cho cả bọn ăn mày ấy ăn. Còn rách áo rách quần, thì chủ phôn phải lo sắm cho chúng. Cho nên bọn ăn mày phải chịu lòn đầu lụy người chủ phôn, ở theo cách tội tớ vậy, không dám điều chi xúc phạm đến.*

*Người chủ phôn ấy ngồi không, cứ việc thu như vậy mỗi ngày rồi lại lấy của đó mà cho vay lại mà lấy lời. Như làm chủ phôn mà không cờ bạc phá tán gì, thì chắc là làm nên sự nghiệp lớn. Bởi có phương làm ăn khá như vậy cho nên mấy người chủ phôn ấy giàu có cho lắm nó cũng không chịu bỏ nghề cũ. Nhưng mà cái hiệu chủ phôn thì không tốt; giàu mà có ruộng đất cò bay thẳng cánh truyền từ lưu tôn cách mấy đời đi nữa, thì người ta cũng gọi là của đi xin. Mãn đời mấy người chủ phôn thì ra đầu không ai coi ra gì, không bì kịp mấy người dân giả tâm thường. Nếu muốn làm lớn, thì đóng cửa mà làm lớn với tội tớ trong nhà mà thôi.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Thuở ấy tại thành Cang Châu, có một chủ phôn tên là Kim Lão Đại, ông bà xưa đã làm nghề bầy đàn rồi ...”*

*Tân An Nguyễn An Khương  
Chuyết dịch*

Tác giả Nguyễn Liên Phong trong *Điều cổ hạ kim thi tập*, quyển Hạ, 1913 có bài thơ mừng Nguyễn An Khương. Nguyên văn như sau:

*Ông Nguyễn An Khương, người tỉnh Gia Định, hình trạng năm thấp, nho nhã, tánh nét hòa hưỡn hiền lành, biết hai thứ chữ, tuổi chừng năm mươi, bình sanh giao tiếp với anh em, cứ nắm vững một lòng thành tín (...), Ông giữ là một người có ản dật thanh nhàn và có văn học phẩm hạnh gương tốt, nên tặng nên khen.*

Thi rằng:

*Chiêu Nam chủ tiệm Nguyễn An Khương,  
Nét ở khiêm khiêm, nét nhún nhường.  
Chữ nghĩa phải trang nho học cựu,  
Bán buôn chen tiếng lợi danh trường.  
Các pho sách tạc gương tiền thế,  
Một sở vườn nhớ lộc quốc vương.  
Ngòi viết đĩa nghiên gầy dựng nghiệp,  
Chở che nhuần gọi đất trời sương.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn An Khương Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Kim cổ kỳ quan Web: [ahvinhngiem.org](http://ahvinhngiem.org)

## 7. Trần Phong Sắc



**Trần Phong Sắc - Trần Đình Diệm (1873-1928)**

Trần Phong Sắc tên thật là Trần Đình Diệm bút danh Đăng Huy tự Phong Sắc, sanh năm 1873 tại làng Bình Lập, Tân An. Ông sinh ra trong một gia đình thuộc dòng họ Trần có học vấn, gốc ở Gò Công. Lớn lên trong buổi giao thời khi Nho học đang tàn lụi và Tây học mới hình thành ở miền Nam, ông chịu ảnh hưởng gia đình thông thạo cả chữ Hán và chữ quốc ngữ.

Ông ăn chay trường, tu theo đạo Phật, là thầy giáo dạy môn luân lý ở Trường Sơ học tỉnh Tân An, ông viết sách, dịch truyện Tàu, soạn Kinh sách nhà Phật, tham gia cộng tác báo *Nông Cổ Mìn Đàm*, *Lục Tỉnh Tân Văn*. Ông cũng soạn tuồng hát như *Nguyệt Kiều xuất gia*, *Hạng Võ biệt Ngưu Cơ* ... cùng với Mạnh Tự Trương Duy Toàn và Nguyễn Trọng Quyền là ba soạn giả danh tiếng thời bấy giờ.

Tác phẩm dịch đầu tay của ông là *Truyện Nhạc Phi* cùng dịch với Phụng Hoàng San in năm 1905

HUỶNH ÁI TÔNG

Ông mất năm 1928, tương truyền rằng do một trận hỏa hoạn gây ra, phát sanh tại nhà ông, ông thọ 55 tuổi.

Tác phẩm:

- 1.- *Truyện Nhạc Phi* (1905)
- 2.- *Tam hạ Nam Đường diễn nghĩa* (1906)
- 3.- *Phong Thần diễn nghĩa* (1906)
- 4.- *La Thông tảo Bắc* (1906)
- 5.- *Đại Hồng bào hải thoại* (Saigonaise, 1907)
- 6.- *Tiết Đình San Chinh Tây* (1907)
- 7.- *Du Long hí Phụng Chánh Đức du Giang Nam* (1907)
- 8.- *Anh hùng náo tam môn giai* (1907)
- 9.- *Đại Minh Hồng Võ* (1907)
- 10.- *Lục mẫu đơn* (1908)
- 11.- *Thuận Trị quá giang* (1908)
- 12.- *Hậu anh hùng* (1908)
- 13.- *Bắc du Chơn Võ truyện* (1909)
- 14.- *Tây du diễn nghĩa* (1909)
- 15.- *Yên Sơn phú* (1910)
- 16.- *Tùy Đường truyện* (1910)
- 17.- *Vĩnh Khánh thắng bình* (1910)
- 18.- *Nam Du Huê Quang truyện* (1910)
- 19.- *Ngũ hổ bình Nam hí vãn* (1911)
- 20.- *Nhị thập tứ hiếu* (1911)
- 21.- *Huấn nữ Quốc âm ca* (1911)
- 22.- *Nữ tú tài* (1911)
- 23.- *Tiền, Hậu Vân Tiên* (1911)
- 24.- *Vân Quốc ngữ có phụ Tiểu lâm và Khuyển hiếu ca - Huấn sĩ ca* (1911)
- 25.- *Chuyện khôi hài* (1912)

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- 26.- *Tuồng Đình San chinh Tây* (1913)
- 27.- *Kim Vân Kiều án* (1914)
- 28.- *Nữ trung bá hạnh* (1922)
- 29.- *Mạch Quốc thoại et TPS Minh thánh kinh* (1925)
- 30.- *Quan Đế Minh thánh kinh* (1935)
- 31.- *Thập nhị quả phụ chinh Tây* (1923)
- 32.- *Thơ Phạm Công* (1923)
- 33.- *Binh Sơn Lãnh yếu toàn ca* (1924)
- 34.- *Chúng Tử tu tri* (1924)
- 35.- *Ấu viên tất độc* (1924 – Sách được Thống đốc Nam Kỳ và Toàn quyền Đông Dương cho phép làm sách giáo khoa bậc Tiểu học)
- 36.- *Sĩ hữu bá hạnh* (1925)
- 37.- *Hậu Vân Tiên diễn ca* (1925)
- 38.- *Đầu người ta bay xuống nửa đêm* (Théâtre du Centre, 1925 - *Bán dạ phi đầu* (Sa Đéc: Imp. Duy Xuân, Sa Đéc 1926, Imp. de l'Union, 1926)
- 39.- *Nguyệt Hà tâm phu* (Xưa Nay, 1925)
- 40.- *Nguyệt Kiều xuất gia* (Théâtre, J. Viêt, 1925)
- 41.- *Sát thê cầu tướng* (Théâtre, J. Viêt, 1925)
- 42.- *Tam Tạng xuất thế* (Théâtre, du Centre, 1925)
- 43.- *Hậu phi, Hoàng tử* (extrait du *Đại Nam chánh biên liệt truyện*, Xưa Nay)
- 44.- *Cầm ca tân điệu* (Musique et chants modernes, Par LÊ VĂN TIẾNG et TPS, 1925)
- 45.- *Lão nhơn đắc ngộ* (Prière bouddhique Saigon Imp. de l'Union, 1926)
- 46.- *Tịnh độ yếu ngôn* (Morale bouddhiques, de l'Union, 1926)
- 47.- *Tây qui trực chỉ* (Prières bouddhiques, Imp. de l'Union, 1927), (Xưa Nay, 1929)

## HUỶNH ÁI TÔNG

48.- *Đắc Kỷ nhập cung* (Xưa Nay, 1927)

49.- *Khương Hậu thọ oan* (S. Imp. Xưa Nay, 1927)

50.- *Hạng Võ biệt Ngu Cơ* (Xưa Nay, 1927.

51.- *Trảm Trịnh Ân* (Xưa Nay, 1928) (Phạm Văn Thìn, Đức Lưu Phương, 1930)

52.- *Vệ sinh thực trị* (Đức Lưu Phương, 1928)

53.- *Cao thượng ngọc hoàng bản hành* (Đức Lưu Phương, 1928)

54.- *Quan Công thất thủ Hạ Bì* (Xưa Nay, 1929)

55.- *Bạch xà, Thanh xà diễn nghĩa* (S. ED. C. Nguyễn Văn Tài, Bảo Tồn, 1930)

Trích văn:

### **Đại Hồng Bào Hãi Thoại**

Truyện này nói từ vua Chánh Đức, triều Minh, nối qua vua Gia Tĩnh, truyền tới vua Long Khánh thì hết, bởi vì người dọn truyện có ý tỏ tới Hãi Thoại mất, và Nghiêm Tung là nịnh thần chết mà thôi. Nội các thứ truyện Hồng Bào, đều nói sai ngoa hết thấy, duy có thứ truyện này gọi là Đại Hồng Bào thuật rõ ràng hơn hết, nên tôi diễn ra kéo e có người dịch nhầm thứ khác mà lưu truyền, thì sai tích Hãi Thoại; vì Hãi Thoại công chánh trong trào Minh, cũng như Bao Công trung trực trong trào Tống.

Song có kẻ hỏi rằng: “Hãi Thoại làm quan tới chức Văn Minh Điện Đại Học Sĩ. Sao chẳng lấy chức ngài mà đặt hiệu truyện ? Hoặc là dùng chức Thiếu bảo là chức của vua phong thêm cho Hãi Thoại khi ngài đã mất. Lại lấy chữ Hồng bào là áo đỏ của bá quan, ông nào cũng có. Nếu lấy tên áo mà làm sách e nhẹ thể ngài chẳng ?”. Thì ông làm truyện ấy đáp rằng: “Bởi Hãi Thoại thanh liêm giữ cái áo rồng đỏ từ khi mới làm quan cho đến



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

khi thác, thác rồi cũng liệm ngài bằng áo ấy, nên để hiệu tên áo, cho tỏ đức thanh liêm của ngài, và cho rõ truyện này nói trọn đời ngài mà dứt.”

Trong truyện này cứ việc thiết mà nói, chẳng có phép thần thông biến hóa như chuyện chiến chinh, nên không trùng ý với nhau, cũng đáng xem cho rõ, tập giống như Hải Thoại vài phân thì cũng gọi là chánh trực, tuy vận lao khổ mà tiếng thơm để lại muôn đời; chẳng nên bắt chước cha con Nghiêm Tung, vinh hiển một hồi, bị tru lục mà ô danh ngàn thuở.

Còn như Lưu đồng Hùng vi phú bất nhơn, sau trời phạt cũng lâm nạn cả, Nghiêm Nhị cậy thế quan mà hiếp chúng sau cũng mắc họa theo Nghiêm Tung; Trương hoàng hậu con nhà hèn mà có đức, nên đăng hiển vinh, vậy chớ thấy kẻ thất thời mà khi dễ.

Nội truyện này phân làm 6 tập, xem hết mới rõ ràng.

Thơ rằng:

*Trần tình cho rõ truyện Hồng Bào,  
Phong hóa nhờ đây sữa đặng cao.  
Sắc tặng đại thân khen Hải Thoại,  
Đề danh Trung giới đáng hiển hào.*

Tân An Trần Phong Sắc tự Đăng Huy kính khải.

### Hồi Thứ Nhì

*Ôn phu nhơn kén rể đền ơn*

Nói về Hải Thoại đi với các Tú Tài, đến miếu Thổ Địa, thấy miếu ấy dựa bên đường, ba thước bề cao, hai thước bề rộng, hương tàn khói lạnh, bốn phía nhện giăng! Cốt Thổ Địa ngồi

## HUYỀN ÁI TÔNG

trong, bàn án cao hơn một thước. Không thấy vật chi cúng quải, có bụi đóng đầy bàn Các tú tài tức cười đồng nói rằng: “Ngài túng thiếu như vậy, không ăn lo sao đặng ? Nếu giữ thanh liêm công chính, mười năm không có một cây hương.”

Còn Hãi Thoại giận lắm, chỉ cốt mà mắng rằng: “Làm ông thần gì, lại xúi qui phá hại dân chúng? Nay ta đến đây cắt nghĩa, cho rõ phải chăng: Hễ làm vị Thần, thì phải công bằng chánh trực, cứu dân độ thế, trị qui phạt tà; trên chẳng hổ cùng đất trời, dưới có công với lê thứ; sao lại làm trái lẽ, dùng vật hồi lộ của ma, chẳng cứu dân thời thôi, lại nhập đảng với qui mà khuấy chúng. Hiếp đáp đàn bà góa, làm bệnh gái mò côi, mà thâu vàng bạc giấy tiền, kiếm đầu heo chén rượu. Tội ấy trên trời cũng không đề, lỗi này trong thế cũng chẳng dung. Ta dạ thẳng lòng ngay, chẳng thẹn cùng trời, không hổ với đất; thấy qui thần không công chánh, lấy làm mắt cỡ mười phần.” Nói rồi hét lớn rằng: “Chưa biết quấy hay sao hãy còn ngồi đó?” Hãi Thoại nói chưa dứt tiếng, cốt đất liền nhào xuống bể tan. Các tú tài thấy sự kỳ dị, đồng vỗ tay cười ngất.....

Trích thơ:

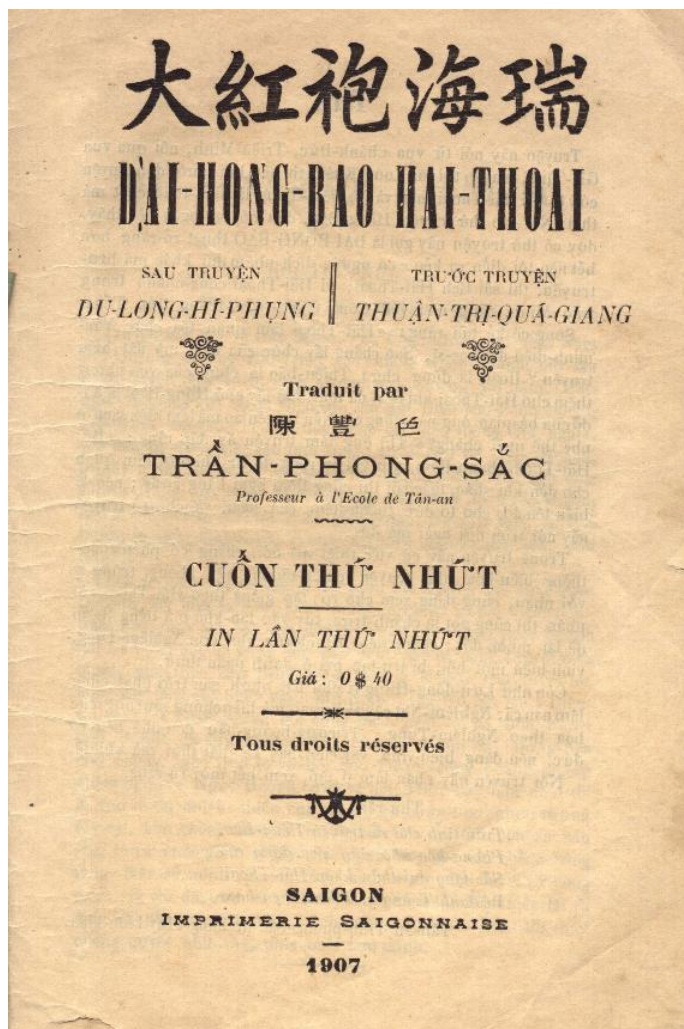
### Mừng tiến chức (\*)

*Mừng nay quan Huyện đổi Hà Tiên  
Có đức trời cho đặng có quyền  
Trăm năm Vũng Gù còn tiếng mến  
Một đường sau trước nổi danh hiền.  
Hòn Nghệ cầm bầu đưa theo gió,  
Đánh Hạc hoa tươi rắm tới triền.  
Ấm chất sẽ ngồi xe ngựa mã  
Trùng phùng đồng ước hội Đào Viên!*

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Ghi chú:

(\*) Tựa do người viết chọn, tác giả chúc mừng ông Ngô Quang Chiêu đổi đi trấn nhậm Hà Tiên năm 1920.



## HUỶNH ÁI TÔNG

*Chúng ta thấy Trần Phong Sắc hành văn gãy gọn, nhưng vẫn còn sử dụng lối biền ngẫu, những đoạn trích văn này, cho chúng ta so sánh cách hành văn của những nhà văn trước, cho đến ông dần dần trong sáng hơn, nhưng truyền thống văn miền Nam vẫn “Nói sao viết vậy”.*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Phong Sắc Web: [caodaitoathanhtayninh.org](http://caodaitoathanhtayninh.org)
- Đại Hồng Bào Hải Thoại Web: [ahvinhnghiem.org](http://ahvinhnghiem.org)

## 8. Thượng Tân Thị



**Thượng Tân Thị - Phan Quốc Quang (1878-1966)**

Thượng Tân Thị tên thật là Phan Quốc Quang tự *Hương Thanh*, biệt hiệu: *Hoài Nam Tử*, ông sinh ngày 16 tháng 7 năm 1879 tại làng Lại Nông, thuộc phủ Thừa Thiên, Huế. Cha, không rõ họ tên, chỉ biết mẹ ông là Tôn nữ Nguyễn Thị Xuân.

Sớm giỏi thi phú, nhưng ông đi thi Hương mấy khoa đều bị hỏng. Khoảng năm 1916, buồn vì công danh lận đận, vì nạn nước hai vua: Thành Thái và Duy Tân đều bị thực dân Pháp đày sang đảo Réunion, thêm buồn vì mẹ mất và gia đình ly tán, ông bỏ xứ theo ghe bầu vào Nam, tìm gặp người dì thứ sáu, đang định cư tại Cái Muối nay thuộc xã cù lao Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, được người dì này lo việc hôn nhân cho ông.

Vợ ông là bà Trương Thị Phòng (1882-1955), vừa hiền lại vừa có học (bà từng chịu khó lên tận Sài Gòn trọ học). Hai ông bà có tất cả 7 người con.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sống ở Vĩnh Long, Thượng Tân Thị được đốc học Lê Minh Thiệp mền tài tiến dẫn dạy chữ Nho ở các trường thuộc Chợ Lách, Nhơn Phú rồi trường ở Ba Kè, nay là huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, là nơi vợ chồng ông có ý định sẽ cư trú lâu dài. Ông cũng có dịp dạy tại trường trung học tư thục Nam Hưng (còn gọi là Bassac) ở Cần Thơ một thời gian ngắn.

Ông dạy học rất tận tụy và thương trẻ, nên được nhiều học trò mền phục, trong số ấy có những người đã nổi danh như: giáo sư Trần Văn Khê (học với ông tại Tam Bình), thi sĩ Không Dương, nhà văn Sơn Nam (cả hai đều học với ông tại Cần Thơ)...

Bên cạnh nghề dạy học, ông còn sáng tác thơ văn. Nhưng mãi đến năm ông 41 tuổi, ông mới bắt đầu có tiếng trên thi đàn nhờ mười bài thơ Đường, làm theo lối liên hoàn, có tên là *Khuê Phụ Thán*, đăng lần đầu trên *Nam Phong* tạp chí số 21 (tháng 3, năm 1919), ghi tên tác giả là "Nguyễn Thị Phi làm, nữ sinh Phan Sơn Đại sao lục" đề ở cuối bài, nên không ít người trong số đó có Lê Dur, Phan Khôi...đã nhận lầm tác giả bài *Khuê Phụ Thán* là một bà Phi họ Nguyễn (vợ vua Thành Thái, mẹ vua Duy Tân)... Mãi đến 13 năm sau, nhờ bà Phan Sơn Đại là con gái ông, gửi bài nói rõ, đồng thời còn kèm theo mười bài *Tục Khuê phụ thán* (cũng được đăng trên báo *Nam Phong* số 169, tháng 2 năm 1932),

Gia nhập làng văn, ông là bạn với những cây bút đồng thời như Diệp Văn Kỳ, Hồ Biểu Chánh, Đặng Thúc Liêng, Trần Chánh Chiêu ...

Năm 1949, Thượng Tân Thị 71 tuổi, ông đến ở nhà người con gái đầu lòng là Phan Thị Cầu tại thị xã Vĩnh Long, an hưởng tuổi già và tiếp tục sáng tác thơ, cho đến khi qua đời năm Bính Ngọ (1966), hưởng thọ 86 tuổi.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Thượng Tân Thị không xuất bản tập thơ nào, thơ ông chỉ đăng rải rác trên các báo lúc bấy giờ, như: *Nam Phong tạp chí*, *Đuốc nhà Nam*, *Nam Kỳ tuần báo*, *Đại Việt tạp chí*, *Phụ nữ tân văn*...

Hầu hết, thơ ông đều làm theo luật Đường, thể thất ngôn bát cú (chỉ một số ít là ngũ ngôn), trong số ấy, có ba bài được giới yêu thơ chú ý là:

- *Khuê phụ thán*, gồm 10 bài thơ Đường luật, viết theo thể thất ngôn bát cú và theo lối "thập thủ liên hoàn", sáng tác tại Cầu Kè vào tháng 3 năm 1919. Bài thơ đăng lần đầu trên *Nam Phong tạp chí* số 21 (tháng 3, 1919), được Sở Cuồng (Lê Dư) khen là "lâm ly, uyển chuyển, đáng cho là tuyệt diệu", và sau này được nhiều sách hợp tuyển thơ văn in lại.

Tính đến nay, có ít nhất ba người đã họa lại *Khuê phụ thán*, đó là vua Thành Thái (theo thông tin trên báo *Tri tân* số 190, ra ngày 1 tháng 6 năm 1945), nữ sĩ Vân Đài và thi sĩ Tố Phang.

- *Tục khuê phụ thán*, sau khi *Khuê phụ thán* được bạn đọc chú ý, ông tiếp tục làm thêm thi phẩm này. Về chủ đề và hình thức, nó cũng giống như *Khuê phụ thán*, và cũng nhận được lời khen ngợi là: "có một giá trị không kém mười bài *Khuê phụ thán*". *Tục khuê phụ thán* được đăng lần đầu trên *Nam Phong tạp chí* số 169 (tháng 2, năm 1932).

- *Văn tế hai Bà* (Hai Bà Trưng), chiếm giải nhất văn chương do báo *Phụ nữ tân văn* tổ chức năm 1934.

Ngoài ra, ông còn có một số câu liễn đối và nhiều bài thơ khác, như: *Thi rớt*, *Tự thán*, *Đi thi*, *Khóc chị Phan Vân Anh*, *Hòn vọng phu*, *Ngộ cố tri*, *Họa bốn bài thi đàn Bạc Liêu*, *Phá Tam Giang*... (Nguyễn Tấn Long-Nguyễn Hữu Trọng *Việt Nam thi nhân tiền chiến* [quyển trung], xuất bản năm 1968 tại Sài Gòn có trên 20 bài thơ của ông).

Trích văn:

**Khuê phụ thán**

(Liên hoàn thập thủ)

I

*Chồng hời chồng! Con hời con!  
Cùng nhau chia cách mấy năm tròn.  
Bên trời góc biển lơ chim cá.  
Dạ gió dày sương tủi nước non.  
Mộng điệp khéo vì ai lẽ đẽo.  
Hồn quyên luống để thiếp thon von.  
Ngày qua tháng lại trông đăm đăm.  
Muôn dặm xa xa mắt đã mòn.*

II

*Đã mòn con mắt một phương Áu.  
Có thấy chồng con đâu ở đâu?  
Đâu được non xanh cùng biển tốt.  
Khó ngăn gió thảm với mưa sầu.  
Trách ai dặt nẻo không lừa lọc.  
Khiến thiếp ra thân chịu dãi dầu.  
Bớ bớ xanh kia sao chẳng đoái.  
Tắm lòng bút rứt trót canh trâu.*

III

*Canh trâu chưa ngủ hãy còn ngồi.  
Gan ruột như dầu sục sục sôi.  
Nghĩa gá áp iu đành lỡ dở.  
Công cho bú mớm chắc thôi rồi.  
Quyết gìn giữ dạ tròn sau trước.  
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nôi.*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Non biển xiên xiên trời một góc.  
Hỡi chồng ôi! Vời hỡi con ôi!*

### IV

*Con ôi! Ruột mẹ ngườu như tương.  
Bảy nổi ba chìm rất thảm thương.  
Khô héo lá gan cây đánh Ngự.  
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.  
Quê người đành gởi thân trăm tuổi.  
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương.  
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp.  
Đề cho vện vẽ mối cang thường.*

### V

*Cang thường gánh nặng cả hai vai.  
Biết tỏ cùng ai? Ai hỡi ai?  
Đẻ bụng chín e tâm đứt ruột.  
Hở môi thì sợ vách nghiêng tai.  
Trăng khuya nương bóng chên chên một.  
Kiếng bể sọi hình tẻ tẻ hai.  
Nhắm thử từ đây qua tới đó.  
Đường đi non nước độ bao dai?*

### VI

*Bao dai non nước chẳng hay cùng.  
Xin gởi hồn ta đến ở chung.  
Hôm sớm cho tròn chung một tiết.  
Trước sau không thẹn với ba tùng.  
Quê nhà có kẻ lo sản sóc.  
Đất khách nương nhau khỏi lạ lòng.  
Mảng tính chưa xong, vừa chớp mắt.  
Trống lầu đầu đã đổ tung tung!!*

HUỲNH ÁI TÔNG

VII

*Đã đổ tung tung tiếng trống thành.  
Giọt mình thức dậy mới tan canh.  
Sương sa lác đác trên tàu lá.  
Gió thổi lai rai giữa bức màn.  
Cảnh ấy tình này thôi hết muốn.  
Trời kia đất nọ nữ cho đành.  
Thương nhau chẳng đặng cùng nhau trọn.  
Xin hẹn cùng nhau kiếp tái sanh.*

VIII

*Kiếp tái sinh may có gặp không?  
Kiếp này đành phụ với non sông.  
Chiêm bao lần thân theo chơn bướm.  
Tin tức bơ vơ lạc cánh hồng.  
Tính tới tính lui thân cá chậu.  
Lo quanh lo quản phận chim lồng.  
Đã không chung hưởng thì thôi chớ.  
Sao nữ xa nhau, chồng hời chồng?*

IX

*Hỡi chồng có thấu nỗi này chăng?  
Sóng gió khi không dậy đất bằng.  
Non nước chia hai trời lộng lộng.  
Cha con riêng một biển giăng giăng.  
Mối sầu kia gỡ khoanh chưa hết.  
Giọt thắm này tuông bửng khó ngăn.  
Ngán bấy cuộc đời không gượng gạo.  
Canh chầy còn ở dưới cung trăng.*

X

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Ở dưới cung trăng luống nỉ non.  
Đắng cay như ngậm trái bồ hòn.  
Khói mây dọng quốc nghe hơi mồn.  
Sương tuyết mình ve nhấm đã mòn.  
Lần mõi làng xa canh cốc! cốc!!!  
Tiếng chuông chùa cũ giông bon! bon!!!  
Nỗi riêng ai biết ta thương nhớ.  
Chồng hời chồng! Con hời con!*

### Phá Tam Giang

*Theo phía trong bờ biển Thuận An,  
Đường ra Quảng Trị, phá Tam Giang.  
Nước thành vũng lớn quanh ba ngã,  
Cái nổi vòng cao thẳng một hàng.  
Có tiếng nơi đây là ổ cướp,  
Không nghe chồn ấy lập đồn quân.  
Rào vây ngang dọc bao quanh khắp,  
Chài lưới người ta cũng rộn ràng.*

### Thi rớt

*Thi rớt xưa nay cũng sự thường,  
Ta nay thi rớt nghĩ mà thương.  
Mẹ trông tin trẻ ngồi van vái,  
Chị độ tên em nói tỏ tường.  
Cay đắng mười năm công sĩ khó,  
Rủi may một chữ bút quan trường.  
Khoa này không đỗ chờ khoa khác,  
Cái nợ bình sanh hãy vấn vương.*

Trong *Hồi ký Sơn Nam* có viết về Thượng Tân Thị :

“...Rớt lại, gần mãn năm học ở trường Bassac, tôi thuộc vào hạng khá, nhờ... nhớ dai, giỏi về Việt văn và Pháp ngữ. Bây

## HUỶNH ÁI TÔNG

giờ, Việt văn không được chú ý, nhưng tôi mãi mê vì ông thầy Phan Quốc Quang (biệt hiệu Thượng Tân Thị) quả là giàu tâm huyết. Dạy bậc trung học, trong khi các giáo sư mặc Âu phục, mang giày, thắt cà vạt thì ông thủ phạm khăn đen áo dài, nói ròn tiếng Việt, không xen tiếng Pháp nào hết (vì ông không rành). Riêng về Hán học, dường như ông chẳng đâu tũ tài, cứ nhân gì cả...Người thích văn chương, ngoài đời, mền mộ ông qua 10 bài Khuê phụ thán. Đạo ấy vài người viết bài cho rằng Thượng Tân Thị là kẻ đạo văn, chẳng bao giờ ông đủ tài năng để làm 10 bài ấy. Khuê phụ thán là tâm sự của bà hoàng hậu, vợ vua Thành Thái, qua lời thơ đã than thở "Chồng hời chồng, con hời con", chồng và con đều bị đày. Có vài câu tuyệt diệu như:

*Con ơi, ruột mẹ nguớu như tương,  
Bảy nổi ba chìm rất thảm thương.  
Khô héo lá gan, cây đĩnh Ngự,  
Đầy vơi giọt lệ, nước sông Hương.  
Quê người đành gởi thân trăm tuổi,  
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương...*

*Thượng Tân Thị đã can đảm ca ngợi hai vị vua nhà Nguyễn. Về sau có người bênh vực Thượng Tân Thị, cho rằng ông không đạo văn của ai hết, bằng cứ là trong bài Thập thủ liên hoàn Khuê phụ thán ấy có vài câu trùng ý... Thượng Tân Thị không buồn, ung dung dạy chữ Việt..."*

Tài liệu tham khảo:

- Thượng Tân Thị Web: [vi.wikipedia.com](http://vi.wikipedia.com)
- Khuê phụ thán Web: [vanxuanthidan](http://vanxuanthidan)

## 9. Đỗ Thanh Phong



### **Bồng Dinh - Đỗ Thanh Phong ( ? - ? )**

Đỗ Thanh Phong, hiệu là Liêm Khê, biệt hiệu là Bồng Dinh không rõ năm sinh năm mất, tục gọi là Giáo Sỏi, như thế ông có dạy học, làm báo, từng cộng tác với *Nông Cổ Mìn Đàm*, *Công Luận Báo*.

Đỗ Thanh Phong là cháu của Nhiêu Tâm Đỗ Thanh Tâm ở Vĩnh Long, là hậu duệ của Đỗ Thành Nhân, một trong *Gia Định tam gia thi*.

Bài ký *Đi tìm ông chủ bút* của Nguyễn Ngọc Phan có ghi những tác giả có thơ trong tập *Việt âm văn tuyển* của Lê Sum in năm 1919, như sau:

*Việt âm văn tuyển vốn vẹn có 130 trang, đa phần là những bài thơ hay do ông sưu tập giới thiệu, trong đó có Hà Tiên thập vịnh (11 bài) của họ Mạc; vịnh Nguyệt nga thập nhị thủ (12 bài) của Nguyễn Quang Công; 32 bài cung oán (ông ghi là cổ thi) và một số bài của cụ Phan Thanh Giản, Cử Trị, Thủ Khoa Ngãi (Nghĩa), của Đặng Thúc Liêng...Nhưng quý nhất cho người đời sau là các bài của các tác giả địa phương: (mà*

## HUYỀN ÁI TÔNG

trong đó ta thấy có sự góp mặt của các nhân vật trong “Gò Công tứ tài tử”<sup>1</sup>) Nhiều Tâm, Nhiều Phang (Mai Đăng Phương), Lê Bá Đăng (Gò Công), Huỳnh Đình Ngon (Gò Công), Nguyễn Hữu Đức (Vĩnh Long), Trần Hữu Quang (Mỹ Tho), Phan Tử Nhàn (Gò Công), Trần Khắc Hải, Nguyễn Tử Thức, Phan Xuân Thảo, H.Q.Viên, Đỗ Thanh Phong (Giáo Sỏi), Huỳnh Trí Phú, Nguyễn Viên Kiều, Lê Văn Lộc, Trần Quang Quờn, Lâm Lợi, Nguyễn Kim Đính....Không chỉ có thơ, trong Việt âm văn uyển còn có các bài văn tế rất hay như văn tế vợ của Thủ Khoa Nghĩa, văn tế tình non, văn tế Đức thầy Bá Đa Lộc....



Tác phẩm:

- *Tam quốc chí diễn nghĩa* (cùng Mẫn Thiệp Võ Văn Mau, Đặng Ngọc Cơ, F.H. Schneider, 1907, 2 fasc. - I. 11 p.)
- *Bài ca mới* (J. Viet, 1909, 19 trang, 0\$25)
- *Tân soạn cổ tích* (cùng Hồ Văn Trung, F. H. Schneider, 1910, 47 tr.)
- *Tam quốc tuồng* (cùng Mẫn Thiệp Võ Văn Mau, F.-H. Schneider, 1913, 34 tr.)
- *Vọng phu thơ* (Phát Toán, 1913, 12 tr.)
- *Trịnh Hâm tạp phú* (Phát Toán, 1913, 14 tr.)
- *Ma y thần tướng diễn ca* (F.-H. Schneider, 1913, 8 p.)
- *Thạch Sanh Lý Thông* (J. Viet, 1913 ? 47 tr.)

Trích thơ:

### **Dạ bạc giang đầu cãm tác**

*Canh khuya hải-nguyệt khuất Tây-đài,  
Nỗi nọ đàng kia tỏ với ai.  
Mây vẻ quê-hương thừa đậm-lọt,  
Nước in tình-tự chảy lai-rai.  
Chuông kêu như tỉnh hồn mê-muội,  
Bèo nổi riêng đau phận lạc-lài.  
Chi bằng nham-tuyên moi dấu gót,  
Thị-phi ừ hử gát ngoài tai.*

### **Bèo tai**

*Bèo thả linh-đỉnh giữa biển khơi,  
Sóng nhồi mặc sóng nổi như chơi.  
Trái lòng so sánh vùng trăng rạng,  
Sè cánh chiều theo giọt nước rơi.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Chịu nắng đỡ che trăm loại cá,  
Hứng sương ngang-dọc bốn phương trời.  
Chon khôn đạp đất trời khôn đội,  
Sâu cạn từng quen biết mấy nơi*

Đỗ-Thanh-Phong biệt hiệu Bồng-Dinh

- 0 -

*Là một trong những nhà thơ xưa, thơ ông đượm nét nhân, nhìn đời với tấm lòng bao dung, hàm chứa đạo lý hầu hết người xưa đều được thấm nhuần ở sách vở thánh hiền.*

Tài liệu tham khảo:

- Bồng Dinh Web: [ntd1712.blogspot.com](http://ntd1712.blogspot.com)
- Lê Sum Việt Âm Văn Uyển, Imp. J. Viêt, Saigon, 1919





Tiết 5: *Lục Tỉnh Tân Văn*



*Lục Tỉnh Tân Văn* do F.H. Schneider, chủ nhà in người Pháp sáng lập, Trần Chánh Chiếu làm chủ bút. Trước tiên phát hành hàng tuần vào ngày Thứ Năm, số ra mắt ngày 14-11-1907.

Năm 1908, sau khi tiếp xúc với Phan Bội Châu ở Hương Cảng, Trần Chánh Chiếu đã đứng lên cổ động công khai ở Nam Kỳ một phong trào gọi là Cuộc Minh Tân “cuộc” tức là công cuộc, “minh tân” lấy từ một câu trong sách Đại học là *Đại học chi đạo, tại minh minh đức. tại tân dân tại chí ư chí thiện* làm cho cái đức sáng hơn, người dân mới hơn, quyết chí làm tốt hơn.

Báo *Lục Tỉnh Tân Văn* số 39 (30-8) rao: “*Tổng lý là G. Chiếu ra thông cáo cho biết ai có hùn vốn thì có quyền gởi con đến học nghề, thời hạn học là 7 năm, công ty nuôi cơm nước còn quần áo, mừng mền thì cha mẹ phải chịu. Công ty lo nhà ngủ, nhà ăn cho học trò, đứa nào học giỏi sẽ được hưởng lương tháng, sau đó, khi biết nghề rồi phải giúp việc cho công ty 7 năm*”. Trong thời gian biểu học tập có ghi rõ các phân học nghề, học chữ quốc ngữ, học chữ “Lang sa” (tiếng Pháp), thời gian luyện tập thể thao và dọn dẹp vệ sinh...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong thời gian này, *Lục Tỉnh Tân Văn* cũng có nhiều bài công kích chế độ thuộc địa, kêu gọi đồng bào đoàn kết chống quan lại tham nhũng khiến thực dân chú ý. Cuối tháng 10-1908, Chủ bút Trần Chánh Chiếu bị bắt nên Lương Khắc Ninh thay thế chức vụ này.

Có một thời gian *Lục Tỉnh Tân Văn* do L. Marty làm Giám đốc chánh trị, Nguyễn Văn Cửa làm Tổng lý, báo phát hành hàng tuần vào Thứ Hai, Thứ Tư và Thứ Sáu.

Đến ngày 3-10-1921, *Lục Tỉnh Tân Văn* hợp nhất với *Nam Trung Nhật Báo* vẫn giữ tên *Lục Tỉnh Tân Văn* do Nguyễn Văn Cửa làm giám đốc, Lê Hoàng Muru làm chủ bút, chuyển thành báo ngày. Xu hướng chính trị của *Lục Tỉnh Tân Văn* giai đoạn sau này chủ yếu phục vụ chính sách của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Những nhà văn cộng tác với *Lục Tỉnh Tân Văn* như Đặng Thúc Liêng, Tân Dân Tử, Phạm Minh Kiên, Viên Hoàn, Nguyễn Ý Bửu, Đạm Phương nữ sĩ ...

Trên *Lục Tỉnh Tân Văn*, năm 1907, Trần Chánh Chiếu đăng tiểu thuyết *Tiền căn hậu báo* phỏng dịch tiểu thuyết *Comte de Momte-Cristo* của Alexandre Dumas. Như thế *Tiền căn hậu báo* được coi đây là tiểu thuyết feuilleton đầu tiên của làng báo Nam Kỳ.

Đến tháng 12 năm 1944 thì đình bản. Như vậy *Lục Tỉnh Tân Văn* đã tồn tại được 37 năm, báo phát hành toàn cõi Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- *Lục Tỉnh Tân Văn* Web: sachxua.net

## 1. Trần Chánh Chiếu



### Trần Chánh Chiếu (1868-1919)

Trần Chánh Chiếu còn gọi là Gibert Trần Chánh Chiếu, gọi tắt là Gibert Chiếu, hiệu Quang Huy, biệt hiệu Đông Sơ, các bút danh: Kỳ Lân Các, Nhựt Thăng, Thiên Trung, Mộng Trần, là nhà văn, nhà báo và là nhà cách mạng Việt Nam.

Trần Chánh Chiếu sinh năm 1868, trong một gia đình giàu có ở làng Vân Tập sau đổi tên là Vĩnh Thanh Vân, nay là Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Cha ông là Trần Thọ Cửu, một hương chức trong làng. Học hết Tiểu học, Trần Chánh Chiếu được theo học Trường trung học d'Adran tại Sài Gòn. Sau khi tốt nghiệp, ông về làm giáo học ở tỉnh nhà rồi làm thông ngôn cho Tham biện, là Tỉnh Trưởng tỉnh Rạch Giá.

Với vị thế của mình, ông tiến hành khẩn hoang ở vùng Tràm Chệt thuộc huyện Giồng Riềng, tự thiết kế và xây cất phố xá ở chợ Rạch Giá và trở thành *triệu phú* lúc bấy giờ. Khoảng thời gian này, ông được bổ hàm Đốc phủ và được nhập quốc tịch Pháp, kể từ đây ông có tên mới là Gibert Trần Chánh Chiếu, gọi tắt là Gibert Chiếu. Sau đó, ông xin thôi việc về làm xã trưởng xã Vĩnh Thanh Vân.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1900, Gibert Chiếu bán đi một phần gia sản, lên Sài Gòn làm báo và tham gia phong trào duy tân yêu nước. Ở đây, ông kết thân với các nhân sĩ yêu nước, như Bùi Chí Nhuận, Nguyễn An Khương, Nguyễn Thần Hiến, Nguyễn Quang Diêu, Đặng Thúc Liêng, Lương Khắc Ninh, Trương Duy Toàn...

Năm 1906, ông thay Lương Khắc Ninh làm chủ bút tờ *Nông Cổ mìn đàm* 農賈茗談 ; nghĩa là "uống trà bàn chuyện làm ruộng và đi buôn", do Paul Canavaggio - một chủ đồn điền và thương gia người đảo Corse, hội viên Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ làm chủ nhiệm, số 1 ra ngày 1-8-1901 .

Không lâu sau đó, ông rời *Nông Cổ Mìn Đàm*, làm chủ bút tờ tuần báo *Lục tỉnh tân văn* 六省新聞, do F.H. Schneider chủ nhà in, sáng lập vào tháng 11 năm 1907.

Năm 1908, nghe tiếng ông là người nhiệt tình yêu nước, Phan Bội Châu lúc bấy giờ đang ở Hương Cảng nay là Hồng Kông, liền mời ông sang gặp mặt và sang Nhật Bản gặp Kỳ Ngoại hầu Cường Để.

Trở về nước, hưởng ứng lời kêu gọi của Phan Bội Châu, Trần Chánh Chiếu đã vận động nhiều thanh niên sang Nhật Bản học tập theo phong trào Đông Du và phổ biến các tác phẩm yêu nước của Phan Bội Châu.

Trần Chánh Chiếu công khai hô hào duy tân cứu nước, rồi cùng với bạn đồng chí hướng lập "Nam Kỳ minh tân công nghệ xã" năm 1908, và nhiều cơ sở kinh tài khác như Minh Tân khách sạn ở bến xe lửa Mỹ Tho.

Những việc làm của ông được giới điền chủ và giới công chức hưởng ứng nhiệt liệt. Vì vậy, ông bị nhà cầm quyền cử người

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

theo dõi, bị Trần Bá Thọ là em ruột Trần Bá Lộc dòm ngó.

Tháng 10 năm 1908 tại Sài Gòn, Trần Chánh Chiêu bị thực dân Pháp bắt giam vì tội có quan hệ với phong trào Đông Du và viết báo chống lại họ. Theo nhà văn Sơn Nam thì có đến 91 người bị bắt trong vụ này.

Tờ Lục tỉnh tân văn số 50 ra ngày 29 tháng 10 năm 1908 loan tin đại khái như sau:

*Chủ bút Lục tỉnh tân văn đã bị giam cầm vì tội đại ác. Vậy chủ nhơn kính tỏ cùng tôn bằng quý khách đặng rõ rằng bốn quán thiệt vô cùng không hay không biết những việc Chủ bút (Gibert Chiêu) phản bán, giao thông với người ngoại quốc. Nhà nước cũng cho bốn quán biết nhà nước chẳng chút nào tin dạ trung nghĩa của Gibert Chiêu, cho nên đã có ra lệnh kiểm thúc thám sát (ông) quá đỗi nhật nghiêm...*

Sau, nhờ chí sĩ Phan Văn Trường ở Paris, Pháp quốc vận động và Chính phủ Nhật can thiệp, tháng 4 năm 1909, ông được thả. Sau đó, ông về Rạch Giá và Mỹ Tho bán hết ruộng đất, phò xá để trả nợ, rồi ở luôn Sài Gòn lập tiệm buôn lấy tiền lời bí mật giúp Phan Bội Châu và Cường Để hoạt động.

Năm 1917, ông lại bị tòa án quân sự Sài Gòn bắt giam một lần nữa, vì cho ông là người yểm trợ Phan Xích Long khởi nghĩa chống Pháp hồi tháng 2 năm 1916. Bị giam một thời gian ông mới được trả tự do.

Sau khi Gibert Chiêu bị bắt, công cuộc Minh Tân do ông là người đứng đầu dần dần tan rã.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ông mất năm 1919 tại Sài Gòn, thọ 51 tuổi, được an táng ở đất thánh họ đạo Tân Định, Sài Gòn.

### Tác phẩm:

- *Minh tân tiểu thuyết* (Lời nói vật về chủ thuyết Minh tân): Tập hợp các bài xã luận của ông viết cho tờ *Lục tỉnh tân văn*, nhằm kêu gọi đồng bào tham gia cuộc Minh Tân. In năm: ?

- *Lâm Kim Liên* (tiểu thuyết, F.H.Schneider, 1910)

- *Hoàng Tố Oanh hàm oan* (tiểu thuyết, nhà in Phát Toán, 1910)

- *Hương Cảng nhân vật và Quảng Đông tỉnh thành phong cảnh* (gồm các bài ký kể lại cuộc du lịch của ông sang Hương Cảng và Quảng Đông, trước đăng trên *Lục tỉnh tân văn* năm 1908 sau in thành sách năm 1911)

- *Ba người ngự lâm pháo thủ* (dịch truyện *Les trois mousquetaires* của Alexandre Dumas đăng trên *Lục tỉnh tân văn* năm 1913)

- *Tiền căn hậu báo* (phỏng dịch tiểu thuyết *Le Comte de Momte-Cristo* của Alexandre Dumas, lúc đầu đăng trên *Lục tỉnh tân văn* (1907), sau được Nhà l'Union xuất bản tại Sài Gòn, năm 1914)

- *Văn ngôn tập giải* (Recueil du langage fleuri: sách từ điển giải nghĩa các danh từ mới trong nhiều lĩnh vực sử, địa, khoa học, chính trị, tôn giáo. In năm 1915)

- *Gia Phở* (dạy viết gia phả, 1917)

### Trích văn:

#### **Thương hải tang điền**

Trải qua một cuộc bể dâu, những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Theo luật lệ tạo hóa, hễ hữu hình thì hữu hoại. Vật chi hễ có hình, hoặc chẳng lâu thì mau cũng phải hư nát. Còn trong đám

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

trần ai hễ hữu sanh thì hữu tử, có sanh sản thì có tử táng, có sống thì có chết.

Vã lại, sông biển núi non cũng hay đổi dời, ruộng dâu hóa ra biển, biển cạn bầy đất thành ruộng dâu. Núi cao sập lở thành ao hồ, non nhỏ có ngày cao lớn. Mỗi người đều thấy, hễ chiêm nghiệm thì đều hiểu.

Nói sang qua phong tục thì lại thấy nó mỏng manh hơn bánh tráng. Xưa vẽ mình, ở dã, ở bãi, nhờ ba con cá nuôi lỗ miệng, đầu trọc, mình đóng khố. Sau lần lần bắt chước lân bang, Sấm áo quần ngày càng tao nhã thanh lịch. Nay lại muốn bỏ đồ xưa, đổi áo thay xiêm, đồ dài thay vắn, cúp tóc cho gọn. Xưa đi giày hàm ếch lướt bước. Nay đi giày đinh gót gọn gàng. Xưa bịt khăn, nay đội nón. Muôn việc cũng đều bắt chước các nước, còn việc cơ xảo, việc thông minh, bầy vẽ cho cận tiện thì mình thua sút xa thăm thẳm.

Nghĩ lại sự bắt chước cũng không mau được, ban đầu thì xài quần tây, đến sau cúp tóc, đội nón, bây giờ muốn đổi áo. Mấy ông tưởng vậy là đủ cuộc trí thời thức thế sao ?

Tôi tưởng chưa, là vì việc hủ lậu còn đầy, sự nghi nan còn nặng. Việc đọc sách, đọc nhật trình còn sơ, việc cơ xảo công nghệ còn hẹp. Nay lo chuyện sủa se là dọn quần đánh áo. Hà tất duy tân. Ấy là có vỏ nõ có ruột. Phải ráng mà bươn chải với đời, lo cho con nhà nước Nam thông nghề buôn, giỏi nghiệp nghệ, tiện tận chất lột, thủ quyền lợi vì hễ có hàng sản mới có hăng tâm; bằng tay không chân rồi, dầu có mặc áo gấm cũng chẳng làm chi, bắt quá thì hơn con công một thí mà thôi.

Xin tri túc thường túc. Có 10\$ ăn 5\$ dành để 5\$. Đến khi có gặp điều phải mà thì ân được. Chớ “đồng rắng trong túi vắng hoe, thì ắt là kiến nghĩa nan vi, lâm nguy nan cứu”.

## HUỶNH ÁI TÔNG

### Tổ Hộ

Bài này in ra chắc có các vị Minh Tâm công luận. Phận tôi làm chủ bút sẽ cầm cân.

### Chủ Bút

(*Lục Tinh Tân Văn*, số 2, ngày 21-11-1907)

Trên Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, có dẫn nhận xét của Giáo sư Nguyễn Huệ Chi về bút pháp nhà văn Trần Chánh Chiếu:

*“Truyện của Gibert Chiếu vẫn theo kết cấu chương hồi như nhiều tiểu thuyết miền Nam trong những năm đầu của thế kỷ 20. Nhưng tác giả đã chú ý đến cách xây dựng tình tiết để cốt truyện bớt dènh dàng, kể lể, nhân vật và hành động xuất hiện hợp lý, tính cách nhân vật được miêu tả rõ ràng. Câu văn ông mộc mạc, không sa vào biền ngẫu như các nhà văn cùng thời với ông...”*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Chánh Chiếu Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Thương hải tang điền* Web: [ahvinhngkiem.org](http://ahvinhngkiem.org)





## 2. Lê Hoàng Mưu



**Lê Hoàng Mưu (1879-1941)**

Nhà văn Lê Hoàng Mưu sinh năm 1879<sup>(\*)</sup> tại Cái Cối thuộc làng An Hội, Tổng Bảo Hựu, hạt Bến Tre, nay là xã Mỹ Thạnh An, Thị xã Bến Tre, ông sinh ra trong một gia đình làm ruộng khá giả, do đó được đến trường học.

Thuở nhỏ Lê Hoàng Mưu học tại Bến Tre, rồi ông lên Sài Gòn tiếp tục học, nhưng chưa hết bậc trung học Pháp Việt. Sau đó ông đi làm thư ký cho Sở Công chứng.

Ông bắt đầu hoạt động văn học với tư cách là một cộng tác viên của báo *Nông Cổ Mìn Đàm*, ông dịch kịch thơ *Rocamboles Tome V. Le drames de Paris*, phóng tác quyển tiểu thuyết Pháp *Le Compte de Monte Cristo* của A. Dumas đặt lại tựa là *Tiền căn báo hậu*. Ông còn viết truyện thơ *Hoạn Thư bắt Túy Kiều* theo thể thất ngôn.

Ông có bút hiệu Mộng Huê Lâu là cách đảo chữ trong tên Lê Hoàng Mưu của ông.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1912, cuốn tiểu thuyết đầu tay của Lê Hoàng Mưu được đăng trên báo *Nông Cổ Mìn Đàm* từ số 19, ra ngày 20 tháng 7 năm 1912 với nhan đề *Truyện nàng Hà Hương* đến số 53, ngày 29 tháng 5 năm 1915 chưa kết thúc, được nhà in Imp. J. Nguyễn Văn Viết xuất bản thành sách với tên là *Hà Hương phong nguyệt*, được độc giả ưa thích nồng nhiệt đón nhận, nhưng tiểu thuyết này bị Nguyễn Háo Vĩnh lên án là dâm thư. Theo truyện *Hà Hương phong nguyệt*: Nghĩa Hữu là một thanh niên con nhà giàu có, ăn chơi lêu lổng. Nghĩa Hữu cưới Hà Hương, một cô gái con nhà giàu, có nhan sắc nhưng tính nết xấu xa, do đó chẳng bao lâu sau, hai người chia tay. Nghĩa Hữu lấy vợ sau là Nguyệt Ba, một cô gái nhà nghèo, hiền hậu. Còn Hà Hương sau một thời gian ăn chơi chán chê, lại dụ dỗ Nghĩa Hữu trở lại với mình. Trong truyện, ông tào bạo tả những cảnh ăn chơi trác táng, nên truyện bị kết án là xúc phạm thuần phong mỹ tục. Bị Nguyễn Háo Vĩnh trên tờ báo *Nam Kỳ kinh tế* công kích, và có cuộc bút chiến xảy ra giữa Nam Kiều tức Trần Huy Liệu và tác giả về tác phẩm *Hà Hương phong nguyệt*. Cuối cùng sách bị tịch thu và tiêu hủy.

Mặc dù vậy, tác phẩm của ông được độc giả ưa thích, nên cùng năm 1915 đó, *Hoạn Thư bất Túy Kiều* được nhà in Imp. J. Nguyễn Văn Viết, Sài Gòn, in thành sách. Năm 1916 nhà in Imp. de l'Union, Sài Gòn, in *Tiền Căn Hậu Báo* thành 9 quyển.

Năm 1907, tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* ra đời, Trần Chánh Chiếu là Chủ bút đầu tiên, đến tháng 10 năm 1908, Trần Chánh Chiếu bị bắt vì làm cách mạng, chống Pháp, nên Lương Khắc Ninh thay làm Chủ bút.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Năm 1921, tờ *Nam Trung Nhật Báo* sáp nhập vào *Lục Tỉnh Tân Văn*, Lê Hoàng Mưu làm chủ bút tờ báo này cho đến năm 1933 hoặc sau đó.

Năm 1930, Lê Hoàng Mưu cùng Võ Thành Út sáng lập tờ *Long Giang độc lập*, xuất bản mỗi tuần 3 số, do Lưu Công Châu làm chủ bút. Đến năm 1931, tờ báo bị đình bản một thời gian, sau được tục bản cho đến ngày 11-5-1934 thì bị chính quyền thực dân đình bản vĩnh viễn..

Lê Hoàng Mưu là người được trả lương Chủ bút cao nhất, và làm chủ bút chỉ nhờ tài viết tiểu thuyết mà thôi, các tác phẩm của ông được bán chạy nhất ở đất Sài Gòn thời bấy giờ.

Ngoài ra, ông còn cộng tác với các tờ báo khác như *Điện Tín*, *Thần chung*, *Đuốc nhà Nam*...

Lê Hoàng Mưu mất năm 1941 tại Sài Gòn, thọ 62 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hoạn Thư bắt Túy Kiều* (truyện thơ, Imp. J. Nguyễn Văn Viêt, 1915)
- *Hà Hương phong nguyệt* (tiểu thuyết, Imp. J. Nguyễn Văn Viêt, 1915)
- *Tiền căn báo hậu* (phóng tác theo *Le Compté de Monte Cristo* của A. Dumas, Imp. de l'Union, 1916)
- *Tây Hồ công chúa ngoại sử* (tiểu thuyết, Imp. de l'Union, 1916)
- *Một ngàn con ma* (tiểu thuyết, Imp. J. Nguyễn Văn Viêt, 1917)
- *Lạc Thúy Duyên. Nữ giáo Tô Huệ Nhi ngoại sử* (tiểu thuyết, Imp. de l'Union, 1918)

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Oán hồng quần ngoại sử* (tiểu thuyết, Imp. de l'Union, 1920)
- *Oan kia theo mãi* hay *Ba mươi hai đêm Hồ Cảnh Tiên tự thuật* (tiểu thuyết, Imp. J. Nguyễn Văn Việt, 1922)
- *Đầu tóc mượn* (tiểu thuyết, Imp. de l'Union, 1926)
- *Đỗ Triệu kỳ duyên* (kịch thơ, 1928)
- *Đêm rớt của người tội tử hình* (tiểu thuyết, Đức Lưu Phương, 1929)
- *Người bán ngọc* (tiểu thuyết, Đức Lưu Phương, 1931)

Tác phẩm đăng trên báo:

- *Ba gái cầu chồng* hay *Thập báo niên tiền ly miêu hoán chúa* (đăng trên *Nông Cổ Mìn Đàm* từ số 55, ngày 13 tháng 7 năm 1915)
- *Hồ Thế Ngọc* (đăng trên báo *Nông Cổ Mìn Đàm* từ số 85, ngày 17 tháng 2 năm 1916 đến số 108, ngày 29 tháng 7 năm 1916, chưa kết thúc. Đăng lại trên *Công luận báo* từ số 46, ngày 15 tháng 3 năm 1917 đến số 127, ngày 19 tháng 4 năm 1918 thì kết thúc.)
- *Giọt nước nhành dương* hay *Hoa chìm bể khổ* (vội bút hiệu Mộng Huê Lâu - đăng trên *Công luận báo* từ số 73, ngày 19 tháng 2 năm 1924 đến số 79, ngày 9 tháng 12 năm 1924, chưa kết thúc)
- *Nhược nữ báo phụ thù* hay *Hiếu tình bất nhứt* (đăng trên *Lục tỉnh tân văn* từ số 1877, ngày 13 tháng 11 năm 1924 đến số 1929, ngày 15 tháng 1 năm 1925.)
- *Hoan hỉ kỳ oan* (đăng trên *Lục tỉnh tân văn* từ số 1942, ngày 3 tháng 3 năm 1925 đến số 2052, ngày 16 tháng 6 năm 1925.)
- *Cuồng phụ ngộ cừu nhân* (đăng trên *Lục tỉnh tân văn* từ số 2393, ngày 9 tháng 8 năm 1926 đến số 2478, ngày 1

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

tháng 12 năm 1926, chưa kết thúc)

- *Thập báo niên tiền Kim Liễu hàm oan* (đăng trên *Lục tỉnh tân văn* từ số 3549, ngày 10 tháng 7 năm 1930 đến số 3641, ngày 3 tháng 11 năm 1930.)

- *Trăng già độc địa* (đăng trên *Long Giang độc lập* từ số 5, ngày 15 tháng 11 năm 1930 đến số 57, ngày 9 tháng 4 năm 1931, chưa kết thúc)



Trích văn:

Oán Hồng Quân ngoại sử (\*\*)

... Trên chữ đề Tân Hiệp nhà ga, dưới chạo rạo người ta lên xuống.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Huê khát nước thấy dừa muốn uống, tính xuống mua mà xuống lại e, may đâu con bán dừa đem lại gần xe, cho hành khách tiện bề mua lấy. Huê mừng dạ mau chân bước lại, kêu hỏi thăm một trái mấy đồng. Xảy đâu gần bên nàng có một thầy thông, chợt thấy khách má hồng bunn rần. Trơ đôi mắt hỏi thăm trong bụng: “Có phải Túy Kiều xưa, nay sống lại chẳng ? Thầy mới lần tay toan mở túi gió trắng, kiếm lời gheo ả Hằng cung nguyệt”.

.....

Người Bán Ngọc (\*\*)

Hồi thứ năm

*Trang Tử Minh chẳng vị tình khảo án*

*Hồ Quốc Khanh e tội nặng hại mình*

Tô Thường Hậu khai rồi đứng khoanh tay, mắt chưa ráo giọt mà nhìn quan Phủ, mong chờ nghe coi quan Phủ có vấn tra mình không hay đâu Tô Thường Hậu đã mỗi chờ, mà không nghe hỏi han chi cả; duy thấy quan Phủ ngồi dựa án thiêu thiêu, tay chống trên mái đầu bộ như ngủ gật. Nào có ai dám làm khua động bên tai. Cho đến thầy thông hình, thế cho Đề lại lấy khai, chép rồi lời khai cũng để đó mà bước ra , chớ chẳng dám kêu quan Phủ. Giây sau quan Phủ mở mắt ra ngó Tô Thường Hậu mà nói một cách nghiêm nhiên rằng:

*Ung cũng có ung, oan cũng có oan,  
Oan là không trộm ngọc cướp vàng,  
Ung là có dâm loạn vợ quan dinh cấm.*

Nói rồi quan Phủ dạy lính lệ dẫn Tô Thường Hậu ra ngoài chờ, để cho ngài gặt hỏi Hồ Lăng đủ sau trước mới tàng hắc bạch.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Đề lại dẫn Hồ Lãng vào.

Hồ Lãng đứng sừng sững trước mặt, không cúi đầu, không thi lễ.  
Quan Phủ nổi giận, quở Hồ Lãng:

Người biết chốn này là chốn nào không ?

Hồ Lãng: - Lý nào tôi ở chốn này mà không biết đây là Phủ.

Quan Phủ: - Ngươi biết sao không thủ lễ ? Ngươi tên họ là gì, làm chức gì, ở đâu?

Hồ Lãng: - Úc vì tôi vô tội mà bị bắt, tôi muốn hiểu chỗ đó mà nóng lòng, nên vào tới Phủ tôi quên thi lễ.

Quan Phủ: - Không! Ta có dạy bắt ngươi đâu? Thơ ta gửi qua Đô đốc cũng xin dạy ngươi sang đây cho ta hỏi việc chớ. Ngươi mưa chớ tưởng lầm mà hờn vội. Ngươi tên họ là chi, nói đi cho ta rõ?

Hồ Lãng: - Có vậy tôi mới an lòng mà hầu hồi cho. Tôi tên Hồ Lãng đang làm đội trưởng trung quân đô đốc.

Quan Phủ: - Ngươi có khi nào bị quan Đô đốc đuổi ra chăng ?

Hồ Lãng: - Bẩm không! Tùng chinh từ buổi mới đầu quân, tôi lấy làm may mà đặng Đô đốc yêu dùng hơn hết.

Quan Phủ: - Vậy cũng là đáng khen! Ngươi ở đây có biết Bảo Anh tự là chùa nào không?

Hồ Lãng: - Bẩm biết chớ sao không! Đã nhiều lúc đứng hương cầu nguyện.

Quan Phủ: - Ngươi có cơn nào tá túc đó một ít lâu không?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hồ Lãng: - Bẩm không; mắc việc quan, có rảnh ngày giờ đâu mà dờn dỗi.

Quan Phủ: - Người nói sai rồi. Ai khai với quan Phủ ngay trước đây, nói rằng vâng lệnh nên giữ quan tài mạng phụ ?

Hồ Lãng: - Bẩm tôi, song đó là việc quan sai, chớ về tư gia tư sự thì tôi chưa hề ở đó.

Quan Phủ: - Người lên ở đặng mấy ngày ?

Hồ Lãng: - Bẩm chưa đầy nửa tháng.

Quan Phủ: - Khi người đến gửi thân nương nấu người mượn có nào vào xin?

Hồ Lãng: - Bẩm vì mật lệnh, tôi dối bậy rằng bị Đô đốc đuổi ra, nghèo đói không chỗ dựa nương, vô phang thê chi.

Quan Phủ: - Khi mới vào, người có làm quen với ai mà cậy tiến dẫn chẳng ?

Hồ Lãng: - Bẩm có, song không biết là ai, duy nhớ có một vị chúng tăng tiến dẫn.

Quan Phủ: - Thật người không biết và cũng không nhớ là ai hay sao ?

Hồ Lãng: - Bẩm thật thì không ?

Quan Phủ: - Trong những ngày người dối giả nương dựa cửa thuyền nhờ của thập phương đó người thường đàm đạo cùng ai hơn.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Hồ Lãng: - Bẩm, tôi thường đàm đạo với chúng tăng, mà trong tăng chúng có một vị, tôi thường gần ngày đêm hơn hết. Mà tôi cũng không nhớ mặt biết tên là gì !

Quan Phủ: - Có khi nào người thuật chuyện trong dinh đô đốc cùng tăng chúng hay không?

Hồ Lãng: - Bẩm dám đâu! Tôi đã vâng mật lệnh đi dò tin, lí đâu bày tâm sự.

Quan Phủ: - Người không nói với ai là con Đào Anh là thế nữ trong dinh chết rồi sao ?

Hồ Lãng: - Bẩm không! Tôi không thể nói; thế mấy chùa mấy miếu tôi cũng dám thề òa!

Quan Phủ: - Muốn thề òa rồi sau sẽ. Người cũng không nói đô đốc nghi tình giết Đào Anh, đuổi người ra khỏi sao?

Hồ Lãng: - Bẩm không. Cái đó mới thật là nước lã khuấy nên hồ đó.

Quan Phủ: - Đào Anh bây giờ ở đâu ?

Hồ Lãng: - Bẩm tôi không biết đâu; nam nữ có đặng gần nhau đâu hòng biết.

Quan Phủ: - Nhưng mà người biết nó còn trong dinh chăng?

Hồ Lãng: - Bẩm nó còn ở trong đó chớ đâu.

Quan Phủ: - Người biết nó không.

Hồ Lãng: - Bẩm tôi biết nó lắm chớ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Quan Phủ: - Hay a! Vậy ta cậy người đi với Đề lại với lính nhà, cầm thơ ta về trình quan Đô đốc rồi đòi Đào Anh sang qua nha cho ta hỏi.

Hồ Lãng lơ lờ , nghe dạy mặt mày điển xanh, song không lẽ nói sao, phải chịu làm thỉnh lãnh thơ về dinh dạng có trần tình cùng đô đốc.

Hồ Lãng lãnh thơ cùng Đề lại đi rồi, quan Phủ ngó theo cười mà thầm nói: “Cáo đội lớp hùm đây ai không kiên sợ. Ta há phải như ai đó sao, khuyên thì đừng làm tướng. Dẫu rằng thật là hùm, phải lối ta cũng dám lừa vô rọ vậy chớ!”

Nói rồi Quan Phủ dạy dẫn Tô Thường Hậu vào mà gạn hỏi:

- Nay, mi nói con Đào Anh chết rồi, bị chủ nó giết, mi nói vậy mà thiệt hay không, mi rõ biết hay mi nghe nói?

Tô Thường Hậu: - Bẩm quan lớn, tở mắc ở chùa có đâu rõ biết. Lời tôi nói đó là lời Hồ Lãng khi nọ đó chớ. Mà quan lớn đã chiêm bao thấy Đào Anh hiện về đội trạng bạch, quan lớn còn nghi lẽ gì.

Quan Phủ: - Phải, ta không nghi Đào Anh còn sống, song ta e vì ta sai đòi Đào Anh, ta e Hồ Lãng mưu trá. Ta chưa biết mặt Đào Anh, thì biết lấy chi làm bằng mà cãi, nếu nó lẹ trí bắt con thế nữ nào vào mạo hiệu Đào Anh.

Tô Thường Hậu: - Bẩm quan lớn nghi vậy cũng có lí, nhưng mà không sao, nếu quan lớn chẳng chê tôi xin dâng một kế. Nếu quả Hồ Lãng mưu tính, bắt thế nữ thế vào, thì tôi có kế làm cho lộ mối.

Quan Phủ: - Kế chi ? Phụ nữ thử coi cao thấp ?

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tô Thường Hậu bước lại kê bàn quan Phủ mà nói nhỏ và dặn nếu Hồ Lãng về mà có dẫn Đào Anh, quan lớn dạy dẫn tôi vào ra oai khoáng đạt, thịnh nộ tôi mới hỏi như vậy như vậy; rồi để mặc tôi khai sao thì khai, tự nhiên giới kia lòi giả. Quan Phủ khen hay, rồi dạy Tô Thường Hậu ra ngoài ngồi đợi.

Ngồi đợi giây phút, hẳn thật chỗ nghi của quan Phủ không sai, Hồ Lãng cùng Đề lại trở về có dắt một nàng cũng trong thế nữ. Dem vào trình với quan Phủ con đó là Đào Anh. Thật là tuồng hát có một đoạn diều cọt lạ lùng mà quan Phủ cười tỉnh nói sai giả hình chưa biết. Ngài liền dạy quân dẫn Hồ Lãng ra ngoài, để cho ngài gạn hỏi Đào Anh cho thấu đáo kẻ rằng chơn tót.

Hồ Lãng ra rồi, ngài mới hỏi Đào Anh:

- Mi là Đào Anh thế nữ bên dinh đô đốc phải không ?

Thế nữ: - Bẩm phải, tiện tì tên thiệt là Đào Anh, ở hậu dinh đô đốc.

Quan Phủ: - Mi còn có tên chi nữa không?

Thế nữ: - Bẩm không.

Quan Phủ: - Mi có quen biết chi với Tô Thường Hậu chẳng ?

Thế nữ: - Bẩm con chưa biết Tô Thường Hậu là ai.

Quan Phủ: - Nếu mi là thế nữ trong dinh, lí nào mi không biết Tô Thường Hậu là một tay thiếu niên nam tử, lúc đô đốc mắc đi dẹp giặc, lệnh phu nhân còn ở dinh một mình, nó thường hay sớm tối ra vào, khi bán ngọc, khi dâng ngọc?

Thế nữ: - Bẩm quan lớn con chưa quen biết Tô Thường Hậu.

HUỲNH ÁI TÔNG

Quan Phủ: - Mà mi biết người bán ngọc chẳng?

Thế nữ: - Bẩm quan lớn con có biết mặt.

Quan Phủ: - Sao nó khai rằng quen biết với mi lắm, nhờ mi tiến dẫn mà vào thầu lĩnh phu nhân.

Thế nữ: - Bẩm quan lớn người nói sao chớ phận con là tôi đòi, mắc lo giữ phận tôi đòi, khi người vào bán ngọc, thấy thì hay thấy chớ không hay làm quen lắm lời.

Quan Phủ: - Mà mi thiệt là Đào Anh chẳng?

Thế nữ: - Bẩm thật.

Quan phủ: - Lạ dữ a! Hai đảng khai khác. Vậy đề ta đòi Tô Thường Hậu ra đây đối diện. Thôi người ngồi dẹp lại một bên bàn kia mà nghe.

Nói rồi quan Phủ cho đòi dẫn Tô Thường Hậu vào Tô Thường Hậu vừa ló mặt vào, Quan Phủ vỗ bàn ra oai thịnh nộ.

Quan Phủ mới hỏi:

- Tô Thường Hậu, mi đã khai rằng mi biết rõ Đào Anh, việc cạy hòm trộn ngọc cấp châu có Đào Anh tư thung với mi mà chỉ mưu bày kế, sao nay ta hỏi Đào Anh lại nói không hề quen biết với mi lần nào, dầu khi người vào dinh bán ngọc cho Hồ phu nhân Đào Anh cũng chẳng hề quen biết?

Tô Thường Hậu:

- Bẩm quan lớn rõ ràng Đào Anh sợ tội mà chối đó thôi, chớ thật, buổi tôi vào dinh bán ngọc, tôi chẳng hề quen biết với ai khác hơn Đào Anh, lần lần đôi lứa tư thung với nhau cho tới

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

lúc Hồ đô đốc dẹp giặc trở về nên nổi gổi chẵn chia cách. Không gặp nhau yêu áp nhau như buổi ban đầu, thương nhớ nhau nên có thơ nhắn tin cá nhân nhe, ấy là thơ từ nạp giữa đường phải nào nói ngược. Đến khi Hồ phu nhân chẳng may qua đời đi rồi, Đào Anh chắc mình không còn ở trong dinh lâu nữa, quyết vậy cùng tôi, cửu thất hữu gia, Đào Anh mới tư tình cùng tôi cạy hòm trộm ngọc, chỉ cho tôi cấp cho đặt châu báu trong hòm mạng để gây sự nghiệp cho nên; thơ của Đào Anh mà xuôi mưu cũng còn kia, tôi đã có nạp rồi, bằng chẳng tôi có biết mà lấy.

Tô Thường Hậu khai rồi, Quan Phủ xây lại ngó thế nữ mà quở van, lại nói:

- Đào Anh tội lỗi rõ ràng, đủ đáng phân cang còn chi nữa mà la oan than ức!

Thế nữ nghe rõ trước sau, mặt xanh như chàm, thất kinh hồn vía, đã vậy còn bị quan Phủ quở phạt hăm he, nằng lại càng sợ rung, lật đật đứng dậy ra giữa mà bầm răng:

- Bầm quan lớn, xin dạy Tô Thường Hậu nhìn lại cho kĩ kéo làm. Nếu quả có Đào Anh tư thung với gian nhân thơ qua thơ lại xuôi mưu trộm báu trong hòm, thì là Đào Anh kia, chớ phải Đào Anh này, tuy cũng là Đào Anh mà chẳng phải tình nhân của Tô Thường Hậu.

Quan Phủ: - Nói vậy trong dinh còn có tên Đào Anh khác nữa sao?

Thế nữ: - Bầm có, Đào Anh đó là tay yêu dùng của Hồ phu nhân, thường ở một bên Hồ phu nhân mà chờ sai khiến.

HUỲNH ÁI TÔNG

Quan Phủ: - Đào Anh đó bây giờ ở đâu?

Thế nữ: - Bẩm Đào Anh đó đã mất rồi, nên mới có lệnh dạy tôi phải vào mà thay thế.

Quan Phủ: - Nói vậy vì sự thay thế ấy mà mi cải danh là Đào Anh kì trung mi có tên thiệt của mi khác nữa phải không?

Thế nữ: - Bẩm quả vậy; vì sự thay thế ấy mà tiện tì phải chịu lấy tên Đào Anh, chớ tên thiệt của tiện tì chẳng phải là Đào Anh mà rõ là Giáng Tuyết.

Quan Phủ: - Hay a! Tại vậy nên Tô Thường Hậu không thấy mặt mi mà lầm cũng phải. Bây giờ ta tin thật không phải mi, song mi phải khai ngay cho ta biết tại sao con Đào Anh thiệt tại sao mà chết.

Giáng Tuyết:

- Bẩm quan lớn, nghe nói Đào Anh chết thì hay chết chớ ít ai rõ tại sao mà chết. Nhưng mà một thế nữ phục sự Hồ phu nhân, có chết thì tại số trời không ai cãi đặng.

Quan Phủ:

- Ta biết mi có tình ngay, ta khen mi và muốn tha mi về bây giờ, nếu mi không giữ lấy mực mà khai thật hết cho ta tường những điều ta đã hay biết rõ thì ta e cho mi phải bị tội vạ tràng mà bất năng hồi cố đa con! Mi phải biết tại sao mà con Đào Anh thác, ngày nay thiên hạ đều hay, cho đến Tô Thường Hậu là tình nhân của nó cũng đã có khai, mi còn toan dấu dím ?

Giáng Tuyết: - Bẩm quan lớn, thật sự khi Đào Anh chết thì hay chết, không ai rõ có chi, chớ tiện tì mô dám giấu.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Quan Phủ: - Rồi từ ấy những nay không khi nào mi nghe ai nói lại sao?

Giáng Tuyết: - Bẩm, tiện tì có nghe song chỗ ấy nghe không lầy chi làm chắc.

Quan Phủ: - Mi nghe người nói sao?

Giáng Tuyết: - Bẩm quan lớn tiện tì có nghe rằng Đào Anh bị ...

Quan Phủ: - Có phải bị nghi tình mà giết bỏ vậy chăng?

Giáng Tuyết: - Bẩm phải vậy.

Quan Phủ: - Nghi tình cách nào, giết cách nào, mi nghe thuật cho ta nghe coi có y lời Hồ Lãng khai hay không?

Giáng Tuyết: - Bẩm quan lớn, vì cùng chung một dinh Hồ Lãng nghe sao, tiện tì nghe y vậy.

Quan Phủ: - Lời mi nói phải, song ta muốn nghe coi Hồ Lãng có gian dối chút nào không?

Giáng Tuyết: - Bẩm quan lớn, sự nghi tình đấy bởi khi Hồ đô đốc bang sư, về tới dinh vào phòng còn thấy bãi nước miếng nơi đầu giường, xem ra nước miếng đàn ông, hỏi Hồ phu nhân chối ngược. Tánh sâu sắc nước đời nghe Hồ phu nhân chối vậy, ngài liền bỏ qua, nhưng mà ngài không bỏ luôn, ngài ghi chớ để chờ khi gạn hỏi. Kế đó Hồ phu nhân đi cúng chùa. Hồ đô đốc ở nhà một mình, sai Đào Anh bẻ hoa, ngài mới ra chặn hỏi. Vườn vắng vẻ có ai, bởi thấy Hồ đô đốc hỏi mà có grom cầm tay, hăm he đòi giết, nếu Đào Anh giấu giếm một lời. Đào Anh lúc cùng chẳng đã biết sao phải khai ngay, nỗi tâm sự của

## HUỶNH ÁI TÔNG

bà từ ông bước ra, và những khi bà ở nhà, chích bóng cô phòng sanh sự loan chung phượng chạ. Đào Anh về cho tới hình người bán ngọc giả gái vào ra, cho đến khi ông về nhà, bà ôm lòng đòi đoạn gần xa, bà mới giả việc cúng chùa, cho có thể bướm hoa tương hội.

Tưởng khai thật hết mà đặng Hồ đô đốc tha, dè đâu khai rồi, Hồ Đô đốc lại sợ để Đào Anh mà lậu cơ mưu, vì ngài tính kế trả cừu, nên ngài mới nhẫn tâm hạ thủ. Giết rồi ngài quăng thầy Đào Anh xuống hồ, phó mặc bèo sen chôn lấp. Giết Đào Anh rồi ngài quyết ý giết Hồ phu nhân với Tô Thường Hậu. Tưởng ngài có quyền giết bao giờ cũng đặng; nhưng ngài không muốn giết liền cho nhỡ, ngài muốn làm cho rõ mặt phi thường, cho Tô Thường Hậu phải bị tan xương nát thịt; nên ngài chờ Hồ phu nhân về, dối bày chuyện tình tệ của Đào Anh, nên ngài giận đỗi Đào Anh với Hồ Lăng mà chưa an lòng, ngài còn muốn theo tàn sát. Hồ phu nhân ngỡ thật giáng can, nào dè ngài đã sai Hồ Lăng, giả hình tới Bảo Anh, xin nương nấu mà dọa tin Tô Thường Hậu. Nhờ có vậy, ngài mới rõ thấu những khi nào Hồ phu nhân còn đến chùa Bảo Anh to nhỏ cùng tình nhân. Ngài giận lắm song ngài kết oán thù thâm để dạ chờ khi rửa hận. Một đêm kia vợ chồng chén tạc chén thù cùng nhau trong phòng, bộ ngài nhờ lúc hết rượu sai Hồ phu nhân xuống hầm, cùng trên tới dưới mà chiếc thêm; rồi ngài đánh mò theo sau mà ra tay nên lúc gần sáng ngài tri hô mất Hồ phu nhân, hối đoàn thể nữ chạy đi kiếm khắp hết trong ngoài, cùng trên tới dưới. Kiếm không thấy Hồ phu nhân chốn nào. Chùng vào hầm rượu kiếm mới gặp thầy Hồ phu nhân, chết một cách thảm thiết vô cùng, đã chết trong mái rượu mà thầy lại tròng chuối ngược. Ngài khóc than Hồ phu nhân, nói Hồ phu nhân rui trật tay nên nông nổi; Ngài là vị quan Đô đốc, nói vậy hay vậy, nào



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

ai dám cãi tiếng chi. Khi liệm thầy rồi, ngài dạy không chôn, đình đem gửi trên chùa Quảng để chờ ngày chôn. Tưởng thật vậy ai dè là kế chi. Ít ngày nghe Tô Thường Hậu cạy hòm phu nhân mà trộm châu báu ngọc ngà, chừng ấy ai mới biết, tro mắt nhìn nhau mà hít hà chắc lưỡi.

Quan Phủ: - Khoan! Mi nói chừng ấy ai nấy biết tro mắt nhìn nhau mà hít hà chắc lưỡi, chẳng hay mi nói biết giống chi, biết sự gì mi hãy nói huých ra cho ta hẳn thấu.

Giáng Tuyết: - Bẩm quan lớn tiện tì muốn nói biết là oan, biết Tô Thường Hậu bị vu oan vì nỗi tình kia sanh oán chớ biết giống chi.

Quan Phủ: - Tại sao mi biết vì tình kia sanh oán, nên bị vu oan, chớ thật Tô Thường Hậu không lòng gian xảo.

Giáng Tuyết: - Bẩm, Tô Thường Hậu là tình nhân, nghe Hồ phu nhân thác, thương tiếc không biết, chớ dạ nào đành làm sự tế vi như thế. Nếu quả Tô Thường Hậu mà chịu có cạy hòm trộm ngọc, có Đào Anh chỉ kế bày mưu thì tại Tô Thường Hậu bị khảo kẹp, chịu không nổi mà phải cam chịu lấy cho rồi, thà chết hơn là ngồi mà chịu khảo.

Quan Phủ: - Ta cảm ân mi khai rõ đầu đuôi. Vậy mi hãy tạm bước ra ngoài, chờ ta hỏi Hồ Lãng coi có điều gì đối cãi.

Giáng Tuyết với Tô Thường Hậu bước ra. Bấy giờ quan Phủ mới dạy đòi Hồ Lãng vào, cho ngài cật vấn, Hồ Lãng bước vào, quan Phủ ngó Hồ Lãng mà cười và nói:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Hồ Lăng, mi có làm tới chức Đội trưởng, mi biết chôn nha môn chẳng phải chỗ chơi, có sao mi dám làm chuyện bưng mắt bắt chim phình gạt ta như thế hử?

Hồ Lăng nghe qua lấy làm lạ mới ngược mặt trở mắt, dường muốn hỏi quan Phủ thì đã nghe quan Phủ nói tiếp:

- Thật người muốn giết ta, nên người dám đem con Giáng Tuyết đến mà đổi làm Đào Anh là con tì nữ đã bị tay chủ gia tận sát. Cái tội khi quan ấy không có chỗ dung thứ.

Hồ Lăng: - Bẩm quan lớn, ai nói con thế nữ của Đô đốc gửi đó là không phải Đào Anh, thì người ấy là người nhục mạ quan đô đốc. Ai nói con Đào Anh bị chủ giết, thì người ấy là vu oan giá họa cho Hồ đại nhân. Mà quan lớn rõ biết Hồ đại nhân là một vị tướng quân bên thượng liêu, đang con li loạn này đây đã ra tài đông xông tây đột, đáng tay rường cột nước nhà, ai nói hai điều tội lỗi ấy, tướng quan Đô đốc cũng không dung tha mạng!

Trang Tử Minh nghe dứt, phát đại nộ, vỗ bàn mà khoát nạt Hồ Lăng rằng:

- Người dám hăm dọa ta là một vị minh oan của triều đình. Á lệnh ngời đây phân xử nữa sao? Người tưởng đâu ta là người sợ mạnh hiếp yếu hay sao mà người đem quyền thế của đô đốc ra mà hăm dọa ta. Ta nói cho mi biết, nếu mi chẳng khai thiệt sự con Đào Anh bị tay ai giết, ai giết Hồ phu nhân, ai bày kế độc, chỉ mưu sâu cho người tới chùa Bảo Anh cạy hòm lấy ngọc mà vu oan cho Tô Thường Hậu thì ta quyết hắt truyền quân căn đuổi nọc mi ra mà tra cho đến bao giờ mi khai thiệt thì ta mới nghe cho.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Hồ Lãng nghe tiếng khảng khái, bụng đã sợ hết hồn; song còn gượng lời, nghĩ cho trong tỉnh không còn ai có quyền thế lớn hơn Hồ Đô đốc, nên sợ thì sợ mà Hồ Lãng cũng còn làm gang nói trả treo rằng:

- Tôi tội gì, ai dám tra khảo thì tra khảo thử coi; tôi có quản gì thân tôi, e cho ai vì chút lợi trước mắt mà phụ nghĩa anh em đồng liêu, đến chùng vàng đá không phân ăn năn thì đã muộn thôi chớ.

Quan phủ:

- À há, mi lấy oai thế của Hồ đô đốc mà hăm dọa ta, hễ ta mà tra khảo mi, thì chủ mi là Hồ đô đốc kéo quân tới đây, không phân vàng đá. Ta muốn biết thế lực của mi ra sao, nên ta sẵn lòng tra mi lắm. Nói vậy mi quyết chẳng khai thiệt sự Đào Anh phải chăng? Quân bây đâu, hãy bắt Hồ Lãng căng ra tra khảo giùm cho ta thử coi đến chùng nào nó nói.

Quân lính vâng lệnh bắt Hồ Lãng căng ra; Hồ Lãng cượng lí không vâng, song ngó quát ngó quanh, trước sau một mình cượng sao cho nổi. Cho nên cượng thì cượng vậy đó thôi, rồi ra không qua phép. Đi cũng bị quân kéo cổ đi ra căng duỗi nọc, Bị khảo chưa đầy mười roi. Hồ Lãng khóc la một cách dữ tợn, kêu Hồ đô đốc làm rung động hết cả Phủ. Quân đánh riết một hồi, hết khóc la mà cũng hết kêu Hồ đô đốc, Hồ Lãng túng phải xuống nước chiều lụy xin tha. Lại nói:

- Quan Phủ dầu không tưởng nghĩa cũng nghĩ tình Hồ đô đốc là chủ tôi, chớ có lí đâu quan Phủ chẳng vị chút nào, đánh tôi không kiên chủ.

Quan Phủ cười mà rằng:

## HUYỀN ÁI TÔNG

- Đánh tớ kiên chủ là việc tư gia kia; chỉ như việc công, quân pháp bất vị thân, lí đâu ta dám làm đều bất minh bất chánh. Nếu mi muốn ta dung người, thì khai ngay đi, khó gì mà không chịu. Chuyện Đào Anh bị giết làm sao, Hồ phu nhân bị chết thế nào, mi phao cho Tô Thường Hậu làm sao cứ khai thiệt thì ta tha thứ. Mi đừng tưởng con Đào Anh giả của mi dẫn tới phỉnh ta đó nó chưa khai thật mà lắm. Nếu mi không tin ta dẫn nó ra nói cho mi biết.

Nói rồi quan Phủ dạy dẫn Giáng Tuyết vào, Giáng Tuyết bước vô cúi đầu, quan Phủ dạy ngược mặt lên coi có biết Hồ Lãng cùng chẳng. Hai đảng nhìn mặt nhau, quan Phủ mới hỏi:

- Thế nữ, mi tên họ là chi; có phải tên là Đào Anh như lời Hồ Lãng khai trước?

Thế nữ: - Bẩm quan lớn, tiện tì là Giáng Tuyết chẳng phải tự là Đào Anh; Đào Anh đã thác rồi Hồ Lãng dạy tôi vào thế mặt mà trông tên đổi họ.

Quan Phủ: - Đào Anh chết rồi đó vì sao mà chết, bị ai giết hay là chết cách nào ?

Giáng Tuyết: - Bẩm quan lớn, ngày nạn chính mình Hồ Lãng nói với tiện nữ rằng Đào Anh bị chủ nghi tình chặn giết giữa vườn ném thân xuống nước.

Quan Phủ: - Đó mi nghe không Hồ Lãng? Còn gì mà mi chưa chịu khai ngay cho ta xử án?

Hồ Lãng: - Bẩm quan lớn quan lớn, nữ nào chẳng vị tình chủ tôi là Hồ Đô đốc đi nghe lời nói mớ hồ của một con tiện tì mà bắt tôi khảo tra tội nghiệp.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Quan Phủ: - Thế thì mi quyết hẳn chẳng khai ngay nữa chi?

Hồ Lãng: - Bẩm quan lớn, lẽ nào tớ lại dám lấy chuyện không làm có mà vu oan cho chủ.

Quan Phủ: - Vậy thì ta phải dạy quân tra khảo mi: cái là tại nơi mi cừ khôi, mưa trách ta sâu độc, đa nhé!

- Quân bây đầu đem Hồ Lãng ra khảo nó coi có chịu khai chẳng?

Phán chưa dứt lời, quân chưa kịp vâng, có kẻ bước vào bẩm quan Phủ có Hồ đồ đốc đến, còn chờ ngoài ngõ. Quan Phủ vội vàng sửa áo bước ra, và đi và khoát biểu quân dẹp việc tấn tra, dẫn hết đem giam chờ lệnh.

.....

- 0 -

Một đoạn trích tiểu thuyết *Oán hồng quần ngoại sử* của Lê Hoàng Mưu được sáng tác năm 1921, cho thấy tác giả sử dụng văn biên ngẫu, *Người bán ngọc* sáng tác năm 1931, tác giả đã tiến bộ hơn, áp dụng kỹ thuật hành văn gần với truyện tàu thời bấy giờ.

Lãng Tử với tựa đề *Con voi già* trong mục “Nợ văn” trên tờ tuần báo *Mai* xuất bản tại Sài Gòn số 68, ngày 6-1-1939, đã viết về nhà văn Lê Hoàng Mưu như sau:

“Đó là một nhà viết báo kỳ cựu trong gần ba mươi năm nay hằng mục kích những cái vinh, cái nhục của nghề và bao nhiêu chế độ đổi thay (...). Buổi ấy, Lê quân là người có “tài sắc” nên tiếng tăm nổi dậy như cồn. Lời văn cũng lý luận đã lồi

## HUỶNH ÁI TÔNG

*cuốn, hấp dẫn, chinh phục cả xứ Nam Kỳ và cả thế hệ thanh niên hồi đó (...) Tài bút chiến của ông làm khuất phục cả các bạn cùng nghề thuở nọ. Nói rằng khét tiếng một độ rất lâu trong báo giới xứ này, thì cái danh dự ấy chỉ riêng ông có".*

Nguyễn Liên Phong trong Điều cổ hạ kim thi tập (1915) đã ca ngợi Lê Hoàng Mưu như sau:

*Khen báy thầy Mưu dạng mỹ miều,  
Có khoa ngôn ngữ nét không kiêu.  
Điển Tòà thuở nọ công siêng nhọc,  
Nông Cổ ngày nay bút dệt thêu.  
Tuổi hãỵ xuân xanh khuôn phép đủ,  
Phước nhờ đầu bạc đắp vun nhiều.  
Từ đây báo quán thêm không ngại,  
Rạng rắng như chuông cả tiếng kêu.*

Chú thích:

(\*) Về năm sinh và năm mất của tác giả, ông Bùi Đức Tịnh ghi theo trí nhớ những bạn bè của ông Lê Hoàng Mưu. Bùi Đức Tịnh, *Phần đóng góp của văn học miền Nam: Những bước đầu của báo chí tiểu thuyết và thơ mới*, Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1975.

(\*\*) Ghi đúng nguyên văn.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Hoàng Mưu Web: [bentre.gov.vn](http://bentre.gov.vn)
- *Người bán ngọc* Nguyễn Q. Thắng *Văn Học Việt Nam Tập 1*, Văn Học, Việt Nam, 2007

### 3. Tân Dân Tử



**Tân Dân Tử - Nguyễn Hữu Ngỗi (1875-1955)**

Nhà văn Tân Dân Tử tên thật là Nguyễn Hữu Ngỗi<sup>(\*\*)</sup> sinh năm 1875, tại làng Tăng Nhơn Phú, huyện Thủ Đức, tỉnh Gia Định, nay thuộc quận Thủ Đức, Tp. HCM. Tân Dân Tử xuất thân trong gia đình có truyền thống Nho học. Ông nội là tú tài Nho học. Thân phụ tinh thông chữ Hán, làm chức Cai tổng.

Cũng như một số nhà văn, trí thức cùng thời Tân Dân Tử được học chữ Hán từ nhỏ, lớn lên học trường Pháp Việt. Sau khi tốt nghiệp trường Thông ngôn Sài Gòn, Tân Dân Tử được bổ làm Kinh lịch<sup>(\*\*\*)</sup> ở Chợ Lớn, về sau được thăng chức Huyện hàm.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhờ có học vấn, ông am tường cả Hán và Pháp văn. Nền tảng học vấn đã có tác động đáng kể đến sự nghiệp sáng tác văn học của ông.

Ông có hai đời vợ và hai người con, một trai một gái. Năm 1953, ông mắc bệnh tai biến bại liệt, nên mất năm 1955 tại Sài Gòn, hưởng thọ 80 tuổi.

Tác phẩm:

- *Giọt máu chung tình* (tiểu thuyết lịch sử, Nguyễn Văn Việt, 1925)
- *Hoàng tử Cảnh như Tây* (tiểu thuyết lịch sử, 1926)
- *Gia Long tẩu quốc* (tiểu thuyết lịch sử, Bảo Tồn, 1926)
- *Gia long phục quốc* (tiểu thuyết lịch sử, 1928)
- *Tham ất phải thâm* (tiểu thuyết xã hội, Đức Lưu Phương, 1940)

Ghi chú:

(\*) Ảnh chụp năm 1938.

(\*\*) Ngôi là tiếng Nam rờng của chữ 義 Nghĩa

(\*\*\*) Theo Bùi Đức Tịnh, Kinh lịch là viên chức dịch các giấy tờ, công văn, sách báo.

Trích văn:

### **Giọt Máu Chung Tình**

(Tóm tắt: “Hậu quân Võ Tánh tuấn tiết sau khi thành Bình Định thất thủ, ông để lại một con n hem Võ Đông Sơ sống với mẹ là công chúa Ngọc Dụ tại miền Nam.

Sau khi mẹ chết, Đông Sơ về Bình Định ở với chú và được chú yêu thương như con đẻ. Chàng được ăn học và ra Thăng Long



thi Hội. (tác giả hư cấu không đúng thời này thi Hội phải ở Huế).

Tại Quan Âm các dinh Thượng thư, Đông Sơ cứu được Bạch Thu Hà con gái quan Binh bộ Thượng thư Bạch Công khỏi tay một tên vô lại cướp của giết người. Cảm vì sắc đẹp của Thu Hà, Chàng đem n h thương nhớ khôn nguôi.

Kịp đến kì thi Hội. Đông Sơ thi văn xong đến kì thi võ thì nhận được một bức thư hăm dọa của Bạch Xuân Phương – anh ruột Thu Hà – bảo Đông Sơ không được dự thi võ, để hắn độc chiếm khoa tiến sĩ. Nếu không sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Đông Sơ đang suy nghĩ thì nhận được bức thư nặc danh khác, khuyên chàng khi ra trường diễn võ nên chú ý chỗ ngã ba đường có cây cỏ thụ sẽ có người rình giết.

Quả thật như vậy, Đông Sơ nhờ biết trước nên đã tránh khỏi chết. Chàng đến diễn võ đài, thắng được Xuân Phương và đỗ đầu tiến sĩ. Từ đó, Bạch Xuân Phương lo luyện tập võ nghệ chờ dịp giết cho được Đông Sơ để rửa hận sau trận thua nhục nhã ở võ đài.

Trong thời gian Võ Đông Sơ đi dẹp giặc biển, Binh bộ Thượng thư trước khi qua đời có trời lại Bạch Xuân Phương phải lo việc hôn nhân cho em gái, nhưng không được ép duyên em. Bạch Xuân Phương vì ham tiền, ép Bạch Thu Hà phải làm vợ tên Vương Bích, là tay rượu chè trác táng. Bạch Thu Hà thể cùng, phải cùng tì nữ Xuân Đào mượn thuyền bỏ trốn, định sang Hải Ninh tá túc nhà di là Mã Thị Phu non. Võ Đông Sơ sau khi chiến thắng giặc biển, trên đường về kinh báo chiến công và định nhờ mai mối đi cưới Bạch Thu Hà như họ đã từng hẹn nhau. Nào ngờ Đông Sơ thoáng thấy Bạch Thu Hà và Xuân Đào ngồi thuyền tiến nhanh trên biển, Bạch Thu Hà ngoắc Đông Sơ cấp cứu nhưng chủ thuyền bỏ chạy. Võ Đông Sơ không ngại hiểm nguy vì n h to gió lớn, n h thuyền nhỏ đuổi theo, nhưng nửa đường thuyền bị n h nhận chìm, sắp chết đuối, may nhờ có Triệu Dong cứu vì chàng là người chịu ơn Võ Đông Sơ khi trước. Đông Sơ về kinh đô. Nhận được thư

## HUYỀN ÁI TÔNG

của Bạch Thu Hà do tên thơ đồng trao lại, trong thơ Thu Hà báo cho biết vì nàng bị ép duyên, phải bỏ nhà sang Hải Ninh tá túc ở nhà dì. Sau đó Đông Sơ được thăng Đô úy và được cử trấn nhậm Nam Quang gần tỉnh Hải Ninh, Đông Sơ vội vã lên đường tìm người xưa.

Bạch Thu Hà sau khi thoát thấy Võ Đông Sơ trên biển, thì vợ chồng tên chủ thuyền cố tình đi nhanh đến nơi vắng để cướp vàng bạc, tư trang của Thu Hà. Sau khi trấn lột, chúng bỏ hai người trong một khu rừng vắng. Hai nàng lạc trong rừng, đêm đến đói khát mệt mỏi... Đang sợ hãi vì bóng đêm thì bị một quái vật lao đến bắt. May nhờ có một cô gái cỡi voi đến giết quái vật, cứu hai nàng đem về núi sâu. Thấy sắc đẹp Thu Hà, biết nàng là con nhà quyền quý, Hoàng Nhị Cô, cô gái cỡi voi đem lòng yêu mến Thu Hà muốn tác hợp cho anh mình là Hoàng Nhất Lang. Hôn lễ sắp cử hành thì hôm sau Võ Đông Sơ đến thạch động. Đông Sơ nghe tin chủ động Hoàng Nhất Lang sắp cưới vợ mà vị hôn thê lại có lai lịch giống Bạch Thu Hà. Đông Sơ không sợ hiểm nguy, vượt qua bao vòng canh phòng cẩn mật của chủ động. Nhưng người tùy tùng của Võ Đông Sơ sắp bị hại, Võ Đông Sơ đến cứu kịp thời. Hoàng Nhất Lang nhận Võ Đông Sơ là ân nhân của mình bèn mời Đông Sơ vào động đề tạ ơn.

Võ Đông Sơ thấy lễ cưới chắc chắn sắp cử hành, chàng đau buồn thâm trách Bạch Thu Hà phụ lời thề cũ. Tình cờ Hoàng Nhất Lang nhận được bức thư Thu Hà gửi Đông Sơ, chàng hiểu rõ mối tình của Thu Hà và Đông Sơ nên khảng khái chối từ. Hai chàng định đến giáp mặt Bạch Thu Hà để biết rõ sự thật, nhưng đến nơi không còn gặp được nàng mà chỉ nhận được một bức thư tuyệt mệnh cho hay nàng muốn giữ tròn trinh tiết và tình yêu với Đông Sơ nên tự trầm.

Ngờ đâu, Triệu Đông nghe Bạch Thu Hà than thở cho số kiếp mình và Võ Đông Sơ kịp đến cứu nàng. Hai n hem Triệu Đông đưa Thu Hà về Hải Ninh tìm nhà dì của Thu Hà, nhưng không gặp. Ở Hải Ninh, Bạch Thu Hà và Triệu Nương đi vân cảnh

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

chùa thấy có bài vi mình, hỏi ra mới biết là do Võ Đông Sơ tưởng Thu Hà đã chết nên đem thờ ở đó. Vừa bước ra khỏi chùa, Thu Hà bị Vương Bích bắt gặp, hắn cùng Bạch Xuân Phương bắt Thu Hà đem về làm vợ. May nhờ Triệu Đông cứu thoát, rồi hội ngộ với Đông Sơ.

Hai người cùng về kinh đô, định xin Hoàng thượng ban tứ kết hôn hợp pháp. Nào ngờ giặc đến cướp nước, Đông Sơ phải lên đường dẹp giặc. Ngoài chiến trường Đông Sơ và Triệu Dóng cùng tử trận, nhưng sau đó quân triều đã chiến thắng.

Thu Hà được tin dữ, cùng Triệu Nương lặn lội ra chiến trường tìm thi hài Đông Sơ và Triệu Dóng. Quá thương cảm và xúc động vì cái chết anh dũng của hôn phu, Thu Hà đâm cổ tự sát. Vua nghe tin cảm mối tình chung thủy, sắt son của hai người nên sắc phong Đông Sơ là *Võ hiền hầu* và làm lễ cưới theo nghi thức như lời thỉnh cầu của Đông Sơ lúc sanh tiền. Đồng thời phong Triệu Dóng làm Khinh xa trung úy, cho Triệu Nương cùng Xuân Đào ở tại đền thờ của hai vợ chồng Đông Sơ Thu Hà hương khói.”)

### *Hồi Thứ Hai Mươi Bảy*

*Đền nợ nước, anh hùng ra tử trận  
Trọn ân tình, liệt nữ quyết liều thân.*

Vùng ô thảm thoát phúc lạng đài tây, gương nguyệt lấp lờ đã treo bóng thỏ, đoạn Võ đông Sơ cùng Thu Hà đương ngồi trước hoa viên đàm đạo, bỗng thấy một tên Ngự lâm quân ngoài cửa, vội vả bước vô, cúi đầu chào Đông Sơ và nói: Bẩm Đô hứ, thánh chỉ dạy đòi về việc binh tình cấp cấp.

Đông Sơ nghe nói liền bước lại tiếp lấy thánh chỉ đọc coi, thì thấy nói như vậy:

“Nay nhơn Thanh triều ỷ thế, nước mạnh binh nhiều, muốn

## HUỲNH ÁI TÔNG

xâm phạt lấn nước ta, vì vậy trẫm phải ngự giá thân chinh, quyết đánh cùng quân Tàu một trận.

Vậy truyền cho Đông Sơ Đô huy lập tức đến tỉnh Lạng Sơn quảng xuất các đạo võ tam quân, và theo trẫm mà lãnh chức ngự tiền Hộ giá”.

Đông Sơ đọc rồi thì nét mặt có sắc buồn dào dào, đứng ngó Thu Hà một cách sừng sờ và nói: Ái khanh ôi ! Cũng tưởng hai ta đã hết cơn ly biệt, đến lúc trùng phùng, đặng cùng nhau vui cuộc lương duyên, cho toại chí lúc bình sanh sở nguyện, chẳng dè cái thời điên vận đảo, nó cứ theo đuổi buộc ràng, hờn thay cuộc thế đa đoan, khiến cho gặp buổi nước nhà hữu sự, vì vậy cho nên triều đình hạ chỉ đòi tôi ra hộ giá Thánh hoàng, làm cho đôi ta phải rẽ phụng lìa loan, thì biết chừng nào mới đặng vầy vui giai ngẫu.

Thu Hà nghe nói thì động lòng ly biệt, càng thêm xót dạ ân tình, rồi nghĩ cho nhà nước đương gặp buổi hoạn nạn truân chuyên, thì gương gao lấy lời hơn thua mà tỏ bày khuyên nhủ, rồi nói: Lang quân ôi Hai ta vẫn đương lúc tình nồng nghĩa mặn, mà tình linh khiến cho én lạc nhận xa, thì dầu ai gan sắt dạ đồng gặp lúc này cũng phải đau lòng đứt ruột, nhưng mà tôi khuyên mình phải lấy chữ ân làm trước, rồi sau sẽ nói đến chuyện tình, ân là ân quốc gia thủy thổ, tình là tình ân ái vợ chồng, nay nước nhà đương gặp lúc hữu sự phân vân, và mấy vạn đồng bào ta đương đầu cật đầu lưng trong cõi chiến trường, mà xông pha giữa chốn lằn tên mũi đạn. Vậy thì lang quân là một đấng nam nhi phận sự, lại thọ ơn phước lộc triều đình, thế phải ra mà đỡ vạt nâng thành, lấy một gan đờm mà bồi đắp cho quê hương trong cơn nước lửa, tôi cũng ngày đêm khẩn vái mà cầu chúc cho lang quân đặng bình an vô dạng trong chốn mũi đạn lằn tên. Ngõ mau mau trở bước khải hoàng, chừng ấy đôi ta sẽ hiệp mặt phòng lang, và vui tình nệm gối, thì cũng chẳng muộn...



Bìa *Giọt máu chung tình*  
do nhà in J. Nguyễn Văn Viết in năm 1925

*Các bộ tiểu thuyết của Tân Dân Tử, ông viết chẳng khác gì truyện Tàu từ hình thức đến nội dung, văn chương của ông nhẹ nhàng hơn Lê Hoàng Mưu, những độc giả đã quen đọc truyện Tàu, khi đọc tới tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử, người ta rất ưa chuộng, mặc dù tiểu thuyết của Gilbert Chiếu, Lê Hoàng Mưu, Nguyễn Chánh Sắt đang trên đà tiến triển tốt đẹp. Khoảng năm 1960, quyển *Giọt Máu Chung Tình* được in đến lần thứ 8, trong khi toàn bộ tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, chỉ có những quyển sau đây được in đến 8 hay 9 lần như *Tình mộng* in lần thứ 8, *Ngon cỏ gió đùa* in lần thứ 8, *Cay đắng mùi đời* in lần thứ 9, những quyển còn lại cũng chỉ in từ 1 đến 3 lần, một số chỉ đăng trên báo, và một số chưa xuất bản.*

*Tác phẩm “Giọt máu chung tình” của Tân Dân Tử nổi tiếng nên ông Nguyễn Tri Khương (1890-1962) ở làng Vĩnh Kim Mỹ Tho đã soạn tuồng cải lương “Giọt máu chung tình” cho gánh Đờng Nữ Ban hát vào năm 1927. Cuối năm 1965, soạn giả*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Nguyễn Huỳnh và Yên Hà soạn tuồng “Võ Đông Sơ và Bạch Thu Hà” cho đoàn Trăng Mùa Thu, đoàn hát ở miền Hậu về Sài Gòn hát. Khoảng năm 1960 soạn giả Viễn Châu soạn 6 câu Vọng cổ “Võ Đông Sơ” do Minh Cảnh ca và 6 câu Vọng cổ “Bạch Thu Hà” do Lệ Thủy ca. Như thế đủ thấy tiểu thuyết của Tân Dân Tử, đã có ảnh hưởng sâu rộng ở giới bình dân tại miền Nam.*

Tài liệu tham khảo:

- Tân Dân Tử Web: [khoavanhoc-ngonngu.edu.vn](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn)
- Giọt máu chung tình Web: [ahvinhngkiem.org](http://ahvinhngkiem.org)



#### 4. Viên Hoàn



**Viên Hoàn - Hồ Văn Hiến (1900-1957)**

Nhà ăn Viên Hoàn tên thật là Hồ Văn Hiến sinh năm 1900, tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công, con ông bà Hồ Hữu Tạo, em của nhà văn Hồ Biểu Chánh, anh của nhà văn Thất Lang Hồ Văn Lang.

Viên Hoàn làm báo cùng thời với Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mưu, Trương Duy Toàn, Đặng Thúc Liêng ... , ông cộng tác với các báo *Lục Tỉnh Tân Văn*, *Nữ Giới chung*, *Đông Pháp thời báo*, *Trung Lập*, *Thần Chung*...

Ông cũng là một trong những tác giả viết tiểu thuyết trinh thám ở miền Nam như Phú Đức, Biển Ngũ Nhi, Dương Minh Đạt...

Sau cách mạng tháng tám năm 1945, ông viết cho các báo *Dân Quyền*, *Trời Nam*, *Tiếng Dội*. Đôi khi viết văn trào phúng, nhi đồng ông ký với bút hiệu Viên Tiểu Thơ, còn tiểu thuyết trinh thám ông ký bút hiệu Viên Hoàn.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trên *Phụ Nữ Tân Văn* có những đoản thiên tiêu thuyết của ông như: *Bộ đồ vải trắng*, *Hội bắt ghen*, *Cái thù của tự do*, *Mỹ nơn với văn sĩ*,...

Ông mất ngày 7-12-1957 tại Sài Gòn, thọ 57 tuổi.

Tác phẩm:

Trích văn:

### **Bộ đồ vải trắng** (Tóm lược và trích)

(Trần Văn Thành quê ở làng Đồng Sơn, bị bắt lính năm 22 tuổi. Sau một năm đi lính, anh được về quê. Lương của người lính tập một tháng bảy tám đồng, anh không dám đi xe, phải lội bộ) ... *trên con đường lộ dây thép có một chú lính đi lữ thú, (...) ở dựa lộ có một cái nhà lá nhỏ, có bóng đèn (.....) . Bữa nay vào nhà này đụt mưa, có lẽ phải đụt sáng đêm, thời may lại gặp bà già có con đi lính như mình, và bà muốn biết tin con, cũng như cha mẹ mình muốn biết tin mình vậy. Bà sẽ cho mình đụt mưa, bà sẽ đãi đặng mình trọng hậu, nếu mình cứ nói vùa theo bà, cứ cho bà biết những tin lành của con bà....* Thằng nhỏ tên Ba, mặt tròn, lùn thấp, nó cũng bị trúng lính hồi năm ngoái.

(Sau khi đọc thư của quan ba Dubois báo tin, Thành biết con bà tên Nguyễn Văn Cư đã chết, anh nghĩ nếu giữ im lặng là đã làm tội ác. Anh phải nói sự thật về cái chết của con bà. Nghe xong lời Thành, bà bàng hoàng, sững sốt)... *Bà già té ngồi xuống ghế, khóc rống lên và kêu: Con ôi! Ba ôi! Sao con bỏ mẹ mà đi cho đành!*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

(Biết con đã chết, bà thương người lính tập cùng số phận như con mình, nên chỉ bộ đồ vải trắng tự tay bà vừa mới cất may) ... “*Thôi, cậu lấy bộ đồ ấy mà dùng!*”.



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trên tạp chí *Văn hoá - Du lịch* số 1, bộ mới, ngày 11-11-2012, bài *Đoản thiên tiểu thuyết Bộ đồ vải trắng của Viên Hoành*, tác giả Nguyễn Thị Tường Vi đã có nhận xét:

*Với những trang viết hấp dẫn, Viên Hoành đã trình hiện một vấn đề mới, một nhận thức mới nơi đề tài về con người và cuộc sống thời Pháp thuộc. Nhà văn đã khẳng định ánh sáng tình người nơi nhân vật. Điều làm chúng ta trân trọng những trang viết ấy chính là vì nó lấp lánh vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống. Những thân phận đói nghèo, cô đơn, khổ khổ kia được nhà văn miêu tả thật sống động. Những điều ấy góp phần tạo nên giá trị nhân văn cao đẹp cao đẹp, niềm tin vào con người. Nơi cuối tác phẩm, người đàn bà già nua đã gieo vào người lính tên Thành một niềm tin vào cuộc sống: “Thôi, cậu lấy bộ đồ ấy mà dùng!”*

Tài liệu tham khảo:

- Viên Hoành: Nguyễn Q. Thắng *Văn Học Việt Nam nơi miền đất mới*, trang 1330.
- *Bộ đồ vải trắng* Web: [khoavanhoc-ngonngu.edu.vn](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn)

## 5. Nguyễn Ý Bửu



### Nguyễn Ý Bửu ( ? - ? )

Nhà văn Nguyễn Ý Bửu tự Trọng Thiện năm sanh năm mất chưa rõ, quê quán ông ở Gia Định.

Nguyễn Ý Bửu là nhà văn cùng thời với Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hồng Mưu, Phú Đức ..., từng cộng tác với báo *Lục Tỉnh Tân Văn*, *Công Luận* ...

Các tác phẩm của ông được in ở các nhà xuất bản Xưa Nay, Bảo Tồn, Tín Đức Thư Xã tại Sài Gòn, chưa tìm thấy được nhiều.

Tác phẩm:

- *Cô Ba Trành*<sup>(\*)</sup> (1927)
- *Nỗ tình nổi bạn*

Ghi chú:

(\*) Nhân vật có thật, tên gọi là Trà, tên thật là Liên Từ Tâm, tác giả viết tránh để khỏi đụng chạm.

Trích văn:

HUỲNH ÁI TÔNG

**Cô Ba Trành**

Chương kết cuộc (XVIII)

*Sao lặn, trăng lơ*

Cô ba Trành buôn hương bán phấn bốn năm trời, rốt lại phải bị thảm trạng như các ả lâu xanh đã chịu, là phải mang bệnh phong tình.... Ôi! Tội tà dâm hại người biết mấy ? Sự vui sướng xác thịt kia chẳng có bao nhiêu, mà sự hại về sau rất ghê gớm là thế nào?

Cách hai năm trước nàng mắc phải bệnh hoa liễu một lần, nàng đã xuất tiền mua thuốc “914” và mượn thầy thuốc chích vào gân máu cho nàng, thì bệnh tình cũng thuyên giảm. Đến nay bệnh ấy trở lại mà thuốc men chuyên chữa cũng chẳng công hiệu gì. Mặt mày, tay chơn mình mẩy của nàng đều nổi ghê chốc, tanh hôi khó chịu. Trên đầu tóc rụng, lỗ mũi lở ra, mặt mày xưa kia đẹp đẽ phương phi, nay nổi mụn bầm đen bầm đỏ. Con mắt tèm lem mịt mù nên thắm, trong kẻ răng lại mọc mụn đóng mũ thêm ghê. Trong bàn tay, dưới bàn chân, thấy đều mọc mụn lở ra nhứt nhối.

Đến lúc thân thể xem ra dường ấy, nàng còn mặc quần áo lụa nữa đặng chăng? Nàng còn rước khách phong tình mà kiếm tiền đặng chăng? Ai dám?

Hỡi ôi ! Đến lúc thân dường thế, những phụng chạ loan chung với nàng ở đâu ? Sao chẳng đem tiền mà giúp đỡ thuốc thang giùm cho phận bọt bèo này chút. Nàng nghèo khổ quá, trước cầm vàng, bán chuối, sau lại buôn áo bán quần mà ăn uống, thuốc men. Đến khi tiền hết tật còn, buộc nàng phải xin nằm nhà thương thí trong Gia Định.

Trong lúc bệnh nàng quá nặng, nằm tại nhà thương hiu quạnh một mình, nàng nhớ đến ngày tiền nhứt, nàng thấy rõ hơn tình, xác đã đau, lòng trí cũng đau, thảm thiết bấy cho thân phận người bạc mạng.

Ôi ! Tình ôi ! Mi hại khách đa tình là thế nào ? Sao mi chẳng vì người tài sắc, mà đày đọa thân kia thảm thiết dường này ?

Nhơn tình ôi ! Lúc hoa kia còn xinh tốt, ong qua bướm lại dập diu, đến lúc hoa tàn, bướm ong đâu mất.

Những khách đa tình lúc này làm sao ? Hễ gặp nhau thì bàn luận luận. Đặng khi cô ba Trành nằm tại nhà thương than khóc phận mình bơ vơ tất tưởi, chúng nó lại reo cười nhạo báng rên tai. Kẻ thì nói rằng: “Con ấy *mậu dùng* rồi mà”, người lại nói rằng: “Húy ! Đừng nói tới nó nữa, làng chàng mà phải đẩy tàu vô ụ sửa ống khói đa !”

Ôi ! Nếu trong lúc gian nan khốn cực này mà cô ba Trành còn nghe những lời độc ác dữ dằn như thế thì khác chi sét đánh bên tai. Thấy thân phận nàng cũng rất xót thương mà càng xét đến việc ác đức của nàng cũng nên cho rằng đáng kiếp.

Nàng nằm nhà thương đặng ba tháng rồi chết. Trong mình chẳng có một đồng xu. Bà con thân quyến chẳng một ai, nhà nước phải ra ơn chôn táng.

\*\*\*

Buổi chiều kia trời gần sẩm tối, Một chú lính dẫn bốn tên tội nhơn lại nơi nhà xác, trong nhà thương. Cửa nhà xác vừa mở ra thì thấy một cái hòm để sẵn dưới đất đỏ. Ôi ! Thấy cái hòm này ai cũng đem lòng thương xót. Hòm không sơn phết, không chạm trở hình gì. Đó là của nhà nước mỗi năm xuất tiền đặt cho thợ làm một vài trăm cái hòm để bố thí chôn người nghèo khổ. Thợ làm hòm cho nhà nước miêng đăm cho đủ số hòm mà thôi, cần chi săn sóc cho khéo ích gì. Bởi vậy nên đó chẳng phải là cái hòm, song thật là cái hộp, mà cái hộp ấy ván đóng sơ sài, kẹt ván chỗ dày chỗ hở.

Bốn người tội nhơn tròng hai vòng dây luột ở hai đầu hòm, rồi xỏ cây vào mà khiêng đến nơi phần mộ. Sau hòm người đi đưa

## HUỶNH ÁI TÔNG

chỉ một chú lính đội nón nhọn, bận đồ vàng, chơn vắn vải xanh, cầm một cái roi, thúc hối tội nhơn chôn cho mau mà về cho sớm.

Ôi ! Một cái đám tang của người giàu có long trọng chừng nào, một cái đám tang của người nghèo khổ lại khốn nạn trợ trợ chừng nấy.

Bốn tên tội nhơn khiêng hòm bước đi, hòm lút lắc, xác chết khua động trong hòm. Đến khi khiêng đến nghĩa địa của làng, chúng nó bèn để xuống, lấy cuộc xuống xúm nhau đào một cái huyệt sơ sài, rồi khiêng hòm để xuống mà dập đất lại.

Từ đó, một nắm đất sâu dầu dầu ngọn cỏ, biết cây ai vun quén mộ phần.

Hỡi ôi !

*Sống làm vợ khắp người ta,  
Hại thay thác xuống làm ma không chồng.  
Nào người phụng chạ loan chung,  
Nào người tích lục tham hồng là ai ?  
Đã không kẻ đoái người hoài...*

- 0 -

*Văn của Nguyễn Ý Bửu là văn của tiền bán thế kỷ thứ XX, đã tránh gần khỏi lối văn biền ngẫu, hành văn gãy gọn, lời văn nhẹ nhàng, gây được mỗi cảm xúc trong lòng người đọc.*

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Q. Thắng *Văn Học Miền Nam nơi miền đất mới*, Văn Học, 2007, Tr. 1346-1349

## 6. Dương Minh Đạt



**Dương Minh Đạt ( ? - ? )**

Nhà văn Dương Minh Đạt chưa rõ năm sanh, năm mất. Chỉ biết sinh quán của ông ở Bến Tre.

Những năm 1920-1940, Dương Minh Đạt viết văn, làm báo ở Sài Gòn, từng cộng tác với *Nông Cổ Mìn Đàm*, *Lục Tỉnh Tân Văn*, *Công Luận*...

Tác phẩm của ông in ở các nhà xuất bản Xưa Nay, Bảo Tồn, Đức Lưu Phương ...

Tác phẩm:

- *Tính kế mầu nhiệm* (Xưa Nay, 1926)
- *Anh hùng ba mắt* ( Xưa Nay, 1927)
- *Bình vỡ gương tan* (Xưa Nay, 1927)
- *Hồng hoàng Gia Cát* (Xưa Nay, 1927)
- *Anh hùng hội đào duyên* (Bảo Tồn, 1928)

## HUỲNH ÁI TÔNG

- *Trường tình bí mật* (Đức Lưu Phương, 1929)

- *Khối tình máu nhiệm* (Đức Lưu Phương, 1930)

Trích văn:

### **Anh hùng ba mặt**

(Tiểu thuyết hóa cuộc đời Nguyễn An Ninh, trong truyện đời ra là nhân vật Nguyễn An Minh)

.....

Ông già nghe nói cho rằng phải lẽ nên không gạn hỏi nữa. Khi ra đến huyết hạ rộng xong, Phù Dung đứng ngay trước mộ, tay chọi đầu van vái rằng: “Cha ôi! Chốn tuyền đài xin cha rộng lòng chứng thấy cho con, con mà mang câu trọng tội như vậy, chỉ vì lẽ công bình của trời đất, buộc lòng con phải xa cha đoạn tình phụ tử mấy năm dư, tưởng chờ ngày cha tu tâm đều cha đã làm, con về đáp đền công dưỡng dục sanh ngã cù lao, ôi ! dè đâu lòng trời không chịu ý người, cha đành một giấc xa chơi nơi tiên cảnh xốn xang đau đớn cho nghĩa cha con, cha ôi ! chớ chấp niên con đại, con nguyện đem thân bò liễu mà đáp đền nghĩa vụ cho cha nơi chốn cứu tuyền đặng chúc toại lòng, rồi khi đoạt kỳ hi vọng, dẫu con bị trăm dao ngàn kiếm phân xẻ thịt xương này, con thề cam tâm mà đền tội lỗi, xin vong linh cha dùm chứng cho con...! Nàng vái đến đây đưa tay che mắt hột lụy đanh tròn, sợ người hiểu ý.

Còn An Minh cũng đứng trước mộ ông mà vái những điều chàng làm lỗi, giữa có trời cao biên chép dưới huỳnh đài hình phạt thế nào chàng cũng cam thọ lãnh. Đoạn xong, việc lấp đất rồi, người người đồng trở lại, An Minh cùng Phù Dung về đến nhà làm theo lễ phép thầy chùa, 2 người con ông Lý Quang



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tiền, để tiền ra mà hiến đáp công ơn hai thầy. Cả hai đều nhận lãnh theo lẽ thường cho người đừng hiểu thấy. An Minh có lời rằng: “Thưa hai vị, như hai vị mà có lòng tưởng đến hai tôi, đây rất đội ơn lắm trọng. Vậy xin chùng làm tuần bá nhật cúng giáp niên, mản khó có thể nào nhị vị cho phép hai tôi nhớ ngày xuống, đây nguyện hết lòng cầu kinh cùng bác cho chí cùng, vì tôi được nghe bác, vì nhị vị đây rất yêu mến chẳng phải tôi vì tiền công chi chi, qua sau tôi xin thưa thiệt với nhị vị, chúc công này thọ lãnh mà đền đáp cho đến sau ...mới phi tình ... ái trọng của hai vị đó nhị vị!! Hai người đồng nói: “Được như hai ông mà có lòng tưởng đến trước là cha tôi cùng tôi, thì lấy làm may mắn cho chúng tôi đây lắm. Vậy hai ông cứ việc lo theo lẽ nhớ ngày, những muốm làm chi thì tôi đáp công nhờ đức.” An Minh và Phù Dung thấy hai người em nói vậy thì cúi đầu lui bước... Khi bước ra thì Phù Dung cúi mặt xuống, không dám ngó lên nàng hết sức kèm dòng nước mắt ướt dầm.”

Cả hai đi một đôi xa ... đứng lại ngó chùng Tường Tri, thấy Tường Tri đầu đội nón lá dừa đi theo gần tới. Giây lâu lén đến, cả ba nói chuyện chẳng dứt câu, lần đi cách ba ngàn thước vào một cái lùm cây có một người ở giữ bốn con ngựa, chờ đến trời khuất dần, đồng lên lưng ngựa mà về núi, về đến nơi Phù Dung đã như nhân, mặt hoa ử dột! Nhưng nàng rán gượng cùng An Minh lập ra một cái án thờ tang, vái lạy ông Lý Quang Tiền thờ riêng trên động !

An Minh, Phù Dung, Tường Tri cùng các vị nữ anh hùng đều hội đủ ngồi bàn luận chuyện, An Minh có lời rằng: “Nay tôi xin anh em chị em chúng ta, mỗi vị cần nên lo thế nào hay, điều nào phải, mưu kế sắp bày cho chóng đoạt thành nghĩa vụ với thời kỳ, theo lời thánh nhơn có câu: “Tam ngu thành hiền” xin anh em chúng ta mỗi người chăm lo cho lắm.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cho hay Nguyễn An Minh bề kinh sử lâu thông, tánh chắc lại anh hùng, gan dạ thế nì, mưu kế đường nào ? nào ai không biết: “Thật là đời mới có một, chưa thấy hai !?” Còn như nàng Lý Phù Dung vì cha làm điều tàn ác, buộc lòng nàng vì lẽ phải không tròn chữ hiếu. Mà xét theo đời “công bình” này, không ai bỏ lẽ phải cho đặng ? Không có gì việc nhỏ mà bỏ việc lớn thì trái hẳn luật trời vậy.”

### Chung

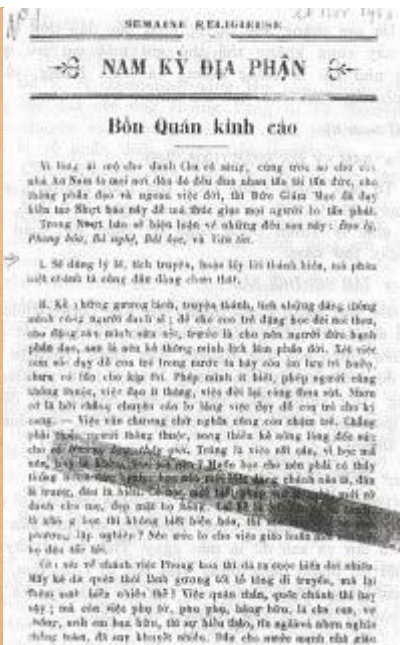
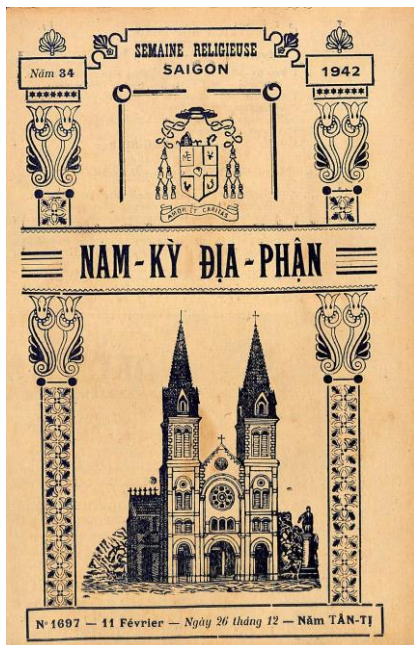
Trong *Văn Học Việt Nam nơi miền đất mới* tác giả Nguyễn Q. Thắng đã có nhận xét về tiểu thuyết *Anh hùng ba mặt*, còn gọi là *Bí mật phi thường* của Dương Minh Đạt như sau:

*Về nghệ thuật, tác giả diễn tả văn chương còn trong truyền thống cổ học chưa đuổi kịp các tác giả đồng thời. Và lại tác giả cũng tỏ ra dễ dãi trong nghệ thuật hành văn, cấu tứ, chính tả .... Đó là những hạn chế của tác phẩm nên không được dư luận đương thời chú ý.*

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Q. Thắng *Văn Học Miền Nam nơi miền đất mới*, Văn Học, 2007, Tr. 1332-1345

Tiết 6: Nam-Kỳ Địa-Phận



Theo Nguyễn Vy Khanh, báo *Nam Kỳ Địa Phận* ra đời vào năm 1908, là cơ quan phổ biến giáo lý và sinh hoạt cho người Thiên chúa giáo, nhưng về sau cũng là cơ quan văn hoá thông tin và văn học đáng kể, được in từ nhà in của Nhà thờ Tân Định, là một trong những nhà in lâu đời nhất ở Nam Kỳ.

Kể từ năm 1916, để cho được nhẹ nhàng hơn, *Nam Kỳ Địa Phận* thêm phần văn học, bắt đầu đăng các truyện sáng-tác trong đó nhân vật, bối cảnh Việt Nam như *Bạch Mai Truyện* của J. Trần T., *Huyền Ngọc Diệp* của T.N.C.T., cùng với các truyện dịch và phóng tác.

Đến năm 1926 báo tăng thêm trang cho phần phụ trương, gồm 4 trang chuyên đăng quảng cáo và truyện, tiểu thuyết. Lúc đầu

## HUỶNH ÁI TÔNG

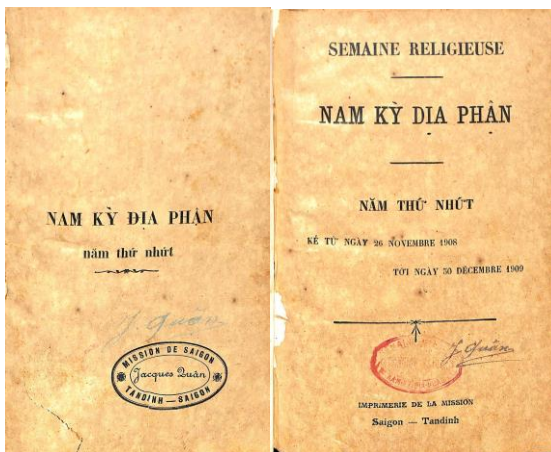
là các truyện dịch hoặc phóng tác phiêu lưu mạo hiểm *Người Mất Sắt* năm 1932, *Mỗi Thù Một Nhiệm* năm 1934, ... và truyện hình sự *Trên Đường Quán Hạt* năm 1932,...

Về năm ra đời của *Nam Kỳ Địa Phận*. Theo tài liệu lưu trữ của Thư viện Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, số 1 phát hành ngày 26 tháng 11 năm 1908. Theo một tài liệu khác của nhà thờ Tân Định cho biết, báo *Nam Kỳ Địa Phận* cũng như ấn quán nhà thờ Tân Định, từ tháng 4 năm 1945 do linh mục Phaolô Vàng đảm trách. Cho nên có thể kết luận báo *Nam Kỳ địa phận* xuất bản năm 1908 và vẫn còn hiện diện đến năm 1945.

Vì là một cơ quan truyền bá giáo lý của tôn giáo, nên *Nam Kỳ Địa Phận* ít được người ta quan tâm, khảo sát cho tường tận nên vẫn còn ít thông tin về tờ báo này, và những nhà văn cộng tác với báo cũng cùng chung số phận.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Vy Khanh *Về một số báo chí Nam-kỳ thời đầu văn-học chữ quốc-ngữ* Web: [namkyluctinh.org](http://namkyluctinh.org)
- Web: <http://thuvienhoidonggiammucvietnam.org/>



Tiết 7: Đại Việt tạp chí



## HUỶNH ÁI TÔNG

Là một tập san do hội Khuyến Học Long Xuyên xuất bản, *Đại Việt tạp chí* do ông Lê Quang Liêm chủ trương và phụ trách chánh trị, ông Nguyễn Văn Cư quản lý, ông Đặng Thúc Liêng phụ trách văn chương và ông Hồ Văn Trung tức nhà văn Hồ Biểu Chánh phụ trách lý tài.



*Lê Quang Liêm cũng gọi là Đốc Phủ Bảy*

Theo tài liệu còn lưu lại *Đại Việt tạp chí* số ra mắt tháng 1 năm 1918, ấn hành được 7 số thì đình bản, chúng tôi trích đăng lại bài sau đây, cho thấy chủ trương, đường lối của tạp chí, nhất là cách hành văn thời bấy giờ.

## 1. Chánh trị khoa quăng cáo đồng nhơn (1)

Cho hay, xưa nay nước nào cũng có một *chánh-thể* riêng, *dân tộc* nào cũng có một tư- cách riêng, *triết-học* gia nào cũng có một tư-tưởng riêng, *báo-quán* nào cũng có một *tôn-chỉ* riêng. Chúng tôi đứng lập ĐÀI-VIỆT-TẬP-CHÍ này, tuy chẳng dám khoe tài công báo, song cũng học đòi theo dấu tiền nhơn, cũng có sấp *tôn-chỉ*, về *chương-trình* riêng, đặng noi lối mà nói, giữ đường mà đi cho khỏi lằm khỏi lạt.

Trộm nghĩ quốc-dân Việt-Nam ta chẳng phải là bọn ăn góc biển, ngủ đầu rừng như dân da-đen *Nam-phi-Châu*, mà cũng chẳng phải sớm rẻ bạn tối vầy đoàn như dân da đỏ *Tân-thế-Giới*. Quốc-dân ta tuy chưa đủ tài đủ trí mà thọ lãnh tiếng văn-minh, song ngoài một ngàn năm xưa, vẫn đã có học thức đủ mà sáng nghiệp trị dân, hiểu đạo đức sáng mà trau dồi nhơn-cách. Thế thì Việt-Nam ta nào có phải là nước giã man chi đâu. Trong chur quốc nay chúng ta thấy phú cường hoành liệt đó, xét theo *Dinh -hoàn* thiết-sử, thì cái lúc *Việt-Nam* ta nhơn-cách đã tập thành rồi, mà nhiều nước ấy hã còn u ám. Tại sao khi trước người ta u ám hơn mình mà nay mình lại ra u ám hơn người? Cái vấn-đề này hể nhắc đến, thì những người có chí nhiệt-thành về tấn-hóa của dân-tộc, ai mà chẳng nát ruột châu mày. Đã biết điều buồn chẳng nên nói đến làm chi; mà xét kỹ, nếu sự buồn chẳng chịu nói ra, thì chỗ buồn ấy chừng nào mới giải được.

Sự vận-động tấn-hóa là cái máy màu nhiệm của Tạo-vật, là cái bước tự nhiên của nhơn-loại. Dân tộc nào khởi đoan cùng phải u ám rồi lần lần học thức học thức càng ngày càng rộng, tư-tưởng cnàg ngày càng sâu, mới chế sửa lối phong-tục cho đẹp xinh, mới khai sáng cuộc lý-tài cho thanh vượng, *Việt-Nam* ta chẳng phải lọt ngoài cái lò vận-động của Tạo-vật ấy được, cũng có tấn-hóa như các nước chớ chẳng không. Quốc-dân ta

mà thua sức người đây là bởi cạnh-tranh khác sức, văn-minh lạ đường (bên Thái-Tây cùng cách trí thiết-hành làm văn-minh, bên Á-đông dung đạo đức tinh thần làm hi-vọng).

Và mười mấy thế-kỷ trước quốc-dân Việt-Nam vẫn đã có sẵn học-thức có sẵn nhơn-cách rồi. Mà từ ấy đến nay, chỗ học-thức ấy chẳng hay biến cải, còn lối nhơn-cách ấy cũng không hay chế sửa. Khi Sĩ-Vương đem sách vở Trung-Hoa qua mà dạy dỗ quốc-dân ta thì quốc-dân cứ noi sách ấy mà tập tu-tướng, cứ vịnh sách ấy mà làm mục-đích. Mười ba kinh, hai mươi bốn sử đều là sách của Thánh-hiền để mà phổ hóa tâm-lý và trí-lực của loài người; ai mà tận độc rồi thì rất thiếu-diêu nơi đường đạo-đức. Cái Chánh-thể và cái nhơn-cách của Việt-Nam ta cũng nhờ ấy mà được đẹp đẽ xưa nay; vậy cũng nên nương gốc ấy cho quốc-hồn vĩnh cửu. Xét lại cái nho-học quý báu biết dường nào. Chớ chi vạn quốc được đồng tâm hiệp ý, thầy đều đem cái nho-học mà truyền dạy các dân-tộc trên địa-cầu, thì cái cảnh tượng thăng bình biết thuở nào xao động được.

Ngặt trên thế kẻ vầy người khác, trong một ngàn mấy trăm năm đã qua rồi, quốc-dân ta thì cứ mải chuyên môn đạo-đức mà làm trí thức, còn các dân-tộc khác thì ngó chôn tranh-cạnh mà lập tinh-thần, niếu cujộc lý-tài mà làm tôn-chí. Ta thì lấy lời hiền ý thánh mà hóa dân, còn người thì đem bát-vật hóa-học dạy chúng. Thuở trước quốc-dân ta xản bản trong nước, như người đóng cửa, ở trong nhà (bể quan tự trị) chẳng hay chẳng biết sự thế vận-động thế nào. Đến khi nhà nước Đại-Pháp qua lãnh quyền giáo hóa quê-hương ta, người bèn mở rộng các cửa ra; khi ấy những trang thức giã dầm thấy công cỏ phong-chào, nhơn-quần tranh cạnh, mới biết chỗ học-thức của người mà mình dồi mài bấy lâu chẳng thích hiệp với thời nghi chút nào hết.



Đại-Pháp bảo hộ và bĩn-chánh nơi đất *Việt* đã gần 60 năm nay, ghe phen đã để ý muốn canh cải phần học-thức của quốc-dân ta, muốn gieo trồng giống thiết nghiệp nơi quê vứv ta, đặng cho dân-tộc ta đủ trí-lực, đủ tài-sản mà lẫn-lộn cùng thời đại. Ngặt chánh-thể của xứ ta cũng có chỗ đáng khen, phong tục của người mình cũng có chỗ đáng mến. Nên Chánh-phủ Đại-Pháp tuy hết lòng muốn giáo hóa quốc-dân ta, mà bấy nay dọn sửa chỗ này, sợ sái với chánh-thể xưa, muốn chế chỗ kia thì e nghịch cùng phong tục cũ. Bởi rứa nên mấy mươi năm nay quốc-dân gần gũi thầy Đại-Pháp là đặng văn-minh cực điểm, mà cái trình-độ của quốc-dân ta không được cao bao nhiêu.

Trong ba năm nay Đại-Pháp ta vì đều công-lý, vì chỗ sanh tôn, mà phải huyết chiến cùng Đức-quốc. Cả toàn-cầu những dân-tộc nào biết mến đều công-nghĩa thì thấy đều nhẩy vào vòng mà tiếp chiến với mẫu quốc ta. Quốc-dân ta là học trò của Đại-Pháp đã mẫn nòng vì nghĩa dạy bảo mấy mươi năm, nên cũng ứng lên; Kẻ thì sang Âu-địa giúp công, người ở nhà thì hết lòng giúp của. Đã biết chiến-cuộc là một mối hại lớn của sanh-linh. Mà nếu nghĩ cho cùng lý thì quốc-dân ta cũng nhờ có chiến-cuộc mới có dịp mà tỏ dạ trung thành với Mẫu-quốc, và mới giải bớt được những phong tục xưa nó bao trùm phần trí-thức và nó rang buộc tánh vận-động dân-tộc ta hơn mấy thế-kỷ rồi.

Cũng nhờ dịp ấy Chánh-phủ Đại-Pháp mới rõ biết quốc-dân Nam-Việt cũng có lòng trung thành nghĩa dũng như dân-tộc khác, mới dòm thấy người Annam đã vậy vùeng muốn thoát khỏi mô-phạm cũ, muốn bỏ hết tư-cách xưa, mà chen vào vòng tân-hóa trên thế giới. Chánh-phủ đoán quyết lúc này là lúc dân tâm đương nhiệt-thành, nên tính thừa cơ mà khai dân-trí, quãn dân-tài, ngõ đặng đến khi bãi chiến rồi, cõi Á-pháp-lang (2) này sẵn sản-vật mà hung vượng lý- tài, đủ trí-lực mà bảo toàn quyền-lợi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Lấy trong hai bài diễn-thuyết của quan Tổng-thống Toàn-quyền *Albert Sarraut* đọc tại Nam-kỳ công-báo hội ngày 30 Octobre 1917 và nơi Đông-pDương Chánh-phủ nghị-viện ngày 31 Novembre 1917 mà suy, thì đủ thấy Chương-trình Chánh-sách (3) của Chánh-phủ. Theo nhng lời ấy thì chánh phủ đương trù hoạch đêm ngày đặng làm cho mau cao sâu chỗ học-thức của quốc-dân ta, mau rộng lớn cuộc lý-tài của quê-vực ta, đặng đủ sức trước là giúp đỡ cho Mầu-quốc phú cường, sau nữa xứng đáng hưởng Đông-Dương tự chủ (4).

Chúng tôi đây vốn là kẻ đã chịu ơn dạy dỗ của nhà nước Đại-Pháp. Nay chúng tôi trộm thấy ý Chánh-phủ muốn Tây Nam liên lạc đặng theo giống văn-minh nơi đường Á-pháp-Lang. Chúng tôi chẳng lẽ lấp mắt ngơ tai cho đành. Vậy chúng tôi ra lập *Tập-chí* này là cố ý muốn giúp cho Chánh-phủ trong đường khai hóa cõi Việt-Nam và lại giúp cho đồng-bang trong bước tấn hóa nơi thiệt học.

Ấy là Tôn-chỉ của chúng tôi đó. Còn Chương-trình của chúng tôi, thì chúng tôi cũng xin bày tỏ luôn ra sau đây cho Đồng-bang nhĩ giám.

Chúng tôi lập ĐẠI-VIỆT-TẬP-CHÍ này chẳng hề dám sánh long viên đại như ĐÔNG-PHƯƠNG TẬP-CHÍ bên *Trung-quốc*, hoặc tính luận cao sâu như NAM-PHONG TRẠP-CHÍ ngoài *Bắc-kỳ*. Chỗ chủ ý của chúng tôi là tầm thường mà thôi; chúng tôi duy muốn buộc tình than ái của Pháp-quốc với Việt-Nam, muốn truyền tư-tưởng mới, muốn tỏ môn thiệt-học, ngõ giúp quốc-dân muôn một trong đường tấn hóa.

Nương theo chủ ý đó nên chúng tôi mới chia Đại-Việt-Tập-Chí ra năm khoa:

1<sup>o</sup> *Chánh trị khoa*

2<sup>o</sup> *Lý-tài khoa*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

3<sup>0</sup> *Bát học khoa*

4<sup>0</sup> *Đông Tây thời-vụ.*

5<sup>0</sup> *Âu Á từ đàng.*

Khoa *Chánh-trị* thì chúng tôi đề mà báo cáo cho quốc-dân hay biết những lề luật, nhng châu-tri cùng những nghị định mới của Chánh-phủ bàn hành mà phổ hóa cõi Việt-Nam mà củng để mà trình tỏ cho Chánh-phủ thấu hiểu chỗ ham chỗ muốn của nhơn dân, ngõ đặng trên dưới thông tình cho mau lẹ bề tấn hóa.

Khoa *Lý-tài* thì chúng tôi đề mà luận những vấn đề thuộc về thương-cổ, nông tang, công nghệ và bày tỏ chư môn thiết-nghiệp cho quốc-dân thông hiểu đặng mà khai quảng tài nguyên, cạnh tranh quyền lợi.

Trong khoa *Bát-học* thì chúng tôi phiên dịch những pháp luật, địa-dư sử-ký, cùng những sách bát-vật, hóa-học, y-học, triết-học, v.v. đặng cho những người lớn tuổi và không tập tân-học có thể mà phổ thông theo trí lực mới, theo tư tưởng lạ, phòng hiểu máy vận động nơi Hoàn-vũ.

*Đông Tây thời vụ* là để ý cáo báo cho quốc-dân biết tin tức Âu-châu chiến cuộc cùng Trung-quốc sự tình và các thòi sự lạ xảy ra trên Hoàn-cầu.

*Âu Á từ đàng* là để phiên dịch nhng Sử, Sách, Truyện, Ký, Ca, Phú, Thi, Văn, của Pháp, Việt và Trung-Hoa, hoặc y cách điệu mà làm ra quốc-âm, song lựa lấy chỗ nào cho có quang hệ phong-hóa giáo-dục trong thời-đại mới này mà ngâm vịnh, lại có ý dòi sửa nôm na tom góp làm ra Kinh-tế-quốc-văn cho dăng tiện, ngõ hầu bổ ích về tương lai.

Chương-trình Tập-chí chúng tôi sắp như thế. Mỗi khoa chúng tôi có đặt một Chủ-bút riêng. Năm Chủ-bút mỗi người lãnh phần quản-lý và nghị luận những vấn-đề thuộc về khoa của mình. Nhng đấng văn-nhơn, Bát-sĩ trong Việt-Nam ông nào có

## HUỶNH ÁI TÔNG

chỗ kiến-thức chi quí, xin biên rồi gửi đến cho chúng tôi thì chúng tôi sẽ hoan-nghinh mà ấn hành.

Cỡ chỉ của chúng tôi làm đây là chủ ý giúp ích cho quê-vực. Nếu Văn-nhơn, Bát-sĩ, Phú-hộ, Hào-gia, có lòng chiếu cố giúp cho hoàn-toàn sự ao-ước của chúng tôi thì Việt-Nam hạnh thậm, Quốc-dân hạnh thậm.

Longxuyên Khuyển-Học hội  
ĐẠI-VIỆT-TẬP-CHÍ

### BIÊN TẬP GIẢ

Chánh-trị khoa; THỨC-THANH LÊ-THỊ  
Lý-tài khoa; BIỂU-CHÁNH HỒ-THỊ  
Bát-học khoa; ĐỊNH-CHI NGUYỄN-THỊ  
Đông-Tây thời vụ; THƯỜNG-TIÊN LÊ-THỊ  
Âu Á từ đàng; THỨC-LIÊNG ĐẶNG-THỊ

### ĐỒNG PHI LỘ

- 
- (1) Lời Tựa của Đại Việt Tập Chí xuất bản tại Long Xuyên vào tháng Giêng năm 1918. Chúng tôi giữ nguyên văn, không sửa chữa từ ngữ và chánh tả, để thấy cách hành văn và chánh tả thời đó ở miền Nam Việt Nam.
  - (2) Á-pháp-Lang, nước Pháp nơi Á-Đông, la France d'Asie.
  - (3) Chương trình chánh sách.- Cách sắp đặt mà trị dân trị nước (Programme politique)
  - (4) Đông Dương tự chủ- Minh trị lấy mình (Indichine autonome)

Và chúng tôi đăng lại hồi ký *Một tháng ở Nam Kỳ* của Phạm Quỳnh đăng trên *Nam Phong* tạp chí có liên quan đến tạp chí này để được rõ hơn:

## 2. Một tháng ở Nam Kỳ

.....

Chừng 7, 8 giờ tối thì tới Long Xuyên. Long Xuyên như chia ra hai tỉnh khác nhau: một bên là chợ có hàng quán phố xá đông, một bên là tỉnh, có dinh các quan và các công sở. Tàu đến chợ trước, rồi mới đến tỉnh, cách nhau một thôi đường dài. Quan Phủ đã dặn trước đừng ghé vào chợ phải đi về xa, đến tỉnh hẵng lên thì tiện hơn. Tôi cũng y lời, đợi cho tàu đỗ ít lâu, rồi quanh lại tỉnh, bảy giờ mới lên bộ. Bên chợ còn đông đúc, kẻ đi người lại, đèn lửa sáng quang, bên tỉnh thì tối mò, vài mươi thước mới có một cây đèn lo ló, không rõ đường đi. Vẫn chắc bụng rằng quan Phủ tiếp được dây thép thế nào cũng cho người ra đón, kéo mới đến xa lạ khó tìm được nhà. Lên đến bến, nhìn trước nhìn sau chẳng thấy ai cả, phần nhiều hành khách ghé bên chợ hết, chỉ còn một mình với vài người nữa, người ta đi thẳng về nhà, còn mình đứng đấy. Nhận kỹ thật không thấy ai là người ra đón, bèn kêu cái xe bảo kéo về nhà quan Phủ. Té ra quan Phủ cùng cả quý quyến sang chơi bên Cù lao Giêng tự mấy bữa trước, chừng mai mới về. Cái dây thép mình đánh sớm hôm nay tên người nhà có tiếp được mà quan đi vắng không dám dờ xem, không biết chuyện gì. Chắc quan Phủ tiếp được thư đã lâu cũng có ý chờ đợi, nhưng vì mình khó ở chưa đi ngay được, lại khi tới Mỹ Tho lần nữa ở những mấy ngày, nên ngài không biết chừng nào tới mà đợi, thành ra hai bên mới gặp nhau như vậy. Quan Phủ đã vắng nhà, bèn mượn người đưa sang ông quản lý Đại Việt tạp chí là

## HUỶNH ÁI TÔNG

ông Nguyễn Văn Cư. Ông cũng đi dự tiệc vắng, đợi ít lâu mới thấy về. Ông tiếp tử tế lắm, nói rằng quan Phủ có nói chuyện mình về chơi, nhưng không rõ ngày nào nên không biết mà ra đón trước, ông lấy làm tiếc lắm. Ông giữ ở chơi ngay nhà ông tức là tòa báo Đại Việt vậy. Bạn đồng nghiệp mà lại là đồng chí, vẫn biết tiếng nhau đã lâu, nay được gặp mặt còn gì vui bằng! Ông nói nếu Phủ đài có đây thì còn vui lắm nữa, vì ngài thật là người tốt bạn và mến khách, nhất là bạn tri thức, khách văn chương thì lại càng quý lắm. Ông cũng là người ôn hậu, chân thực và giản dị lắm, giao tiếp tự nhiên như thường, không có chút kiêu sức gì. Hết nỗi hàn huyên đến chuyện chức nghiệp, ông nói chuyện Đại Việt tôi nghe, tôi nói chuyện Nam Phong ông rõ. Càng biết lịch sử nhau, càng rõ sự nghiệp nhau, lại càng hiểu cái chủ nghĩa, cái tôn chỉ thật có một không hai, kẻ Nam người Bắc thật là cùng theo một mục đích chung, tức là thâm nhập các tư tưởng học thuật mới của Thái Tây, duy trì nền đạo đức quốc túy cũ của nước nhà, và thứ nhất là gây dựng lấy một nền quốc văn cho xứng đáng. Các bạn Long Xuyên cũng là chỉ vì một cái mục đích cao đó mà mở ra tập Đại Việt, không phải vì sự doanh lợi gì. Nên các nhà giúp bút vào báo là lấy cái hảo tâm, lấy cái nghĩa vụ mà giúp cả, không phải vì lợi gì, vì báo có tư bản đâu mà cung cấp cho xứng đáng được. Nguyên báo Đại Việt là tự quan Phủ Bày xướng suất ra, các hội viên hội Khuyến học Long Xuyên tán thành vào, nay làm cơ quan của Hội. Hội xuất tư bản để in mấy số đầu, mong rằng báo phát hành tốt thì chẳng bao lâu cũng có cơ đủ cung sự kinh phí được, không cần phải đợi trợ cấp ở ngoài. Mới xuất bản đã được tới ngót ngàn người mua đồng niên, nhưng phần nhiều còn chưa trả tiền cả, nên việc lý tài của báo còn chưa lấy gì làm dư dả lắm. Lại thêm các ông soạn báo phần nhiều là những chân làm việc Nhà nước cả, không kể bận việc

quan không chuyên cần được lắm, lại còn có khi phải đổi đi nơi khác, tòa soạn không thể tổ chức cho vững vàng nhất định được. Đó cũng là một cái nhược điểm cho tiền đồ báo Đại Việt vậy. Hiện mấy người chủ trương trong báo thì có quan Phủ Bầy, chuyên về khoa chánh trị, ông Nguyễn Văn Cư chuyên khoa pháp luật lại kiêm quản lý, ông Hồ Văn Trung chuyên khoa lý tài, ông Đặng Thúc Liên chuyên khoa văn chương. Tuy có tày tài phân nhiệm cả, bề ngoài thì coi là chỉnh đốn hoàn bị lắm, mà kỳ thực quan Phủ Bầy bận việc quan, ông Trung mới phải đổi về Gia Định, ông Liên thì ở tận Sa Đéc. Duy có ông Cư đã xin thôi việc Nhà nước ra mở một phòng biện sự riêng, là còn chút thì giờ thư thả mà chăm nom về việc báo được. Ông phàn nàn với tôi rằng một mình đương mọi việc, thật là khó nhọc quá. Ông thấy tôi ngao du tưởng được nhàn hạ lắm, không biết cái phần việc của tôi cũng chẳng nặng nhọc kém gì ông. Một mình coi việc biên tập, việc xuất bản một tập báo trăm trang, muốn làm cho xứng nghĩa vụ, thiệt không phải là một việc dung dị tầm thường vậy. Nhưng mà thôi, đã để mình vào báo giới phải biết rằng nghề này chưa phải là chốn sinh nhai dễ dàng, phải lấy hết lòng nghĩa vụ mà làm cho xứng chức, chẳng quản chi những sự nhọc nhằn, đường hơn thiệt. Vả đã tự phụ ra đương một phần ngôn luận trong quốc dân, đương lúc trong nước hiếm kẻ nhân tài, dầu nặng nhọc đến đâu mà nỡ bỏ cho đành. Nếu cố động được điều hay, truyền bá được lẽ phải, có ích cho nước nhà, có lợi cho xã hội, đó tức là cái thưởng vô hình của bọn mình vậy. Thiệt tưởng cái thưởng đó cũng đủ cao quý mà đền cho cái công phu tâm huyết của mình những khi đêm khuya thanh vắng một bóng một đèn, ngồi kỳ khu cặm cụi trước tờ giấy trắng ống mực đen mà đào gan nạo óc để mong đem những lời thiết thực cảnh tỉnh cho bạn đồng bào. Ôi! Cái thiên chức của nhà làm báo, há phải là sự

## HUỶNH ÁI TÔNG

*thường ru? Lấy báo làm một kế doanh nghiệp thường thì thật là cái kế cùn, không tài nào thành công được, và cứ tình hình nước mình sớm trưa tất đến phá sản; lấy báo làm một cái nghề vụ cao, đủ khiến cho mình hết tài hết sức mà làm cho trọn, đừng quản những sự thiệt thòi khó nhọc, thì thật không có nghề gì cao thượng bằng. Nói tóm lại thì nghề báo bây giờ chưa lấy làm một kế sinh nhai, một đường doanh nghiệp được, phải coi là một cái nghề vụ và cần đến những người có bụng có chí hơn là những người có của có tài. Nếu có tài có của mà lại có chí có bụng nữa thì còn gì hay bằng, nhưng có tài mà muốn lợi dụng cái tài ấy để cầu lấy sự phú quý cho mình, có của mà muốn lợi dụng cái của ấy để sinh sôi nảy nở cho nhiều, thì báo giới quyết không phải là một nơi trường sở tốt cho những người yêu hãnh như vậy.*

*Tuy vậy, xét tình hình báo Đại Việt như trên kia đã nói thì cũng là một việc nặng nhọc cho ông Nguyễn Văn Cư vậy. Tôi có bàn với ông nếu hợp một được Đại Việt với Nam Phong mà làm một cái tạp chí chung cho cả Nam Bắc thì hay lắm. Ông lấy làm đậm lắm, quan Phủ Bày cũng ưng như thế và cả hội Khuyến học Long Xuyên cũng tán thành. Nhưng còn phải đợi cho công việc Đại Việt thanh thả cả, phải đợi cho sổ sách kết toán đâu vào đấy, rồi mới có thể nghĩ cách thực hành được cái lời bàn ấy. Nếu sớm trưa thành được thì còn gì hay bằng.*

*Ông Cư giữ ở luôn nhà. Bữa sau ông giắt đi chơi chợ và dạo quanh trong thành phố, lại giới thiệu cho quen biết các quan lại trong hàng tỉnh. Tỉnh Long Xuyên này không có gì lạ cả, sánh với các nơi khác thì cũng là một tỉnh ly nhỏ. Tự bên tỉnh sang bên chợ đi qua cái cầu dài; bên tỉnh thời tẻ lắm, là chốn làm việc quan và nơi quan lại ở mà thôi, bên Chợ thì có tấp nập một chút, nhưng sự buôn bán công nghệ cũng chẳng có gì.*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Buôn bán thì vào cả tay các Chú đặt phố chung quanh Chợ, công nghệ thì hầu như không có. Tỉnh Long Xuyên này là một tỉnh thuần chuyên nông nghiệp mà thôi. Nghe nói ở Cù Lao Giêng có dệt the dệt lụa, nhưng chừng mới thí nghiệm làm nhỏ, chưa thành công nghệ gì...*

*Xưa như nhà nho ta cùng học một đạo thánh hiền, cùng theo một đường khoa hoạn, đã quen biết nhau để thành bạn chí thiết. Cái giao tình của các cụ ngày xưa còn thâm thiết biết bao nhiêu! Ngày nay trong bọn tây học cũng vậy: cùng học một đường, cùng ra một trường, cùng thi một lớp, khó gì mà không chóng thân mật được. Thí như các hàng quan lại ở Long Xuyên, tuy về đường giai cấp quan hàm có người mới kẻ cũ, kẻ thấp người cao, mà cũng là một bọn tây học, các ông cũng là do chân các thầy mà ra, các thầy rồi cũng thẳng tới các ông, bấy nhiêu người cùng có một cái gốc giáo dục như nhau, lại là những người bụng dạ tốt cả, thì khó gì mà chẳng coi nhau như anh em một nhà vậy. Cho nên nói rằng bất luận cái giá trị của sự giáo dục thế nào, phàm người ta hễ đã có cái giáo dục giống nhau thì dễ thân cận nhau lắm, như người cùng một nền một gốc mà ra. Xét về phương diện ấy thì dù tây học, dù nho học, đã thành một nền giáo dục phổ thông để gây nên đoàn thể nhất trí. Nếu cái giáo dục ấy lại là cái giáo dục chánh đáng, hợp lẽ, phải đường, mà phổ cập được suốt trong quốc dân, thì còn thế lực gì mạnh bằng? Biến hóa được xã hội, chuyển dịch được nhân tâm, dựng được nhà, gây được nước, cũng bởi cái thế lực ấy. Sự giáo dục thật là có cái sức “kết tinh” (puissance cristallisatrice) rất mạnh: lấy những người tính chất rất khác nhau mà hóa hợp lại thành một đoàn thể cố kết được. Nếu biết khéo lợi dụng cái sức đó cho phải đường thì làm gì mà chẳng được. Đó là cứ lý tương mà nói, cứ thực sự thì trong một xã*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*hội nhỏ cái gương tốt của người trên cũng mạnh lắm. Như ở Long Xuyên này nghe nói cách giao tế của các quan lại sở dĩ được hồn hậu như thế cũng là bởi cái gương tốt của quan Phủ Bấy một phần vậy. Ngài lấy sự bình đẳng tự do, tình thân ái đôn hậu mà xử với các bằng bối, tất ai ai cũng bắt chước mà xử lẫn nhau theo một cách như vậy. Một người hay thật là một cái nguyên động lực rất quý cho xã hội. - Ấy thanh danh quan Phủ Bấy to rộng như vậy, nay chỉ mong đợi ngài kịp về mà tiếp mặt cho phỉ lòng.*

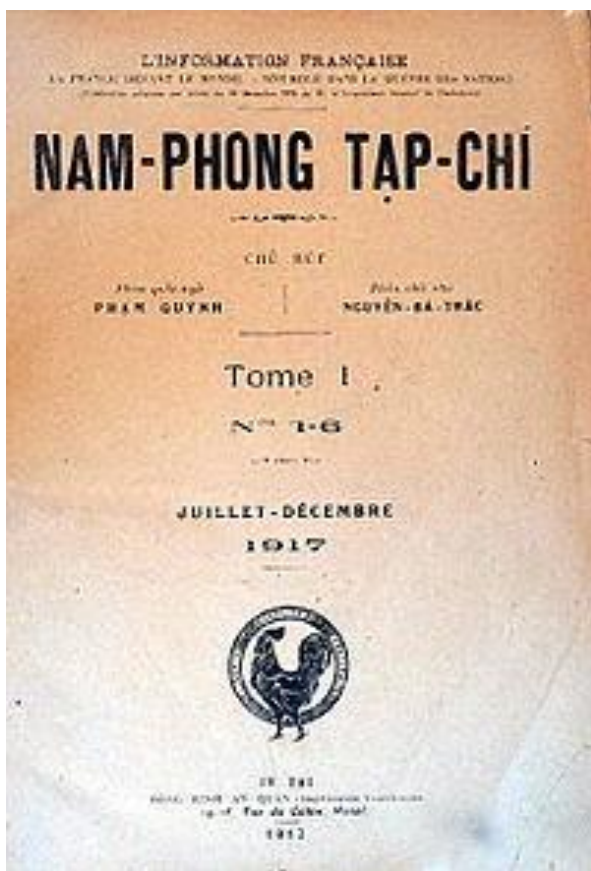
*Phủ đài mãi đến chiều bữa sau mới về. Ngài vốn vãn ân cần, phàn nàn rằng không có ở nhà bữa mới tới. Ngay lúc mới tiếp đã biết là người đôn hậu, rồi càng quen thân mới càng rõ cái tính tình trí thức khác người. Có lắm người có cái thanh danh quá đáng, khi gặp mặt không được bằng lúc mới biết tên. Quan Phủ đây thì thật là xứng cái tiếng ông quan cần, người bạn tốt, và là một tay nhiệt thành muốn khai hóa cho dân trí nước nhà, mở mang những lợi nguyên trong nước. Ngài cũng là một người giàu cái bụng nghĩa vụ, hạng người đó nước ta hiện còn hiếm lắm. Có giàu cái bụng nghĩa vụ mới biết trọng việc công ích hơn việc tư lợi, biết ra công khởi xướng những công cuộc không ích lợi riêng cho mình mà ích lợi chung cho cả quốc dân xã hội. Một nước như nước ta trăm mối còn phải chỉnh đốn cả, nghìn việc còn phải sắp đặt hết, dân trí chưa khai thông, thế nước còn kém cõi, người hèn của hiếm, tài mọn được sợ, rất cần phải có những người biết vị nghĩa vụ như vậy. Chớ những kẻ dù tài giỏi khôn khéo đến đâu mà chỉ biết khu khu một mình, mài miệt trong cuộc danh lợi riêng, đi một bước sợ ngã, làm một việc sợ thua, coi cái danh dự con con, cái địa vị hẹp hòi của mình làm trọng hơn là cái vận mệnh trong nước, sự sinh tồn của dân, tương nước đổ dân tan mà cái sự lợi lộc riêng của*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*mình còn trọn vẹn cũng chẳng động lòng, những kẻ như vậy thì tài mà làm chi, giỏi mà làm chi, khôn ngoan khéo léo mà làm chi, ngoài cái nhân thân của mình còn có bổ ích cho ai, thật là những nhân tài vô dụng cho nước vậy. Cho nên một nước hơn hay kém, thịnh hay suy, không một bởi nhân tài nhiều hay ít, thực bởi cái bụng nghĩa vụ thấp hay cao vậy.*

.....

*Hà Nội, tháng 11 năm 1918 - tháng 1 năm 1919*



## HUỶNH ÁI TÔNG

Tưởng cũng nên nhắc lại, thời gian ở Cà Mau năm 1912, Hồ Biểu Chánh sáng tác *Ai làm được?* Đến năm 1922 mới nhuận sắc, tức là sửa chữa lại để in thành sách. Cho nên trên *Đại Việt tạp chí*, ông phụ trách về vấn đề kinh tế tài chánh thời đó.

Tài liệu tham khảo:

- *Một tháng ở Nam Kỳ* Web: [kinhdotruyen.com](http://kinhdotruyen.com)





Tiết 8: Công Luận báo

SỐ 2236

MỨC SỐ SẴN XU

TÒA SOẠN

108, QUẬN PHƯỜNG SAIGON

Giấy phép số: 108

ADDRESSE TELEGRAPHIQUE

COMLINAQ SAIGON

# Công-Luận

—————

XUẤT BẢN THƯỜNG NGÀY NĂM GIỜ SÁNG

MỨC SỐ SẴN XU

Thứ bảy 29 April

1933

Ngày mùng năm

Tháng tư (tháng)

Năm quý-giàu

Trung - Nhứt chiến tranh

## TỔNG-TRIẾT-NGUYỄN

# LẤY LẠI HI-PHONG-KHAU

### Bình Nhứt rút ra khỏi Gò-bác-khâu

—————

Nga với Nhứt sắp đánh nhau chăng?

**KIỆT KHÍCH LÀM CHI**

**TÔI ĐÃ NƠI TÔI PHÂN ĐỐI**

**ĐEN CUNG KHA MÃ!**

... (text continues) ...

**CÂU CHUYỆN**

**HÀNG NGÀY**

Công là tư bản mất!

... (text continues) ...

**MỘT NGƯỜI**

**SƠN-DÀ-TỬ-TU**

**đồng súng mà**

**bầu vào cơ**

... (text continues) ...

**ÔNG ROOSEVELT**

**và ông**

**HERRIOT**

**noi chuyện giải binh**

**và phòng-thủ**

... (text continues) ...

**DAI-BIỂU DƯC QUA DƯ**

**cước đăm-phấn**

Tại Sài Gòn, tờ báo tiếng Pháp *Opinion* của Jules Haag, năm 1916 cho ra đời phiên bản tiếng Việt có tên là *Tân Đới Thời Báo*, phát hành ngày Thứ Ba và Thứ Sáu do Lê Sum làm chủ bút, Năm 1917, Lê Sum rời *Tân Đới Thời Báo*, làm phụ bút *Nam Trung Nhứt Báo* của Nguyễn Tử Thức. Sau đó, vào năm 1918, *Tân Đới Thời Báo*, đổi tên là *Công Luận Báo* trở thành nhật báo, giám đốc là người Pháp, ông L. Hélorury, Tổng lý là ông Nguyễn Kim Đính.

Những nhà văn đã cộng tác với *Công Luận Báo* trong giai đoạn này có Biền Ngũ Nhy, Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Nam Đình...

## HUYỀN ÁI TÔNG

Sau khi tờ *Thần Chung* bị nghị định của Toàn quyền Đông Dương ký ngày 25-3-1930, cấm lưu hành. Nguyễn Văn Bá từ báo *Thần Chung* sang làm chủ bút cho *Công Luận Báo*, rồi từ chức, nhà văn Phú Đức thay thế, rồi lại từ chức vào tháng 8-1931, Nguyễn Văn Bá trở lại vào làm chủ bút cho đến tháng 1-1932, thì Võ Khắc Thiệu thay thế.

Sau đó, Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Văn Bá mua lại báo *Công Luận Báo*. Số đầu bộ mới ra ngày 28-4-1932 với một bộ biên tập gồm: Diệp Văn Kỳ, Nguyễn Văn Bá, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Tùng Lâm Lê Cương Phụng, Ngô Tất Tố, Hồ Hữu Tường, Trần Đình Khiêm, Hoàng Tân Dân, Nguyễn Thương, Hà Trì (Bửu Đình), Đỗ Thanh Phong...

Trên trang mạng *Thất Sơn Châu Đốc*, bài *Đi tìm ông chủ bút* của Nguyễn Ngọc Phan cho biết *Công Luận* báo số cuối cùng là 9021, ấn hành tháng 10 năm 1939.

Tài liệu tham khảo:

- *Công Luận Báo* Web: [namkyluctinh.org](http://namkyluctinh.org)



*Công Luận ngày 11 tháng 4 năm 1922*

## 2. Biên Ngũ Nhy



### Biên Ngũ Nhy - Nguyễn Bính (1886-1973)

Nhà văn Biên Ngũ Nhy tên thật là Nguyễn Bính sinh năm 1886 tại Trà Vinh Ông học tại trường Collège Le Myre de Vilers Mỹ Tho, rồi trường Thuốc Hà Nội. Ông tốt nghiệp y sĩ Đông Dương khóa đầu tiên của trường Thuốc Hà Nội. Khi còn đi học, ông có làm thơ Đường và viết sách lấy bút hiệu là Biên Ngũ Nhy - dùng những chữ trong tên Nguyễn Bính sắp xếp thứ tự lại. Biên Ngũ Nhy là bạn đồng học với bác sĩ Diên Hương Trần Ngọc Ân tác giả *Tự điển thành ngữ điển tích* (tự xuất bản, 1949)

Từ khoảng 1917, ông đã giữ mục "Mật thám truyện" trên *Công Luận báo*, chuyên dịch các tác phẩm trinh thám nước ngoài ra tiếng Việt như *Chuyện Ác Lai Ác Báo*, in đến kì 51, ra ngày 19-4-1917, chưa kết thúc; *Chúa Bọn Sở Khanh* khởi đăng từ số 304, kéo dài từ ngày 9-4-1920 cho đến số 326, ra ngày 6-7-1920. Tác phẩm sáng tác hoàn chỉnh đầu tiên là *Kim Thời Dị Sử - Ba Lâu rờng nghề đạo tặc* (khởi in trên Công luận báo từ năm 1917 đến 1920) đã được đánh giá rất cao của văn giới đương thời qua những bài bình luận trên các báo.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhân vật chính trong truyện là Ba Lâu - bị ảnh hưởng rất lớn từ Arsene Lupin của M. Leblanc - chuyên cướp của người giàu bất chính để tặng cho các trại trẻ mồ côi, chuyên đánh cảnh cáo những kẻ bắt lương, bênh vực người yếu thế. Kết cấu của tiểu thuyết này khá hiện đại, cũng như một số tác phẩm khác cùng thời như *Hoàng Tố Anh hàm oan* (1910) của Trần Chánh Chiêu, *Phan Yên ngoại sử* (1910) của Trương Duy Toàn, *Ai làm được* (1922) của Hồ Biểu Chánh..., nó đã vượt qua tính chương hồi, biên ngẫu.

Toàn bộ, *Biển Ngũ Nhy* có 12 tác phẩm cho các thể loại sáng tác, dịch, nghiên cứu. Riêng về sách y khoa, ông chuyên viết về khoa học tính dục, như các cuốn *Phong tình bệnh chứng*, *Nam nữ hôn nhân – Sanh dục vệ sinh...*

Ông có tất cả 11 người con, gồm 4 trai, 7 gái. Trong số đó có ông Nguyễn Bính Tiên là dược sĩ kiêm tiến sĩ khoa học, từng có nhà thuốc tên Pharmacie Tiên ở đường Bonard, nay là Lê Lợi, ngang bệnh viện Saigon và ký giả, nhà văn An Khê Nguyễn Bính Thịnh, nhà văn chuyên viết tiểu thuyết feuilleton vào thập niên 1950 tại Sài Gòn.

Ông mất ngày 22-7-1973, tại Phú Nhuận, Sài Gòn, hưởng thọ 87 tuổi

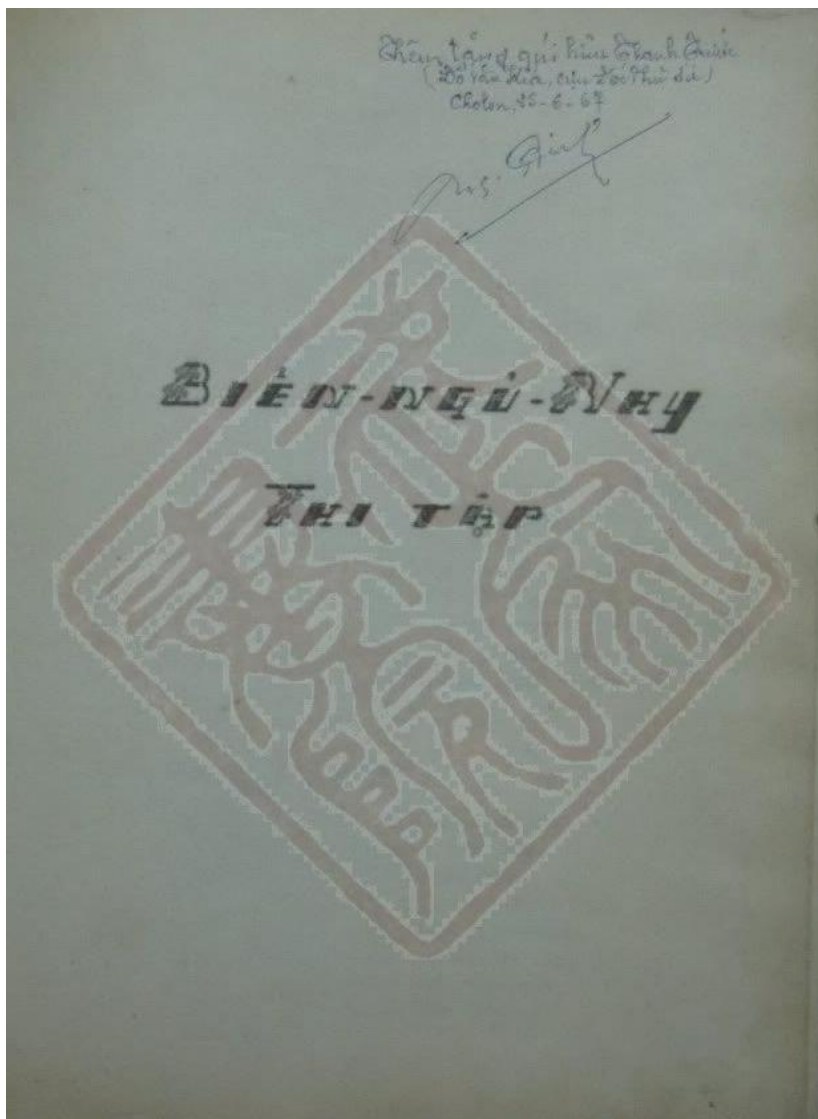
Tác phẩm:

- *Kim Thời Dị Sử* (Imp. Moderne L. Héloury S. Moutégout, 1921)
- *Biển Ngũ Nhy thi tập* (tác giả xuất bản, 1967)
- *Chủ nợ bất nhon*
- *Phong tình bệnh chứng*



BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- *Nam nữ hôn nhân*
- *Sanh dục vệ sinh*



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Tiểu thuyết hành động vào đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ*, tác giả Võ Văn Nhơn đã có nhận định như sau về tác phẩm của Biền Ngũ Nhy:

*“Kim thời dị sử” của Biền Ngũ Nhy cũng có kết cấu khá hiện đại, không theo lối kết cấu chương hồi, không có lối văn biền ngẫu mặc dù là quyển tiểu thuyết trinh thám đầu tiên của Việt Nam. Truyện xoay quanh hoạt động của nhân vật chính là tướng cướp Ba Lâu, mỗi phần là một cốt truyện nhỏ tương đối độc lập nhưng đều gắn với một chủ đề trung tâm: Ba Lâu rùng nghề đạo tặc. Mỗi lần hành sự một vụ cướp ở đâu đó thì một cốt truyện được hình thành trên cơ sở: chuyện nào xảy ra trước nói trước, chuyện nào xảy ra sau nói sau.*

*Cốt truyện có những tình tiết ly kỳ hấp dẫn, thắt mở rất hợp lý, đầy kịch tính và thu hút người đọc từ đầu đến cuối, khả năng trần thuật linh hoạt, mạch lạc, sự việc diễn biến dồn dập, mau lẹ, cho dù còn nhiều chi tiết sắp đặt lộ liễu và sự kiện thiếu logic vẫn đề khi phán đoán, suy xét.*

Tài liệu tham khảo:

- Biền Ngũ Nhy Web: [sachxua.net](http://sachxua.net)

### 3. Nam Đình



Nam Đình Nguyễn Thế Phương Sài Gòn 1960  
Đình Công Thanh (Thiện Mộc Lan) st

#### **Nam Đình - Nguyễn Thế Phương (1907-1978)**

Ông Nam Đình còn có bút danh khác là Nguyễn Kỳ Nam, tên thật là Nguyễn Thế Phương, nguyên quán tỉnh Long An.

Ông làm phóng viên của nhiều tờ báo, chuyên về tin tức tòa án. Từng chủ trương tờ *Đuốc công lí* rất giá trị tại Sài Gòn trước năm 1945; nhất là tờ nhật báo *Thần Chung* do ông tục bản, vừa làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, nổi tiếng trong báo giới miền Nam, với chủ trương thống nhất tổ quốc, nhằm chống lại nhóm báo phân ly của chính phủ "Nam Kỳ tự trị" Nguyễn Văn Thinh.

Năm 1945 ông làm Đồng lí văn phòng bộ Tư pháp của Bộ trưởng Trịnh Đình Thảo trong nội các Trần Trọng Kim ở Huế.

Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 ông bị nhóm "Nam kỳ tự trị" khủng bố, tòa soạn báo *Thần Chung* bị đốt cháy, sau đó báo tục bản đến năm 1954. Sau hiệp định Genève ông bị chính quyền Ngô Đình Diệm khủng bố mãi đến sau năm 1963 ông

## HUỶNH ÁI TÔNG

mới cầm bút lại đều đặn trên các tờ *Đuốc Nhà Nam*, *Dân chủ mới*. Một thời gian dài trên các báo vừa dẫn các mục *Bài học lịch sử* và văn học đều do ông viết nhưng được ký với bút hiệu Thiếu Sơn để tránh kiểm duyệt và tăng giá trị tờ báo.

Năm 1977, tuổi già, bệnh nặng, ông được hai người con gái (Nguyễn Thị Cẩm Vân, Nguyễn Thị Cẩm Hương) bảo lãnh sang Pháp trị bệnh. Ông mất tại Pháp ngày 29-1-1978 tại Pháp, thọ 72 tuổi.

Từ thuở thanh xuân cho đến cuối đời, ông cũng có viết nhiều bộ tiểu thuyết được độc giả hoan nghênh:

- *Mộng hoa* (Tam Thanh, 1928)
- *Bó hoa lài* (Phạm Văn Thịnh , 1930)
- *Túy hoa đình* (tiểu thuyết, Bảo Tồn, 1930)
- *Khép cửa phòng thu* (Bảo Tồn, 1930)
- *Vô oan trái* (ái tình tiểu thuyết, Nhà in J.Viết, 1931)
- *Chén thuốc độc* (Phạm Văn Thịnh , 1932)
- *Giọt lệ má hồng* (Tín Đức, 1932)
- *Bó hoa lài* (Xưa Nay, 1932)
- *Cô Bạch Mai* (1932)
- *Cô Ba Tràng* (Bảo Tồn, 1933)
- *Khép cửa phòng thu* (tiểu thuyết, Phạm Đình Khương, 1933)
- *Lửa phiền cháy gan* (Phạm Đình Khương, 1934)
- *Khối tình* (tiểu thuyết, Phạm Đình Khương, 1937)
- *Vì một mối thù* (Bảo tồn, 1938)
- *Tội của ai?* (tiểu thuyết, Phạm Đình Khương, 1938)
- *Huyết lệ hoa ...*
- *Sài Gòn tháng 9 năm 1946* (1946)
- *83 năm nước Pháp với Việt Nam đã mấy lần kí hiệp ước.* (1946)
- *Hồi kí* (hồi kí gồm 3 tập, tập 1 in năm 1964)

Trích văn:

### **Bó hoa lài**

.....

Về điệu văn nó cũng là dễ xài; tuy nó không bằng mấy người đồ tú tài, đậu còm mi, chó cũng là bực trung vậy! Oi ! Mà đời này chữ nghĩa có dùng bao nhiêu, duy có đồng tiền là trọng dụng hơn hết. Phuong chi mấy ông còm mi, mấy cậu tú tài, về chuyên làm việc nhà nước, lấy cái bằng cấp treo trước ngực, ra đi coi tự kêu tự đắc, muốn cho người ta kêu ông này ông kia, mà không ai thèm kêu, muốn cho người ta bậm thừa, mà ai thèm bậm thừa, chó như có đồng tiền, bước ra một bước thì hiếm người bậm thừa, tôn trọng để trên đầu, ở thành thị chó nào phải ở trong làng trong tổng, có chức phận mà người ta sợ, người ta kính vì.

.....

### **Di hận ngàn thu**

.....

- Này ông Bang ơi, tôi là người chịu khổ từ khi tôi mười lăm tuổi. Cái khổ độc nhất vô nhị trên đời. Mẹ tôi chết hồi tôi còn nhỏ, cha tôi kiếm người khác coi sóc trong nhà nhưng than ôi, mẹ ghẻ xưa nay mấy người được hiền lành chơn chánh. Cha tôi có sự nghiệp cũng nhiều, di tôi lại tóm thâu hết nên một hôm kia di toan mượn người giết cha tôi...

Ngọc Điệp nói tới đây khóc ngắt. Ông Bang an ủi mà rằng:

- Rồi sao nữa? Giết cách nào? Quan trên có buộc tội chăng?

Ngọc Điệp gạt lụy, kể chuyện rằng:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Giết một cách tàn nhẫn, xưa nay dễ mấy người sâu độc
  - Giết cách nào?
  - Cha tôi ham săn bắn, di tôi cho người đi theo lên rừng sâu rồi thì giữa chốn vắng vẻ quạnh hiu, tư bề cây cao bóng mát, nào có một ai lai vãng chốn này nên kẻ vô lương kia chĩa súng vào đầu cha tôi mà bắn.
  - Thế thì người ấy bị xử chém sao?
  - Không, nó ở ngoài vòng pháp luật.
  - Sao vậy?
  - Việc lẽ rằng người ấy là bạn, đi săn gặp việc rủi ro là việc thường nên quan trên tha bổng.
  - Úy, trời ơi...
  - Chuyện vậy chỉ có một tôi biết mà thôi. Dì tôi hưởng hết gia tài của cha tôi để lại nhưng hoàng thiên đâu có phụ người ngay. Cha tôi có để lại chút ngôn trên phòng quan Nôbe.
  - Chút ngôn để lại gia tài lại cho cô phải chăng?
  - Phải, nhưng tôi không được hưởng.
  - Sao lạ vậy?
  - Trong chút ngôn cha tôi dặn rằng sau khi cha tôi mất phần thì gia tài sự nghiệp này để lại tôi nhưng bao giờ tôi lớn lên, kết hôn với một nhà ngôn luận có tên tuổi.
- Ông Bang chặn lại mà rằng:
- Thiếu gì mấy ông chủ bút đó. Vô số chủ bút ở Sài Gòn mà.
- Ngọc Diệp đáp rằng:
- Trong chút ngôn nói rành rẽ lắm, cha tôi chọn nhà ngôn luận nào biết bênh vực quyền lợi cho quốc dân, biết trọng danh dự ngòi viết, ít nữa là chỉ ròng rã một nghề viết báo mà thôi.

.....

(*Công Luận Báo số 2523*)

Quyển *Hồi Ký* tập III *Thay lời tựa* của nhà báo kỳ cựu Cát Hữu là bài *Độc Hồi ký của Nguyễn Kỳ Nam* như sau:

"Vieil homme, recru d'épreuves, détaché des entreprises, sentant venir le froid éternel, mais jamais las de guetter dans l'ombre la lueur de l'espérance."

Général de Gaulle

(*Mémoires de guerre*)

Một văn hào Tây phương từng được thanh niên coi là bực thầy về Nghệ thuật Sống, André Maurois đã nhận xét trong một cuốn tiểu thuyết của ông rằng: cái quyến rũ của những người bạn mới ở điêm, họ giúp ta biên đổi cả một quá khứ mà ta hằng mong muốn đẹp đẽ hơn...

Tôi đã nhớ lại nhận xét vô cùng tế nhị kể trên của A. Maurois khi tôi tự hỏi: Những người viết Hồi Ký đã viết cho ai? Viết cho những bạn cũ của mình để cùng nhau ôn lại một khoảng thời gian đã trôi qua nào đó? Hay viết cho những người xa gần chưa hề quen biết với ước mong họ sẽ trở thành những bạn mới của mình... sau khi mình đã mời họ cùng mình ngược dòng thời gian?

Tôi tin rằng trường hợp thứ hai có lẽ đúng hơn: người viết Hồi Ký đã nhắm vào những người bạn mới. Không cứ phải là nhà chánh trị... mới thấy "thêm bạn" là hay. Mà ở đời, không ai là không thêm mỗi ngày một thêm bạn mới. Bạn mới có một sức quyến rũ lạ lùng. Tại sao? A Maurois đã giải thích rồi đó.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Anh Nguyễn Kỳ Nam khi viết tập Hồi Kí này của anh lúc đầu chỉ đề tặng bạn hữu thôi, chớ không bán, đã nghĩ rất nhiều tới những "bạn mới". Viết vào năm tuổi anh đã trong ngoài sáu chục; Nguyễn quân lại còn nghĩ rất nhiều... tới những bạn tuổi mới quá đôi mươi. Đó là phương thuốc "cải lão hoàn đồng" thần diệu mà tác giả đã khôn ngoan tự "bóc" cho mình. Hướng về tương lai, bằng cách kể lại quá khứ người viết Hồi Kí quả tình đã tỏ ra... có cái đức tánh "biết già".

(Nguyễn Q. Thăng-Nguyễn Bá Thế, *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam*, Tổng Hợp Tp. HCM, 2006, tr. 947)



*Ông Nam Đình chẳng những là một nhà văn có tiếng, ông còn là nhà báo danh tiếng hơn, ông là người tục bản tờ báo Thần Chung vào cuối thập niên 1940, tờ báo rất được độc giả ưa chuộng vì nội dung có giá trị từ tin tức cho đến văn chương.*

Tài liệu tham khảo:

- Nam Đình Web: [vi.wikipedia](http://vi.wikipedia)
- Bó hoa lài Web: [khoavanhoc-ngonngu.edu.vn](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn)



#### 4. Hồ Hữu Tường



#### Hồ Hữu Tường (1910-1980)

Ngoài tên thật, Hồ Hữu Tường còn dùng bút hiệu Pierre Vutren, Ý Dur, Nguyễn Huệ Minh (tên vợ), Không Cru, Duy Phong... Ông sanh ngày 8-5-1910, tại làng Trường Thạnh, quận Châu thành tỉnh Cần Thơ, trong một gia đình nông dân tá điền. Học trường làng rồi trường tỉnh. Năm 1926 tham gia vào cuộc tranh đấu với thực dân Pháp nhân dịp tang lễ Phan Chu Trinh, và lãnh đạo cuộc bãi khóa tại trường Cần Thơ để chống bản án Nguyễn An Ninh, nên bị đuổi học. Sau nhờ bà con cho tiền sang Pháp học ở Marseille. Năm 1930, chuẩn bị thi Cao học Toán ở Lyon thì phong trào cách mạng Việt Nam bùng nổ, được kiều bào đưa ra lãnh đạo cuộc chống đối bản án tử hình 13 liệt sĩ ở Yên Bái. Chánh phủ Pháp tìm bắt, ông trốn sang Bỉ rồi về Việt Nam. Sau đó ông trở sang Pháp lấy bằng Cao học Toán, rồi cùng những bạn học cũ tham gia vào phong trào cách mạng bị trục xuất về nước. Sáng lập tá phái đối lập ở Đông dương, và làm lý thuyết gia cho tổ chức ấy. Năm 1932, bị bắt và bị kết án ba năm tù treo.

Năm 1933, cùng với Phan Văn Hùm chủ trương tạp chí *Đồng Nai*. Năm 1934, cùng với nhiều nhà cách mạng như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm ... sáng lập nhóm *La*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Lutte*. Năm 1936 chủ trương Phong Trào Đông Dương Đại Hội. Năm 1938, tách ra khỏi nhóm *La Lutte*, thành lập tờ báo *Militant*, tạp chí Tháng Mười và chủ trương tuần báo *Tia Sáng* (sau thành nhật báo). Giữa năm 1939 ly khai Đệ tứ Quốc tế Cộng Sản và rời bỏ chủ nghĩa Marx. Tháng 9 năm ấy bị bắt và bị án tù 4 năm, bị đày ra Côn đảo, đến năm 1944 mới được thả về.

Khi bị an trí tại Cần thơ, có gặp giáo chủ Huỳnh Phú Sổ, bàn luận về tiền đồ dân tộc, Sau đó ra Hà nội, Việt minh cướp chính quyền, bị kẹt ở đó đến cuối năm 1947, mới trốn được về Sài Gòn, trong thời gian ở Hà nội, ông có sáng tác một loạt tác phẩm, sau mang về xuất bản ở miền Nam. Trong đó có *Tương lai văn hóa Việt Nam*, *Tương lai kinh tế Việt Nam*, *Muốn hiểu chánh trị*, *Phi lạc sang Tàu (Ngàn năm một thuở*, tựa in lần đầu năm 1949 nhà xuất bản Sống Chung).

Năm 1948 gia nhập vào làng báo Việt Nam, sát cánh với thi sĩ Đông Hồ, viết cho nhiều tờ báo ở Sài Gòn, cộng tác với nhóm Sống Chung, xuất bản *Thu Hương*, *Chị Tập*, *Ngàn Năm Một Thuở*.

Năm 1949 sang Pháp, ra tờ *Cảo thơm*, mở lớp làm báo hàm thụ, xuất bản tạp chí song ngữ Anh, Pháp Pacific theo chủ trương thuyết đã găm trong tù “Đường lối thứ ba”.

Năm 1954, nhơn có hội nghị Genève, đứng ra chủ trương nhật báo *Phương Đông* ở Sài Gòn để phổ biến “Trung lập chế”.

Năm 1955 muốn ngăn sự Nam Bắc tương tranh, sang Bình Xuyên giải hòa giữa Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia gồm: Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, bị mắc kẹt trong binh lửa giữa mặt trận Quốc Gia với Bình Xuyên, rồi bị bắt.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Năm 1957 bị kết án tử hình, án chưa thi hành nên bị giam ở Côn Đảo. Cuộc Cách Mạng 1-11-1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, ông và một số tù chánh trị được Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đưa về Sài Gòn, đến năm 1964, án tử hình giảm xuống còn án tù 13 năm.

Năm 1965, giữ chức Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, dạy môn Xã hội học tại Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn, nơi đây ông cũng chủ trương phổ biến khoa EOMIR.

Thời gian này ông cho tái bản một số tiểu thuyết cũ như *Phi Lạc Sang Tàu* và cho xuất bản một số tác phẩm mới viết như *Nói Chuyện tại Phú Xuân, Thăng Thuộc Con Nhà Nông, Trầm Tư Của Một Tên Tội Tử Hình, Kế Thế, Hồi Ký 41 Năm Làm Báo ...*

Năm 1967, án tử hình của ông được ân xá. Đắc cử Dân Biểu tại Sài Gòn, năm 1970, xuống tóc tu tại gia theo phái Bửu Sơn Kỳ Hương của đức Phật Thầy Tây An, từ năm này trở đi, ông chuyên hoạt động về văn hóa, đề tài ông thường diễn thuyết đề đề cao nền Văn hóa Dân tộc. Ông có trí nhớ, hiểu biết sâu rộng về nhiều lãnh vực, do đó ông được nhiều người tôn trọng là một học giả.

Sau ngày 30-4-1975, trước tiên năm 1977 ông bị bắt giam ở số 4 Phan Đăng Lưu Gia Định, đến tháng 6 năm 1979 được chuyển đến khám Chí Hòa, khoảng tháng 8 năm 1979, chuyển đến Long Bình, sau đó chuyển đến trại Z30D ở Hàm Tân, khoảng tháng 6 năm 1980 vì bệnh nặng, ông được Trại chuyển ra bệnh viện Huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, tại đây bác sĩ chẩn đoán ông bị bệnh xơ gan cổ chướng, đến thời kỳ khó thoát khỏi tử thần, Trại quyết định tha cho ông để về Sài Gòn chữa trị, theo đơn xin của vợ ông bà Huệ Minh. Trên xe

## HUỶNH ÁI TÔNG

chuyến ông về bệnh viện Chợ Rẫy, do Phan Chính một nhân viên y tế ở bệnh xá trại Z30D, độc giả mến mộ ông, đã tìm cách theo xe đưa ông về, xe còn cách nhà chừng 100 thước, ông tắt thở lúc đó khoảng 5 giờ chiều ngày 26 tháng 6 năm 1980, ông thọ 70 tuổi.

### Tác phẩm:

- *Xã hội học nhập môn* (Minh Đức, 1945)
- *Kinh tế học và kinh tế chánh trị nhập môn* (Tân Việt, 1945)
- *Tương lai kinh tế Việt-nam* (Hàn Thuyên, 1945)
- *Phong kiến là gì?* (Minh Đức, 1946)
- *Vấn đề dân tộc* (Minh Đức, 1946)
- *Muốn tìm hiểu chánh trị* (Minh Đức, 1946)
- *Tương lai văn hóa Việt-nam* (Minh Đức, 1946)
- *Bộ Một thuở ngàn năm: Phi Lạc sang Tàu* (Sóng Chung, 1949)
- *Gái nước Nam làm gì?: Thu Hương* (Sóng Chung, 1949).
- *Gái nước Nam làm gì?: Chị Tập* (Sóng Chung, 1949).
- *Nỗi lòng thẳng Hiệp* (Lê Lợi, 1949).
- *Lịch sử văn chương Việt-nam* (quyển 1, Lê Lợi, 1950)
- *Phép nói và viết hỏi ngã* (1950)
- *Em học tiếng mẹ* (1950)
- *Em tập đọc* (1951).
- *Tam quốc chí* (quyển 1, 1951)
- *Những kỹ thuật căn bản của nghề làm báo* (in tại Paris, 1951)
- *Quả trứng thần* (1952)
- *Bộ Một thuở ngàn năm: Phi Lạc náo Hoa Kỳ* (Vannay, Paris, 1955)
- *Kế thế* (tiểu thuyết dã sử, Huệ Minh, 1964)
- *Bộ Thuốc trường sanh: Xây mộng* (Huệ Minh, 1964)
- *Bộ Thuốc trường sanh: Phúc đức* (Huệ Minh, 1964)
- *Bộ Thuốc trường sanh: Vẹn nguyên* (Huệ Minh, 1964)

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- *Hoa dinh cấm trận* (tiếp theo Thuộc trường sanh)
- *Trăm tư của một tên tội tử hình* (Lá Bối, 1965)
- *Luận lâm I* (Huệ Minh, 1965)
- *Nói tại Phú Xuân* (những bài tham luận đọc tại Đại Học Huế, Huệ Minh, 1965)
- *Kể chuyện* (Huệ Minh, 1965)
- *Nợ tình thân* (Huệ Minh, 1965).
- *Bộ Một thuở ngàn năm: Tiểu Phi Lạc não Sài Gòn* (Nam Cường, 1966)
- *Bộ Một thuở ngàn năm: Diễm Hồng xuất giá* (Nam Cường, 1966)
- *Bộ Hồn bướm mơ hoa: Mai Thoại Dung* (tiểu thuyết, Nam Cường, 1966).
- *Bộ Hồn bướm mơ hoa: Tam nhơn đồng hành* (tiểu thuyết, Nam Cường, 1966).
- *Bộ Hồn bướm mơ hoa: Ông thầy Quảng* (tiểu thuyết, Nam Cường, 1966).
- *Bộ Hồn bướm mơ hoa: Bữa lưới người* (tiểu thuyết, Nam Cường, 1966)
- *Thằng Thuộc con nhà nông* (An Tiêm, 1966)
- *Người Mỹ ưu tư* (tác giả xuất bản, Paris, 1968)
- *Un fétu de paille dans la tourmente* (Paris, 1969, chưa in)
- *41 năm làm báo* (Trí Đăng, Đông Nam Á tái bản tại Paris, 1984)

Trích văn:

### **Con thần lẫn chọn nghiệp**

1.

Giữa một đường trường thăm thẳm, vắng vẻ và âm u, không một xóm nhà, ít người qua lại, có một cái am nhỏ. Am ấy mới cất, độ non ba năm thôi. Trong am, chỉ có một sư cụ già, thui thủi một mình, quanh năm chẳng được ai thăm viếng. Trước am, nơi giữa sân, chắt sẵn một đồng củi, vừa lớn, vừa cao ngất,

## HUỶNH ÁI TÔNG

củi sấp vuông vắn, thẳng thắn, dường như được săn sóc chẳng khác một vườn kiếng do một vị lão trưởng giả chăm nom.

Một hôm, trời đã tối rồi, nhà sư vừa lên đèn được một chập, thì có hai người khách đến trước ngưỡng cửa, vái mà thưa rằng:

- Bạch sư cụ, nhờ ngọn đèn dắt dẫn, chúng tôi mới dỏi đến đây. Mong nhờ sư cụ cho tá túc một đêm, sáng mai chúng tôi sẽ lên đường.

Nhà sư ung dung, chấp tay đáp:

- Mô Phật, cửa thiên bao giờ cũng mở rộng cho người lỡ bước.

Rồi dừng một phút, dường như để trấn tĩnh nỗi vui đương sôi nổi trong lòng, nhà sư tiếp:

- Ngót ba năm nay, tôi mở am nơi này, không được một ai đến viếng. Ngày nay là ngày ước nguyện, may được hai ngài quá bước, ghé nghỉ chân. Âu cũng là duyên trước....

Nói xong, nhà sư dọn cơm chay cho khách dùng, và câu chuyện không đề, vô tình dẫn khách đến câu hỏi:

- Bạch sư cụ, chẳng hay sư cụ thích tụng kinh nào?

Vui sướng, vì như gặp bạn tri âm, nhà sư đáp:

- Tôi quy y Phật pháp từ thuở bé, rùng thiên có thể nói rằng đã viếng khắp nơi. Cách ba năm nay, lòng huệ được mở ra.... Và từ ấy, tôi chỉ tụng kinh Di Lạc.

Một người khách hỏi:

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- Sư cụ có thể cho tôi biết duyên cớ vì sao chẳng?

- Mô Phật. Chỉ có lời nói mà độ được người, tôi sao dám tiếc lời? Vậy tôi xin vui lòng nói cho hai ngài rõ. Bởi tôi đọc qua các kinh sách, thấy rằng Phật Thích Ca khi đắc đạo, có dạy: Hai ngàn năm trăm năm về sau, Phật pháp sẽ đến chỗ chi ly, ấy là hồi mạt pháp. Di Lặc sẽ xuống trần mà cứu độ chúng sanh và chính đạo lại. Nay cũng đã gần đến kỳ hạn. Chắc là Phật Di Lặc đã xuống trần mà độ kẻ thành tâm tu hành. Bởi lẽ ấy tôi có nguyện tụng đủ một nghìn lần kinh Di Lặc. Nếu lời nguyện được y, ấy là tôi sẽ đắc đạo.

Người khách thứ hai hỏi:

- Sư cụ đã tụng được bao nhiêu lần rồi?

- Đã được chín trăm chín mươi chín lần rồi. Bây giờ, chỉ còn lần thứ một nghìn; lần tụng của đêm nay. Chắc hai ngài trước có duyên lành, đêm nay đến mà chúng kiến tôi tụng lần thứ một nghìn ấy....

Đến đây, bữa cơm chay đã mãn. Khách mệt mỏi, xin ngả lưng. Nhà sư dọn dẹp trong am cho thanh khiết, rồi bước tới trước bàn Phật, khêu bắc đèn dầu, mở kinh ra mà khởi sự tụng. Tiếng tụng kinh chậm rãi, như nện vào không gian. Thỉnh thoảng một tiếng chuông ngân lên, đánh dấu chuỗi tiếng mõ dài đẵng đẵng....

2.

Trước khi nhắm mắt ngủ, hai người khách còn trao đổi vài câu:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Tội nghiệp thay cho sư cụ già, quá mê tín, mắt sáng suốt, mà không giác ngộ. Phật pháp lập ra đã hai nghìn năm trăm năm về trước, tránh sao cho chẳng có chỗ lỗi thời. Nhận thấy chỗ lỗi thời, các môn đệ ắt phải lo tài bồi, phát triển mỗi đạo. Thế là có tư tưởng này, học thuyết nọ; rồi sanh ra môn ra phái. Ấy là nguồn gốc của sự chi ly. Nay rừng thiền đã hơn tám mươi bốn ngàn cội khác nhau, ấy là lẽ dĩ nhiên vậy.

- Tôi cũng đồng ý với anh về chỗ đó, và nghĩ thêm rằng: Nếu bây giờ có một vị Di Lặc xuống trần, thì vị ấy có trọng trách cất nhắc Phật pháp cho kịp với mọi sự tiến hóa của mọi sự việc từ hơn hai nghìn năm nay. Và trách nhiệm của mỗi tín đồ của Phật là dọn mình cho sẵn, để đón rước cái Pháp mới sắp ra đời. Chớ mê mải trong việc gõ mõ tụng kinh, há chẳng phải là phụ lòng mong của Thích Ca chăng?

Lời nói của hai người khách giữa cái am vắng vẻ, không dè có kẻ trộm nghe. Kẻ nghe trộm này là một con thần lùn, đến ở am khi am vừa mới dựng lên, và đã từng nghe 999 lần kinh, nên có linh giác, nghe được tiếng người, biết suy nghĩ và phán đoán. Câu phê bình của hai người khách đã giúp cho con thần lùn giác ngộ. Nó vốn biết nguyện vọng của nhà sư: là hễ tụng xong lần thứ một nghìn, thì nhà sư sẽ lên giàn hỏa mà tự thiêu.... Rồi nó nghĩ: nhà sư lòng còn mê tín, chưa được giác, phỏng có thiêu thân, thì làm sao nhập được Niết Bàn? Hay là ta tìm thế ngăn người, đừng để cho người thiêu thân, đợi chừng nào người được giác rồi sẽ hay?

Rồi con thần lùn quyết định: Phải ngăn ngừa, đừng để nhà sư tụng xong lần thứ một nghìn. Nó nghĩ được một kế: Ấy là bò lên bàn Phật, đến đĩa đèn dầu, rón sức mà uống cạn đĩa dầu. Bức sẽ lụn, đèn tắt, nhà sư không thấy chữ mà tụng nữa.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Một sức mầu nhiệm đã giúp cho con thần lần đạt được ý nguyện: chỉ trong một hơi mà đĩa dầu đã cạn: bộ kinh chỉ tụng được quá nửa mà thôi. Đèn tắt, nhà sư ngạc nhiên, nhưng nghĩ: hai người khách là kẻ phàm tục, không được duyên lành chứng giám việc đắc đạo của mình. Ấu là xếp kinh, nghỉ, chờ ngày mai khách lên đường, sẽ tụng lần thứ một nghìn ấy.

Nhưng, sau đó đêm nào cũng vậy, buổi đọc kinh chưa xong mà đèn lại tắt đi. Nhà sư có lúc tính tụng kinh lần này vào khoảng ban ngày, nhưng nhớ lại khi xưa đã có lời nguyện tụng kinh vào lúc khuya, tĩnh mịch, nên không dám đổi.

Và một đêm kia, dần lòng không được, tuy tụng kinh mà mắt chốc chốc nhìn lên đĩa dầu để xem sự thể do đâu, nhà sư bất gặp con thần lần kê mỏ mà uống dầu. Nổi giận xung lên, nhà sư dùng gõ mõ, và mắng rằng:

- Loài nghiệt súc! Té ra mi ngăn ngừa không cho ta được đắc đạo!

Rồi tay cầm dùi mõ, nhà sư nhắm ngay đầu con thần lần mà đập mạnh. Con thần lần bị đánh vỡ đầu, chết ngay. Hôm ấy, nhà sư tụng xong lần kinh, bước lên đàn hỏa, tự châm lửa mà thiêu mình.

3.

Và cũng đêm ấy, hai cái linh hồn được đưa đến trước tòa sen của Phật. Uy nghiêm, ngài gọi nhà sư mà dạy:

- Nhà ngươi theo cửa thiên từ thuở bé, mà chẳng hiểu bài học vỡ lòng của pháp ta là thế nào! Pháp ta đã dạy phải trừ hết dục

## HUỶNH ÁI TÔNG

vọng thì mới đắc đạo, mà người dục vọng lại quá nhiều: bởi việc muốn đắc đạo, để được thành Phật kia cũng là một cái dục vọng. Có dục vọng ấy là Tham ; bởi tham nên giận mắng con thần lẩn, ấy là Sân; bởi sân nên tưởng rằng trừ được con thần lẩn thì tha hồ tụng kinh, rồi đắc đạo, ấy là Si. Có đủ Tham Sân Si tất phải phạm tội sát sanh, thì dầu ăn chay trường trọn đời, cũng chưa bù được.

Tội người lớn lắm, phải rán tu luyện thật nhiều mới mong chuộc được. Vậy ta truyền cho Kim Cang, La Hán hốt cho hết đồng tro do xác người thiêu mà hóa ra, rồi đem tro ấy tung khắp bốn phương trời. Mỗi một hột tro đó sẽ biến sanh thành một người. Chừng nào mọi người ấy đắc đạo, đám chúng sanh ấy sẽ được quy nguyên, trở hiệp lại thành một, thì nhà người sẽ đến đây mà thành chánh quả. Rồi Phật cho gọi hồn con thần lẩn mà dạy:

- Nhà sư chưa được giác mà làm tội, tội ấy đáng giá là một mà thôi. Còn nhà người, được giác một phần rồi, mà làm tội, thì tội đáng kể là mười

Con thần lẩn lạy mà thưa rằng:

- Bạch Phật tổ, lòng của đệ tử vốn là muốn độ nhà sư, dầu nát thân cũng không tiếc. Chẳng hay đệ tử có tội chi?

Phật phán:

- Muốn độ người, kẻ thiếu chi cách, sao người ngăn đón việc tụng kinh của người? Đã đành rằng việc tụng làm của nhà sư là một việc mê tín, nhưng dầu là mê tín, song vẫn là một tín ngưỡng. Cõi Phật vốn là cõi tự tại. Nếu phạm đến tự do tín ngưỡng, gọi là để dắt người vào, thì làm sao cho được. Bởi

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

ngươi không dùng phương pháp tự do, người là kẻ mất tự do, thì cả hai làm sao được vào cõi tự tại?

Một lần nữa, con thần lẫn được giác, quì lạy mà xin tội:

- Xin Phật tỏ mở lòng từ bi, cho đệ tử hóa sanh một kiếp nữa, để dùng phương pháp tự do mà độ vô số chúng sanh do những hột tro, mà các vị Kim Cang, La Hán vừa tung ra đó.

Phật đáp:

- Ta cho ngươi được toại nguyện.

Hồn con thần lẫn vừa muốn lạy Phật mà đi đầu thai, thì sực nhớ lại, nên bạch rằng:

- Xin Phật tỏ dạy đệ tử phải hóa sanh làm kiếp chi?

Phật đáp:

- Nhà ngươi đã gần bến giác, phải tự mình chọn hình thể mà hóa sanh. Tự do chọn lựa mới có thể luyện mình để bước vào cõi tự tại.

4.

Hồn con thần lẫn từ ấy trôi theo mây gió, không biết trụ vào đâu, để có thể vừa dùng phương pháp tự do mà độ người, vừa có thể độ được đông người, số người đông như số hột tro do một cái xác thiêu ra. Thật chưa hề có lúc nào có một linh hồn bị trừng phạt phải đau khổ đến thế.....

## HUỶNH ÁI TÔNG

Một hôm trong hội xiêu bạt, hồn con thần lẩn thấy bóng của một trong hai người khách đã đến am thuở nọ, mà câu chuyện nghe lóm đã làm duyên cho mình mấy năm đau khổ.

Thần lẩn vội vã bay theo vái chào và kể nỗi niềm đau đớn:

- Ngài đã giúp cho tôi giác ngộ được một ít, có hay đâu tôi phải mang cái nghiệp vô định này. Đã trót làm ơn, xin độ cho tôi đến bờ bến.

Hai ông khách đáp:

- Chúng tôi đâu dám lên mặt thầy đòi mà dạy người, hướng chỉ lại dám đèo bồng mang lại một giải pháp cho một vấn đề nan giải. Nhưng đã lỡ gieo trong trí người một ý nghĩ làm cho người phải khổ như bây giờ, thì phải góp ý kiến để cho người suy xét mà gỡ rối. Ấy gọi là chuộc lỗi.

Hồn con thần lẩn gật đầu, cảm ơn trước. Một người khách nói:

- Chúng tôi đây là bọn chơi văn giỡn chữ, quanh năm chỉ lấy việc đem ý hay lời đẹp mà làm cho vui lòng kẻ đọc mình, rồi lấy sự vui của người làm sự sung sướng của mình, cho đó là sự “đắc đạo” của mình. Nếu phải mong muốn điều gì, thì cố gắng trình bày cho bóng bẩy, văn hoa: được thì tốt, bằng không thì thôi, chớ chẳng hề khi nào phạm đến tự do của người....

Nghe đến đó, thì một điểm linh quang bắt đầu hiện trong trí con thần lẩn. Người khách thứ hai nói tiếp:

- Xưa nay, trong bọn chúng tôi cũng được một vài tay lỗi lạc, kể một chuyện lý thú, hát một bài thơ hay, chuyện ấy thơ này

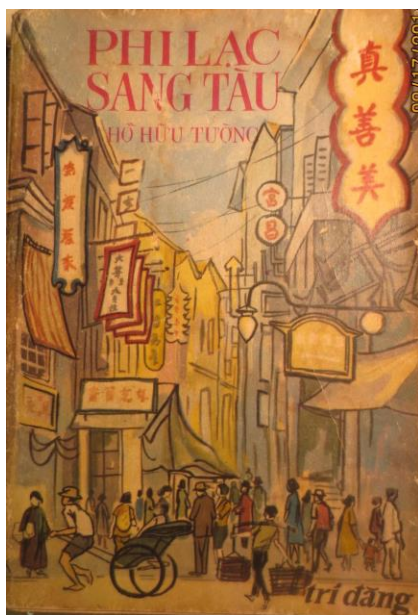
## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

được truyền ở hàng triệu miệng. Vậy, nếu người có lòng muốn độ hằng hà sa số chúng sanh, thì cô gắng trau dồi văn tài cho tương xứng, văn người tung ra là có thể cảm hoá triệu triệu người....Rồi, cũng phải luyện văn tâm, để cho văn người có thể nhen nhúm được trong lòng mỗi người một điểm lửa thiêng. Lửa bắt cháy, văn của người như dầu rót thêm vào, làm cho ngọn lửa sáng lên....

Hồn con thằn lằn gật đầu ba cái để tạ ơn và nói rằng:

- Con đường ấy khó đi cho đến hết được, song chắc chắn là đi cùng đường, ắt có thể đến trước tòa sen mà châu Phật tử. Vậy tôi xin cố gắng.

### Hồ Hữu Tường (1953)



## HUỶNH ÁI TÔNG

*Thời còn trẻ Hồ Hữu Tường tham gia hoạt động chống thực dân Pháp, theo triết lý Cộng Sản, đến tuổi “Tam thập nhi lập” ông tuyên bố từ bỏ Maxist, trở về với văn hóa Việt, không theo Tây, Tàu, Nga, Mỹ, ông về với con đường của dân tộc.*

*Là người miền Nam, nhưng vẫn ông không dùng ngôn ngữ địa phương miền Nam như những nhà văn miền Nam khác, có lẽ ông đã theo ngôn từ của thằng Mỡ ở làng Cổ Nhuế, năm 1945 trên căn gác xép ở Hà Nội, để viết nên truyện đầu tay Phi Lạc Sang Tàu.*

*Truyện Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp là một truyện ngắn được ông tâm đắc, nói lên tâm tư ông suốt đời tù tội, luôn luôn tranh đấu, ngăn chặn những kẻ cuồng tín, si mê, chỉ vì tham vọng hão huyền. Oái oăm thay! Ông bị kết án tử hình mà vẫn sống, trong khi ở tù được tha thì lại chết.*

Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Ái Tông *Văn Học Miền Nam* Hiên Phật Học, Việt Nam, 2009.
- Phan Chính *Hồ Hữu Tường - Những ngày cuối đời* Blog: Talawas.com

Tiết 9: Nam Trung Nhựt Báo

NĂM THỨ NHỨT.— SỐ 40. MARDI 42 JUIN 1917

# NAM-TRUNG NHỨT-BÁO

Le Courrier de la Cochinchine

ORGANE DE VULGARISATION DE LA PENSÉE FRANÇAISE

Paraissant le Mardi

LE NUMÉRO: 0 § 15 **報日中南** Ján lè mỗi số: 0 § 15

<p>ĐƠN GIÁ BÁN TRONG CẢ ĐÔM-ĐÔNG</p> <p>Tron một năm..... 5 § 00                  Sáu tháng..... 3 § 00                  Ba tháng..... 1 § 75</p> <p>FRANCE ET COLONIES</p> <p>Us au..... 18 fr.00                  Six mois..... 10 § 00</p> <p>Les abonnements partent du 1<sup>er</sup> et du 15 de chaque mois et sont payables d'avance.</p>	<p>MỖI TUẦN IN RA NGÀY THỨ BA</p> <p>CHỦ NHƠN:                  MM. RENOUX và NGUYỄN-VĂN-CỬA                  QUẢN-LÝ                  M. NGUYỄN-VĂN-CỬA                  CHÁNH CHỦ BÚT                  M. NGUYỄN-TỬ-THỨC</p>	<p>PUBLICITÉ</p> <p>Annales légales et judiciaires:                  Le centimètre de colonne de 90x65 de largeur..... 1 § 20</p> <p>Pour les annonces commerciales on traite à forfait.</p> <p>Ai muốn rao báo và việc mua bán xin do Bồn-Quản mà thương nghị.</p>
	<p>ĐỀ CHỜ GỬI THƠ VÀ MANDAT</p> <p>MONSIEUR NGUYỄN-VĂN-CỬA                  52, Rue Viénot - SAIGON</p>	<p>Mua nhựt trình thì kể từ đầu và giữa tháng và phải trả tiền trước.</p>

MUC LỤC

I. — Thời cuộc thông luận.  
 1<sup>o</sup> Đông-hang xin coi kỹ.  
 2<sup>o</sup> Âu-Châu chiến loạn.  
 3<sup>o</sup> Nam-kỳ tình chất bịnh nguyễn. NGUYỄN-TỬ-THỨC  
 4<sup>o</sup> Ngôn luận tự do. — Thơ của M. Trần-quang-Xuân gửi bài diễn thuyết của quan Huyện Lương.  
 5<sup>o</sup> Tập vụ. — Vụ lớn giết vợ bé. — Lời trời lòng đất. AI TIN.

II. — Công-văn tục dịch.  
 1<sup>o</sup> Cấp bằng và thuyên bổ.

III. — Phụ-nhự tán văn.  
 1<sup>o</sup> Sự sáng dạc quan hệ từ ngày kết hôn. NG. TỬ-THỨC

IV. — Truyện Kỳ từ chương hiệp-tuyển.  
 1<sup>o</sup> Tiểu anh hùng. LE-VĂN-THƯỚC  
 2<sup>o</sup> Nam-Trung phong hóa. NGUYỄN-TỬ-THỨC.  
 3<sup>o</sup> Thiên cổ tình tình. NGUYỄN-TỬ-THỨC.  
 4<sup>o</sup> Trung ngôn nghịch nhĩ.  
 5<sup>o</sup> Văn chương Annam.

V. — Giáo dục tạp chí.  
 1<sup>o</sup> Thơ của M. Lê-bảo-Thật.

Cách mua nhựt-trình rất dễ: Hãy đến nhà thơ đây-thiếp số chủ mình ở chợ rổ (tên, họ, chức phận, làng, tổng) mà xin mua NAM-TRUNG NHỨT BÁO, 52, rue Viénot Saigón, và đưa bạc cho nhà-thơ. Làm như vậy khỏi mất công gởi thơ cho Bồn-Quản mà lại tiền gởi nhẹ tốn: Như gởi 5 § 00 thì tốn 5 chiém công và 4 chiém tiền giấy, là 9 chiém. Việc quan coi nhà thơ sẽ gởi bạc lên cho Bồn-Quản, khỏi sự lặc thơ. Chẳng nên bỏ giấy bạc vô bao thơ mà gởi, vì lặt cớm nhựt và bạc sẽ mất.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Nam Trung Nhật báo* chưa thêm chữ Pháp *Le Courrier de la Cochinchine* là tờ báo phát hành hằng tuần vào ngày Thứ Ba, Chủ nhiệm ông Renoux và Nguyễn Văn Cửa, Chủ bút Nguyễn Tử Thức, phụ tá chủ bút Lê Sum, báo quán đặt tại 52, đường Viénot, Sài Gòn, số 1 phát hành ngày Thứ Ba 10-4-1917.

Đến ngày 3-10-1921, *Nam Trung Nhật Báo* hợp nhất với *Lục Tỉnh Tân Văn*. Vẫn giữ tên là *Lục Tỉnh Tân Văn* do Lê Hoàng Mưu làm Chủ Bút.

Tài liệu tham khảo:

- Nam Trung Nhật Báo Web: sachxua.net
- Ảnh Nam Trung Nhật Báo Web: hocsinhmiennam



## 1. Lê Sum



### **Lê Sum - Lê Khánh Sum (1878-1927)**

Nhà văn, nhà báo Lê Sum tên thật là Lê Khánh Sum tự Trường Mậu, sinh năm 1878, tại làng Đồng Sơn, tỉnh Gò Công, nay là Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Xuất thân trong gia đình Nho học đất Gò Công, ông được học chữ Hán và chữ Quốc ngữ, thời trẻ ông có dạy chữ Hán tại quê nhà. Ông đã sớm cộng tác với *Nông Cổ Mìn Đàm* và *Lục Tỉnh Tân Văn*.

Năm 1916, ông làm chủ bút tờ *Tân Đợi Thời Báo* là phiên bản của báo *Opinion* do Jules Haag làm chủ nhiệm.

Năm 1917, ông làm trợ bút cho *Nam Trung Nhật Báo*.

Năm 1919, ông xuất bản *Việt âm văn tuyển*, trong đó có *Lê Sum thi tập* gồm 50 bài thơ của ông.

Ông mất năm 1927, chỉ mới hưởng dương 49 tuổi.

Tác phẩm:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Việt âm văn tuyển* (tuyển tập, J Viêt, 1919)
- *Việt âm thi tập*.
- *Thi phú văn từ*.

Trích văn:

### Lời tựa

“... Trong Nam kỳ ta từ năm mươi năm nay lại đây, việc nho học tuy càng ngày càng suy song thói hư chưa dứt. Nên sự học kinh truyện thì lần lần muốn tuyệt...Nếu vậy mà đạo học chữ Tàu ngày một suy, người biết đặt để càng lần càng ít. Vậy thì ngày kia hàng hậu tấn của chúng ta muốn kiếm dấu tích của chư tiên giáo đặng xem cách đặt để văn từ thi phú ra thế nào nương đâu noi theo mà làm phép...Nên tôi mới ra công tìm kiếm những danh thi, danh phú của chư tiên triết để lại, và những thi phẩm của chư nho đương thời trong bạn thân bằng cố hữu của tôi, những bài nào văn từ tao nhã, trúng cách luật thi gia, đủ làm qui cũ tôi mới lục vào...”.

(*Việt âm văn tuyển*)

Trích thơ:

### Sơ nhậm Công luận báo chủ bút tự trần

*Buôn viết tân văn trót mấy niên  
Cúc tòng co đuổi phận hầu yên  
Gia đình những ngõ vui danh giáo  
Nghiên bút hay còn vớ nợ duyên  
Tấn thói tuy rằng người trước định  
Ân tròng song cũng lẽ tự nhiên  
Nóng lòng nong nả đều công ích  
Đâu phải mơ chi chốn thị thiên.*

# BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI



LANÉES  
OU  
NSTRUCTIVES  
POUR  
AIRES, COMMUNALES & CANTONALES  
PAR

**Lời Rao**  
Ai muốn mua nệm-trình, hay là in việc chỉ vào nệm-trình thì cứ đi Đốc-quản chủ nhóm mà thương-nghĩ]

**Thương cò luán**  
(hợp chèo)

Luán việc đại thương rừng lợi lắm, thì mỗi đầu công rô biết rừng lợi, nào không? Các bạn người học-quê chơu ở thủ tục, hay là nghĩ Công hội sự ở in không công, cách bán buôn hồ lớn; thường thường công rô nhiều khi người bán-quê, thầy tư môn bán của đi quốc, có lợi lắm, muốn bán nước buôn chung; rồi nhiều năm bấy người, nghĩ sự



## Hí đề

*Nghĩ mình thôi cũng nực cười thâm  
Giàu chẳng ngàn muôn cũng chẳng trăm.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Xe ngựa ngả nghiêng liền trót thảng,  
Áo xiêm lõe loét trải quanh năm  
Ruộng vườn tuy kém trang hào hộ.  
Xài phá đà mang lấm tiếng tăm.  
Thật cũng khéo dày công tạo hóa  
Sanh voi sanh cỏ ví không lấm.*

### **Tự thuật**

*Nghĩ mình một đũa cũng ngang tàng,  
Giàu cũng không đua khó chẳng than!  
Non nước ruổi dong ưa thú lạ,  
Tới lui lòn cúi tránh người sang  
Cánh buồm phong nguyệt năm hồ trái,  
Chén rượu giao du bốn biển tràn.  
Cũng ngộ, lòng trời chịu ý muốn  
Khi đài, khi các lúc quan san*

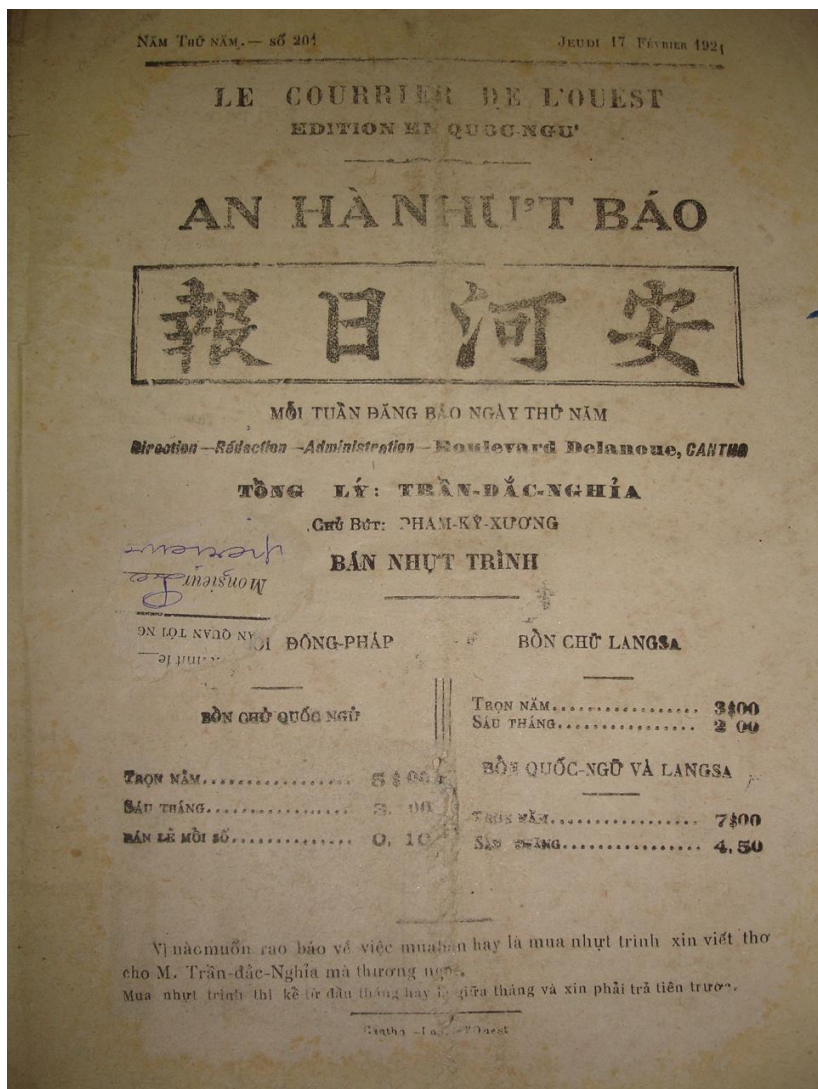
*Văn của Lê Sum viết vào đầu thế kỷ XX, trừ chánh tả thời đó chưa được phân minh, phải công nhận là Lê Sum hành văn trong sáng hơn nhiều nhà văn đương thời vào buổi ấy, giọng thơ ông có vẻ bất cần đời.*

Tài liệu tham khảo:

- Lê Sum Web: [thatsonchaudoc.com](http://thatsonchaudoc.com)

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tiết 10: An Hà Nhựt Báo



Hầu hết các tài liệu đều cho rằng tại Cần thơ có ấn hành *An Hà báo* vào năm 1917. Thật ra nó có tên là *An Hà Nhựt Báo* và là

## HUỶNH ÁI TÔNG

báo phát hành hàng tuần, ngày nay chúng ta gọi là tuần báo. Trang mạng *Sách Xưa* cho biết báo đình bản sau số 836 ngày 14-12-1933.

Do các tài liệu trên, chúng ta có thể kết luận *An Hà Nhựt Báo* phát hành hàng tuần vào ngày Thứ Năm tại Cần Thơ, Tổng Lý là Trần Đắc Nghĩa, Chủ bút là Phạm Kỳ Xương, báo có 3 ấn bản: Ấn bản quốc ngữ, ấn bản Langsa (Pháp), ấn bản quốc ngữ và Langsa.

Số 1, phát hành ngày 3-5-1917 và số cuối cùng 836 phát hành ngày 14-12-1933, tồn tại 16 năm 1 tháng.

*An Hà Nhựt Báo* là một tờ tuần báo phát hành ở tỉnh.

Tài liệu tham khảo:

- *An Hà Nhựt Báo* Web: [sachxua.net](http://sachxua.net)
- Ảnh *An Hà Nhựt Báo* Web: [hocsinhmiennam.com](http://hocsinhmiennam.com)

# BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

## Tiết 11: Tuần báo Nữ Giới Chung



Trong lúc người Phụ nữ ở xã hội Việt Nam còn chịu ảnh hưởng Tam tông tứ đức của Nho giáo nên vai trò của người phụ nữ chưa được đề cao. Albert Sarraut (1872-1962) được bổ nhiệm làm toàn quyền Đông Dương hai lần: lần đầu từ cuối năm 1911 tới năm 1914; lần thứ hai từ năm 1917 tới năm 1919. Ngay khi đến Sài Gòn làm Toàn quyền Đông Dương lần thứ hai trong chương trình cải cách nhằm nâng cao đời sống xã hội dân Annam, ông Albert Sarraut đã cho phép xuất bản một tờ tạp chí phụ nữ đầu tiên, đáp ứng mục đích nhằm nâng cao mức sống của phụ nữ. Nữ giới chiếm tới một nửa dân số trong cả nước.

Do đó, ngày 1 – 2 – 1918, *Nữ Giới Chung* tờ báo phụ nữ đầu tiên xuất hiện ở Sài Gòn, tờ báo phát hành định kỳ hàng tuần vào ngày thứ sáu, với 18 trang nội dung và 8 trang quảng cáo.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chủ nhân của tờ báo này là ông Henri Blaquièrre, người Pháp, ông cũng là giám đốc của một tờ báo tiếng Pháp, tờ *Le Courrier Saigonnais*. Tổng lý tuần báo *Nữ Giới Chung* là ông Trần Văn Chim.

Bà Sương Nguyệt Anh giữ chức chủ bôn tức là Chủ bút. Trục ở toà soạn là Lê Đức, người đã tham gia phong trào Duy Tân ở miền Bắc hồi đầu thế kỷ.

Toà soạn đặt tại số 12 đường Tabert nay là đường Nguyễn Du, Sài Gòn.

Số 1 phát hành vào tháng 2 năm 1918, gồm có 6 mục như trong bảng mục lục dưới đây:

### Mục lục:

1. Mấy lời kính tỏ
2. Lời tựa đầu.
- I. XÃ THUYẾT.
  1. Thế lực đờn bà.
- II. HỌC NGHỀ
  1. Nghề đặt dầu thơm
- III. GIA CHÁNH
  1. Nghề làm bánh
  2. Việc cần nên biết
  3. Cách nuôi con
- IV. VĂN UYÊN
  1. Tiếng chuông Nữ – giới
  2. Thơ
  3. Văn thơ cũ
- V. TẬP TRỞ
  1. Mấy lời ngỏ với chị em
  2. Cách ngôn
  3. Tướng nảo cốt
  4. Hài đàm



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

5. Cuộc đố chơi
  6. Mẹ con nói chuyện
- VI. TIỂU THUYẾT.
1. Truyện một ngàn và một ngày
  2. Bãng thuyết nhơn duyên

Tưởng cũng nên trích đăng một số bài trong *Nữ giới chung*, nhất là *Mấy lời kính tỏ* và *Lời tựa đầu*, để thấy chủ trương của báo cùng lối hành văn, ngôn ngữ miền Nam thời bấy giờ:

### *Mấy lời kính tỏ*

*Bà Sương Nguyệt Anh, chủ bút bốn báo, vốn là người con gái ông Đồ Chiểu, bực đại văn hào trong Nam – châu ta hồi xưa, là hiền nội trợ ông Phó Tổng tlin ở Rạch miễu, làng Tân Thạnh. Năm nay, người ngoài ngũ tuần, ở goá tự hồi 21 tuổi. Có một gái, vừa mới vui chữ vu qui, nửa chừng thoát đã gãy nhành thiên hương. Người thơ nhỏ đã nổi tiếng văn tài, khí tiết thường lộ ngoài câu thơ giọng phú. Những danh sĩ hồi đó, vẫn khen là bà Đoàn Thị Điểm đất Nam Trung. Tuy sanh là bậc nữ lưu mà lại có tánh hào hiệp: chén com Phiêu Mẫu, biết mấy hàn nho căn nhà Đỗ Lăng, dung bao danh sĩ. Bởi thế, nhà càng nghèo, danh vọng lại càng cao.*

*Bốn báo có quen dai té người, là thầy Mai Bạch Ngọc (Mỹ Tho) nên đăng dự ngoài môn tường nghe lời địch huân, đã mấy dư.*

*Nay nhơn quan Toàn Quyền Sarraut đang sốt sắng về sự nữ học, cho phép bốn báo chủ nhân là ông Blaequiere lập ra tờ nữ báo nàyặng giúp ích trong cuộc phổ thông một đôi chút. Bốn báo lấy tình là tử chấp, nên xin người đứng làm chủ bút. Người cũng sẵn có lòng nhiệt thành về sự báo, nhưng vì giá cả, và vì trở nhiều việc, chỉ ở nhà viết bài gửi lên mỗi tuần mà thôi.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Thật là vinh hạnh!. Tờ nử báo này lại thuộc tay nử sĩ, đám hùng đàm, thêm có khách anh thơ, việc ấy nước ta bây giờ mới có.*

*Vậy nên bản báo rao trước mấy lời, đặng tiến dần với chị em đọc báo.*

### *Bản báo*

#### **Lời tựa đầu**

*Chị em tôi vẫn biết thân phận rằng: Khôn ngoan cũng thể đờn bà; trận bút trường văn, đâu đến khách hồng – quân, mà gà mái cục tác muốn mượn tờ giấy cây viết, làm chuông báo thức kêu đoàn chị em. Thế thì cũng trái cái bản phận thiệt. Song trộm nghĩ: con tạo hoá đã nắm ra cái hình người, trai hay là gái, ai chẳng một đồng cân lương – tri lương – năng ấy? Và đương cuộc đời cạnh- tranh trách hưng – vong còn đến thất phu. Huống chi đờn – bà rất có quan – hệ tới xã hội. Há lại chẳng nên mượn ngòi bút sắt, tả tâm lòng son, đặng tỏ thể với bà con trong ba xứ !*

*Bởi thế, bản – báo xuất hiện ngày nay, cái chủ – nghĩa cảm nhứt là đề – xướng việc nữ – học chớ chẳng dám can thiệp đến cả chánh – trị cũng chẳng dám đua tranh với bực tài trai.*

*Bản – báo sự nghiệp thiệt mỏng như tờ giấy, trách – nhậm lại chuyên về đờn – bà, đâu dám khua môi múa mỏ, lãng – loạn rằng xướng nữ – quyền đâu dám nhứt mẹ nhì con, khoe khoang rằng dân – trí; đâu dám bắt chước nhà lập – pháp, mà định cái phương – châm giáo – dục của chị em; đâu dám tự nhận là cô giáo – sư mà theo qui – củ chương – trình như trường học. Vậy thì bản – báo có cái mục đích gì riêng ?*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Bổn – báo muốn đem cái tấm lòng ngây, giúp trong bạn gái gây nền tư – đức một đôi chút.*

*Vấn biết ngày nay ngời nói đến chuyện nữ – học, những bà không lưu – tâm tới, tưởng chẳng việc tư làm khinh trọng gì. Thế nhưng mà một nước quá nửa phần người, trờ làm cái máy để con, ngoài ra không nghĩ – vụ tư – tưởng gì khác. Vậy thì tương – lai này, nữ – giới nước ta, kết – quả rồi ra làm sao ?*

*Cái vấn – đề ấy, là một cái vấn – đề rất quan – trọng của bà con ta cần phải giải – quyết ngày nay.*

*Đã đành rằng mẹ nuôi nước Lang sa ta thương ta như con gái út, lập trường nữ – học, dạy ta nữ – công kể ra thì đòn bà ta bây giờ cũng tẩn – bộ lắm thiệt. Nhưng ngoài một phương – diện ấy thì chưa thấy có ảnh – hưởng gì khác.*

*Oài ! luân – lý suy – đồi, thì giống – nòi hư – hỏng, phong – tục bại hoại, thì lòng người kiêu ngoai. Ta đương buổi giao – kỳ, học củ đã suy, học mới chưa thành, chiếc thuyền còn linh đình giữa biển, cảnh ngộ thiệt là nguy hiểm lắm ! Nếu cái phương châm ngày nay, mà sai một ly, thì đi ngàn dặm, hậu – vận (tổ – quốc ta tẩn – hoá cũng ở đó, mà thói – hoá cũng gở đó !*

*Vậy bà con ta, nên nghiên – cứu cách gì, cho còn được quốc – tuý, cho hiệp với thời – nghi cho khỏi tiếng cười chê phụ – nơn nan – hoá ?*

*Mấy chị em gái chúng tôi: vẫn băn – khoăn về nỗi niềm ấy. Nên mượn tờ báo này, đăng cùng các bà đồng – chí nghiên – cứu ra sao mà giải được vấn – đề ở trên.*

*Theo ý kiến riêng chị em tôi tưởng: Cuộc đời trong buổi trăm khôn, nghìn khéo, mạnh được yếu thua này chỉ bằng trước hấy*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*nên gây lầy lại bực. Một “ Phổ thông” hai “ Thiệt nghiệp”.* Phổ thông là cái bất cứ giàu, nghèo, sang, hèn, ai cũng có chút học – thức trong não. Thiệt nghiệp là nhứt thiết đờn – bà con gái ai cũng có nghề nghiệp trên tay. Có học – thức thì mới biết cái bổn – phận là vợ, làm mẹ. Có nghề nghiệp thì mới khỏi tiếng nhờ chồng nhờ con. Vậy không những phước riêng trong gia – đình, và cũng là ích chung cho cả xã – hội nữa. Biết bao giờ cho đạt được cái mục đích như thế ? tưởng cũng còn lâu thay, mà cũng là khó thay !

*Bổn – báo vì một tấm lòng si – tưởng ấy, nên vượt cả bổn – phận gái, mà xướng cái chủ – kiến riêng, dẫu rằng sóng cạn đá mòn, chị em tôi, thủy chung vẫn một tấm lòng son, không phai lạt.*

*Người xưa có câu thơ đề chuông rằng: : “ Một tiếng khua vang năm hồ bốn biển”. Bổn – báo tài nhỏ sức mọn, đâu dám tự – phụ như cổ – non, nhưng cũng chẳng đến nỗi quá liều như lời nói : “ Vác chuông đi đánh một hồi lầy danh”. Nghĩa chỉ có ý muốn tỷ mình như chuông báo thức, kẻ tai mấy tiếng kêu nhau trong chị em nhà. Bởi thế nên lấy tên Nữ – Giới – Chung mà đặt hiệu báo.*

*Sau hết xin nói bổn – báo có mấy cái tính chất riêng này:*

*1. - Vun trồng gốc Luân lý – Từ cách ăn thói ở các bà hiền – triết đời xưa và đời nay, Châu Âu chí Châu Á học lấy cốt tinh – ba, trộn lộn vào một lò, đúc cái gương đạo đức, soi chung với bạn má – đào.*

*2. - Trau giồi lẽ biết thường. – Lược đại – khái những học – thuật xưa nay, các hiện – trạng trong ngoài, cuộc đời biến đổi làm sao, thân ta quan – hệ thế nào, lấy lời giản – dị, tỏ nghĩa cao sâu đặng thích – hiệp với trình – độ đờn – bà nước ta, mà có cái kiến thức tương – đương với người nam – tử.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

3 . - *Gây dựng cuộc sống công – thương. – Diễn các khoa chuyên – môn thiết – dụng tả những sự chiến tranh vô – hình kêu nhau đem nghề tay đua bơi với đồ máy, trọng thỏ – hoá vừa giữ lấy lợi – quyền.*

4 . - *Liên lạc mối cảm – tình. – Tổ cái nghĩa chúng – tộc kết một giải đồng – tâm hiệp cả Bắc, Trung, Nam làm một đoàn thể lớn cho rộng đường phổ – thông mau chơn tấn – bộ.*

*Ấy bốn cái tinh – chất, đó là rút hết tinh – thần của bốn – báo, mai sau dầu đạt hay không, còn trông về phần đông chị em trong một nước.*

*Bốn – báo theo lệ tuần báo, mỗi tuần – lễ xuất – bản một kỳ, mỗi tập là 24 trương, nội dung có tám mục như sau đây:*

*Phàm những bài bàn về các vấn đề có ích lợi chung với trong bạn gái, có quan hệ lớn đến việc đồn – bà, lấy lẽ công bình – tình mà luận. Một chú – ý về phân phong – hoá hai cô – động về việc công – thương. Tóm lại là ngụ cái tinh – thần của bốn – báo thì thuộc về mục “ Xả – thuyết ”*

*Phàm những nghề chuyên – môn đã có thiết – nghiệm mà rất giản – dị, hoặc làm tay hoặc dùng máy, có thể ngồi nhà mà nghiên – cứu lấy, không thấy mà chế – tạo được, rất giúp ích cho nhà làm nghề, thì thuộc về mục “ Học nghệ ”.*

*Phàm những việc cần dùng hằng ngày trong gia – đạo, như may vá, nấu nướng, tính – toán, thuốc – thang, và cách nuôi con, dạy con, chỉ bảo đũa ăn đũa ở, cho có kỷ – cương, có nề – nếp, thì thuộc về mục “ Gia – chánh ”*

*Phàm những bài từ, phú, thi ca, của mấy bậc danh – viên, khuê – tú ngâm trăng, ngợi tuyết, nhả ngọc, phúng châu, lấy câu văn mà đi – dưỡng tánh – tình thì thuộc về mục “ Văn Uyển ”*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Phàm những bài không vào môn – loại nào, không có thể – lệ gì như bài “hại kiếu” lời “ Cách ngôn” chuyện “ Khôi hài” câu “ Thai – đố” ! và các cuộc chơi tiêu khiển, mà có ích trí khôn thì thuộc về mục “ Tạp trữ”*

*Phàm những việc hiện – tại ngoài thế – giới, trong nước nhà, mà có quan – cảm với nữ – giới, hoặc các phóng – viên gửi lại, hoặc theo báo tây dịch ra, cứ trong sự thiệt, hay khen hèn chê, như thể – lệ nhà làm sử vậy, thì thuộc về mục “ Thời đàm”.*

*Phàm những bài liệt – truyện các bà mẹ hiền, dâu thảo đức – hạnh tài – ba xưa nay, đem phần – son tô điểm non – sông mà mai – một không mấy ai nhớ được lịch – sử. Nhất là những bà có tài – đức trong nước ta; đều sao – lục lại, tập làm kiếu thom, làm, làm bìa kĩ – niệm làm gương cho khách hồng – quần thì thuộc về mục “ Truyện – ký”.*

*Phàm những truyện có lí – thú của mấy nhà Đại – tiểu – thuyết gia ký – thác làm người trong sách, mà tả cái chon – tương thói đời lòng người. Ngụ ý khuyên răn, thưởng – phạt, trong lúc mua vui, đừng ngăn ngừa cái thói xấu trong xã – hội thì thuộc về mục “ Tiểu – thuyết”*

*Sau nữa, bản – báo xin nhắc rằng: Phàm trong bài nào, hoặc có câu nào chữ nhỏ, thì dưới lại xin chú – thích minh – bạch để bạn đọc báo khỏi phiền cùng một tiếng nói, mà thành như cái ranh hạn vô hình.*

*Bổn – báo*

### I. Xã thuyết

***Bàn về sự hà lạm***  
*(A. S de la consussion)*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Cách một ít lâu đây, thiên hạ hay xâm – xì xâm – xịch về việc hà lạm, cho đến đôi mấy, thêm thông thêm – ký hể xúm lại cũng luận luận bàn bàn việc ấy. Nên tôi lấy ý kiến tôi mà chỉ ra đây, vì sao sanh ra việc hà – lạm cho lục châu khán – quan xét đoán.*

*Vấn việc hà – lạm xứ ta có hai thứ, một thứ hà – lạm tự nhiên, thứ này nếu cạn xét thì cũng như chàm, làm quan như anh thợ – nhuộm, chừng nào thợ nhuộm khỏi chàm dính tay thì làm quan mới không hà – lạm, nên tôi gọi thứ hà – lạm này là hà – lạm tự – nhiên còn thiên hạ họ coi cũng như một thứ tiền của dân đoàn phụ thêm lương bổng cho mấy ông giúp việc nhà nước; một thứ hà – lạm nữa là hà – lạm ép uống người.*

*Nếu hỏi vì sao mà xứ ta lại sanh ra việc hà – lạm?*

*Việc hà – lạm xứ ta sanh ra: một là tại dân đoàn còn dốt nát chưa biết nhơn quyền là gì (droits de l'hommes) phép luật là gì (loi) nên hể ai có việc gì đến quan, phần thì bấy lâu chưa thấy mặt quan, phần thì chưa biết phép luật, nên đâu biết việc ấy phạm pháp cùng không mà phòng bết phải quấy thế nào, chỉ lấy bạc tiền làm thầy dạy việc, và làm lễ lộc mà đền ơn. Ai ai, cũng làm như thế, nên việc hà – lạm ấy thành ra thói tục của dân đoàn, thành ra như thể việc buộc mình của con dân (obligatoire). Bởi vậy cho nên làm quan dầu muốn thanh liêm thế mấy cũng không đặng, là vì mọi việc họ đều đơm tiền cho. Thế thì làm quan ai lại không thợ cái tiền ấy là bởi họ vui lòng cho mình chớ phải chi mình ép uống họ sao? Nên nói là hà – lạm thì ai cũng đều hà – lạm. Hai là tại lương bổng không đủ dùng, thấy con dân ngu xuẩn hay đơm bạc tiền lo – lót nên khi túng rối sanh ra đều ép uống.*

*Vấn trong xã hội ngoài dân đoàn, ai ai cũng cho các quan các thầy là bực thượng lưu, không lẽ ra đi đứng với đời làm theo, bọn hạ – lưu đặng. Thí dụ như thầy thông chẳng lẽ ăn mặc như*

## HUỶNH ÁI TÔNG

cu ly xe – kéo, ăn thì không lẽ ngồi ăn ngoài chợ ngoài búa, mặc thì không lẽ mặc quần dơ áo dáy. Phải ăn mặc thế nào cho có thể thông, thiên hạ trông vào mới đặng. Nên tính theo lương bổng của mấy ông mấy thầy không thể nào đủ, vì không đủ nên phải kiếm chát thêm tiền ngoại, chớ trôi – troi đồng lương, thì phải làm nợ làm nần, phải sanh ra điều tội lỗi nữa.

Muốn biết việc ấy cần dùng trong nhà, và việc ăn ở hằng ngày của mấy ông mấy thầy, thì ít nữa phải là người Annam và có làm thầy mới hiểu đặng, chớ như lúc nọ ông Pâris khi còn làm thân – sĩ có nói tại hạ – nghị – viện rằng người Annam ăn xài trong mỗi tháng có vài đồng bạc mà thôi, lời nói ấy làm lắm. Kìa mới đây quan Trạng – sư Mat... trong vụ quế lậu, ngài nói lương bổng một ông Tây 250 \$00 ấy là lương của một tên cu – li, nghĩ lấy đó so sánh rồi hiểu, lương bổng một thầy thông bao nhiêu mới đủ.

Có nhiều thiếu thông thiếu kỹ hay than vãn về việc lương bổng của chồng không đủ xài, lúc bình thời kia còn không đủ hay huồn chi là lúc này giặc giã, đồ – đặc mỗi món đều cao giá, đều mắc - mỏ, nên hết sức cần kiệm cũng không đủ, thét phải hà tiện cũng thiếu.

Một thầy thông có vợ lương 30\$00 mỗi tháng, tính ra những việc cần dùng, dòm thấy 30\$00 mỗi tháng không thể nào đủ.

1. Mướn phố ít nữa ..... 8\$00
2. Tiền chợ, gạo, mắm muối, 0 \$ 50 mỗi ngày  $0.50 \times 30$  . 15.00
3. Tiền giặc uối (đồ 6 xu một cái ) ..... 1.20
4. Tiền nước hai đôi mỗi ngày  $2 \times 30$  ..... 0.60
5. Tiền thuốc giấy và trà ..... 1.50
6. Tiền dầu đèn, xà bông, củi lửa ..... 4.00
7. Tiền bánh trái..... 3.00
8. Tiền xài lặt vặt ..... 3.00



*May là chưa tính hoặc trời mưa đi xe kéo, rách áo may áo khác, rách quần may quần khác, giày nón hư phải mua, còn tiền để dành khi có khách đặt đãi, khi đau uống thuốc v.v... mà còn chưa đủ thay, huốn chi lương bổng của nhiều thầy, quan trên định có 20 \$00, lại có kẻ mướn mấy đồng, thì lại còn thế nào nữa.*

*Phải chi các ông Hội – đồng quản – hạt, xin dùm quan trên định thêm lương bổng cho mấy thầy cho đủ dùng, vậy mới xứng đáng là người thay mặt cho nhơn dân chớ.*

Trần – thị - Đào

*Nay tôi kính dưng mấy hàng quế kịch này cho M.M Bảo, Ngân, Trạch, Diêu, Minh, Hội – đồng quản – hạt.*

(Nữ Giới Chung, số 22, ngày 19-7-1918)

## II. Học nghệ

### ***Nghề đặt dầu thơm***

*Sự tích. – Kinh Thiên – Trúc có câu nói rằng : Phật bởi huê – sen mà sanh ra. Nhà bàn rằng: “Đứng Tự – hữu ngày kia ở giữa thiên – trung quăng xuống dưới mặt nước một hạt sen – nha ấy nứt nở mọc lên một cây sen có bông tươi tốt, bởi bông sen ấy mà thảo mộc hoá sanh, rồi thảo mộc lần lần sanh sản các động vật. Cho nên bông sen mới được chữ tặng là mẹ các thánh – thân và mẹ loài người ta “*

*Văn dân Ê – giép – tô khi xưa lấy bông sen mà dâng cho thần Isis , rồi dân Cà – rê – cô lại nói rằng : “ Đông sơ bởi nhuỵ*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*sen mà sanh ra. Thiệt bông sen mùi rất thơm tho ngọt ngào lổ mủi, màu ngũ – sắc giống Đé – đấng (là móng của trời). Vẫn bông sen là hoa rất tôn quý trong các Ngoại – tôn – giáo Đông – phương, là biểu hiện tự nhiên của nhà theo đạo Phật, là huê yêu dấu của Phật – bà, bởi đó mà các thánh – thần đời thượng – cổ sanh ra.*

*Có thể nào hơn cho bằng cái thể lấy mùi thơm tho ngọt ngào của bông sen mà làm mê hoặc trí con người, làm cho con người bát ngát, không còn tự – do tự – chủ, mà nghỉ suy gì được. Có cái điều chi hay hơn là dùng mùi thơm ấy đặng dụ Cung – phi Mỹ – nữ vào hậu cung. Mà quả vậy, mùi thơm cũng như câu thơ Thần, câu hát Quĩ, rửa các Thân – minh – chánh tri – gia hay dùng mà thẳng phụ phàm phu tục tử.*

*Thế nào cũng thế, mà tự cổ cập kim ta hằng thấy thiện – nam tín – nữ hay dùng hương – vị mà tôn trọng bụt thần, từ Đấng Chí – tôn chí – đại muôn vàn lần tái sanh mà sau rồi hành chánh quả, cho đến các bụt gỗ, thần sách đều hưởng hương – vị của thiện – nam tín – nữ dâng luôn. Thậm chí cho đến trong đạo Thiên – chúa kẻ giáo hữu cùng các cố, các cha cũng dùng nhũ – hương mộc – dược mà xông bàn thờ, tỏ lòng tôn – trọng đứng tạo – hoá.*

*Bởi đó mà thiên – hạ mới lần lần dùng hương – vị đặng xông xác kẻ chết, xông vong linh bài – vị kẻ đã tạ thế và tẩm cốt hài của kẻ mà mình yêu thương.*

*Sự tẩm xác kẻ chết là một việc phải, song lẽ ta nên lo tẩm kẻ sống trước đã. Nhưng mà vừa thì còn dễ coi chớ như bắt chước các mẹ La – mã khi xưa, đi đâu đường như là đem cả tiệm dầu thơm theo bên mình. Có nhiều bà chúa xa xỉ thối quá, trong số công – nho dám dự định mỗi năm tới 50 muôn quan tiền để mua dầu thơm mà ướp xác cho các bà.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Trong đời Hoàng – đế Néron có nhiều dinh quan dám phí cho đến 800 muôn quan mà mua một kí – lô nước thơm đựng rưới nhà, việc xa xỉ như vậy khá chừa mà cũng không nên noi gương ông Britannicus dám tốn 50 muôn quan để mua hoa hương mà đãi khách. Vẫn Y- học và Vệ – sanh có dạy phải dùng dầu thơm mà tắm mình mà chẳng nên thái quá. Ta nên khuyến khích cho thiên – hạ biết nghề đặt dầu thơm.*

*Nghề làm dầu thơm. – Hèn lâu nghề buôn dầu thơm chẳng phải là ngôi hàng chuyên môn, vạn buôn dầu khi xưa thì chung lộn với vạn buôn đông tây điều lệ vạn buôn ấy hồi đời vua Philippe Auguste (1190) lập ra kêu là vạn buôn bao tay và dầu thơm. Y theo điều lệ lập ra trong năm 1582, rồi qua năm 1656 sửa lại, thì các nhà buôn bao tay ở Paris có phép làm dầu thơm mà bán, còn nghề buôn ấy dùng dầu thơm mà tắm bao tay cắt may và chế ra.*

*Qua thập bát thế kỷ dầu thơm tại Paris đã có nhiều rồi, qua năm 1750 thì tiệm bán bao tay nào cũng có bán dầu thơm, thấy đều dọn sơn phấn mùi Lạc – dương – hoa, mùi Tử – kim – hương mà bán. Nhứt là sơn nghề khéo của họ. Trong đời Louis XV lại bày ra thói diện nút ruồi kèm theo sơn phấn cả mặt mày đều phấn như tô vách tường, cho đến đổi khác hình khác dạng. Cái kẻ làm dầu thơm lại chế ra dầu hạnh – nhờn và dọn râu sét sét để thoa mặt v.v.*

*Qua khỏi 1793, nghề làm dầu thơm ở Paris càng ngày càng nhiều hơn nữa. Song le chừng đến năm 1850, thì nghề làm dầu thơm mới thành ra một cuộc thiệt – nghiệm, ấy cũng bởi nhờ có dùng máy mà đặt dầu thơm mau lẹ, bán được giá rẻ, khỏi sự hoả – hoạn và khỏi dùng mỡ dầu làm cho cháy cho khét, hoặc phai mùi, phai màu.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Khi ấy dầu thơm Paris với dầu thơm Dijon và Marseille là dầu có tiếng; nhưng mà có nhiều lò dầu thơm ở Paris kèm theo một nghề làm savon thơm nữa.*

*Nhờ càng ngày càng lành nghề, càng khôn khéo cho nên mới bày sai người ta đi cùng thế – gian kiếm bông lạ đem về nhà mà đặt dầu thơm, đã tốt mà lại rẻ tiền.*

*Bởi đó mà không sợ các nước trang mỗi lợi, vì dầu Aêng- lê và dầu Ai – lơ – măn dầu Lang – sa bội phần.*

*Những nghề làm dầu là một nhánh thiệt nghiệp của người Lang – sa rất thịnh vượng, vì chẳng những là dễ làm mà còn dễ mua đồ thô – sản, đồ đã tốt hơn thiên – hạ mà còn nhờ cách là ve làm hộp đựng đựng dầu rất khéo léo.*

*Cũng như các nghề khác hay bị nhiều tay gian giảo nó báo hại nhiều điều, báo hại trong cách chế tạo, báo hại trong cách mua đồ thô – sản. Những tay đặt dầu lần lần rồi dùng tới cuộc thiệt – nghiệm, đặng mà thử mà tìm kiếm.*

(*Nữ Giới Chung, số 3, ngày 22-2-1918*)

### III. Gia chánh

#### ***Nghề làm bánh*** ( *Pâtisserie* )

*Crêmes*  
( *Cà-rem* )

*Càng dùng trứng trắng trứng gà thì cà – rem càng mau thành, mà ít ngon không dùng trứng trắng trứng gà cũng xong, mà phải cần để trên lửa cho lâu chút.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Cà – rem trộn đậu thom (hoa – ninh)*

*Lấy một ít sữa tốt, bỏ vào đó một miếng đậu hoa – ninh và 200 grammes đường miếng đập nát mà quất một chập thì nhứt xuống. Lấy 2 trứng gà đập lấy – trông đỏ và hai trứng để nguyên mà đánh rồi trộn với sữa mà lọc bằng rây, đoạn đổ vào đĩa sâu đập nắp, đem chưng cách thủy, trên nắp phải bỏ lửa thay. ( Miếng đậu hoa – ninh đó dùng 2,3 lần được mà lần thứ nhì phải chế hai nó ra ),*

*Cà – rem trộn chanh hoặc trộn cam*

*Cũng làm một cách như trên, mà chanh hay là cam cắt miếng dùng đồ nạo mà chà đều trên đường.*

*Cà – rem trộn café. – Dùng 1 lít sữa tốt mà nấu, rộn vào đó nước café đậu, đường 200 grammes, 2 trứng gà nguyên, 4 trứng lấy trông đỏ đánh với sữa, lược rồi chưng cách thủy như trên.*

*Thiên – Hương.*

### IV. Văn uyển

#### ***Tiếng chuông nữ giới***

*Tiếng đổ lai – rai dục – dả người tán – hoá thôi thúc cuộc phong – trào, ấy là chuông đồng hồ chánh phủ ; tiếng kêu thỉnh – thoãn kinh – tinh giắt mộng – lung, mở – mang đường thiện ác, ấy là chuông đồng – hồ Thánh – đường. Vì sao cũng một tiếng chuông mà chia hai lý – tưởng? Trong Kim – Túy có câu rằng:*

*“ Cũng trong một tiếng tơ đồng, người ngoài cười mỉm cười trong khóc thầm ”.*

## HUỲNH ÁI TÔNG

Mà hãy còn giọng thanh – tao, hơi êm – ả, rảnh – rảnh tiếng chuông Nữ – giới, giữa rời nước Nam thút tỉnh bạn quần – xoa. “ Trong như tiếng hạc bay qua, đục như nước suối mới sa giữa vời”. Thật êm tai, thật nhã – hoá, tiếng chuông này có tương – phu giáo – tử, tiếng chuông này có ngôn, hạnh, công dung

Bạn Nữ -giới ta, từ đã lâu rồi: Như mưa giội nhành hoa, mây giăng án nguyệt, giữa vườn xuân chẳng phát đặng mùi hương, trong đêm tinh không soi chung bóng rạng. Đường ấy, huê há hay không tui, nguyệt hà hay không buồn.....! Dầu huê không tuôi, dầu nguyệt không buồn, mà người trong cảnh vậy há khôn. Cãm!?.

Vậy nên tiếng chuông này, dường than - thờ, dường khuyên - lon, dường khiêu - khích. Than là than chị em ta, bấy lâu ả chốn khuê môn, nhọc nhằn thân sản - dục, ghe phen khổ cực với nhân quần luống công hưởng chút công tám măn, khuyên là khuyên chị em ta, đăm phấn son mà trang điểm tài - nghệ, đem đức - hạnh mà trau - dồi nhan - sắc. Khích là khích chị em ta; tua biết gái lành thi duyên toại, chớ nói rằng chồng quý thì ất vợ sang. Dầu cho giá đức nhà vàng mà không( dung), hạnh, công, ngôn thò cũng hổ.

Khoan nhặt tiếng chuông nữ giới, ới ai ôi thức tỉnh giấc đêm, tuân?. Đã sinh giữa chốn dinh - hoàn, cái thân há để phụ - phàng mai sau.

Trần – thị - Đào

Vần thơ cũ

**Cảnh chiều**  
Của bà phủ Thanh Quan

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Mặt trời xé xé buổi huỳnh – hôn,  
Tiếng ốc xa đưa tiếng trống dồn,  
Gác mái ngư ông về viễn – phố  
Gỏ sừng mục – tử lại cô – thôn  
Ngàn thông xao – xác chim bay mỗi  
Dặm liễu cheo – leo khách bước dồn,  
Kẻ đường giải người lữ – thứ,  
Với ai mà giải nỗi hàn ôn ?

\*\*\*

### *Qua chỗ chông làm quan cũ*

Tạo – hoá xây chi cuộc hý – trường  
Nhắm nay đã trải mấy tinh – sương,  
Lối xưa xe ngựa hồn thu – thảo,  
Nền cũ lâu – đài bóng tịch – dương  
Đá vẫn trơ gan cùng tuế – nguyệt  
Nước còn châu mặt với tay – t hương  
Danh là gương để soi thiên – c ô,  
Cảnh ấy người đây luồng đoạ – trường

\*\*\*

### *Qua đèo ngang*

Qua đỉnh đèo ngang bóng xế tà  
Cỏ cây chen lá đá chen hoa  
Dưới núi lom khom tiêu vài chú  
Lác đác bên sông chợ mấy nhà  
Luyền chứa đau lòng con quốc – quốc  
Thương nhà mỗi miệng cái đa - đa  
Dừng chơn đứng lại trời non nước  
Một mảnh tình riêng ta với ta

V. Tập trở

**Mấy lời ngộ với chị em**

*Người sanh giữa thế – gian, thấy thấy là một món đồ chơi của ông Tạo – vật lớn hay bé ? sanh hay là hèn, hơn hay là thua ? Râu – mày hay là son – phấn ? Ví dụ thì mỗi người riêng mỗi vai tuồng trong một đám con hát, của ông Tạo – vật kia, nhưng mà hỏi về phần thứ nhứt quan – hệ cho ông buồn, ông vui, ông yêu, ông ghét, ông thương, ông phạt, ông đem ơn vô lễ, ông nổi giận lôi đình, trong lúc ông nghiêng lỗ tai, ghé con mắt vào trong cuộc thế – gian, thì trước hết coi loài người thế nào ? Chúng ta cũng một người giữa thế – gian, lại là một cái thân bồ – liễu, thường lúc một mình tôi lại hỏi với tôi về những câu hỏi ấy ? thì tôi lại nói với tôi rằng: Ừ hồng – quần với khách hồng – quần, ai lại gọi thân con gái là một phần thứ nhứt quan – hệ của ông Tạo – vật kia.*

*Nói về sự hay thì xưa nay biết bao nhiêu thánh – hiền hào – kiệt, trung – thân hiếu – tử, nhọn – nhọn chỉ – sĩ, đâu là người đục – tú chung – anh điêu kim trát ngọc chẳng bởi tay nữ – lưu chúng ta. Nói về sự dở thì xưa nay cũng biết bao nhiêu hôn – quân, loạn – thân, dung – phu, tục – tử, ty ô hủ – lậu khiến cho người trung – thành, khuynh – quốc tày thân bại gia cũng bởi tay nữ – lưu chúng ta.*

*Lúc tôi nói với tôi, như thế thì tôi lại hỏi tôi rằng: thế thì có hay có dở mới ra tuồng chơi của ông, sao ông lại có vui, có buồn, có yêu, có ghét, có thương, có phạt, có đem ơn vô lễ, có nổi giận lôi đình là thế nào ? Tức khắc tôi lại ngẫm nghĩ tôi nói với tôi. Aø không ! ví như người làm ruộng trông trăm thứ lúa không trông trăm thứ cỏ, mà cỏ vẫn thường nhiều, ai thấy cỏ không gây mắt như người mẹ sanh năm bảy đứa con, ai cũng trông cho con có tánh hiền lành chớ không ai trông cho tánh hung ác.*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Mà tánh hung – ác vẫn thường thấy, vậy thì cái hung ác ai lại  
vừa lòng.*

*Khi tôi đương nói với tôi như thế, bỗng tôi lại giựt mình, tôi lại  
sợ cho mình tôi, tôi lại lo cho mình tôi, lại ngấm nghĩ sụi sùi  
buồn bực ảm ứt do thấy bọn nữ – lưu chúng ta đương lúc này.*

*Kìa những kẻ mày – ngài da – tuyết, phấn đánh gương soi, bên  
mình đôi ba cuống truyện ngôn – tình, lúc vào khuê, khi ra các,  
trong màng ngoài trướng đó là ai ?*

*Kìa xe cao – su, dù lục soạn giữa chốn triều – ba trên đường  
dưới chợ trông ra ngoài, vào đây là ai.*

*Em chê thuyền ván chẳng đi em đi thuyền thúng có khi gặp  
ghình rồi ra ba chìm bảy nổi làm cho bạc hồng – nhan rồi lại  
mượn câu trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen làm câu  
trách oán*

*Than ôi ! trời xanh có đánh ghen chi mà hồng trách, cũng mà  
hồng ghét lấy má hồng mà thôi, cho nên những câu trăm năm  
tài mạng, thiệt là lời không xét mình, mà làm cho trăm năm,  
ngìn năm đời sau, bao nhiêu những khách má hồng, như đã  
đem những câu ấy, ghi vào làm luật chung của ông Tào – vật,  
có phải đâu !*

*Người sao lại quá vô tình, có mình mà chẳng yêu mình trách  
ai, chúng tôi xin đốt hương kính chúc thiên – hạ. Ước chi chị  
em có yêu, yêu mình, có quý, quý mình, có trau chuốt, trau chuốt  
mình, có tai mắt, có tâm can tùy phé thậm chớ nói mình ở giữa  
thế gian, là mây dạt trôi bèo, là mười hai bến nước, phải đặt  
mình giữa thế gian như trắng trong như gió sạch, như ba mươi  
sáu động tiên.*

*Hà – thị – Hiếu*

VI. Tiểu thuyết

**Băng thuyết nhơn duyên**  
(Tiểu thuyết Tàu)

Hồi thứ Nhứt

*Thành Tĩnh – Phụng khách anh – hùng thương tình khổ bạn oan – ương.*

*Phê bình.*

*Đầy trời đất non cao bể cả  
Hết muôn năm rồi cũng muôn năm  
Kiếp người qua lại như dằm,  
Mấy bạc nam – nhi hiền ngộ?  
Đổi đoạn bữa ăn giấc ngủ,  
Hữu tình ai chẳng đắm thuyên – duyên  
Gió trắng chẳng mòng lòng tư mị,  
Thì chón nhân – gian vẹn mối giề.*

*Tĩnh Bắc – trực – lệ, phủ Đại – danh, có gã tú – tài ho Thiệt tên Trung – Ngọc, tên chữ là Đĩnh – Sanh, phong tư dung hào – kiệt, đẹp – để dạng thuyên – duyên, bởi trong xóm ấy đều gọi tên người là Thiệt – mỹ – nhơn. Luận đều nhơn cách của người; vẻ vang ôn – hoà, hình dung phong nhã lại thêm ruột gan như sắc đá một đường, chẳng giống thường tình thế tục. Người lại thêm có sức mạnh, thảo gặp việc bất bình, bèn ra tay dụng võ. Đến việc giao tiếp cùng người, thì lại đường đường chánh chánh, giàu chẳng phải mòng, mà khó chẳng phải phụ; ngoài ra nếu ai có việc chi hườn cấp, chẳng luận hiền ngu, sang hèn thẳng đều vui lòng giúp đỡ, cho nên thấy đều nghe danh kính mến.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Cha tên là Thiét – Anh noi đường Tấn – sĩ xuất thân, tánh tình trung – trực, làm quan đến chức Ngự – sử, rất có danh làm tôi rục rạc. Mẹ là Thạch – th5i cũng theo cha nơi nhậm sở. Còn chàng bởi tánh cao trọng, chẳng qhn thường tình, phàm gặp việc bất bình, dám ra tay chẳng hề kiên sợ chi cả, cha mẹ sợ đăm theo gây họa, nên để lại nhà. Bởi tánh tình dường ấy, lại thêm tài năng xuất chúng, cho nên xem ai cũng chẳng vào con mắt.

Thường ngày đóng cửa hoặc ngâm – nga hiên – truyện thánh kinh, hoặc tiêu – khuyến rượu Lưu rượu Lý, đến khi cao hứng chẳng vịnh phú ngâm thi, cũng du sang ngoạn thủy.

Khi 16 tuổi, cha mẹ sắp ý cầu hôn, mà chàng nằng nằng chẳng chịu rằng: chẳng ưa thường tục, kia như tình bằng hữu, nếu hiệp thì giao, bằng chẳng hiệp thì lia. Chứ như đạo vợ chồng là ngũ – luân, trong giềng cả thoản vậy cang – lệ, phải trọn giữ 100 năm, bằng lật đật thành hôn chẳng phải trang thực – nữ, e hại mai sau cho tánh tình, cho đạo nghĩa; muôn trông cha mẹ hườn hườn mà chọn lựa, họa may phước nhà vẹn vẻ.

Cha mẹ thấy con nói hữu lý, mới đình việc cầu hôn, bởi ấy Trung – Ngọc tuổi đến 20 mà chưa cưới vợ.

Buổi nọ Trung – Ngọc đang uống rượu xem thơ, đọc đến câu: Tỳ – cang trung gián nhi tử (Tỳ cang đem lòng trung, cang vua mà bị chết), bèn nghĩ rằng: Làm tôi trung mà chết tuy nên chánh đạo, song phải có chước có quyền, trên khá mở lòng vua chỗ tối tâm, giúp nên việc nước, dưới bảo toàn công cang, giữ vẹn thân gia, ấy mới gọi là tài tề gia trị quốc.

Bằng đăm một tấm lòng một rung, chẳng cận thận dòm trước xem sau, chẳng những không nên việc nước mà thôi bày lối vua, chộc giận vua, làm cho đến gia táng thân vong, thì cái trung ấy nào có ích cho việc cả. Tương vậy rượu vài chung rồi,

## HUỶNH ÁI TÔNG

*càng nói càng nghĩ, càng nghĩ càng buồn! Nhớ đến cha mình, làm quan ở vào đường can gián, tách lại thêm cứng cỏi, ngạnh – nghề e khi cơ biến chẳng chịu, mà mang phải cái lụy ấy chẳng?*

*Sợ rồi tưởng, tưởng rồi lại lo, chớ chi ta có cánh, bay đến thăm cha, đặng tỏ những điều ái ngại của ta, hoạ giải – quyết tâm lòng lo sợ. Đường ấy mà bàn – hoàn trót đêm, lo – lường tất dạ. Rạng ngày kêu một lão quản gia phó – thác việc môn – đình, bèn sửa – san hành – lý, cùng một gã Tiểu – đơn nhắm kinh – kỳ mà trực tẩn.*

*Trung – Ngọc lòng vội vã đi đặng vài ngày, bởi lòng nóng nảy cứ việc bôn – ba, chẳng kể đâu là thị thành, đâu là non rậm. Bởi vậy trời tối rồi, không nơi mà an nghỉ quanh – quất hồi lâu, đến chón làng quê, trời đã tối rồi, cũng chẳng kén chọn chi là nhà cao vách rộng. Xuống ngựa bước vào kêu người nhà hơi đỡ.*

*Trong nhà một bà bước ra, thấy Trung – Ngọc y phục trang – hoàn, bèn hỏi Ngài có phải là người ở kinh, đi thăm Vĩ – tướng – công chẳng biết nhà đến làng mà hỏi tôi chẳng?*

*- Tôi chẳng phải thăm Vĩ – tướng – công nghe tôi là người đi kinh, vì tham đi quá bước, nên kiếm nơi an ngụ mà thôi.*

*- Nếu ngài muốn nghỉ chơn, cũng chẳng ngại chi, bởi nhà tôi là chón cùng cư lậu – hạng, e chẳng đáng chỗ cho Ngài nghỉ an, xin ngài miễn chấp?*

*Trung – Ngọc bèn nói rằng: Không sao đâu bà, nghĩ đỡ một đêm, rồi tôi cũng đền ơn cho bà vậy. Bà bèn vội vã kêu Tiểu – đơn đem đồ hành – lý vào và dắt ngựa ra vườn cho ăn, mới mời Thiết – công – từ đến chón lều tranh an nghỉ; trà nước xong rồi, Thiết công – từ bèn hỏi: chẳng hay khi này bà tưởng*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

tôi là người ở kinh đi thăm Vĩ – tướng – công, vậy chớ Vĩ – tướng – công là ai, có việc chi mà người đến thăm vậy bà? – Nếu vậy ngài chưa rõ, võ xứ này chẳng phải gọi là Vĩ – thôn (lấy họ Vĩ) bởi ngày trước có phát đảng một ông làm quan đến chức Thượng – thư, thân – thuộc lại thêm đông – đảo, trong làng mười ấp, mà người họ Vĩ đã hết 6,7 ấp rồi; bởi ấy thiên hạ đều gọi chốn này là Vĩ Thôn.

Nào hay kẻ dinh, hư, tiêu, trưởng không chừng, chẳng những gia thế si – vi mà thôi, thậm chí thân tôi ngày nay ừng xiêm – lưu hết cả, chẳng còn tại một vài họ Vĩ thương ôi! Chẳng phải phường cày ruộng, cũng bọn khiếm phân, nào còn ai một người gọi là con nhà trâm – anh đọc sách, không dè mới đây, phước sanh đảng một gã Vĩ – tướng – công, tuổi vừa mười bảy, thi đậu tú – tài. Thời may nơi kinh sư lại gặp một nhà dòng đạo tú – tài, thương chàng niên – thiếu tài cao, bèn đăm con mình mà hứa duyên can lệ, song mắc nỗi gia thế cơ – hàng nghèo thắm cốt chuy. Bởi vậy, trót ba năm rồi, mà không thành lễ cưới.

Thương thay! Sự nghèo khổ đuổi – đeo, phần vô – duyên trắc trở. Một vài ngày đây có một ông quan to giàu cả, quyền – thế góm ghê, do thấy vợ chàng tư dung huê hường nguyệt then bèn muốn cưới về làm thiếp, song cha mẹ nàng chẳng tham phú phụ bản quyết chí con mình trăm năm cùng người cũ.

Làm cho ông quyền – thế; nỗi phùng phùng lửa – giục sôi sục – sục gan ta, lung quan thế, cậy cường quyền đuổi ửng – khuyến cướp nàng trong giây phút.

Mới đây có người đến thông – tin cho Vĩ – tướng – công, Vĩ – tướng – công hoản – hốt vội – vàng đến kinh mà dò hỏi, không dè tìm khắp đông tây cả ngày rồi. Chẳng những bật tin – tức vợ mà thôi, mà cha mẹ vợ cũng là là biệt tích chàng muốn đến quan đầu cáo trạng, còn e nỗi lấy chi mà làm chứng, khó cho

## HUỖNH ÁI TÔNG

mà biện bác, chàng luống những buồn – bực mà trở về tỏ cùng mẹ, lụy thảm dầm – dề, khóc than in – òi, chàng bèn tự quyết mà chạy thẳng tới sông mà tự vận. Mẹ chàng trung hô lên, thấy đều chạy theo mà ngăn cản, làm cho ở nhà tôi hồi giờ cũng mắc xúm – xít cùng trong đám ấy. Bởi vậy khi tướng – công mới đến mà tôi tưởng là cùng bạn hữu chi chi với Vĩ – tướng – công hay việc biến mà đến thăm người.

Hai đảng đang trò chuyện, xảy nghe ngoài ngõ la ó vang dầy, bước ra xem thấy bọn – bàng người ta vây theo một tên thiếu niên hoà đi hoà khóc. Bà già gióm thấy chồng mình cũng đi trong đám ấy, bèn kêu mà nói rằng: trong nhà có khách, ông phải trở về. Ông già bước vào, thấy Trung – công – tử, chào hỏi xong mới biết là người lỡ bước rồi nói với mẹ rằng sao bà chẳng lo com nước mà ra ngoài đứng xem chi vậy.

- Không phải tôi muốn xem, Bởi khi Trung – tướng – công mới lại có hỏi thăm đến việc của chàng Vĩ, cho nên khi nghe là khóc ngoài đây, mới cùng nhau bước ra xe thử.

- T – T – N bằng tiệp hởi chẳng hay vợ V – T – C bị cướp lúc ban ngày, vậy khiến chẳng ai xem thấysao, mà V – T – C kiếm chẳng ra tông tích.

- Lão bèn nói rằng: sao lại không xem thấy, sao lại không tông tích. song mắc trúng chỗ lợi – hại quá thế ai dám đúc miện vào mà mang tai. Mẹ nghe mới hỏi: vậy thì chuyện này ta thật chẳng nên nói đến sao? – lão chẳng luận là chẳng nói, dần cho nó rõ ra, cũng không thể nào mà cứu đặng.

- Mẹ dường ấy chắc Vĩ – T – C tánh mạng nguy rồi, thương thay! Nói rồi bèn đi dọn com.

( sau sẽ tiếp theo)

Truyện

**Một ngàn và một ngày**

Nước cách – sơ – mia(1) thưở xưa có 1 vua cai trị tên là Tờ – gờ – ri – bây. Vị quốc vương này trở sanh một hoàng – nam và một công – nữ đều tài mạo phi thường. Ông hoàng bảo tự Pha – ru – cờ – ru; ấy là một vị thiếu niên anh hùng, tài đức gồm đủ cả. Còn công – chúa nữ danh Pha – ru – cờ – nả; thiệt là một tài sắc giai nhơn; hình dung nguyệt thẹn huê nương, tư chất ngư trầm nhạc lạc.

Ấy là:

Mia mai Đắc Kỳ tới dinh Thương  
Mường tượng Chiêu – Quân ra ải Nhạn.

Công – nương xinh đẹp cho đến đôi hể nam nào dòm thấy thì thâm thía phải lòng đáo đẽ. Cho nên nhiều kẻ thương quá mà ra khúng ngộ; hiểm người mang bệnh thất tình nan tồn tính mạng.

Công – nương tuy là yếm mang quần vận mà ưa nghề cỡi ngựa cầm cung và mỗi khi đi săn băng điền điệp chơi, thì không chịu đội lớp phủ mặt (tục xứ ấy hể đờn bà đi ra phải che mặt cho kín).

Thiên hạ rần rần theo coi, ré là khen ngợi chẳng ngớt. Công nương cỡi ngựa bạch hồng – mã đi giữa; đôi bên thể nữ theo hầu đều cỡi ngựa ô. Bọn thể nữ ấy cũng không bao mặt mà nhan sắc cũng lạ dường. Song có một mình công – chúa mỹ miều hơn hết và bá tánh bầu xem không màng nhần. Mọi người đều chen lán lại gần, quân lính đũi xua cũng không được. Túng thét phải hươi guom hâm dọa mà cũng không nao. Nhiều kẻ nói chẳng sợ guom trường, thà rủi trúng đặng thác trước mặt

## HUỶNH ÁI TÔNG

*công – nương thì ngậm cười nơi chín suối. Cho nên xông vào cận quá, bị gương đâm trúng phát rồi ô hô !*

*Đức vua hay tình hình như thế, e nhọn đản phải bị chết oan; bèn cấm công – chúa không cho ra khỏi cung điện nữa.*

*Từ đó, tiếng quốc sắc khuynh – thành nổi dậy cả phương Đông vua các nước găm ghé cầu thân, sai sứ đến triều Cách – sơ – mia luôn luôn chẳng dứt. Mà rùi ! có việc này xảy đến, làm cho công – nương nghi quyết rằng cả và đờn ông đều ở bạc với đờn bà. Đêm kia đang cơn giấc điệp Công – chúa chiêm bao thấy một con nai đực mắc bẫy đờn ông hết sức vẫy vùng. Khi ấy một con nai cái chạy lại cứu khỏi. Kế một lát nai cái bị vương bẫy khác, kêu la thảm thiết, nai đực đứng dòm chẳng chút động tình, không thêm cứu và bỏ chạy đi mất. Tỉnh giấc mộng công – nương nghĩ càng bát ngát. Thế khi thần minh mách báo cho mình rằng; cả nam nhi đều hết thấy bạc tình, dẫu vợ có thương cho mấy đi nữa thì chồng cũng là phụ rẫy. Quyết trong dạ càng thêm ấy nấy, sợ e vì tay vua nước nào phải chịu nòng nã đắng cay. Buồn riêng thân, trâm lược biếng cày, lật đật vào tâu phụ vương mà tỏ niềm tâm sự. Không nói rằng mình sợ đờn ông, duy hai hàng nước mắt đầm dề, lạy và xin cha đừng mưa gả ép. Vua phán rằng: phạt gái mười hai bến nước, bé theo cha lớn phải theo chồng, ấy là lẽ – thường. Nhưng vậy mà, con chưa khứng thành hôn, cha nữ nào ép giá. Khuyên ái nữ mưa đừng buồn bã, dẫu cho Đông – cung – thái – tử Án – Độ đến cầu hôn, cha bao nỡ y lời. Vậy thời chốn tịnh phòng Aùi – nữ nghỉ ngơi, chớ chác thăm tịnh thần hao tổn. Công – chúaặng lời như cời tám sấu, lật đật trở lại hôn hờ. Quyết chẳng chịu gây duyên kết nợ dẫu cho chủ – vương tới cầu thân tỏ mở cũng mặc ai..*

*Cách ít lâu Sứ – thần chur – quyết lần lần đến tính việc cầu – hôn. Kể thì khoe khoan rằng vua mình rất bực chí tôn, người lại nói ông Hoàng nước mình tài nghệ đức hạnh đều gồm đủ.*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Vua Cách – sơ – mia tiếp nghinh rất hậu, đãi đằng các sứ rất phi tình. Song phán rằng: Công – chúa đã nguyện trọn đời giữ vẹn đồng – trinh, chả khứng xe tơ kết tóc, xin chur – sứ phản hồi quý quốc, lễ vật đem sang xin gởi lại cho quý bang. Các sứ bèn tạ từ bệ vàng mà trở về bộ không vui, vì đi chẳng thành sự.*

*Vua Tờ – gô – ri – bậy thấy vậy trong dạ không an và nghĩ rằng: Các nước sông sông một nói cho được con ta. Lại chẳng mang đường thiên sơn vạn lý tương hữu vật các nước kết hôn, mà gây nên chuyện qua mà cầu hôn, nhưng con ta không khứng, không chùng biết lương duyên oan tác đại cừu duyên. Còn như con ta, nó chẳng chịu cả đời thành hôn. Sợ khi giai phâu Phiên thành cứ ác ngẫu chớ chẳng chơi! Sự làm sao nầy đây cũng gây oán thù, đặng giải phiền các nước” Nghĩ như vậy, vua cho đòi bà vú của công – nương đến phán rằng: “Nhủ nương, thấy công – nương muốn ở vậy trọn đời trăm lạy làm lạ lắm. Trăm lạy làm lạ lắm, không hiểu ý gì ai – nữ ta không chịu xuất giá tòng phu; có khi tại nhủ – nương xúi giục đó chẳng?” Nhủ – nương rằng: “Muôn tâu bệ – hạ, công – nương mà chả khứng lạy chồng đây cũng tại một điềm chiêm bao. – nhủ – nương hà lộng ngữ, hà lộng ngữ, cảm cường ngôn cảm cường! Chiêm bao gì mà làm cho ái – nữ quyết từ hôn thiệt ta chẳng tin người được. – Muôn tâu bệ – hạ, xin giảm con nghi hoặc, đãi thần thuyết lai. Đó rồi nhủ – nương bèn thuật các đầu đuôi tự sự trong chiêm bao và sự công – chúa sánh việc nai mà so việc người và quyết tin như vậy cho nên thề trọn đời chẳng chịu cùng ai.*

*Đức vua nghe mấy lời bà vú nói thêm lạy làm kỳ nghĩ chiêm bao là đều mộng mị mà sao công – chúa lại tin đến thế. Đạn phán rằng: “ Chừ con ta đã quyết vậy rồi, Nhủ – nương hãy lo một phang, trăm lo một phang coi có thể chi mà giải lòng con trẻ cho đặng. Quả nơn sợ các nước nói không xong mà gây*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*oán gây thù. Chừng họ hiệp binh đại cử hùng sư thì dầu mạnh hổ cũng nan địch quần hồ, e nổi quốc – gia khuynh bại.”*

*Nhủ – nương suy nghĩ hồi lâu rồi tâu rằng: “Tâu lệnh Bộ – hạ kẻ hạ thần có chước hay mà là cho công chúa hết tin mộng ấy nữa”. Vua nghe nói rất hân hoan lật đặt hỏi: “Nhủ – nương có chước chi hay, tâu riết cho trăm nghe, kéo tấm lòng bút rức. – Muôn tâu kẻ hạ thần sẽ thuật biết bao nhiêu chuyện rất màu cho công – chúa nghe. Và trong mỗi chuyện đều có gương chồng thương vợ hết lòng hết sức, vì đàn bà lặn biển trèo non, thề nhau cùng sông cạn núi mòn, dầu cho trong cơn ly tiếc chồng cũng không hề quên một phút. Thần sẽ lựa đều trong đụt, rànglâm sao cho công – chúa phải hồi tâm. Xin thành – hoàng an nghĩ mình rộng, để mặc tôi giác đặc”. Vua rất hoan hỉ phán rằng: “Được như vậy bình an xã tắc, đường ấy thì trường cửu miếu đường, hãy tâm tâm giác đặc công – nương, việc ấy trăm phú cho nhủ – mẫu.*

*Còn bà vú vâng chịu lời vua chỉ phán, thì bày liệu ba lo, kiếm ngàn điều hay, trăm chuyện ngộ, chờ gặp dịp mà nói cùng công – chúa.*

*Thường thường mỗi bữa xế quá; Đức vua, Hoàng hậu, công – chúa với cung phi nữ đều tựu lại nghe đờn ca xướng hát nhạc trời tiêu thiêu. Bởi vậy, bà vú lựa dịp buổi sớm mai mà thuật chuyện đời xưa cùng công – chúa cho dễ.*

*Ngày thứ, mới tảo thìn công – nương mới đi tắm, có dẫn theo thế nữ cùng nhủ – nương theo. Khi công – chúa vừa vô bồn tắm, bà vú nói rằng: “tôi biết một chuyện rất nhỏ và rất lạ thường, phải chi công – chúa cho phép tôi nói thì tôi chắc công – chúa vui dạ biết chừng nào mà kể?”*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Công – chúa tuy không muốn nghe cho mấy, song mắt các thế nữ theo hầu một hai cũng xin cho thuật nghe chơi, nên nhủ – nương được phép rồi nói như sau này*

### CHUYỆN A – BU – CÀ – SAN BẮC – RY

*Cổ – sử chép rằng vua Ha – run-án – si là phú cường hơn các vua. Mà phải chi người đưng có tánh hay nộ khí và tự phụ tự kiêu thì người là một vị đế – vương rất trọn lành trong đời đó. Vả người thường cao rao khoe khoan rằng cả và thế gian không có vua nào lòng dạ rộng rãi hơn người nữa. Ông Gia – pha là quan cực phẩm thấy vậy bất bình, ngày kia liêu mạng tâu rằng: “ Muôn tâu bệ hạ, là chúa – tể cả hoàn – cầu, xin tha tội hạ thân phạm thượng, vì hạ thân cúi xin bệ hạ chớ hoạ phù thân đái. Hãy để cho triều thần vãn ban cơ bá và các kẻ xử lạ đến trú ngụ khen tặng Bệ – hạ mà thôi. Bệ – hạ hãy mừng vì trời trở sanh lương tể, đất rơi dẫu hiền thân, ngoài lê dân nhuần gội Hoàng – ân, và người di quyết ưa tới đây mà hưởng được lành của Bệ – hạ”*

*( Sau sẽ tiếp theo)*

*Madame Bửu – Tượng (Trà Vinh)*

Số đầu tiên của *Nữ Giới Chung* chỉ có 6 mục, số 3 có tới 7 mục, số 5 có 8 mục.

Đặc biệt ở số 18 xuất hiện thêm mục *Đồng Thoại* nên trên số báo này có tới 9 mục, và về sau chỉ có số 21 mới có 9 mục như vậy.

Riêng mục *Cản cáo* thường xuất hiện ở phần đầu tờ báo khi toà soạn có điều gì cần nhấn gởi tới bạn đọc.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tóm lại, Nữ Giới Chung có những mục chính thường xuyên như sau:

1. Xã Thuyết
2. Học Nghệ
3. Gia chánh
4. Văn uyển
5. Tập trở
6. Thời Đàm
7. Truyện ký
8. Tiểu thuyết

Mục *Xã Thuyết* chính là diễn đàn của những người phụ nữ, đề họ được nói lên tiếng nói của mình. Đây là tiếng nói đòi quyền bình đẳng, đòi được tôn trọng, chỉ cho giới phụ nữ thấy được nữ quyền. Mục này do Sương Nguyệt Anh phụ trách, những bài viết của bà rất sắc, tập trung vào vấn đề, có tính kêu gọi, rất hiệu quả. Đề tài xoay quanh những chuyện như: “*Cách ăn mặc của đờn bà nước ta*”, “*Bàn về sách dạy đờn – bà con gái*”, “*Lòng yêu nước của đờn – bà Pháp*”, “*Lòng nhiệt thành*”...

Ngoài Sương Nguyệt Anh cũng có một số nữ tác giả khác, tham gia mục *Xã thuyết* như Nguyễn Song Kim, Trần Thị Đào, Nguyễn Thị Bồng...

Dưới đây là một đoạn trích trong bài:

### ***Lòng yêu nước của đờn bà Pháp***

*Nguyễn thị Bồng*

*Người ta ai không có nước, nước cũng như nhà nếu biết yêu thân thì phải yêu nhà, muốn giữ vẹn nhà thì phải yêu nước.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

..... yêu nước thì hoặc lấy của, hoặc lấy sức, hoặc lấy tài, hoặc lấy đức. Yêu nước thì phải dùng lưới, hoặc dùng bút, hoặc đổ máu ra mà làm cho tổ – quốc được quang vinh.

Dẫu mình có thiệt mà nước mình được ích cũng làm, dẫu mình có hại mà nước được lợi cũng làm.

Hoặc ở số báo thứ 9, bài viết lại khuyên chị em phụ nữ không chỉ nên lùi thui trong xô bếp, hoặc chỉ say mê trong việc ngâm vịnh thi phú mà còn phải biết tình hình thế sự. Mở rộng nhãn quan để tìm hiểu “tình trong thế ngoài”. Phải biết nâng cao trí thức để có được một cuộc sống tự lập chứ đừng nên núp mãi dưới bóng trượng phu:

Thơ xưa, tài nữ nước ta như bà Đoàn Thị Điểm, bà Hồ Xuân Hương, Bà phủ Thanh Quan, bà Diệu Liên công chúa là đương buổi thời khao cử nhất sĩ nhì nông. Ngày nay ngọn sóng Âu trào qua Nam Hải, các khoa học mênh mông, công nghệ ấy, khoa học thế kia, trông người mà nghĩ đến ta, tình buồn cảnh buồn mà không cảnh buồn mà không buồn lại buồn cảnh bông tàn trăng khuyết là sao vậy?

Kìa ta mở cặp mắt ngó ra hoàng hải, người âu Mỹ làm thầy giáo cũng là đàn bà, mà thầy kiện cũng là đàn bà, trong tay sẵn có một nghề, không phải nương nhờ người nam tử. Ấy cái học người ta như thế há chẳng như người mình không bệnh mà rên!

Chị em ơi! Cái nét đánh chết cái hay, dẫu vẫn như Á Tạ nàng Ban, cũng chẳng qua một cái trò chơi. Muốn có cái địa vị ngang hàng với nam tử thì chẳng những việc tề gai nội trợ phải thuộc lòng mà tình thế trong ngoài cũng phải ráng lên mà ghé mắt, tuy chẳng được như người Âu song cũng chẳng phụ tiếng con cháu Lạc Hồng...”

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong một bài viết ở mục Văn uyển, cũng có bài hô hào, cảnh tỉnh nữ giới sau đây:

### **Tiếng chuông nữ giới**

*Bạn Nữ giới ta, từ đã lâu rồi: Như mưa giội nhành hoa, mây giăng án nguyệt, giữa vườn xuân chẳng phát đặng mùi hương, trong đêm tình không soi chung bóng rạng. Đường ấy huê há hay không tui, nguyệt hà hay không buồn....! Dầu huê không tuổi, dầu nguyệt không buồn, mà người trong cảnh vậy há khôn. Căm!... ?.*

*Vậy nên tiếng chuông này, dường than thở, dường khuyên lơn, dường khiêu khích. Than là than chị em ta, bấy lâu ẩn chốn khuê môn, nhọc nhằn thân sản dục, ghe phen khổ cực với nhân quần luống công hưởng chút công tâm mắt, khuyên là khuyên chị em ta, đăm phần son mà trang điểm tài nghệ, đem đức hạnh mà trau dồi nhan sắc. Khích là khích chị em ta; tui biết gái lành thi duyên toại, chớ nói rằng chồng quý thì ắt vợ sang. Dầu cho giá đức nhà vàng mà không( dung), hạnh, công, ngôn thù cũng hổ.*

*Khoan nhất tiếng chuông nữ giới, ới ai ôi thức tỉnh giấc đêm, tuân?. Đã sinh giữa chốn dinh hoàn, cái thân há để phụ phàng mai sau.*

Trần Thị Đào

Ngoài những tiểu phẩm được viết theo bút pháp cũ, trên *Nữ Giới Chung* xuất hiện “ Từ khúc mới”, phải chăng đây là thơ mới, đã xuất hiện trên *Nữ Giới Chung* từ năm 1918, trước bài *Tình Già* của Phan Khôi đến 14 năm, xin mời đọc:

**Nhớ bạn**

Ai!  
Ai ôi!  
Nhớ bồi hồi !  
Ra đứng trông trời.  
Ngâm ngùi !  
Bóng trăng soi.  
Xa xa trông tưởng bóng người  
Vội !  
Vội mời,  
Chẳng thấy ai tới nơi.  
Thần thơ ngoài  
Vấn vơ hoài  
Ngồi !  
Dùi mài,  
Dựa gốc mai  
Tắc dạ đầy vơi  
Mong nhớ khôn nguôi  
Bên lầu mờ ngán bóng lui  
Ngọn nhành lác đác sương rơi, lạt mùi

Trên *Nữ Giới Chung* chẳng những phụ nữ tham gia, cả nam giới cũng có tham gia bài vở, như nhà giáo Trần Trọng Kim cũng có bài đăng.

*Nữ Giới Chung* được nhiều người gửi thư khen ngợi, nhưng cũng có người gửi thư trách mắng Chủ bút Sương Nguyệt Anh như sau:

*Bà Sương Nguyệt Anh tôi mong bà bỏ ý định ngông cuồng đòi nam nữ bình quyền, bỏ ý định hô hào giải phóng phụ nữ. Tôi biết bà cũng có dăm ba chữ thánh hiền, chớ không như bọn người vô học, bọn người tiểu nơn. Tại sao bà lại làm như vậy? Ngay bọn canh điền khổ rách áo ôm chữ nghĩa không đầy*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*lá me, cũng không có ý tưởng như bà, chúng vẫn giữ tròn đạo làm vợ, làm chồng. Cha bà ngày trước từng dạy bà đủ điều về nữ tặc nữ công kia mà ! Hay là bà quên hết trơn rồi. Hay tại chồng bà chết sớm nên bà không biết phận làm vợ của một người đàn bà...” cả những lời cảnh cáo “Bà nên nhớ bà là một người đàn – bà có chồng chết sớm con chết trẻ, bà nên sớm lui gót về quê nhà, không nên ở đất Sài thành này. Bà thủ tiết để nêu cao chữ tiết hạnh mà người cha bà từng rao giảng tốt hơn là làm chủ bút báo “hãy coi chừng.”*

Ảnh hưởng của tuần báo *Nữ Giới Chung* đã khiến mật thám Pháp e ngại, do đó sau số ra ngày 19-7-1918 thì báo bị đình bản và biến thành một tờ báo khác, tờ *Đèn Nhà Nam* - thân chính quyền Pháp, chủ nhiệm là Trần Năng Thuận, số 1 ra ngày 4-12-1918 và số cuối 8-1-1919.

Mặc dù *Nữ Giới Chung* tồn tại ngắn ngủi trong làng báo Việt Nam tại Sài Gòn, nhưng nó đã có ảnh hưởng nhiều mặt nhất là nữ quyền và đã mở ra một hướng đi mới cho làng báo nữ.

Tài liệu tham khảo:

- *Nữ Giới Chung* Web: [leminhquoc.vn](http://leminhquoc.vn)



## 1. Sương Nguyệt Anh



### Sương Nguyệt Anh - Nguyễn Thị Khuê (1864-1921)

Sương Nguyệt Anh (湯月英) tên thật là Nguyễn Thị Khuê, theo *Nguyễn chi thế phổ*, tuy nhiên tên ghi trên bia mộ là Nguyễn Ngọc Khuê, tự Nguyệt Anh, sinh ngày 1 tháng 2 năm 1864, tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Bà là con gái thứ tư của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, mẹ là bà Lê Thị Điền, người làng Thanh Ba thuộc huyện Cần Giuộc, tỉnh Tân An. Ngoài bút hiệu Sương Nguyệt Anh, bà còn ký nhiều bút hiệu khác như: Xuân Khuê, Nguyệt Nga, Nguyệt Anh... Bà còn có tên gọi là Hạnh, nên trong gia tộc thường gọi bà là Năm Hạnh.

Thuở nhỏ, bà cùng người chị tên là Nguyễn Thị Xuyên, được cha là ông Đồ Chiểu truyền dạy, nên giỏi cả chữ Hán lẫn chữ Nôm. Khi cả hai khôn lớn, nổi tiếng tài sắc, được người quanh vùng ca tụng gọi là *Nhị Kiều*.

Năm 1888, Sương nguyệt Anh được 24 tuổi thì cha mất. Tri phủ Ba tức Tôn Thọ Tường đến hỏi bà làm vợ không được, nên mang lòng oán hận, đang tìm cách hãm hại...Để tránh tai họa, bà cùng gia đình người anh là Nguyễn Đình Chúc chuyển sang

## HUYỀN ÁI TÔNG

Cái Nứa, Mỹ Tho rồi dời về Rạch Miễu ở nhờ nhà ông nghề Trương Văn Mân. Ở đây, bà kết duyên với một phó tổng sở tại góa vợ tên Nguyễn Công Tính, sinh được một gái tên là Nguyễn Thị Vinh. Năm con gái bà được 2 tuổi, thì chồng mất. Từ đó bà thủ tiết nuôi con, thờ chồng và mở trường dạy chữ Nho cho học trò trong vùng để sinh sống. Và cũng từ đó, bà thêm trước bút hiệu Nguyệt Anh một chữ "sương", thành "Sương Nguyệt Anh", có nghĩa là Nguyệt Anh góa chồng lúc còn trẻ.

Là người góa bụa còn trẻ, giỏi văn chương nên nhiều ông muốn gả nghĩa cùng bà, họ đã dùng thi văn để bày tỏ, như bài tứ tuyệt của ông Bảy Nguyệt ở Mỏ Cày gửi cho bà:

*Ai về nhắn với Nguyệt Anh cô  
Chẳng biết lòng cô nghĩ thế mô?  
Không phải vãi chùa toan đóng cửa  
Đây lòng gấm ghé bắc cầu Ô*

### **Họa thơ ông Bảy Nguyệt**

*Chẳng phải Tiên cô, cũng đạo cô,  
Cuộc đời dâu bể biết là mô?  
Lọng sườn dẫu rách còn kêu lọng,  
Ô bịt vòng vàng cũng tiếng ô.*

Để dứt khoát bà họa thêm bài nữa:

*Phải thời cô quả chịu thời cô,  
Chẳng biết tuồng đời tính thế mô?  
Dòm thấy bụi trần toan đóng cửa,  
Ngọc lành chi để thẹn danh ô.*

**Họa thơ ông Phủ Học**

*Bể ái sóng ân còn lắm lúc,  
Mây ngàn hạc nội biết là nơi.  
Một dây oan trái vay rồi trả,  
Mấy cuộc tang thương dễ đổi đời.*

**Họa thơ ông Bái Liễu ở Mỹ Tho**

*Ngọc ánh chi nài son phấn đượm,  
Vàng ròn há sợ mắt màu phai.  
Ba giềng trước đã se tơ vấn,  
Bốn đức nay tua nổi tiếng dài.  
Dẫu khiến duyên này ra đến thế,  
Trăng thu dẫu xế rạng non đoài.*

Những năm 1906-1908, hưởng ứng phong trào Đông Du của Phan Bội Châu bà bán một phần điền sản và vận động quyên góp để giúp học sinh xuất dương sang Nhật du học.

Người con gái độc nhất của bà là Nguyễn Thị Vinh, kết duyên cùng ông Mai Văn Ngọc, sinh ra Mai Huỳnh Hoa, vừa sinh nở xong, ngã bệnh qua đời.

Cuối năm 1917, Trương Nguyệt Anh đưa cháu ngoại lên Sài Gòn, cùng một nhóm chí sĩ yêu nước làm báo *Nữ Giới Chung* nghĩa là "tiếng chuông của nữ giới". Tờ báo ra số đầu tiên ngày 1 tháng 2 năm 1918, với chủ trương nâng cao dân trí, khuyến khích công nông thương và nhất là đề cao vai trò phụ nữ trong xã hội. Nhưng do ảnh hưởng của tờ báo, khiến nhà cầm quyền Pháp e ngại, tháng 7 năm 1918, tờ *Nữ Giới Chung* bị đình bản.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Do nhớ con thương cháu, thêm việc viết lách, lại phải chăm lo bài vở cho tờ báo, khiến đôi mắt của bà thường xuyên đau nhức và sức khỏe cũng dần suy kiệt. Nghe lời thầy thuốc, Sương Nguyệt Anh dẫn cháu ngoại trở về Mỹ Chánh Hòa ở Ba Tri, nương náu nơi nhà người em út tên là Nguyễn Đình Chiêm để chạy chữa, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, đôi mắt bà bị mù lòa hẳn.

Từ đây, sớm chiều bà lại tiếp tục dò dẫm bốc thuốc, dạy học và sáng tác thơ văn. Sáng sớm ngày 9 tháng 1 năm 1922, Sương Nguyệt Anh trút hơi thở cuối cùng, lúc 58 tuổi.

Cháu ngoại bà là Mai Huỳnh Hoa, nữ danh Kim Hoa, sau này kết duyên với nhà cách mạng Phan Văn Hùm.

Lúc đầu, mộ Sương Nguyệt Anh ở Mỹ Nhơn, đến năm 1959. được đồng bào cải táng dời về nằm cạnh mộ phần của song thân bà, tức nằm trong khu đền thờ và mộ Nguyễn Đình Chiểu ngày nay, tọa lạc tại Ấp 3, xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Tác phẩm:

- *Yên Sơn ngoại sử* (dịch của Trung Quốc ra thơ lục bát)
- Một số bài thơ, như: *Đoan Ngộ nhật điệu Khuất Nguyên, Tức sự, Chinh Phụ thi, Thương bạch Mai, Vịnh ni cô, vua Thành Thái vào Nam, cảm tác khi lính Việt đi Âu chiến...*

Trích văn:

### **Thế lực đàn bà**

Có một nhà danh sĩ người Anh (Ăng lê) nói rằng: “Cái tay đưa võng cho con, ấy là tay cầm quyền cả thế giới.”

Lời đó, thiệt như vẽ được cái thế – lực của người đờn – bà.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Kìa tài trai như ông Cai – Tán (Jules César) oai – danh lừng lẫy khắp cõi châu Âu. Ông Á – lực Sơn – đại, ( Alexandre le Grand) vừng vẫy ngang tàng, phía Tây châu Á, rất đỗi con nít nghe tên phải nín khóc, mà cũng còn chưa có thể – lực ấy thay. Huống chi đờn – bà ngoài đường kim đường chỉ, đã không tài ngang trời dọc, lại không sức đào núi xẻ sông ai mà dè là một tay hoá- công nhỏ.

Thế – lực là gì ? Là biểu sống được sống, biểu chết phải chết, cũng như nhà – tôn – giáo sanh đặng hết thảy, duyệt đặng hết thảy vậy. Thế thì ngoài quyền – lực quân – chủ lại có cái thế – lực lớn hơn nữa là gì ? Chánh là cái tay đưa võng cho con đó.

Gẫm từ thuở địa – cầu mới có nhơn – loại nhân nầy, trắng, vàng, đen, đỏ biết hằng – hà sa số nào là người, mà chưa thấy có ai trên trời sa xuống, dưới đất chung lên bao giờ.

Thế mới biết, không có đờn – bà thì loài người ắt tiêu – duyệt, thế – giới hui quạnh, như cù – lao hoang, đâu là nhà “ Triết – học” nhà “ Văn – học” nhà “Chánh- trị” đâu là nhà “ Kinh – tế”, nhà “ Cách – trị” nhà “ Giáo – dục” và hết thảy các hạng người ở trên trái đất này ?

Vậy đờn – bà ta cũng có thể nói được rằng : Phàm – nhứt – thiết, những văn – minh hiện – tượng trong thế giới ngày nay, đều là con cháu nhà cả là vì sao ? Nghĩa có đờn – bà, mới sanh ra thánh – hiền, hào – kiệt mới có người tô điểm vẻ non sông. Dầu khéo tạc tượng như ông Lễ – Ban, tài họa hình như ông Vinh – sĩ, (Léonard de Vinci) cũng chẳng có thể gì mà tạo được ra như người ta thiết. Rất đỗi muốn đoạt quyền tạo – hoá như người Âu – châu, đến cái thế – lực như rứa, chắc cũng phải chịu thua tay đờn – bà. Vậy thì thế – lực đờn – bà ta, lớn lao biết dường nào ?

Song cái thế – lực ấy, không phải sang mới có, cũng không phải giàu mới có, vốn ông Tạo – vật đã để phần chung cho hết thảy bạn quần – xoa.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cái thế – lực bà Mạnh – mẫu, thì ông Mạnh – tử mới nên danh Mạnh – tử; có cái thế – lực bà mẹ ông Nả – Phá – Luân (Nápô – léon) thì ông Nả – phá – Luân mới thành được ông Nả – phá – Luân; Xét trong sử sách xưa nay, còn nhan nhân biết bao nhiêu mà kể.

Thương ôi ! Đòi xưa như thế đòi nay có ai ? Thế – lực tay phần chung của mọi người, mà biết dùng ra, lại chẳng qua chỉ riêng về cho những nhà có học ! Chị em ta phải tính làm sao? Đề cho thiên – hạ coi vào mới gan !. Chớ đừng nên bắt chước như ai, đem thế – lực, mà làm cho nghiêng thành nghiêng nước, cho đổ quán xiêu đình, tan nhà nát cửa. Ấy mới là khôn ! ấy mới là tài, ấy mới là cái tay cầm quyền cả thế giới.

S. Nguyệt – Anh

(*Nữ Giới Chung*, số 1, ngày 1 tháng 2 năm 1918)

Trích thơ:

### **Bài ca khuyến nông**

*Chị em ôi hỡi chị em  
Có lòng nghĩ đến nước Nam chẳng là  
Kìa kìa địa thế nước ta  
Thiên – thơ – định – phận sinh ra cũng kỳ  
Phân mao giấy núi chạy đi  
Cùng liền một giầy hình thì dài cong  
Trung Kỳ hẹp thắt lưng ong  
Hai đầu nam bắc càng vùng rộng ra  
Có người nói vì nước ta  
Một đòn hai thúng quả là không sai  
Đòi xưa chia giữ từng nơi  
Bắc thời nước cũ nam thời Lạp Xiêu  
Đình, Lê đến với Nguyễn Kim  
Mới mừng nhất thống không hiểm phân chia*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Tốt thay cầm tú ha sa  
Khai hoang đã ngoài bốn ngàn năm lâu  
Ba kỳ đất nước phong suu  
Biết bao điền thổ biết bao núi rừng  
Trung châu các đất đồng bằng  
Từ xưa khai khẩn phong đăng đã nhiều  
Thượng du với các viễn châu  
Rừng xưa xanh ngắt một màu chẵn hoang  
Người mình nếu biết mở mang  
Cây trồng phải phép mới là lợi nguyên  
Tiếc thay dân trí chưa khôn  
Sự nông phải phép đưa chen với người....*

(*Nữ Giới Chung*, số 3, ngày 22 tháng 2 năm 1918)

### **Vịnh Bạch Mai**

*Non linh đất phước trở hoa thân,  
Riêng chiếm vườn hồng một cánh xuân.  
Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng,  
Sương sa bóng nguyệt ánh màu ngân.  
Mây lành gió tạnh nương hơi nhảnh,  
Vóc ngọc mình băng bắt khói trần.  
Sắc nước hương trời non cảm mến,  
Non linh đất phước trở hoa thân.*

### **Hội Minh Lương**

*Nhìn thu may gặp hội minh lương,  
Thiên hạ ngày nay trí mở mang.  
Tắc đất ngọn rau tràn dưới mắt,  
Đai com bầu rượu chát ven đường.  
Vui long thánh đế nơi xe ngựa,  
Xót dạ thân dân chốn lửa than.*

HUỲNH ÁI TÔNG

Nước mắt cơ cùng trời đất biết,  
Biển dâu một cuộc thấy mà thương.

**Cảm tác khi lính Việt đi Âu chiến**

Cỏ rạp sân thêm liễu rũ hoa,  
Chàng đi bao thuở lại quê nhà.  
Nửa đêm trăng xế lòng ngao ngán,  
Chiếc gối quỳên gào lụy nhỏ sa.  
Ái bắc mây giăng che bóng nhận,  
Vườn xuân nắng tạc ủ mày nga.  
Nhớ nhau mấy lúc chiêm bao thấy,  
Nghìn dặm lang quân biết chãng là?

**Văn tế chồng<sup>(\*)</sup>**

Nhớ quân tử xưa  
Trưởng mạo **thung dung**  
Tánh tình **hậu phát**  
Thong thả con đường **thanh đại**  
Bạn tân giao mấy gã **đăng tâm**  
Tánh năng suy nghiệp **huỳnh kỳ**  
Tài quán chúng nhiều người **la bạc cả**  
Thương thay  
Trưởng **hiệp quân** rồi rã **a giao tiếp** phụ tử chia lìa  
Chẳng hay đâu **thảo khấu** lãng loan  
Sao đến nỗi **cốt bì** tan nát  
Ôi, xưa còn nấu thuốc **linh đơn**, này đã thác theo chòm  
mây bạc  
Giọt nước mắt chảy dài trên má, ruột gan rồi bời bời  
Ai chẳng than tức tưới, phận **sử quân** lược **sa tiền**  
Thiếp nhỏ giọt **châu sa** thấm thiết!

-----  
(\*) Thay lời vợ Thầy thuốc, bà làm bài văn tế người chồng. Cái



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

đặc sắc của bài văn, là tên các vị thuốc, được sử dụng rất tài tình.



*Dân Bến Tre cảm mến vì bà đã làm rạng rỡ chẳng những cho Phụ nữ ở Miền Nam, mà người Phụ nữ Bến Tre còn được tiếng thơm lây, nên Ca dao Bến Tre có câu:*

*Đem chuông lên đánh Sài Gòn,  
Để cho nữ giới biết con cụ Đồ.*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Sương Nguyệt Anh chẳng những là một thi sĩ tuy văn thơ bà để lại chẳng nhiều, báo của bà làm không được bao lâu, nhưng sự nghiệp ấy chứng tỏ tài năng bà đích thực là người phụ nữ tiên phong hô hào Nữ giới tham gia vào những hoạt động xã hội, vượt qua rào cản ngăn cách gia đình và xã hội thời bấy giờ.*

Tài liệu tham khảo:

- Sương Nguyệt Anh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Thế lực đàn bà* Web: [leminhquoc.vn](http://leminhquoc.vn)

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tiết 12: Nam Kỳ Kinh tế báo.

NAM THỨ BA: SỐ 103 MỖ TUẦN XUẤT BẢN NGÀY THỨ ĐẸY NOY 16 DECEMBRE 1922

Édualtrice-Propriétaire: M<sup>me</sup> ROSE QUAINTE NNE Directeur-Gérant: NGUYEN-VĂN-THƯỢNG

Gia mua Báo

ĐÔNG-PHÁP		KHỐI QUỐC	
Một năm..	5 00	Một năm..	8 00
Sáu tháng..	3 00	Sáu tháng..	4 00
Ba tháng..	1 00	Ba tháng..	2 00
Bởi chi... 0 20		Bởi chi... 0 00	



MANG VỀ CAO BÀO VÀ TỬA

**Nam-kỳ Kinh-tế Báo**  
(L'Information Économique de Cochinchine)

NEW SOUTH CHINA ECONOMIC NEWS

NEW SOUTH CHINA ECONOMIC NEWS

PHOTO LEGAL  
INDOCHINE  
N<sup>o</sup> 644

**PUBLICITE**  
Annonces légales et judiciaires.

Les centimètres de colonne de largeur 18 20. Pour les annonces commerciales on traite à forfait.

**LỜI BAO**  
Về việc buôn bán của các nhà tư thì tính giá như.

**Yêu mục**

1. — Vấn-đề thất-ly ách kinh-tế. (III)
2. — Truy-niệm người có công củ igr- quốc.
3. — Bài diễ- từ củ igr- đagr Cognacq. (tiếp theo)
4. — Tư-tưởng.
5. — Thời-sự.
6. — Hải-ngoại tân-trào.
7. — Vài lời cãm tạ.
8. — Gương một người làm-igr và củ tài-sáng-khởi. (Tiếp theo).
9. — Xã-hội tiến-thuyết.

Tòa soạn báo ở tại đường d'Espagne, số 81 — SAIGON  
GIÁ MỖI SỐ: 0 10

Theo *Lược sử báo chí Việt Nam từ khởi thủy tới 1945* của Vũ Anh Tuấn đăng trên trang mạng [Newvietart.com](http://Newvietart.com) có cho biết *Nam Kỳ Kinh Tế báo* ấn hành năm 1920 là phiên bản của *L'Information économique de Cochinchine*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Theo tài liệu trên *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*, Nguyễn Háo Vĩnh là Chủ bút *Nam Kỳ Kinh tế báo*, và chính trên tờ báo này, ông đã kích quyển *Hà Hương phong nguyệt* của nhà văn Lê Hoàng Mưu, trong *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới* của Nguyễn Q. Thắng cho biết Bửu Đình có cộng tác với *Nam Kỳ Kinh tế báo*.

*Theo Trúc Bạch Thư Xã*: Nam kỳ Kinh tế báo là tuần báo, ra mắt tháng 10/1920. Ban đầu mỗi tuần ra một số vào thứ tư, sau chuyển sang thứ 7. Qua tư liệu "Thư tịch báo chí Việt Nam" của soạn giả Nguyễn Thành thì báo này ra được 43 số (số cuối cùng tháng 2/1924). Đến nay do chưa đủ tư liệu nên tôi không biết tuần báo này ra được bao nhiêu số nhưng tôi biết soạn giả Nguyễn Thành đã nhầm lẫn (hoặc giả ông chỉ căn cứ tài liệu nói lại mà không có tư liệu gốc). Với tư liệu trong tay, Nam kỳ kinh tế báo tính đến tháng 12/1922 đã là 103 số.

Mỗi số Nam kỳ kinh tế báo có khoảng 20 trang, nhưng quá nửa số đó là các trang rao vặt, quảng cáo. Nếu đặt Nam kỳ kinh tế báo vào tờ báo Bắc kỳ giai đoạn này là Khai hoá Nhật báo (cũng là báo kinh tế) tuy so sánh hơi khập khiễng giữa tuần báo và nhật báo nhưng đem đến một kết quả là: Báo của Nam kỳ thời điểm đó đi trước Bắc kỳ rất xa về phong cách trình bày, quảng cáo và mỹ thuật in ấn.

Giám đốc Nam Kỳ Kinh tế báo là ông Nguyễn Văn Thượng. Toà soạn đặt tại 81 đường D'Espagne (nay là Lê Thánh Tôn).

Chủ nhân thành lập: Bà Rose Quintainne

Tài liệu tham khảo:

- Nam Kỳ Kinh Tế báo Web: [namkyluctinh.org](http://namkyluctinh.org)
- Nam-Kỳ Kinh-Tế Báo: Facebook Trúc Bạch Thư Xã

Trích văn:

### **Truy-niệm người có công cùng tổ-quốc (1)**

*Trong kỳ nhóm của hội-đồng quản-hạt hôm thứ tu 6 décembre vừa rồi, ông nghị viên Trinh có trình một lời ước có đủ các nghị-viên Annam ký tên, xin số dự-toán quản-hạt phụ cấp 3000 đồng và các số dự-toán địa-hạt cũng giúp vào cho hội dựng hình ông P. Ký. Thế thời hội-đồng ta đã làm được một việc nghĩa cử rất đáng khen.*

*Chúng tôi muốn nhơn dịp này mà tỏ lòng cảm tạ các ngài nghị-viên từ nay đã tuyệt hẳn với cái thói “dạ! dạ! ùy! ùy!” mà tỏ ra là đáng mặt đại-biểu cho đồng bang, cùng là bàn về cái vấn-đề truy niệm bực danh-nhơn, có công cùng Tổ-quốc.*

*Sanh-trưởng dưới quyền bảo-hộ của Đại-pháp chúng ta đã từng được ngắm-nghĩa những khi nhà nước bày ra các cuộc lễ-nghi kỷ-niệm những ngày vẻ-vang trong lịch sử Pháp, cũng là bao nhiêu tượng đồng, bia đá gọi là truy-niệm các bực danh-nhơn đã làm nên công-nghiệp vĩ-đại, đời sau được nhờ. Ta xem thế thời ta hiểu được rằng người Pháp “ăn trái nhớ kẻ trồng cây”, dân Pháp thiệt là một dân không vong-bổn, mà ta then-thuồng thay cho quốc-dân ta là đường nào.*

*Nay trong khi mà chúng ta cùng người bảo-hộ hoan-hỷ trong cuộc lễ thánh Jeanne d’Arc, ta có khi nào thử nhớ đến nước ta cũng có mấy bà “câu-quốc” như bà thánh nước Pháp mà cũng làm nên công to nghiệp lớn như bà thánh, mà quốc-dân không có chút kỷ-niệm gì như người dân nước Pháp không ? Tượng đồng bà Trưng bà Triệu ở đâu ? Ngày nào là ngày lễ kỷ-niệm hai bà đó ? Ôi một nước đã có những danh-nhơn những hào-kiệt như thế đó, mà không biết tỏ lòng niệm-on, không biết tự-phụ khoa trương cùng người, nghĩ thiệt đáng lấy làm lạ thay !*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Ngày nay các nhà đại biểu ta, trong các cuộc hội-nghị nhớ đến một nhà học-giã có danh gần đây mà bày lời ước xin nhà nước giúp sức dựng hình kỷ-niệm, đó có lẽ là một cái triệu-chứng tân thời, chỉ rằng người mình đã học được cái lòng biết ơn của người nước Pháp. Nhưng chúng tôi còn nghĩ rằng không Cổ sao cho nên Kim; nước Việt-Nam nhà có phải mới có một thế-kỷ nay mà thôi đâu. Cái sự nghiệp của ông cha để lại xiết bao là phong-phú, ta nhớ được thời phải nhớ ơn những vua hiền, tướng giỏi đã khó nhọc biết bao nhiêu. Ta phải theo gương người bảo-hộ mà trù tính dựng hình các bậc ấy để gọi là truy-niệm thời quốc-dân mới khỏi tiếng xấu là vong bản cho.*

*Gần đây ở Bắc kỳ xem ra đã có nhóm lên cái dư-luận đúc tượng hai bà Trưng; nhiều nhà nhiệt thành bàn luận trên các báo-chương, mong mỗi rằng hội Khai-Trí Tấn Đúc là một hội đủ các bậc thượng-lưu Annam trong ba kỳ, có cả những người Pháp bạn tốt của chúng ta, mục đích là chủ-trương, thiết hành các cuộc làm ích-lợi cho trí-thức, cho tinh-thân quốc-dân, xứng xuất làm. Chúng tôi xin thay cho đồng bào Nam-kỳ mà hoan nghinh những lời bàn như thế, và mong rằng trong Lục châu này, cũng có các hội to gồm những bậc trí-thức thượng-lưu đáp chung với anh ngoài Bắc mà xứng lên cuộc truy-niệm các đấng anh-hùng hào-kiệt riêng có quan hệ cho lịch sử Nam kỳ này. Chúng tôi chắc rằng bày ra quyền tiền làm các việc ấy, nhờ các báo cổ động tất mau có hiệu-quả, mà Chánh-phủ sẽ sẵn lòng giúp sức, vui dạ rằng dân bảo-hộ cũng biết nghĩ nay nhớ xưa.*

## XUÂN LẬP

(1) Chúng tôi giữ nguyên văn, không sửa chữa chánh tả.

Tài liệu:

- Trích Nam-Kỳ Kinh-Tế Báo số 103 Ngày 16 Decembre 1922 trang 837 (báo chỉ có 8 trang ruột cho mỗi số, không kể bìa )



NAM-KỲ KINH-TẾ BÁO

**DÔNG-PHÁP LÚ-QUẢN**  
**Hôtel Indochinois**

Đường Espagne, số 172-174 - Saigon

**Quảng cáo**

Và Châu-thành Saigon là một cõi thiên hạ đồ hội, cho nên chàng thảng cảnh bao nhiêu thì thiên hạ càng đông đảo bấy nhiêu, cho nên náo là nhà trệt phố lầu, đầy ngang đầy dọc mà đầu đầu cũng chật nước khí trời, cho nên phép vẽ s. nh của con người phải giữ sao cho tinh khiết; giữ sao cho khỏi ứ thì ứ nong.

Vì vậy cho nên che Ô-lí khách ở Lạc-châu có việc sang đến Saigon mà tam trí một ít ngày, tuy cũng có nhiều khách sang cách sửa sang cũng rất nên thanh lịch mà cũng chẳng làm vui lòng khách bụi bụi các ông cho đặng, như vì đó nên nay tôi mới chiêm đặng uột đặng phố lầu rất lịch, vì cả ba phía trước sau và bên hông đều đặng thông đường thanh khí lại phân biệt với làn gió mà lập một cảnh lữ-quán để công hiến cho chư quý ông nhàn hạ.

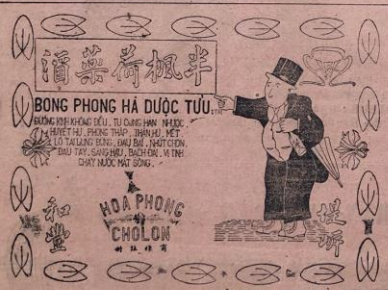
Phòng the rộng rãi mát mẻ và tinh khiết, đồ chạn dọn nào giường, nệm, bàn ghế, thầy lấy mới tinh hoa, cửa ậy to sầm sập ra đây cũng có lẽ làm cho đẹp ý cho các ông các bà, quý khách nhân lữ mà thời giờ chẳng đặng từ lợi mà làm cho mệt, là công bình; còn bởi đã đặng mà thầy đều là tay thợ việc, rất ít ỏi cho quý khách sự khinh.

Tọa trên thì phố ỉn ngườ, còn tầng dưới thì bán cơm ăn uống; Người đầu bếp rất thạo nghề mà cách nấu nướng lạ tinh khiết, bất cứ giờ nào cũng có đủ món sơn trân hải vị cho Quý-khách dùng.

Tôi cũng vẽ vẽ biếu đồ mà mình con người trong như là vẽ sanh, cho nên tôi chẳng vẽ tôn hào, muốn vẽ thì lựa chỗ trước sau trông trải địa cụ: phong quan mà đặt phòng, còn việc ăn uống lại là môn của nhữ, tôi lại càng trông ngắm kỹ lưỡng hơn hết.

Thật tôi chẳng dám khoe khoan cho lắm, vậy ngày thứ hai 27 novembre 1922, nhằm ngày mùng 10 Annam tài khai trương; kính thỉnh quý khách tưởng tình đời gót ngọc đến viếng thử một phen, thì ắc quý khách sẽ đặng thói lóng đẹp mà mà giúp cho người đồng ban ta thành tựu.

**Quản Lý Kỹ Propriétaire**



Bổn hiệu từ ngày khai sáng buôn bán đến nay thì bằng thấy nhiều người đi phở ra thử rượu này thì rượu khác mà bán cho há tánh. Nhưng mà chưa thấy thử rượu nào cho thật thần hiệu. Cũng có đôi ba ve mà cũng chưa thấy linh-nghiệm chi cả. Ấy cũng bởi hoặc là ông thuốc không đặng thời thì, hoặc chỉ không rửa sạch vào nên những bần chủ chưa tay bắt thì mà thuốc có lũng thuốc làm chi cho có lợi với đời nên không nể nhọc nhàn nhiều năm nghiên-cứu, chẳng kể sự tôn hào, nên năm ngoái về France-quốc mới tìm đặng đồ-nên truyền phương thuốc này và có dây cách làm chế hẳn-bì, để nhủ xa phen thì nghiệm, là cũng, là công.

Thử rượu thuốc này đũa-ông đũa-bà đều dùng đặng. Chỉ trị các chứng kể ra sau này:

- |                       |                      |
|-----------------------|----------------------|
| Phong thấp đau xương. | Bản là huyết hư.     |
| Dau bại hoặc thũng.   | Sợ hãi hoặc dị.      |
| Tử chí rã-liệt.       | Chảy nước mắt sông.  |
| Khi hư huyết nhược.   | Nước da vàng mợt.    |
| Trong dạ hội-kỵ.      | Đường kính không đợ. |
| Lở tá lũng bưng.      | Tử cung thất nhược.  |
| Chứng mất bản thân.   |                      |

**BÁN-PHONG-HÀ ĐƯỢC TỬU**

Alcool médicamenteux ou vin de santé fabriqué par la maison Hò-Phong-Hà, 54 rue de Giacông, Cholon.  
 Extrait du Certificat d'analyse délivré par l'Institut Pasteur de Saigon (Laboratoire pour la répression de la Fraude) le 16 novembre 1922.  
 L'échantillon de produit ne renferme aucun alcoolide dangereux ou interdit par la loi.  
 Il est d'odeur et de saveur spéciale très agréable.  
 Produit de très bonne qualité.

Directeur du Laboratoire,  
 Signé : COLLET.

**Thuốc rượu BÁN-PHONG-HÀ**

Chia tên Hòa-Phong; ở đường Giacông môn bán ở Cholon

Sau học từ Vi-lăng của Institut Pasteur, Saigon phỏng thí nghiệm những đồ để làm hại mạng người này là đó mơn là mà bán cho thiên hạ ngày 16 novembre 1922. Chứng rằng:  
 Trong thử rượu thuốc nói trên đây chẳng có vi mơn hiểm nghề hoặc phạm về quốc cấm.  
 Mìn nó đã thơm mà uống vào miệng thì ngon một cách khác thường.  
 Thí là một thử rượu đã đặng đồ chứng báo mà chế ra.

Thí-nghiệm phòng, long-quần,  
 Ký tên: COLLET.

Saigon, Amp. Saigonnataie

*Certificat d'analyse au usage d'échantillon à l'usage des consommateurs.*

Directeur-Gérant: NGUYỄN VĂN TUYÊN

*Nguyen Van Tuyen*  
 Saigon, le 16 novembre 1922

Trang bìa sau Nam-Kỳ Kinh-Tế Báo số 103 ngày 16/12/1922

**Vài lời cảm tạ**

Chị em chúng tôi có nghe tin rằng trong cúi tháng décembre này, bạn hát "Tân Thịnh" sẽ chọn một rạp tại Saigon và một

## HUỲNH ÁI TÔNG

tuồng rất hay mà hát giúp cho “Nữ-công Nữ-hạnh Thương-mãi Nam-kỳ Tương-tế hội” Giãđịnh, hầu dùng số tiền thâu vào mà nuôi gái nghèo Annam.

Chúng tôi rất cảm ơn Ông và Bà Trương-văn-Thông là người có tâm nhiệt thành và biết nghĩa đồng bào.

Hỏi quý bà và quý cô, nếu người nước mình biết chia nhau sự đau đớn và sự buồn thảm như vậy, thì đến cuộc mua vui cũng chẳng nên quên cái ơn trọng của ngài mà giúp cho các bạn hát “Tân Thịnh” cho mau phát đạt .

*Bổn-hội*

Tài liệu:

Trích nguyên văn *Nam-Kỳ Kinh-Tế Báo* số 103 trang 842 Ngày 16 Décembre 1922



## 1. Bửu Đình



**Bửu Đình - Nguyễn Phúc Bửu Đình (1898-1931)**

Nhà văn Bửu Đình dòng dõi hoàng tộc tên thật là Nguyễn Phúc Bửu Đình, sinh năm 1898 tại Kim Long, ngoại ô kinh thành Huế, tỉnh Thừa Thiên. Xuất thân trong hoàng tộc triều Nguyễn, ông là chắt nội của hoàng tử Tĩnh Gia - con trai vua Minh Mạng. Thân phụ ông giữ một chức quan nhỏ tại Bình Thuận, nên từ nhỏ ông đã sống và học tại Phan Thiết, lên 10 tuổi bắt đầu học chữ Hán, sau đó học tại trường Quốc học Huế.

Năm 1919, ông bỏ học đi kiếm sống, vào Cam Ranh dạy học tư, rồi vào Sài Gòn xin làm công chức bưu điện. Ông bắt đầu viết bài cho báo *Công luận* lấy bút danh là Hà Trì và cộng tác với các báo *Nam Kỳ kinh tế*, *Đông Pháp thời báo*. Thời kỳ này, ông tìm cách liên kết với các nhà hoạt động đối lập với chính quyền Nam triều, mục đích hô hào nhân dân ý thức nền dân chủ. Ông nhiều lần diễn thuyết, trực tiếp lên án nền quân chủ

## HUỶNH ÁI TÔNG

chuyên chế, đòi xoá bỏ chế độ Nam triều, lập chế độ cộng hoà theo chủ trương của Phan Châu Trinh.

Ông vâng lệnh song thân kết hôn với Nguyễn Thị Hiếu, con gái vị trưởng thôn ở Gò Công, ông giảm bớt hoạt động chính trị, nhưng trong lòng vẫn sốt sắng lo việc ích quốc lợi dân. Tại Sở Bưu Điện Sài Gòn, ông rất được lòng anh em, nên họ bầu ông làm Tổng Thư Ký Hội ái hữu nhân viên Bưu Điện Việt Nam. Đáp lại lòng tin nhiệm của anh em, ngày 1-1-1926 ông đứng ra lãnh đạo cuộc đình công của nhân viên Bưu Điện. Nhà cầm quyền ra tay đàn áp phong trào. Sau đó, ông bị đày đến làm việc tại Bưu điện Tháp Chàm, sống rất khó khăn nhất là không hợp với phong thổ, nên ông bị ốm đau, phải trở về Chợ Lớn để điều trị. Từ đó, ông xin thôi việc, bỏ hẳn ngành công chức sang nghề báo, tiếp tục viết bài cho các báo *Tân thế kỉ*, *Đông Dương cát cánh* (L'Essor Indochinois)..., kêu gọi chống chính quyền thực dân phong kiến.

Năm 1927, ông về Huế dự lễ chúc thọ Phan Bội Châu. Ở đây ông lại tiếp tục diễn thuyết ở Kim Long, Bến Ngự, ngay ở kinh thành Huế, thu hút đông đảo công chúng tham gia. Hội đồng Phủ Tôn nhân đã kết ông tội "khỉ quân", xoá bỏ tên và mọi quyền lợi của ông trong Hoàng tộc, buộc ông phải lấy họ mẹ, đổi tên thành Tạ Đình. Bất chấp sự phản đối biểu tình của giới ký giả và thanh niên học sinh Huế, tờ *Tân thế kỉ* vẫn phải đóng cửa, Bửu Đình vẫn bị kết án tù 9 năm, giam tại nhà tù Lao Bảo tại Quảng Trị. Ở trong tù, ông lại tiếp tục vận động các tù nhân chống chính quyền, nên bị lưu đày ra Côn Đảo vô thời hạn.

Khoảng năm 1929, ở tại đảo ông được đối xử tử tế. Viên quản đốc đảo là Bouvier gọi ông là Monsieur Le Prince (ông Hoàng), dùng ông làm Thư ký cho họ, ông có mấy vần thơ trào phúng :

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Hỏi vợ con ôi chớ có phiền  
Thế này là sung sướng hơn tiên  
Cơm ngày hai bữa quân đem tới  
Đêm gác 10 giờ lính đổi phiên  
Ngoài cửa quân binh năm bảy câu  
Trong phòng tuần sát một vài tên  
Buồn vui sân bạc vài câu chuyện  
Mừng có Lư Thoa thật bạn hiền*

Trong câu chót ông nói đến tên Lư Thoa tức J.J. Rousseau. Trong giai đoạn này, ngoài thời giờ làm việc phục vụ cho văn phòng của Quản đốc đảo, ông đã sáng tác hai quyển tiểu thuyết có tiếng là: *Mảnh trăng thu* và *Cậu Tám Lọ*.

Nhờ khéo thu phục được cảm tình của một nữ công chức trên đảo nên ông đã được người nữ công chức ấy tìm cách chuyển các trang bản thảo vào đất liền một cách an toàn, nên *Mảnh trăng thu* đăng trên tuần báo *Phụ Nữ Tân Văn* năm 1929 ký dưới tên tắt là B.Đ.

Ngoài hai tiểu thuyết kể trên, ông còn sáng tác một tập thơ nhan đề *Giọt lệ tri âm* và một xấp bản thảo viết dở dang một truyện dài khác, nhan đề *Chuyến đi*. Bản thảo *Chuyến đi* vẫn do người nữ công chức trên đảo giữ được, sau này tìm đến trao cho nhà phê bình Thiều Sơn, Thiều Sơn trao xấp bản thảo ấy lại cho ông Huỳnh Hoài Lạc, chủ nhiệm nhật báo *Chuông Mai*. Báo *Chuông Mai*, đăng tải dưới tựa mới là *Buổi đầu*.

“Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”, hưởng hồ là người có lòng với đất nước, dân tộc, nên ông đã tìm cách vượt ngục. Lần đầu, vào ngày 15-10-1930, ông cùng với 13 bạn đồng cảnh ngộ, kết bè vượt ngục ở khoảng Hòn Tre lớn, trốn về đất liền, trong khi bè còn bênh bồng trên mặt biển, đã có một người đối lả chết thì họ được một chiếc tàu ngoại quốc cứu, họ khai là

## HUỖNH ÁI TÔNG

ngư phủ Việt Nam đánh cá bị đắm thuyền, thuyền trưởng tàu ngoại quốc chở họ đến Singapore, giao họ cho sứ quán Pháp.

Tại sứ quán Pháp, nhân viên ở đây điều tra kỹ, vỡ lẽ họ là tù vượt ngục, họ bắt giải ông và đồng bọn trả về Côn Đảo vào tháng 12 năm 1930.

Ông và những người vượt ngục bị trừng phạt, nhưng ông vẫn quyết chí tìm cách vượt ngục. Đến tháng 10 năm 1931, ông vượt ngục lần thứ hai với hai đồng bạn.

Trước lúc ra khơi, ông làm một tấm bảng bằng tre lẩy vỏ và viết một bài thơ để lại cho Quản đốc đảo Bouvier:

*Mấy lời nhắn nhủ chú Bu-vê  
Tháo củi từ nay thảng một bề  
Chim hồng cát cánh bay bay bổng  
Một vùng trời thẳm nước non quê*

Chuyến vượt ngục cuối cùng đó không thành công, ông đã biệt tăm mất tích ở biển khơi, còn để lại trong lòng độc giả những tác phẩm văn chương, năm đó ông chỉ mới hưởng dương 33 tuổi.

Ông có một người con gái tên Tôn Nữ Thị Diệu Tiên, trước học ở Sài Gòn.

Tác phẩm:

- *Nỗi mẹ tình con* (tiểu thuyết, J. Nguyễn Văn Viêt, 1924)
- *Mảnh trăng thu* (tiểu thuyết, 1930)
- *Cậu Tám Lọ* (tục *Mảnh trăng thu*, 1931)
- *Giọt lệ tri âm* (1933)
- *Sóng hồ Ba Bể* (1933)
- *Đám cưới cậu Tám Lọ* (chưa xuất bản).

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- *Châu về hiệp phố* (tiểu thuyết, 4 trong 18 chương đã được đưa vào cuốn *Văn xuôi Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX*, Văn nghệ Tp. HCM, 2000)

Trích văn:

### Mảnh trăng thu

Trong một văn phòng ở cái nhà lâu nơi đường Espagne, một chàng tác độ hai mươi tuổi, mặt trắng, long mày xanh, mũi thẳng, miệng rộng, tai hơi lớn, ngồi dựa lưng nơi ghế, xem một bức thơ ... Ngọn đèn điện chiếu sang, trong cái phòng ấy chung diện rất gọn: hai bên có hai tủ đựng đầy sách để giữa một cái bàn lớn, trên trải nỉ xanh, một bên để cái ghế xích đu, một bên có cái máy đánh chữ. Phía ngoài để một cái ghế dài bằng mun láng bóng, và bốn cái ghế trắc rất đẹp... Đứng trong, dòm bên vách tay trái có hình thánh Gandhi, bên tay mặt có hình Tôn Dật Tiên, ở giữa thì treo một bức họa đồ rất lớn và có tám hình Phan Tây Hồ.

Chàng vừa xem thơ vừa suy nghĩ... Nét mặt coi rất nghiêm nghị, trầm tĩnh. Xem xong, xếp thơ lại để trên bàn, chàng chống tay vào gò má ngồi suy nghĩ. Một lát rồi thở ra mà rằng: “Ta quyết không tin rằng em ta làm sự ghê gớm này, mà ta cũng quyết em ta chưa chết. Uổng quá, ta không được nhớ hình dạng em ta cho đúng, nếu nhớ thì ta... mà quyết rằng em ta sẽ tìm thấy. Trong câu chuyện này tất có một sự gì lạ lùng lắm, mà chưa ai hiểu thấu được. Ta sẽ tìm cho ra chuyện ấy. Nếu có anh Minh Châu ở đây thì có lẽ ảnh giúp ta được một tay.

Chàng đứng dậy, đi qua đi lại, ngẫm nghĩ rồi lại ngồi xuống, đập tay lên bàn mà rằng: “Có lẽ nào em ta chết! Ta quyết không tin.” Rồi liền lấy một tờ giấy trắng mỏng, cầm bút viết thơ trả lời cho bạn.

## HUYỀN ÁI TÔNG

“Anh Minh Châu

Em vừa tiếp được thơ anh; đọc đến những đoạn tả cảnh sông Hương trong lúc trăng thu và cái tình của anh đối với chị Nguyệt Hương trên mặt nước, lúc bấy giờ... em cũng mừng cho anh lắm. Cái thú ấy thật đã thanh cao cho những người biết thọ hưởng. Câu văn của anh cũng xuất sắc thêm được mấy phần, khiến cho em ngâm đi ngâm lại mà không biết chán. Chính như câu:

*Trăng vàng thấp thoáng đằng xa,  
Nhìn quanh lại thấy bóng hoa gần mình...  
Thuyền trôi lơ lửng bóng bình,  
Nước sao nhấp nháng đèn xanh mờ mờ...*

Ấy em tưởng tượng như là em thấy trước mặt một mảnh trăng vàng từ từ đi đến gần chị Nguyệt Hương, cùng ngồi trong một chiếc thuyền với anh, cùng ngắm cái cảnh đêm rất êm đềm ấy... Thú vị thật! Thần tiên thật! Anh khéo gợi tâm long em quá; em phải xếp bức thơ anh lại mà ngồi mơ màng để xuất hồn ra chôn để kính... Bên anh thì trăng vàng thấp thoáng, bóng hoa gần mình; mà em thì ngọn đèn mờ tỏ, chông sách gần mình; cái thú anh là cái thú thần tiên mà cái thú em là cái thú của học sinh đang còn cặm cụi trên biển học vô hạn này. Đôi bên thật khác nhau xa.

Em nhớ khi cùng đi dạo cảnh với anh, cùng đi quan sát với anh mấy tháng ở Xuân Thành rồi em lại tưởng đến lúc này mà ngậm ngùi... mà mong nhớ ...

Hôm trước em về đến nhà thì má em đã mạnh, em qua hầu thăm hai bác thì hai bác mừng quá, hỏi anh ngày nay ra thế nào, và biểu em viết thơ hỏi anh về, kéo hai bác trông, nhưng em kiếm lời thưa cho hai bác yên lòng rằng anh đang viết bộ sách chưa xong. Em cũng biết rằng anh chưa về được! Câu thơ

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

vịnh nguyệt, nét bút truyền thần, đứng trong cái cảnh êm đềm ân ái ấy, mấy ai mà dứt tình cho được! Phải vậy không anh? Em không trách anh, nhưng em tưởng rằng bỏ phí thì giờ quý hóa mà chỉ ngâm thơ thưởng nguyệt với khách tri âm, thì vui riêng vẫn có, song lẽ nào lại chẳng buồn chung. Cái nghĩ vụn của ta lúc này buộc ta phải bay, phải nhảy, phải chạy khắp bầu trời, chớ không phải làm người ân dật, vui thú điền viên được. Nhớ câu thơ của cụ Nguyễn Công Trứ.

*Rấp mượn điền viên vui tuế nguyệt,  
Dám đem thân thế họ tang bồng.*

Mà thêm thương đời thương thân. Em xin anh một điều này, yêu nhau nên yêu vì nét, trọng nhau nên trọng vì tài; rồi cánh hồng bay bổng tuyệt vời, lấy sự nghiệp anh hùng mà đáp ơn tri ngộ cho bạn phòng khuê, thì anh đã được tiếng làm trai biết xử nghĩa, mà chị Nguyệt Hương cũng được tiếng làm gái biết chọn người. Nay anh chỉ ngồi ngắm cái nhan sắc bạn, khen cái tài hoa bạn, còn những sự đáng làm ở đời thì bỏ liều cho người khác gánh, như thế phỏng một ngày kia chị Nguyệt Hương nghĩ chín ra, thì chắc anh chẳng khỏi bị khi khi.

Anh ôi, thôi anh mau đáp tàu về ngay, rồi em sẽ thương lượng với anh một việc; xin đừng diên trì.

Ngàn trùng non nước một tấm lòng son, xin anh tha thứ cho em nặng lời khuyên bảo. Nay thơ.

Sài Gòn, ngày 15 tháng 7 năm 1920

Trần Thành Trai.

T.B: Ồ, còn có một điều này muốn nói cho anh rõ: Từ khi anh nói chuyện ấy với em, em rất quan tâm. Ngày nay là ngày phẳng mối dây rối rắm ấy. Xin anh chớ tin rằng sự ấy là sự

## HUỶNH ÁI TÔNG

thật; giọt máu của cánh họ em, không đến nổi thế bao giờ! Một ngày kia anh sẽ hối hận rằng anh đã trách lờ lời, vì em quyết tìm cho ra sự thật mà cứu danh giá cho gánh họ em.

T.T.T.”

Trần Thành Trai ký tên xong, đọc lại một lần nữa rồi xếp bỏ vào bao đề:

Monsieur Phạm Minh Châu  
Chez M. Lê Trường Khánh  
5, Rue Paul-Bert - Huế

Chàng bỏ thơ vào túi áo, bước vào phòng tắm chải tóc và nói lầm thảm rằng: “Ừa, bây giờ đã gần chín giờ rồi, sao Tuyết Sĩ chưa đến kia! Ta đã gặp dịp trao tiểu thuyết “*Mảnh trăng thu*” cho va rồi. Nếu tiểu thuyết ấy đăng vào “*Nông Cổ*” thì tất nhiên ta được tin.”

Chàng bước ra thì nghe tiếng người lên thang lầu; chàng đón bắt tay, cười mà rằng: “Tôi đợi ông từ hồi tám giờ đến bây giờ... vậy ông hãy ngồi chơi một chút rồi ta cùng đi.”

Ông khách ấy chừng dưới ba mươi tuổi, mắt đeo kính gọng vàng đội nón nỉ, mặc áo quần tuyền so, đi giày đen, thắt nơ đen. Mặt hơi đen, bên cằm có nút ruồi nhỏ nhỏ, vóc người cao... Ông ấy chính là Tổng lý báo “*Nông Cổ*” tên là Lương Vị Minh, hiệu là Tuyết Sĩ ngồi ngó Thành Trai mà rằng: “Mấy hôm nay có nhiều người trong làng báo muốn đến nhà tôi để thết tiệc mời ông, nhưng vì tôi nói ông bận việc, nên họ hẹn đến bữa khác. Vậy ông có giờ rảnh đến dự tiệc chơi một bữa được không?”

Thành Trai mỉm cười đáp rằng: “Đáng lẽ tôi phải đi thăm các ngài, nhưng tôi còn có chút việc nhà chưa yên, nên chưa có thể



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

đi được, vậy xin để khi nào xong rồi tôi sẽ mời tất cả các ngài lại nhà tôi chơi một bữa... À, hôm trước tôi có hứa đưa cho ông một pho tiểu thuyết, vậy để khuya về ghé lại đây tôi sẽ đưa.”

Tuyết Sĩ vui mừng... Nhìn vào mấy tập giấy viết rồi nói: “Tôi rất cảm ơn ông, nếu được một pho tiểu thuyết của ông, thì báo tôi tất thêm giá trị nhiều.”

Thành Trai không nói gì, liền cùng Tuyết Sĩ đi xem chớp bóng. Hôm ấy chớp tuông “Tiên căn báo hậu”, có kếp Léon Mathot đ

Óng vai công tước, nên người đến xem đông , chật cứng cả Casino. Thành Trai và Tuyết Sĩ vào ngồi thì chuông đã rung lần chót. Hôm ấy trong mình Thành Trai hơi mệt nhưng vì nề long Tuyết Sĩ, nên chỉ ngồi đó cho có vị, chớ không chú ý coi chút nào cả. Tuyết Sĩ thì chăm chỉ lắm, mắt đề cả vào trong tấm vải, thỉnh thoảng cười, thỉnh thoảng gật đầu, thỉnh thoảng vỗ tay. Thành Trai dựa gh, mắt xem mà không để ý, trong trí nghĩ chuyện đầu đầu... trong lúc tắt đèn, nghe sau lưng có tiếng hỏi rất dịu dàng, chàng giựt mình xây lưng lại ngó thì thấy một người đàn bà trùm khăn đen, mặc áo quần đen vịn tay trên lưng ghé sau, dòm vào trong lô (loge). Người đàn bà ấy thấy Thành Trai thì ra dáng e lệ, không hỏi nữa lật đật lui ra, dường như hỏi lầm ai.

Thành Trai không thấy rõ mặt, mà cũng không hiểu người ấy muốn hỏi gì ... nhưng khi không chàng bỗng giựt mình, dường như cái hình dạng người đàn bà ấy làm cho chàng nhớ... Nhớ một người nào đó, chàng toan đứng dậy, theo xem cho tận mắt, nhưng Tuyết Sĩ vùng xây lại nói: “Tôi có mời một người đến xem, sao bây giờ chưa thấy kia!” Thành Trai liền hỏi: “Có phải ông mời một người đàn bà mặc sắc phục đen không?”

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tuyết Sĩ gật đầu: “Phải, phải. Chính là cô ta rồi. Cô có hứa lại xem, cũng vì có ông, nên tôi mới mời cô ta đến, để chuyện trò với ông cho vui... Vậy ông có gặp cô ấy lần nào chưa?”

Thành Trai lắc đầu đáp rằng: “Tôi chưa được gặp cô ấy lần nào. Mới rồi cô ấy có đến đây, dường như muốn tìm ai mà khi thấy tôi thì lật gật trở ra ngay.”

Tuyết Sĩ chất lưỡi rằng: “Uổng quá! Mấy lâu mới được một ngày mà lại rui thật! Cô ấy vốn là người có học mà lại rất khôn ngoan!”

Thành Trai xưa nay vẫn không ưa những câu chuyện hảo, tán tụng gái giang hồ. Chàng thường hay cười những ai mắc chon vào lưới tình, chỉ tin rằng chàng không bao giờ nghe một người đàn bà nói mà mê được, mà cũng không bao giờ cái nhan sắc trầm ngư lạc nhạn của cô má phấn nào có thể làm cho chàng say đắm được. Nhưng lạ thay, khi chàng nghe Tuyết Sĩ khen cô lạ mặt ấy, thì chàng lại càng chú ý lắm, chàng hỏi nhỏ nhỏ rằng: “Cô ấy là người thế nào, mà ông lại quá khen như thế?”

Tuyết Sĩ khen một cách thành thật rằng: “Nói về lịch sử cô ấy thì mơ hồ lắm, tôi không thể nói được, vì chẳng ai biết cô tự đâu đến, và nhà cửa cô ra thế nào. Tôi chỉ biết rằng: hiện nay cô đang ở trong cảnh nhà của một tay phú hộ; cô có cái tên hiệu riêng là Nguyệt Thanh. Cô giao thiệp với nhiều nhà sang trọng nhưng ai cũng phải kiêng nể và kính mến cô.”

Thành Trai lại cảnh chú ý vào câu nói ấy, nhưng không tiện hỏi thêm, chàng để Tuyết Sĩ xem ... Đến lúc nghỉ 10 phút, Tuyết Sĩ mời Thành Trai ra dùng rượu mát và nói: “Ti mong rằng ông chấp chương giùm mục *Vấn duyên* cho, vì trong tòa soạn í tai đờm đờng cho xứng được. Hôm trước tôi đọc các khúc ca của ông, tôi thích quá.”

Thành Trai lắc đầu mà rằng: “Về mục Văn uyển thì tôi không thể đương được, vì tôi còn bận việc nhà quá, nhưng nếu tôi có làm bài nào thì xin gửi đến... Tôi bây giờ có một tập tiểu thuyết, nhan là “*Mảnh trăng thu*”, tôi xin dâng cho ông làm quà tiên kiến đã.”

Tuyết Sĩ xưa nay vẫn là người trông rượt rỗng đầu, văn chương không, mà tư tưởng cũng chẳng có, chỉ hễ nghe có ai viết được năm ba câu sáu, ít bài thơ suông, thì đã đến làm quen, lúc tiệc rượu, lúc chén trà, kết giao để mưu lợi cho mình, vì tờ báo tức là cái kế sinh nhai, mà cũng là con đàng cầu danh của va vạy. Hôm trước Thành Trai đi Trung kỳ về ghé ngay lại báo quán, chẳng muốn cầu danh như Tuyết Sĩ, nhưng vì một việc bất buộc chàng đưa bài cho Tuyết Sĩ, nên chàng phải đến; Tuyết Sĩ đọc văn của chàng lấy làm kiệt tác, nên quyến luyến chàng ngay.

Thế là Tuyết Sĩ và Thanh Trai quen nhau, mà bắt đầu đi xem chớp bóng cùng nhau đó...

Mười một giờ ra về, Tuyết Sĩ mời Thành Trai về phòng Nam Việt thì đã có một tiệc dọn sẵn, có hai người mặc áo sơ mi lụa cũng một trang lứa với Tuyết Sĩ và một mâm đèn thuốc phiện.

Tuyết Sĩ giới thiệu cho Thành Trai biết là hai người là tay viết báo Pháp Việt cả, một người là Lê Thành Tượng, một người là Cao Hải Tâm.

Lê Thành Tượng nói: “Anh em tôi vừa đi Thủ Đức về, mới cởi áo ngoài thì hai ông đến, thật cũng kỳ phùng. Vậy thì cái tiệc hôm nay ta đổi ra làm tiệc tương kiến cũng hay.” Cao Hải Tâm nói rõ với Tuyết Sĩ rằng: “An hem tôi có đem một cái hoa sống về mà bỗng có khách tình cờ, nên phải nhốt ngoài kia.” Tuyết

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sĩ mỉm cười mà rằng: “Có hại gì, cứ kêu vào đây cho vui.” Và nói và sửa kiếng lại.

Cao Hải Tâm ra ngoài một lát thì có một cô tuy không lấy gì làm nghiêng nước nghiêng thành, nhưng nhan sắc trông cũng có vẻ mặn... Cô mặc áo càm nhung trắng, mặc quần lãnh đen, choàng khăn màu hường, đi giày nhung xanh, đeo dây chuyền có hạt xoàn anh ánh. Cô cúi chào mọi người, rồi ghé ngồi trên ván, miệng chum chiêm cười mắt liếc ngó Thành Trai... Thành Trai bỗng run rẩy cả mình, cầm chén rượu sững chững trong lòng lấy làm nôn nao.

Tuyết Sĩ nói: “Thôi ta hãy dùng rượu rồi sẽ thưởng hương yên thì mới thú vị.” Cùng nhau chuốc chén, Cao Hải Tâm kêu cô nọ mà rằng: “Em Tám, em hãy cầm một ly rượu, mà mời ông Thành Trai, ông là người sơ ngộ, đừng để ông buồn.” Cô Tám bèn rót một ly rượu chat trắng, rồi hai tay đưa cho Thành Trai cười chum chiêm nói rằng: “Xin ông dung cùng em gọi là gặp gỡ nhau lần đầu.” Thành Trai biết mấy tay viết báo làm cho mình thành ra một trò cười để cho họ xem, nên vạ bất đắc dĩ, mới tiếp lấy rượu, gượng cười mà rằng: “Cám ơn cô em lắm, tuy là mới gặp lần đầu, nhưng tôi xem dường như đã biết nhau lâu lắm rồi.” Cô Tám liếc mắt đưa tình, miệng vẫn mỉm cười. Cô cứ ngó vào hai con mắt Thành Trai, mà Thành Trai thì không ngó gì cô, dẫu khi nói với cô, chàng cũng ngó đâu đâu; cô lấy làm lạ... Cô ngó nghiêng thấy Tuyết Sĩ nháy cô bảo nói chuyện với Thành Trai, nhưng không biết vì có gì đang vui vẻ nói cười, tình linh cô lại lộ ra vẻ buồn bã. Cái buồn ấy không rõ phát sanh ra do bởi đâu, mà tự xưa tới nay cô chưa từng có, chỉ hôm nay mới có là nần đầu.

Cô cũng gắng gượng cho tới khi tan tiệc rượu, Bấy giờ cô lại nằm gần mâm hút, tay cầm cái tiêm lặn vào hộp thuốc, rồi đưa lên ngọn đèn mà suy nghĩ đầu đầu... Lê Thành Tượng, Cao Hải Tâm và Tuyết Sĩ đến mời Thành Trai lên ván nằm quanh

cái mâm hút ấy. Cái bàn tay trắng trẻo mềm mại, mấy ngón tròn như mấy cái móng măng non, lăn cái tiêm một cách rất dịu dàng, trông thật dễ thương. Cô tiêm một liều thuốc nhỏ, lấy tay nhận xuống, xoi một lỗ, rồi cầm cái ống nâng hai tay, mắt nhìn cả các ông khách mà chưa biết trao cho ai. Tuyết Sĩ vội vàng đỡ lấy đưa cho Thành Trai mà rằng: “Mời ông kéo một liều cho khỏe, rồi sẽ thức mà chuyện trò chơi đêm nay.” Thành Trai đáp rằng: “chuyện gì thì tôi xin vâng chớ còn sự này tôi không dám vì lúc nào tôi cũng vẫn tự nghiêm cấm lắm.”

Lê Thành Tượng cười rằng: “Dùng một liều chơi cho khỏe, kéo thức khuya lắm mệt. Bữa nay tôi vào Chợ Lớn ghé nhà ông Bang Hên, ông có cho một cục long diên hương, tôi trộn chung với thuốc, hút vào khỏe lắm.” Cao Hải Tâm kéo tay cô Tám mà rằng: “Tại em không chịu đưa tận tay nên ông Thành Trai buồn. Em làm sao cho ông nhận liều thuốc ấy thì qua sẽ thưởng.”

Cô Tám thưa nhỏ nhẹ rằng: “Mời ăn mời uống thì em dám, chớ còn mời hút thì em chẳng dám ép ai. Nếu thiệt vì em mà ông phải phiền long thì em không vui chút nào hết.” Thành Trai nghe cô Tám nói câu ấy lại càng lấy làm lạ hơn nữa. Chẳng bao giờ một người gái giang hồ lại nói được như vậy, hay là cô có chút tình riêng gì với chàng chăng? Chàng cười thầm cho chàng khéo nghĩ vơ; đã gọi là gái giang hồ thì bao giờ có tình với ai, họ chỉ trao chuốt lời nói để mua lòng khách làng chơi mà thôi, chớ hạng đưa rước thì còn tình gì nữa!

Chàng cười rằng: “Cô nói phải lắm, thú chơi tùy thích mỗi người mới vui, chớ ép quá thì hết vui rồi; xin các ông cứ cho tự ý thì hơn.” Lê Thành Tượng nói: “Nếu vậy thì nhơn sanh quý thích chí, tự ý mỗi người, ai ưa thú gì thì theo thú ấy.” Và nói và kê miệng vào kéo một hơi nghe rò rò, rồi phì phà thở khói, mùi thơm ngào ngạt.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Thành Trai đứng dậy ra ngoài lan can, ngó mong xuống xa xa, thì chỉ còn ấy cái xe kéo đi lơ lơi và vài ba cái xe hơi chạy qua lại... Đêm đã khuya, trong phòng máy ông viết báo thờ vài ba khổi, cười nói như pháo ran...

(Cái thú của mấy nhà viết báo nhiều khi lạ đời thật! Các ngài thường công kích rượu Công ty, những thuốc phiện, những cờ bạc, những đĩ điếm, thế mà chính các ngài trong đêm tối lại dờ ra những trò hư tẻ hơn người thường nhiều! Mỗi ngày đều miệt mài vào cả thú chơi, mà nhữnhg nhà luân lý lấy làm mlo sợ.)

Các ngài thông thạo những nghề chơi ấy lắm, nên bỏ vào cuộc nào các ngài cũng sở trường. Tuyết Sĩ khen cô Tám tiêm thuốc khéo, nên hút vừa miệng lắm... Thịnh thoảng cô lại ngâm một hai câu Kiều, ca một vài bản *hành vân lưu thủy* để giúp vui cho các ông.

Cô ngâm:

*Chém cha cái số hoa đào,  
Cởi ra rồi lại buộc vào như chơi!*

Tuyết sĩ lại ngâm:

*Hoa tàn mà lại thêm tươi,  
Trăng tàn mà lại hơn mùi rằm xưa.*

Thành Tượng và Hải Tâm đều vỗ tay cười sảng sặc...

Đến ba giờ khuya, Tuyết Sĩ và Thành Trai kiếu Cao Hải Tâm, Lê Thành Tượng. Cô Tám cũng ra về. Khi bắt tay hai ông viết báo rồi thì cô bước tới nói với Thành Trai: “Hôm nay em xem ông có đáng buồn... Em không được hầu chuyện với ông, em cũng không vui chút nào, nhưng vì cái số phận đào hoa của em làm cho em không tự chủ được, mà phải hầu hạ tùy theo ý từng

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

người. Xin ông tha lỗi cho em, nếu hôm nào ông có chút thì giờ rảnh, xin mời ông lên Bá Lạc Viên chơi... em ở đó.

Thành Trai gật đầu, cảm ơn rồi lên xe về... Đến nhà, Tuyết Sĩ nói với Thành Trai rằng: “Tôi xem bộ ông mệt lắm, nếu hồi này kéo một hai điều thì khỏe liền. À, ông đưa cho tôi bộ tiểu thuyết để cho ra kỳ báo mai.”

Thành Trai dắt Tuyết Sĩ lên lầu, mời ngồi rồi lấy tập thảo “*Mảnh trăng thu*” đưa ra mà rằng: “Bộ tiểu thuyết này tôi soạn trong lúc tôi đi chơi Huế, vậy ông đem về xem thử, nếu đăng được thì đăng.”

Tuyết Sĩ đọc hai ba trang, khen lẩy khen để rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Chính là một pho tiểu thuyết có giá trị, đáng đem công bố cho thiên hạ biết.”

Thành Trai nói một cách nghiêm nghị rằng: “Câu chuyện ấy lắm sự thâm thiết vô cùng, ấy là cái lịch sử của một cô con gái, ngộ biến đầy, vậy ông chớ để tên tôi, xin để cái hiệu Thanh Thủy là đủ.” Tuyết Sĩ gật đầu từ giã ra về. Thành Trai đưa xuống thang lầu.

- 0 -

Trên nhật báo *Thần Chung*, nhà phê bình Thiệu Sơn có bài viết về nhà văn Bửu Đình như sau:

*"Ông sở trường về tiểu thuyết, bây giờ đọc lại người ta chê là xưa, nhưng lớp người xưa như chúng tôi lấy làm thích thú về những nhân vật điển hình phần nhiều đều là những mẫu người lý tưởng hoặc là anh hùng, hào kiệt, hoặc là liệt nữ, chinh phu, những người sống chung với tất cả mọi người nhưng luôn luôn để tâm hồn, tình cảm vươn lên tới những đỉnh tuyệt vời của lý*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*tướng. Phải có những người như thế mới khiến cho ta không thất vọng và còn tin tưởng ở nhân loại. Có thể người ta chế B.Đ là không tướng, nhưng không ai dám cho ông là tầm thường.*

*Ông hoàng B.Đ không có ngai vàng, không có quyền thế, chưa thi ân bố đức cho ai, lại bị bôi sỏ trong hoàng tộc, nhưng ông vẫn có uy tín đối với những người đã gần ông, hiểu ông, kính trọng ông và sẵn sàng tận tụy với ông.*

*Ông mất ngôi vua, nhưng đã ngự trị trong lòng người, rất nhiều người, mặc dù tôi chưa dám nói là lòng dân tộc, ông chưa phải là người đứng trong thiên hạ mà cùng tranh đấu cho mình, cho người. Ông chưa phải là điển hình của dân tộc nhưng ít nhất ông cũng bảo vệ danh dự cho hoàng gia.*

*Trên địa hạt văn chương, cũng cần cho ông một chỗ ngồi xứng đáng.”*

Tài liệu tham khảo:

- Bưu Đình Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Mảnh trăng thu*: Nguyễn Q. Thắng *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới*, Văn Học, 2007, tr. 1187



## 2. Nguyễn Háo Vĩnh



**Nguyễn Háo Vĩnh (1893-1941)**

Nguyễn Háo Vĩnh sinh ngày 19 tháng 12 năm 1893, tại làng Bình Đức, tỉnh Long Xuyên, nay thuộc phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Cha ông là Nguyễn Háo Văn, là một thành viên đắc lực của phong trào Minh Tân, và là một trong số thành viên sáng lập *Minh Tân khách sạn* ở Mỹ Tho

Thời trẻ, ông học trường Chasseloup-Laubat, nay là trường Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, Tp. HCM. Sau khi tốt nghiệp trung học, Nguyễn Háo Vĩnh cùng nhiều học sinh khác được hội Minh Tân, theo phong trào Đông Du, cử sang học ở Nhật Bản vào năm 1905.

Tháng 9 năm 1908, theo hiệp ước Pháp-Nhật, nhà cầm quyền Nhật không cho các nhà cách mạng và lưu học sinh người Việt cư trú nữa; vì vậy, Nguyễn Háo Vĩnh được cha đưa sang

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hương Cảng nay là Hồng Kông học ở trường *St. Joseph's College, Hong Kong*.

Tốt nghiệp, ông sang Luân Đôn, Anh quốc để gặp Kỳ Ngoại hầu Cường Để, rồi trở về nước và được Trần Chánh Chiêu giao quyền điều hành xưởng hộp quẹt của “Minh Tân công nghệ xã” ở Mỹ Tho. Sau, ông còn mở hãng xà bông “Con Rồng” và làm dầu mĂNG...

Năm 1916, Nguyễn Háo Vĩnh bị bắt tại Hương Cảng khi đang hoạt động cách mạng. Ông bị áp giải về Nam Kỳ, rồi bị toà án thực dân ở Sài Gòn kết án tử hình, nhưng được Tổng thống Pháp ân xá.

Sách *Cách vật trí tri* của ông in năm 1918, được giải thưởng của Hội Khuyến học Nam Kỳ năm 1922.

Ra tù, ông về sống với cha ở Cần Thơ. Vào khoảng năm 1922-1923, nhờ Thanh tra chính trị sự vụ tại phủ Toàn quyền là Louis Marty đỡ đầu, Nguyễn Háo Vĩnh lên Sài Gòn, cư ngụ ở Gò Vấp làm báo, làm chủ nhà in Xưa Nay, làm Chủ bút *Hoàn cầu tân báo* và *Nam Kỳ kinh tế báo*.

Với bút danh *Hót Tắt Liệt*, trên *Nam Kỳ kinh tế báo* ông từng bút chiến với Phạm Quỳnh trên báo *Nam Phong*, ông cho rằng ông Phạm Quỳnh đã sử dụng chữ Hán quá nhiều trong văn chương quốc ngữ, và đả kích Lê Hoàng Mưu vì viết "dâm thư" *Hà Hương phong nguyệt*.

Năm 1925, ông có tham gia điều hành tờ *L'Echo Annamite* khi Nguyễn Phan Long làm Chủ bút.

Nguyễn Háo Vĩnh mất ngày 11 tháng 8 năm 1941, tại Gò Vấp tỉnh Gia Định, hưởng dương 48 tuổi. Ông được liệm và chôn cất theo nghi thức của đạo Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Một phần hình lục giác có dạng cái tháp tại đền Trước Tiêt Tàng Thơ ở Thủ Thiêm, quận Thủ Đức tỉnh Gia Định, nay là phường An Khánh, quận 2, Tp. HCM.

Em ruột ông là Nguyễn Háo Đàng cũng là một nhân vật chống Pháp có tiếng ở Sài Gòn.

Tác phẩm:

- *Cách vật trí tri* (1918)
- *Chuyện rút trong các bốn tuồng của W. Shakespeare* (1926), gồm: *Chú lái buôn thành Venice Thái tử Hamlet, Roméo Juliet, Vây thì vây* (Asyon like).
- *Chuyện vạn quốc* (1924)
- *Anh hùng hào kiệt của thành Roma ngày xưa* (1928)
- *Cần khôn Lý học sơ giải*
- *Đại Nam Quốc sử diễn ca Cách vật trí tri I, II* (1918)

Trích văn:

### **Cách vật trí tri**

Lời kính dung cho dân Annam, cho trẻ con Annam những công trình khó nhọc của một người Annam.

#### *Lời nói đầu*

Nói tắt một điều: từ khi mới biết đọc chữ Quốc ngữ cho tới khi tốt nghiệp tiểu học, trẻ con bất luận là trai hay gái, đều học được sự hữu ích luôn luôn. Này! Những người lão thành cũng sẽ thấy trong bộ sách này những điều có ích đáng coi.

Lòng ta quyết dạy bảo trẻ con và mở mang dân trí nên mới có bộ sách này ra. Ấy vậy, mấy thầy giáo, mấy cô giáo và những người có lòng thương con em An Nam cùng những người có

## HUỶNH ÁI TÔNG

chí mở mang dân trí hãy lấy lòng rộng rãi hiệp sức cùng ta mà rải bộ sách rất nên có ích này khắp mọi nơi có người Annam ta ở. Ấy là một cái công đức rất nên to tát đối với quốc dân.

N.H.V.

Cần Thơ 1<sup>er</sup> – Janvier 1918

Trong *Văn Học Việt Nam nơi miền đất mới*, tác giả Nguyễn Q. Thắng có nhận định về nhà văn Nguyễn Háo Vĩnh:

*“Trong tiến trình văn học Quốc ngữ Việt Nam, có thể xem ông là một trong những tác giả có công giới thiệu tác phẩm văn chương nước ngoài đến với độc giả Việt Nam hồi đầu thế kỉ XX.”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Háo Vĩnh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Cách vật trí tri*: Nguyễn Q. Thắng *Văn Học Việt Nam nơi miền đất mới*, Văn Học, 2007, tr. 1123



Tiết 13 : Đông Pháp Thời Báo

Đông Pháp Thời Báo chưa Pháp văn là *Le Courier Indochinois* là báo quốc ngữ có từ 4 đến 8 trang khổ lớn 65x40cm, xuất bản 3 kỳ mỗi tuần vào các ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu, số đầu ra ngày 2-5-1923.

Báo do Nguyễn Kim Đỉnh làm Tổng Lý, báo quán đặt tại 71 đường Mac Mahon Sài Gòn.



Sau vì thua lỗ, nên phải bán lại cho hai ông Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Văn Bá, từ số 635, phát hành ngày thứ sáu 14. 10.1927.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hai ông này đã biến đổi hoàn toàn tờ báo nhiều khía cạnh, từ chỗ báo có khuynh hướng thân chính phủ trở nên tờ báo có khuynh hướng đối lập, từ tờ báo thua lỗ trở thành tờ báo có rất nhiều người đọc. Từ phát hành Thứ Hai, Thứ Tư, Thứ Sáu quay sang phát hành các ngày Thứ Ba, Thứ Năm, Thứ Bảy trong tuần, thêm các phụ trương như: phụ trương thể thao, phụ trương phụ nữ và trẻ em, phụ trương văn chương, mời các nhà văn miền Bắc như Tản Đà, Ngô Tất Tố vào nam, tăng cường cho ban biên tập tờ báo.

Lần lượt các chủ bút sau đây thay thế nhau trông nom bài vở: Trần Huy Liệu bút danh Nam Kiêu, sau là Bùi Thế Mỹ bút danh Lan Đình rồi Nguyễn Văn Bá. Báo thể hiện lập trường của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, có xu hướng cấp tiến.

Những người chủ trương muốn thay đổi từ hình thức đến nội dung, cho nên *Đông Pháp Thời Báo* ấn hành số 793 ngày 15-11-1928 đã thông báo “*Thần Chung sẽ ra đời thay thế cho Đông Pháp. Thần Chung là gì ? Thần Chung là tiếng chuông buổi sáng. Trong vài tháng nữa đây tiếng chuông ấy sẽ vang lừng khắp cả, nghĩa là báo Thần Chung sẽ xuất hiện ở xã hội Việt Nam*”.

Do đó sau khi ra số 809 phát hành ngày 22-12-1928, báo đình bản để ra báo *Thần chung*.

Tài liệu tham khảo:

- *Đông Pháp Thời Báo* Web: sachxua.net

## 1. Diệp Văn Kỳ



**Diệp Văn Kỳ (1895-1945)**

Ông Diệp Văn Kỳ sinh năm 1895, tại Huế là con của nhà văn Diệp Văn Cương và Công nữ Thiện Niệm, con gái Thoại thái vương Hồng Y.

Thuở nhỏ ông học tại Huế, lớn lên vào Sài Gòn, sống với thân phụ là Diệp Văn Cương để đi học, sau khi tốt nghiệp ở Trường Chasseloup-Laubart, gặp lúc Diệp Văn Cương phá sản, được ông Trà Giang Phan Văn Cử (1881-1917), người tham gia phong trào Đông Du, giới thiệu với ông Lê Quang Hiến, tục gọi là Cai Tổng Hiến, nghiệp chủ ở xã Hoài An, Cao Lãnh, Cai tổng Hiến gả con gái cho, rồi chu cấp cho Diệp Văn Kỳ và vợ sang Pháp học khoảng năm 1920-1925.

Ở Pháp, Diệp Văn Kỳ tham gia đảng Lập hiến của Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo, viết bài cho báo *Việt Nam hồn* của Nguyễn Thế Truyền, và còn cùng với ông chủ báo này in truyền đơn, kêu gọi người Việt ở Pháp biểu tình để đòi ân xá cho nhà chí sĩ Phan Bội Châu.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đỗ Cử nhân Luật khoa, Diệp Văn Kỳ về nước, sống một thời gian ở Cao Lãnh, tại đây ông đã thành lập *Hội khuyến học* và có những hoạt động xã hội, văn hóa. Sau ông lên Sài Gòn hành nghề luật sư, nghe theo lời Trà Giang Phan Văn Cử, ông bỏ nghề luật sư sang làm báo, để có cơ hội tranh đấu nhiều hơn. Vợ ông điều hành nhà in Bảo Tồn. Đầu tiên ông viết cho *Đông Pháp thời báo* (Le Courrier Indochinois) của Nguyễn Kim Đính.

Năm 1927, ông mua lại tờ *Đông Pháp thời báo*, và ông đã cho mời các nhà báo nổi tiếng đất Bắc như Tân Đà, Ngô Tất Tố, Phan Khôi...vào Sài Gòn cộng tác. Tờ *Đông Pháp thời báo* do ông làm Chủ nhiệm hoạt động từ số 635, ra ngày Thứ Sáu 14-10-1927 cho tới số cuối 809, ra ngày 22-12-1928 thì đình bản.

Đầu năm 1929, Diệp Văn Kỳ lập tờ *Thần Chung*, với sự cộng tác đắc lực của Nguyễn Văn Bá, vốn là giáo sư xuất thân Trường Sư phạm Hà Nội, Tân Đà, Đào Trinh Nhất, Trần Huy Liệu, Phan Khôi ..., *Thần Chung* tồn tại cho đến năm 1932, báo bị đình bản, vì đăng những bài chống nhà cầm quyền Pháp ở đất Nam Kỳ.

Năm 1938, Diệp Văn Kỳ lại tích cực tham gia phong trào “Đông Dương Đại hội” với nhóm La Lutte. Nhưng chỉ mấy tháng sau, phong trào bị nhà cầm quyền Pháp khủng bố, và ra lệnh trục xuất ông về Trung Kỳ. Để trốn tránh, ông giả dạng làm một tu sĩ nhưng vẫn bị quân Pháp bắt dẫn độ về Huế cùng với Bùi Thế Mỹ và Đào Trinh Nhất. Non một năm sau, lệnh trục xuất mới được thu hồi, ông liền trở lại Sài Gòn tiếp tục hoạt động như trước.

Trong thời kỳ quân Nhật chiếm đóng Việt Nam, viên đại úy Nhật là Noda từng kiểm cách dùng ông. Sau nhiều lần thối



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

thác, tránh né, cuối cùng ông về sống ở Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh với người anh cột chèo là kỹ sư Phan Minh, con trai trưởng cụ Phan Thúc Duyệt. Năm 1945, theo Hứa Hoành cho biết, ông Kỳ giả làm thầy dòng, trốn trong nhà thờ Trảng Bàng, nhưng cũng bị Việt Minh phát giác, rồi bắt dẫn đi, hạ sát trong đêm tối. Năm đó ông mới hưởng dương 50 tuổi.

Tác phẩm:

- *Chế độ báo giới Nam Kỳ* (1938)

Trích văn:

### **Bài của ông Phan Văn Hùm thôi đăng**

Từ đây câu chuyện “Ngồi tù khám lớn” của ông Phan Văn Hùm đã đứt ngang không thể tiếp tục nữa đăng.

Trưa hôm qua có lệnh của quan Thống đốc Eutrope truyền cho tòa kiểm duyệt tự hậu không được cho phép Thân Chung ấn hành câu chuyện đó nữa.

Phàm mình làm báo quốc ngữ, có lệnh thì phải tuân. Vì trước khi mình ra lãnh trách nhiệm thì đã biết là đã có tòa kiểm duyệt. Lấy sự thật mà nói, từ khi tôi dự vào trường ngôn luận thì chưa có gặp điều chi có thể nói rằng tòa kiểm duyệt ở đây quá ư hà khắc. Bằng như mỗi bài mỗi đề nguyên văn, ai còn đặt ra tòa kiểm duyệt mà làm chi. Đến nay có lệnh không cho phép xuất bản bài “Ngồi tù Khám lớn”, thì thật tôi không hiểu. Song nghĩ chắc là có lẽ chỉ quan hệ đến quyền thống trị của chánh phủ Pháp ở xứ này nên quan thống đốc Eutrope ngài mới làm như vậy.

Điều đó chỉ một mình quan thống đốc biết rõ. Vậy mà vì tôi đã

## HUỶNH ÁI TÔNG

nói rằng tôi lấy làm lạ, nên phải cắt nghĩa ra đây cho chánh phủ cùng quốc dân biết rõ.

Theo ý tôi tưởng tờ báo quốc ngữ, ngoài chuyện khác ra thì vẫn còn một cái trách nhiệm không nên khinh suất, là làm như cái dấu “trait d’union” của chánh phủ và quốc dân. Chánh phủ đặt làm điều chi hay thì mình cũng nên lấy lẽ vô tư mà cho công chúng biết, quốc dân có chuyện chi than phiền, mình lại đủ can đảm mà bày tỏ cho chánh phủ rõ. Giả tỷ như một ông quan nào, một công sở nào mà đã làm ra nhiều tội lỗi, hay là điều chi trái hẳn với phép cai trị mà mình đăng tải lên báo chương thì chẳng những là giúp cho An Nam khỏi cái mối hại đó, mà chánh cũng là giúp cho người cầm quyền cai trị biết, đặt trừ hại dân, tức là làm lợi của chánh phủ vậy.

Trong câu chuyện “Ngôi tù Khám lớn” ông Phan Văn Hùm chỉ thuật lại có hai việc: đầu đuôi vụ Bến Lức và mấy tháng ở trong Khám lớn Sài Gòn, ông Hùm viết ra bài này có ý gì chúng ta không cần biết đến, chúng ta chỉ nói với chánh phủ rằng xét kỹ lại thời thật cũng có giúp cho chánh phủ biết đặt sự thật.

Ông Hùm có phải là người nghịch với chánh phủ không, chuyện ấy ta cũng không cần chi biết. Chớ trong bài “Ngôi tù Khám lớn”, thật không có lời nào động đến quyền thống trị của chánh phủ Pháp ... (Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn)

Vậy sao có lệnh cấm.

Tôi đã nói chỉ có một mình quan thống đốc Eutrope biết vì lẽ gì thôi.

Chẳng có mỗi khi ai công kích một cái công sở nào, mỗi bị cấm, thì chắc từ đây các công sở mặc sức hoành hành muốn làm chi trái phép thì làm. Huống là các điều bịnh tệ trong khám lớn là những điều còn ai lại chẳng biết?

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Đến nay có lệnh không cho xuất bản bài “Ngồi tù Khám lớn” thì tôi thật không hiểu. Song cũng nghĩ chắc là có lẽ chỉ quan hệ đến quyền thông trị của Pháp ở xứ này, nên quan thống đốc Eutrope ngài mới làm như vậy.

Vậy nên chúng tôi hết sức mong rằng: Quan thống đốc Eutrope mà cầm đăng ở đây là vì ngài muốn tra xét cho rõ đăng một ngày kia ngài sẽ trừng trị những người đã lạm dụng cái quyền giữ ngục của mình mà làm nhiều điều trái với pháp luật, trái với nhơn đạo, và ngài sẽ sửa đổi lại làm sao cho tụt hậu những kẻ đã vô phước sa vào lưới hình phạt của pháp luật, khỏi bị lũ bất lương kia nó trừng phạt một cách gớm ghê hơn nữa.

Quả vậy, thì cầm chúng tôi đăng bài, chúng tôi cũng chẳng phiền chi, mà ông Phan Văn Hùm có viết lờ ra rồi, cũng chẳng lấy chi làm vô ích vậy”.

Diệp Văn Kỳ

Trích thơ:

### **Cảm tác<sup>(\*)</sup>**

*Cái kiếp trần duyên, kiếp đọa đày  
Non Tiên sao khéo lạc loài đây?!  
Trở trên thu thủy hoa in nguyệt  
Đông đánh Xuân Tiêu liễu vẽ mây  
Sóng sắc lập lòe con nước động  
Gió hương phượng phát cánh hoa lay.  
Trông em khó nổi vô tình được  
Mượn bút làm duyên để giải khuây.*

### **Điếu văn<sup>(\*\*)</sup>**

HUỶNH ÁI TÔNG

*Hùm để da,  
Ta để tiếng,  
Khí thiêng un đúc sắc trời pha,  
Trăm năm ai lại biết.  
Thầy Phan Văn Cử,  
Bạn vong niên ta.  
Anh em thảo luận, chồng vợ kính,  
Khinh tài, trọng nghĩa, khắp gần xa.  
Tình tri kỷ,  
Biết sao là!*

Mùa hè năm Mậu Ngũ

Diệp Văn Kỳ bái đề.

-----  
(\* ) Diệp Văn Kỳ tặng nữ sĩ Mộng Đài khi bà cùng nhà báo Hoa Đường đến nhà ông chúc tết.

(\*\* ) Được gia đình ông Phan Văn Cử khắc trên bia mộ.

Bài viết về nhà văn, nhà báo Diệp Văn Kỳ trên *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia* có nhận định về ông như sau:

*Diệp văn Kỳ là một trí thức vào hàng kỳ cựu. Du học ở Pháp về, ông không ra làm công chức cho chính phủ thuộc địa mà nghe theo lời các ân nhân đứng ra lập Hội Khuyến học, rồi làm báo, viết văn, tham gia các hội đoàn chống Pháp công khai tại Sài Gòn. Trong đời làm báo, ông nổi danh ngay từ đầu với các tờ Đông Pháp thời báo, Công Luận, Trung Lập, nhất là tờ Thần Chung do ông làm Chủ nhiệm. Thơ, văn của ông rất bình dị...*

Tài liệu tham khảo:

- Diệp Văn Kỳ Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

- Bài của ông Phan Văn Hùm thời đăng: Nhật báo Thần Chung  
2 février 2, 1929

## 2. Trần Huy Liệu



**Nam Kiêu - Trần Huy Liệu (1901-1964)**

Ông quê ở làng Vân Cát, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông có bút danh chính là Nam Kiêu và nhiều bút hiệu khác như Đầu Nam, Hải Khánh, Côi Vị, Âm Hân Kiếm Bút.

Thuở nhỏ ông học thầy Bùi Trình Khiêm ở Nam Định, Hà Nội. Từ năm 1924, ông vào Nam công tác với các báo *Nông cổ mín đàm*, *Rạng đông*, làm chủ bút tờ *Đông Pháp thời báo*. Tháng 6 năm 1927 ông bị Pháp bắt, kết án tù vì có chân trong các tổ chức yêu nước.

Năm 1928 ông thành lập *Cường học thư xã* chuyên xuất bản sách cổ võ tinh thần yêu nước, nâng cao dân trí.

Cũng trong năm này, ông tham gia nhập Việt Nam Quốc Dân đảng và tổ chức đảng bộ trong Nam giữ cương vị Bí thư kỳ Nam bộ.

## HUỖNH ÁI TÔNG



*Ba người đứng thứ tư, năm, sáu từ trái sang là Nguyễn Thái Học, Nam Xương, Trần Huy Liệu, mọi người trong ảnh đều là Việt Nam Quốc Dân Đảng.*

Rồi bị Pháp bắt vào khoảng tháng 8 năm 1928, bị kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Trong tù, vì tiếp xúc với người cộng sản ông tiếp thu chủ nghĩa cộng sản, tuyên bố li khai Quốc dân đảng, tự nguyện đứng vào hàng ngũ những người cộng sản.

Năm 1935, ông ra tù, bị trục xuất về miền Bắc.

Từ năm 1936, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, tích cực hoạt động cho đảng.

Tháng 10 năm 1939 lại bị bắt đày đi Sơn La, Bá Vân, Nghĩa Lộ. Đến tháng 3 năm 1945, tham gia phá trại giam Nghĩa Lộ, vượt ngục trở về Hà Nội làm công tác cách mạng.

Trong thời gian Cách mạng Tháng Tám ông giữ những cương vị quan trọng mặc dù ông chưa bao giờ làm Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tháng 8 năm 1945, ông dự Đại hội Quốc dân ở Tân Trào và được bầu làm Phó chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng (có vai trò như Chính phủ cách mạng lâm thời lúc đó). Ông là người soạn Quân lệnh số 1 phát lệnh Tổng khởi nghĩa toàn quốc dẫn đến Cách mạng Tháng Tám.

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thành công, chính phủ cách mạng lâm thời được thành lập, Trần Huy Liệu được giao giữ chức Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền rồi Cục trưởng Cục Chính trị, Quân sự ủy viên hội do Võ Nguyên Giáp phụ trách.

Tháng 5-1946, Báo Sao Vàng - cơ quan tuyên truyền huấn luyện binh sĩ của Quân sự ủy viên hội ra đời, Trần Huy Liệu được giao trọng trách làm chủ bút. Báo Sao Vàng ra số đầu 30-5-1946, đây là tờ báo đầu tiên của quân đội quốc gia Việt Nam, ra hằng tuần được 26 số, số cuối cùng là ngày 28-11-1946 và cũng là tiền thân của Báo Quân đội nhân dân ngày nay.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945 ông thay mặt Chính phủ cùng với Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận vào kinh đô Huế chấp nhận sự thoái vị và nhận ấn tín của vua Bảo Đại.

Sự kiện kho đạn của Pháp ở khu Dakao (trong khu vực đường: Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Sa) bị cháy, nổ vào tháng 10 năm 1945, do chính Trần Huy Liệu dựng đứng tên tuổi và câu chuyện Lê Văn Tám đốt kho đạn, nhằm mục đích tuyên truyền và cổ động tinh thần kháng chiến, khi ông đang giữ chức Bộ trưởng Bộ Thông tin tuyên truyền trong Chính phủ lâm thời từ ngày 28 - 8 - 1945 đến ngày 1 - 1 - 1946.

Sau đó, ông lần lượt giữ các chức vụ: Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền cổ động, Chính trị Cục trưởng trong Quân sự Ủy viên hội, Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Hội Văn hóa cứu quốc, Ủy viên thường trực Quốc hội, Phó chủ nhiệm Ủy ban

## HUỶNH ÁI TÔNG

Khoa học Xã hội Việt Nam, Phó chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Trung.

Trong thời gian kháng chiến chống Mỹ ông tham gia công tác Quốc hội, làm Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất của Quốc hội.

Từ năm 1953, ông chuyển sang công tác nghiên cứu khoa học, làm Trưởng ban Ban nghiên cứu Văn Sử Địa trực thuộc Trung ương Đảng cho đến năm 1959.

Sau đó ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Viện trưởng đầu tiên của Viện Sử học, Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Ông được bầu làm Chủ tịch đầu tiên của Hội Khoa học Lịch sử Việt nam

Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức tặng ông Huân chương khoa học Hum-Bôn, và ông lại được nhận danh hiệu Viện sĩ Thông tấn do Viện Hàn lâm khoa học Cộng hòa dân chủ Đức trao tặng.

Ngày 28 tháng 7 năm 1969 ông mất tại Hà Nội, thọ 68 tuổi.

Năm 1996, các công trình về Lịch sử của Trần Huy Liệu được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt đầu tiên.

Tác phẩm:

- *Một bầu tâm sự* (1927)
- *Ngòi bút sắc* (1927)
- *Hiến thân vì nước* (1928)
- *Ngục trung kí sự* (1927)
- *Anh hùng yêu nước* (1928)
- *Câu chuyện chung* (1928)
- *Hồi ký*
- *Thái Nguyên khởi nghĩa*
- *Ba người anh kiệt nước Ý*



Trích văn:

*Hồi ký*

**Trên đường vào tước ấn kiểm của hoàng đế Bảo Đại**

Chúng tôi vừa từ Đại hội Tân Trào về, còn đương bề bộn trước những công việc ngày đầu của Chính phủ lâm thời thì nhận được điện tín của Ủy ban Hành chính Trung bộ báo cáo là Bảo Đại xin thoái vị, đề nghị Chính phủ lâm thời phái đại biểu vào để nhận lễ thoái vị của y... Theo sự chỉ định của Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời, các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Cù Huy Cận và tôi được cử vào phái đoàn vô Huế do tôi làm trưởng đoàn. Tôi thay mặt cho Chính phủ lâm thời, còn anh Nguyễn Lương Bằng thay mặt cho Mặt trận Việt Minh.

Hôm ấy, nhớ là ngày 25-8-1945, phái đoàn Chính phủ Lâm thời từ thủ đô Hà Nội ra đi bằng hai chiếc ô-tô, có một tiểu đội Giải phóng quân đi theo bảo vệ. Lúc ra đi cũng bình thường lắm, không có nghi thức gì. Sau này do tin tức tình báo, chúng tôi được biết là: chuyến đi này, bọn phản động Quốc dân Đảng dò biết đã ngầm phái người đi theo chực ám hại chúng tôi ở giữa đường, nhưng sau thấy không thể thực hiện được nên đến Thanh Hóa chúng trở lại.

Trước khi đi chúng tôi có đánh điện cho Ủy ban Hành chính Trung bộ và Ủy ban Hành chính Trung bộ đã thông báo cho Ủy ban Hành chính các tỉnh ở dọc đường. Báo tin cho biết vậy thôi chứ không có ý chờ đợi một cuộc đón tiếp long trọng gì, vì lúc ấy chúng tôi vừa mới ở nhà tù ra, mặc dù đã chấp hành nhưng cái gì cũng muốn xuề xòa cho xong thôi, không quen những nghi thức phiền phức long trọng.

Từ Hà Nội đến Thanh Hóa dọc đường không có gì đáng kể. Gần đến tỉnh lỵ Thanh Hóa có đồng chí Lê Tất Đắc, Chủ tịch

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ủy ban Hành chính Thanh Hóa và các ủy viên ra đón tiếp phái đoàn. Đêm đầu chúng tôi ngủ lại đây để sáng mai đi sớm. Nếu từ đây đến Huế sự việc cũng diễn ra như thế thì thiên hời kỳ này cũng không có chuyện gì để kể ở dọc đường. Nhưng từ ngày hôm sau, ra khỏi địa hạt Thanh Hóa, chúng tôi đã thấy lác đác có từng toán nhân dân chờ đón phái đoàn ở dọc đường. Mỗi khi có những cuộc tiếp đón như vậy chúng tôi đều xuống xe nói chuyện niềm nở ít câu rồi mới lại ra đi. Nhưng đường càng đi vào thì số nhân dân xuống đường chào đón càng đông. Nhất là khi phái đoàn bước vào địa hạt Nghệ- Tĩnh, sau đó là Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên, thì những người đón tiếp không phải từng toán riêng lẻ nữa mà là dày đặc hai vệ đường. Sau rồi chẳng những dày đặc hai vệ đường, mà còn đông nghịt cả cánh đồng hai bên đường, trong đó đủ cả lớn, bé, già, trẻ, trai, gái đánh trống, đánh chiêng, đánh thanh la ầm ĩ...

Chính phủ của chúng ta lúc ấy chân ướt chân ráo lên cầm quyền thiếu thốn đủ thứ, nên phái đoàn ra đi cũng không có lấy một cái máy ảnh, một máy phóng thanh mang theo. Mỗi khi nói chuyện với nhân dân, tôi thường phải đứng trên một cái bàn. Một cái bàn không đủ cao lại phải chông thêm một cái ghế nữa. Câu chuyện cũng vắn tắt, đại để nói nhân dân ta khổ vì thực dân và phong kiến thống trị đã lâu, nay bọn thực dân đã đổ rồi, vua quan phong kiến cũng đã hết thời rồi. Chính phủ lâm thời là chính phủ của nhân dân ta dựng lên, nay vào Huế để bắt Bảo Đại thoái vị. Từ nay, nhân dân ta được sống một cuộc đời độc lập, dân chủ và tự do, ngày càng sung sướng. Phái đoàn Chính phủ Lâm thời gửi lời chào tất cả các cụ, các ông, các bà, các anh, chị, em có mặt ở đây và chuyển lời của chính phủ tới tất cả các bà con làng xóm... Lúc ấy chúng tôi chưa dám nói đến Hồ Chủ tịch và Người chưa ra mắt quốc dân đọc bản Tuyên ngôn độc lập. Người nghe lúc ấy cũng chưa quen hô khẩu hiệu, còn có nhiều người chưa biết cả vỗ tay. Có nơi chúng tôi gắng hỏi thì “ạ” um lên. Có nhiều nơi nghe

## BẢO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

chuyện xong thì thường cho một chập trống, kèn, thanh la, chũm chọe vang ầm...

Phái đoàn đến địa phận Thừa Thiên thì đã có đại diện của Ủy ban Hành chính Trung Bộ và Ủy ban Hành chính tỉnh Thừa Thiên ra đón, có cả các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu và Tôn Quang Phiệt, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thừa Thiên hội đó. Theo chương trình đã định, phái đoàn trước khi về trụ sở Ủy ban Hành chính Trung Bộ, tức dinh khâm sai cũ, đã dự cuộc mít-tinh tại sân vận động Huế. Trước hàng vạn nhân dân, tôi thay mặt phái đoàn chính phủ nhận lễ thoái vị của Bảo Đại. Tả sao hết nỗi vui mừng của quần chúng khi được tin chế độ quân chủ sắp chấm dứt cùng với chế độ thực dân...

Trích thơ:

*Murôu:*

*Xuân về thu (\*) chưa thấy về  
Rừng xanh bát ngát, lòng quê rộn ràng  
Thấy ai, ai những mơ màng  
Gặp ai tạm trút muôn vàn nhớ thương*

*Hát nói:*

*Chiều hôm ấy màu trời đừng đục  
Dưới ngàn thông, em giục anh đi  
Mím nụ cười như khinh nỗi phân ly  
Rời từ đó, một đi không trở lại  
Trên quãng đường xa người bước mãi  
Bên lò sưởi ấm bạn ngồi trông  
Sóng vang rền khắp nam, bắc, tây, đông  
Sóng biển réo, sóng lòng thêm rạo rục  
Xuân đã đến với tung bưng nào nức  
Tiếng pháo ùng đánh thức cõi lòng ai  
Người xa xa lắm, tình dài*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Văn ông nhẹ nhàng, thơ ông rung cảm người đọc. Trần Huy Liệu là nhà báo, nhà thơ, nhà sử học, chánh trị gia. Mỗi địa hạt ông đều đem hết nhiệt tâm ra phục vụ đất nước, chống Pháp để giành độc lập, đại diện Chánh phủ lâm thời nhận ấn kiếm thoái vị vua hoàng đế Bảo Đại, với tấm lòng yêu nước, nhiệt tâm phục vụ đảng Cộng sản, ông dùng ngòi bút của mình để viết lịch sử đảng cũng như lịch sử Việt Nam dưới chế độ Cộng sản, được vinh quang hơn ngọn đuốc can cường của thiếu nhi Lê Văn Tám do ông dựng nên, không thành có là nhân vật huyền sử ngày nay vậy.

(\*) thu: Thu Tâm người quen khi Trần Huy Liệu ở tù Côn Đảo, là bà Phạm Thị Bách tác giả *Những ngày xa xưa ấy* .

Tài liệu tham khảo:

- Trần Huy Liệu Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Trần Huy Liệu Web: [baobariavungtau.com.vn](http://baobariavungtau.com.vn)

### 3. Bùi Thế Mỹ



**Lan Đình - Bùi Thế Mỹ (1904-1956)**

Bùi Thế Mỹ thuộc dòng dõi tộc Bùi, một dòng tộc nổi tiếng của huyện Duy Xuyên. Bùi Thế Mỹ sinh năm 1904, con trai trưởng của cụ Bùi Thiện quê gốc làng Vĩnh Trinh nhưng tổ tiên di cư lên sống ở làng Phú Nhuận, xã Đông An (nay là xã Duy Tân, Duy Xuyên). Bùi Thế Mỹ lại được sinh ra và lớn ở quê ngoại, làng Bảo An, phủ Điện Bàn (nay là xã Điện Trung, Điện Bàn). Mẹ ông là bà Phan Thị Duyên, con gái tộc Phan làng Bảo An, một dòng tộc khoa bảng hàng đầu của Quảng Nam. Bà là em gái của nhà cách mạng Phan Thành Tài (1878 - 1916).

Được hưởng truyền thống của hai gia tộc lừng lẫy, từ nhỏ Bùi Thế Mỹ đã tỏ ra rất thông minh, đỉnh ngộ. Sau khi học xong chương trình trung học với tám bằng Thành chung, năm 1923, Bùi Thế Mỹ vào Sài Gòn dạy học và làm báo, viết văn.

Ông từng thay Trần Huy Liệu chủ trương tờ Đông Pháp thời báo, rồi sau đó làm chủ bút các tờ Trung lập, Tân thế kỷ, Thân chung và chủ nhiệm tờ Dân báo, tờ báo ông theo đuổi đến cuối đời. Ông ký các bút danh Hy Tô, Thông Reo và Lan Đình.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong thời gian làm chủ bút tờ Đông Pháp thời báo và tờ Trung lập, Bùi Thế Mỹ đã cùng Phan Khôi xây dựng “Phụ trang văn chương”. Mục này bước đầu giới thiệu khái quát văn học sử Việt Nam, các lý luận văn nghệ, giới thiệu văn chương nước ngoài, vấn đề đạo văn, vấn đề “nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh”... Mục Phụ trang văn chương được nhiệt liệt hoan nghênh tạo nên một dấu ấn về mặt văn học của báo chí!

Bùi Thế Mỹ là nhà báo yêu nước. Những tờ báo mà ông cộng tác hoặc đứng ra thành lập là những tờ báo tiên bộ, có uy tín ở Sài Gòn thời bấy giờ luôn thể hiện quan điểm yêu nước, đứng về phía nhân dân.

Mặc dầu là nhà báo nổi tiếng, cuối đời Bùi Thế Mỹ vẫn cảm thấy chưa hài lòng vì ông cho rằng mình là nhà báo “tay ngang” nên chưa có được những tác phẩm báo chí để đời!

Người ta nói rằng, sự nghiệp văn chương báo chí của ông đạt được như vậy, có phần đóng góp công sức của người bạn đời của ông là nữ sĩ Phương Lan, tục danh là Nguyễn Thị Lánh, tục gọi cô giáo Lánh, người cùng quê với danh nhân Tôn Đức Thắng (Cù lao ông Hồ, Long Xuyên, An Giang).

Bùi Thế Mỹ mất ngày 27.3.1943 tại Sài Gòn, hưởng dương 39 tuổi.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng đã có câu đối viếng ông:

Quốc văn báo giới nhị thập tải vu kim, đương đắc bằng trù thôi  
lão kiện;

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Nguyệt đán châu bình Ngũ Hành Sơn du tích, khăng giao bút thiệp khuất nhân tài.

Phú Bình dịch ý:

*(Trong) Đội ngũ những người hoạt động báo giới quốc văn hai mươi năm nay, (ai cũng đồng lòng) ca ngợi anh (Bùi Thế Mỹ) là tay già dặn;*

*(Đọc) những bài bình luận - phê bình sắc sảo của người xứ Quảng này để lại, (ai cũng) thừa nhận làng báo từ nay đã vắng một nhân tài.*

Tác phẩm:

- *Trà hoa vũ* (dịch từ *La Dame aux camélias* của Alexandre Dumas fils (1824-1895).

- *Vai tuồng của nhà gõ đầu trẻ*. (Khảo luận)

Trong Những văn nhân chính khách một thời, Thiều Sơn đã nghiên ngẫm về bài học của mình rút ra từ cuộc đời của gần năm mươi danh nhân như Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn An Ninh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh..., trong đó có Bài học Bùi Thế Mỹ: “*Tôi không nhớ anh chết năm nào. Nếu tôi không lầm thì anh tuổi Thìn và chết hồi anh mới 39 tuổi. Anh đau cả tháng rồi mới chết. Tôi thường ra thăm anh ở tư gia. Mới đầu anh còn viết được. Sau anh không viết được nữa. Tất cả mọi việc đều một tay vợ anh quán xuyến. Người anh đã nhỏ con, ốm yếu mà càng ngày càng ốm, càng xanh. Mỗi lần tôi ra thăm anh về là mỗi lần ngậm ngùi chán nản*”.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ông Thái Văn Kiểm trong *Dòng thời gian* đã viết: “Bùi Thế Mỹ là một ký giả cự phách của làng báo Nam Việt trong thời kỳ tiền chiến, một kiện tướng thuộc thế hệ Nguyễn Phan Long, Diệp Văn Kỳ, Đào Trinh Nhất, Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Bá... những chiến sĩ có lý tưởng quốc gia, muốn dùng ngòi bút để phổ biến tư tưởng tự do, dân chủ, trình bày lập trường của dân tộc đang bị đô hộ, muốn đập tan xiềng xích, vươn mình lên sống mạnh theo truyền thống của một dân tộc từng có lịch sử vẻ vang”.

Vinh danh Bùi Thế Mỹ, hiện nay trên cả nước, nhiều nơi có đường phố mang tên ông.

Bùi Thế Mỹ là nhà báo tài danh và yêu nước, thể hiện ở những tờ báo mà ông cộng tác hoặc điều hành. Đó là những tờ báo lớn, có uy tín, có số bạn đọc đông đảo và có nghiệp vụ cao và cũng là những tờ báo “đôi lập”, luôn đứng trên lập trường quốc gia dân tộc, đứng về phía đa số quần chúng, bảo vệ cho quyền lợi của người nghèo, người lao động. Đó là các báo: Trung lập, Thần chung, Tân thế kỷ, Đông Pháp thời báo và Dân báo. Đọc những nhận xét về các tờ báo mà ông điều hành hay cộng tác là cách gián tiếp nghe một số đánh giá về ông:

Theo ông Huỳnh Văn Tông, *Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945*. “Trung lập báo là tờ báo phát hành 15.000 tờ một ngày, đứng đầu các nhật báo ở Sài Gòn lúc bấy giờ. Tờ báo có cách trình bày đẹp trội hơn các đồng nghiệp khác”.

Tài liệu tham khảo:

- *Bùi Thế Mỹ* Web: <https://baoquangnam.vn/nhan-vat/bui-the-my-nha-bao-tien-phong-nguoi-quang-113542.html>



#### 4. Phan Thị Bạch Vân



**Phan Thị Bạch Vân – Phan Thị Mai (1903-1980)**

Phan Thị Bạch Vân tên thật là Phan Thị Mai, sanh năm 1903, tại làng Bình Trước, tổng Phước Vĩnh Thượng, tỉnh Biên Hòa nay là phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa.

Phan Thị Bạch Vân là con thứ năm trong gia đình quan lại thanh bạch. Thân phụ vốn là tri huyện, nên được học hết Sơ học rồi vào trường trung học. Do gia cảnh cha mất sớm, nhà đông anh em nên mới mười bảy tuổi phải bỏ học đi lấy chồng. Cuộc hôn nhân này mau chóng tan vỡ, đau buồn bà tìm đến văn chương, trước tiên bà viết bài đăng trên Đông Pháp Thời Báo.

Rồi bà lập gia đình với ông Võ Đình Dần, nên bà theo chồng về Gò Công sinh sống, nơi đây ông Võ Đình Dần có nhà thuốc Việt Nam Gò Công Võ Đình Dần, chuyên bán các loại thuốc bào chế gia truyền.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bà giữ mục *Phụ trương phụ nữ và nhi đồng* trên tờ *Đông Pháp Thời Báo*.

Năm 1928, bà thành lập Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công, trên *Đông Pháp Thời Báo* số 709 ngày 19-4-1928, có giới thiệu Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công do Madame Võ Đình Dần tức Phan Thị Bạch Vân thành lập, với những dòng giới thiệu: “*Nay có cô Phan Thị Bạch Vân, cô vốn con nhà hàn mặc lâu nay vẫn trợ bút cho bản báo, những văn chương, tư tưởng và ý kiến của cô phô bày trên báo chương gần một năm nay, tưởng phần nhiều chị em đã biết*”.

Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công, trụ sở đặt tại số 24 - 26, đường Chủ Phước, Gò Công, có mục đích và tôn chỉ như sau:

*“Lựa chọn để bán ra cho cả thầy chị em bạn gái bằng cái giá thật hạ những truyện sách xuất bản trong xứ, có ích cho tinh thần đạo đức và nền luân lý nước nhà, giúp cho trí thức nữ lưu được chóng mở mang trí thức, học vấn thêm cao.*

*Trước tác, sưu tập, dịch thuật và lãnh xuất bản những cáo văn thật có giá trị về chánh trị, lịch sử, truyện ký, tiểu thuyết, vấn đề phụ nữ, nữ công, khoa học, thương mại, thực nghiệp...*

*Những sách nhằm nhĩ thuộc về tình ái dân phong, hoặc tả theo những lối quái dị trái hẳn với thể thống nước nhà thì bao giờ cũng cự tuyệt”*

Ban biên tập Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công gồm có: Đạm Phương (Huế), Nguyễn Thị Đan Tâm (Phủ Quảng Trung Kỳ), Hoàng Thị Tuyết Hoa (bút danh của Phan Thị Bạch Vân), Tùng Viên (Phủ Quảng Trung Kỳ), Vũ Xuân Đệ (Hà Nội), Quốc Anh (giáo học Phú Thọ, Đồng Hới), Á Nam Trần Tuấn Khải (Hà Nội).

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Lần lược số lượng tác phẩm văn học của các tác giả nữ được xuất bản như:

- *Gương nữ kiệt* của Phan Thị Bạch Vân
- *Kim Tú Cầu* của Đạm Phương nữ sử
- *Hồng phấn tương tri* của Đạm Phương nữ sử
- *Giám hồ nữ hiệp* của Đạm Phương nữ sử
- *Nữ anh tài* (6 cuốn) của Hoàng Thị Tuyết Hoa
- *Một đời mấy thân* của Nguyễn Thị Đan Tâm
- *Băng tâm ngọc chất* của Huỳnh Anh Thị...

Vì công khai truyền bá tư tưởng *thương nước thương dân, lo cho hậu vận nước nhà, ham mến quốc văn, bảo tồn quốc túy*, nên một số tác phẩm do Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công xuất bản, bị liệt vào danh mục sách cấm lưu hành như *Gương nữ kiệt, Giám hồ nữ hiệp, Nữ anh tài, Băng tâm ngọc chất...* và kết cục là thư quán bị chính quyền thực dân đóng cửa sau chưa đầy hai năm hoạt động. Đến ngày 10 tháng 2 năm 1930 Phan Thị Bạch Vân bị đưa ra tòa về tội: “Phá rối cuộc trị an trong xứ bằng văn chương tư tưởng.”

Nguyễn Vỹ, nhà văn tiền chiến, Chủ nhiệm tạp chí *Phổ Thông* vào những năm 1960 đã đánh giá Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công trong *Tuấn, Chàng trai nước Việt*, ông đã cho rằng đầu thế kỷ XX có ba loại sách đã đào tạo cho thanh niên một tinh thần cách mạng và bồi dưỡng lòng ái quốc hăng say”, là “sách để đầu giường” của thanh niên học sinh, đó là sách *Nam Đồng Thư Xã* của Nhượng Tống, sách *Quan Hải Tùng Thư* của Đào Duy Anh, sách của Nữ Lưu Thơ Quán ở Gò Công”

Ngoài việc cộng tác với *Đông Pháp Thời Báo*, chủ trương Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công Phan Thị Bạch Vân còn cộng tác với *Phụ Nữ Tân Văn*.

Võ Đình Dần và Phan Thị Bạch Vân có 5 người con, tất cả đều du học ở Pháp và khi tốt nghiệp đều trở về nước phục vụ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Người con gái lớn là Võ Thị Lan trong những năm chống Mỹ theo chồng là bác sĩ Dương Quang Trung về Hà Nội học tập và công tác, sau giải phóng miền Nam làm giám đốc bệnh viện Điện Biên Phủ.

Phan Thị Bạch Vân mất ngày 2-8-1980 tại Tp. HCM, hưởng thọ 77 tuổi, di cốt được gửi tại chùa Giác Ngộ, đường Nguyễn Chí Thanh, quận 5, Tp.HCM.

Tác phẩm:

- *Giương nữ kiệt* (Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công, 1928)
- *Giám hồ nữ hiệp* (bút danh Hoàng Thị Tuyết Hoa, Nữ lưu thơ quán Gò Công, 1928)
- *Nữ anh tài* (bút danh Hoàng Thị Tuyết Hoa, Nữ lưu thơ quán Gò Công, 1928)
- *Lâm Kiều Loan* (trọn bộ 10 cuốn, Imp. Trần Trọng Canh, Sài Gòn, 1932)
- *Kiếp hoa thâm sử* (bút danh Hoàng Thị Tuyết Hoa, đăng nhiều kỳ trong sách *Tinh thần phụ nữ* - từ số 6 trở đi là sách *Nữ Lưu* - Nữ lưu thơ quán Gò Công, 1928-1929)
- *Phụ nghĩa tào khang* (Đông Pháp thời báo, số 669, ngày 21-1-1928)
- Văn quốc ngữ "Nữ lưu"* (Nữ lưu thơ quán Gò Công xuất bản)

Trích văn:

### **Lâm Kiều Loan**

*Chương thứ nhứt*

### **Kiếp Hoa Đào**

Trận gió hoa rơi, tìm xuân đâu nữa, bình tan gương vỡ, những mong ráp lại sao lành. Nỗi mình thân thể đã đành, chỉ thương

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

cho bạn ngày xanh còn dài. Vậy nên chẳng nệ lời quê mượn ngòi bút thảo ra những câu chuyện cũ, hiến các bạn đài gương xem với.

Tôi, Kiều-Loan vốn sanh trong nhà thi lễ. Cha tôi xưa làm quan Tri-phủ đảo nhậm phương xa. Đến trạc tứ tuần người bất lộc thì mẹ tôi đem tôi về Gia-định là xứ sở ông bà. Khi sanh tiền cha tôi làm quan rất liêm khiết không hà lạm của dân. Đến lúc quá vãng, không có của dư bao nhiêu, may nhờ của phụ âm để lại chút ít, mẹ tôi lấy đó xây xài nên cũng giữ được phong vận không đến nỗi túng kém. Mẹ tôi chỉ có một mình tôi nên người rất thương yêu, hằng lo chăm nom nuôi dạy theo nề nếp xưa của con nhà khuê các. Năm tôi được 14 tuổi đã thi đậu bằng sơ-học. Ý mẹ tôi không đành cho tôi đi xa, nên bảo buồng cặp về ở nhà hủ hỉ với mẹ cho vui. Tôi còn ham học lắm, nên ngày đêm nài nỉ xin vào trường lớn. Mẹ tôi cũng chịu lòng cho vào Nữ-học-đường Saigon. Được hai năm thì tôi được tin mẹ tôi kêu về bảo phải xin thôi đăng người định bề gia-thất. Nghe lời mẹ dạy bao nhiêu hy vọng về tương lai của tôi bỗng rã tan theo bọt nước. Tôi liền thưa rằng: thưa mẹ, tuổi con còn thơ-ấu, ngày xuân hầy còn dài, mẹ vội tính chi việc hôn-nhơn, để con theo đòi nghiên bút cho đến tuổi trưởng thành rồi mẹ sẽ lo việc thất gia cho con. Chừng đó bề học vấn của con đã rộng, trí thức nhiều con mới có tư cách mong làm một người dân khôn, vợ quý, mẹ hiền, chớ bây giờ đây mới mười mấy tuổi đầu, thơ ngây nào đã biết chi mà dám đặt mình vào một cái địa vị khó khăn như thế hỏi mẹ. Mẹ tôi dạy rằng: Kiều-Loan con ơi! Dễ nào mẹ không biết cái chí nguyện của con là thế. Song mẹ hôm nay tuổi già sức yếu, khác nào ngọn đèn thấp thoáng gió đưa, sớm tối chắc đâu sống thác. Mẹ muốn thấy con có chỗ nương thân, sau dầu mẹ có nhắm mắt rồi cũng an lòng nơi chín suối. Tôi nghe mấy lời mẹ dạy mà tủi thâm cho cái thân nữ-nhi. Minh cũng mắt cũng tai cũng đầu cũng óc như nam-nhi có sao nam-nhi người ta lại có quyền vùng vẫy nơi bề học rùng rợn,

## HUỶNH ÁI TÔNG

còn mình lại buộc trở về toan đi nương thân gởi phận, chực bám vào người là có làm sao.

Lòng tôi không cam nên theo năn nỉ mãi rằng: hôm nay sự học thức của con đương dang dỡ chẳng đến đâu cả, mẹ vội tác thành giai-ngẫu cho, may mà con được duyên ưa phận đẹp, đôi lứa trăm năm thì chẳng nói chi, rùi con vô phần gặp phải người nửa chừng đem lòng phụ bạc, rồi cùng nhau chia gánh giữa đàng chừng đó cái thân yếu đuối bất tài tránh sao khỏi thân rách con đời. Thà mẹ để con ăn học thành tài rồi, nếu con ở vào cảnh thuận cũng đủ sức giúp chồng dạy con. Bằng cơ trời biến đổi thế nào con cũng có thể đem cái tài học ra mà mưu sự hạnh phúc, không đến nỗi ra thân cô khổ đó mẹ. Mẹ tôi bảo: con gái học cho biết chút đỉnh rồi thì về nhà tập nấu nướng vá may để lo việc tề gia nội trợ. Gia pháp nhà ta xưa nay vẫn thế, con phải noi theo, đừng có bắt chước theo bọn tân-học bây giờ, mong đi học cho nhiều, sau lại phải nỗi ế chồng vì không có ai dám cưới. Vậy con hãy nghe lời mẹ, đừng có cãi mà làm cho mẹ phiền lòng.

Trọn mấy ngày mẹ con bàn đi cãi lại hoài. Rốt lại mẹ tôi làm giận làm hờn, khóc lóc phiền hà. Tôi vốn yêu mẹ chí-thiết lại thấy mẹ già hay ương yếu, sợ mình cãi lời người ưu phiền sanh bệnh thì sao cho phải đạo làm con. Nên tôi phải chịu lòng ưng thuận đành dẹp nghiên xếp sách từ giã cảnh trường mà lui về nhà.

Cách sáu tháng sau thì tôi đã về nhà chồng rồi. Lang quân tôi tên Trần-bá-Minh, làm lương y bổn-quốc, đương tòng sự tại tỉnh. Người cùng đồng quê với tôi song ở thuộc về trong làng. Ông thân người đương quyền Cai tổng đối với gia quyền tôi là chỗ quen biết cũ, nên việc cưới xin cũng dễ dàng.

Lang quân tôi lúc bấy giờ tánh tình hiền hậu đối với vợ có vẻ khoan hoà. Người ít hay đi chơi phiếm, con rãnh ở nhà, hoặc

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

đọc sách xem báo, hoặc làm thi đạo đàn. Mấy thú thanh nhã ấy tôi vẫn thích lắm. Làm thi tôi cũng tập tễnh học đòi, còn chơi đàn là món mẹ tôi khi xưa đã nổi danh trong khuê các, sau người truyền lại. Vợ chồng tôi có vẻ tương đắc lắm. Giá phải ông xanh kia đừng ghét lẫn thì có lẽ cảnh gia đình của tôi là cảnh thiên đàng. Song tiếc thay! Cái hạnh-phúc của đời tôi chẳng khác nào chớp nháng, sáng lên một chút rồi không bao giờ tìm lại cho được nữa.

Tôi về nhà chồng được một năm thì mẹ tôi mang bệnh mà từ trần. Than ôi! tôi không dè mẹ tôi năm trước chỉ lo tìm chốn cho tôi nương thân là vì biết trong mình sức đã yếu.

Nay người gương với số trời không nổi đành bỏ đứa con cô cút trên trần thế rồi. Kế đó tôi sanh được chút gái, nuôi được ít tháng rồi thì bỏ.

Nước mắt khóc mẹ chưa ráo lại khóc con. Hỡi chị em ai có cốt nhục thâm tình thì đã rõ tình cảnh tôi bây giờ ra thế nào.

Trong lúc tôi buồn rầu ảo não nhờ có một người bạn gái ở gần đó là cô Đỗ-Kim-Hoa thường hay đến lui ân cần khuyên giải. Kim-Hoa cùng tôi là chị em bạn hồi nhỏ, cô vốn con nhà giàu, cha là một vị điền chủ mới mất năm ngoái, cô còn một đứa em trai đương đi học ngoài Saigon. Mẹ cô vì có điền sản nhiều nên thường hay ở dưới ruộng. Cô ở nhà có một mình với sếp tớ nên hay tới lui nơi nhà tôi chơi hoài. Cô nhỏ hơn tôi một tuổi nên kêu tôi bằng chị. Lúc nhà tôi có việc cô thường đến tìm cách giải khuyên. Tôi cảm lấy tấm lòng tử tế đó, nên coi cô như tình cốt nhục.

Ngày tháng càng qua, tấm lòng sầu não của tôi vừa khuây khoả, thì cảnh gia-đình của tôi có vẻ khác. Lang-quân của tôi trước kia là người thế nào đã thuật ra trước rồi. Thế mà cái người hiền lành vui vẻ hôm nay bỗng hoá ra buồn bực. Thú vui

## HUỶNH ÁI TÔNG

ở gia-đình ngày xưa, nay không thềm ngõ đến, lại sanh tật đi chơi đêm, gặp lễ và ngày chúa-nhật thì bật tắt bật dặng. Vợ chồng cùng nhau ba năm như bát nước đầy, nay vì duyên có chi mà chồng tôi bỗng đổi tánh như vậy, tôi nào có rõ. Nhưng đôi khi tôi than thì hỏi người thì người quạu quọ rầy rà, thỉnh thoảng lại nói ra câu: đàn bà tối ngày ăn no ở không, đã sung sướng mà còn nhiều chuyện. Không phải đàn ông sanh ra đây là chỉ để làm mọi cho vợ đâu, hễ người ta có làm lung cực nhọc thì phải để cho người ta đi chơi, hết tiền thì người ta chạy, chớ ai vô đó làm ra đồng xu nào mà nói cho mất công.

Hỡi ôi! nghe người nói đến đây, lòng tôi bắt nhớ lại lời tôi nói với mẹ tôi khi xưa nay thật chẳng sai. Mẹ ơi! Mẹ có thấu cái thân đòn bà con gái buổi này hễ đi chực bám sống nhờ vào người thì tránh sao khỏi lời nặng tiếng nhẹ. Tôi không dám hỏi chồng nữa, bây giờ tôi hỏi lòng tôi, coi tôi có làm lỗi điều chi mà làm cho đến nỗi mất niềm hoà ái hay chẳng? Tôi tìm mãi cũng không biết tại làm sao. Tôi buồn bao nhiêu lại ráng giữ bổn phận bấy nhiêu. Tôi ráng hết lòng chịu lòn dịu ngọt cùng Lang-quân tôi, là tôi mong một ngày kia người hồi tâm trở về con đường cũ để dựng lại cái hạnh-phúc cho gia-đình. Nhưng than ôi! đã luống công mà vô ích, bao nhiêu cách tôi ráng làm cho người thương, dường bao nhiêu cách tôi chọc cho người phụ, cố gắng cho mấy, tâm lòng người cũng bỏ tôi mà đi đâu rồi. Cho hay con người đã hết thương mình, thì mình bảo họ thương cách nào cũng chẳng đặng.

Một đêm kia nhằm tối thứ bảy, có người lại rước Lang-quân tôi đi khám bệnh. Suốt đêm không thấy về. Tôi nghĩ không biết tại họ rước đi xa hay là sẵn dịp người đi chơi luôn. Sáng lại tôi dậy coi chừng trẻ ở dọn dẹp quét tước xong rồi thì đồng hồ đã chín giờ. Tôi chợt nhớ mấy tấm kiêu thêu của tôi cho Kim-Hoa mượn. Tôi tính đi đòi về đặng vẽ một tấm trải bàn mà thêu, vì tấm cũ nó đã muốn rách.



Nhà Kim-Hoa cách nhà tôi chừng 4 trăm thước, trời còn sớm không có nắng, tôi đội khăn đi bộ lại đó. Tới ngõ thấy trẻ ở tưới cây tôi liền hỏi: bà xuống ruộng về chưa, còn cô Hai có ở nhà hay không?

- Thưa, bà tôi chưa về, còn cô còn ngủ. Tôi bước vô nhà không thấy ai hết. Sắp tới đều ở nhà sau. Lấy tình thân của tôi và Kim-Hoa xưa nay, hễ vào nhà cứ đi thẳng vô phòng. Nay nhơn thấy cô ta ngủ trưa, tôi tính vô phá chơi nên lại vặn hột xoài cửa. Cửa không có khoá vùng mở bét ra, tôi liền bước vô phòng...

Trời đất ơi! Phải chǎng nắng quáng đèn loà hay chǎng mà mắt tôi trông thấy vật chi lạ quá. Rõ ràng là chồng của tôi cùng Kim-Hoa đang ngủ trên giường. Mắt tôi tối, chơn tôi run, tinh thần tán loạn. Tôi kêu lên một tiếng: trời ơi, sao đến thế này, rồi té sụm xuống đất. Tôi vừa gượng đứng dậy thì hai người trên giường giựt mình thức dậy nhảy xuống. Tôi không nói với ai được một tiếng nào hết. Tôi bước ra khỏi phòng rồi chạy ra đường như điên. Ra ngoài tôi thấy có xe kéo liền ngoắt lại bước lên ngồi, bảo cứ chạy thẳng chớ không biết là đi đâu. Tôi ngồi trên xe mà cái tán kịch khi nãy nó cứ diễn ra trước mắt tôi hoài. Tôi mơ màng như người trong mộng, hồi lâu định tâm lại thì nước mắt ở đâu nó tuôn ra như xối. Thôi rồi, mấy năm tình nghĩa một chút thả trôi. Trần-lang ơi! Chàng bao nữ có trăng phụ đèn, để cho thiếp mấy tháng trời ngậm đắng nuốt sầu mà không rõ duyên cớ bởi đâu. Kim-Hoa mày hỡi mày, tao với mày là chị em, so tình không khác gì cốt nhục, sao mày lại mong đi phá tan cái hạnh phúc gia-đình của tao cho đành dạ. Tôi vừa định tỉnh liền chỉ đường cho xa-phu kéo về nhà. Bước vào thấy Lang-quân tôi đã về trước rồi. Người thấy tôi còn sần sộ, hỏi tôi đi đâu? Tôi định dần xuống, song thấy cách người hỏi chận tôi như thế thì không cảm được nước mắt. Trong bụng đã uất ức muốn nói bao nhiêu, lúc bấy giờ nói cũng không được nữa, chỉ có buông ra mấy tiếng: anh ơi, sao anh nhẫn tâm với tôi như thế này?... Rồi thì tâm thần tôi nó tán loạn, tôi ngã

## HUỶNH ÁI TÔNG

xuống đất, không biết chi nữa... Sau lúc ấy không biết Lang-quân tôi có đỡ tôi lên và tội nghiệp cho tôi chút nào không, mà khi tôi tỉnh dậy thì người đã đi đâu mất, chỉ có con ở xúm lại dỗ dành khuyên lơn.

Hỡi ôi! Người đã đến thế đó thời thôi, tôi đành ngậm lệ nuốt sầu chớ biết nói lời gì than thở nữa.

Thoảng mãi ngày qua tháng lại, tôi ăn tham uống sầu cũng đã bảy tám tháng trời, thân thể càng ngày càng vàng vọt mà Lang-quân tôi cũng chẳng hề đoái hoài đến. Hễ đi làm thời thôi, về đến nhà thì kiếm lời nặng nhẹ, làm cho tôi bực lòng bực trí hết sức.

Lạ chi là thói đờn ông, hễ đến nước phụ phàng rồi thì nào là cơm chẳng ngon canh chẳng ngọt, thiếu chi chuyện nói. Chừng thương trái ấu cũng tròn, lúc ghét bỏ hòn cũng méo. Nghĩ mình bạc phận, cô cút lẽ loi, dầu phải khổ tâm đến bao nhiêu cũng phải cắn răng mà chịu.

Một khi kia nhằm lúc lễ, Lang-quân tôi bỏ nhà đi luôn ba ngày mà không thấy về. Tôi đương nằm trên giường nghĩ đàng kia nổi nọ, than thở một mình, bỗng nghe có tiếng giày đi lộp cộp, rồi có tiếng Lang-quân tôi la mắng: trong nhà có đàn bà mà không ai coi sóc hết, tối ngày ăn no rồi ngủ, đàn bà không nên thân, đàn bà hư... những gì, những gì nữa, nói nghe thôi đủ thứ, mà nói bao nhiêu thì tiếng nói nó dội vào vách tường, chớ không có một tiếng trả lời. Người thay đồ rồi đi nữa. Tôi khóc chán rồi cũng dậy rửa mặt, lại soi gương thấy hình vóc đã tiều tụy, cặp mắt trờm lơ mà trong lòng bất kinh hãi. Than ôi! ngày xuân còn đó, má hồng đã phai. Cái mặt hoa da ngọc xưa kia mà mình vẫn có phần tự đắc, ngày hôm nay nó đã hoá ra mặt xanh má cốp, thấy chẳng nở nhìn. Tôi bước lại bàn chám một chút phấn thoa lên, coi có bớt xanh hay chẳng, thì con Hạnh là con tớ gái, nó lép ló bước vào nói: thưa cô, cô ở trong nhà hoài

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

buồn quá, cô hãy ra vườn xem hoa cho giải khuây. Bữa nay cây đào trở bông đẹp quá.

Tôi nghe nó nói thì với lấy cái áo dài mặc vào, tính ưa dạo cảnh coi trong lòng có thư thái chút nào chẳng. Ngoài vườn có băng ghế ngồi hóng mát, có nuôi cá, có hồ-sen. Nhớ hôm nào vợ chồng còn âu yếm nhau, thì chiều nào cũng cùng nhau ra đó ngoạn cảnh. Bây giờ lẻ loi một mình, trông hoa cỏ xơ rơ mà thẹn. Tôi thấy hoa đào đương nở bước lại gần xem. Bấm tánh tôi xưa nay vốn yêu hoa, đoái thấy cảnh hoa tươi tốt thì trong lòng thoả thích muôn phần, rồi nhìn mấy đóa hoa đã tàn mà chạnh lòng chua xót. Nghĩ cái kiếp đàn bà với kiếp hoa chẳng khác chi nhau. Hễ sớm nở thì sớm tàn, cõi đời vắn vỏi, lại còn thêm những nỗi mưa sa gió táp, cái thân mỏng mảnh kia dường như ông Tạo ghét ghen, bày ra đủ lối truân-chuyên để cho mau tàn mau rũ. Đương than thở bỗng thấy mây trên trời u ám, phút chốc lại nổi trận mưa dông. Tôi lật đật bước vào nhà, đứng trong cửa sổ dòm ra thấy mấy đóa hoa bị gió, rơi cánh rơi rời, rồi thì giọt mưa rớt xuống, mấy cánh hoa rơi kia đều trôi theo dòng nước mà chảy đi. Nghĩ cái thân thể mình, rồi nghĩ cái kiếp hoa mà sanh cảm xúc vô hạn. Ngoài trời giọt mưa tầm tã, trong nhà tối đen như mực, tôi bước lại vịn đèn lên, rồi lấy cái nghiên bút ra tả một bài “*Kiếp hoa Đào*” cho đỡ lòng sầu muộn.

...

Trong bài: *Một nhà văn nữ tranh đấu cho nữ quyền vào đầu thế kỷ XX*, tác giả Võ Văn Nhơn đã có nhận định và đánh giá về Nữ Lưu Thư Quán Gò Công cũng như người chủ trương nhà văn Phan Thị Bạch Vân:

*Nữ lưu thơ quán tồn tại chỉ trong vòng chưa đầy hai năm, nhưng đã tập hợp được một số tác giả tiến bộ và đã xuất bản nhiều tác phẩm văn học, khoa học, giáo dục...có giá trị. Thư*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*quán cũng góp phần truyền bá những tư tưởng dân chủ, tiến bộ, những kiến thức khoa học cho thanh niên, đặc biệt cho phụ nữ. Vào đầu thế kỷ XX, lúc bình quyền nam nữ còn được xem là một vấn đề mới mẻ, Phan Thị Bạch Vân đã bằng hành động và sáng tác của mình, chứng tỏ “nữ lưu” cũng có những thế mạnh của riêng mình, cũng có thể sánh vai với nam giới trong mọi lĩnh vực. Đó là điều rất đáng trân trọng của nhà văn nữ yêu nước, nhà hoạt động văn hóa còn chưa được đánh giá đúng mức này.*

Tài liệu tham khảo:

- Phan Thị Bạch Vân Web: [tuoitre.vn](http://tuoitre.vn)
- Lâm Kiều Loan Web: [gio-o.com](http://gio-o.com)

## 5. Sơn Vương



**Sơn Vương - Trương Văn Thoại (1909-1987)**

Trương Văn Thoại sinh năm 1909, tại làng Bình Nghị, tỉnh Gò Công, nay thuộc xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, là con trai thứ năm của ông Trương Đình Cung Anh, một điền chủ có học, lại thêm nghề bốc thuốc chữa bệnh, và có lòng hào hiệp, thường hay giúp đỡ giới nghèo cùng đing. Khi vừa học hết chương trình *Cours Supérieure* lớp 5 hiện nay, thì Trương Văn Thoại chuyển sang luyện võ và học chữ Hán.

Năm 1925, Trương Văn Thoại bỏ làng, theo một lão sư mai danh ẩn tích học võ và học đạo tại các ngọn núi Thị Vải, núi ông Trịnh, núi Mây Tào vùng Long Hải, Bà Rịa.

Năm 1931, khi sư phụ viên tịch, Trương Văn Thoại về Sài Gòn. Theo nhà báo Ngọa Long cho biết Trương Văn Thoại đến văn phòng *Đông Pháp thời báo* tình nguyện ở lại làm việc, bất cứ việc gì dù có lương hay không, miễn là được tham gia với *Đông Pháp Thời báo* để "thức tỉnh đồng bào". Sau đó, Trương Văn Thoại gặp Nguyễn An Ninh, chủ bút tờ *La Cloche Fêlée* (Tiếng chuông rè) kiêm thủ lĩnh đảng Thanh niên cao vọng,

## HUỶNH ÁI TÔNG

người mà ông cảm phục từ lâu. Trương Văn Thoại trở thành một cộng sự đắc lực của Nguyễn An Ninh và tờ *La Cloche Fêlée*. Thời kỳ này Trương Văn Thoại bắt đầu sử dụng bút danh Sơn Vương, chữ Sơn 山 và chữ Vương 王 được chiết tự từ chữ Thoại 瑞. Các bài báo của ông mang đầy màu sắc bình dân và nổi cảm thông sâu sắc tầng lớp nghèo khó.

Trong những năm 1932-1933, Sơn Vương rất nổi danh nhờ những tiểu thuyết đăng tải trên báo.

Theo Sơn Vương tự bạch trong hồi ký *Máu hoà nước mắt*, khi viết văn, viết sách, ông luôn nhắm vào năm mục tiêu sau:

1. Cốt truyện lấy đề tài thường xảy ra trong tầng lớp bình dân.
2. Giải trí và giáo dục, răn đời, làm ác gặp ác, làm lành gặp lành.
3. Đả phá chính sách thực dân, gọi lòng yêu nước.
4. Tả chân bình dị, bênh vực kẻ cô thế, bài xích quan liêu, phong kiến.
5. Đất nước Việt Nam là của người Việt Nam.

Ngoài ra ông còn viết tiểu thuyết võ hiệp kỳ tình, nhưng những tướng cướp nghĩa hiệp cướp của nhà giàu chia cho người nghèo không cưỡi ngựa đánh guom mà là những công tử hào hoa lái xe hơi như bay, bắn súng lục bằng cả hai tay....

Điều đặc biệt là nguyên mẫu của những tướng cướp nghĩa hiệp ấy lại là chính tác giả. Trong những năm 1931-1933, một mình Sơn Vương gây ra hàng chục vụ cướp mà đối tượng là những

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

phụ hộ, địa chủ mang tiếng gian ác ở các vùng Đồng Nai, Sài Gòn, Long An.

Giữa năm 1933, Sơn Vương gặp gỡ và kết nghĩa anh em với Nguyễn Phương Thảo, người sau này trở thành trung tướng Nguyễn Bình - Tư lệnh các lực lượng quân sự Nam Bộ.

Đầu tháng 7 năm 1933, để giúp vốn cho người anh em kết nghĩa, Sơn Vương tổ chức cướp tiền của René Gaillard, Phó giám đốc Hãng cao su Mimot ở Campuchia - giáp với tỉnh Tây Ninh - đồng thời là Quản trị viên công ty Caffort đường Catinat, Sài Gòn. Số tiền cướp được là 50.000 đồng Đông Dương, một số tiền khổng lồ lúc bấy giờ. Vụ cướp bị lộ, Sơn Vương bị bắt vào ngày 16 tháng 8 năm 1933. Sau đó, Sơn Vương bị Tòa tiểu hình kết án 5 năm khổ sai, đày ra Côn Đảo, chấm dứt các vụ cướp trong cuộc đời ngang dọc.

Đến Côn đảo, Sơn Vương được những người tù thường phạm nể phục vì ông có học, giỏi tiếng Pháp... Cuối năm 1933, trong một cuộc thi viết chữ đẹp toàn đảo, Sơn Vương đoạt giải nhất nên được giám thị Nguyễn Văn Liên, thường gọi là Vệ Liên, rút về làm thư ký giúp việc tại Ty Ngân khố của tỉnh đảo Côn Lôn nay là Côn Sơn, và dạy học cho bé Nguyễn Thị Kim Hoa 9 tuổi, con gái Vệ Liên. Tháng 7 năm 1936, Sơn Vương được trả về đất liền, tiếp tục thụ hình tại Hà Tiên. Trong tù Sơn Vương tổ chức đập phá khám và la ó để phản đối vụ một giám đốc người Pháp tra khảo anh bồi đến chết vì nghi ăn cắp 200 đồng. Do đó, Sơn Vương bị đày ra đảo Phú Quốc, đến tháng 2 năm 1938 thì được thả.

Ngày 16 tháng 08 năm 1938 Sơn Vương lại bị tống vào tù vì tội du đảng, bị đưa đi giam giữ tại Căng Pursat, Campuchia.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tại đây Sơn Vương cưa còng và trốn qua Thái Lan, rồi bị bắt khi tìm cách về Sài Gòn. Lần này ông bị kết án 10 năm tù vì tội vượt ngục và các vụ cướp:

- *Vụ ông Kiệt ở Phú Nhuận*: là một chủ nợ cho vay nặng lãi và cộng sự của Pháp.

- *Vụ Lý Tư*: một người trong đám giang hồ ở Chợ Lớn có liên quan đến Sáu Ngọ là vua cờ bạc ở Sài Gòn - Chợ Lớn.

- *Vụ Cọp lửa từ bi* hỗn danh của viên đội tại Phòng điều tra bót Polô ở Chợ Lớn.

Đầu năm 1942, Sơn Vương bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

Ngày 6-2-1945, Nhật đổ bộ lên Côn Đảo.

Ngày 9-3-1945 quân Nhật bắt giữ Tyssery, Giám đốc Nhà tù Côn Đảo. Sau đó tiến hành "lễ trao trả độc lập", biến quần đảo Côn Lôn tiếng Pháp gọi là Poulo Condore, thành "Quốc gia tự do Nông dân huynh đệ quần đảo Côn Lôn (*Etat libre agricole et fraternel d'Archipel de Poulo Condore*) rồi trao quyền chúa đảo cho Lê Văn Trà, nguyên thư ký của Tyssery. Lê Văn Trà ra tờ báo *Tiếng nói tự do* và giao cho Sơn Vương làm chủ bút.

Khi Cách mạng Tháng 8 thành công, Lê Văn Trà nộp con dấu của nhà tù cho chính quyền cách mạng, thời đó gọi là Việt Minh.

Ngày 11-12-1945, dưới sự chứng kiến của phái đoàn Ủy ban hành chính Nam Bộ, một cuộc bầu cử dân chủ trên đảo được tiến hành. Sơn Vương Trương Văn Thoại trở thành Chủ tịch Ủy ban hành chính Côn Đảo.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Ở cương vị này Sơn Vương tỏ ra là một vị chủ tịch năng nổ và có khả năng lãnh đạo, kịp thời và chính xác khi xác định những việc cần làm cấp bách, giao đúng người đúng việc, góp phần ổn định cuộc sống và giữ gìn an ninh trật tự trên đảo. Ông tổ chức lại sản xuất, đề ra một số biện pháp khuyến khích lao động như chia một phần thành quả cho người làm ra sản phẩm, cải thiện tình hình vệ sinh. Sơn Vương cũng cho cải táng hài cốt của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh mất vào ngày 14-8-1943, cũng như các tù nhân khác, thi hài Nguyễn An Ninh chỉ được cho vào cái bao bìa. Giai đoạn này, uy tín của Sơn Vương khá cao.

Ngay sau khi phái đoàn Ủy ban Hành chánh Nam bộ trở về đất liền, Sơn Vương tuyên bố quần đảo Côn Lôn chính thức trở thành "Quốc gia Trung lập Dân chúng quần đảo An Ninh" (*Etat neutre des Insulaires de L'Archipel d'An Ninh*) và tự xưng là Quốc vương.

Sau đó, Sơn Vương lập mưu ép Nguyễn Thị Hoa, cô học trò nhỏ ngày nào làm vợ. Ngày 28-2-1946, đám cưới của Sơn Vương - Lệ Hoa được tổ chức linh đình, mọi người tha hồ ăn uống và nhảy múa.

Ngày 8-4-1946, Pháp tái chiếm Côn Đảo, Sơn Vương và toàn bộ tù thường phạm còn lại, gồm 400 người bị tổng giam. Để trả thù việc bị Sơn Vương trừng phạt vì những nhiều dân lành, cảnh sát trưởng Nguyễn Thành Út vu cáo ông đang giữ tấm bản đồ kho báu của vua Gia Long giấu lại trên đảo, khi chạy trốn quân Tây Sơn năm 1783. Sơn Vương bị chúa đảo Gimbert và tên cò Pellier tra tấn hết sức dã man để khai ra nơi giấu tấm bản đồ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1947, Sơn Vương bị đưa về Sài Gòn, ra tòa, với hai tội danh là cưỡng hôn Lệ Hoa và chủ mưu giết ông già Quýt, người tố cáo Sơn Vương dùng quyền ép hôn Lệ Hoa và lãng phí công quỹ... Sơn Vương bị kêu án tù chung thân khổ sai và bị đưa ra lại Côn Đảo để thi hành án.

Ngày 8-8-1953, Sơn Vương giết Nguyễn Thành Út, kẻ đã vu oan giá họa cho ông trong vụ "kho báu". Với tội này, Sơn Vương nhận thêm một án chung thân khổ sai. Theo quy định hồi bấy giờ án chung thân được tính là 32 năm. Tổng cộng, Sơn Vương đã 4 lần nhận án gồm 1 án 5 năm, 1 án 10 năm và 2 án chung thân. Tổng cộng, ông phải nhận mức án là 79 năm tù.

Đây là những chuỗi ngày dài lê thê gần như vô tận, khiến Sơn Vương:

*Trông về cố quận phương trời thăm  
Cười lệ khôn ngăn; khóc nghẹn lời"*

(Sơn Vương, *Máu hòa nước mắt*)

Đến năm 1968, Ủy ban cải thiện chế độ lao tù lên án chế độ lao tù, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu mới hủy bản án 79 năm của ông chỉ còn lại 35 năm tù giam.

Ngày 18-11-1968, Sơn Vương được phóng thích, sau 34 năm ngồi tù. Trở lại đời thường, Sơn Vương cho đăng thiên phóng sự "*Sơn Vương - Người tù thế kỷ*" trên một số báo, gây xôn xao dư luận một thời gian.

Sau đó, Sơn Vương lạng lẽ lui về sống ẩn dật ở một ngôi nhà nhỏ trong con hẻm ngoằn ngoèo ở Nguyễn Cư Trinh, quận 1,

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Thành phố Hồ Chí Minh, mưu sinh bằng nghề bốc thuốc Nam gia truyền.

Năm 1980, ông về lại cố hương ở Gò Công, để sống những ngày cuối đời của một nhà văn, tướng cướp, người tù thế kỷ, Quốc Vương quần đảo An Ninh.

Năm 1987, ông mất tại quê nhà, thọ 78 tuổi.

Tác phẩm:

- *Bạc trắng lòng đen* (1930)
- *Lỗi hẹn quên thề* (1930)
- *Ngọc làm với đá* (1930)
- *May nhờ rủi chịu* (1930)
- *Làm ơn mắc oán* (1930)
- *Kẻ thù dân tộc* (1930)
- *Thà được làm chó hơn được làm người* (1930)
- *Làm hơn được vợ* (1930)
- *Phản bạn vì tình* (1930)
- *Chén cơm lạt của người thất nghiệp* (1930)
- *Sâu bọ nổi lên làm người* (1930)
- *Ai bạc tình* (1931)
- *Ép dầu ép mỡ* (1931)
- *Lỗi về tôi* (1931)
- *Lạy Phật cầu duyên* (1931)
- *Lỗi một lầm hai* (1931)
- *Nợ duyên gì* (1931)
- *Ai kén chồng* (1931)
- *Ăn năn đã muộn* (1931)
- *Anh bạc tình* (1931)
- *Sơn Vương - Người tù thế kỷ* (phóng sự, nhật báo *Tin*)

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sáng, 1969)

- *Máu hòa nước mắt I* (hồi ký)

- *Máu hòa nước mắt II* (hồi ký)

Trích văn:

### **Máu hòa nước mắt**

(...) Một điều tôi có thể hãnh diện và tự an ủi lấy tôi là hai lần bị bắt về tội cướp, người ta tra tấn tôi đủ thứ cực hình để sát hạch tôi: Ăn cướp lấy tiền để làm gì và trao cho những ai? Thì trước sau tôi vẫn một mực khai rằng: Chơi đĩ và thua cờ bạc mà hết; chớ không hề khai một lời nào có thể can danh phạm nghĩa đến các bậc đàn anh, vì hành động mạo hiểm đó đều do tôi tự động, chớ không ai xúi bảo; nghĩa là các nhà cách mạng đàn anh không hề hay biết những món tiền tôi đưa ra là tiền ăn cướp”.

Nhà chức trách Pháp hồi ấy không tin, họ khảo tôi là tôi cứ ráng chịu đòn. Vì tôi tự xét: các anh ấy mà được tự do hay còn sống là xã hội được nhờ. Trái lại tôi bắt quá là một kẻ vô danh tiêu tốt, có chết đi cũng không liên quan gì đến việc đời hay việc nước. Vậy tôi đi ăn cướp lấy tiền là để chơi đĩ và thua cờ bạc; mặc dù tôi không bao giờ bước đến ngưỡng cửa lầu xanh, cũng như không cầm được bộ bài Cào hay bộ bài Tứ sắc mà chia cho các tay con để chung tiền hay hốt bạc....

Trích thơ:

### **Tám mươi năm**

*Tám mươi năm nằm gai nếm mật  
Nhục nào hơn nước mắt nhà tan?  
Đoái nhìn trăm họ làm than,  
Máu sôi vì lũ tham tàn thực dân!*

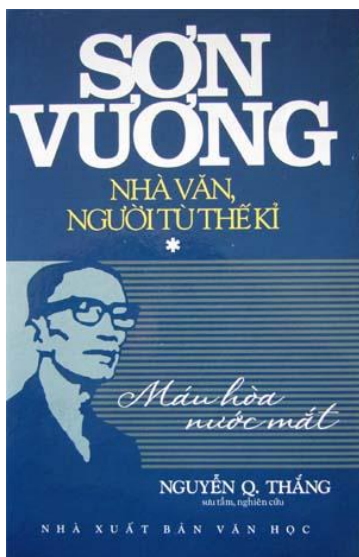
## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Đạo đức giả, ai cần bảo hộ?  
Tự nghĩ mình chẳng hổ mình sao?  
Cũng thì nhân loại cùng nhau  
Đoạt quyền cướp nước dạ nào cho ưng?*

*Một thế kỉ đè lưng cỡi cổ,  
Vết tài nguyên tiền của về Tây.  
Văn minh khai hóa thế này,  
Muôn dân nô lệ đọa đầy lắm phen.*

*Bày chi cảnh hai bên khác biệt!  
Sống gông cùm thà chết còn hơn.  
Đứng lên ta quyết tuốt gươm  
Theo gương người trước rửa hờn nước xưa*

*Khuấy máu giặc nhuộm cờ Độc Lập  
Tán xương thù xây đắp Tự Do  
Nhà nhà Hạnh Phúc ăm no,  
Khải hoàn chinh bị cơ đồ Việt Nam.*



## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà văn Bằng Giang (1922-2000) nhận định về Sơn Vương:

*Ở Pháp, Henri Charrière, bị tù oan trong 11 năm, kể chuyện tù và những lần vượt ngục trong quyển Papillon (1970) ăn khách một thời ở Pháp cũng như ở Sài Gòn trước đây có lẽ vì chuyện kể hấp dẫn. Về mặt này cuốn hồi ký Máu hòa nước mắt cũng có thừa, nhưng nó còn ghi lại một số hình ảnh rõ nét vài vụ việc cụ thể có giá trị lịch sử.*

Tài liệu tham khảo:

- Sơn Vương Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

Tiết 14: Trung Lập báo



*Trung lập báo* là phiên bản chữ Việt của tờ báo Pháp *Impartial* do Henri de Lachevrotière là chủ nhân, ông ta là người Pháp lai, xuất thân cấp rằng coi thợ, sau tiến thân vào chính trường, lên đến chức Chủ tịch Hội đồng quản hạt Nam kỳ. Về sau, khoảng 1925–26, cả *Trung lập* chữ Việt lẫn *Impartial* chữ Pháp đều được bán đứt với giá 3 triệu francs vào tay phiệt Octave Homberg

*Trung lập báo* là báo ra hằng ngày, 8 trang khổ lớn, đôi khi còn ra thêm phụ trương cuối tuần gọi là *Tiểu Trung lập*, số đầu ra ngày 16-1-1924. Về sau đổi tên gọn lại là *Trung Lập*.

Từ 13-8-1929, *Trung lập* có chủ nhân mới là Trần Thiện Quý tự Tôn Hiền với chức danh Tổng lý, có thể hiểu ông vừa là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút của tờ báo. Chắc hẳn từ ngày vừa nêu, *Trung Lập* đã độc lập hẳn với giới chủ người Pháp và với tờ báo Pháp *Impartial*, được hoàn tất sau ngày 7-7-1930, khi Tòa soạn *Trung lập* dọn đi khỏi cơ sở báo quán của tờ

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Impartial* ở góc đường Catinat và d'Ormay, đến trụ sở mới ở số 45 đường Roland Garros.

*Trung lập báo* và báo *Trung Lập* đã tồn tại trong 10 năm với nhiều chủ bút: Dũ Thúc Lương Khắc Ninh, Mạnh Tự Trương Duy Toàn, Nguyễn Phú Khai, và từ cuối 1929 là Tôn Hiền Trần Thiện Quý, rồi Bùi Thế Mỹ.

Nhà văn, nhà báo danh tiếng cộng tác với báo *Trung Lập* trong đó có Phan Khôi, Phú Đức...

Năm 1933, báo *Trung Lập* bị đóng cửa do lệnh của Thống đốc Nam kỳ Eutrope, vì có những cây bút phái tả như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo tham gia biên tập và quản trị tờ báo này, dùng nó làm cơ quan vận động cho “phái lao động” trong cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt đầu năm 1933.

Báo *Trung lập* số cuối cùng 7023 ra ngày 30-5-1933.

Tài liệu tham khảo

- *Trung Lập Báo* Web: viet-studies.info





## 1. Trương Duy Toản



**Mạnh Tự - Trương Duy Toản (1885-1957)**

Trương Duy Toản tự Mạnh Tự hiệu Đổng Hồ, sinh năm 1885 tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Thuở nhỏ, ông học chữ Hán, sau chuyển sang học chữ Quốc ngữ và Pháp ngữ ở Sài Gòn.

Năm 1905, ông ra trường làm Kinh lịch tại văn phòng tòa Khâm sứ Nam Vang, Campuchia.

Năm 1907, ông đổi về Sài Gòn. Tại đây, ông tham gia phong trào Minh Tân do Trần Chánh Chiếu đứng đầu.

Để cổ động mọi người hưởng ứng phong trào Minh Tân, đồng thời phản đối việc nhà cầm quyền Pháp trút phế vua Thành Thái, ông viết một bài ca theo điệu "tứ đại cảnh" rồi cho đăng trên báo *Lục tỉnh tân văn* số 24 ra ngày 30 tháng 4 năm 1908.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sau đó, ông sang Nhật Bản hoạt động trong phong trào Đông Du, làm thư ký cho hai nhà cách mạng là Phan Bội Châu và Kỳ Ngoại hầu Cường Để.

Tháng 9 năm 1908, để làm tan rã phong trào này, Pháp ký hiệp ước với Nhật Bản. Theo đó, Nhật Bản sẽ không cho các nhà cách mạng và lưu học sinh Việt Nam ở đất nước của họ nữa. Do đó, một số phải sang Trung Quốc, một số phải trở về nước, trong đó có Trương Duy Toàn.

Năm 1910, ông cho xuất bản quyển tiểu thuyết *Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian truân* và gây được tiếng vang.

Năm 1913, Trương Duy Toàn bí mật đến Thượng Hải tìm gặp Cường Để. Gặp lúc nhà cách mạng này đang gấp rút khởi hành sang Châu Âu để vừa tránh bị cảnh sát Hương Cảng khủng bố, vừa để tìm gặp các nhà yêu nước ở bên ấy, Trương Duy Toàn bèn đi theo để làm thông dịch viên.

Đến Paris, Trương Duy Toàn nhận sứ mệnh gặp Phan Châu Trinh, nhờ đưa thư Cường Để lên chính phủ Pháp phê phán chính sách thuộc địa ở Đông Dương. Khi Trương Duy Toàn ở đây, nhờ qua tiếp xúc với Toàn quyền Đông Dương là Albert Sarraut, vừa từ Sài Gòn về Pháp để gặp Cường Để, nên biết được ý định của Pháp là muốn bắt giữ Cường Để. Nhờ đó, Cường Để đã kịp trốn về Trung Quốc, chỉ có Trương Duy Toàn và Đỗ Văn Y, bị Pháp bắt, đưa đi quản thúc tại Pyrénées, rồi giam vào ngục Santé Prison de la Sant. Khoảng năm 1916, Trương Duy Toàn bị trục xuất về nước, rồi bị nhà cầm quyền Nam Kỳ đưa đi an trí ở làng Nhơn Ái, huyện Phong Điền, tỉnh Cần Thơ.

Trong những ngày bị quản chế, ông sáng tác các bài ca cho ban nhạc tài tử Ai Nghĩa để ca trong các thôn xóm. Nghe tiếng ông, nhóm *Sa Déc - Amis* của ông bầu Trần Văn Thận, thường gọi

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

là André Thận, có nhờ ông soạn các bài liên ca như *Bùi Kiệm thi rút trở về*, *Kim Kiều hạnh ngộ* phổ theo điệu *tứ đại oán* để trình diễn. Đây chính là các bài ca ra bộ, tức là vừa ca vừa ra điệu bộ để minh họa nội dung, lối ca ra bộ này ra đời năm 1917.

Được giới thưởng ngoạn ưa thích, ông soạn hẳn thành vở cải lương, đó là vở: *Lục Vân Tiên*, *Kim Vân Kiều* hồi 1 và *Lưu Yến Ngọc cứu cha đại hiếu*; theo lời nghệ sĩ Ba Vân vở *Kim Vân Kiều* là vở ăn khách nhất của gánh thầy Năm Tú.

Nhận thấy nhà cầm quyền ít theo dõi, lại được sự giúp đỡ của Trần Chánh Chiếu và Nguyễn Văn Cửa, một ông chủ nhà in được nhà cầm quyền Pháp nể trọng, Trương Duy Toàn bèn trở lại nghề báo.

Năm 1919, Trương Duy Toàn viết cho tờ *Thời vụ báo* ở Sài Gòn. Năm 1924, ông làm chủ bút tờ *Trung Lập* đồng thời giữ mục "Thiên hạ đồn" được nhiều người đọc.

Năm 1930, ông viết cho tờ *Sài Thành*. Sau khi tờ này bị đóng cửa. Năm 1936, ông chủ trương tờ *Dân quyền* do Cend sieux đứng tên xin thành lập, nhưng rồi bị tịch thu ngay từ số đầu vì có bài vận động cho Đông Dương đại hội.

Những năm kháng chiến chống Pháp (1946-1954), ông sống tại Sài Gòn với nghề làm báo. Năm 1955, ông viết một hồi ký *Phong trào cách mạng trong Nam Kỳ*, được đăng liên tiếp trên tuần báo *Tiến thủ* của Lê Văn Thử với bút hiệu *Đồng Hồ*. Đây là tác phẩm cuối cùng của ông.

Cuối đời, ông về an dưỡng ở khu Thanh Đa, Sài Gòn. Năm 1957, Trương Duy Toàn mất, thọ 72 tuổi, được đưa về an táng nơi quê nhà tại Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tác phẩm:

- *Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian truân* (tiểu thuyết lịch sử, F.H.Schneider, 1910)
- *Tình hải nhất trích* (tiểu thuyết, F.H.Schneider, 1916)
- *Truyện Đơn Hùng Tín An Nam tục kêu Ba Tính* (tiểu thuyết, Xưa Nay, 1925)
- *Lưu Yến Ngọc cứu cha đại hiếu* (tuồng cải lương, in năm 1930)
- *Phong trào cách mạng trong Nam* (hồi ký, 1956).
- *Kim Vân Kiều* (tuồng cải lương)
- *Lục Vân Tiên* (tuồng cải lương)
- *Trang Châu mộng hồ điệp* (tuồng cải lương)
- *Hạnh Nguyên công Hồ* (tuồng cải lương)
- *Trang Tử cổ bồn ca* (tuồng cải lương)

Trích văn:

### **Phan Yên ngoại sử *Tiết phụ gian truân***

Lược truyện:

"Vương Thế Trân con nhà gia giáo gồm đủ trí tài lại mồ côi cha mẹ. Ông nội Thế Trân đã từng theo Nguyễn Hữu Hào lập được nhiều chiến công nên được phong đề đốc. Sau đó ông từ quan, về sống ẩn tại thành Phan Yên vui thú điền viên cùng con cháu.

Thời loạn (Tây Sơn đánh Nguyễn Ánh) và sau khi song thân qua đời; Thế Trân bỏ đất Phan Yên lần lên Tây Ninh sống ẩn, vì đất Phan Yên bây giờ là bãi chiến trường. Trên đường ông gặp một nhóm cướp hoành hành ở Tây Ninh, trước đó đã cướp giết cựu Tri phủ Nhan Kế Hiền đang sống hưu trí tại đây và bắt

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

cóc vợ cùng con gái (Nhan Khả Ái) của Nhan Kế Hiền để làm nàng hầu.

Vương Thế Trân bị bọn Trịnh Cao đón đường đánh cướp; từ lâu bọn chúng đã nghe tiếng Vương Thế Trân là người tài giỏi nên giả cách muốn mời Thế Trân về làm minh chủ để diệt Tây Sơn, phò Lê. Nhưng Thế Trân đã biết được ý đồ của bọn này, buộc lòng chàng phải vào sào huyệt của bọn cướp. Đến nơi mới biết sự thật bọn Trịnh Cao bày mưu mở tiệc nhưng sự thật chỉ muốn chuốc rượu để Vương Thế Trân say mà giết chết. Tình cờ lúc rượu ngà ngà, chàng nghe được tiếng đàn của Khả Ái, biết là người bị hại. Thế Trân hỏi sự tình mới biết sự thật liền giải cứu cho mẹ con Khả Ái. Bọn Trịnh Cao biết được cho đốt lửa để thiêu và phi tang Vương Thế Trân, nhưng với thao lược và tài trí của mình, Thế Trân giết được anh em Trịnh Cao và cứu được mẹ con Khả Ái. Từ đó hai người yêu nhau và Nha Kế Hiền phu nhân đứng ra tác hợp cho hai trẻ. Xong, bà tự tử theo chồng.

Vương Thế Trân sống gần gũi với di ruột của Khả Ái tại Tây Ninh, chàng cùng Cao Minh Lượng. (một bạn thân) chiêu dân ra khai thác đất hoang, lập ấp ở Bình Thuận. Một thời gian, bị chiến tranh, nhất là thiên tai và giặc cướp hoành hành, đoàn người khai khẩn phải trở về Phan Yên. Trên đường về (bằng đường thủy) đoàn người di dân bị bão nhận chết chìm ngoài biển. Cao Minh Lượng và Thế Trân may mắn được một tàu buôn Anh Cát Lợi vớt, tàu trực chỉ đến Ma Cao (Trung Quốc).

Ở Ma Cao, Thế Trân và Minh Lượng giúp việc (làm thư kí) cho một nhà buôn lớn là Quách Thiên Hộ. Nhân một đám cướp nhà họ Quách, Thế Trân giết được giặc cướp cứu thoát gia đình, sau đó đã dạy võ cho con trai họ Quách, được gia đình này hết lòng thương yêu. Nhưng vì tình yêu quê hương, tổ quốc thôi thúc Thế Trân, Minh Lượng xin về nước. Họ Quách

## HUỶNH ÁI TÔNG

vui vẻ bằng lòng. Hai chàng lên đường về nước với tất cả tình thương yêu lưu luyến của nhà họ Quách.

Trong khi Thế Trân lưu lạc ở Ma Cao thì Khả Ái bị tên điền chủ Trương Bá Vạn (quê ở Định Tường) nhân một chuyến đi thăm núi Bà Đen, thấy Khả Ái liền theo ve vãn, bị nàng mắng vào mặt nhưng Bá Vạn vẫn quanh quẩn gần đây chờ dịp bắt cóc nàng. Một đêm hai di cháu Khả Ái bị hai tên cướp là Ngưu Cường và Ma Kiện đánh cướp, nhưng hai tên này đều muốn giành riêng Khả Ái cho mình, nên chúng đánh nhau giành nàng. Trương Bá Vạn theo dõi sự việc bèn mua một con chồn của hai mẹ con người thợ săn, Trương thiêu chồn, vớt vào nhà rồi dụ dỗ Khả Ái bỏ trốn.

Bọn Trương Bá Vạn chở Khả Ái đến sông Vàm Cỏ Tây (Long An) thì nàng nhảy xuống sông tự tử sau khi biết được ý đồ đen tối của tên trọc phú họ Trương. Nhưng được hai mẹ con thợ săn (theo Trương Bá Vạn) cứu sống. Còn Bá Vạn té sông chết (vì trong người hắn mang nhiều tiền kẽm nên chết chìm). Bọn hữu hạ Trương Bá Vạn đem Khả Ái bán vào lầu xanh cho mục Liễu Chiêu Xuân ở Phan Yên. Lúc đó, Khả Ái được hai anh em Triệu Nghĩa, Triệu Ân (chị em bạn dì - cha họ Triệu làm tổng đốc sở tại) và người thợ săn cứu thoát. Ông bà Triệu tổng đốc gặp được cháu gái vui mừng khôn xiết.

Vương Thế Trân ở Ma Cao về đến Phan Yên liền lên Trảng Bàn (Tây Ninh) tìm Khả Ái. Đến nơi, được tin di cháu Khả Ái người chết, kẻ bị bắt cóc chàng đau khổ làm lễ tế hương hồn người quá cố. Tình cờ chàng được tin vợ chưa cưới vẫn còn sống và hiện tá túc sống với Triệu tổng đốc ở Phan Yên.

Từ đó, hai bên nên duyên vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và có hai con học giỏi. Thật là cảnh "vợ chồng thông dong an hưởng thanh nhàn, tiếng rền trong sáu tỉnh". "Còn Cao Minh Lượng cũng nhờ có tiền của Quách Thiện Hộ cho mà đăng

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

khá, chàng cất nhà ở cạnh với vợ chồng Vương Thế Trân. Hai họ xem nhau như tình cốt nhục."

### Lời tựa

*... Vậy theo trí mọn tôi, thì nay phải bỏ những là Lê Huệ pháp thuật, Kim Đinh thần thông, Khương Thượng phong thần, Thế Hùng tróc quỷ, Chung Hy lập trận, Bồ tát cứu binh, Đại thánh loạn thiên cung, Anh Đàng về tiên cảnh... mà sắp bày ra chuyện chi mới, bây giờ mặc dầu miễn là cho tránh khỏi cái nẻo dị đoan mà báo ứng phân minh thì đủ rồi....*

### I

*Đời loạn lạc anh hùng toan ẩn tích;  
Giữa lộ đồ hào kiệt gặp gian mưu.*

Rót nhà Lê đời vua Lê Chiêu Thống có bọn Tây Sơn là Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Văn Huệ và Nguyễn Văn Lữ dấy loạn ở Quy Nhơn, sau nhà Lê càng suy, thì Tây Sơn Nguyễn Nhạc mới xưng là Thiện Vương hiệu Thái Đức, Qua tháng 5 năm Bính ngũ lại sai Nguyễn Văn Huệ lần vô lấy Huệ, rồi đánh luôn ra Bắc. Qua năm Đinh dậu Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ lại vô đánh Gia Định, vua Duệ Tông phải chạy xuống Rạch Chanh rồi sau lại bị bắt tại Cà Mau, còn ông Mục Vương là Hoàng Tôn chạy vô Ba Vát cũng bị giặc bắt, sót lại có một mình ông Nguyễn Ánh (Gia Long) mà thôi. Sau Huệ về Quy Nhơn đề ông châu làm Tổng Đốc, ông Oai làm Tướng và ông Cai cơ Chân làm Điều khiển ở lại giữ các dinh đất Gia Định, thì thuở ấy loạn lạc khắp nơi, cò nghĩa dựng đều tứ phía, ai ai cũng đều có lòng báo quốc cần vương, lại cũng có kẻ tòng con ấy mà làm việc cướp đục bá tánh cho tiện nữa. Khi ấy nơi Phan Yên có người hình dung tuấn tú, diện mạo khôi ngô, mắt tợ nước thu, mặt như giò phấn, dẫu cho Phan An, Tổng Ngọc là trai lịch sự đời trước cũng chẳng hơn vậy, tên là Vương Thế Trân

## HUỶNH ÁI TÔNG

tuổi vừa hai chín mà gồm đủ trí tài, võ văn kiêm bị, mười tám món binh khí chẳng món nào chẳng thạo, năm kinh hai truyện chẳng chỗ nào chẳng thông, cha mẹ đều mất sớm, ấy cũng vì lúc loạn quân nơi Gia Định, Nguyễn Huệ đánh lấy Phan Yên mà ra. Ông nội Vương Thế Trân này, lúc Nguyễn Trịnh đánh nhau, thì hay theo từng chinh với ông Nguyễn Hữu Hào mà cũng đã có lập nhiều công lạ nên cũngặng phong là Đô đốc, sau lúc Nguyễn Hữu Hào xưng sớ chinh phạt Cao mang, khi bắtặng Nặc Ông Thu rồi thì Vương đề đốc liền xin từ việc chiến chinh vì tuổi đã lớn rồi, ở lại nơi Phan Yên vui thú cày bừa mà thôi; ấy cho nên Vương Thế Trân này vẫn là dòng giới anh hùng đó. Tuy là còn bởi ấu thơ, song cũng đã có long báo quốc cần vương, hằng muốn chiêu tập nghĩa binh mà làm cho rõ danh nam tử, song nghĩ lại Tây Sơn binh rờng tướng mạnh, triều đình còn chẳng cự lại thay, huống ta nay dầu có chiêu tập thế mấy, thì bất quá cũng là quân ô hạp, ngày giờ đâu mà thao luyện cho tinh rờng đặng; vì có làm ra thì loại càng thêm mối hại cho dân, càng phải đổ máu con người hơn nữa; vậy chi bằng ta phải ẩn nhẫn, dưỡng lấy cái thân hữu dụng này mà vào chốn núi non, thủng thủng thăm dò máy binh, rồi tùy theo cơ hội ấy mới gọi là người trí giả. Nghĩ như vậy liền sắm sửa thát nang lia khỏi quê hương mà tìm nơi ẩn dật; lúc ấy lại nghĩ nội Nam Kỳ ta, duy có hạt Tây Ninh có hòn núi Chiêng Bà Đen là cao hơn các núi khác và lại có những rừng cao bao giàn tứ phía, thông giáp với Cao mang. Ấy là nơi địa đầu, chỗ ấy ngày sau, ví bằng khí số Lê tào chưa dứt, thì sẽ có thể mà cư đồ đại sự. Nghĩ rồi liền nhắm thẳng Tây Ninh mà trôi gót, cứ việc ngày đi đêm nghỉ, hai ngày tròn gần đến Trảng Bàn. Bỗng nghe đâu trong rừng có tiếng người ngựa, Vương Thế Trân liền nép lại nơi cội cây mà coi bọn ấy làm gì cho biết; giây phút thấy có hai người đi đầu, tuổi tác xấp xỉ nhau, chừng bốn mươi ngoài, theo sau chừng mười kẻ tùy tùng, thầy đều cỡi ngựa, phẫn phẫn đầu kia đi lại; đến gần lại nghe người đi trước day lại hỏi một người tùy tùng rằng: “Có phải lối này chẳng?” - Người ấy liền thưa rằng: “Phải” - Người kia lại hỏi: “Sao mà



chẳng thấy ?” - Người tùy tùng ấy lại nói: “Thật rõ ràng tôi mới thấy tại đây thì tôi vội vã chạy về mà phi báo cho Lãnh binh liền; chẳng biết vì cố chi mà bây giờ lại chẳng thấy, hay là người ấy thấy chúng ta đến mà ẩn đầu đó chẳng, chúng ta phải tìm kiếm mới đặng. - Người kia gật đầu nói: “Phải”, rồi liền khiến mấy người tùy tùng đồng rẽ ra mà tìm soát các nơi.

Lúc ấy Vương Thế Trân tưởng có lẽ bọn này thấy ta quấy gánh đồ hành lý sum sê, tưởng rằng có vàng bạc nhiều, nên chặn mà cướp giật chi đây chẳng ? Nghĩ vậy liền để gánh hành lý xuống rút cây đòn gánh ra; nguyên cây đòn gánh này lúc mới sửa soạn đi, thì Vương Thế Trân đã biết đời này là đời ly loạn trộm cướp khắp nơi, lại thêm đường đi rừng bụi, chẳng có khí giới theo mình sao tiện, còn đem khí giới theo càng thêm bẽ bộn, nên đã đặt cho thợ rèn một cây đòn gánh nặng nơi bốn mươi hai cân, trước là gánh đồ, sau phòng có hộ thân thì càng tiện. Lúc ấy Vương Thế Trân rút cây đòn gánh ra ngắm sẵn nơi tay rồi, bước ra hỏi lớn rằng: “ Phải bọn người kiếm ta chẳng?” - Mấy người cai vừa thấy liền xuống ngựa, lại có một người bước đến thì lễ mà nói rằng: “Đại ca mạnh giỏi hé ? Nay Đại ca muốn đi đâu mà một mình giữa chốn rừng buội như thế này vậy ? – Vương Thế Trân bèn đáp rằng: “Tôi nhơn thấy đời ly loạn, cho nên muốn tìm chốn núi non mà ẩn, song chưa biết là đi đâu.” - Người ấy nói: “ Vậy thì càng hay, thôi xin mời Đại ca về nghỉ chơn, rồi chúng tôi có việc mà tỏ trần với Đại ca.” – Vương Thế Trân liền nói: Khoan! Vì muốn tôi về nhà thì trước hết xin phiền nhị vị tỏ cho tôi biết nhị vị là ai, và vì sao mà biết tôi?” - Người ấy liền nói: “Tôi đây là Trịnh Cao, còn người này là em tôi tên là Trịnh Hạ; nhà gần nơi trước đây, tôi nhơn thấy đời ly loạn cho nên cách đây năm tháng trước tôi đã đi châu lưu cùng trong lục Châu, mà tìm kiếm anh hùng đặng lo cứu quê hương cho khỏi điều loạn lạc, lúc đi đến Phan Yên tôi có nghe danh Đại ca, song vừa sửa soạn đến mà ra mắt thì kẻ lấy đặng tin nhà rằng bà thân tôi đã từ trần cho nên tôi phải trở về lập tức; song từ ấy đến nay tôi hằng có lòng hoài vọng Đại ca

luôn; đến nay việc nhà sắp đặt vừa xong thì tôi sai một người bộ hạ của tôi, là người ngày trước có ở với Đại ca, đến mà dò tin tức coi Đại ca còn ở Phan Yên chăng, hay đã vùng vẫy nơi nào rồi, vì lúc này đương hồi ách nước nạn dân, anh hùng ít hay ở yên một chỗ, té ra người ấy vừa đi chưa đầy một buổi, đã trở về mà báo tin rằng: “Gặp Đại ca một mình quấy hành lý mà đi qua hướng nầy cho nên tôi phải đến đây mà đón rước, vậy nay ví chẳng gặp đây thì thôi, chớ như gặp rồi xin phiền Đại ca thăng đến lều cỏ tôi nơi trước đây mà nghỉ chơn rồi chúng ta sẽ đàm đạo cho phi tỉnh?” Vương Thế Trân thấy nói vậy liền đi lấy đồ hành lý quấy lên vai mà theo mấy người ấy. Trịnh Cao lại chẳng cho biểu một người tùy tùng phải để một con ngựa cho Vương Huynh cỡi, còn tên ấy phải đi bộ mà gánh những hành lý. Người ấy vừa để gánh lên vai thì đứng dậy chẳng nổi. Vương Thế Trân thấy vậy phải rút cây đòn gánh cầm theo mình rồi bảo người ấy đi bẻ cây khác mà gánh thì mới nổi cho. Rồi đó mấy người đồng kê ngựa nhau mà nói chuyện. Đi đặng nửa giờ bỗng thấy trước mặt có hơn năm trăm người đồng quỳ xuống mà tiếp nghinh. Vương Thế Trân thấy vậy nghĩ thầm rằng: Bọn này chắc môn đệ mình về, đặng mà làm việc hại cho dân thêm nữa; chớ chi mình biết trước cũng chẳng đi mà làm gì, ngặt nay mình đã đi đến đây, chẳng lẽ chối từ cho đặng vậy thôi chi bằng chừng nào hợ rủ mình thì mình sẽ phân trần lợi hại cho họ nghe cũng chẳng can chi. Còn đang suy nghĩ bỗng đã đến nơi mỗi người đều xuống ngựa, thấy hai bên dinh trại đóng giải hơn mấy trăm căn, chính giữa có cất một cái nhà cao rộng, bước vô cửa thì thấy trên có ột tấm biển lớn đề ba chữ “Tụ nghĩa đường”. Trịnh Cao liền mời Vương Thế Trân ngồi chính giữa còn hai anh em ngồi hai bên, hỏi dọn yến diên mà thết đãi, rồi Trịnh Cao đứng dậy vòng tay mà nói với Vương Thế Trân rằng: “Tôi xem khí thế Lê trào đã thon von, vả lại thiên hạ là chẳng phải của một người, hễ ai có đức thời đặng, cho nên chúng tôi chiêu binh mãi mã đây là đợi cho gặp người tài đức mà phò tá đặng cứu lấy quê hương mà thôi, may gặp Đại ca đây thật là người tài đức vậy; bốn phương thiên hạ đều

nghe tên, sáu tỉnh anh hùng đều biết mặt, nên chúng tôi muốn thỉnh Đại ca về đây mà tôn lên bửu vị; chúng tôi sẽ phơi gan trái mật mà phò tá đặng bình định biên cương, cứu dân nơi nước lửa, mà chung hưởng cuộc giàu sang, chẳng biết ý Đại ca thế nào” – Vương Thế Trân nghe vậy thì đỏ mặt tía tai liền hét lớn mà rằng: Ta tưởng các người có lòng tốt mời ta về mà nghỉ ngơi chẳng dè các người mong lòng phản bạn chẳng kể ngọn rau tất đất, chẳng sợ mạng trời, chẳng kiêng phép nước, các người chớ trông ta theo các người mà làm điều quấy như vậy đâu; các người chớ tưởng lấy cuộc giàu sang mà làm cho xiêu lòng ta đặng đâu: phải biết trước như vậy, chẳng hề thêm đến đây mà làm chi?” – Nói rồi vội vã đứng dậy đòi đồ hành lý mà đi, Trịnh Cao liền bước lại níu áo mà năn nỉ rằng: “Xin Đại ca chớ giận chúng tôi vẫn biết Đại ca là một đấng anh hùng; nay thấy Đại ca lìa bỏ quê hương mà đi như vậy thì chắc Đại ca cũng lo kiếm chỗ nơi mà chiêu mộ nghĩa binh chớ chẳng không, song chưa chắc lòng Đại ca dốc cần vương báo quốc mà làm hay là nhờn thấy đòi loạn ly này mà tính việc riêng cho nhà mình cũng không chừng; cho nên mấy lời nói ấy là lời thử cho biết bụng Đại ca đó, nay mới rõ Đại ca thật là đấng trung lương một trang nghĩa khí vậy; thôi thì Đại ca hãy nán lại đây mà nghỉ ngơi một đôi ngày rồi sẽ đi cũng chẳng muộn chi, vả nay chúng ta đã biết bụng nhau rồi, vậy xin kết làm an hem, ngày nào Đại ca muốn dấy việc phải cho tôi hay, thì tôi sẽ hiệp binh với Đại ca cho rõ lòng trung nghĩa của chúng ta.” – Vương Thế Trân thấy nói hết lời, phần thì trời đã gần tối, nếu đi cũng chẳng tiện, nghĩ như vậy bèn ù chịu ở lại một đêm sang ra sẽ thượng trình. Rồi mấy người mới vầy lại ăn uống, luận võ đàm văn cùng nhau chớ chẳng nói việc chi khác nữa. Lúc trên tiệc coi Trịnh Cao ân cần mời đãi, vừa cạn chén này thì ép uống chén kia. Vương Thế Trân thấy vậy đã có bụng nghi nên từ đó đến sau chẳng uống nữa nói rằng thưở nay không biết uống rượu, giả đồ say buồn lời vinh cường, mở giọng sang đàng một hồi rồi ngã ngửa trên ghé làm bộ bất tỉnh. Trịnh Cao thấy vậy liền khiến tả hữu khiên ra sau vườn đem vô

## HUYỀN ÁI TÔNG

một cái chòi nhỏ để Vương Thế Trân trên một cái giường rồi bỏ nhau ra đi.

## II

.....

*Mạnh Tự Trương Duy Toàn là một trong những nhà văn quốc ngữ thời sơ khai, tiêu thuyết Phan Yên ngoại sử của ông in năm 1910, cùng thời với Hoàng Tố Oanh hàm oan của Trần Chánh Chiếu, ông còn là soạn giả tuồng cải lương cùng thời với Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, được người sau tôn vinh là hậu tổ sân khấu cải lương.*

Tài liệu tham khảo:

- Trương Duy Toàn Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)  
Nguyễn Q. Thắng Văn học Việt Nam nơi miền đất mới, Văn Học, 2007, tr. 1044-1047

## 2. Phú Đức



**Phú Đức - Nguyễn Đức Nhuận (1901-1970)**

Nói tới Hồ Biểu Chánh là nói tới tiểu thuyết tình cảm, xã hội, còn nói tới tiểu thuyết kiếm hiệp phải nói tới Phú Đức, đó là đặc trưng của hai nhà viết tiểu thuyết danh tiếng ở miền Nam.

Nhà văn Phú Đức tên thật là Nguyễn Đức Nhuận, sinh ngày 24-9-1901 tại xã Bình Hòa tỉnh Gia Định, tên bôn mạng là Joseph, ông từ trần ngày 4-3-1970 tại Gia Định, hưởng thọ 70 tuổi. Thân phụ ông là Nguyễn Đức Tuấn từng làm Đốc học trường Sơ học tỉnh lỵ Gia Định và Cai tổng Tổng Bình Trị Thượng tỉnh Gia Định.

Trước khi trở thành nhà văn, Phú Đức là một nhà giáo, dạy tại trường Gia Định do thân phụ ông làm Hiệu trưởng. Năm 1924 nhà giáo Nguyễn Đức Nhuận viết tiểu thuyết *Câu chuyện canh trường*, gửi đăng trên nhật báo *Trung Lập*. Lúc đó tờ *Trung Lập* do Trương Duy Toàn làm chủ bút, ông nhận thấy tờ *Đông Pháp Thời Báo* nhờ tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh được nhiều độc giả, nên cụ Mạnh Tự đã mời tác giả *Câu chuyện canh*

## HUỶNH ÁI TÔNG

trường, cộng tác viết tiểu thuyết cho báo *Trung Lập*. Tên tuổi Phú Đức bắt đầu từ báo *Trung Lập* này, với *Cái nhà bí mật* rồi sau đó viết tiếp *Hiệp phố châu hườn*.

Năm 1925, có phong trào tẩy chay hàng Bombay của người Ấn diễn ra rầm rộ tại Sài Gòn. Nhà cầm quyền không muốn phong trào đi quá đà, nên đã chỉ thị cho tòa soạn *Trung Lập* không được đăng bài cổ động. Do đó, nhiều người làm cho báo *Trung lập* bất mãn. Riêng Phú Đức không chịu được thái độ ấy, nên đã quyết định rời khỏi báo *Trung Lập*.

Nhân đó, tờ báo *Công Luận* mời Phú Đức về làm Chủ bút và đăng tiếp *Hiệp phố châu hườn* từ số từ số 371, ngày 7-7-1926 với nhan đề mới là *Hoàn Ngọc Ấn*, đến số 374 lại đổi thành *Hiệp phố châu hườn*. Khi in thành sách mới sửa lại tên *Châu về hiệp phố*. Từ đó Phú Đức thôi làm thầy giáo dành thì giờ chuyên viết tiểu thuyết.

Sau này khoảng thập niên 1950, ông cộng tác với các Nhật báo *Thần Chung* của Nam Đình, *Tiếng Chuông* của Đình Văn Khai, rồi làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tuần báo *Bình Dân* và chủ nhiệm nhật báo *Dân Thanh*.

Ông hâm mộ thể thao, chơi quần vợt, bóng tròn, ông cũng có luyện tập võ nghệ, nhờ đó ông viết đúng các thế võ thuật, ông thích xem chiêu bóng và đọc truyện trinh thám của Pháp như là tác giả Michel Zevaco. Những sở thích ấy, giúp cho ông viết thành những chi tiết được độc giả thích thú và hâm mộ.

Ông mất ngày 4-3-1970 tại nhà riêng đường Phó Đức Chính Gia Định, thọ 69 tuổi. Ông Bút Trà Nguyễn Đức Nhuận, chủ nhiệm báo Sài Gòn Mới làm thơ khóc ông:

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Cùng họ cùng tên lại một nghề,  
Cùng trong tòa soạn thuở nào hề?  
Bốn mươi năm trước còn ghi dấu!  
Bảy chục xuân nay đã vội về.  
Vắng bạn văn đàn trông thấy thiếu,  
Có mình thế giới tưởng như dư.  
“Lửa lòng”, “Hiệp phố”, lần tay gỡ,  
Sách đó, người đâu? xiết nào nề!*

Theo như ông trả lời cuộc phỏng vấn của báo *Ngày Mới* năm 1959, ông đã sáng tác trên 70 bộ tiểu thuyết, trong vòng 35 năm.

Tác phẩm:

- *Cái nhà bí mật* (1925)
- *Châu về hiệp phố* (1926)
- *Tiểu anh hùng Võ Kiệt* (1929)
- *Lửa lòng* (*Bách Sima*)
- *Một mặt hai lòng* (1929)
- *Non tình biển bạc*
- *Tình trường huyết lệ* (1930)
- *Một thanh bửu kiếm* (1930)
- *Chẳng vì tình* (1930)

.....

Tóm lược cốt truyện: *Châu về hiệp phố*

Hoàn Ngọc Ân, Đỗ Hiếu Liêm là hai chàng sinh viên tuần tú đang học năm thứ ba Trường Thuộc ở Hà Nội, về Nam nghỉ hè. Hoàn Ngọc Ân lạc cha mẹ từ thuở nhỏ được bác sĩ Albert Lebon nuôi làm dưỡng tử, cuối năm học chàng về nghỉ hè tại

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sàigòn; còn Đỗ Hiếu Liêm về nghỉ ở quê Vĩnh Long với song thân.

Nhân đi xem hát Hoàn Ngọc Ân có cơ hội giúp một thiếu nữ tuyệt sắc là Lê Thủy bị tai nạn. Từ đó chàng si mê nàng.

Một hôm có người đến nhờ chàng cứu một người tự tử, mà Hoàn Ngọc Ân biết đó là Đặng Thất Tình vì say đắm Lê Thủy, phá tán của cải đến nỗi phải tự kết liễu đời mình. Anh của Đặng Thất Tình là Đặng Giao Hoan cũng vì nàng Lê Thủy mà tự tử trước đó không lâu. Gia đình họ Đặng có viên hoàn ngọc điệp rất quý, Đặng Giao Hoan đã đem tặng cho Lê Thủy mà nàng đang lưu giữ tại nhà. Biết việc ấy, Hoàn Ngọc Ân bất bình nên mang lột chàng Nghĩa Hiệp buộc Lê Thủy phải giao trả viên ngọc ấy cho họ Đặng, nhưng Lê Thủy không khứng vì nàng có giấy đề tặng của chủ nhân.

Việc cướp và trả viên ngọc điệp diễn ra li kì nhờ võ nghệ cao cường của chàng Nghĩa Hiệp. Lê Thủy khâm phục Nghĩa Hiệp vì chí khí ngang tàng với võ nghệ cao cường và đem lòng yêu Hoàn Ngọc Ân - chàng sinh viên Trường Thuốc - mà không biết hai người ấy chỉ là một.

Cha của Đặng Thất Tình là Đặng Nghiêm Huấn vì buồn hai con trai lớn hư hỏng đến thiệt thân, cũng bệnh mà chết, để lại ba người con nhỏ, trong đó có nàng Đặng Nguyệt Ánh rất xinh đẹp, mới mười lăm tuổi phải lo nuôi dưỡng hai em trai vì còn thơ dại. Một hôm Nguyệt Ánh sa vào tay tướng cướp Thanh Long, may gặp Đỗ Hiếu Liêm cứu thoát. Nguyệt Ánh thâm yêu Đỗ Hiếu Liêm.

Hiếu Liêm làm việc nghĩa, bị bọn Thanh Long thâm thù tìm cách hại cha mẹ chàng chết hết và gia tài tiêu tán. Đường công



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

danh của chàng lại lỡ dở vì tham gia vào vụ hoàn ngọc điệp của Lê Thủy mà bị trọng thương. Sau đó Hiếu Liêm gia nhập ngành mật thám mong tìm dấu vết Thanh Long để trả thù nhà.

Hoàn Ngọc Ân tư chất thông minh, tài trí, võ nghệ siêu quần lại có tài thay đổi diện mạo, đến ngay bạn thân thiết là Đỗ Hiếu Liêm cũng không nhận ra được.

Còn Lê Thủy sắc nước hương trời. Nàng có một bí mật nên tuy giao thiệp với các công tử háo sắc để trục lợi mà luôn giữ lòng trinh bằng một mảnh khốe riêng. Biết bao công tử tiêu cả sản nghiệp vì nàng mà vẫn không hái được hương trinh nên hết lòng thù hận nàng.

Một lần Ngọc Ân khám phá được mảnh khốe ấy của nàng, biết Lê Thủy vẫn còn trinh trắng nên càng yêu và quyết cưới nàng làm vợ. Nhưng hai người chưa thể tiến tới hôn nhân, vì Ngọc Ân theo di chúc của dưỡng phụ phải sang Pháp tiếp tục học đến đỗ Bác sĩ. Trên chuyến tàu xuất dương, Hoàn Ngọc Ân mới hay Lê Thủy trốn theo mình sang Pháp và bị bệnh nặng. Chàng cứu chữa Lê Thủy lành bệnh và được nàng tiết lộ bí mật đời tư mình vì thân phụ nàng chỉ muốn con gái kết hôn với người Anh (như ông). Nếu Lê Thủy muốn kết hôn với người Việt Nam thì Lê Thủy phải có đủ số bạc là ba triệu đồng nộp cho ngân hàng ở Hồng Kông mới lãnh được gia tài của cha để lại. Vì lí do đó mà nàng Lê Thủy phải tích lũy tiền bạc bằng cách giao thiệp với các công tử si tình và rất quý viên hoàn ngọc vô giá kia.

Biết được bí mật ấy của Lê Thủy, Hoàn Ngọc Ân bỏ học quay về Việt Nam dấu tên mình mà dựng lên nhân vật bí mật Hiệp

## HUỶNH ÁI TÔNG

Liệt là một người Hoa tài ba lừng lẫy chấn động cả Sài Gòn, Chợ Lớn.

Muốn có đủ số tiền Lê Thủy cần, Hiệp Liệt cướp của các nhà giàu phi nghĩa nhất là các bang ngoại kiều rồi để giấy nợ hẹn sẽ trả đủ vốn lẫn lời trong vòng hai năm. Đặc biệt Hiệp Liệt là tên cướp không giết người mà chỉ nhờ tài trí của mình để lấy của thôi. Chàng lại giúp Sở Mật thám nhiều phen trừ được những bọn cướp ác ôn lấy danh Hiệp Liệt mà những hại xã hội. Khi Hiệp Liệt muốn đánh cướp nhà nào, đều có thơ báo trước ngày giờ. Vậy mà Đỗ Hiếu Liêm (thay mặt Sở mật thám) chịu bó tay nhiều phen để Hiệp Liệt trở tài cướp ngay trước mũi mình. Sở mật thám vừa kiêng nể tài Hiệp Liệt vừa muốn trừ đi một tên cướp lừng lẫy đang lộng hành mà Sở mật thám đành phải bó tay.

Trong thời gian ấy, Hiệp Liệt luôn theo dõi những hoạn nạn của Đỗ Hiếu Liêm và nhiều lần cứu Hiếu Liêm thoát chết bởi tay của tướng cướp Thanh Long. Rồi từ đó Hiệp Liệt tìm cách bắt Thanh Long giao cho Hiếu Liêm. Hiệp Liệt cứu Nguyệt Ánh thoát khỏi âm mưu giết cháu của người thiếp. Vì ơn cứu tử ấy, nên dù biết Hiệp Liệt chính là Hoàn Ngọc Ân, Nguyệt Ánh giữ trọn lời hứa không cho Hiếu Liêm biết điều ấy, cả lúc hai người đã kết hôn.

Ngược lại chuyện cũ, lúc Hiếu Liêm vừa mới bị đuổi học, Hiếu Liêm thâm thù Hoàn Ngọc Ân. Chàng cũng muốn bắt Hiệp Liệt để trừ một tướng cướp, nhưng vì mang ơn Hiệp Liệt quá sâu nặng, Hiếu Liêm phải từ bỏ nghề thám tử.

Đỗ Hiếu Liêm căn cứ vào những lần cứu mạng mình của Hiệp Liệt, lại liềm thân giúp nàng Lê Thủy cướp lại hoàn ngọc từ xứ

Ấn Độ. Từ các sự kiện đó Hiếu Liêm kết luận Hiệp Liệt với Hoàn Ngọc Ấn chỉ là một. Nhưng do tài sắp đặt đầy mưu mẹo của Ngọc Ấn mà Hiếu Liêm lại tự cho mình đã nhận xét sai lầm.

Trong lúc Lệ Thủy nén lòng thương nhớ chờ đợi ngày Ngọc Ấn hồi hương. Nào ngờ Ngọc Ấn (Hiệp Liệt) vẫn kề cận bên mình và khuấy động cả Sài Gòn. Chính Lệ Thủy cũng luôn lo sợ ngày nào đó tướng cướp Hiệp Liệt thò tay vào tử sắt của mình.

Tuy tài trí hơn người, nhưng lắm phen Hiệp Liệt lâm cơn nguy khốn tưởng phải chết. Những lúc đó chàng nghĩ rằng phải chết dưới lốt một tướng cướp, rồi với Lệ Thủy tên Ngọc Ấn cũng bật vô âm tín, và nàng chẳng hề hay biết vì nàng mà Ngọc Ấn phải nhiều phen đổi đầu với cái chết. Cuối cùng Hoàn Ngọc Ấn vẫn tìm đủ số tiền mà Lệ Thủy cần, chàng nhấn nàng sang Hồng Kông nhận tiền từ tay một thương gia Trung Hoa (Ngọc Ấn)

Khi Lệ Thủy đến ngân hàng Hồng Kông lãnh gia tài, mới hay số tiền ba triệu chưa đủ nộp, còn thiếu bốn vạn đồng do tiền lời sinh ra. Lúc này Ngọc Ấn không còn cách nào kiếm tiền cho nhanh, chỉ còn cách thí thân đánh võ để cá độ với tên Đầu Sơn - là một võ sĩ vô địch lại xảo quyệt - chàng tưởng phải chết trên võ đài. May nhờ người em nuôi là Bạch Tuyết cứu mạng. Lúc này Lệ Thủy mới biết võ sĩ Ngọc Bửu, chàng Nghĩa Hiệp, tướng cướp Hiệp Liệt cũng chỉ là Hoàn Ngọc Ấn.

Đến lúc này, lẽ ra Lệ Thủy phải cảm động vì lòng hào hiệp tận tâm của Ngọc Ấn với nàng. Nhưng nàng cảm thấy khó xử, vì nếu Ngọc Ấn là Hiệp Liệt thì theo nàng Hiệp Liệt đã có vợ là

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bạch Tuyết (Lê Thủy làm, Bạch Tuyết là con gái thầy dạy võ của Hoàn Ngọc Ân và là em nuôi của chàng đã từng cận kề giúp đỡ chàng suốt hai năm gian nan để kiếm tiền và cứu tử chàng nhiều lần, vì nàng rất giỏi võ nghệ). Vì vậy Lê Thủy từ chối việc hôn phối với Hoàn Ngọc Ân.

Trong gần hai năm gian nan cận kề giúp đỡ Hoàn Ngọc Ân, Bạch Tuyết rất nặng tình với chàng, trong khi đó Hoàn Ngọc Ân xem nàng chỉ là em gái. Bạch Tuyết cảm lạnh đành phải tìm cái chết.

Lê Thủy vẫn chưa nhận lời cầu hôn của Hoàn Ngọc Ân mà còn mong chàng xuất dương du học cho thành tài. Buộc lòng Ngọc Ân phải sang Pháp học tiếp mà vẫn mong có ngày về để đẹp duyên cùng Lê Thủy. Đến khi tốt nghiệp Bác sĩ trở về thì Lê Thủy bị kẻ lạ bắt cóc. Bây giờ chàng phải vất vả lắm một lần nữa truy tầm, cứu người yêu mà suýt mất mạng.

Sau bao nhiêu gian truân lao khổ mới "Châu về hiệp phố" như ước vọng của đôi trai tài gái sắc này.

Trích văn:

### **Châu về Hiệp Phố**

#### I

#### *Dụng sắc giết người*

Người đời ai lại chẳng khắc ý thương xuân: cảnh vật đối với xuân rất hữu tình còn người đối với xuân duyên thắm. Thế mà xuân có kiếp có thì đối với quang âm thật là vắn vỏi tính trọn có chín chục thiêu quang mà thôi ngoài ra thật gặp tiết mưa tên nắng lửa, gió đáo sương đao, cảnh vật phải thiêu sắc thê lương;

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

còn kiếp đời người ngoài thuở xuân sắc kém thân gầy âu sầu thảm đạm. Cảnh vật đối với xuân như thế! Con người đối với xuân như thế, nhưng có mấy mai để ý.

Trong chôn phồn hoa náo nhiệt, người thích xuân thẳng số dập diu, xuống ngựa lên xe, sắc phục điểm trang lộ vẻ cực kỳ hoa lệ. Kẻ mày xanh tóc rậm nô nức vui xuân, còn người tóc bạc mày thưa cũng rán chen vui với mấy ngày xuân lụn. Mãng vì xuân mà cuộc vui đầy tháng trận cười suốt đêm, bạc tuôn ra nước, đến chùng xuân biệt cái khổ tâm đeo đuổi cho đến xuống mồ, chùng tinh ngộ vì xuân mà phải nằm gai nếm mật.

\*\*\*

Cũng trong đêm đó, giờ đó, tại nhà hát Tây Sài Gòn tiếng chuông đổ reng reng... giục thính giả kíp vào xem tấn kịch Phi Phi đang sửa soạn khởi diễn. Người nằng xem hát Tây tất đều biết tấn tuồng này hay đến bậc nào? Tuồng này đậm đầy câu chửi chuốt lả loi cho đến sắc phục của mấy cô đào, tưởng cho núi thây núi cũng nghiêng, người xem người phải lụy. Đang khi cái sắc dân đủ hạng con người, nào là nam thanh nữ tú nồng nực mùi hoa, đẹp xinh sắc phấn chen lẫn vào cửa như ngọn nước thủy triều, trên bậc thềm trên cao chót có hai gã thanh niên mặc toàn một thứ sắc phục; quần nỉ đen áo trắng, giày da láng đen huyền, ai thấy tất nhiên cũng nhận con nhà hào hộ, học thức rộng xa.

Một chàng tên là Hoàng Ngọc Ân phong tư tuấn nhã, diện mạo khác thường, tuổi đang hai mươi ba; một chàng nữa tên là Đỗ Hiếu Liêm tuổi chùng hai mươi hai. Đỗ Hiếu Liêm tuy nhỏ tuổi hơn Hoàng Ngọc Ân mà nét mặt uy nghiêm khảng khái, còn dung nghi có bề lịch lãm mặm mặm. Hai gã này vốn là học sanh

## HUỶNH ÁI TÔNG

y viện cao đẳng tại Hà Nội nhơn dịp bãi trường mới sang tàu về đến Sài Gòn trong ít bữa.

Đang khi Hoàn Ngọc Ân nói chuyện vui cười với Đỗ Hiếu Liêm bỗng có một cái xe hơi rất huê mỹ kiểu ly-mu-dinh (Limousine) trong có thấp đèn điện sáng lòà chạy êm ái đến ngay nhà hát Tây, tên sếp phơ vừa mở cửa xe, thì trên có một ả nhan sắc tuyệt trần, nhẹ nhàng bỏ gót sen xuống tợ con bướm đáp trên hoa. Hoàn Ngọc Ân vừa thấy liền vỗ vai Hiếu Liêm một cái rất mạnh và nói : “Chà chà, bạn có thấy không ? Nàng nào vừa đến kia cà. Úy! Cái nàng sao mà sắc lịch Tây Thi thườ trước chẳng ai dám bì đạ. Ý ! Cặp mắt của nàng liếc xéo rất hữu tình và sáng rỡ tợ sao. Thiệt mà! Phong trần có mấy mặt như thế .”

Đoạn Hoàn Ngọc Ân ngâm rằng:

*Rõ ràng một ả không người sánh,  
Càng ngó càng say với sắc à !  
Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,  
Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây ?”*

Đỗ Hiếu Liêm hát tay Hoàn Ngọc Ân xuống và đáp rằng: “Hoàn huynh sao kỳ dị quá, dẫu người ta lịch sự như tiên đi nữa cũng mặc người ta, cái gì mà Hoàn huynh vỗ vai tôi quá mạnh làm cho đến giựt mình, rồi lại khen dòi đến sắc nàng như thế, anh thật là háo sắc ít ai bằng”

Hoàn Ngọc Ân nói: “Cha chả bạn hiếu sắc tợ Liễu Hạ Huệ nay sao làm bộ như vậy, hễ lịch sự thì tôi khen, xấu thì tôi chê, có cái gì đâu mà bạn phiền tôi vậy”

Đỗ Hiếu Liêm nói: “ Tôi cũng biết, nhưng khen thì để vào long, có đâu đến chón đô hội này mà còn đem bầu rượu túi thơ,

ngâm nga như mấy ông nho hủ, thế thì cái tư cách của một người có ảnh hưởng văn minh còn gì ?”

Đỗ Hiếu Liêm vừa dứt lời ả nhan sắc tuyệt trần đã bước đến bực thềm trên rồi và đi phớt ngang qua mặt Hoàn Ngọc Ân. Chàng bực mình nói rằng: “Nàng xúc dầu (origan de coty) thơm quá khoái đến lỗ mũi của bạn không ?”

Đỗ Hiếu Liêm nghe hỏi tức cười song gượng làm tỉnh đáp lại rằng: “Nữ cũng khen hoài, xúc dầu gì mặc người ta, anh nói với tôi làm chi. Muốn vậy thì xuất tiền mua một lu thứ dầu ấy rồi về nhảy vô trống mà ngâm mà tắm?” Hoàn Ngọc Ân cười hì hì và nói: “Cái miệng của tôi sao vô duyên quá, bắt nói xàm hoài. Thôi chuông dứt đở rồi, anh em mình vào coi kéo trể.”

Khi hai gã nầy vào ngồi chung một phòng vừa an chỗ, Hoàn Ngọc Ân day mặt qua phía hữu thấy nàng tuyệt sắc khi nầy ngồi trong phòng kế cận thì vui mừng không xiết lật đật lại giơ tay khều Đỗ Hiếu Liêm còn miệng thì muốn thốt lời. Đỗ Hiếu Liêm biết ý chận nói trước: “Hoàn huynh muốn nói nữa phải không?”

Hoàn Ngọc Ân cười xòa rồi làm tỉnh. Bỗng nghe tiếng gõ “cộp, cộp, cộp” tám màn kéo lên, ấy là tấn tuồng khởi sự diễn. Các thính giả đều lặng trang như tờ và chằm chằm mắt ngó. Hoàn Ngọc Ân ngó sang qua, đoạn liếc mắt trộm xem gương mặt mày hoa mắt ngọc của nàng tuyệt sắc. Cũng trong khi đó nàng này cũng liếc cặp tròng thu đưa tình với Hoàn Ngọc Ân, Đã vậy mà nàng còn chúm chím cười duyên làm cho trí của chàng nửa say nửa tỉnh. Chàng nói trong miệng rằng: “Cha chả cái miệng cười có duyên quá. Trai tài gái sắc trong cảnh ngộ này ai thấy cũng nhận rằng dan díu lực tình; nhưng mà “tình trong như đã; mặt ngoài còn e” đó thôi. Quang âm chóng thoát tuồng diễn gần hết lớp đầu, Hoàn Ngọc Ân chỉ lo ra vì nhan

## HUỶNH ÁI TÔNG

sắc mà không rõ tán kịch đã diễn đến đoạn nào. Dầu đang lúc đào kép cụp lạt, giỡn nguyệt trên hoa làm cho các thính giả đoanh tròn ngó sững mà Hoàn Ngọc Ân chẳng để ý chút nào, chỉ luyện mắt khơi tình với ả này không dứt.

Thình lình chẳng rõ vì duyên hay vì nợ nguyệt lão muốn khuấy cho nên khiến cho nàng này xây xâm mặt mày mà đứng dậy bỗng ngã ra bất tỉnh, va đầu xuống gạch máu tuôn ra xối xả như mọi trào. Hoàn Ngọc Ân thấy vậy lật đật xô ghé chạy qua phòng nàng đỡ nàng lên trên tay, đoạn bỗng nàng chạy thẳng ra xe hơi hối sóp phờ mở máy chạy thẳng lên đường Catinat, qua khỏi nhà thờ rồi đổ qua phía tả qua đường Colombert và đậu trước một cái nhà cất theo kiểu Tây, tuy nhỏ mà nguy nga tốt đẹp.

Khi nàng ngã xuống gạch nghe một cái rầm ai nẩy đều rộn rục kẻ đứng dậy người chạy đến phòng nàng thì chỉ thấy mấy giọt máu ràn ràn dưới gạch còn nàng thì đã bị Hoàn Ngọc Ân bồng đi rồi.

\*\*\*

Nói tiếp qua khi Hoàn Ngọc Ân bồng nàng tuyệt sắc này xuống xe và đem vào nhà chàng để nằm trên cái giường sắt rất đẹp, đoạn bấm chuông kêu đũa ở chạy lên dạy việc, Hoàn Ngọc Ân thấy trên đầu nàng có một vết rất lớn, máu chảy rất nhiều bèn lấy thuốc gòn và đồ dùng theo việc lương y rồi biểu đũa ở đỡ đầu nàng lên mà xúc thuốc và băng bó cho nàng. Khi cho thuốc và băng bó vừa rồi, nàng này tỉnh dậy mở mắt ra ngó đác đác, đoạn rờ đầu và gượng ngồi dậy nghiêng mình tỏ sắc e lệ chào Hoàn Ngọc Ân và hỏi rằng: “Thưa thầy chẳng biết vì sao mà em ở chốn này?” Hoàn Ngọc Ân bèn đem hết các việc xảy



ra mà thuật hết cho nàng này nghe. Nàng châu mày thờ ra và nói:

“Dạ thưa thầy, ơn thầy quá trọng, biết bao giờ em trả đặng, em thật đa tạ ơn ấy lắm.” Hoàn Ngọc Ân tỏ sắc hân hoan và đáp: “Có chi là trọng, có chi xứng đáng, cho cô thốt lời châu ngọc cảm tạ như vậy. Thật tôi ái ngại lắm.” Nàng nói: “Dạ xin thầy chớ khiêm nhượng quá, em muốn biết danh tánh của thầy hầu khắc cốt ghi tâm, chẳng biết có điều chi ngăn trở hay không?”

Hoàn Ngọc Ân nói: “Tôi tên họ là Hoàn Ngọc Ân học sanh y viện tại Hà Nội, tôi đây cũng muốn rõ quý danh của cô, tiện đây cũng cho tôi biết luôn nhà ở nơi đâu.” Nàng đó suy nghĩ một hồi dường như ngại ngùng, kể nàng nói: “Em tên họ là Lê Thủy. Thầy muốn biết nhà cửa em, xin để sau rồi em sẽ cho biết.” Nói dứt lời nàng Lê Thủy xuống giường chấp tay lại và nói: “Em xin thầy cho phép em về.”

Hoàn Ngọc Ân ngó bàn tay của nàng có ba chiếc cà rá hột xoàn thì định nàng con nhà phú hộ, hoặc hiền thê của một nhà sang trọng nào đó.

Hoàn Ngọc Ân nói: “Cô về chi gấp xin ở nghỉ một giây lát cho bớt đau rồi sẽ về không muộn, chẳng biết cô có chồng chưa, vậy xuân niên cô đặng mấy?”

Lê Thủy e lệ thưa rằng: “Dạ thưa đang xuân hai chín, 12 bên nước còn đang lọc lừa. Em muốn về vì đau cũng giảm nhiều, và lại đêm hôm phận gái xảy chơn lạc bước đến nhà thầy ở lâu e không tiện, xin thầy thứ lỗi.” Hoàn Ngọc Ân không nỡ cầm lại nên nói: “Cô về cũng được, song vít này rất nặng, chín mươi ngày săn sóc kỹ lưỡng mới thiệt lành, nếu như cô tưởng đến lòng tôi xin ngày mai trở lại, tôi sẽ tận tâm cho thuốc.”

## HUỶNH ÁI TÔNG

Dạ em cám ơn thầy lắm nhưng không dám làm nhọc lòng thầy, để em cho rước lương y đến nhà điều trị tiện hơn.

Nói dứt lời nàng Lê Thủy rón rén cúi đầu một lần nữa đoạn trở lưng đi ra xe. Hoàn Ngọc Ân nôi gót nàng ra đến đường. Trước khi lên xe nàng Lê Thủy nói nhỏ với sếp phơ rằng: “Coi dùm số nhà cho tôi.” Tên sếp phơ trả lời vắn tắt: “dạ xong”. Xe mở máy nghe rì rì, chạy thẳng đến ngã ba đường Mac Mahon đoạn quẹo qua tay mặt mà dung ruổi.

Xe chạy khuất dạng Hoàn Ngọc Ân đứng ngơ ngẩn một mình, lóng tai nghe bóp kèn to-to rồi lẩn lẩn lặng mát. Chàng ta thở ra và nói một mình rằng:

*Người đâu gặp gỡ làm chi,  
Trăm năm biết có duyên gì hay không ?*

.....

- 0 -

Trong làng báo, nhiều ký giả viết về Phú Đức, họ có quan điểm như nhau, Phú Đức là một hiện tượng lạ trong làng báo:

- Chỉ có viết tiểu thuyết mà làm chủ bút tờ báo *Công Luận* (làm chủ bút mà không cần nắm chủ trương, đường lối, không viết xã luận, mỗi ngày chỉ viết tiểu thuyết mà thôi)

- Một tuần báo *Bình Dân* chỉ đăng toàn tiểu thuyết của ông, nó bán rất chạy và đủ nuôi tờ nhật báo *Dân Thanh* (thật ra tuần báo *Bình Dân* còn có đăng về các kỳ đua ngựa, những người mê đánh cá ngựa có thể vừa theo dõi các trận đua, vừa đọc tiểu thuyết giải trí).

- Chỉ có bốn cũ *Châu về hiệp* phổ soạn lại, mà ông tạo ra xe hơi, nhà lầu.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Đúng ra ông là tiểu thuyết gia để bọc điều, trong làng báo miền Nam, ông viết tiểu thuyết không chú trọng về văn chương, những cảnh ông tả chỉ để xác định không và thời gian, trong bối cảnh phải có mà thôi, chẳng hạn như đoạn Hiệp Liệt cứu Hiếu Liêm trong *Châu về hiệp phố*.

*Đêm hôm sau vào lúc 9 giờ, tại nhà Hoàn Ngọc Ẩn, Năm Mạnh và Lục Tặc đang trò chuyện, thì bên ngoài một trận mưa to, gió lớn đang đổ nước xuống ào ào ...*

Ông thường hành văn hí ngôn, trong câu đối thoại, dù thực tế hiếm có xảy ra như đoạn sau đây giữa thám tử Đỗ Hiếu Liêm và Đội Tài:

- *Thầy Đội hôm nay có chuyện gì mà thầy đi vào đây có gương mặt buồn teo như thế ?*

*Đội Tài thở dài:*

- *Rua xếp ! Thật vậy ông xếp thấy cái mặt tôi hôm nay nhăn nhó như cái xiu mại khó thương làm sao.*

- *Có thám Đội lẽ nào ngâm câu : “Anh đi đàng anh, em đi đàng em” chớ gì ?*

*Đội Tài mỉm cười :*

- *Phải như thế thì tôi “măng phú” xếp à, đàn bà như trấu xay tôi kể gì. Hôm nay tôi đến thăm xếp đặng báo một cái tin đặc biệt.*

- *Tin chi vậy hở thầy Đội ?*

- *Một vụ cướp táo bạo nhà máy Huỳnh Long ở Bình Tây bị bọn cướp khoét tủ sắt không còn một xu con.*

*Bọn cướp thật hung ác, chúng đâm anh Chà ban cà lì đồ ruột chết lòi cà ri không kịp ngáp.*

Tiểu thuyết của Phú Đức được nhiều độc giả ưa chuộng vì có nhiều nguyên nhân:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Ông lợi dụng phong trào võ ta và quyền anh có sự thách thức giữa võ sĩ Tạ Ánh Xém và Amadou vào khoảng năm 1924.
- Tiểu thuyết kiếm hiệp có pha lẫn loại trinh thám, một thể tài mới lạ và cũng có phần gần gũi với truyện Tàu.
- Thể tài này không kén lựa độc giả như loại tiểu thuyết tình cảm hay luận đề.

- 0 -

*Nghiên cứu về tiểu thuyết miền Nam, không thể bỏ qua nhà văn Phú Đức, nói đến tiểu thuyết tình cảm xã hội phải nói đến Hồ Biểu Chánh, nói đến tiểu thuyết trinh thám võ hiệp phải nói đến Phú Đức, bởi vì ông là một hiện tượng đặc biệt trong làng báo miền Nam.*

*Đầu thập niên 1950, có Phi long viết tiểu thuyết trinh thám Bàn Tay Máu, nổi danh một thời nhưng chỉ một thời đó mà thôi, nên không thể đem so sánh với Châu Về Hiệp Phố của Phú Đức.*

Tài liệu tham khảo:

- Phú Đức Web: [khoavanhoc-ngonngu.edu.vn](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn)
- Phú Đức, *Châu về hiệp phố*, Tiền Giang, 1988

# BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

\*

## Tiết 15: Đuốc Nhà Nam



Năm 1917, tại Sài Gòn, Nguyễn Phú Khai chủ trương báo *Tribune Indigène* (Diễn đàn bản xứ), do nhà cầm quyền Nam Kỳ tài trợ, đây là tờ báo Pháp đầu tiên do người Việt làm chủ.

Năm 1926, *La Tribune Indochinoise* (Diễn Đàn Đông Dương) do Bùi Quang Chiêu thủ lãnh đảng Lập Hiến chủ trương, được xem như là tờ báo thay thế vị trí của *Tribune Indigène*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1928, báo *Đuốc Nhà Nam* do Dương Văn Giáo (1900-1945) tiến sĩ Luật và Chánh trị ở Paris chủ trương, là phiên bản tiếng Việt của *La Tribune Indochinoise*, do Nguyễn Phan Long làm Chủ bút.

Năm 1930, có cuộc bút chiến giữa báo *Đuốc Nhà Nam* và *Trung Lập*, đó chính là các tác giả Nguyễn Phan Long và Phan Khôi. Cuối cùng trên báo *Đuốc Nhà Nam* đề nghị chấm dứt tranh luận và có lời xin lỗi báo *Trung Lập*. Ngược lại, sau này Phan Khôi đánh giá Nguyễn Phan Long: "*người làm báo Tây có tiếng nhứt xứ này hơn mười năm nay*" (1920-1930).

Những người cộng tác với *Đuốc Nhà Nam* có Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Sở Cuồng, Đào Trinh Nhất, Tuyết Vân cư sĩ, Khổng Tuyên ...

Báo *Đuốc Nhà Nam* bị cấm lưu hành ở Bắc kỳ từ ngày 10-1-1929, riêng ở Nam Kỳ, báo tồn tại đến năm 1937.

Trích bài viết:

### Gốc cội tiếng... Sài Gòn

Lâu nay mấy nhà quan tâm quan tâm nghiên cứu cội rễ Kinh đô Nam kỳ phải phí không biết bao nhiêu thì giờ mà cũng không tìm ra manh mối.

Theo thường thì hai chữ đó do bởi 2 tiếng Annam "*Thầy gòn*" thành lập nên, dịch ra Pháp văn là "*Maitre Kapoch*". Tuy vậy người ta không hiểu gốc ngọn tiếng đó ở đâu đến; vì vậy mà ngăn trở bước đường của người có lòng tìm kiếm để biết.

Đối với sự này hình như ông Pétrus Ký cắt nghĩa như thế này.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

“Khi xưa có ông thầy thuốc hay là thầy pháp Cao miên chi đó; danh tiếng lẫy lừng ở nơi một cái lều tranh xung quanh che khuất nhũn cây gòn. Có lẽ là vì không biết tên ông thầy, hay là tên Cao miên khó kêu, nên chi họ mới gọi là *Thầy gòn*. Vì tiếng “*Thầy*” là tên họ tặng mấy ông làm thuốc, hoặc làm phù phép, còn “*Gòn*” là những cây mọc xung quanh nhà ông.

Có nhiều người lại tin rằng trong tiếng *Saigon* có chữ “*Sài*” nghĩa là “*cây để chụm lửa*” và tiếng “*Gòn*” là *Kapock*, nên chi họ nói rằng xứ mình hồi đó có nhiều cây gòn lắm nên gọi là “*Sàigòn*” nên Kinh đô Nam kỳ do đó mà có tên. Lấy lý mà suy nghĩ thì bởi sự trùng thính mà họ bịa đặt vậy chớ không thể cho là trúng được.

Xứ ta lúc bấy giờ không phải thiếu sót cây chụm lửa mà phải dung tới cây gòn là cây khó thổi cho cháy. Lời giải của ông Pétrus Ký cùng những người so sánh tiếng nói (linguiste) không thể làm cho ta hiểu rõ được gốc rễ của Kinh đô Nam kỳ.

Bây giờ, trước hết ta nên biết coi cái chỗ Sàigòn chiếm cứ uồi đó ở chỗ nào ?

Hỏi chúng ta còn tự trị thì *Thầy gòn* là gồm cả tỉnh Cholon và những chỗ phụ thuộc ở chung quanh. Lúc bấy giờ kinh đô Nam kỳ kêu là “*Bén Nghé*” hay “*Bén Thành*” tiếng Pháp gọi “*Debarcadère du Bufflonou de la Citadelle*”.

Tiếng “*Thầy gòn*” đổi lại là “*Cholon*” sau khi nhờ một cuộc buôn bán ở đó rất thịnh vượng.

Người Quảng đông kêu “*Thầy gòn*” (Cholon) là *Thi Ngoan*, tiếng ta gọi là *Đề Ngạn* người Phước kiến và Triều châu kêu là *Thist Coun* tiếng ta gọi là *Trạch quân*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng sự kêu tên như thế nghe ra trải trại giống tiếng *Thầy Gòn*. Mấy chữ đó nó khắc trong con dấu của mấy ông Bang trưởng ở trong Cholon bây giờ; còn ở Saigon lại có chữ khác là *Tây Cống*. Tây đọc là Tsé Kong.

Theo lời của người Cao môn cư ngụ ở Trà vinh thì kinh đô gọi là *Prêy NôKôrr*, chữ *Prêy* dịch là *rừng*, *Nôkôrr* là *nước có vua* (royaume) còn chữ *Kôrr* nếu tách riêng ra thì dịch là *Gòn*.

Bây giờ ta xây qua hai chữ "*Bến Nghé*" là chỗ hôm nay nhượng lại cho Saigon. Dân Cao môn hồi đó kêu là *Prêyt Kôlkôrr*. Tiếng *Prêy* là *Bến Kôlkôrr* là *Nghé*, do đó mà sanh ra tiếng *Bến Nghé*.

Mới nghe thoáng qua chi cho khỏi ta lầm nhận *Prêyt Kôlkôrr* là *Prêy Nôkôrr* hay ngược lại.

Có lẽ vì sự ngộ nhận đó mà họ lầm *Prêyt Kôlkôrr* là *Bến Nghé* với *Prêy Nôkôrr* là *rừng trong nước có vua* là chỗ không phải của Kinh đô Nam kỳ ngày nay. Suy theo sự lẫn lộn đó thì ta có thể cho cái tên trên tức *Prêyt Kôlkôrr* được đúng chút ít.

Trong khi nói chuyện và nhứt là khi nói mau, ta thường hay bỏ bớt chữ giữa hay là nói mà không được rõ, nên chi cũng có thể tin vì đó mà tiếng *Prêy Nôkôrr* hay là *Prêyt Kôlkôrr* lầm nhận là *Prêy Kôrr* hay là *Prêyt Kôrr* là *rừng hay sông Gòn*.

Chữ *Prêy* với *Prêyt* nghe nói chuyện thì khó mà phân biệt được lắm. Cũng có lẽ vì thế mà mình nghe ra là *Thầy rồi*, *Kôrr* là *Gòn* tức là *Thầy Gòn*.

Từ đây nhẫ lên là lời của những nhà nghiên cứu bày tỏ ý kiến vạy thôi, chớ không ai dám nhận lời mình là đúng được.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Theo lời ông Hòa thượng ThạchINH ở chùa Salatrolàng Phương trạch, tổng Trà nham thượng (Tràvinh) là một ông già năm nay có trên 70 tuổi rất tinh thông đạo Phật, nói rằng: Dân Cao mên thường gọi Kinh đô Saigon là Prêyt Nôkorr (cũng như lời đã nói trên). Nhưng muốn cho đúng nữa thì n^ên kêu là *Prêyt kôrr (rừng gòn)* tiếng Xiêm dịch là *Cai ngon*. *Cai* là *Bụi Ngon* là *Gòn*. Ông ThạchINH lại nói người Lào nói cùng viết cũng là một thể như vậy.

Nếu lời chỉ giáo của ông Hòa thượng ThạchINH là đúng thì tên *Saigon* sanh ra bởi chữ *Cai ngon* mà hôm nay tây gọi là *Saigon* mà ta còn có người gọi *Thầy Gòn* đó.

### Không Tuyên thuật

#### Thơ của nước ta như sao ?(\*)

Kỳ phụ trương trước đây, tôi đã nói về thơ của nước Tàu và sự nhận lầm củ người nước ta đối với “thơ”; nay xin nói về thơ của ta.

#### 1.- Nói về điệu thơ

Mỗi chủng tộc có một điệu ngâm vịnh trên từ chỗ triều đình dưới đến chỗ dao dĩa; sang từ bậc hiền-nhân quân-tử cho hèn đến những kẻ ngu-phu, ngu-phụ, nhất thiết thông dùng ấy là thơ. Vậy là thơ của ta, tức là điệu “trên sáu dưới tám” vậy.

Thơ của Tàu lấy bốn chữ làm gốc, đó là về phần nhiều song mà song mà cũng có sô-xích, như chương thứ ba trong thơ Dâu-Hề ở Bội phong rằng:

*Sơn hữu trấn  
Tháp hữu đình  
Vấn tùy chi tu?*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Tây-phương mỹ nhân  
Bi mỹ nhân hề*

Chương khác lại sô xích đi điệu khác cũng có; duy sự bắt vần phần nhiều ở cuối câu.

Thơ của ta lấy “trên sáu dưới tám” làm gốc, đó là về phần nhiều, mà các câu sô xích đi cũng có; sự bắt vần thời đều tự chữ cuối câu trên bắt xuống chữ lưng ở câu dưới hoặc chữ thứ sáu hoặc chữ thứ bốn, rồi chữ cuối câu dưới lại vần. Nói tóm lại thời thơ của Tàu bắt vần cách câu mà thơ ta bắt vần chuyển câu nọ xuống câu kia, cứ thế mà liên tiếp đi vậy. Thơ của Tàu ít nhất là bốn câu, mỗi câu bốn chữ cộng lại là mười sáu chữ: Thơ của ta ít nhất là hai câu trên sáu dưới tám cộng có mười bốn chữ. Ấy là điệu thơ của ta với Tàu có khác nhau.

### 2.- Nói về thể thơ

Thể thơ thời thơ ta cũng như thơ Tàu thấy nói về ba thể “phú” “tỷ” “hứng” tôi có ý tìm nhng thơ của ta để chiếu sang mà nhận ra thơ nào là phú, thơ nào là tỷ, thơ nào là hứng. Nay xin thuật lại để rõ về thể thơ.

“Phú” nghĩa là cứ sao nói thực ra như.

*Đường về xứ Hué quanh quanh  
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ*

.....

*Làm thân con gái Sơn Đông  
Ấn chồng một bữa, ngủ chồng nửa đêm  
Hỏi ai áo trắng mà đi đầu binh,  
Có phải nhơn tình, thời đứng lại đây*

“Tỷ” nghĩa là nói ví mà không nói thực như.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Em đi chị bảo em này  
Trứng chọi với đá có ngày trứng tan  
Bầu ơi thương lấy bí cùng  
Dẫu rằng khác giống nhưng chung một giàn.  
Đêm qua anh mới hỏi nàng  
Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?  
Đan sàng em cũng xin vâng,  
Tre non đủ lá chưa đan được sàng.*

“Hứng” nghĩa là mượn một việc khác nói trước lên, rồi mới nói đến chính-ý của mình ở sau như.

*Trên trời có đám mây xanh,  
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng.  
Ước gì anh lấy được nàng,*

.....

*Chậu thau đồng hứng nước trời mưa,  
Làm thân con gái sao chưa có chồng.  
Cá nục nấu với dưa hồng,  
Chơi nhau một chuyến xem chồng về ai.*

Còn cũng có thơ gồm cả thể nọ, thể kia, phú mà tỷ, tỷ mà hứng, phú mà hứng lại tỷ. Nay không dẫn hết.

### 3.- Nói về nghĩa lý

Các thơ của ta từ xưa truyền lại phần nhiều do dân gian mà cũng có thơ tự ơ” các bậc hiền-nhân quân-tử. Những thơ do dân-gian thời lời giản mà ý minh, như các câu trên đây, ai nấy đã rõ. Nay tôi xin thuật một hai chương mà tôi được nghe là do ở các bậc hiền nhân quân-tử, và xin giải nghĩa lý như dưới:

*Trèo lên trên núi Ba vì,  
Lấy từ hòn đá về kê chum giường.  
Kéo chân giường lệch.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Kéo chệt chân giường,  
Kéo còn đi nhớ về thương.*

Thơ này tôi nghe là về đời Lê, Trịnh một ông quan trong triều vào hạng trung thân của họ Lê, thấy cương thường điên đảo, có ý muốn phò Lê nén Trịnh mà tự sức không nổi, cho nên nhờ một bạn đồng chí ở Sơn-tây mong cùng giúp việc, bởi thế mà làm ra thơ này, mượn chữ “giường” để nói về nghĩa kỷ cương lời tuy chệch mà ý thật rõ vậy.

*Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa  
Có chồng năm ngoái năm xưa  
Năm nay chồng bỏ nên chưa có chồng.*

Câu này nghe là thơ về đời cuối Lê sau khi vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu, các trung thân nhiều người không chịu ra làm quan với triều đình mới cho nên có thơ này, cũng là của bè bạn thăm viếng nhau.

*Gánh vàng đi đổ sông Ngô  
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Tương*

Hai câu này trong bài Tô-thị tôi chưa được nghe rõ nghĩa song cứ lời thơ mà nhận thời cũng là có ngụ ý sâu xa.

Cứ các thơ của ta từ xưa lời và ý thực thực không kém nhưng thơ phong, nhã trong kinh Thi của Tàu; tiếc vì thơ có mà người san định thời không vậy.

Nguyễn Khắc Hiếu

### **Gửi bạn đọc cũ ở Nam<sup>(\*)</sup>**

*Nhớ ai, ai nhớ ai không ?  
Phải chăng ? Người Mạ-má-hồng<sup>(\*\*)</sup> năm xưa*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Trãi bao đi gió về mưa,  
Mà duyên tái ngộ bây giờ là đây.  
Cuộc đời dâu bể đổi thay,  
Văn chương lại có phen này phụ trương.  
Bắc Nam xa cách dặm trường,  
Hồn tho quanh-quất như nhường không xa.  
Trăm năm chưa đến cõi già,  
Còn duyên vẫn tự còn ta, còn mình.  
Mấy lời trong lúc đêm thanh,  
Xa xôi nhắn gởi bạn tình là ai..?*

Tản-Đà

### Cảnh Nhàn (Sơn Cư)<sup>(\*)</sup>

*Lần bóng trời hè dựa mái hiên  
Bạn cùng tiêu mục cảnh lâm tuyền  
Non xanh vui ẩn dôi lòng nghĩa  
Động báu vào ra tập tánh hiền  
Suốt tháng thung dung hằng khoái lạc  
Quanh năm co dũi chẳng ưu phiền  
Trà trưa rượu sớm ngâm thi phú  
Thong thả riêng ta khỏe tự nhiên*

### Ky nữ tự thán<sup>(\*)</sup>

*Cái đời Ky nữ kiếp phù sanh  
Trách lần thiên công nữ tạo thành  
Đày phạt đào tơ xa các tía  
Trãi thân liễu yếu dựa lầu xanh  
Hoa tươi xinh đẹp người chen lẫn  
Nguyệt khuyết lu mờ khách vắng tanh  
Cảm báy mẹ cha ơn dưỡng dục  
Dày son dạn phấn thẹn cho mình*

HUỲNH ÁI TÔNG  
**Khuyến Thiện**<sup>(\*)</sup>

*Cuộc đời trông thấy dửng dưng dưng  
Giọt lệ từ tâm đổ chẳng ngừng  
Giống trống gọi mê người khổ não  
Động chuông thức tỉnh khách gian truân  
Miếng mồi phú quý không nên chuộng  
Cái bã vinh hoa chớ vội mừng  
Tập tánh cần tu xin cố gắng  
Nâu sòng thiện niệm khỏi trầm luân*

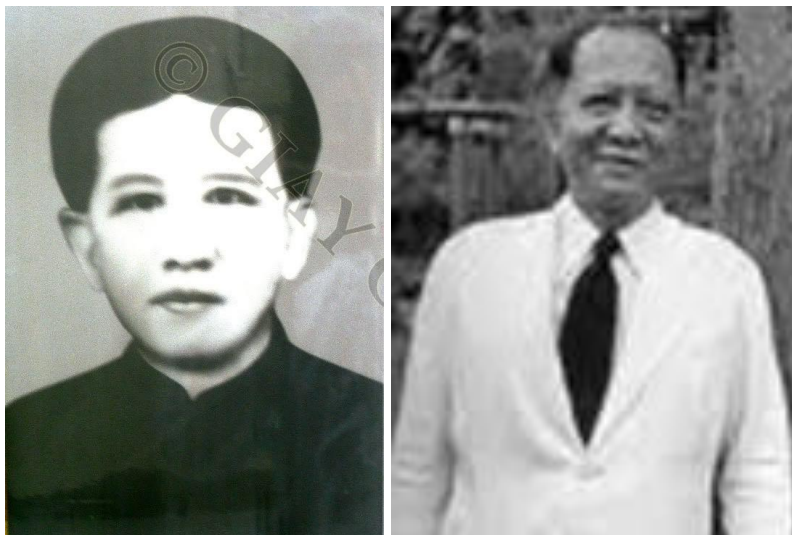
Huỳnh Văn Đoan  
Năng Gù (Long Xuyên)

-----  
(\* ) Chép nguyên văn ở Phụ trương *Đuốc Nhà Nam* số 41 ngày  
Thứ Bảy 7 Janvier 1933  
(\*\* ) Mac Mahon, tên con đường ở Sài Gòn thời Pháp thuộc.

Tài liệu tham khảo:

- Đuốc Nhà Nam Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Gốc cội tiếng .... Sài Gòn*: báo *Đuốc Nhà Nam* số 64 ngày 3-7-1933

## 1. Nguyễn Phan Long



**Nguyễn Phan Long (1889-1960)**

Nhà văn, nhà báo, nhà giáo cũng là nhân vật chính trị Nguyễn Phan Long, sinh năm 1889, tại Mỹ Lộc Nam Định. Ông là con của ông Nguyễn Hạo Toàn, người gốc Bến Tre và bà Võ Thị Vinh, do thân phụ ra Hà Nội dạy học, nên Nguyễn Phan Long sinh ở ngoài Bắc.

Thuở nhỏ, ông học tại trường Albert Sarraut Hà Nội.

Nam 1906, khóa thi Diplome đầu tiên tại Hà Nội Nguyễn Phan Long đỗ Thủ khoa sau đó du học Pháp.

Về nước, ông lập gia đình với bà Trần Thị Huyền tự Giàu (1898-1968). Năm 1918, ông đưa gia đình vào Sài Gòn sinh sống, Trước tiên ông làm việc ở Sở Quan Thuế, sau đó, ông mở trường tư dạy học, rồi tham gia làm báo.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1920, tờ *L'Echo Annamite* (Tiếng vọng An Nam) được chính quyền thực dân Pháp cho phép xuất bản. Đến số 349 ngày 29-6-1922, Nguyễn Phan Long được cử làm chủ bút. Tuy nhiên, khuynh hướng của *L'Echo Annamite* dưới ảnh hưởng của Nguyễn Phan Long nhanh chóng chuyển hướng tán thành đảng Lập Hiến đã thành lập ở Pháp.

Năm 1924, ông cùng Nguyễn Tấn Dực soạn ra tài liệu "*Khảo cứu về giao ước chuyển nhượng quyền vận tải lúa, gạo, cám và bắp trong thương khẩu Sài Gòn - Chợ Lớn*" nhằm phản đối việc chuyển nhượng quyền vận tải lúa, gạo, cám và bắp cho ở thương khẩu Sài Gòn - Chợ Lớn cho nhóm tư bản mà Nguyễn Phan Long gọi là "hội Candelier". Đây là một tài liệu quan trọng đầu tiên trong việc bảo vệ quyền lợi thương mại của người bản xứ.

Tháng 1 năm 1925, đảng Lập Hiến chính thức tuyên cáo hoạt động tại Việt Nam và nhanh chóng thu hút được sự chú ý của quần chúng mà cao điểm là cuộc tiếp đón Bác sĩ Bùi Quang Chiêu tại Sài Gòn. Thời gian này, ông cũng bắt đầu tham gia hoạt động chính trường, ứng cử và được bầu vào chức Nghị viên Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ, nên ông rời khỏi báo *L'Echo Annamite* từ 15-10-1925. Chính vì vậy, tờ *La Tribune Indochinoise* (Diễn đàn Đông Dương) ra đời để cổ sục cho chủ nghĩa Pháp-Việt đề huề. Nguyễn Phan Long được cử làm chủ bút của tờ báo. Năm 1928, một phiên bản tiếng Việt của tờ *La Tribune Indochinoise* là tờ *Đuốc Nhà Nam* ra đời. Nguyễn Phan Long kiêm luôn chức chủ bút của *Đuốc Nhà Nam*.

Nổi tiếng với khả năng thông thạo tiếng Pháp và sự hiểu biết về văn học Pháp, Nguyễn Phan Long đã có những đóng góp nhất định cho nền báo chí Việt Nam nói chung và Nam Kỳ đầu thế kỷ 20 nói riêng. Những cuộc bút chiến của Nguyễn Phan Long trên tờ *Đuốc Nhà Nam* và Phan Khôi trên tờ *Trung Lập* năm 1930 về trách nhiệm của người làm chính trị trước thời



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

cuộc và vận mệnh người dân đã không chỉ thu hút sự quan tâm về phương diện thông tin mà còn là tiêu biểu của sự phát triển về học thuật của báo chí Nam Kỳ. Cuộc bút chiến kết thúc với lời xin lỗi và đề nghị chấm dứt tranh cãi đăng trên *Đuốc Nhà Nam* cũng được xem như là tiêu biểu của tinh thần khách quan học thuật, không tị hiềm cá nhân của Nguyễn Phan Long.

Ông còn là một nhà văn, với các tác phẩm chính bằng tiếng Pháp của ông là: *Cannibale par persuasion*, *Le Roman de Mademoiselle Lys* (Chuyện đời cô Huệ). Thêm vào đó, ông viết một số sách nghiên cứu và giới thiệu về ẩm thực truyền thống.

Về phương diện chính trị, Nguyễn Phan Long cũng có một số đóng góp nhất định. Năm 1927, ông cùng với các chí sĩ Phan Văn Trường, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh, Vũ Đình Dy vận động chính phủ Pháp bãi bỏ điều kiện Pháp tịch cho những học sinh muốn sang Pháp du học. Chính nhờ việc này, số lượng học sinh người Việt sang Pháp du học bắt đầu tăng lên, một số không nhỏ trong số đấy về sau trở thành nòng cốt của lực lượng trí thức đấu tranh giành độc lập cho Việt Nam sau này.

Mặt dù vậy, với quá trình hoạt động của mình, Nguyễn Phan Long vẫn là một nhà hoạt động chính trị xã hội có uy tín thời bấy giờ. Năm 1936, ông tham gia phong trào Đông Dương đại hội vận động dân chủ. Tuy nhiên, phong trào bị Pháp khủng bố trắng, ông bị cô lập một thời gian.

Ông bắt đầu chuyên hướng cô sủy nhiệt thành cho tinh thần của đạo Cao Đài trong nhiều bài báo của mình. Trong năm 1936, mặc dù không phải là tín đồ Cao Đài, nhưng ông được tín nhiệm bầu vào chức vụ Tổng trưởng Liên Hòa Tổng hội, một tổ chức nỗ lực thống nhất tổ chức giáo hội toàn đạo Cao Đài nhưng bất thành.

## HUYỀN ÁI TÔNG

May mắn hơn số phận bi thảm của người bạn Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long không bị Việt Minh thủ tiêu khi Việt Minh nắm quyền tại miền Nam. Tuy nhiên, sự thất bại của đảng Lập Hiến cũng làm cho ông dần hiểu rõ hơn về bộ mặt thật của chính quyền thuộc địa. Sau khi Pháp tái chiếm Nam Bộ năm 1945, ông chủ trương chống ly khai Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam. Chính vì xu hướng này, ông bị các nhân vật phân ly trong chính phủ Nam Kỳ tự trị kỳ thị, trấn áp một thời gian.

Tuy nhiên, cuối cùng thì "Giải pháp Bảo Đại" cũng ra đời, về danh nghĩa thống nhất một nước Việt Nam với Quốc trưởng Bảo Đại. Ngày 1 tháng 7 năm 1949, Chính phủ Bảo Đại được thành lập, trong đó Quốc trưởng Bảo Đại kiêm nhiệm Thủ tướng của Quốc gia Việt Nam, Trung tướng Nguyễn Văn Xuân làm Phó thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng. Nguyễn Phan Long được bổ nhiệm làm Tổng trưởng Ngoại giao. Ngày 21 tháng 1 năm 1950, Quốc trưởng Bảo Đại chỉ định Nguyễn Phan Long làm Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Nội vụ của Quốc gia Việt Nam. Tuy nhiên, chỉ 3 tháng sau, ngày 27 tháng 4 năm 1950, ông phải từ chức dưới áp lực của Phủ Cao ủy Pháp vì cho rằng ông có quá nhiều tư tưởng Quốc gia độc lập và tỏ ra thân Mỹ..

Sau khi từ chức, ông tiếp tục trở lại sống nghề dạy học và viết báo. Từ đó, ông sống thâm lặng trong cảnh nghèo, rồi qua đời tại căn nhà thuê ở Sài Gòn ngày 16 tháng 7 năm 1960, thọ 71 tuổi. Ông được chôn cất trong nghĩa trang Hội Tương Tế Bến Tre. Năm 2000, cải táng, tro cốt ông được để tại Thánh Thất Bình Hòa.

Tác phẩm:

- *Le Roman de Mademoiselle Lys* (Chuyện đời cô Huệ)

Trích văn:

### **Dân biểu tình<sup>(\*)</sup>**

...Tôi dám chắc rằng trong đám dân biểu tình, ngoài mấy anh đầu đảng ra không nói, còn mấy người sau đều là đám dân ngu khờ khạo bị chúng cám dỗ hết thủy. Thiết vậy, theo người ở Hốc Môn nói với tôi, có nhiều người ở trong làng xưa nay là dân nghèo khù khờ ngu dại thể mà bị Cộng Sản đến diễn thuyết, nói những lời dưới đất trên trời, làm cho những người ấy hóa ra những người biểu tình rất hăng hái!..

-----  
(\* ) Tựa do soạn giả đặt



Trên *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*, đã có nhận định về Nguyễn Phan Long:

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong số những tờ báo nêu trên, Nguyễn Phan Long từng là chủ bút của 3 tờ a Tribune Indochinoise, L'Echo Annamite và Đuốc Nhà Nam. Nhưng hai tờ báo mà ông có ảnh hưởng lớn hơn là L'Echo Annamite và Đuốc Nhà Nam, trong đó, ông phụ trách mục Chính trị (Directeur politique) và kinh tế, thương mại. Cả hai đã đấu tranh, trong điều kiện kiểm duyệt gắt gao của chính quyền thuộc địa và sở báo chí Nam Kỳ, nhằm bảo vệ quyền lợi của dân bản xứ.

Nguyễn Phan Long thông thạo tiếng Pháp, viết, sáng tác bằng tiếng Pháp rất giỏi. Nhà báo Phan Khôi đánh giá ông là "người làm báo Tây có tiếng nhất xứ này hơn mười năm nay" (từ năm 1920 đến 1930). Tuy nhiên, những bài báo bằng tiếng Việt của ông đăng trên tờ Đuốc Nhà Nam thì cũng nhận được nhiều khen ngợi như: "xưa nay ông Long chưa hề viết bài bằng tiếng mẹ đẻ, bây giờ ông bắt đầu viết trong tờ báo của ông. Phần nhiều nhà tây học viết quốc ngữ ít sành! Vậy mà ông viết được; mấy bài lúc mới ra, bài nào cũng nghe xuôi, đáng cho vào hạng khá". Đây là trường hợp rất hiếm thời bấy giờ, vì đa phần các nhà báo Tây học lúc đó, viết bằng tiếng Pháp thì rất giỏi nhưng viết bằng tiếng Việt lại không tốt bằng.



Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Phan Long Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Dân biểu tình: Đuốc Nhà Nam, số ra ngày 8-8-1930.

Tiết 16: Nhật báo Thần Chung



Báo *Thần Chung*, do ông Diệp Văn Kỳ làm chủ nhiệm, Nguyễn Văn Bá làm Chủ bút. Báo quán đặt tại góc đường Filippini và Espagne. Số 1 ra ngày 7-1-1929, là tờ báo nối tiếp theo tờ *Đông Pháp Thời Báo*, do Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Văn Bá chủ trương. Bộ biên tập gồm các ông Diệp Văn Kỳ, Nguyễn Văn Bá, Tân Đà, Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Phan Văn Hùng, Đào Trinh Nhất, Bùi Thế Mỹ...

Cũng như đường lối tranh đấu với thực dân Pháp trước đó trên tờ *Đông Pháp Thời Báo*, *Thần Chung* tiếp tục đưa vào pháp luật để tranh đấu cho quyền lợi của người dân.

Do tranh đấu cho dân chủ, chống lại đường lối của nhà cầm quyền Pháp tại Nam Kỳ, nên ngày 25-3-1930, tờ *Thần Chung* bị Toàn quyền Đông Dương ra lệnh đóng cửa. Theo *Phụ Nữ Tân Văn* số 46, ngày 3-4-1930, báo *Thần Chung* bị đóng cửa vì lý do sau:

## HUỶNH ÁI TÔNG

...”Cứ theo tin của Ty kiểm duyệt cho biết, thì báo Thần Chung bị đóng cửa vì có hai cơ:

1. Trước đây, có bài bị Ty kiểm duyệt cắt bỏ dài đoạn, nhưng báo Thần Chung cứ để vậy mà in, chớ không rút bỏ chỗ bị kiểm duyệt ra. Lần ấy, Ty kiểm duyệt đã kêu ông Diệp Văn Kỳ lên mà nói trước cho biết.

2. Ngày mới rồi đây, báo Thần Chung có đăng một bài nói về tình hình người Nhật Bản, dưới ký tên tắt có hai chữ CĐ.

Khi đem lên Ty kiểm duyệt thì như vậy, nhưng đến khi về, hai chữ tắt kia, lại thêm hai chữ rõ ràng là Cường Để. Chánh phủ cho rằng báo Thần Chung cố ý gạt Ty kiểm duyệt, Vì vậy Chánh phủ đóng cửa báo Thần Chung không cho xuất bản nữa kể từ ngày 25 Mars 1930.

Thần Chung đình bản ngày 25-3-1930, ra được 344 số. Tuy báo tồn tại khá ngắn ngủi, nhưng Thần Chung là diễn đàn cho dư luận cấp tiến thời bấy giờ. Sự ra đời của báo Thần Chung được “đánh dấu như một cột mốc phát triển thứ ba của lịch sử báo chí Việt Nam vì tính chất sôi động về mặt chính trị”.

Tuy nhật báo Thần Chung tồn tại có 344 số báo trong thời gian ngắn chỉ hơn một năm, nhưng tờ báo luôn luôn dựa vào pháp luật để tranh đấu với nhà cầm quyền, đòi hỏi sự tự do, dân quyền và với những bài vở tranh đấu sắc bén, văn chương xúc tích do bộ biên tập có những nhà văn danh tiếng đương thời trong cả nước.

Tài liệu tham khảo:

- Nhật báo Thần Chung Web: sachxua.net

## 1. Nguyễn Văn Bá



**Nguyễn Văn Bá (1904-1937)**

Nhà văn, nhà báo, nhà giáo Nguyễn Văn Bá bút danh Tiểu Vân, Thới Xuyên, sinh năm 1904, tại làng Tân Thạnh, Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long nay là làng Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ông tốt nghiệp Trường Sư Phạm Sài Gòn (Ecole Normale d'Instituteur), sau này là khu Trường Trung Vương và Võ Trường Toản Sài Gòn.

Sau khi tốt nghiệp, ông đi dạy học một thời gian rồi bệnh, nên nghỉ dạy học làm báo, cùng với Diệp Văn Kỳ mua lại *Đông Pháp Thời Báo*, lập báo *Thần Chung*, ông làm chủ bút.

Tiểu thuyết *Người vợ hiền* của ông đoạt giải thưởng của Hội Luân Lý Nam Kỳ.

Ông bệnh mất năm 1937, thọ 33 tuổi.

Tác phẩm:

- *Người vợ hiền* (tiểu thuyết)

Trích văn:

*Thay vì lời tựa*

### **Một giờ trong khám lớn nữa**

Sáng hôm qua, tôi đương ngồi viết bài xã thuyết nhưng nghĩ mãi mà chẳng ra đề. Mấy lần chấm mực, mấy lần mực khô, mà tờ giấy vẫn trắng phau phau, chưa biên một chữ gì vô hết. Thăm cười mình, rồi lại nhớ rằng xưa kia có tướng Pompée hay tự phụ với bạn rằng: mỗi khi giặc đến thành, anh ta cứ dậm chân là liền có binh đến.

Minh nay có mong gì được binh lính như tướng soái Pompée chỉ ước ao trong tiếng đồng hồ tới đây, có bài cho thợ sắp.

Đương trơ ngồi viết, bỗng có khách gõ cửa bước vào.

- Mời ông ngồi.

- Tôi làm thơ ký bên khám lớn bấy lâu nay. Nhon vì quý báo có đăng bài “Ngồi tù khám lớn” của ông Phan Văn Hùm nên ông xếp khám sai tôi đến đây mời ông, như có rảnh, thì bước qua cho ông nói chuyện riêng một chút.

Chớ chi nhằm bữa khác chắc chúng tôi không đi, nhưng hôm nay bực mình, nên thừa dịp này bước qua nhà bên kia<sup>(\*)</sup> cho khuây lãng.

Vô tới nơi ông xếp mời ngồi.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Nhớ lại trong mấy tháng trước, vì chúng tôi thuật chuyện anh lính Từ Hải đánh ông Ninh, nên có dịp đến đây một lần rồi và trong bài kỹ thuật chúng tôi có viết mấy hàng như sau đây:

Ngó bốn phía tường, thấy nào là giầy xích, nào là chìa khóa, nào là roi mây, chớ không thấy bức họa nào đẹp mắt. Bấy lâu mình vẫn quen vui với mấy tấm tranh nhà, nay vô đây, tưởng như mấy vật treo trên vách nhắc mình rằng: “Này anh học trò kia, rồi đây kiếp đời anh cũng còn có thể là trói, là kẹp, là còng, chớ nào phải anh được trọn vui với nụ cười La Jaconde và mấy tấm tranh mùa xuân, muôn hồng ngàn tía.”

Câu trên đây tả cảnh làm việc của ông xếp khám cách hai tháng trước.

Nay mình cũng đã đến chỗ cũ, nhưng cách dọn khác hơn nhiều. Thay vì mấy tấm lịch, trông ra có vẻ phòng làm việc hơn cái phòng hôm nọ.

- Tôi mời ông qua đây nữa, là để nói chuyện bài của tên tội nhân nào gọi cho ông đó.

- Phải bài của ông Phan Văn Hùm không?

- Tôi không nhớ tên. Tôi chỉ muốn nói cho ông biết rằng trong bài “Ngồi tù khám lớn” trong số 19, ngày thứ hai 28-1-1929, có một đoạn sai lầm nhiều lắm, và tôi có thể kiện ông với tên tội nhân kia.

- Cám ơn ngài cho tôi hay chuyện đó. Chúng tôi nhà làm báo, hễ nhận đăng bài nào thì đã định lãnh hết những chuyện sẽ xảy ra.

- Ông Hùm có chịu lãnh trách nhiệm bài đó không?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nghe hỏi thế chúng tôi rất ngạc nhiên, nhưng cũng điềm nhiên trả lời rằng: “Người làm báo biết tự trọng, thường lãnh trọn trách nhiệm cho mình mà thôi, không muốn đem ai vào chia sự phiền phức với mình làm chi.”

- Mai đây tôi sẽ mời quan biện lý vô khám mà xem xét coi có quả y như lời ông Hùm chẳng?

- Thưa ngài đó là điều chúng tôi muốn.

- Tôi ở đây hơn ba mươi năm rồi, tôi biết xứ này và quen nhiều ông quan lớn.

- Tôi mừng cho ngài đó.

- Ông còn nhỏ, tánh quá tốt, hay quá nghe, nên hay sai lầm, vậy ông để tôi khuyên ông ít điều, vì tuổi tôi đã lớn.

- Cám ơn ngài.

- Xưa kia tôi cũng là nhà viết báo như ông vậy.

Vừa nghe ông nói, tôi liền nhớ câu: “Nghề làm báo dẫn đi tới đâu cũng được” (Le journaliste mène à tout) rồi thầm nghĩ: không biết rồi đây mình sẽ đi đến đâu. Mai sau đây, nếu nó dẫn mình đến một cái ghé quan lại con con như ai kia, thà hôm nay đem chiếc thân về vườn, bạn với sách đèn và non xanh nước biếc.

- Tôi xin nhờ ông một điều: mỗi khi có người tội hơn đến ông, nói này nọ, ông chớ tin. Chúng nó đều là quân láo xược. Trước khi ra khám bị mấy đứa kia cám dỗ bày điều, chớ trong khám này, tôi có để ai đánh đập ai đâu. Tội hơn nào sái phép thì lính la rầy, chớ nào có đánh.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Anh nào không tuân lệnh, tôi liền xin đổi đi Côn nôn, thỉnh thoảng cũng có một vài chuyện tôi không hay, nhưng ít lắm, ít lắm.

- Chúng tôi đăng bài ông Hùm là vì nghĩ đến đều ngài mới nói đó. Ít lắm, ít lắm nghĩa là có, chớ không phải không.

- Tôi còn khuyên ông một điều nữa, là đừng cho tội nhơn viết và ký tên trong báo, e chúng nó làm mất giá trị của ông chẳng. Ở đây tôi xem báo Tây, Nam đủ hết. Tôi biết “Thần Chung” là tờ báo có giá trị, bằng không tôi đã liệng trong giỏ rác rồi. Xưa kia báo Opinion cũng có nói chuyện khám lớn, nhưng nói sai, nên tôi buộc đính chánh lại.

- Đó là quyền của ngài và bổn phận của quý đồng nghiệp Opinion. Nhưng ngài phải cho tôi cãi lại rằng “Cả thầy tội nhơn không phải là xấu hết...”

- Phải, phải, tôi nói đây là tù “anh chị”, trộm cướp, ra vô cửa này đã năm bảy lần rồi, chớ tù quốc sự như ông Nguyễn An Ninh đều là người tử tế.

Cho hay ông xếp khám cũng nhận tù quốc sự là tử tế ư ? Thế mới biết là trong các quan cai trị, không phải là không người biết điều, nhưng bấy lâu nay, cái phận sự đối với nước nhà, thường vẫn trái với tấm lòng bác ái.

- Ông nhớ lời tôi khuyên nhé, đừng cho tội nhơn viết trong báo ông nữa.

Thấy ông tuổi tác, mình cũng thành kính ngồi nghe, nhưng

thăm nghĩ rằng: - Chơn lý là vật quý chung của loài người, nào phải riêng cho ai, mà người này viết lại vẻ vang, người kia viết

## HUỶNH ÁI TÔNG

lại làm hèn tờ báo. Huống chi mấy ngàn tội nhờn trong cái sậu thành kia, chưa ắt là đáng tội nhờn hết.

Trong xã hội mà có người làm lỗi nhiều, có tội nhân nhiều, là do nơi cái chế độ. Cũng trên một quả đất, người sao nhiều tiền bạc, nhiều học thức, biết đạo lý, phép luật, ngồi trên cao cầm quyền sửa trị, còn người sao lại dốt nát quê mùa, trọn đời vẫn trải gió dầm sương, đâu rõ cái nghĩa của đời là phải cao hơn chén cơm đĩa mắm. Nếu vì dốt nát, phạm phép mà ngồi tù, thì cái lỗi ấy nơi hàng trí thức nước nhà, chớ nào riêng chỉ cho dân đen con đỏ.

- Mà thôi, không nói chuyện kiện thưa đông dài làm chi. Tôi cậy ông nhắn với ông Hùm, có dịp nào đến tỏ hết với tôi những điều ông thấy, chẳng là hay hơn trưng lên tờ báo. mấy ông viết chuyện lạ cho mấy ông vui, cho công chúng vừa lòng, mà mấy ông quên rằng sự đó làm phiền chúng tôi lắm.

Tôi mỉm cười và đáp rằng: - Chuyện ngài cậy tôi, tôi sẵn lòng, tôi sẽ lấy tình bằng hữu mà trao lời lại cho ông Hùm. Nếu ai lạ thì tôi không dám lãnh.

Chuyện ngọt một giọng Chúng tôi từ giả ra về. Vừa đi vừa nghĩ thầm rằng: - Cách ba tháng nay, khi hay chuyện Bến Lức mình vẫn đau lòng cho chiếc thân yếu đuối của nhà học trò.

Nay xem văn của Phan tiên sanh, lại càng được biết thêm tâm sự. Mong rằng tâm sự kia cũng là tâm sự chung của thanh niên Nam Việt. Nếu không được vậy, thì những bức tài đức như Phan tiên sanh, không phải là không đắc tội với non sông.

Nguyễn Văn Bá

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI



Nhà phê bình Thiếu Sơn trong Phê bình và cáo luận đã viết về Nguyễn Văn Bá như sau:

*Ông cộng tác với nhiều báo, viết bài có bút danh là Tiểu Vân và làm báo Thân Chung với Diệp Văn Kỳ.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Trong cuộc đời dạy học và viết báo, ông đã truyền bá tinh thần yêu nước, đạo đức con người và đấu tranh chống áp bức bất công.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam*, Tổng Hợp Tp. HCM, 2006, tr. 995-996
- Phan Văn Hùm *Ngồi tù khám lớn*, Dân tộc, 1957, tr. 11-14

## 2. Phan Văn Hùm



**Phan Văn Hùm (1902-1946)**

Phan Văn Hùm có bút danh Phù Dao, sinh ngày 9 tháng 4 năm 1902, tại Búng, làng An Thạnh, Lái Thiêu tỉnh Thủ Dầu Một, nay là Bình Dương.

Sinh trong một gia đình nông dân, buổi đầu Phan Văn Hùm theo học ở Sài Gòn, đậu bằng Thành chung, dạy học một năm, ra Hà Nội học trường Cao đẳng Công chính năm 1924-1925, rồi được bố trí làm tham tá công chính ở Huế.

Đến năm 1927, ông bị buộc thôi việc vì ủng hộ nữ sinh trường Đồng Khánh, Huế bãi khóa nhân đám tang Phan Châu Trinh.

Ngày 28 tháng 9 năm 1928, Phan Văn Hùm cùng Nguyễn An Ninh đi Bến Lức, Tân An, vô cớ bị cảnh sát xét hỏi giấy tờ tùy thân rồi còn bị đánh đòn. Ông đánh trả nên bị vu cáo tội cướp, phải vào ở Khám Lớn Sài Gòn.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Những ngày ở trong tù, Phan Văn Hùm viết tác phẩm *Ngồi tù khám lớn*, nhà in Bảo Tồn nhận ấn hành, nhưng sách mới ra mắt thì bị cấm năm 1929.

Ngày 8 tháng 5 năm 1929, ông bị tòa tuyên phạt ba tháng tù treo và phạt tiền. Tháng 9 năm đó, Phan Văn Hùm sang Pháp học tại Đại học Sorbonne, Paris, đỗ cử nhân và cao học triết. Ra trường, ông đi dạy tiếng Việt ở Toulouse. Ở đây, ông chịu ảnh hưởng của Đệ Tứ Quốc tế cộng sản Pháp, nên có những tư tưởng và hành động khiến nhà cầm quyền lưu ý, lùng bắt. Ông trốn sang Bỉ rồi về Sài Gòn vào tháng 7 năm 1933.

Về nước, Phan Văn Hùm hợp tác với Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Lê Văn Thử, Hồ Hữu Tường ra báo *La Lutte* (Tranh đấu), làm chủ bút tờ *Đồng Nai* và viết cho nhiều báo khác... Ngoài việc viết báo, ông còn đi dạy học ở các trường trung học tư thục, trường Trung học Paul Doumer. Được ít lâu thì ông bị thôi việc vì tổ chức các giáo viên bãi khóa.

Năm 1936, Phan Văn Hùm với Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo, trúng cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn. Năm 1937, ông viết tác phẩm *Nỗi lòng Đồ Chiểu* và *Biện chứng pháp phổ thông*, tập hợp những bài diễn thuyết của ông về đề tài này tại Hội quán Hội Khuyến học.

Tháng Tư năm 1939, ông ứng cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ trúng cử, nhưng bị nhà cầm quyền Pháp ở đó tìm cách loại bỏ ông.

Qua những bài viết nhằm tuyên truyền tư tưởng cách mạng vô sản, phản đối chính sách bất công của Pháp... khiến ông bị cáo buộc là làm mất an ninh chính trị, bị kết án 3 năm tù, đày đi Côn Đảo. Trong ngục ông bị bệnh phù thũng.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Năm 1942, Phan Văn Hùm được thả nhưng vẫn bị quản thúc tại Tân Uyên, Biên Hòa. Những ngày ở đây, ông viết quyển *Phật giáo triết học*.

Đầu năm 1946, khi Pháp đánh chiếm lại Nam Bộ, Phan Văn Hùm bị Kiều Đắc Thắng giết tại miền Đông Nam Bộ. Năm đó, ông được 44 tuổi.

Tuy nhiên, theo nguồn khác thì Phan Văn Hùm bị Dương Bạch Mai, thuộc nhóm *Đệ Tam Quốc tế ở Việt Nam* giết trên chặng đường sắt giữa ga Phan Thiết và Tháp Chàm và thi thể bị ném xuống sông.

Tác phẩm:

- *Nỗi lòng Đồ Chiểu* (biên khảo, Đỗ Phương Quê, 1938)
- *Phật giáo triết học* (biên khảo, Tân Việt, 1942)
- *Vương Dương Minh* (biên khảo, Tân Việt, 1944)
- *Ngôi tù Khám Lớn* (bút ký, Dân tộc, 1957)
- *Tiền bạc* (Khảo cứu, Tân Việt, 1945)
- *Ngư tiều y thuật vấn đáp* (biên đoạn, Tân Việt)
- *Biện chứng pháp phổ thông* (biên soạn, Đỗ Phương Quê)

Trích văn:

### **Ngôi tù khám lớn**

.....

*Nguyễn Văn Khuê*

Tôi không muốn bỏ qua, không nói đến Nguyễn Văn Khuê, người trạc ba mươi lăm tuổi, cao cao, không mập, không ốm, nước da vàng vàng, tóc hớt ma-ninh. Mặt sáng láng, tướng “thầy bà” không phải nhà quê; miệng rộng mà cười luôn, khi nói thì trề nhún, hai bên khóe đóng bọt; môi dưới bong láng

## HUỶNH ÁI TÔNG

trót mãi. Hai con mắt lơ lảo, không vững, không trong. Nguyễn Văn Khuê ngồi tréo ngoãi tròn vo, lưng cong cong, đầu nghiêng nghiêng, mặt ngược lên, bàn chơn nhịp nhịp. Vừa cười vừ nói. Vừa nói vừa cười làm xàm lăm nhăm một mình, ngày đêm lúc nào cũng vậy. Khi thức cười nói vậy, khi ngủ cũng nói cười vậy; luôn luôn như trò chuyện với ai.

Người ta nói quyết với tôi rằng: Nguyễn Văn Khuê nói không có câu kéo nghĩa lý gì cả. Tôi không tin, tôi kêu anh ta lại ngồi gần nói chuyện. Năm bảy người xúm nghe.

- Anh làm gì lại bị bắt?

- Đói bụng biết không?

- Đói thấy không? Trả lời bậy đó? Một người ngồi gần nói với tôi.

- Đói bụng sao mà bị bắt?

- Đói bụng rồi kêu lính bắt, đừng vô xin nhà nước sớ làm ăn.

- Kêu lính chỗ nào?

- Tôi ngủ ngoài chợ đó. Kêu lính gác chợ, chứ lính chỗ nào? Tại sao anh đói bụng?

- Tại tôi “thương” người quá.

Anh này nói “giọng” lạ, mới nghe qua như nói bậy, không có nghĩa gì. Mà gằm lại thời nhiều câu lý thú lắm.

- Thương người rồi sao đói bụng?

- Cho người ta hết.

Có nhiều người biết anh ta, họ nói chuyện lại: anh ta có vợ, có nhà cửa mà không ở nhà. Thường thường anh ta đem ăn mày về nhà đông lắm, bắt vợ nấu cơm dọn cho người ngồi hai bàn

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

ăn. lại bắt vợ nấu nước lá, rồi biếu ăn mỳ tắm. Anh thời đi ngủ nhà xe của chủ, vì anh ta làm “sóp phư”. Mỗi khi đi xe về, anh ta cỡi xe máy, mang cái giỏ đi lượm giấy chửi về đốt. trên cái nón trắng có viết một chữ “Thiên” thật lớn.

- Sao anh viết chữ Thiên trên nón?

- Tôi thương trời, tôi thờ trời, biết không?

- Anh lượm giấy chửi mà làm gì?

- Chữ, người ta thờ, không thấy trong đình trong miếu đó sao? Bỏ bậy tội lắm.

- Anh có lượm giấy chửi tây, chửi quốc ngữ không?

- Ấy đó. Tôi không lượm giấy chửi nữa là tại vậy đó. Bửu đó tôi đi lượm giấy chửi An nam, thấy một bên có giấy nhựt trình. Chữ nào cũng là chữ của ông thánh bày ra mà viết. Bây giờ tôi cũng chửi đít bằng chữ An nam. Nghe không.

Anh này người ta cho là điên, mà nói có lý thật. Người mình học chữ “An nam”, cứ cho là chữ của Thánh, bất kỳ cái gì có chữ thờ kính. Vì mê tín vậy mà câu sách nào cũng nhắm mắt nghe theo. Sách có nói, sách có nói ... Cho đến trong cuốn lịch Tàu, mà cũng tin rằng điều phải cả, của “ông trạng” làm ra cả.

- Anh có học không ?

- Tôi có học bên Tây với anh tôi là Nguyễn An Ninh đó.

Ông Nguyễn An Ninh lúc bấy giờ bị nhốt riêng, không có mặt tại chỉ tồn khi chúng tôi nói chuyện này. Không biết sao anh Nguyễn Văn Khuê lại nói tới ông Ninh. Có lẽ lúc bấy giờ anh ta cũng có nghe nói đâu đó mà nhớ chẳng? Tôi muốn biết Cái tâm lý của người bị tinh thần thác loạn (aliénation mentale) lắm.

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Học bên Tây mà anh giỏi không?
  - Tôi mắc học chữ quốc ngữ. anh tôi, anh Nguyễn An Ninh mộ chữ Tây lắm; biểu tôi học chữ Tây mà tôi không thềm. Anh học chữ Tây giỏi lắm, bây giờ làm chánh soái cũng được; làm thầy thông cũng được.
  - Anh biết chữ An nam không? Một người ngồi gần hỏi.
  - Tôi biết chữ tới bốn nét mà thôi. Anh ta vừ nói vừ vẽ dưới đất. Nè, một nét, nhứt (một). Một nét nữa, nhị (hai). Hai nét nữa, là bốn nét, thiên (trời). Rồi anh ta cười ngất một hồi lâu.
  - Anh học chữ quốc ngữ làm chi vậy?
  - Tôi nói tôi học chữ quốc ngữ về làm việc với An nam. Ai dè về đây, Tây họ làm việc chữ tây. Té ra không xài được.
  - Vậy mà anh nói anh xin bắt vô đặng kiếm sở làm ăn, thời làm sao được? Một người hỏi.
  - Làm sớp phưa, biết không? Còn anh làm gì bị bắt?
  - Đánh lộn.
  - Mà đánh lộn ở đâu?
  - Ở dưới đồng.
  - Ở dưới đồng mà cũng biết đánh lộn nữa hả? Mà đánh với ai?
  - Với họ.
  - Người bị anh đánh có nói tiếng An nam không?
- Anh kia nghẹn không trả lời được. Bèn hỏi qua câu khác.
- Anh học chữ quốc ngữ giỏi không?
- Nguyễn Văn Khuê cười thêu thào đáp:

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- Hồi nãy giờ tôi nói chuyện bằng tiếng “quốc ngữ” cho anh nghe đó. Anh có nghe hay không?

Mà thật Nguyễn Văn Khuê nói thanh bai, nói cái giọng cao xa, không phải bậy bạ.

- Anh học được mấy cái bằng cấp? Một người hỏi.

- Ôi, bằng cấp tôi thiếu gì. Một cái bằng cấp trời nè, một cái bằng cấp đất nè, một cái bằng cấp thần nè, một cái bằng cấp thanh nè. Bây giờ tôi đang kiếm cái bằng cấp làm thần sống. Biết không không?

Anh ta nói rồi cười ngất, nhắm mắt há miệng rồi cười lớn lên. Chúng tôi phải rầy anh ta cho nín, sợ ngực tốt chũ. Anh ta nín rồi anh ta cười.

- Anh vô hôm nay có bị đòn không?

Anh ta nghiêm nét mặt, nói một cách nghiêm trọng.

- Bữa hôm bị giỡn sơ.

- Sao vậy?

- Múa không khéo. Là anh ta chỉ về cách múa “phượng hoàng” cho ngực tốt xét lúc lên lầu ngủ. Anh ta lại tiếp:

- Chiều hôm qua ông một ra coi ăn, thấy tôi cười, giá roi muốn đánh, nói tôi ở tù không biết nhớ mẹ nhớ cha. May có người nói tôi điên, nên ông ta nói tôi điên khùng tội nghiệp nên thôi không đánh.

Bữa ấy Nguyễn Văn Khuê nói chuyện với tôi mà tôi khen là hay, cho nên tôi lại, lên lầu ngủ, có người “anh chị” là anh Năm Vây rủ anh ta lại nói chuyện chơi. Bây giờ anh ta nhìn người “anh chị” kia rồi nói:

## HUỶNH ÁI TÔNG

Làm anh hùng đời này khó quá. Lóp trước như Tư Mất làm anh hùng dễ. Học chút đỉnh nghề võ. Đi làm du côn, gặp anh du côn nào dữ chém đũa một trận. Biết chưa? Rồi mình nổi tiếng anh hùng. Rồi em út phục thêm nữa, số em út lại thêm nữa. Chừng người ta phục mình mình phải rán giữ cho người ta phục hoài. Cái rán đó cũng không khó. Em út nhiều rồi, nó giúp mình, mình làm có tiền nuôi nó. Ngồi tiệm nước có em út lại phải “bao”. Có chém ai nữa thì em út nó chém giùm cho mình. Người anh hùng trong đời chỉ chém có một lần, mà nổi tiếng anh hùng mãi. Đời này khó làm anh hùng. Mà làm anh hùng nho nhỏ không sợ. Như anh bây giờ đừng làm anh hùng chi, anh coi đó. Khách trú đâu có anh hùng. Mới qua có một quây trên vai. Ít năm có tiệm. Anh lại mua đồ của nó, chữ nó, nó cũng nhin. Nếu anh hùng thì đánh lại rồi. Nó nhin mà ít năm nữa nó có tiền nhiều, nó làm chủ nhà máy, mấy người anh hùng đi lôi thôi, xe hơi nó cán chết, có bảo kê chịu. Như anh bây giờ đừng làm anh hùng chi.

- Vậy chớ làm gì bây giờ? Anh Năm Vậy hỏi.

- Anh về mua một cái nón, vành nho nhỏ, đội cho bằng phẳng. Anh đừng bịt khăn đen bận áo dài.

- Sao vậy?

- Bàn tay anh có xam, bận áo dài lòi chỗ xam ra coi không phải điệu. Anh may một bộ đồ kaki, đặt một đôi giày Tây. Ăn mặc vậy coi được. Hay là anh may một bộ đồ lụa, áo cho rộng tay, coi cũng được mà đừng may áo có bầu lật.

Người ta hỏi anh ta làm cách nào thương người. Anh ta chậm rãi nói:

- Tôi làm đơn cho Phó soái, biết không? Tôi xin bao vườn thú lại, ai vô phải mua một cái giấy một đồng bạc. Rồi thì mở cửa tôi vô chuồng cạp cho họ coi. Cạp làm gì tôi, thầy kệ tôi. Tiền

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

thâu được đó, để phát cho nhà nghèo. Nhưng mà Phó soái không trả lời.

Có một lần tôi rờ đại đầu cọp, mà không biết sao nó không cắn. Người ta nói tôi có phép tiên nên họ ghét ghen.

Có một lần trong Lăng Ông (Bà Chiểu) biết không? Biết chớ hả? Tôi làm thần sống. Tôi cắt nghĩa cho ông từ hiệu trước, tôi lấy áo mào tròng vô, leo lên bàn thờ ngồi, chờ thiên hạ đồn có thần sống. Họ đến cúng lạy đông lắm. Ông Phủ ở đó cũng đến, vừa sụp xuống lạy, tôi la lên: Ê, mà tôi làm “sớp phư”. Ông Phủ nói: mày có điên mày nói chớ; rồi kêu lính bắt tôi đem nhốt “bót” hai mươi bốn giờ. Khi thả ra tôi nói: người ta không có giấy thuê thân mà không phạt. Tôi lại bị nhốt nữa.

Cách ít lâu, tôi mặc đồ kaki, mang giày Tây, như mấy thầy. Tôi cỡi xe máy đi khắp châu thành Sài Gòn, gặp ăn mày đâu, đều kêu dặn lại trước dinh xã tây, ngồi chờ tôi về phát tiền. Ăn mày thấy tôi ăn mặc ra bộ thầy bà nên tin rằng rặc. Kẻ què, người cùi, kẻ đui, người tật khác tựu lại trước dinh xã tây đâu được vài chục người. Tôi còn đi gom thêm. Khi tôi đi gom về đó, thời thấy ăn mày cả chót chạy tứ tán. Tôi hỏi tại sao mà chạy. Họ trả lời: “Thôi đi tổ, báo hại tụi tôi bị đòn, tiền bạc gì đâu không thấy”. Tôi nói: ai dám đuổi mấy người? Họ nói mấy người lính trong xã tây ra đuổi. Tôi vô gậy với lính.

Lính có người nhìn ra tôi, bèn nói: “Trúng cha nội điên trong Bà Chiểu rồi đây”.

- Anh góp ăn mày lại tiền đâu cho?

- Tôi vô xin xã tây, biết không? Xã tây thiếu gì tiền.

Biết đem cái tình cảnh thống khổ của những người tàn tật trong xã hội, mà bày ra trước công thụ lộng lẫy; biết dẫn hai cái cảnh tương phản cho đối diện nhau, đụng đầu nhau, Nguyễn Văn

## HUỶNH ÁI TÔNG

Khuê dẫu tinh thần cuồng loạn mà còn cái bụng “thương người” lạ thường.

Tội nghiệp Nguyễn Văn Khuê thương người mà không ai thương mình. Tòa kêu án anh ta một tháng tù về tội “Không sở làm ăn” và hai ngày tù về tội “không giấy thuế thân”. Những người đi nghe xử một phiên tòa với anh, thuật lại như sau này. Tòa hỏi anh ta:

- Làm nghề nghiệp gì ?
- Làm sếp phư mà mười ba năm nay không sở làm ăn.
- Lấy gì ăn?
- Xin.

Khi tòa lên án phạt anh ta phản kháng kịch liệt: “mà tôi muốn ở nhiều kia. Tôi ra lấy gì ăn? Tòa chưa xử vụ đói bụng”.

- 0 -

Lời giới thiệu bộ sách *Phan Văn Hùm*, Nguyễn Q. Thắng đã viết về Phan Văn Hùm:

*"... một giáo học, một chuyên viên Trường Tiền, sau bỏ nghề tiếp tục con đường học vấn rồi trở thành một nhà yêu nước, một học giả, được nhiều người trong học giới xem ông là một học giả sắc nét nhất của Nam Kỳ."*

Tài liệu tham khảo:

- Phan Văn Hùm Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Phan Văn Hùm, *Ngôi tù khám lớn*, Dân Tộc, 1957, tr. 138-143



### 3. Đào Trinh Nhất



**Đào Trinh Nhất (1900-1951)**

Đào Trinh Nhất tự Quán Chi sinh năm 1900 tại Huế. Nguyên quán tại xã Thượng Phán, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình.

Ông là con trưởng Đình nguyên nhị giáp Tiến sĩ tức Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ. Mẹ là Lương Thị Hòa, con gái Lương Ngọc Quyến và là cháu ngoại Lương Văn Can.

Thuở nhỏ, Đào Trinh Nhất theo học chữ Hán ở quê nhà, sau lên Hà Nội học chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

Từ năm 1921 – 1925, ông bước vào làng báo, cộng tác với *Hữu thanh tạp chí* và *Thực nghiệp dân báo*, *Trung hòa nhật báo*, *Đông Pháp*. Làm báo ông dùng các bút hiệu Nam Chúc, Viên Nạp, Hậu Đình, Tinh Vệ, Bất Nghị, Vô Nhị, Hồng Phong, Anh Đào, XYZ....

Năm 1925, ông vào Sài Gòn, làm thư ký tại Chez Phan Chu Trinh, số 5 Catinat nay là đường Đồng Khởi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1926, ông sang Pháp du học ở tại Paris, giao du với Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Như Phong và viết cho báo *Việt Nam Hôn*.

Năm 1929, ông về nước, sống tại Sài Gòn viết báo, viết sách. Ông đã cộng tác với các báo: *Phụ nữ tân văn, Công luận, Thần chung, Đuốc Nhà Nam, Tân Văn, Việt-nam, Diễn-tin*.

Tháng 2 năm 1936, ông chủ trương báo *Mai*. Đến ngày 25 tháng 7 năm 1939, ông bị trục xuất về Bắc, báo *Mai* bị đình bản.

Ra Hà Nội, ông viết cho tờ *Trung Bắc Chủ nhật, Nước Nam*.

Sau năm 1945, ông tiếp tục viết cho báo *Ngày mới, Việt thanh*. Năm 1948, ông viết cho tờ *Cải tạo*.

Khoảng năm 1949, ông vào Sài Gòn làm trong bộ Ngoại giao của Nguyễn Phan Long và viết cho báo *Ánh sáng, Sài Gòn mới, Dân thanh*.

Ông mất trong một gian nhà nhỏ ở xóm Hòa Hưng Sài Gòn vào chiều thứ Sáu ngày 18 tháng Giêng năm Tân Mão, nhằm ngày 23 tháng 2 năm 1951, hưởng dương 51 tuổi, an táng tại nghĩa địa Hòa Hưng.

Được tin ông mất, làng báo, làng văn trong Nam ngoài Bắc đều có bài nói về thân thế, văn nghiệp của Đào Trinh Nhất và cho đăng nhiều điều từ, đôi phúng, văn tế, thơ viếng...để tỏ tình mến tiếc. Ngoài ra, Báo *Tiếng Dội* Sài Gòn còn chủ xướng việc xây mộ cho ông. Và báo *Cải Tạo* ở Hà Nội tổ chức ngày lễ truy điệu long trọng và cho ra một số báo đặc biệt viết đầy đủ về ông *Cải Tạo* số 134, năm 1951.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tác phẩm:

- *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ* (Thụy Ký, 1924)
- *Thần tiên kinh* (dịch của A lan Kardec, 1930)
- *Cái án Cao Đài* (Sài Gòn, 1929)
- *Việt sử giai thoại* (Hà Nội, 1934)
- *Nước Nhứt Bồn ba mươi năm duy tân* (Đắc Lập, Huế, 1936)
- *Phan Đình Phùng* (Cao Xuân Hữu, Hải Phòng, 1936)
- *Việt Nam Tây thuộc sử* (Đỗ Phương Huế, Chợ Lớn, 1937)
- *Đông Kinh nghĩa thực* (Mai Lĩnh-Hà Nội, 1938)
- *Ngục trung thư - Đòi cách mạng Phan Bội Châu* (Mai Lĩnh, Hà Nội, 1938)
- *Vương An Thạch* (Hà Nội, 1943)
- *Cô Tư Hồng* (tiểu thuyết, *Trung Bắc chủ nhật*, 1944)
- *Chu Tần tinh hoa* (dịch, Hà Nội, 1944)
- *Lê Văn Khôi* (1941-1945)
- *Con trời ngã xuống đất đen* (Hà Nội, 1944)
- *Vương Dương Minh* (Hà Nội, 1944)
- *Kẻ bán trời*
- *Con quỷ phong lưu*
- *Bùi Thị Xuân*
- *Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917* (Quốc Dân thư xã, Hà Nội, 1946)
- *Liêu trai chí dị* (dịch của Bồ Tùng Linh, Bốn Phương, Sài Gòn, 1950)

Trích văn:

### **Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ**

Ông Nguyễn- Đình- Phạm, chủ nhà Yên-Mỹ

Hà nội

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ông Nguyễn Đình Phàm.

Chắc ông cũng vui lòng nhận mấy lời trong bức thư này mà tôi đề lên trên trang đầu quyển sách của tôi, tức là để cảm ơn ông vậy.

Ông với tôi thuở nhỏ là bạn học một trường, có tình chí thiết, đến sau ra đời, mỗi người đi một ngã; ông thì dọc ngang trên đàn thực – nghiệp, như có ngày nay, tôi thì lênh đênh mãi trên bề văn – chương, chưa biết đâu là bờ bến. Tôi vẫn lấy việc trước – thuật là nghề – nghiệp mà cùng là phận – sự của mình, thường ngó ý ấy cùng ông; ông nói rằng: “Quốc văn trong lúc này đang cần có nhiều tay thợ khéo để xây dựng lên, những trước – thuật gì có bổ ích cho đời hãy nên làm, chớ có xuất bản những sách văn thơ nhằm nhí, tiểu – thuyết dâm bôn, mà rắc độc ra trong xã hội đó!”. Ý tôi vốn nghĩ như thế, lại được ông khuyến- khích thêm, thành ra tôi khái nhiên, không chiều tâm- lí của người đời, cùng là khuynh – hướng của xã- hội, àm mạnh bạo xuất bản quyển sách này vậy.

Ông là người có thịnh – danh trong thương – trường, lại cũng có thịnh – danh trong công việc từ thiện công- ích nữa; nhiều người biết ông đã từng mở đường cho trong làng, lấy chỗ đi lại, đã từng đào cù cho dân trong vùng ông lánh nạn tiêu-khô, lại đã từng lập một trường học, ở trong hàng tổng, cho con em có chỗ học, sự nghiệp ấy của ông không cần gì tôi phải tán dương mới có người biết, duy chỉ cảm vì ông là một nhà thực nghiệp, mà nền quốc văn trong buổi bấp bênh này, ông cũng lấy công phu khuyến khích, giúp đỡ vào công việc bồi đắp cho thành, tuy kết quả sau này chưa ai biết đâu, nhưng một chỗ đó, đủ biết ông cũng có tâm địa đáng khen lắm.

Phương chi tôi viết quyển sách này, bàn về một vấn đề kinh tế trong nước ta, thì ông cũng lấy tri thức chuyên trường về thương nghiệp, mà góp nhặt cho tôi được nhiều tài liệu tốt,

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

mách bảo cho tôi nhiều ý kiến hay, mà nên một sự nghiệp nhỏ mọn này, có thể nói là do ở công phu chung của đôi ta mà ra được. Tôi cảm ơn ông trong bức thư này là vì thế.

Quyển sách này ra đời, nếu như có được một vài ý kiến nào khả thủ, có ích cho đồng bào, mà được bạn trí thức trong nước khen, thì tiếng khen ấy tôi với ông cùng hưởng; nếu như là ý kiến chưa nhằm, nghị luận chưa xác, mà phải có người chê, thì tiếng chê ấy, tôi với ông ta cùng chịu. Nhưng thiết nghĩ ở đời, ta làm việc gì cứ mạnh bạo mà làm, miễn là biết đến xã hội và không phụ lương tâm thì thôi, cái tiếng khen chê, chẳng lấy gì làm quan hệ cho ta lắm. Có phải chăng, ông?

Hanoi, ngày 1 Novembre 1924

Đào Trinh Nhất

*Đại ý quyển sách này*

Xứ Nam – kỳ tức là một cuống họng của ta, đối với trong là một kho tàng to, quay ra ngoài là một thị trường lớn, công phu cha ông khai thác mấy trăm năm, mới có ngày nay, để cho con cháu làm của gia tài, đáng lẽ ta không nên để cho ai phạm vào quyền lợi ấy của ta mới phải.

Thế mà bị 20 vạn người Tàu là một dân - tộc có tài thực dân kéo nhau sang hạ cái thủ - đoạn kiếp - lược dần dần, bây giờ nghiêm nhiên làm ông chủ - nhân trong trường thương mại công nghệ của ta, thôi thì trên bến dưới thuyền, thượng vàng hạ cám, nhất thiết lợi quyền đều vào tay họ lũng đoạn hết, ta cam tâm để họ đè nén: khó nhọc ta gánh, miếng ngon họ ăn, bao nhiêu lâu nay, ta chịu mãi cái nổi “cường tân áp chủ” như thế. . Ôi! Vận mạng của ta ở xứ Nam kỳ, tương lai của ta ở xứ Nam kỳ, không có lẽ ta cứ điềm nhiên để họ kiếp lược chiếm ta như vậy mãi được, chắc phải tìm cách nào tước bớt cái thế lực họ

## HUỶNH ÁI TÔNG

đi, và thu lại những mối lợi mà mình có quyền chính đáng được hưởng mới được. Song lẽ, muốn tước bớt cái thế lực họ đi, và thu lại những mối lợi mà mình có quyền chính đáng được mới được, thì phải làm thế nào? Quyết không phải chỉ cau mày trợn mắt, làm truyện như tủy chay năm nào, mà thành công được đâu! Vì phải xét họ gây được cái thế lực to lớn vững vàng ở Nam kỳ như ngày nay, nào là di dân, nào là bỏ vốn, nào là tốn sức nhọc lòng, nào là mở mang xếp đặt, công phu tích lũy đã mấy thế kỷ nay rồi, thì tất không phải là thế lực mà đụng chạm vào là làm nghiêng đổ ngay được “a bây giờ” muốn đi đánh lui một toán đại dịch trong thương trường ấy, không nói gì là phải trí lực, phải phí thì giờ, mà trong khí cụ cần dùng thì xứ Nam kỳ ta thiếu hẳn một thứ, là nhân công, tức là một khí cụ cần nhất trong trường kinh tế chiến tranh vậy.

Nam kỳ thiếu nhân công thật, còn non hai triệu mẫu đất hoang bỏ chưa khai khẩn, bao nhiêu nguyên liệu vật sản, bỏ chưa đem dùng, đến ngày tiện nghệ khổ công cũng không có người làm, nhất thiết công nghệ buôn bán gì, đều vào tay Hoa kiều hết, cũng chỉ vì không có người làm. Bởi vậy, bây giờ nói việc mở mang xứ Nam kỳ, tức là cách phá cái thế lực Hoa kiều, mưu cuộc phú cường nay mai, thì nhân công chính là một tài liệu mà xứ Nam kỳ đang phải cần đến lắm.

Nhân công ấy lấy ở đâu ra được? Người Trung Bắc – kỳ cất tiếng lên mà đáp rằng: “Tôi đây”.

Thật ra, cái hiện tính sinh hoạt của dân hai xứ ngoài này đã thấy chen chúc, khổ sở lắm: rừng núi tứ tung, địa thế chật hẹp, dân số ngày một đông thêm, mà mọi nghề nghiệp chưa được rộng rãi, dân không đủ làm, ruộng đất hầu đã vỡ hết, nhưng nghề canh nông thật gian nan, mùa thường bị mất, nói tóm lại mọi công việc làm ăn, tuy đã mở mang ra nhiều nhưng so sánh với số dân, không được tương đương cho nên bọn dân lam lũ khốn cùng, không nghề không nghiệp, hãy còn nhiều lắm. Lại

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

thêm một nỗi, thường bị nhiều cái tai vạ bất kỳ, thí dụ như mưa tràn nước lụt, thì dân tình càng thấy khổ già: ruộng vườn ngập hết, nhà cửa trôi băng, ở không có nơi, ăn không có miếng, bầy giờ cha con vợ chồng giắt díu nhau đi bơ vợ kiếm ăn, trông tình cảnh rất là ái ngại, dù có hung công dù có phát chẩn đều là cách tạm thời, chẳng có hiệu quả gì chắc chắn cả. Xét lại thì hai xứ này, đường sinh hoạt hẹp mà số sản dục ngày tăng, e rồi có cái vạ nhân mãn, chẳng đáng lo cho cuộc tiến hóa lắm ư? Ta phải bớt đi mới được.

Có người nói sao người Bắc kỳ không lên mạn ngược mà khai hoang, người Trung kỳ không vào miền Mọi mà doanh nghiệp, nhưng không biết đâu sự lý đã dành mà tình thế lại khác, mạn ngược thì khí hậu không lành, nên với việc làm ăn hơi khó, miền Mọi tuy nguồn lợi vốn sẵn, nhưng luật cấm không cho vào; vả chăng hai chỗ ấy cũng chẳng lợi dụng được hết nhân công Trung, Bắc kỳ, như thế bảo lên những chỗ ấy mà thực dân, là một điều chẳng xong rồi, tất phải đi một nơi khác.

Di đi ngoại quốc chẳng? Không, trường hành động trong nước ta còn có chỗ rộng thênh thang, cần gì phải đi đâu xa xôi cho cực khổ. Trong khi ngoài Trung, Bắc kỳ đông người, muốn đi đi như vậy, thì trong Nam kỳ đang cần nhân công vậy thì đi ngay vào Nam kỳ chẳng cũng phải là một việc hợp thời, một việc nên làm, một việc có lợi hơn hay sao?

Vấn đề di dân vào Nam kỳ bởi đó mà xuất hiện ra vậy.

Vấn đề nay xuất hiện đã lâu, không những gì là dư luận của phần đông người, mà lại là một nghị án của chính phủ, thế mà bản thể hệ nọ thảo ra, vẫn xếp số ở ngăn bàn, lời thỉnh cầu kia đệ lên, rồi nằm vò trong sọt giấy, một việc đáng lẽ phải thực hành từ bao giờ, mà đến nay chẳng thấy gì cả; hoặc bảo là chưa tiện đường giao thông, phải chờ bao giờ xong con đường Đông pháp thiết lộ (Le Transindochinois) đã, hoặc bảo lo nắng thì đã

## HUỶNH ÁI TÔNG

có máng nước, giữ lụt thì đã có đê điều, cứ ở nhà mà cày cấy làm ăn, cần gì phải đi đâu vội, thành ra dân còn loanh quanh nần ná trong khu đất chật hẹp khốn nạn của mình, giờ lung ra mà đỡ lấy tai vạ lụt lội đói kém hằng năm; cái sức gánh vác lâu nay, nghe chừng đã bị quỵện lằm rồi, thế việc di dân chẳng thực hành ngay đi, còn đợi đến bao giờ nữa.

Duy có điều việc di dân chưa đến lúc phải là một vấn đề thuộc quyền chính trị, thì còn có nhiều nỗi khó khăn, ngăn trở sự tiến hành; từ khi ra đi cho đến lúc vào tới nơi, ăn ở thế nào cho hợp vệ sinh, làm việc thế nào cho xứng tài năng, sinh mệnh lấy gì chớ che, toàn là những việc khó nói, mà bấy lâu dư luận bàn mãi chưa xong, cho nên ta phải xin chính phủ tán thành mà giúp đỡ cho mới được. Và chẳng, Nam kỳ cũng phải là xứ toàn là đất hoang rừng rậm, phỏ vắng đường không, mà nay cần đem nhân công Trung, Bắc kỳ chi để rẫy cỏ phá rừng, mở xưởng lập tiệm đâu! Cũng có cần thế, nhưng mà Nam kỳ đã có chủ nhân rồi, là Hoa kiều, cho nên nhân công ngoài này có vào, lại cần đem tài năng, đem tính nhẫn nại mạo hiểm là tính cách sẵn có vào giải quyết đấu với Hoa kiều, là những người ta đi đâu cũng gặp họ như gai góc cản đường, những muốn cho mình chìm đắm trong vòng nô lệ mãi mãi, để họ chiếm lấy quyền lợi một mình, ta không được phạm đến. Bởi vậy, việc di dân vào Nam kỳ, không những là mưu sự hạnh phúc an lạc cho đám nhân công Trung Bắc kỳ, mà lại là một việc phải tranh đấu với Hoa kiều, để đoạt lại cái chủ quyền kinh tế và gây cuộc phú cường sau này, thành thế ra việc ấy, từ vấn đề cá nhân, tiến lên thành vấn đề của xã hội. Vậy, nếu như chẳng có ý nghĩa như thế, thì sang Lào mà làm ăn còn hơn, sang Nouvelle – Caledonic làm culi cũng được, cần gì phải vào Nam kỳ.

Tất cả Đông – Pháp này, có 35 vạn Hoa kiều thì mình xứ Nam kỳ 20 vạn, người đông, của nhiều, công nghệ to, buôn bán lớn nhất thiết đều tụ cả ở đó, thành ra một cái thế lực đồ sộ vững vàng thế thì có muốn cạnh tranh với họ tưởng trước hết, phải



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

biết thế lực của họ ra làm sao mới được. Có biết thế lực của họ, hễ điều hay là theo, điều ác là tránh, nói tóm lại mới biết đường mà đối phó với họ, nếu không thì không khỏi bị họ tìm cách thâm hiểm mà hại mình, xưa nay những việc gì ta làm, hễ có ý cạnh tranh với “các chú” ở trong, thường bị họ dùng độc thủ mà phá hoại mình ngả nghiêng, ấy tức là một chứng cứ vậy.

Di dân được vào Nam kỳ, còn có hai ý nghĩa cao hơn nữa:

Một là tư bản và nhân công hợp với nhau, tư bản và nhân công là hai tài liệu để lập nên một nước phú cường, tất phải tương tư tương trợ lẫn nhau, rời nhau ra thì đều là vô dụng, lại có hại nữa. Thế giới ngày nay, xướng lên cái chủ nghĩa tư bản, và cái chủ nghĩa lao động, có ý nghĩa phản đối nhau, xong kết quả chỉ thấy là phá hoại, thường khi bọn thợ đình công, mà công nghệ phải chịu ảnh hưởng lớn, thường khi ông chủ đóng cửa xưởng, mà bọn thợ đến nổi mất việc làm, chứng cứ rành rành, là nước Nga gây nên cái chính sách lao nông, mà trong nước tan tành ra đó, chỉ nay mai đất ta thấy nước ấy phải quay về chế độ thường nghĩa là nhân công phải đi đôi với tư bản. Như thế thì đủ hiểu rằng tư bản với nhân công, không thể bỏ nhau mà làm nên việc được. Nước ta, Nam kỳ sẵn của mà làm việc thiếu người, Trung, Bắc kỳ sẵn người mà làm việc thiếu vốn, bấy lâu nay lia rẽ với nhau, cho nên chưa thấy kinh doanh được việc gì to tát cả, vậy nay di dân vào Nam kỳ, tức là cách kết hợp nhân công và tư bản vậy. Vả chăng ta cũng nên biết rằng: muốn đạt bao nhiêu cái hy vọng lớn lao của ta sau này, thì phải lấy đất Nam kỳ làm trường hành động mới được.

Hai là liên lạc được mấy xứ. Nói đến tiếng liên lạc cũng là việc cực chẳng đã, vì nước mình suốt từ Bắc đến Nam, sinh cùng một nòi, nói cùng một tiếng, theo cùng một văn hóa, giữ cùng một tính tình, li gián từ đâu mà ngày nay phải nói đến chuyện liên lạc? Duy gần đây, vì sự ngẫu nhiên của lịch sử, mà mỗi xứ phục theo dưới một chính thể riêng, cho nên sự trao đổi tình ý

## HUỶNH ÁI TÔNG

với nhau, không khỏi có chỗ ngăn trở, đến nỗi tưởng lầm rằng: không phải cùng nhau một lịch sử chung, một nguồn gốc chung tiếc thay sự gặp nhau lại rất hiếm hoi, vì chẳng có dịp thì chẳng thấy thăm thăm gì, như thế còn nói đến sự đồng lao cộng tác với nhau làm sao được. Phận sự làm dân một nước không cho ta ghe lạnh ghen ghét nhau như thế, mà khiến phải thân yêu nhau, giúp đỡ nhau, cùng làm việc với nhau thì mới sách nổi tồn ở đời khó khăn này, vậy một điều cần là làm sao cho người Nam, Bắc được xúc tiếp với nhau luôn, để hiểu tính cách tâm lý của nhau mới được. mà muốn tiếp xúc với nhau luôn, nếu trông ở ngoài Nam ra Bắc thì không ăn thua, vì người nam có ra đây, không phải là ra làm việc công nghệ buôn bán, mà chỉ ra đi học và làm ở các công sở, số người đã ít mà chỉ ở những nơi thành thị, thì sự gặp gỡ truyện trò với nhau, không rộng rãi và thường thường, thì không hiểu nhau được, cho nên phải trông ở người Bắc vào Nam, thì sự liên lạc mới có hiệu quả, vì dân ngoài Bắc vào trong Nam làm ăn, tản tác ra khắp từ kẻ chợ ở nhà quê, đồng bằng mặt nước, gặp gỡ anh em Nam kỳ ta luôn, thật dễ lấy cái tình chủng tộc, nghĩa quốc dân mà hiểu biết nhau lắm. Bởi thế nói di dân vào Nam kỳ, lại có mục đích liên lạc Bắc nam này.

Bấy nhiêu điều quan niệm, sự trông mong, khiến cho tác giả tuy sức vóc còn non, tầm mắt chưa rộng, mà cũng mạnh bạo sốt sắng bàn về vấn đề này, do ở một phần lịch duyệt, một bầu nhiệt huyết của mình, đem bày tỏ ra để cùng anh em đồng bào bàn bạc, ý kiến hoặc có hẹp hòi, mà sơ tâm thì là trịnh trọng lắm.

Sách chia ra làm hai phần. Một phần đầu thì nghiên cứu cái thế lực của các chú trong Nam kỳ là nơi “đệ nhị quốc gia” của họ, xét từ lai lịch cho đến dân số, tư bản thương mại, công nghệ, học thuật cùng là mọi tính cách hay, thủ đoạn khác của họ vân vân, chưa dám nói là tường tế gì, nhưng cũng đủ những điều ngạc nhiên, để cho ta biết thực lực của họ, mà mưu cuộc doanh

ngiệp cho mình. Phần thứ hai trước chứng tỏ rằng việc di dân vào Nam kỳ là nên, là lợi, sau thì xem xét việc này bấy lâu khó khăn trần trở gì? Bây giờ phải tìm cách gì giải quyết? cùng là giới thiệu để anh em ta ngoài này biết rằng vào trong ấy sẽ có nhiều nghề nghiệp làm ăn, sẽ được an cư lạc nghiệp, tội gì loanh quanh ở chỗ đất chật hẹp của mình, mà chịu cái vạ đói rét rách rưới cho khổ hàn, phương chi việc di dân đi, lợi cho cá nhân, mà lợi cho cả xã hội, không những tình thế giục đi, mà nghĩa vụ cũng bắt đi nữa.

Hai phần, tuy tựa như phân biệt, nhưng vẫn là hai cái tiếng thật có hộ ứng với nhau, vì tôi tin rằng: việc di dân vào Nam kỳ là việc phải làm đã đành rồi, nhưng có biết cái thực lực của Hoa kỳ mà để kháng họ, thì việc di dân ấy mới có lợi ích, cho nên cuốn sách tầm thường này, lấy tên là “Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam kỳ” là thủ nghĩa như vậy./.



Nhà văn Vũ Bằng viết về Đào Trinh Nhất như sau:

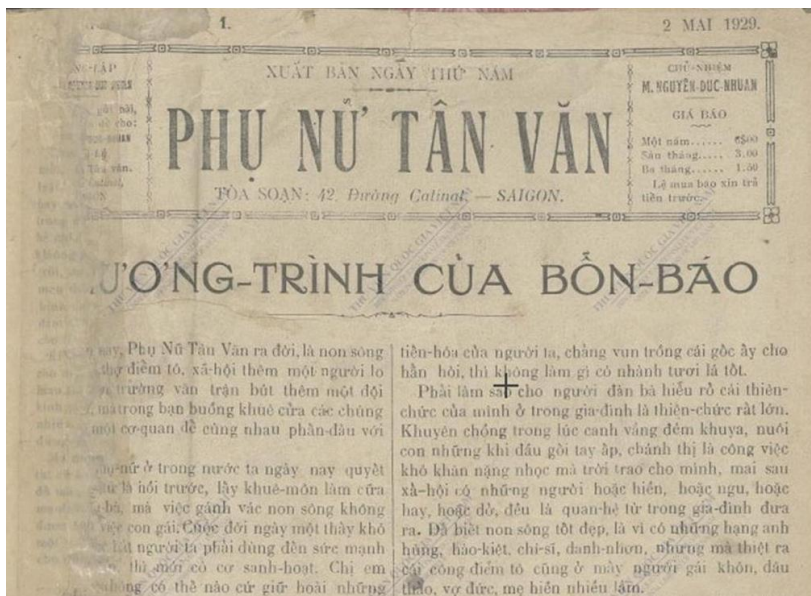
## HUỶNH ÁI TÔNG

*Anh em đều ngán vì ông nói khoan thai, chậm chạp, yếu ớt; đã thế có khi đến mười, mười lăm phút mới nói một câu; xong, ngồi xì ra đấy. Trong suốt thời kỳ tôi ở Nam, nằm hút ở đường Lefèbvre, Nhất vẫn cứ xì ra như thế; mặt ông lúc nào cũng bệch bạc, lạnh lẽo...làm cho người đối thoại với ông lần đầu không thể có cảm tình ngay; nhưng biết Nhất lâu ngày, anh em thân đều nhận ông là một người chung thủy, trước sau như một và đối xử rất tận tình với bạn. Đối với làng báo, những bài sưu tầm, nghiên cứu của ông được người ta tìm đọc, một phần vì tài liệu súc tích, mà một phần cũng vì ông đã khéo làm những cái tít khiến cho độc giả giật gân, muốn đọc xem trong bài ông nói gì. Độc giả Trung Bắc Chủ Nhật mê Đào Trinh Nhất là vào hồi ông viết tiểu thuyết dài như "Cô Tư Hồng", "Con Quý Phong Lưu"... khả dĩ đối địch được lại với những truyện dài của Lê Văn Trương lúc ấy đang làm mưa làm gió trong làng tiểu thuyết...Ông bị Tây trục xuất vì bị ngờ là chống lại họ và thân Nhật...*

Tài liệu tham khảo:

- Đào Trinh Nhất Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ* Web: [vanhoanghean.com.vn](http://vanhoanghean.com.vn)

Tiết 17: Phụ Nữ Tân Văn



*Phụ Nữ Tân Văn* do ông Bà Nguyễn Đức Nhuận chủ trương, Ông Nguyễn Đức Nhuận, làm chủ nhiệm, ông sinh năm 1900 ở Trà Vinh. Vợ ông, bà Cao Thị Khanh làm chủ bút, cũng sinh năm 1900 tại Gò Công.

*Phụ Nữ Tân Văn* là một tuần báo ra ngày Thứ Năm, số đầu tiên ra ngày 2-5-1929, tòa soạn đặt tại 42, đường Catinat nay là Đồng Khởi, Quận 1, Sài Gòn, Ngay trong số đầu tiên, *Phụ Nữ Tân Văn* đã nêu lên mục đích của tờ báo là đề cập đến những vấn đề liên quan đến phụ nữ, vai trò và trách nhiệm của phụ nữ trong xã hội. *Phụ Nữ Tân Văn* có những mục thường xuyên như sau:

1. Thời sự
2. Vấn đề giải phóng phụ nữ.
3. Phụ nữ và gia đình (gia chánh)

## HUỶNH ÁI TÔNG

4. Vệ sinh, khoa học
5. Tiểu thuyết
6. Nhi đồng

Qua chủ trương bất vụ lợi, đúng đắn của ông bà Nguyễn Đức Nhuận, báo *Phụ Nữ Tân Văn* nhanh chóng thu được cảm tình người đọc, với câu thơ nêu rõ mục đích in trên báo:

*Phấn son tô điểm son hà,  
Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam*

Ngay từ số 3, ông bà Nguyễn Đức Nhuận đã có cử chỉ hào hiệp là trích 15% của báo để cấp học bổng cho 2 sinh viên Lê Hai và Nguyễn Văn Hiếu sang Pháp du học, đồng thời kêu gọi gây quỹ. “*Đồng xu học sinh nghèo*” để hàng tháng gọi giúp 2 sinh viên ấy.

Cũng trong năm đó, *Phụ Nữ Tân Văn* xây dựng thành công *Nữ lưu học hội* quy tụ nhiều chị em tham gia học hỏi về nữ công gia chánh. Báo cũng đứng ra tổ chức người thất nghiệp, anh chị em công nhân có đồng lương thấp.

Đặc biệt, *Phụ Nữ Tân Văn* là nơi dấy lên *phong trào thơ mới*, sau bài *Một lối thơ mới trình chính giữa làng thơ*, trong đó có bài *Tình già* của Phan Khôi làm xôn xao dư luận, đồng thời nổ ra nhiều cuộc tranh luận, bút chiến kéo dài mà Nguyễn thị Mạnh Mạnh là người cổ vũ thơ mới tích cực nhất trên diễn đàn Hội Khuyến học Sài Gòn và trên báo *Phụ Nữ Tân Văn* trong nhiều năm.

*Phụ Nữ Tân Văn* cũng là tờ báo ra số xuân đầu tiên vào năm 1930, mở đầu cho báo giới hàng năm ra báo xuân. Tuy có đời sống ngắn ngủi, chỉ khoảng 5 năm, nhưng *Phụ Nữ Tân Văn* là

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

tờ báo khá hoàn chỉnh về mọi mặt : tư tưởng, chính trị, văn hóa, xã hội... tới nay vẫn còn được nghiên cứu, đánh giá.

Năm 1932, bà Nguyễn Đức Nhuận cùng một số phụ nữ cùng chí hướng đứng ra thành lập *Hội Dục Anh* để chăm sóc trẻ em con nhà nghèo. Trong năm này, khi báo *Phụ Nữ Tân Văn* tổ chức Hội chợ Phụ nữ từ thiện tu ngay 1 den 7-5-1932, để gây quỹ cho Hội Dục Anh, thì bị 2 tờ báo khác cạnh tranh, viết báo đả kích, tố cáo chủ bút Cao Thị Khanh đã bỏ túi riêng về khoản tiền thu được từ hội chợ, *Phụ Nữ Tân Văn* buộc phải lên tiếng bút chiến, đưa nhau ra tòa án. Cuối cùng, tòa xử *Phụ Nữ Tân Văn* trắng án.

Báo *Phụ Nữ Tân Văn* sau số 271 đề ngày 20-12-1934, tự đình bản 3 tháng, đề củng cố ban biên tập, rồi ra tiếp 2 số: 272, 273 trong tháng 4 năm 1935, sau đó *Phụ Nữ Tân Văn* bị Pháp cho đình bản với nghị định của Toàn quyền Đông Dương Varenne, viện dẫn lý do báo này đã mạ lỵ ông Bùi Quang Chiêu về tội dính líu mật thiết với nhóm thực dân cá mập Homberg.

Theo báo *Mai*, số 20, ngày 22-1-1938 cho biết: gặp lúc kinh tế khủng hoảng, ông bà Nguyễn Đức Nhuận tiêu tan sự nghiệp mấy chục muôn, từ cửa hàng tơ lụa đồ sộ ở đường Catinat, do đó hai ông bà đưa nhau sang Pháp sinh sống.

Cho tới năm 1962, ông bà Nguyễn Đức Nhuận trở về Việt Nam, ông mất tại Sài Gòn ngày 5-6-1968, hưởng thọ 68 tuổi.

Tương cũng nên nói thêm, trong làng báo Sài Gòn thuở trước có 3 người cùng làm chủ báo, cùng tên Nguyễn Đức Nhuận.

Người thứ nhất chúng ta đã biết, ông Nguyễn Đức Nhuận (1900-1968), sanh ở Trà Vinh, chủ nhân áo Phụ Nữ Tân Văn.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Người thứ nhì, ông Nguyễn Đức Nhuận (1901-1970), sanh tại Gia Định, bút danh Phú Đức, tác giả tiểu thuyết trinh thám lừng danh *Châu về hợp phố*, công tác với các báo *Trung Lập*, *Công Luân*, *Đuốc Nhà Nam*, *Sài Thành*... Chủ nhân tuần báo *Bình dân* và nhật báo *Dân Thanh* (1953-1954). Ông mất ngày 4-3-1970 tại Gia Định hưởng thọ 70 tuổi.

Người thứ ba, ông Nguyễn Đức Nhuận (1900-1987), sanh tại Quảng Ngãi, bút danh Bút Trà, nhà thơ, vào Sài Gòn, ông làm thầy thuốc, cộng tác với các báo *Lục Tỉnh Tân Văn* năm 1921, *Đông Pháp Thời Báo* năm 1923, *Công Luận* năm 1925... Chủ nhân báo *Sài Thành* (1929-1931), sau đổi tên *Sàigòn* tồn tại đến 1946. Đến 1946, đứng tên chủ nhiệm báo *Sàigòn Mới* (1946-1974) của bà Tô Thị Thân, sau bà chấp nối với với ông này, trở thành Bà Bút Trà. Ông Nguyễn Đức Nhuận mất năm 1987, hưởng thọ 87 tuổi.

Khi ông Phú Đức mất, ông Bút Trà có làm bài thơ:

*Cùng họ cùng tên lại một nghề  
Cùng trong tòa soạn thuở nào hề  
Bốn mươi năm trước còn ghi dấu  
Bảy chục xuân nay đã vội về  
Vắng bạn văn đàn trông thấy thiếu  
Có mình thế giới tưởng như nề  
“Lừa long”, “Hiệp phố”, lần tay giờ  
Sách đó, người đâu ? Xiết nã nề !*

Thời gian báo *Phụ Nữ Tân Văn* tồn tại khoảng 5 năm, đã để lại trong Văn Học Việt Nam một thể *Thơ mới*, từ đó phát sinh ra thơ *Tự do*, gần đây là thơ *Tân hình thức*.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Nhà văn Thiều Sơn đã nhận xét về bào *Phụ Nữ Tân Văn* trong một bài viết :

"... tờ *Phụ Nữ Tân Văn*, một tờ tuần báo phụ nữ, nhưng đã phản ánh được một thời đại quan trọng của lịch sử nước nhà; *Phụ Nữ Tân Văn* là một nhân chứng trung thực trong suốt 6 năm là những năm có nhiều biến cố ... Nhưng có một biến cố mà tờ *Phụ Nữ Tân Văn* không ghi được là cái chết của người khai sinh ra nó để phục vụ cho xã hội.

Tôi biết kẻ quá cố là một người hào phóng hiếu hữu, hay làm nghĩa và hay giúp đỡ mọi người. Có những người ông không quen biết, ông thấy cần giúp là ông giúp đỡ.

*Phụ Nữ Tân Văn* trong thời kỳ thực dân toàn thịnh, mà dám đề cao những anh hùng liệt sĩ bị thọ án tử hình ở Yên Bái, dám lên án những vụ oanh tạc cố ý tiêu diệt cả làng Cổ Am, dám công khai ủng hộ những nhà chí sĩ ái quốc, dám đăng tải những bài chống chính sách thực dân, dám tiếp đón những cây bút chống công thức ...

Phan Khôi, Đào Trinh Nhất và biết bao nhà văn khác đã do sự cộng tác với *Phụ Nữ Tân Văn* mà đã nổi tiếng.

Một chánh phạm bị lưu đày ở Côn Đảo ma giữ lại tên tuổi cho tới ngày nay. Tôi muốn nói B.Đ (tức Bửu Đình) , tác giả những bộ tiểu thuyết *Mảnh trăng thu*, *Cậu Tám Lộ* v.v....

Cả tới nhà văn Hồ Biểu Chánh tuy đã được độc giả lưu ý, nhưng chỉ sau khi có tiểu thuyết đăng trong *Phụ Nữ Tân Văn*, người ta mới thực sự chú ý tới ông .

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Trường hợp Phan Khôi cũng vậy, ông đã viết nhiều trên tạp chí Nam Phong. Ông đã viết cho Đông Pháp Thời Báo, nhưng người ta chỉ đặc biệt chú ý tới ông ở Phụ Nữ Tân Văn..."*

(....)

*Phụ Nữ Tân Văn có thể tự hào là đã góp phần giác ngộ cho đồng bào thấy rõ số phận của mình mà kiên định lập trường dân tộc cách mạng ..."*



Tài liệu tham khảo:

- *Phụ Nữ Tân Văn* Web: [libsiss.org.vn](http://libsiss.org.vn)

## 1. Phan Khôi



### **Chương Dân – Phan Khôi (1887-1959)**

Phan Khôi sinh ngày 6 tháng 10 năm 1887 tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, bút hiệu Chương Dân, là con của Phó bảng Phan Trân (tri phủ Điện Khánh) và bà Hoàng Thị Lệ (con gái Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu). Ông học giỏi Nho văn và đỗ tú tài năm 19 tuổi. Sau đó ông có gặp Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và chịu ảnh hưởng của hai nhà cách mạng này.

Năm 1907, ông ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và làm việc cho tạp chí *Đặng Cổ Tùng Báo*. Khi tờ tạp chí bị cấm ông về Nam Định rồi về Hải Phòng ẩn náu. Ít lâu sau ông lén về Quảng Nam hoạt động trong phong trào Văn Thân cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng. Trong một cuộc biểu tình đòi giảm thuế, tức vụ Trung Kỳ dân biến, ông bị bắt và giam tại nhà tù Quảng Nam đến năm 1914 thì được ân xá.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ra khỏi tù, ông lại về Hà Nội viết cho báo *Nam Phong*. Vì bất bình với Phạm Quỳnh, ông bỏ Hà Nội vào Sài Gòn viết cho báo *Lục Tinh Tân Văn*.

Năm 1920, ông lại trở ra Hà Nội viết cho báo *Thực Nghiệp Dân Báo* và báo *Hữu Thanh*.

Năm 1928, *Thực Nghiệp Dân Báo* và *Hữu Thanh* bị đóng cửa, ông lại trở vào Nam viết cho báo *Thần Chung* và *Phụ nữ tân văn*, trên báo này số 122 ngày 10-3-1932, ông đã viết bài *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ*, phát sinh ra Thơ mới ở Việt Nam từ đó.

Năm 1933, Phan Khôi trở ra Hà Nội viết cho tờ *Phụ nữ thời đàm*.

Năm 1936, ông vào Huế viết cho tờ *Tràng An* và xin được phép xuất bản báo *Sông Hương*. Năm 1939, *Sông Hương* đóng cửa, Phan Khôi lại trở vào Sài Gòn dạy học chữ Nho và viết tiểu thuyết.

Sau năm 1945, tức sau Cách mạng tháng Tám, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời từ Quảng Nam ra Hà Nội tham gia kháng chiến với cương vị một nhà văn hóa, sau lại lãnh chức vụ chủ nhiệm Chi bộ Quảng Ngãi của Việt Nam Quốc dân đảng.

Ông ở Việt Bắc suốt 9 năm nhưng vì bị bệnh nên phải vào bệnh viện một thời gian.

Cuối năm 1954 hòa bình lập lại, Phan Khôi về Hà Nội cùng với các văn nghệ sĩ khác. Trong thời gian 1956-1957, là một trong những người thành lập tờ *Nhân Văn* và có các bài phê

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

phán giới lãnh đạo văn nghệ lúc bấy giờ, ông bị cấm sáng tác cho đến khi qua đời.

Ông là hội viên Hội nhà văn Việt Nam, từng làm giám khảo trong các giải văn học của hội nhà văn Việt Nam.

Những năm cuối đời, bạn bè xa lánh vì sợ bị nhà cầm quyền gây khó khăn cho họ. Ông mất năm 1959 tại Hà Nội, đám tang của ông do xe song mã chở quan tài, theo sau là gia đình và chỉ có nhà thơ Yến Lan đưa ông vì “nghĩa tử là nghĩa tận”.

Mộ của ông được chôn cất tại nghĩa trang Mai Động, sau đó, theo cơn biến động, các ngôi mộ buộc phải di chuyển, những ngôi mộ vô thừa nhận được nhà nước dời đi, hoặc bị san bằng. Do hoàn cảnh khó khăn của gia đình, hay thiếu thông tin, mộ ông Phan Khôi đã nằm trong những ngôi mộ vô thừa nhận, đến nay ngay cả con cháu ông cũng không biết mộ ông ở đâu.

Năm 2007, kỷ niệm 120 năm ngày sinh của ông, Một tọa đàm về ông đã được Tạp chí Xưa và Nay, Hội khoa học lịch sử Việt Nam tổ chức. Loạt sách *Phan Khôi - Tác phẩm đăng báo*, do nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân sưu tầm, cũng được xuất bản một số tập.

Tác phẩm:

- *Bàn về tế giao* (1918)
- *Tình già* (thơ mới - 1932)
- *Chương Dân thi thoại* (1936)
- *Trở vỏ lừa ra* (1939)
- *Tìm tòi trong tiếng Việt* (1950)
- *Chủ nghĩa Mác và ngôn ngữ* (dịch của Stalin, 1951)
- *Việt ngữ nghiên cứu* (1955)

## HUỠNH ÁI TÔNG

- *Dịch Lỗ Tấn* (từ 1955 đến 1957)
- *Ngẫu cảm* (thơ chữ Hán)
- *Viếng mộ ông Lê Chất* (thơ chữ Hán)
- *Ông Năm chuột* (truyện ngắn)

Ông cũng là một trong những người dịch Kinh Thánh sang tiếng Việt.

Trích văn:

### **Tư tưởng của Tây phương và Đông phương**

Hiện trong thế giới có hai thứ văn minh, là văn minh Tây phương và văn minh Đông phương. Hai cái văn minh ấy khác nhau là do tại hai đảng tư tưởng khác nhau. Tây phương gồm cả các nước châu Âu châu Mỹ mà nước Pháp là một; Đông phương gồm cả các nước châu Á, mà nước ta là một. Tư tưởng của Tây phương phát nguyên từ Hy Lạp, La Mã, Hê-bơ-rơ, song bây giờ đã hỗn thành ra một nền tư tưởng Tây phương, nên ở đây gọi chung là tư tưởng Tây phương. Tư tưởng Đông phương có hai tua lớn, một là Ấn Độ, một là Tàu, mà ta thuộc về tua Tàu, nên ở đây chỉ lấy Tàu làm trọng.

Người ta thấy bên Tây về đường vật chất phát đạt tinh xảo hơn bên Đông, rồi cho rằng văn minh Tây phương là vật chất văn minh, còn văn minh Đông phương là tinh thần văn minh. Nói như vậy là lầm. Những cái thuyết tự do bình đẳng, là phần hệ trọng nhứt trong văn minh Tây phương, chẳng phải tinh thần là gì? Bên nào cũng có tinh thần vật chất cả, chẳng qua vật chất tùy theo tinh thần của mỗi bên mà hiện ra hai vẻ khác nhau. Cái tinh thần ấy tức ở đây tôi gọi là tư tưởng.

Ba điều tôi sắp giải ra dưới đây chỉ là từ trong hai cái văn minh ấy mà rút ra mỗi bên ba cái yếu điểm; ngoài ra, mỗi cái văn minh hoặc giả đều có chỗ hay chỗ dở thì tôi không kể đến. Tôi cũng không có ý so sánh bên nào hơn, bên nào kém; cốt muốn tỏ ra cho biết hai bên trái ngược nhau, không thể dung nhau mà thôi.

**1. - Tây phương chuộng khoa học, Đông phương chuộng huyền học.** - Theo ý người phương Tây, mọi sự vật trong thế gian bất kỳ lớn hay nhỏ, thấy được hay không thấy được, hễ mình muốn biết thì phải biết cho đến nơi, cho đâu ra đó, chớ không được mập mờ, không được lộn xộn. Bởi vậy họ phải làm ra cái cách để mà biết. Đối với một sự vật gì, họ cứ nhặt lượm những cái kinh nghiệm mỗi khi một ít, những cái tri thức mỗi nơi một chút, rồi quán thông lại, lập ra những cái nguyên tắc, công lệ, và những cái thuyết có thống hệ, mà ai cũng không cãi được nữa, thì bấy giờ sự biết mới đích xác và sự học về sự vật ấy mới thành. Ấy gọi là khoa học.

Ở phương Tây bây giờ hầu như mỗi một sự vật gì là có một khoa học. Không những thiên văn, địa văn, quang, điện, chánh trị, pháp luật có khoa học mà thôi; cho đến nuôi gà, trồng rau cũng có khoa học nữa. Triết học ngày xưa đứng ngoài khoa học, mà bây giờ người ta cũng dùng phương pháp khoa học để nghiên cứu triết học. Họ chia khoa học ra làm ba loại: là Tự nhiên khoa học, Xã hội khoa học và Tinh thần khoa học. Những tên riêng từng khoa thì nhiều lắm, không hơi sức đâu mà kể.

Đây cử ra một khoa y học để cho biết cái vẻ khoa học của họ là thế nào. Y học lại gồm có nhiều khoa học khác nữa, nào là: Sinh lý học dạy về sự kết cấu và tác dụng của các cơ thể trong

## HUỶNH ÁI TÔNG

mình người ta; Giải phẫu học dạy về từng cái xương từng mạch máu trong mình người ta; Bệnh lý học dạy về các chứng bệnh; Dược vật học dạy về các vị thuốc; tất phải biết ngàn ấy khoa học mà thiết hành ra được đã rồi mới làm nên thầy thuốc. Đến khi chữa bệnh, thầy thuốc nói bệnh tại tim, ấy là trái tim thiết bị đau; nói bệnh tại phế, ấy là phổi thiết bị đau. Đau tim đau phổi cách làm sao thì uống thuốc gì, đều có phương nhưt định cả, phải theo khoa học chớ không được theo ý riêng của thầy thuốc.

Tóm lại, người phương Tây biết được sự vật gì đều là do khoa học cả. Khoa học đã thành ra như cái táng riêng của họ.

Sự học phương Đông thì thật là mênh mông và mầu nhiệm. Kẻ học cứ sách mà đọc tràn đi rồi hiểu được chừng nào thì hiểu. Những sự vật mà ta muốn biết, tán mạn ra trong sách mỗi nơi một ít, không có xâu suốt lại thành từng món một, và cũng không có đặt ra phương pháp gì để noi đó mà tìm tòi. Sách thì dạy trước bác mà sau ước. Kinh Thư nói vô số là chuyện, rồi ước lại một chữ Trung, Kinh Lễ nói vô số là chuyện rồi ước lại một chữ Kính; bác thì cực kỳ là bác, mà ước thì cực kỳ là ước. Đến Kinh Dịch mới là ảo diệu vô cùng: quẻ Kiền có nói đến "rồng bay" (long phi), mà kỳ thiết không phải là rồng bay; quẻ Khôn có nói đến "ngựa cái" (tần mã), mà kỳ thiết không phải là ngựa cái; chẳng qua nói bóng vậy thôi, không khác nào "con rồng có bảy đầu mười sừng" và "con thú ở dưới đất lên" đã nói trong sách *Khải huyền* của kinh *Tân ước*. Sách *Xuân thu* cũng vậy, nói "Doãn thị chết" song không trọng tại Doãn thị chết mà trọng tại cái ý chê thể khanh; nói "thiên vương đi săn", song không phải đi săn mà là bị chư hầu bắt hiếp. Càng những chỗ sâu hiểm éo le như vậy, thì lại càng tôn cho là vi ngôn đại nghĩa. Cứ theo sách thì những âm dương, ngũ hành, cũng đều



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

là những cái giả tượng mà thôi, chớ không phải chỉ ngay về hiện trạng và thiết tế mà ta ngó thấy đâu. Vì vậy cho nên gọi là huyền học.

Người nào đã chịu phép "báp tem" của huyền học rồi thì ra làm việc gì cũng đều được cả, bất cứ việc gì, vì "vận dụng do u nhứt tâm". Một ông quan có thể coi việc bộ Hộ rồi coi việc bộ Hình, luôn cả sáu bộ cũng được, và có khi ra làm tướng đánh giặc cũng xong. Còn các nghề thợ thì nhứt thiết không có học gì cả, hễ tập quen thì làm được, ăn thua nhau là tại cái sáng dạ.

Nói đến nghề làm thuốc của ta mới càng tỏ ra cái vẻ huyền học, và để cho nó phản chiếu lại nghề làm thuốc của Tây vừa nói trên kia. Bắt đầu dạy về ngũ tạng: tâm, can, tì, phế, thận, thì dạy rằng nó hiệp với ngũ hành, phối với ngũ vị, ứng với ngũ phương và tứ thời. Dạy về dược tánh thì: một vị bạch truat mà chủ cả công cả bổ, đã kiện tì cường vị, lại trị thấp, bĩ, hư đàm; cần cương sao hắc thì nhập thận; hỏi tại làm sao thì bảo rằng vì "thận thuộc thủy, kỳ sắc hắc". Những điều ấy nếu bất cứ theo phương pháp khoa học mà giải nghĩa thì không tài nào giải ra được. Đến lúc trị bệnh, thầy thuốc nói là bệnh phong, nhưng phong đó không phải là gió; nói là bệnh thấp, nhưng thấp đó không phải là ẩm ướt; thậm chí nói bệnh tại phế, tại can, nhưng thiết không phải là đau phổi hay đau gan. Những chữ phong, thấp, phế, can đó chẳng qua là một thứ chữ trừu tượng chớ không phải cụ thể. Còn đến cho thuốc thì cùng một bệnh mà mỗi thầy đi một mặt: thầy thì hàn, thầy thì nhiệt, thầy thì bổ hỏa, thầy thì lợi thủy, thầy thì ít vị, thầy thì nhiều vị, mỗi thầy đều kê phương dụng dược theo ý mình. Ôi! huyền diệu là dường nào!

Đại ý huyền học không lấy khách quan mà xem xét mọi sự vật,

chỉ lấy chủ quan mà ứng tiếp nó. Kẻ học, sau khi đã học nhiều rồi, đã hội được vạn lý vào nhứt tâm rồi, thì có thể đem cái tâm ấy ra mà đối phó với mọi sự vật chớ không theo y như sự mình đã học; như vậy sách Nho gọi là "thần nhi minh chi". Ấy huyền học tương phản với khoa học là tại đó.

**2. -Tây phương trọng tự chủ, Đông phương trọng thống thuộc.** - Chữ tự chủ ở đây nghĩa là mỗi người làm chủ lấy mình, cũng tức là cá nhân chủ nghĩa. ở phương Tây, nói rằng "một người", nghĩa là đối với thế giới, đối với quốc gia mà nói, chớ không phải phiếm nhiên. Đã gọi là người, thì người nào cũng vậy, ai ai cũng có cái địa vị cái tư cách đối với thế giới đối với quốc gia, thật như ta thường nói "đội trời đạp đất ở đời". Như vậy, người nào tự chủ lấy người ấy, không ai thuộc về ai cả.

Bởi đó mới có sự tự do. Một người đã tới tuổi thành nhân rồi thì không còn ở dưới quyền cha mẹ nữa. Mà cũng không ở dưới quyền chánh phủ hay là dưới quyền ông nguyên thủ, song chỉ ở dưới quyền pháp luật. Một người được y theo trong vòng pháp luật mà tự do. Pháp luật cho mọi người được tư tưởng tự do, ngôn luận tự do, cư trú tự do,... những quyền tự do ấy, người khác - dầu là cha mẹ nữa - không được can thiệp đến. Pháp luật đặt ra cốt là hạn chế sự tự do của từng người để bình vực sự tự do cho từng người.

Lại bởi đó mới có sự bình đẳng. Mọi người đối với quốc gia xã hội đều có nghĩa vụ và quyền lợi bằng nhau. Ai nấy đều phải nộp thuế, đều phải đi lính, thì ai nấy đều được hưởng quyền tự do của pháp luật. Trước mặt pháp luật, ai cũng như nấy, hễ có tội thì bị phạt, không cứ ông nguyên thủ hay là người bình dân.

Pháp luật đặt ra cũng cốt để duy trì sự bình đẳng giữa từng người.

Bởi mỗi người đều có địa vị tư cách vững vàng, tự chủ lấy mà không xâm phạm đến ai như vậy, cho nên khi hiệp với nhau thành đoàn thể thì chỉnh tề và ổn kiện lắm. Quốc gia, tức là của chung của quốc dân; hội xã tức là của chung của hội viên; đối với quốc gia xã hội ai có bổn phận gì thì làm hết bổn phận ấy, có lợi ích thì mọi người cùng hưởng. Mới nghe họ nói những là "quốc gia lợi ích, xã hội lợi ích" thì tưởng là xung đột với chủ nghĩa cá nhân, mà xét kỹ ra thì những cái lợi ích ấy cũng chỉ là lợi ích cho từng người vậy.

Các nước bên Tây đều dùng cái chánh thể lập hiến, cộng hòa được, là nhờ họ sẵn có cái tư tưởng như đã nói trên đó. Cái tư tưởng ấy tức là cái tinh thần dân chủ.

Nói đến Đông phương. Theo cái ý nghĩa chữ "một người" ở phương Tây, thì ở phương Đông, trừ ông vua ra, hầu như không có "người" nào hết. Bởi vì "xuất thổ chi tân, mạc phi vương thân", ai cũng là thần thiếp của vua, ai cũng là dân của vua. Cứ như sách dạy, nhân thân không được tư giao với ngoại quốc, ấy là không có tư cách đối với thế giới; thứ nhân không được nghị luận việc chánh, ấy là không có tư cách đối với quốc gia. Bởi vậy ai nấy phải nộp của cải cho vua, nộp cả đến thân mình nữa; vua thương thì nhờ, bằng vua không thương mà giết đi cũng phải chịu. Như vậy gọi là trọn cái bổn phận thờ bề trên; như vậy gọi là thiên kinh địa nghĩa.

Không những thuộc về vua mà thôi, ai còn có cha mẹ đến chừng nào thì phải kể cái thân mình là của cha mẹ đến chừng này. Lại không những cái thân mà thôi, mình dầu có của cải, có

## HUỶNH ÁI TÔNG

vợ con, cũng phải kể là của cha mẹ. Theo kinh Lễ dạy: Con yêu vợ mà cha mẹ ghét, thì con phải để vợ đi; con ghét vợ mà cha mẹ yêu, thì con phải hòa thuận với vợ. Lại dạy: có dư của thì nộp cho tông, thiếu thì lấy của tông. Tông là người tông chủ trong gia đình, tức là cha mẹ. Còn chưa kể đến những lời tục thường nói "Cha mẹ đặt đâu ngồi đó, bảo chết hay chết, bảo sống hay sống" thì lại còn nghiêm khắc quá nữa.

Trọng nhứt là vua và cha mẹ, rồi thứ đến quan, làng, họ, cũng đều có quyền trên một người. Quan, nào có phải một ông, có đến năm bảy lớp, cứ dùi đánh đục, đục đánh sãng, rút lại trăm sự chi cũng đổ trên đầu người dân cả. Người trong làng thì kể như con của làng, cho nên nói rằng "con làng nhờ làng". Người trong họ đối với họ cũng vậy.

Áy vậy, lấy ra một người rông rặt Đông phương mà nói, thì người ấy không tự mình làm chủ lấy mình được; song là thuộc về vua, về cha mẹ, về quan, về làng, về họ, nếu là đàn bà thì còn thuộc về chồng nữa.

Bởi có áy, trong xã hội ta như một cái thang có nhiều nấc. Nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người không đồng nhau: người trên đối với người dưới không có nghĩa vụ; còn ai có nhiều quyền hơn thì được hưởng nhiều lợi hơn. Pháp luật đối với mọi người thì tùy từng bậc mà khác: cùng phạm một tội mà dân bị phạt trọng, quan được phạt khinh; cùng phạm một tội mà kẻ thứ ấu bị phạt trọng, kẻ tôn trưởng được phạt khinh. Theo Tây phương, như thế là bất bình đẳng; song theo Đông phương thì như thế là có trật tự.

Một đảng thì trọng tự chủ, một đảng thì trọng thống thuộc, hai đảng tư tưởng khác nhau, cho nên trình bày ra hai cái xã hội

khác nhau. Xã hội Tây phương thì như bầy chim sẻ, con nào cũng một lứa như con nào, và con nào cũng tự kiếm ăn cho con nấy, song cũng hiệp nhau thành bầy. Xã hội Đông phương thì như bầy kiến, có con lớn con nhỏ, con lớn giữ phần cai quản, con nhỏ lo việc đi kiếm ăn, song cũng hiệp nhau thành bầy.

**3. - Tây phương quý tấn thủ, Đông phương quý an phận -** Bên phương Tây hay có những người đi bộ quanh trái đất một vòng, đi tìm đất mới, đi thám hiểm đến Nam cực, Bắc cực, là vì họ có cái tư tưởng trọng sự tấn thủ. Họ không chịu đầu hàng cảnh ngộ và sức tự nhiên, mà lại cố chiến thắng cảnh ngộ và sức tự nhiên. Họ không tin có số mạng; dầu biết có số mạng chẳng nữa, họ cũng lo làm cho hết sức mình.

Vì có cái tinh thần tấn thủ, muốn chiến thắng sức tự nhiên mà lợi dụng nó, nên mới sanh ra các thứ khoa học và làm được những công trình to tát, như là dùng điện khí, hơi nước, bắc cầu trên sông lớn và đặt đường hỏa xa xuyên qua núi, v.v.

Người Đông phương chỉ muốn sống cách làm sao cho êm đềm lặng lẽ. Trời bắt thế nào thì hay thế: "Bất phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao". Sách Nho dạy phải "lạc thiên an mạng", sách Lão dạy phải "tri chi tri túc" đều là ý ấy. Trái các đời, những ông vua nào hay đi chinh phục các nước xa, thì bị chê là cùng binh độc võ; những người nào có chí lớn cử đồ việc lớn, thì người ta cho là không biết an thường thủ phận. Ai nấy đều lấy sự ở nhà làm sướng, đi ra làm khổ; đến ông Lão Tử thì lại còn muốn ai ở đâu ở đó, đến già đến chết không qua lại nhau (lão tử bất tương vãng lai) nữa kia!

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đối với sức tự nhiên, người phương Đông không dùng chức chiến mà dùng chức hòa; cũng lợi dụng nó mà lợi dụng một cách khác. Một hòn núi to và cao, người Tây có thể vỡ thành đường quanh theo chơn nó mà đi, người Đông thì cứ để vậy mà trèo ngang qua; một cái thác, người Tây có thể dùng sức chảy của nó dựng nên bộ máy mạnh mấy ngàn ngựa, người Đông thì không, chỉ dùng làm chỗ ngắm cảnh và ngâm thơ. Cho nên phương Đông khó lòng mà nảy ra khoa học được; mà như vậy thì cũng không cần dùng khoa học làm gì nữa.

Xem ba điều trên đây thì thấy ra hai cái tư tưởng Đông và Tây nó phản đối nhau như phương nam với phương bắc, như mặt trăng với mặt trời. Nay ta nếu muốn theo cách sanh hoạt mới của Tây phương, mà ta lại còn giữ cả tư tưởng cũ của Đông phương thì quyết không có thể được. ầu là phải dứt bỏ tư tưởng cũ của ta mà theo tư tưởng của Tây phương, thì mới hiệp với cách sanh hoạt mới của ta.

(Bài đăng trên *Đông Pháp thời báo*, Sài Gòn, các số 774 ngày 27-9-1928 và 776 ngày 2-10-1928)

Trích thơ:

### **Cảm Đề Khi Đọc Bản Dịch Thủy Hử Của Á Nam Trần Tuấn Khải**

*Đời loạn vua hèn quan giết dân,  
Ông thần pháp luật đứng bằng chân.  
Trời sinh theo sát tuôn ra máu,  
Đổ lại trên đầu lũ bất nhân.*

*Trăm tám người linh, một vẻ hào,  
Nằm trên rượu thịt, gói guom đao.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Xưa nay nổi việc phường này cả,  
Tú sĩ, phường anh có kẻ nào?*

*Khăn áo hương hoa lạy Võ Tòng.  
Giết người như bác mới anh hùng;  
Một đêm đi đứt mười lăm mạng,  
Hàng máu trên tường nhỏ giọt hồng!*

*Võ nghệ tuy thường, lượng khác thường  
Gần xa suy phục Hắc Tam Lang.  
Cho hay trong cuộc phong vân đó,  
Ai lượng hơn người, ấy chủ trương.*

*Này vừng Lương Sơn nay ở đâu?  
Xa trông che khuất mấy ngàn lau!  
Hát anh bài hát sau bia sách,  
Cảm khái riêng ta với Á đầu...*

### Tình Già

*Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa.  
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ,  
Hai cái đầu xanh kề nhau than thở:  
- Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,  
Mà láy nhau hẳn là không đặng,  
Để đến nỗi, tình trước phụ sau,  
Chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau.  
- Hay! mới bạc làm sao chớ?  
Buông nhau làm sao cho nổi!  
Thương được chừng nào hay chừng này,  
Chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy!  
Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Mà tính việc thủy chung?  
Hai mươi bốn năm sau. Tình cờ đất khách gặp nhau.  
Đôi cái đầu đều bạc.  
Nếu chẳng quen lung đố nhìn ra được.  
Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi,  
Con mắt còn có đuôi.*

(Phụ Nữ Tân Văn số 122 ngày 10-3-1932)

Ngày 26-7-1933, thi sĩ Nguyễn Thị Mạnh Mạnh, diễn thuyết tại Hội Khuyến Học Nam Kỳ (SAMIPIC) Sài Gòn, đề cổ vũ, tán dương *Thơ mới*, sau đó cũng có những nhà văn đăng đàn diễn thuyết nhằm mục đích phổ biến *Thơ mới* như Đỗ Đình Vượng, Lưu Trọng Lư, Vũ Đình Liên.

Dĩ nhiên có những nhà văn, nhà thơ như Tân Việt, Tản Đà, Hoàng Duy Từ, Nguyễn Văn Hanh, Tường Vân và Phi Vân, Tùng Lâm Lê Cương Phụng, Thái Phi và Huỳnh Thúc Kháng viết bài đăng trên báo, đăng đàn diễn thuyết, từ Sài Gòn ra đến Hà Nội để bênh vực thơ cũ, công kích *Thơ mới*.

Trong số đó, có một bài công kích *Thơ mới* đăng ở mục Nhân đàm trong Phụ Trương Văn Chương của nhật báo *Đuốc Nhà Nam* số 64 ra ngày 3-7-1933 như sau:

### ***Dịch thơ mới***

*Độc đến đầu đề chắc không khỏi có một vài vị độc giả ngộ nhận chữ dịch, đây là traduire của Tây. Như thế là không đúng. “Dịch” đây là cái bệnh rất ghê gớm cũng như dịch hạch, dịch thiên thời, chứng bệnh rất truyền nhiễm ấy tức là dịch thơ mới vậy.*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Mấy tháng nay không hiểu từ đâu đem đến mà cái bệnh dịch này nó lan tràn từ Bắc chí Nam mà nhứt là ở Nam nếu ta nói là chỗ chứa (dépôt) bệnh dịch này cũng được.*

*Cũng nên khảo cứu thử cội rễ của nó ở đâu. Hình như trước kia ông Phan Khôi khi còn viết báo trong Nam ông dòm miếng đất thi thơ nước nhà coi bé tí quá, nghĩa là cách làm thơ chỉ trong vòng niêm luật đối chọi lời thôi mà ông phát kiến ra cái "Tình xưa", rồi ông đem trình qua làng báo. Đại ý ông Phan Khôi nói "Miếng đất thi thơ từ phú ở nhà ta hẹp quá vậy phải khuyến khích thêm đây tôi xin trình với các ngài lối thơ mới của tôi đây nếu xài được thì nhờ mấy ngài tán thành và hưởng ứng". Tôi xin chép lại vài câu trong đầu bài thơ "Tình xưa" của Phan Khôi như dưới đây cho độc giả thưởng thức.*

*Hai mươi mấy năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa  
Trong cái lều tranh nhỏ, hai cái đầu xanh, kề nhau mà than  
thở  
Ôi ! Đôi ta tình vẫn rất nặng nhưng láy nhau hẵn đã không  
đặng  
Để đến nỗi tình trước phụ nghĩa sau, chỉ cho bằng sớm liệu  
mà xa nhau*

*Mấy câu thơ đó ai thì sao tôi không biết chớ riêng về phần tôi, tôi nói nó "mùi" và chan chứa mối tình nhiều lắm.*

*Đem ra đăng báo không thấy ai hó hé gì hết. Phan tiên sinh giận "dứt giấy từ đó về sau xin chừa". Phan tiên sinh không màng dở chuyện cũ nữa nhưng người sau tiên sinh lại rất chú trọng nên chi bệnh dịch thơ mới cũng bắt đầu thịnh hành từ đó.*

*Như tôi đã nói ở Nam cái "dịch" đó bành trướng một cách nên ghê sợ lắm, mà người đốc xuất bệnh đó để truyền khắp xa gần*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*lại chính là một thơ văn gái một nữ đồng nghiệp churn ước chưa ráo ở trong lòng báo chúng tôi.*

*Một mình cô sanh ra vô số thơ mới nghĩa là một thứ thơ không phải là thơ một món văn cũng chưa hẳn là văn, một thứ thơ mà anh phu xe, thằng chệt lên kèn, đũa con nít năm tuổi cũng làm được dư sức.*

*Thấy ngộ và dễ "bữa cũ" mấy nhà nam nữ văn sĩ khác đua nhau hưởng ứng.*

*Đây tôi xin trích ra một vài đoạn thơ mới để làm quà cho độc giả.*

### **Nghe đờn**

*Nghe  
Anh cất tiếng đờn ở mé phòng tây  
Tôi lên đến đây  
Nghe tiếng đờn*

### **Gửi mấy hàng dương trong làng tôi**

*Hỏi mấy hàng dương mọc ở quê hương  
Trong thấy tôi thương  
Sao các người được rõ tường...*

*Đọc hai đoạn tôi trích ra trong năm đoạn khác chắc độc giả xem qua không khỏi ôm bụng...*

*Cái lối thơ gì mà quái gỡ hết sức xem một trăm bài không có bài nào giống với bài nào hết nghĩa là mấy nhà thi sĩ (!) ta hể nghĩ sao viết vậy rồi tự nhận là lối thơ mới (?)*

*Nếu muốn trở nên nhà thi sĩ như trở bàn tay thì xã hội Việt*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Nam mình thì không người nào là không làm được thi sĩ.*

*Anh bán cà na sẽ trở nên thi sĩ với bài rao của anh:*

*Trái cà na trái cà na  
Bên Tàu mới đem qua  
Ở đường Catinat  
Số nhà lẻ ba  
Con nít có khóc có la  
Mua một trái dọng vô miệng nó hết la v.v.*

*Đứa bé năm tuổi cũng cũng sẽ được làm thi sĩ với mấy câu của nó đòi ăn:*

*Má ơi ! Đừng có đánh  
Cho con xin một cái bánh  
Rồi con sẽ đi tránh v.v.*

*Xem đó thì đoán ngay được là tiền đồ hàng năm nước nhà sẽ sản xuất không biết bao nhiêu là thi sĩ. Chừng đó phái cổ điển như Tản Đà, Á Nam sẽ bị đạo binh lãng mạn trên này đuổi chạy không kịp.*

### Tịnh Đế

Dù có bị phê bình gay gắt như bài Nhân Đàm trích trên đây, nhưng thực chất *Thơ mới* phóng khoáng, bình dị, mới mẻ, nên được nhiều người ủng hộ từ phía sáng tác cũng như giới thưởng ngoạn, từ đó *Thơ mới* có đủ sức bật vượt qua làng thơ cũ, chiếm chỗ đứng xứng đáng trong văn học Việt Nam, ngày nay chúng ta có những bài thơ mới của Tú Ly, Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Đoàn Phú Thù ... đã sáng tác trong giai đoạn này.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Phan Khôi trước nhất là một nhà báo, về mặt này ông hoạt động từ Đông Cổ Tùng Báo, Nam Phong Tạp Chí ở Hà Nội, rồi Lục Tinh Tân Văn, Thần Chung, Phụ Nữ Tân Văn ở Sài Gòn cho đến Trường An và Hương Giang ở Huế, như thế ông đã làm báo khắp cả ba miền đất nước Việt Nam, lại là người khởi xướng phong trào Thơ mới, cho nên tên tuổi ông, người trí thức, độc giả khắp cả nước đều biết đến qua những bài báo giá trị của ông.*

*Ông từng tham dự cuộc biểu tình đòi giảm thuế được mệnh danh là cuộc Trung kỳ dân biến, bị tù đày. Trong những năm kháng chiến chống Pháp ông từng tham gia kháng chiến, lên vùng Việt Bắc để dịch các tài liệu cho cách mạng, sau khi miền Bắc hòa bình, công cuộc Cải Cách Ruộng Đất thất bại, Phan Khôi tham gia đứng tên Chủ nhiệm báo Nhân Văn để tiếp tay Giai Phẩm trình bày nguyện vọng lên lãnh đạo đảng để: yêu cầu tự do sáng tác, trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ. Vụ án Nhân Văn – Giai Phẩm xảy ra, ông can đảm nhận chịu những oan khiên cho đến khi nhắm mắt là đời.*

*Tên tuổi vậy, mà ngày nay ông không có một nắm mồ, để hậu thế tưởng niệm ông, đặt lên đó những vòng hoa tưởng niệm!*

Tài liệu tham khảo:

- Phan Khôi Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## 2. Manh Manh



**Manh Manh - Nguyễn Thị Kiêm (1914-2005)**

Manh Manh hay Nguyễn Thị Manh Manh (chữ Hán: 阮氏萌萌) là một nữ sĩ Việt Nam thời tiền chiến. Theo tài liệu thì bà là người phụ nữ đầu tiên đã đăng thơ, viết bài, đăng đàn diễn thuyết hô hào cho phong trào thơ mới tại Việt Nam.

Nữ sĩ tên thật là Nguyễn Thị Kiêm (阮氏兼), sinh ngày 3 tháng 1 năm 1914 tại Sài Gòn, nhưng quê quán của bà ở tỉnh Gò Công (nay thuộc Tiền Giang). Bà là con gái thứ của Tri huyện Nguyễn Đình Trị, tục danh Huyện Trị, cũng là một cây bút trong làng báo lúc bấy giờ. Ông Trị từng là chủ huyện Lái Thiêu, Thủ Dầu Một, nghị viên hội đồng thành phố chung "sỏ" (liên danh tranh cử) với giáo sư Nguyễn Văn Bá, chủ bút báo Công Luận thời Diệp Văn Kỳ, Thân Chung. Ông Trị cũng là "bầu" của đội bóng đá Ngôi Sao Xanh và sau đó đội Ngôi Sao Gia Định cùng lúc một thời.

Thuở nhỏ học ở Gò Công, sau khi học hết bậc tiểu học, bà được theo học ở trường Collèges des jeunes filles indigènes: Trung học Thiếu nữ Bản xứ Sau đổi tên là Collèges des Jeunes filles Annamites de Saigon: Nữ Trung học An Nam Sài Gòn.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Thời đó nữ sinh trường này phải mặc đồng phục áo dài màu tím, nên người ta gọi là Trường Áo Tím, đến năm 1949 đổi tên thành Collège Gia Long, rồi Lycée Gia Long, sau 1975 đổi tên thành Trung học Nguyễn Thị Minh Khai.

Khoảng năm 1931-1932, sau khi tốt nghiệp bằng Thành chung ban Sư phạm (Cour de pedagogie hay Section Normal), bà được giữ lại trường để dạy học, nên gia nhập làng báo Sài Gòn. Bà thường xuyên cộng tác với tờ *Phụ nữ tân văn* ở Sài Gòn do ông Nguyễn Đức Nhuận (1900-1968) làm Chủ nhiệm vợ ông bà Cao Thị Khanh (1900-1962) làm Chủ bút, và lần lượt viết cho các tờ báo khác như: *Công luận*, *Nữ lưu...*

Ban đầu bà chỉ là phóng viên thường, viết các mục nhỏ với bút hiệu YM, Nguyễn Văn MYM. Sau khi Phan Khôi đăng bài thơ *Tình già* (Phụ Nữ Tân Văn số 122 ngày 10-3-1932) thì tên tuổi bà sáng lên qua bút danh Nguyễn Thị Mạnh Mạnh hoặc tên thật khi ủng hộ Thơ mới và cổ vũ cho nữ quyền. Sau đó, nữ sĩ còn đăng đàn diễn thuyết cổ vũ cho phong trào này. GS.Phan Cự Đệ kể:

..."Cuộc tấn công của "thơ mới" vào "thơ cũ" ngày càng quyết liệt. Tối ngày 26 tháng 7 năm 1933, Nguyễn Thị Kiêm (tức nữ sĩ Mạnh Mạnh, khi ấy mới 19 tuổi) diễn thuyết tại Hội Khuyến học Sài Gòn về "Lối thơ mới". Hội này thành lập đã 25 năm mới có một buổi phụ nữ lên diễn đàn, mà cũng là buổi đông thính giả nhất. Hơn hai năm sau (tháng 11 năm 1935), Nguyễn Thị Kiêm lại diễn thuyết một lần nữa tại Hội Khuyến học Sài Gòn. Lần này, bà và ông Nguyễn Văn Hạnh cùng diễn thuyết tranh luận về "thơ mới"...

Không chỉ bảo vệ thơ mới, nữ sĩ Mạnh Mạnh còn là một chiến sĩ đòi giải phóng phụ nữ, bình quyền với nam giới. Đáng tiếc, cuối năm 1934, tờ Phụ Nữ Tân Văn đình bản, bà Kiêm mất chỗ dựa, phong trào cổ vũ Thơ mới và đấu tranh cho nữ quyền của

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

bà bị xep xuống. Và bà trở thành một nhà báo bình thường cộng tác với một số báo đương thời. Sở trường của bà là phỏng vấn. Tuy vậy, bà cũng viết nhiều bài phê bình, ghi chép... TS. Phan Văn Hoàng viết:

"Chị đã kích các tập tục hủ bại như trọng nam khinh nữ, tảo hôn, đa thê..., bênh vực những quyền lợi chính đáng của nữ giới. Trong năm 1934, chị đã đi tới 4 thành phố (Huế, Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng) để diễn thuyết các đề tài: "Đur luận nam giới đối với phụ nữ tiên tiến", "Một ngày của một người đàn bà tiên tiến", "Có nên tự do kết hôn chăng?", "Nên bỏ chế độ đa thê không"? Ý tưởng của chị trong các buổi diễn thuyết đó đã tạo ra trong xã hội hai luồng dư luận trái chiều (tán thành và phản đối) phản ảnh qua báo chí trong Nam ngoài Bắc..."

Năm 1936, nữ sĩ Manh Manh còn tích cực tham gia phong trào Đông Dương đại hội. Tuy mới 22 tuổi, nhưng nữ sĩ là một trong hai phụ nữ được cử vào Ủy ban lâm thời tổ chức Đông Dương đại hội tại Sài Gòn, bên cạnh các nhân vật nổi tiếng thời đó như Nguyễn An Ninh, Trịnh Đình Thảo, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm...

Ngày mùng 1 tháng 10 năm Bính Tý (tức 11 tháng 11 năm 1937), nữ sĩ thành hôn với ông Trương Văn Em, người Hà Tiên, một nhà giáo dạy Việt văn ở trường Trung học Huỳnh Khương Ninh, Sài Gòn, đồng thời cũng là một nhà báo với bút hiệu *Lư Khê*. Nhưng họ sống với nhau không lâu. Sau khi đưa con đầu lòng mất và bà không thể có con được nữa, hai người thỏa thuận chia tay. .

Nhà nghiên cứu Trương Minh Đạt (em út Lư Khê, gọi nữ sĩ Manh Manh là chị dâu) kể:

..."Chị (Manh Manh) cư xử với nhà chồng rất tốt, được bên

## HUỶNH ÁI TÔNG

chồng yêu quý. Chị là thứ nữ của ông Huyện Trị, còn anh Lư Khê là con nhà nghèo ở Rạch Vược (Hà Tiên)...Song, chị không hợm mình, lúc nào chị cũng quý trọng người nghèo rất thật tình, không màu mè, không phân biệt giai cấp. Chị thường viết báo hoặc diễn thuyết bệnh vực dân nghèo...Khi sinh bé Mi Nu, chị Kiêm bị sự cố không may, mất khả năng sinh sản. Năm sau, bé Mi Nu (bị liệt từ lúc mới sinh) qua đời...chị Kiêm vô cùng buồn, chị thỏa thuận cho anh có người khác...Đầu năm 1945, trước ngày Nhật đảo chính Pháp, anh Lư Khê có người vợ thứ hai...

Theo TS. Phan Văn Hoàng kể chi tiết:

"Đầu năm 1950, chị sang Pháp định cư. Bặt vô âm tín. Nhưng ở trong nước, tên tuổi và sự nghiệp của chị không bị lãng quên. Tháng 1 năm 1999, hai nhà nghiên cứu Thiện Mộc Lan và Thanh Việt Thanh cho xuất bản cuốn "Nữ sĩ Nguyễn Thị Mạnh Mạnh" (Nhà xuất bản Văn Nghệ TP. Hồ Chí Minh, 1999). Nhờ đọc cuốn sách ấy trong một chuyến về thăm quê hương, bà Bourbon Thi Hương (một Việt kiều ở Paris, bạn của chị) giúp nối lại liên lạc với chị. Nhận được cuốn sách có lời đề tặng của hai tác giả, chị xúc động nói: "Không ngờ nửa thế kỷ rồi mà những người bạn vẫn ở trong nước còn nhớ và viết về tôi". Lúc đó, chị đã 85 tuổi, đang sống trong nhà dưỡng lão ở Paris. Hơn 6 năm sau, chị trút hơi thở cuối cùng sau hơn nửa thế kỷ sống xa quê hương"

Nữ sĩ Mạnh Mạnh qua đời trong một nhà dưỡng lão ở Paris vào ngày 26 tháng 1 năm 2005, thọ 91 tuổi.

Tác phẩm:

Nữ sĩ Mạnh Mạnh làm thơ rất ít, và chưa in tập thơ nào, chỉ có



những bài thơ đăng báo:

- *Viếng phòng vắng*, đăng báo *Phụ nữ tân văn* số Xuân, ra ngày 19 tháng 1 năm 1933.
- *Canh Tàn*, trích trong bài diễn thuyết về Thơ mới tại Hội Khuyến học Sài Gòn ngày 26 tháng 7 năm 1933.
- *Hai cô thiếu nữ*, đăng báo *Phụ nữ tân văn*, 1933.
- *Bức thư gửi cho tất cả ai ưa hay là ghét lối thơ mới*, đăng báo *Phụ nữ tân văn* số 228, ra ngày 14 tháng 12 năm 1933.
- *Vấn đề Nữ lưu và Văn học*. Đây là bài diễn thuyết, sau đăng báo *Phụ nữ tân văn* số 131, ra ngày 26 tháng 5 năm 1932.

Trong cuộc diễn thuyết vào đêm 26 tháng 7 năm 1933 tại Hội Khuyến học Sài Gòn, nữ sĩ Mạnh Mạnh có "trưng ra làm điển hình" một bài thơ mới của mình như sau:

### **Canh tàn**

*Em ơi, nghe lóng nghe  
Gió đêm thoáng qua cửa...  
Lụn tàn một góc lửa,  
Lạnh ngắt chón bông the.  
Gió đêm thoáng qua cửa...  
Nào dạ để tí te  
Lạnh ngắt chón bông the...  
Em ơi, kêu chút lửa.  
Nào dạ để tí te  
Gió ru! "...thiết chi nữa..."  
Em ơi, kêu chút lửa  
Rồi lại ngồi đây nghe.  
Gió ru: "...thiết chi nữa..."  
Sụt sùi mấy cành tre  
Em ngồi đây có nghe  
Tơ lòng chị đứt nữa.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sự cổ vũ nồng nhiệt của nữ sĩ Mạnh Mạnh về "thơ mới", đã được Hoài Thanh-Hoài Chân kể lại trong cuốn *Thi nhân Việt Nam* (xuất bản năm 1941), như sau:

*... "Từ hai tháng trước, hôm 26 juillet (tháng 7) 1933, một nữ sĩ có tài và có gan, cô Nguyễn Thị Kiêm, đã lên diễn đàn Hội Khuyến học Sài Gòn thành lập đến bảy giờ đã 25 năm. Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng là lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe như thế"...*

Ghi nhận công lao của nữ sĩ, trong *Việt Nam thi nhân tiền chiến* (quyển thượng) có đoạn:

*... "Trong hồi dậy men của nền thơ mới, nữ sĩ Mạnh Mạnh là người đàn bà đầu tiên đáp ứng tiếng gọi đàn của nhà tiên phong Phan Khôi... Chúng ta ngày nay nhìn lại việc qua, giữa cái cũ kỹ từ nghìn đời sừng sững như cổ thành kiên cố; thế mà, bỗng chốc, một Phan Khôi táo bạo nổ phát súng cách mạng thi ca; người nữ chiến sĩ tiên phong anh dũng và hăng say hoạt động để bảo vệ và củng cố nền tảng thơ mới bén rễ và sống mạnh, ta phải kể Nguyễn Thị Mạnh Mạnh, một tay đã đóng góp công lao không nhỏ cho nền văn học đất nước .*

Có một điều mà chúng tôi nhận thấy, ông Phan Khôi là người khởi xướng ra Thơ Mới, nữ sĩ Mạnh Mạnh là người cổ vũ cho phong trào thơ mới này, cuối đời họ không được ấm êm, chết không có nắm mồ để lại cho người sau có nơi tưởng niệm. Chẳng những họ có cùng lý tưởng, lại có cùng hoàn cảnh cuối đời, tuy kẻ ở Đông, người ở Tây ! Đáng ngưỡng mộ và thương tiếc lắm thay!

Tài liệu tham khảo:

- Mạnh Mạnh Web: [vi.wikipedia](http://vi.wikipedia)

### 3. Hồ Văn Hảo



**Hồ Văn Hảo (1917-1985)**

Hồ Văn Hảo cũng là tên thật: sinh ngày 14 tháng 2 năm 1917 tại làng Tân Qui Đông, tỉnh Sa Đéc nay là tỉnh Đồng Tháp. Ông bắt đầu làm thơ từ 13 tuổi và chính thức góp mặt trên thi đàn năm 1933, trong khi còn ở ghế nhà trường Trung học Mỹ Tho, nhờ sự khuyến khích và chỉ dẫn của Giáo sư Việt Văn Trần Văn Hương, ông đã sáng tác văn chương.

Hồ Văn Hảo hưởng ứng bài *Tình già* của Phan Khôi bằng một loạt bài thơ mới, hoàn toàn mới về nội dung lẫn hình thức, đăng trên tuần báo *Phụ Nữ Tân Văn* năm 1933.

Hai bài thơ đầu của Hồ Văn Hảo, *Tự tình với trăng* và *Con nhà thất nghiệp*, được nữ sĩ Nguyễn Thị Kiềm (Nguyễn Thị Mạnh Mạnh) đem trình bày và phân tích trong một buổi diễn thuyết sôi nổi tại nhà Hội Khuyến học Nam Kỳ.

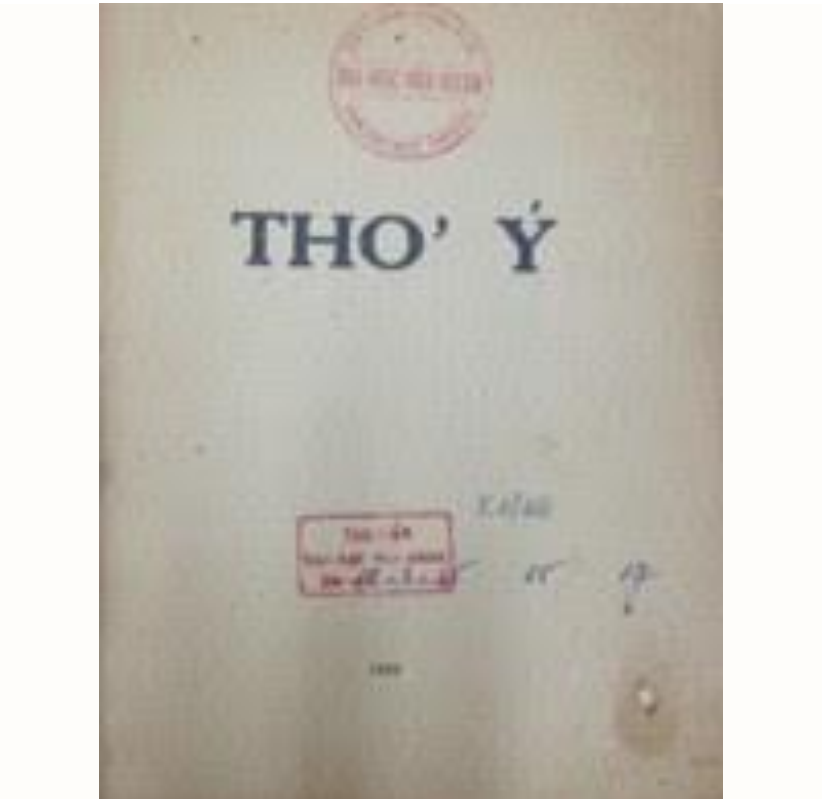
Năm 1934, ông đỗ bằng Thành Chung, đồng thời chiếm giải nhất cuộc thi thơ bằng Pháp văn do Nha Học Chánh Nam Kỳ tổ chức. Năm 1935, cộng tác với Cao Văn Chánh tục bản tờ *Phụ Nữ Tân Văn*, nhưng ít lâu sau báo bị đóng cửa, chấm dứt ở số 273, 21.4.1935, vì những bài đã kích và châm biếm

## HUỖNH ÁI TÔNG

Phạm Quỳnh, lúc bấy giờ là Thượng thư ở triều đình Huế. Năm 1936, đỗ Thủ khoa Kế toán Phòng Thương Mại Sài Gòn, giúp việc tại Đông Dương Ngân Hàng từ đó đến năm 1945.

Năm 1945, ông tham gia kháng chiến và bị Pháp bắt giam ngày 23-9-1945. Năm 1948, lại bị sở Mật thám quản thúc tại Cam Bốt.

Năm 1950, xuất bản tập *Thơ Ý*. Từ đó về sau sống với nghề kế toán.



Năm 1968, Hồ Văn Hảo sống ẩn dật ở đồng quê, vùng Chợ Lách tỉnh Vĩnh Long.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Sau đó, ông làm Phó giám đốc công ty Xi Măng Hà Tiên. Sau tiếp thu, ông làm Tổng giám đốc hãng dệt Vinatexco ở Biên Hòa nay là tỉnh Đồng Nai. Thời gian này, nhà ông ở gần rạp hát Kinh Đô, đường Hai Bà Trưng, Tân Định, Sài Gòn. Sau dời về Quận Bình Thạnh, đường Hoàng Hoa Thám, Sài Gòn.

Trong lúc đang ở Sài Gòn, ông về quê Chợ Lách mua đất rộng làm vườn và có thuê người ở chăm sóc, ông lên xuống giữa Sài Gòn và Chợ Lách. Thời gian này là lúc cuộc sống của ông khá sung túc, đi lại có xe với tài xế.

Sau đó ông về hưu, rồi sống luôn nơi Chợ Lách, có thời gian rất khó khăn về vật chất và bệnh qua đời tại đây ngày 22 tháng 12, năm 1985, tại Ấp Đại An, xã Đại Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, thọ.68 tuổi.

Ngoài làm thơ, viết phê bình, Hồ Văn Hảo còn biết đàn, thổi sáo.

Vợ ông là bà Nguyễn Thị Thiện (1920-2003), quê Mỹ Tho. Nhà thơ Hồ Văn Hảo có bảy anh chị em và sáu người con (Hồ Hải Tâm, Hồ Hải Thanh, Hồ Liên Hương, Hồ Thanh Sơn, Hồ Hải Lượng, Hồ Hải Minh). Cháu nội Hồ Văn Hảo là Hồ Hải Trí hiện sống ở Chợ Lách, Bến Tre cũng biết làm thơ như ông.

(Tạp chí *Xưa và Nay* số 486, tháng 8-2017)

Trích thơ:

### **Bị đày**

*Trời đã bắt xuống trần làm thi sĩ,  
Lại đày tôi vào khoảng đất khô khan,  
Thu không về, mà xuân cũng dở dang,  
Đông kém rét; chỉ thấy toàn Mưa, Nắng  
Nắng rất thấp nên hồn tôi trĩu nặng*

## HUỲNH ÁI TÔNG

Mưa dầm dề, ngày đổi thế lương.  
Người lạ chi khi thấy kẻ bên đường  
Đi thơ thần lượm từng cảm hứng?  
Ấy là lúc ánh dương vừa chín ửng,  
Một buổi mai, bừng dậy tiếng chim ca;  
Gió ngọt ngào phơn phớt rợn làn da;  
Tôi ngây ngất nhìn trời qua kẽ lá.  
Nghĩ tội nghiệp cho linh hồn xa lạ  
Buồn ly hương, cố níu phút giây vàng!  
Ca hát mau, kéo giờ thắm tiêu tan.  
Chiều sẽ đến, âm u và chán nản.  
Và đêm nữa, sao lạnh lùng vô hạn.  
Chẳng làm say mạnh mẽ giác quan ta?  
Nằm trong người, ta lặng giữa canh gà  
Lời huyền bí của lòng ta thỏ thẻ.  
Sao ít thế, và sao hờ hững thế?  
Tìm nông nản đem gởi chốn thờ ơ!  
Kẻ làm chi người đẹp nói trong thơ;  
Nàng cũng vậy, vô tình và phản trắc,  
Người trong mộng tạo ra vài khoảng khắc  
Để mà nguôi quạnh quẽ của thời xuân.  
Đau đớn thay cho kẻ lạc vườn trần,  
Nhìn ngơ ngác, than ôi! đời tẻ lạnh.  
Chim còn nhỏ, ai nở vanh cánh,  
Khiến ngăn đôi hồn rộng với không gian.

26-3-1944

In trong *Thơ Ý* (1950, tác giả tự xuất bản).

### Có lẽ nào?

Qua cửa sổ, gió lùa bao sinh khí,  
Lá và hoa cợt với nắng hanh vàng;  
Chim trên cành vui cất tiếng ca vang;  
Không khí hợp chất gì trong trẻo quá.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Nay là phút lòng tôi chia đôi ngã,  
Bên thì nghe tiếng gọi của Tử thần,  
Bên gương cười nân ná cảnh trời xuân;  
Hoa trong lọ sắp tàn cũng còn rắng nở.  
Chết giữa lúc ngày xanh còn rực rỡ!  
Chết khi lời chưa trút cạn tâm can,  
Của ái ân chưa cạn một cung đàn,  
Của da thịt chưa nếm mùi hương phấn!  
Có lẽ nào? Trong không gian vô tận,  
Khi lòng trinh hé nụ với hoa đào,  
Khi muôn tim hoà khúc nhạc tiêu đạo.  
Muôn lá phổi thấm nhuần qua gió rộng,  
Tôi cam chịu nghìn năm không cử động,  
Mồ con còn ghi thân lớn, lẻ loi,  
Da thấm tươi sẽ lúc nhúc roi đời?  
Cả vũ trụ tiêu tan còn chi nữa!  
Người chớ bảo: Chết là buồn hết nợ,  
Linh hồn sang một thế giới thần tiên;  
Quá tham lam, đòi hạnh phúc nhữn tiền.  
Tôi nâng chén thời gian chưa muốn cạn.  
Tôi là kẻ đắm thuyền còm ômváng,  
Sợ mặt trời tắt hẳn trên đầu tôi;  
Sắp xa đời, tôi lại thấy yêu đời.*

12-1934

In trong *Thơ Ý* (1950, tác giả tự xuất bản).

### **Con nhà thất nghiệp**

*Ngọn đèn leo lét,  
Xác xơ một nóc nhà tranh;  
Trên chiếu tan tành  
Một trẻ thơ nằm im, xanh mét...*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Ngoài, trời mưa xào xạc,  
Gió tạt  
Vào vách thưa  
Mấy hạt mưa  
Mảnh mùng toi tan tác...*

*Lạnh lòng đứa bé  
Cựa mình, cất tiếng ho ran,  
Người mẹ vội vàng  
Vuốt ve rằng: “Nín đi con nhé!  
Cha con gần về tới,  
Con ôi,  
Nín đi nào!”  
Dạ như bào,  
Miệng cười, hàng lệ xối  
Cánh cửa tre từ từ mở...*

*Một luồng gió lạnh chen vô,  
Đèn vụt tắt; tối mò...  
- Ai đó?  
- Ai? Mình về đây!  
Chút nữa đã bị còng;  
Mới chen vào, họ la ăn trộm!  
Nếu chân không chạy sớm  
Mặt vợ con còn thấy chi mong!*

*Thôi! Bây giờ tiền đâu mua thuốc  
Cho con; chét nổi đi Trời!  
Túng quá mới ra nghề nhơ nhuốc  
Chắc mai đây nhịn đói lắm, mình ơi!  
Hồi làm cu-li,  
Đến mua, tiệm còn bán chịu;  
Nay sở bị đuổi ra, thì  
Một đồng điếu  
Họ cũng bảo: đi!*



*Âm thầm, vợ đốt đèn dầu,  
Ra chiều buồn bã.  
Chồng quên lạnh dạ,  
Ngồi thờ ra, chắc lưỡi lắc đầu*

*Ngoài, vẫn mưa xào xạc,  
Trong, đứa bé ho ran...  
Ngọn đèn tàn,  
Hết dầu nên lu lạt...*

Nguồn: *Phụ nữ tân văn*, số 208, ngày 20-7-1933

### **Ngại ngùng**

*Gởi Th L.*

*Tim rạo rục những lời không giám nghĩ,  
Ngại ngùng thay! Xa cách biết bao nhiêu!  
Nhìn ngay ta, này đôi mắt yêu kiều!  
Đừng e ấp, hơi làn môi thắm đỏ!  
Gió đông đến, tung bồng chim gọi bạn:  
Nắng vàng lên, rục rờ bướm tìm hương.  
Lòng cô đơn, như khách lạ qua đường,  
Ta bước mãi trong chiều thu vô hạn.*

7-12-1939

In trong *Thơ Ý* (1950, tác giả tự xuất bản).

### **Ngày xưa**

*Tựa chớp mắt, bỗng thoáng qua trí nhớ  
- Ta đâu ngờ! – một kỷ niệm xa xôi,  
Vừa êm tươi vừa vui sướng nhất đời,  
Với tất cả mơ hồ trong rục rờ  
Một cảm giác như ru lòng tự ái.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Thơm như hoa và trong trẻo như thơ,  
Đến hồn ta những lúc tình cờ,  
Rồi vụt mất, không dấu gì lưu lại.  
Ôi! trí nhớ của người, thô sơ quá!  
Không tinh vi chạy bắt những ngày xưa  
Mà từ đây ta chẳng gặp bao giờ,-  
Để thêm hạn sự trầm ngâm vô giá.*

23-5-1939

In trong *Thơ Ý* (1950, tác giả tự xuất bản).

### **Tình không**

*Khách lạ, xin đừng bước lãng du!  
Lòng ta mang nặng một trời thu;  
Bâng khuâng htrương nhớ gì xa vắng,  
Ôm khói tình không đến bạc đầu.*

*Vì bởi vô duyên với phấn hương,  
Đau thương đành rải gió trăng ngàn  
Muôn năm sông núi còn u uất  
Ngâm ý thơ buồn gửi bốn phương.*

*Tim ai thôn thức chốn xa xôi  
Khi biết lòng ta, đã muộn rồi!  
Có kẻ vô tình, trong khiến hứng,  
Ngâm nga nhắc lại mấy vần thôi.*

2-4-1943

In trong *Thơ Ý* (1950, tác giả tự xuất bản).

**Tình thâm**

*Đêm đã khuya, nhấp nhô sao trời thay bóng nguyệt;  
Tàu con lướt sóng, xô xao tiếng búa âm âm.  
Ngon giấc nồng, thêm cơn gió thoảng lạnh đêm thâm  
Kẻ đắp chiếu, người trùm mền, nằm im la liệt.  
Một làn sóng to ác nghiệt,  
Từ từ đập tấp vào hông;  
Nghiêng... rồi ngã... chú tài công  
La trời: “Úy! Mau mau chết!”  
Người kịp thức, thấy mình giam vào trong bể tối,  
Giờ cuối cùng trông sao chớp, già kiếp ngàn thu;  
Kẻ dưới hầm hay nước phồng, lung tung trong tù,  
Chưa kịp thở, cũng không giây nào cho trần trối,  
Trong bể sóng, một người đang lội,  
Tay bồng con, tay nương vợ, chới với hụp trôi;  
“Minh ơi, phải số nơi trời  
Thì...” Làn sóng chẳng để người vợ nói:  
Một búng máu hồng  
Nhuộm trang phận bạc;  
Tắm thân bèo dạt  
Nghĩ khổ cho chồng.  
“Minh ôi, ôm lấy trẻ thơ,  
Thà em cam thác, còn giờ cứu con;  
Chỉ lo cho trẻ vuông tròn...”  
Im hơi lặng... từ từ chìm đáy nước,  
Muốn kéo vợ, trông mình đã kiệt sức,  
Rán nâng con lặn lội thẳng vào bờ.  
Trông ra một dải mịt mờ,  
Xác người vô phúc dật dờ nơi nao?  
Mấy hôm sau  
Mặt rầu rầu,  
Anh viếng mộ;  
Ôi tình! Ôi nghĩa! Ôi nợ duyên ôi!  
Cảm long em, anh dạ ngùi ngùi.  
Gió chiều ù thổi,*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Áy hồn ta dung ruổi ngàn lau.  
Đứa bé dầu dàu,  
Trông tuông ngơ ngẩn;  
Dưới vuông khăn trắng,  
Hai má ướt dầm...  
Có phần một nắm ngàn năm,  
Rằng: đây có mảnh “tình thâm” chôn vùi!*

Nguyên: *Phụ nữ tân văn*, số 210, ngày 3-8-1933

Trong bài: *80 năm nhìn lại - một nhà thơ mới giữa “trời Nam”* Lê Thị Thanh Tâm đã viết:

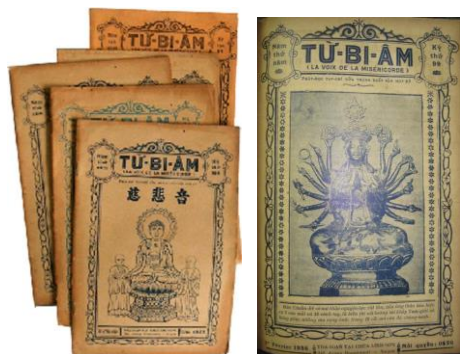
Thơ Hồ Văn Hảo dường như *hội đủ các cung bậc cảm xúc, cảm hứng và thần thái của Thơ mới*; tạm gọi là những gặp gỡ, tương đồng, hòa khí đồng thanh với thi sĩ thơ mới ở mọi miền đất nước. Đó là tinh thần mơ mộng, niềm khát khao tuổi trẻ (nhất là ở hình ảnh con người ra đi), cái tôi ủy mị và sầu tình; tất cả những điều này là ảnh hưởng hay hô ứng, thật khó phân biệt. Thơ ông là một thư viện nhỏ nhắn nhưng phong phú của lớp thi nhân trong “cái thuở ban đầu lưu luyến ấy” lớn lên giữa khí quyển Thơ mới.

Tài liệu tham khảo:

- *Tư liệu mới về Hồ Văn Hảo – Nhà thơ Nam Kỳ tiên phong ...* Web: <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/>

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

### Tiết 18: Từ Bi Âm



Trong công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ, tạp chí *Pháp Âm* do ngài Khánh Hòa chủ trương, số duy nhất ra ngày 13-8-1929, trụ sở tại chùa Xoài Hột Mỹ Tho, bị đình bản. Sư Thiện Chiếu chủ trương tạp chí *Phật Hóa Tân Thanh Niên*, trụ sở chùa Chúc Thọ (Xóm Gà) Gia Định, có lẽ số đầu ra mất vào cuối năm 1929 hoặc đầu năm 1930

Ngày 26-8-1931, Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, được phép hoạt động, trụ sở tại chùa Linh Sơn số 149 Đường Douaumont (đường Cô Giang ngày nay) Sài Gòn.

Bán nguyệt san *Từ Bi Âm* là cơ quan ngôn luận của Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội, số ra mắt ngày 1-3-1932

Bấy giờ, chính quyền thực dân hạn chế việc thành lập hội đoàn và xuất bản báo chí, nên các sư phải nhờ Trần Nguyên Chấn - Comis ở dinh Đốc lý cùng đứng đơn xin phép. Lợi dụng thế lực của mình, Comis Chấn buộc Nam kỳ Nghiên cứu Phật học Hội phải chấp nhận con rể của ông ta là Phạm Ngọc Vinh là chủ nhân sáng lập tạp chí *Từ Bi Âm*, Hòa thượng Khánh Hòa làm chủ nhiệm.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tờ báo này phát hành vào ngày mùng 1 và 15 mỗi tháng. Nhờ phần đông độc giả là Phật tử các chùa, đồng thời tờ báo có nhiều mạnh thường quân là hội viên Nam kỳ Nghiên cứu Phật học Hội ủng hộ tài chánh, nên số lượng xuất bản khá nhiều.

Nội dung tờ *Từ Bi Âm* khá phong phú. Số lượng trang chiếm nhiều nhất trong mỗi kỳ là những đoạn dịch kinh, luật và luận, đăng nhiều kỳ liên tiếp. Bên cạnh có nhiều bài viết bàn về giáo lý hoặc nghi lễ Phật giáo như: Lược thuật lý Niết bàn của Liên Tôn, những bài vấn đáp về đạo Tiên và đạo Phật, Nghĩa lý kinh pháp... của Hòa thượng Bích Liên; Những bài Biện nghĩa vô thủy, Phép sám hối... của Hòa thượng Khánh Hòa; Vọng tưởng chân như của Thích Huyền Ý. Trên *Từ Bi Âm* còn có Sự tích Đức Phật Thích Ca, sự tích các vị Bồ Tát, các vị Tổ sư Tây Thiên, Đông Độ, tiểu sử các vị cao tăng đương thời... và mục Văn uyển hay một số tiểu thuyết ngắn, nội dung giải thích giáo lý Phật giáo.

Hoạt động được hai năm, một số cao tăng trong Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học cảm thấy có điều bất tường, xin rút ra khỏi Hội. Đến số 45, ra ngày 1-11-1933, Hòa thượng Khánh Hòa từ chức Chủ nhiệm. Thiền sư Chánh Tâm được mời giữ chức Chủ nhiệm *Từ Bi Âm*.

Từ khi Hòa thượng Từ Phong, Khánh Hòa, Trí Thiền rời khỏi Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội thì chỉ còn Trần Nguyên Chân và Phạm Ngọc Vinh. Tờ *Từ Bi Âm* tuy tồn tại đến tháng 8 năm 1945 nhưng nội dung nghèo nàn, phải dùng bài vở cũ, hoặc phải in những bản kinh đã dịch sẵn. Tuy nhiên, với hơn 200 số, nhờ sự hợp tác của các Thiền sư Bích Liên và Liên Tôn đã đóng góp đáng kể vào hoạt động hoằng dương Phật pháp.

Tài liệu tham khảo:

- Từ Bi Âm Web: [giacngo.vn](http://giacngo.vn)

## 1. Sư Thiện Chiếu



### Sư Thiện Chiếu - Nguyễn Văn Tài (1898-1974)

Sư Thiện Chiếu là pháp danh tu hành, tên thật là Nguyễn Văn Giảng hay Nguyễn Văn Tài, bút hiệu Xích Liên sinh năm 1898, tại xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống đạo Phật. Từ nhỏ, ông đã xuất gia theo ông nội là trụ trì chùa Linh Tuyên, Hòa thượng Huệ Tịnh. Ở đây ông được giáo dục căn bản cả Hán học và Tây học.

Năm 1923, Sư lên Sài Gòn trụ trì chùa Linh Sơn, số 149 đường Douaumont, nay là đường Cô Giang, Quận 1, Tp. HCM. Tại đây, Sư mở lớp dạy học, thuyết giảng giáo lý Phật giáo, cổ súy phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trong giới Tăng ni, Phật tử. Chính vì thế Sư bị chính quyền thực dân Pháp trục xuất khỏi chùa Linh Sơn.

Năm 1926, Sư tham gia sáng lập Hội Nghiên cứu Phật học, Hội Chấn hưng Phật giáo Nam Kỳ, báo *Tiến Hóa*. Năm 1927, Sư ra Hà Nội liên lạc với chư tăng miền Bắc nhằm phối hợp

## HUỶNH ÁI TÔNG

hoạt động chấn hưng Phật giáo. Tại Hà Nội, Sư từng tiếp xúc với Nam Đồng Thư xã, Nguyễn Thái Học.

Năm 1928, Sư gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1930, Sư trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, được xem là nhà sư đầu tiên tham gia Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1934, Sư chuyển sang hoạt động bí mật và là cán bộ của Xứ ủy Nam Kỳ. Là nhà văn, sư Thiện Chiếu có bút hiệu Xích Liên là Hoa Sen Đỏ.

Tìm kiếm mãi mà không gặp được người cùng chí hướng và va chạm mãi với những phần tử bảo thủ và lạc hậu trong giới tăng sĩ, Sư trở thành bất đắc chí, khoảng giữa thời gian 1932-1936, Sư hoàn tục nhưng vẫn hoạt động truyền bá Phật học. Năm 1936, ông về Rạch Giá hoạt động. Tại đây, ông cùng với Hòa thượng Trí Thiên, trụ trì chùa Tam Bảo thành lập Hội Phật học kiêm tế, tái bản báo *Tiến Hóa*, lập cô nhi viện đặt tại chùa Tam Bảo.

Hưởng ứng việc chuẩn bị cho cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ, ông cùng hòa thượng Trí Thiên, Sư Thiện Ân tổ chức xưởng sản xuất vũ khí tại chùa Tam Bảo. Tháng 6 năm 1941, thì bị mật thám Pháp phát hiện, hòa thượng Trí Thiên bị bắt, sư Thiện Ân bị kết án tử hình, riêng ông trốn thoát được, về Sài Gòn tiếp tục hoạt động. Năm 1943, ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt được, đày ra Côn Đảo.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ông trở về làm phó chủ tịch Ủy ban Hành chánh - Kháng chiến tỉnh Gò Công. Năm 1947, ông vào chiến khu 7, làm công tác biên tập báo *Tiền Đạo*. Sau đó, ông được điều về chiến khu 8 rồi chiến khu 9 làm công tác tuyên huấn.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, làm việc ở ban nghiên cứu văn sử địa. Năm 1956, ông được cử sang Trung Quốc làm chuyên gia khảo cứu, công tác tại Nhà xuất bản Ngoại văn Bắc Kinh với chức vụ Trưởng ban dịch thuật Văn hóa Trung - Việt. Năm 1961, ông trở về nước làm chuyên viên nghiên cứu Triết học tại Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Năm 1965, do tuổi cao sức yếu, ông nghỉ hưu.

Năm 1974, ông qua đời tại Hà Nội, thọ 76 tuổi.

Năm 1993, theo nguyện vọng của giới tăng ni, Phật tử và được sự chấp thuận của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành việc bốc hài cốt của ông từ nghĩa trang Văn Điển tại Hà Nội, đưa về hỏa thiêu và tôn trí tại chùa Pháp Hoa ở quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm:

- *Chân lý của Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo*
- *Tại sao tôi đã cảm ơn đạo Phật*
- *Phật học vấn đáp*
- *Phật Hóa Tân Thanh Niên*
- *Cái Thang Học Phật*
- *Phật Học Tổng Yếu*
- *Phật Pháp là Phật Pháp*
- *Kinh Lăng Nghiêm* (sách dịch)
- *Kinh Pháp Cú* (sách dịch)
- *Phật giáo vô thần luận* (dịch của Thái Hư Đại Sư)
- *Họ đã chiến đấu vì Tổ quốc* (dịch của M.Sholokhov)
- *Tiền tuyến* (dịch kịch của A.E.Korneichuk)
- *Tính cách Nga* (dịch truyện ngắn của A.Tolstoi)
- *Ông già* (dịch truyện của V.Grossman)...

Trích văn:

**Đôi lời cùng Phan Khôi tiên sanh về sự phê bình Phật học tổng yếu**

Tôi định rời cuộc lạc thành Phật học viện thì đi ở một chỗ u tịch để tìm cái nguyên nhân thất bại và cách hành động sau này. Không dè tiên sanh quá yêu, phê bình sách *Phật học tổng yếu*, buộc tôi phải ở lại mấy ngày. Cách hai kỳ báo, không thấy tiên sanh chỉ giáo điều chi, tưởng thế là xong việc. – Không dè, cách hai tuần lễ, cái chỗ rừng sâu hang thẳm mà thoát có tiếng “Chuông Mai” ngân đến, khiến cho tôi đương tĩnh tọa dưới gốc bồ đề phải mở mắt ra xem, thì được cái hân hạnh lại thấy tiên sanh gọi đến tên tôi nữa!

Tiên sanh đã sẵn lòng huệ cố, tuy biết rằng bài hồi đáp này thiệt là trẻ nãi nguội lạnh lắm, không còn thú vị gì; song, miễn là được tỏ rằng tôi trước sau không bao giờ dám phụ cái hảo ý của tiên sanh là đủ vậy.

Thọc ngón tay xuống biển, ai dám bảo rằng không xao động cả Thái Bình dương? Cho nên tuy có một chữ “được” mà cũng phải tranh biện, là vì có lây đến giáo lý. “Con không chịu thế được, cha cũng không chịu thế được”, tiên sanh cho chữ “được” là dư, sợ sai ý kinh; còn tôi thì lại cho nếu không có chữ “được” thì hại mất lý. Tuy tiên sanh với tôi chỗ thấy có khác nhau, nhưng ai cũng vì lý cả.

Lời nói sở dĩ để diễn lý, kinh nào cũng vậy, sách nào cũng vậy, chẳng luận Phật, Khổng, Gia, Hồi, cả các tôn giáo, các học phái trên thế giới muốn nói điều gì thì điều ấy phải cho đúng “lý” mới được. Nếu không đúng lý, thì chẳng luận lời của ông

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

giáo chủ nào, nhà học giả nào, nguyên bản hay dịch bản cũng là một món “vô giá trị”, ta không phải cứ cắm đầu mà tin theo.

Chữ là xác mà lý là hồn, dịch âm sai một chữ mà tiên sanh còn không nghe, huống chi là lý? Đã vì văn học, thì chẳng phải cứ lo trau dồi cái xác mà bỏ mất cái hồn đi. Tiên sanh vì “lý” mà biểu bỏ chữ “được”, tôi cũng vì “lý” mà thêm một chữ “được”; tiên sanh nói không chữ “được” là phải, tôi nói có chữ “được” mới phải. Nếu cứ theo cái thiên kiến của mình ai cũng giành phần phải hết, cứ chèo kéo với nhau mãi, thì biết bao giờ mới giải quyết được? Tôi cùng tiên sanh cãi nhau chẳng qua là vì lý, vậy thì phải lấy “lý” để phân giải giùm cho chúng ta. Vậy muốn biết không chữ “được” là có lý, hay có chữ “được” là có lý thì phải tìm cho biết coi chú ý bài ấy nói cái gì.

*Phụ tác bất thiện, tử bất đại thọ, tử tác bất thiện, phụ bất đại thọ. Thiện tự hoạch phước, ác tự thọ ương.*

Thưa tiên sanh: Chủ ý bài ấy có phải giảng minh luật “nhân quả” không? Tiên sanh cũng đã công nhận rằng bài ấy cốt chỉ giảng minh luật nhân quả. Thế nào gọi là nhân quả? – Bởi có nguyên nhân nên mới có kết quả. Kẻ tạo nhân lành thì hưởng được quả vui, người tạo nhân dữ thì phải chịu quả khổ, không khác như trồng hạt xoài được quả xoài, trồng hạt mít thì được quả mít, nhân nào quả nấy, một mảy không sai vậy. Mà lại nghiệp ai nấy chịu, dầu tình chí thân như cha con cũng không chịu thế cho nhau được. Cho nên cha học, con không biết chữ được; con gầy, cha không sốt thịt cho mập được.

Tôi suy lý như vậy, nên tôi dịch rằng: “Cha làm điều chẳng phải, con không chịu thế được; con làm điều chẳng phải cha

## HUỶNH ÁI TÔNG

cũng không chịu thể được. Ai lành nấy được phước, ai ác nấy bị hại”.

Tiên sanh nói: Có chữ “được” sợ sai ý kinh. Thưa tiên sanh tôi không hiểu chữ “được” trong bài dịch ấy nó sai ý kinh ở chỗ nào? Có phải có chữ “được”, ý nghĩa mới quán xuyên trước sau không? Bài ấy chẳng qua luận lý nhân quả, còn ở trong vòng văn tự, chớ phải thoát ly văn tự mới hiểu được như câu “Ròng gằm trong cây khô” và “Trong con mắt trong sợ người chết” đâu mà tiên sanh phải nhọc lòng sợ sai ý kinh?!

Còn tiên sanh sửa lại rằng: “Cha làm điều chẳng lành, con chẳng chịu thể; con làm điều chẳng lành, cha chẳng chịu thể...”

Thưa tiên sanh “Cha chẳng chịu thể, con chẳng chịu thể” có phải là nó có cái ý nghĩa “Cha chẳng chịu thể cho con, con chẳng chịu thể cho cha” không? Tôi dám chắc rằng tiên sanh không bao giờ viện được lẽ gì mà nói rằng không phải được.

Có cha con, sao không ai chịu thể cho ai? Đã không chịu thể cho nhau, tôi không hiểu Phật nói có hai chữ “cha con” trong bài ấy để làm gì? Nếu hai chữ “cha con” trong bài ấy không ý nghĩa gì thì thôi, nên bỏ phút bốn câu trước đi, để hai câu sau “Ai lành nấy được phước, ai ác nấy bị hại” há chẳng rõ được lý nhân quả sao? Cần gì phải nói: “Cha làm chẳng lành, con chẳng chịu thể; con làm chẳng lành, cha chẳng chịu thể”? Nghe lã chã như đờn Nam mà hát Khách vậy? Hay là tiên sanh cứ cố chấp rằng trong bài ấy muốn có chữ “được” thì nguyên văn phải có chữ “năng” mới được, vì văn tự của Tàu, chữ “năng” vốn đã có trước khi Phật truyền sang; vậy sao tiên sanh lại không làm ơn nói giùm luôn câu “Chẳng nên câu nệ văn một chữ mà hại mất lời trong câu; chẳng nên câu nệ lời một câu mà

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

hại mất ý chí của tác giả” (“Bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại chí” – *Mạnh Tử*) đã có trước khi tôi cùng tiên sanh tranh luận về chữ “được” cùng không “được” đây?

Ở đời không ai khỏi lỗi lầm, có lỗi mà dám thừa nhận, ấy mới gọi là “dũng”. Tiên sanh là một viên lão tướng, từng kinh nghiệm trong trận bút trường văn, lại không ưa cái chủ nghĩa đế quốc, nên tôi rất tin rằng tiên sanh, – sau khi đọc hết bài này – có đủ can đảm dẹp chỗ thiên kiến và thủ tiêu khoản bất bình này.

(*Thần chung*, Sài Gòn, số 307 ngày 6-2-1930)



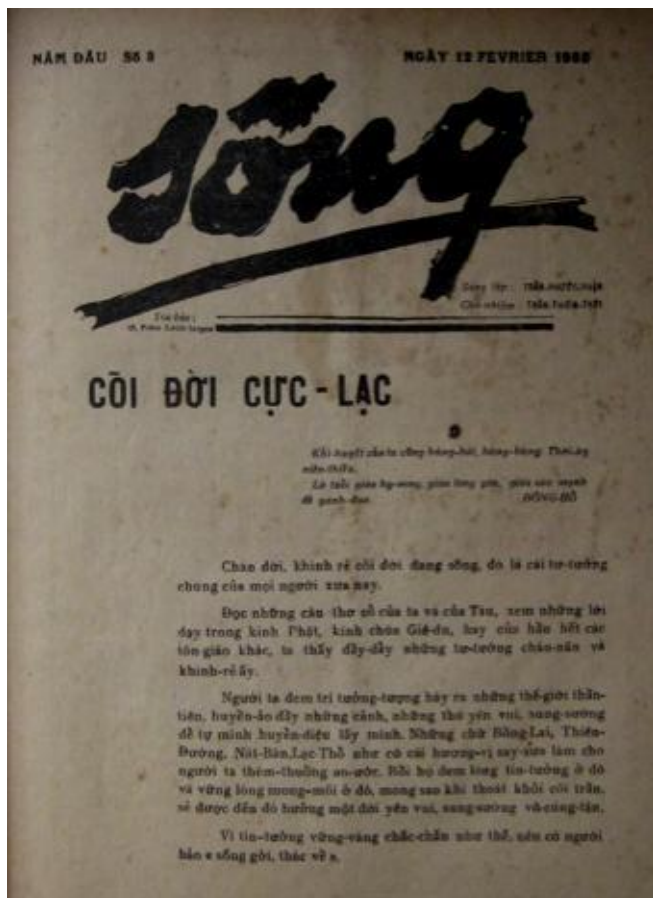
## HUỲNH ÁI TÔNG

*Thiện Chiếu là một nhà sư dấn thân, đem đạo vào đời, ông đã thâm nhuần giáo lý đạo Phật, một nhà sư thuần thành yêu nước, dâng hiến cuộc đời cho Đạo pháp và Dân tộc, nhằm đem lại ấm no hạnh phúc, an lạc cho mọi người. Con đường của Bồ Tát đạo đâu có dễ cho mọi người ?!*

Tài liệu tham khảo:

- Sư Thiện Chiếu Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

Tiết 19: *Sống*



*Sống* là tuần báo do Trần Phước Phận sáng lập, Đông Hồ làm Giám Đốc, Trần Thiêm Thới làm Chủ nhiệm, báo quán đặt tại 43 Frère Louis Saigon, nay là đường Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp. HCM.

Tuần báo *Sống* số ra mắt phát hành ngày 22-1-1935, báo phát hành khắp Nam, Trung, Bắc Việt Nam, báo phát hành ngày Thứ Ba, đến số 13 đổi sang ngày Thứ Tư. Sau khi ra được 30

## HUỶNH ÁI TÔNG

số, báo phải đình bản từ ngày 18-9-1935, vì kiệt quệ tài chánh trong tình hình khủng hoảng kinh tế thời đó.

Tuần báo *Sóng* ra đời vì Trí Đức Học Xá của Đông Hồ thành lập ở Hà Tiên năm 1926, đến năm 1934 bị đóng cửa, trong khi người chủ trương ấp ủ hoài bảo phổ biến chữ quốc ngữ và luyện tập văn chương cho nhiều người khác ở Hà Tiên cũng như miền Nam ngày càng xán lạn hơn. Cho nên việc xuất bản tờ báo tại Sài Gòn, là cần thiết của Nhóm Trí Đức Học Xá để họ tiếp tục thực hiện hoài bảo của mình, nhân Trúc Hà sinh sống ở Sài Gòn, nên đứng ra xin phép.

Số báo đầu tiên có bày tôn chỉ và mục đích của tuần báo *Sóng*:

- Trong làng báo, trong làng văn, chúng tôi giữ một địa vị trung lập, không theo một đảng phái nào, tôn trọng tự do cá nhân.

- Ngay thẳng trình bày cho quốc dân cái dư luận, cái khuynh hướng chung của người trước.

- Làm cho quốc dân biết cái địa vị, cái thân phận của mình trong trường sinh hoạt ganh đua của thế giới.

- Gây cho nước ta một nền văn chương sáng sủa, giản dị, vui vẻ, hợp với sự sống ngày nay.

- Tùy lúc, đem văn chương mà bài bác, chỉ trích những luân lý cũ kỹ, những phong tục lễ giáo tồi tệ không hợp thời, không thích nghi với sự sống của người ta nữa.

- Đem văn chương mà ca tụng, bày tỏ, tả vẽ những cái hay, cái đẹp của phong cảnh non sông đất nước nhà, cái cách sinh hoạt êm đềm thú vị, cái linh hồn trong sạch khảng khái, cái tâm tính



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*chất phác, nhẫn nại, chăm làm việc của hạng người bình dân trong nước, khiến cho nước ta ai ai cũng có lòng yêu nòi giống, yêu đất nước một cách giản dị mà thành thật, thiết tha.*

Để giúp người khác luyện văn, mục *Trong vườn Trí Đức*, nhà thơ Đông Hồ người giữ mục này đã viết:

*Từ khi báo *Sống* xuất bản thì công việc giảng tập quốc văn của *Trí Đức* học xá ở Hà Tiên tạm ngừng lại.*

*Nay trình với các nơi xa gần những ai có cảm tình với T.Đ.H.X lâu nay muốn học *Quốc ngữ*, muốn nhờ chữa những bài văn, bài thơ mới tập làm, xin cứ gửi về cho tên tôi ở tòa báo *Sống*.*

*Công việc giảng tập cứ làm lại như trước, bằng lối hàm thụ.*

*Tôi nhận chữa giúp những bài tản văn, vận văn, tùy người làm muốn viết lối nào cũng được: hoặc tùy bút, cảm tưởng, ký sự, luận thuyết, khảo cứu, tiểu thuyết.*

*Trong các bài gửi lại, có bài nào khá, sau khi chữa xong, tôi cho đăng lên báo *Sống* ở mục *Trong vườn Trí Đức*.*

### *Đông Hồ*

Những người cột trụ của tuần báo *Sống*, là những người sáng lập và hợp lực viết bài, được gọi là Hội bạn *Trí Đức* gồm có tám người là Đông Hồ Lâm Tấn Phác, Trúc Hà Trần Thiêm Thái, Trúc Phong Trần Văn Quyện, Lư Khê, Trọng Toàn Nguyễn Văn Kiên, Quang Đầu Nguyễn Văn Tượng, Bạch Như Lê Quang Phấn, Mộng Tuyết Thái Thị Sửu.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Các nhà văn miền Nam thời đó cộng tác với tuần báo *Sống* có Thiều Sơn, Minh Đức, Tô Mai, Liên Thành (Phan Hữu Bích), Liên Tiểu (Lê Thọ Xuân), Lê Văn Nhuận (Cao Lãnh), Lê Trung Hằng (Giá Rai, Bạc Liêu), Nguyễn Hữu Trí (Tây Ninh), Huỳnh Văn Nghệ (Bình Dương).

Những nhà văn miền Bắc đã cộng tác với tuần báo *Sống* như Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải, Vân Đài, và các tác giả khác như Thái Phi - Nguyễn Đức Phong (Hà Nội), Hạc Thủy (Thanh Hóa), Ngô Chung Tử (Nam Định)...

- 0 -

*Mặc dù tuần báo Sống của Nhóm bạn Trí Đức Học Xá chỉ tồn tại có 9 tháng, xuất bản được 30 số báo, phát hành khắp Nam Trung Bắc, tiếc rằng “sinh bất phùng thời”, gặp lúc kinh tế khó khăn, nên báo phải đình bản, nhưng đã để lại trong lịch sử báo chí, một tuần báo Sống muốn đem học thuật đến cho mọi người cùng thưởng thức để tu dưỡng tánh tình và rèn luyện văn chương.*

Tài liệu tham khảo:

- Tuần báo *Sống* Web: [khoavanhoc-ngonngu.edu.vn](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn)

## 1. Đông Hồ



**Đông Hồ - Lâm Tấn Phác (1906-1969)**

Thi sĩ chính danh là Lâm Kỳ Phác (kỳ:lạ; phác: ngọc còn trong đá), hộ tịch chép là Tấn Phác. Ông bác đặt tiểu tự Quốc Tỉ (truyền quốc ngọc tỉ), lại có tự là Trác Chi (chữ ở sách Mạnh Tử; Hữu phác ngọc, nghi sử ngọc nhân điều trác chi).

Sinh năm Bính Ngọ (1906) tại làng Mỹ Đức, tỉnh Hà Tiên, một tỉnh nhỏ ở cực Tây Việt Nam, giáp biên giới Cao Miên và vịnh Thái Lan.

Lúc mới lên ba thì cha mẹ qua đời, ông được người bác ruột nuôi cho ăn học, ông thi đậu bằng Sơ học Pháp Việt tại Sài Gòn, rồi về học ở Cần Thơ thì bà bác mất, Tấn Phác vâng lời bác ruột thôi học về cưới vợ để sanh con, nối dõi tông đường, người vợ của ông là Thái Linh Phượng. Cưới vợ xong, Lâm Tấn Phác được bổ làm thầy giáo ở Hà Tiên, ông viết bài, cộng tác với báo Nam Phong ở Hà Nội của Phạm Quỳnh từ năm

## HUỶNH ÁI TÔNG

1923. Ông mở Trí Đức Học Xá năm 1926, chủ trương rèn luyện chữ Việt cho những thanh niên hiếu học thời bấy giờ. Vì nhà tổ tiên truyền mấy đời, đều ở ven Đông Hồ Ấn Nguyệt, là một thắng cảnh trong *Hà Tiên Thập Cảnh*, nên khi bắt đầu biết làm thơ ông đã lấy hiệu Đông Hồ.

Năm 1928 vợ ông, Thái Linh Phương mất, để lại cho ông cô con gái là Mỹ Tuyên, Đông Hồ đã thương khóc vợ với bài "Linh Phương" đăng trên Nam Phong Tạp Chí số 128 - Tháng 4 năm 1928, Thượng Chi đã viết lời giới thiệu "*Nước Tàu kia có bài văn khóc cháu của Hàn Thoái Chi, nước Nam ta há lại không có tập văn khóc vợ của Lâm Trác Chi đó sao ?*"

Năm 1929, Đông Hồ tục huyền với Lâm Nhân Liên, hai năm sinh cho Đông Hồ một cô con gái đặt tên là Mỹ Diễm (cách viết của Đông Hồ là Yiễm), rồi thêm một người con trai, nhưng không nuôi được, sau đó bà Nhân Tiên bị bệnh tâm thần, phải điều trị ở Dưỡng Trí Viện Biên Hòa, điều trị một thời gian không khỏi, bà được đưa về nhà ở Hà Tiên, em của bà là Lâm Thái Úc phải chăm sóc chị và nuôi cháu.

Năm 1945, Đông Hồ tham gia kháng chiến chống Nhật ở Hà Tiên, sau khi Anh Pháp trở lại giải giới Nhật, Đông Hồ phải lên Sài Gòn tiếp tục sự nghiệp kháng chiến thì vợ ở nhà mất, sau khi chôn cất Lâm Nhân Tiên rồi, Đông Hồ mới trở về lần nữa khóc vợ.

*Mười sáu năm một gánh gian nan  
Đau yếu ngón mười năm, bệnh chẳng dưỡng nuôi.  
Chết không chôn cất  
Tuyên dài mẹ Yiễm hữu tâm tri.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Về sau Đông Hồ chấp nối với cô em út của Lâm Nhân Tiên, là Lâm Thái Úc cũng là học trò ở Trí Đức Học Xá của ông, tức nhà thơ nữ Mộng Tuyết

Sau năm quốc biến 1945, dời nhà lên ở Sài Gòn, ông lại có biệt hiệu là Thủy Cổ Nguyệt (chiết tự chữ Hồ), là Đại Ân Am (đại ân am thành thị), là Nhị Liễu Tiên Sinh (vì khi ở xóm Lan Chi trước nhà có trồng hai cây liễu).

Do sinh trưởng ở nơi xa xôi cách trở, không được học nhiều nên biết ít chữ Pháp và chữ Hán, nhờ chuyên luyện chữ Việt mà thành văn nhân.

Có tiếng từ năm 1923 đến 1933, mười năm, viết cho báo Nam Phong xuất bản ở Hà Nội, biên soạn, khảo cứu, ký sự, tùy bút; trong đó làm văn nhiều hơn làm thơ. Nhân mười năm là biên tập báo *Nam Phong* đó mà các nhà làm *Văn Học Sử Việt Nam* xếp vào văn phái nhóm *Nam Phong*.

Trong các bài đăng báo *Nam Phong*, được nổi tiếng có hai bài: một bài nhật ký là bài *Linh Phương* tức là *Trác Chi lệ ký tập* và một bài cổ văn là bài *Phú Đông Hồ*, đều làm trong năm 1928.

Ông cũng viết bài đăng các báo *Trung Bắc Tân Văn*, *Đông Pháp Thời Báo*, *Kỳ Lâm Báo*, *Phụ Nữ Tân Văn*, *Tự Do* (Do Phan Văn Hùm chủ trương, năm 1939), *Mai*, *Văn Học Tạp Chí*, *Khai Trí Tiến Đức Tập San*, *Tri Tân*.

Khi phong trào Thơ mới ra đời, ông hưởng ứng sáng tác nhiều bài thơ mới, xuất bản thành tập thơ mới "*Cô Gái Xuân*"

Năm 1935, báo *Nam Phong* đình bản, nghỉ viết báo *Nam*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Phong*, tự chủ trương và làm chủ bút tuần báo *Sống*, tự lực xuất bản ở Sài Gòn, báo *Sống* không tự túc nổi, đình bản.

Từ năm 1936, về Hà Tiên ẩn cư cho đến năm 1945 quốc biến. Sau quốc biến trở lại Sài Gòn.

Năm 1953, làm giám đốc *Nhân Loại* tập san, xuất bản ở Sài Gòn để làm cơ quan cho nhà xuất bản Bốn Phương và nhà sách Yiễm Yiễm Thư Trang sáng lập từ năm 1950. Đến giữa năm 1964, cho ngưng hoạt động nhà sách cũng như cơ sở xuất bản, ở đường Nguyễn Thái Học, lui về bên hông chợ Tân Định ông mở một quán sách nhỏ, rồi sau đó về ẩn dật ở Gia Định cạnh Hồ tắm Chi Lăng.

Những năm về sau, vừa làm văn vừa làm thơ, thường viết về văn học, về lịch sử đăng ở các tạp chí xuất bản ở Sài Gòn như *Văn Hóa nguyệt san*, *Bách Khoa*, *Văn*,... Phần nhiều khảo cứu về văn học miền Nam, đặc biệt là văn học Hà Tiên. Từ niên khóa 1964-1965, được mời làm giảng viên trường Đại Học Văn Khoa, phụ trách môn Văn học miền Nam. Thịnh thoảng đăng đàn diễn thuyết.

Ông mất ngày 25 tháng 3 năm 1969 (tức 8 tháng Hai năm Kỷ Dậu) lúc đang đứng trên bục giảng cho sinh viên bài thơ "*Trung Nữ Vương*" của nữ sĩ Ngân Giang.

Thành tích đáng chi nhớ hơn hết là từ năm 1926 đến năm 1934, mở nhà nghĩa học trên bờ Đông hồ, lấy tên là "Trí Đức Học Xá" tự mình làm trường giáo, chủ trương chuyên dạy toàn tiếng Việt, luôn luôn cổ động khuyến khích cho học trò và bạn bè tin vào tương lai Việt Ngữ. Trường này dụng ý theo lối giáo dục đạo học, sống gần thiên nhiên như nhà tịnh xá Santiniketan của thi hào R.Tagore ở Ấn Độ.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Trường mở cả lớp hàm thụ để cho học trò ở xa Hà Tiên cũng có thể tập luyện tiếng Việt, cho nên, trong mấy năm liền, đã gây được ảnh hưởng ở miền Nam.

Biểu hiệu của Trí Đức Học Xá, in trên các thư giấy hàm thụ là một ngòi lông thỏ và một ngọn lông chim, tượng trưng cho bút long và bút sắt.

Tác phẩm:

- *Úc Viên Thi Thoại* (1929)
- *Hà Tiên Mạc thị sử* (1929),
- *Thơ Đông Hồ* (Nam ký thư quán Hà Nội - 1932).
- *Lời Hoa* (Trí Đức Học Xá Hà Tiên - 1934).
- *Linh Phượng* (Nam ký thư quán Hà Nội - 1934).
- *Cô Gái Xuân* (thơ mới, Vị Giang văn khố Nam Định - 1935).
- *Những Lỗi Thường Lâm Trong Sự Học Quốc Văn* (soạn chung với Trúc Hà, Trí Đức Học Xá - 1936).
- *Hà Tiên Thập Cảnh* (in chung với Đường Vào Hà Tiên của Mộng Tuyết, Bốn Phương, Sài Gòn - 1960).
- *Trình Trắng* (thi tuyển, Bốn Phương, Sài Gòn - 1961).
- *Truyện Song Tinh* (Bốn Phương, Sài Gòn - 1962).
- *Chi Lan Đào Lý* (tùy bút tâm tình, trích tạp chí Bách khoa, tháng 7 năm 1965).
- *Năm ba điều nghĩ về Truyện Kiều* (thuyết trình nhân dịp kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du (trích Văn hóa nguyệt san, tháng 10-11, năm 1965).
- *Văn Học Miền Nam: Văn Học Hà Tiên* (1970)

Trích thơ :

### **Cô gái xuân**

## HUỲNH ÁI TÔNG

Trong xóm làng trên, cô gái thơ,  
Tuổi xuân mơn mớn vẽ đào tơ,  
Gió đông mơn trớn bóng hoa nở,  
Lòng gái xuân kia vẫn hững hờ.  
Lững thững lên trường buổi sớm chiều,  
Tập tành nghiên bút, học may thêu.  
Quần đen, áo trắng, khăn hồng nhẹ,  
Ngọn xõa ngang vai, tóc bó đều.

Lá rợp cành xoài bóng ngã ngang,  
Cô em dừng bước nghỉ bên đường,  
Cởi khăn phủ giọt mồ hôi trán,  
Gió mát lòng cô cũng nhẹ nhàng.  
Đàn bướm bay qua bãi cỏ xanh,  
Lòng cô phát phới biết bao tình.  
Vội vàng để vở bên bờ cỏ,  
Thoăn thoắt theo liền đàn bướm xinh.  
Áo trắng khăn hồng gió phát phơ,  
Nhẹ nhàng vui vẻ nét ngây thơ.  
Trông cô hớn hử như đàn bướm,  
Thong thả trời xuân mặc nhón nhơ.  
Đàn bướm bay cao cô trở về,  
Sửa khăn, cặp sách lại ra đi,  
Thản nhiên, cô chẳng lòng thương tiếc,  
Vì bướm ngày xuân chẳng thiếu chi!  
Cũng xóm làng trên, cô gái thơ,  
Tuổi xuân hơn hớn vẽ đào tơ.  
Gió đông mơn trớn bóng hoa nở,  
Lòng gái xuân kia náo nức chờ.  
Tưng bừng hoa nở, bóng ngày xuân,  
Rực rỡ lòng cô, hoa ái ân.  
Như đợi, như chờ, như nhớ tưởng,  
Đợi, chờ, tưởng, nhớ bóng tình quân.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tình quân cô: ấy sự thương yêu,  
Đằm thắm, xinh tươi, lảm mỹ miều.  
Khao khát đợi chờ, cô chứa gắp,  
Lòng cô cảm thấy cảnh điều hiu.

\*\*\*

Một hôm chợt thấy bóng tình quân,  
Gió lộng, mây đưa thoáng đến gần.  
Dang cánh tay tình, cô đón bắt,  
Vô tình mây gió cuốn xa dần.

Gót ngọc phẳng phẳng cô đuổi theo:  
"Tình quân em hỡi! Hỡi người yêu!  
"Gió mây xin để tình quân lại:  
"Chậm chậm cho em nói ít điều..."

Than ôi! Mây gió vẫn vô tình  
Cuồn cuộn bay trên ngọn núi xanh.  
Nhìn ngọn núi xanh, mây khói tỏa,  
Mắt cô, đôi lệ giọt long lanh.

Lá rợp cành xoài bóng ngã ngang,  
Cô em dừng bước nghỉ bên đường,  
Cởi khăn phủ giọt mồ hôi trán,  
Gió mát lòng cô cũng cảm thương  
Lủi thủi bên đường, cô ngẩn ngơ  
Chốn này, đuổi bắt bướm ngày xưa,  
Cô buồn, cô tiếc, cô ngùi ngậm,  
Cô nhớ ngày xuân, nhớ tuổi thơ:

"Đàn bướm bay qua bãi cỏ xanh,  
"Lòng cô phát phới biết bao tình.  
"Vội vàng để vỡ bên bờ cỏ,  
"Thoăn thoắt theo liền đàn bướm xinh..."

"Đàn bướm bay cao cô trở về,  
"Sửa khăn, cấp sách lại ra đi,

HUỶNH ÁI TÔNG

*"Thần nhiên, cô chẳng lòng thương tiếc,  
"Vì bướm ngày xuân chẳng thiếu chi!..."*

*Ái tình nào phải bướm ngày xuân,  
Tình ái ngày xuân chỉ một lần  
Một thoáng bay qua không trở lại  
Gái xuân đổ lệ khóc tình quân!*

(Cô Gái Xuân)

**Xuân Bất tận**

*Không quá khứ, không vị lai,  
Thời gian xuân giữ thắm tươi hoài.  
Từ lâu xuân vẫn mơn cành liễu,  
Và mãi vàng luôn đượm cánh mai.  
Cuộc thế mị thường cơn mộng lớn,  
Nguồn xuân bất tận suối thơ dài.  
Làm chi năm một lần khai bút.  
Bút đã khai từ thiên địa khai.*

(Tuyển tập Trinh Trắng)

*Đông Hồ luyện quốc văn, dạy quốc văn, phổ biến quốc văn, ông sáng tác từ thơ cũ cho đến thơ mới, Linh Phượng của ông đã được người ta tán thưởng trên Nam Phong, rồi Cô Gái Xuân và Trinh Trắng sau này, thơ của Đông Hồ luôn luôn nhẹ nhàng, tươi mát như ngọn gió mát của hồ Đông ở Hà Tiên. Ông yêu nước cũng như yêu quốc văn nên đã tham gia kháng chiến trên đất Phương thành xưa.*

Tài liệu tham khảo:

Đông Hồ: *Văn Học Miền Nam* Hiên Phật Học USA 2009, Tập I

## 2. Trúc Hà



### **Trúc Hà - Trần Thiêm Thới (1909-194?)**

Về tiểu sử của Trúc Hà cho đến nay chưa được xác định rõ ràng, chỉ được biết ông sinh ở Hà Tiên, bằng trắc tuổi Đông Hồ, gọi Đông Hồ bằng cậu. thuở nhỏ có sinh sống chung một thời gian với Đông Hồ trong gia đình của Lâm Tấn Đức, là bác của Đông Hồ. Ngày nay, tại Đông Hồ thi nhân kỷ niệm đường ở Hà Tiên, còn lưu trữ vài dòng tưởng niệm ông trang trọng trên tường như sau:

“Trúc Hà Trần Thiêm Thới 1909-1937, cháu gọi Đông Hồ bằng cậu: nhà văn nhà thơ nhà giáo cùng với Đông Hồ chủ trương tuần báo *Sống* ở Sài Gòn năm 1935. Sau đó chuyên dạy Việt văn ở các trường tư thục Lê Bá Cang, Huỳnh Khương Ninh (...)

Tuy nhiên, trên *Nam Kỳ tuần báo* do Hồ Biểu Chánh chủ trương, phát hành tại Sài Gòn từ năm 1942 đến 1945. Vào tháng 12 năm 1942, tại Sài Gòn có hội chợ. Trúc Hà có viết một

## HUỶNH ÁI TÔNG

phóng sự *Hội chợ năm nay có những gì ?* Số sau cùng trên *Nam Kỳ tuần báo* có bài của Trúc Hà là tháng 6 năm 1943. Cho nên ít nhất Trúc Hà cũng còn sinh sống đến năm 1943.

Theo Nguyễn Phước Thị Liên trong bài viết về Hà Tiên tứ tuyệt có cung cấp chi tiết về Trúc Hà, “*khi qua đò tại Sài Gòn, ông được đưa về Hà Tiên chôn cất vội vàng, đắp một đất tạm. Sau đó là thời kỳ Tây tái chiếm Hà Tiên, Đông Hồ, Mộng Tuyết sơ tán về Sài Gòn, lâu ngày không ai lập mộ bia cho ông.*” Vì lẽ đó, ngày nay không rõ ông mất ăm nào.

Được biết, sau khi học xong Sơ học tại Hà Tiên, Trúc Hà thi đậu vào Colège de Can Tho, nơi đây ông tham gia viết báo, cùng với Hồ Hữu Tường, Ung Văn Khiêm tham gia các cuộc biểu tình tại trường nhân tang lễ Phan Chu Trinh và biểu tình chống bản án Nguyễn An Ninh năm 1926, nên bị đuổi học.

Trúc Hà về Hà Tiên, theo cách Đông Hồ rèn luyện quốc văn, rồi viết bài cho *Nam Phong* từ năm 1927 đến năm 1932. Thời gian này ông cũng có cộng tác với *Phụ Nữ Tân Văn*.

Sau đó vài năm ông lên Sài Gòn, dạy Việt Văn cho các trường Trung học Lê Bá Cang, Huỳnh Khương Ninh cho đến khi mất vì bệnh lao phổi.

Năm 1935, ông làm chủ nhiệm tuần báo *Sóng*, sau khi phát hành được 30 số thì đình bản trong cùng năm, vì vấn đề tài chánh.

Năm 1940, Trúc Hà còn viết phê bình cho tạp chí *Nay*. Đến 1942, ông cộng tác với *Đại Việt tạp chí* và *Nam Kỳ tuần báo* của Hồ Biểu Chánh như đã nêu trên.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Trúc Hà dịch và viết nhiều thể loại như dịch thơ, tản văn, xã luận và nghiên cứu, phê bình văn học phóng sự, triết luận...

Trúc Hà mất tại Sài Gòn năm 1943 hay 1944, ông hưởng dương mới chùng 35 tuổi.

Tác phẩm:

- *Luân lý đạo Nho* (triết luận, Đại Việt, 1944)

Trích văn:

### **Chuyện giáo dục ở Phương Thành**

Sách là có ích mà xem sách thì nên bỏ những cái lòng áy náy về sự cầu phú cầu quý, bản khoán về sự cầu lợi cầu danh đi, để mà vui với gió mây, vui với non nước, vui với bạn trúc, vui với tình mai, vui với tiếng chim réo rắt ở đầu cành, vui với nét hoa toại bời ở mặt nước, vui với ý vạn vật, vui với thợ hoá công, mở riêng ra một cái thế giới lạc thú hoà bình của người xem sách, cho con mắt người xem sách trông thấy được xa, cho con tâm người xem sách nghĩ ngợi cho được rộng, rồi mới lĩnh hội được cái lý thú ở trong sách và phát minh được cái tư tưởng ở ngoài sách... Chao ôi! Kẻ xem sách phải biết rằng mùi sách không ở sách, mà ở mây ở gió, ở cỏ ở hoa, ở tuyết ở trăng, ở sông ở núi, ở trong khuôn vũ trụ, ở trong vòng cổ kim, ở trong dạ kẻ thánh hiền, ở trong thân người hào kiệt vậy.

- 0 -

Trong bài: *Trúc Hà - một trong "Hà Tiên tú tuyệt"*, tác giả Nguyễn Thị Phương Thúy - Võ Văn Nhơn đã có nhận định:

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Trong làng văn, làng báo quốc ngữ trước 1945, Trúc Hà không phải là cây bút xuất sắc thu hút nhiều sự chú ý, cũng không gây ra những ảnh hưởng lớn lao nhưng văn nghiệp của ông đã có những đóng góp nhất định vào sự phát triển chung của một thời kỳ văn học. Chỉ hơn ba mươi tuổi, trên mười lăm năm cầm bút, góp mặt trên văn đàn là một Trúc Hà năng động trên nhiều lĩnh vực, từ dịch, sáng tác, phê bình, đến nghị luận, phóng sự, từ một chủ nhiệm báo quản lý trăm công ngàn việc đến làm phóng viên xuôi ngược đưa tin; một Trúc Hà nhạy bén với cái mới, đầy tinh thần dấn thân nhưng đồng thời cũng rất cẩn trọng, biết nâng niu những di sản quá khứ.*

*Những tài liệu về Trúc Hà vẫn chưa thể nào được kiếm tìm đầy đủ nên công việc tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông chưa thể gọi là hoàn thiện. Nhưng qua những gì mới tìm thấy, Trúc Hà xứng đáng là một trong Hà Tiên tứ tuyệt, là tác giả nhiều tâm huyết của văn học miền Nam một thuở.*

Tài liệu tham khảo:

- Trúc Hà Web: [khoavanhoc-ngonngu.edu.vn](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn)

### 3. Lư Khê



**Lư Khê - Trương Văn Em (1926-1950)**

Lư Khê tên thật là Trương Văn Em còn được gọi là Đệ, tên chữ là Tuấn Cảnh, bút hiệu là Bá Âm, Lư Khê; là nhà thơ, nhà báo Việt Nam thời tiền chiến.

Ông sinh ngày 20 tháng 1 năm 1916 (nhưng trong giấy khai sinh ghi là ngày 5 tháng 2 năm 1916, vì làm giấy trễ) tại làng Rạch Vược, xã Thuận Yên, tỉnh Hà Tiên (nay thuộc thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang) trong một gia đình lao động nghèo. Thân sinh là ông Trương Văn Huỳnh (ngư dân) và bà Trần Thị Chín.

Thưở nhỏ, Trương Văn Em học tiểu học ở Hà Tiên, học trung học ở Cần Thơ (Collège de Cần Thơ), đậu bằng Thành chung năm 1928 rồi lên Sài Gòn lập nghiệp.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ở Sài Gòn, ông dạy học tại trường Huỳnh Khương Ninh, Đồng Nai...và cộng tác với các báo: *Thế giới tân văn, Nữ lưu tuần báo, Văn nghệ, Tự do, Nay, Đông Tây, Gió mùa...*

Năm 1935, ông cùng với Đông Hồ, Mộng Tuyết, Trúc Hà, cả bốn người đều được mệnh danh là "Hà Tiên tứ tuyệt", xuất bản tờ báo *Sống* ở Hà Tiên, nhưng phát hành ở Sài Gòn. Đây là một tờ báo *thuộc loại sớm nhất ở miền Tây, và cũng là tờ báo tiến bộ nhất so với các báo khác thời đó*. Trước đó có tờ An Hà Nhựt Báo phát hành tại Cần Thơ.

Trong môi trường văn học, ông yêu nữ sĩ Nguyễn Thị Manh Manh, và rồi họ thành hôn vào ngày 11 tháng 11 năm 1937.

Sau năm 1945, Lư Khê làm Chủ bút báo *Tân Việt*. Từ năm 1947-1950, ông làm Giám đốc kiêm Chủ nhiệm nhật báo *Sự thật* và *Ánh sáng*. Lúc này, ông là người theo "chủ trương thống nhất và độc lập dân tộc, đồng thời đấu tranh chống thực dân Pháp".

Đầu năm 1950, Lư Khê được hãng hàng không Air France của Pháp mời dự lễ khánh thành đường bay Paris – Sài Gòn tại thủ đô nước Pháp. Nhân dịp này, ông đặt in một bức ảnh màu bằng kỹ thuật offset, trong khi các báo khác tại Sài Gòn chỉ in typo như xưa. Cơ sở in là Imprimeries George Lang ở Paris, thuộc loại tiên tiến nhất của Pháp. Bức hình màu, cỡ thật lớn, vẽ cô thiếu nữ tuyệt đẹp.

Ấy là một cô gái thôn quê miền Nam tay ôm chiếc nón lá, vừa xinh lại vừa ngây thơ. Tác phẩm được ông Lư Khê thương lượng mua của tác giả họa sĩ Lê Trung, một họa sĩ thời thượng trong làng báo Sài Gòn lúc ấy.

Nhờ có sáng kiến độc đáo của Lư Khê, bức ảnh màu được in riêng, dán hồ trên bìa báo, một cách gợi ý độc giả có thể tháo rời ảnh để lộng khung, treo làm cảnh trong nhà, hoặc dùng như tác phẩm nghệ thuật hội họa hiếm có. Nhờ vậy, báo *Ánh Sáng Xuân* năm đó bán thật chạy.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI



Ngày 3 tháng 7 năm 1950, ông bị những kẻ lạ mặt (dư luận cho là nhóm báo phân ly của chính phủ Trần Văn Hữu) sát hại tại nhà riêng, cùng một ngày với nhà báo Nam Quốc Cang. Khi ấy, Lư Khê mới 34 tuổi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tác phẩm:

- *Douleur secrète* (tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Luk, 1939),
- *Phút thoát trần* (tập truyện ngắn và tùy bút, Nhà xuất bản Luk 1942)
- *Nhạc đêm* (tập thơ)
- *La littérature Chinoise et ses ressources artistiques* (tiểu luận)
- *Khảo về văn chương nước Nhật*
- *L' amour dans la poésie annamite* (tiểu luận)
- *Jour perdu* (tiểu thuyết)
- *Au fil de l'heure* (thơ)

Và rất nhiều bài phóng sự, lý sự, khảo luận thơ đăng trong các báo đã dẫn ở trên.

Trích thơ:

### **Thử em**

(Tặng bạn yêu)

*Một bức thư tình anh gửi em,  
Hững hờ em chẳng giở ra xem.*

*Dẫu rằng em tuổi đang non trẻ,  
Máu ái tình sôi nổi quả tim.*

\*

*Nào phải đâu em nữ phụ anh,  
Vì “yêu” em mới hóa vô tình.  
Giữ lòng kín đáo em không thiết,  
Đến cánh chim cười, bướm lượn quanh.*

\*

*Anh biết: yêu anh em giả ngơ,  
Vì em đang lúc tuổi đào tơ.*

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Phải gìn, phải giữ e mang tiếng,  
Cùng với anh là gái lẳng lơ,*

\*

*Em nhé, nghe anh nhắc nhủ đây,  
Cười cô thiếu nữ quá thơ ngây.  
Mãi lo dè dặt mà quên nghĩ,  
Rằng bức thư tình ta thử ai ?*

\*

*Em có yêu anh thì chớ trách,  
Vì yêu ta phải rõ lòng nhau.  
Nhưng em nào biết trong thơ ấy,  
Giấy trắng tình anh muốn giữ cao.*

\*

*Có thể thì anh mới biết thêm,  
“Tình yêu” em còn vẫn êm đềm.  
Dẫu cơn gió vụt, bao nghiêng ngữa,  
Anh chỉ để long, anh luyến em.*

Trích từ *Thế Giới Tân Văn* số 5 ngày 7-8-1936

Trích văn:

Nghề làm nước mắm ở Phú Quốc

.....

Vừa bước chân lên bờ, một cái mùi đặc biệt, rất đặc biệt từng bùng mon trón chào đón tôi. Cái mùi như giục tôi không thể nào trì hoãn công việc điều tra lại nhiều ngày trên đảo Phú Quốc được (...).

Sáng hôm sau ...

Ngoài trời mưa rơi lấm tấm.

Vừa mới bước chân vô tới sân, tôi đã thấy bóng ông chủ nhà thấp thoáng ở gian giữa. Trong lòng tôi đã cảm thấy vui vui, vì

## HUỶNH ÁI TÔNG

cái công mình chẳng đến đổi hoài như hôm qua nữa! Thấy tôi ngài mỉm cười nói:

- Mời ông vô ngồi đây! Chiều hôm qua trong người tôi thấy bản than khó chịu, nên không giữ được lời hẹn với ông.

Rồi mỉm cười ông tiếp:

- Ông muốn hỏi điều nào trước ?

### Cách làm nước mắm

Nguyên liệu làm nước mắm là cá.

- Nhờ ông cho biết người ta đánh cá vào mùa nào ?

- Ở đây từ tháng 7 sắp lên tới tháng 11 là mùa nhiều cá, và cá mùa ấy thời tốt nhất. Người ta gọi đó là “mùa cá”. Từ tháng chạp tới tháng ba, tháng tư cá ít lắm, mà dầu có cũng rất xấu vì trái mùa rồi.

- Thường người ta đánh cá ở lối nào ?

- Họ cũng đánh theo nội “mặt ngoài” hòn Phú Quốc này thôi chớ không có đi đâu xa, vì thế mỗi năm tới mùa thì tự nhiên cá áp vào. Mấy năm nay cá “thưa” quá, chớ lần trước mỗi lần đầy ghe, làm nước mắm không hết, còn phải bán cho mấy chỗ khác mua lại.

- Những ghe mua cá, thường ở đâu lại ?

- Ở tận ngoài Trung kỳ vào.

- Những người đánh cá, họ phải có cái đặc biệt gì mới được ?

- Cái đặc biệt của họ là sự mạo hiểm. Không phải mạo hiểm như anh Nhật Bản, nhưng đối với người mình cng tạm gọi là mạo hiểm. Ở giữ vời gặp chỗ nào có cá, bao lưới rồi nhảy xuống nước không ngần ngại gì cả.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Ngoài ra, họ còn có tài riêng là cái tài “coi cá”. Ở xa nếu có bày cá đi, là họ sẽ nhận biết liền.

- Đó cũng là nhờ cái nghề luyện cho họ được như vậy. Và, thưa ông, công việc làm của họ cực nhọc như thế mà họ có yêu nghề của họ không ?

- Nếu ở đây mà không yêu cũng phải yêu, vì một người tầm thường nếu ngoài nghề lưới ra, thì có nghề gì khác để nuôi họ sống một cách đầy đủ và hạnh phúc hơn.

- Ngoài này người ta làm nước mắm thường dùng cá chi ?

- Thường là cá “com”. Nhưng riêng là cá “com” chớ trong ấy chia ra làm bốn năm thứ khác nhau, như cá “*com thang*”, “*sọc tiêu*”, “*sọc phân*”, “*sọc trắng*” và “*ba loài*”.

- Nếu phân chia ra như vậy, thì trong ấy, có thứ hơn, thứ kém nhau về nước mắm chớ ?

- Phải! Có lắm! Cá “*com thang*” và cá “*sọc tiêu*” thì làm ra nước mắm đa màu mà mùi lại dịu, ngon lắm. Người Tây phần nhiều ưa dùng thứ này. Cá “*sọc phân*” muối lâu mới ra được mắm lại ít thơm. Đến cá “*sọc trắng*” thì hèn tẻ! Ấy là loại cá khó làm nước mắm nhứt. Mà nếu ai có làm ra được thì cũng không ngon và hay “*trở*” (hư) lắm.

- Cá đem về muối muối phải làm cách nào ?

- Khi ghe cá về, trước hết bắt ba tấm ván trên miệng thùng, rồi đem ba rổ “*kiệu*”<sup>(1)</sup> cá lên đổ ván ấy. Cứ ba rổ cá thì đổ 30 kg muối nghĩa là ba phần cá một phần muối, cá và muối trộn cho đều. Trộn rồi đũa xuống thùng. Cứ làm như thế mãi cho đến đầy thùng.

-----  
Gọi rổ “*Kiệu*” vì rổ đựng cá ấy đặt trên hai cây cho hai người khiên, như cái kiệu (?). Một rổ kiệu cá nặng chừng 30 kg.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Trong ba hôm muối tan, nước muối, nước cá chảy ra. Phải tháo nước ấy cho ráo rồi chứa tạm qua thùng khác. Rồi thì ếm cá lại cho cứng, lấy lá đập lên, cây gài trên cho chắc, để giữ cho cá khỏi nổi bình lên.

Nước đã tháo ra đó phải đổ trả lại. Nếu đổ phân nửa thì nước mắm mau ngon, còn đổ hết cả thì lâu hơn.

Sau khi đổ lại chừng mười bữa hay nửa tháng thì những vảy hay nhng chất vô ích tự nhiên đóng lại trên lá mình đã đập. Phải hốt lên đem rửa cho sạch lá đập rồi đem gài lại. Nước vẫn tháo ra thùng khác gọi là “*thùng trở*” như trước rồi trộn lại, là cứ giặt rửa cho hết đồ dơ. Làm như thế mãi chừng ba bốn lần, nước đã hơi trong, chất dơ đã sạch, đồ “*gài*” cứ để y như vậy, chừng nào mắm có mùi thơm, coi tốt là được.

- Từ ngày muối cá đến ra nước mắm chừng bao lâu ?

- Đó là tùy người siêng hay biếng, kỹ hay không kỹ mà thôi. Có người làm chừng hai tháng rưỡi đã ngon, có người ba tháng mà cng có người đến bốn, năm tháng là tại hồi tháo ra họ để cho chảy ra tùy mau hay lâu.

Đây là nói cá “*com thang*” hay “*sọc tiêu*”, chứ nếu cá “*sọc phần*” lại còn phải lâu bằng hai nữa. Tuy là lâu chứ không thể nào ngon bằng hai thứ kia. Người ta chỉ dung để “*mượn hơi*” hai thứ “*com thang*” và “*sọc tiêu*” thôi.

- Cũng thời cá mà sao thứ “*sọc phần*” ấy lại chẳng ngon lắm ?

- Phải, cũng thời cá nhưng thứ “*sọc phần*” mình nó cứng và ít máu.

- Còn thứ cá “*ba loài*” là thứ chi ? Cá ấy làm nước mắm có ngon chẳng ?

- À, suýt nữa đã quên nói đến cá “*ba loài*”

Người ta gọi “*ba loài*” là tại thứ ấy lộn lạo hai ba thứ: lớn, nhỏ chứ không phải đều như nhau. Cá này ít máu nên làm nước

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

mắm thường trắng, trong. Tuy vậy chớ cũng không thể nào bằng “*com thang*” và “*soc tiêu*”.

- Còn nước mắm thường “trở” là tại sao vậy ?

- Nước mắm hư là tại mình gấp quá. Chưa đúng ngày, tháng đã vội chiết ra đem bán rồi. Máu cá chưa ra kịp. Chớ nếu làm như tôi đã nói thì không thể nào “trở” được cả.

- Mình có thể nào biết trước nước mắm sẽ được “tốt” hay sẽ “thở” không ?

- Đó là tùy theo kinh nghiệm ở nghề. Từ hai tháng sắp lên, sau khi muối cá, Mũi ta ngửi, mắt ta trông, có thể nhận được một cách dễ dàng cái tương lai tốt, xấu của nước mắm mình.

- Nước mắm để lâu có hại gì không ?

- Của người ta thì tôi không dám chắc, vì không tin cách họ làm, chớ của tôi dầu để bao lâu cũng được. Tôi cũng thường chiết ra ve, gửi tân qua Pháp hay ra Hà Nội để biếu các quan quen biết. Hôm nọ, quan Toàn quyền Robin đi kinh lý có ghé thăm tôi, tôi cũng có quà ngài mấy ve, xem ngài lấy làm thích lắm.

- Nước mắm ông như thế mà gặp mấy cuộc đấu xảo ông có gửi đi chăng ?

- Có chớ, mấy lần gửi đi đấu xảo tận Marseille, lần nào tôi cũng được giấy chánh phủ khuyến khích và gửi khê bài ban khen.

- Ông tận tụy với nghề này đã được bao lâu ?

- Trên 40 năm.

- Nước mắm Phú Quốc này thường bán về đâu ?

Nghe tôi hỏi ông lắc đầu có vẻ buồn bã, thất vọng, chán nản của một người tận tâm với nghề nghiệp.

- Ông hỏi đến chuyện buôn bán càng thêm buồn. Ông tính nước mắm của cả hòn Phú Quốc này mà bán thì chỉ bán Châu

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đốc và Rạch Giá, nhưt là Rạch Giá thôi. Nếu thế thì sản xuất nhiều mà tiêu thụ ít.

- Gặp lúc kinh tế khó khăn này ông xem sự buôn bán tiến hay thối ?

- Tiến gì được, ông tính nước mắm thì nhiều mà không bán được xa, cứ dồn ở hai ba tỉnh ấy mãi. Sánh với mấy năm trước thì giá nước mắm hiện giờ không được một phần. Đã vậy mà có lắm khi bọn bạn hang dung ngón gian xảo, nước mắm mình không hư, mà họ tráo trở làm cho hư mà đem đổi lại cho mình, như thế phải ép lòng chịu thiệt thòi, chớ mình biết cãi thế nào, vì chỗ mình buôn bán lâu dài.

- Họ thường tráo trở bằng cách nào ?

- Có khó gì, nước mắm Phú Quốc thì chỉ “nai” sơ thôi, họ mở ra, hoặc chiết ra nửa tỉn rồi đổ nước lại, hoặc họ mua lầm phải đồ xấu của kẻ khác, họ đổi nắp lại. Như thế mình không chối cãi gì được vì trên nắp có con dấu hiệu mình.

Mà những kẻ nhân tâm như thế thường là bạn hàng bán lẻ, chớ chẳng phải chủ vựa. Vì chủ vựa họ mua bán nhiều, hơi đâu họ làm như thế. Chủ vựa có biết gì, họ mua của mình thì nếu bạn hàng đổi lại với họ, họ cứ mình họ trả lại thôi!

- Như vậy thì mình đem đi xa. Chịu mồi hay trừ bán ở những tỉnh lớn như Cần Thơ, Mỹ Tho, Sài Gòn chẳng hạn, có được không ?

- Đâu được, chỡ đi xa sở phí nhiều...

- Theo lời ông thì nước mắm ở đây bán không mấy khá mà sao về phương diện vật chất tôi nhận thấy dân sự thật là đầy đủ, sung sướng ?

- Phải ông nói không lầm. Mà cái sung sướng ấy nó chỉ có “duyên” với bọn làm công thôi. Họ chỉ phí công đi một chuyến ghe không hơn 15 ngày đã được hơn chục đồng rồi. Chớ còn



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

chủ nhà thùng thì không được sung sướng cho lắm. Phần xác cũng như phần hồn quanh năm mãi bận việc.

Thế nên có nhiều nhà du lịch lại đây thấy cái cách ăn xài của bọn bạn lưới họ đã nói một câu:

“Ở đây, tôi không phân biệt được ai là “*chủ thùng*” ai là “*bạn lưới*”. Thấy từ cái cách ăn mặc đến sự lãng phí, xa hoa của họ tôi cũng tạm bảo họ có phước, vì họ chưa bị con ma khủng hoảng động tới”.

- Vâng, riêng tôi, tôi cng nhận thấy rõ như thế khi mới bước chân đến. Thưa ông, thường nước mắm ở đây có gặp ai cạnh tranh không ?

- Ngoài thì không có ai cạnh tranh, nhưng nội một chỗ với nhau giành được mỗi lợi cũng đủ mất giá.

Dòm lên chiếc đồng hồ trên vách thấy hơn 11 giờ rưỡi, lật đật đứng dậy cảm ơn và xin cáo từ. Sau một cái bắt tay tôi, với một nụ cười, chủ nhân đưa tôi ra tới cửa.

Ngoài đường hạt mưa còn lấm tẩm roi. (2)

\*

Lư Khê tham gia đóng góp nhiều cho nền văn học quê hương Hà Tiên và đất nước Việt Nam. Ông bị ám sát năm 1950, trong khi nhiều công trình còn dang dở chưa kịp thực hiện.

Về văn học, Lư Khê sáng tác khá nhiều, nhất là thơ. Thơ ông rất trữ tình, thường xuyên đăng ở các báo *Thế giới Tân văn* (1936), *Nữ Lưu tuần báo* (1936), *Văn Nghệ* (1937), *Tự do* (1938), *Nay* (1940), *Gió Mùa* (1941), *Đông Tây* (1942) Tập tùy bút *Phút thoát trần* được in năm 1942.

---

(2) Báo *Sống* ngày 28-8-2935 – Hà Tiên.

## HUỲNH ÁI TÔNG

Về thơ chữ Pháp, Lư Khê đoạt giải cuộc thi “Tournoi des Jeux Floreaux de Nice” của Pháp, năm 1938.

Cùng với Đông Hồ, Mộng Tuyết, Trúc Hà, Lư Khê được văn giới gọi là Hà Tiên tứ tuyệt.

Tài liệu tham khảo:

- Lư Khê web: vi. Wikipédia

Nguyễn Q. Thắng *Văn Học Việt Nam Nơi Miền Đất Mới* Tập 3, tr. 91 - 101

#### 4. Mộng Tuyết



**Mộng Tuyết – Lâm Thái Úc (1918-2007)**

Mộng Tuyết tên thật là Lâm Thái Úc (lẽ ra tên Út vì nữ sĩ có sáu người anh, nên sau này có bút hiệu Thất Tiểu Muội), sinh ngày 9 tháng 1 năm 1918 tại làng Mỹ Đức, tỉnh Hà Tiên.

Năm 1926, sau khi học hết bậc Sơ đẳng, nữ sĩ bắt đầu luyện văn ở Trí Đức Học Xá (do thi sĩ Đông Hồ điều khiển), và sáng tác những bài văn ngắn dưới bút hiệu Thái Nữ Mộng Tuyết, góp lại thành tập *Bông Hoa Đưa Nở*, đăng ở Nam Phong tạp chí năm 1930.

Năm 1935, Mộng Tuyết thường xuyên viết truyện ngắn đăng trên tuần báo *Sông* (Sài Gòn).

Những năm kế tiếp, nữ sĩ tập làm thơ và gửi dự cuộc thi thơ do tự Lực văn đoàn tổ chức. Tập thơ **Phấn Hương Rừng** được giải khuyến khích năm 1939 (Ban Giám khảo gồm nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam Tú Mỡ).

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1943, Cùng với nữ sĩ Vân Đài, Hằng Phương, Anh Thơ in chung một tập thi tuyển **Hương Xuân** do nhà Nguyễn Du ở Hà Nội xuất bản.

Sáng tác của Mộng Tuyết đã đăng trên các báo: Tiểu Thuyết Thứ Năm, Hà Nội báo, Con Ong, Đông Tây, Trung Bắc Chủ Nhật, Tri Tân, Gió Mùa, Ánh sáng, Nhân Loại Tập San, Bách Khoa, Văn, Văn Học. Nữ sĩ có nhiều bút hiệu: Mộng Tuyết, Hà Tiên Cô, Thất Tiểu Muội, Nàng Út, Bách Thảo Sương, Bân Bân nữ sĩ...

Nữ sĩ Mộng Tuyết đã từ giã cõi đời vào lúc 8 giờ 05 ngày 1-7-2007, tại bệnh viện Đa Khoa Kiên Giang, hưởng thọ 89 tuổi.

Đã xuất bản :

- Đường Vào Hà Tiên ( tùy bút, Bốn phương, Sài Gòn, 1960 )
- Nàng Ái Cơ Trong Chậu Úp (Ký sự lịch sử, Bốn phương, Sài Gòn, 1961)
- Truyện Cổ Đông Tây (1969)
- Dưới Mái Trắng Non (thơ, 1969)
- Núi Mộng Giang Hồ (hồi ký, Nxb Trẻ, Tp HCM)

**Trích thơ:**

### **Em bị cười**

*Mơ màng nghe có tiếng người yêu  
Réo rất bên hè thổi khúc tiêu,  
Nhanh nhẹn tung chăn, em nhồm dậy  
Bàng hoàng ngái ngủ, vội em kêu :  
- Anh ơi ! Anh đợi tí! Cho em  
Còn sửa sang qua nếp áo xiêm.  
Vuốt lại tóc em buông búi rối,  
Điểm qua lược phấn, chút hồng thêm...  
Cửa mở. Em tìm chẳng thấy ai  
Người yêu em đã phôi xa rồi;*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Bên rào còn để đôi hoa thắm  
Hờ hững cười em mê ngủ thôi !*

(Hà Nội báo, số 2, 3-6-36)

### **Em trả thù**

- Anh ơi ! Em thích đời thi sĩ  
Vui lòng, anh dạy em làm thơ?  
- Em đừng chúng chứng, cười anh bảo,  
Thơ thân gì em? Khéo ngân ngơ !...  
...Một nàng tiên nữ đẹp như em,  
Là một bài thơ, một quả tim.  
Là áng hồng son, là gió lướt,  
Là hoa xuân thắm, bóng trắng đêm...  
...Thi sĩ, em ơi ! đó lại là,  
Người đi theo dõi bóng thiên nga,  
Ước mơ, yêu thích và ca ngợi,  
Những cái mà em đã có thừa !  
- Nhưng không, em muốn học làm thơ  
Để trả thù anh đã hững hờ :  
Rồi phút say sưa anh có lại,  
Hôn em...Em sẽ đẩy anh ra.  
Bấy giờ, em cũng bảo anh rằng :  
"Em bận làm thơ", anh nhớ chăng?  
Hôm nọ; bên anh, em nũng nịu,  
Lạnh lùng anh cứ mãi nhìn trắng.

(Hà Nội báo, số 7, 29-4-36)

### **Dương liễu tân Thanh**

Trân trọng mạ giao hành khách thủ.  
Đoàn trường tình tự kỷ ân cần

Lê Bích Ngô

"Dương liễu mười bài" chép gửi anh.  
Ly hoài ai khéo gởi cho mình.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Bích ngô âu cũng lòng thôn nữ  
Chung với nghìn xưa một mối tình.  
"Bên đờng, qua lại bao nhiêu khách;  
"Riêng bề cảnh xuân đưa tặng nhau.  
"Sung sướng Giang-nam chàng phối ngựa,  
"Tháng ngày bóng liễu rủ tơ sầu...  
"Lả lướt đợi ngày xuân trở lại :  
" Ngày xuân trở lại, hỏi bao ngày!  
" Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió,  
" Ngùi ngậm tàn xuân hoa rụng đầy... "*  
*Nét mực vừa khô, lệ ướt dầm,  
Lời xưa thêm gọi nỗi từ tâm.  
Biệt ly còn bận đời thi-sĩ;  
Hương chón buông the khách chỉ kim.*  
(Phấn Hương Rừng)

## Vì anh Thọ Xuân

Đề tặng anh Đông Hồ bộ Việt Pháp Tự điển

*Vì ai, đề tặng sách cho ai:  
Rồi lại vì ai cảm tạ người ;  
Bởi sợ nhà thơ nghèo đến chữ,  
Yêu nhau , đưa tặng mấy muôn lời  
Tiếng nhà , cửa sẵn kho vô tận,  
Mặc sức tiêu hoang , mặc sức chơi:  
Mưa bốn phương trời mây nước đẹp,  
Mưa nghìn năm cảnh cỏ hoa tươi.  
Hãy còn thừa thãi, tiêu chưa hết,  
Mưa lấy , trần gian, tiếng khóc cười .  
Trước hết , đã mua rồi một món:  
Thành Phương – hương điểm mối tình dài*  
( Phấn Hương Rừng)

## Mười Khúc Đoạn Trường

### 1. Giá gạo Trùng An

Nghe nói Trùng An giá gạo cao  
Đói cơm cứu hạn khát mưa dào  
Bà con ta ở miền Trung Bắc  
Thóc gạo Đồng Nai những ước ao  
Tổ quốc băng khuâng hồn nghệ sĩ  
Cô em rủ chị học làm thơ  
Em vui bẻ mực dầm ngòi thỏ  
Chị mãi rình văn xây lối mơ  
Cấp báo về đây tụt nẻo xa  
Người đang ngoắc ngoài đợi chờ ta  
Vốn nghèo biết giúp gì em nhỉ  
Ngã mại Kỳ văn nhĩ mại hoa

### 2. Tin miền Bắc

Quốc vận bình minh hừng nắng vàng  
Mừng vui chưa dứt tiếng reo vang  
Xa xăm những đợi tin miền Bắc  
Cơ cần kìa đâu tin bỗng sang  
Khấp lòng vui lại để lo âu  
Đói khát bao nhiêu nỗi thâm sâu  
Trời đất chữa tan màu khói lửa  
Anh em đang gặp cảnh thương đau  
Máu mủ tình kia đã bảo ta  
Đưa tay nâng đỡ chị em nhà  
Giống nòi chưa chết lòng chưa chết  
Non nước hồn vang tiếng thiết tha

### 3. Hồng Hà không phải sông vô địch

Con cháu Rồng Tiên họ một nhà  
Ai làm non nước chuyện chia ba  
Cho hồn Tổ Quốc băng khuâng lăm  
Tai biến nhìn nhau thêm xót xa  
Êm ái Nhà Bè nước chảy chia hai  
Gạo cơm Cần đước nước Đồng Nai

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hồng Hà không phải sông vô địch  
Mà vẫn bờ sông xương trắng phơi  
No ấm miền Nam trong lúc này  
Bát cơm bữa bữa được bung đầy  
Ai ơi nghĩ nhớ người đang đói  
Muỗng cháo cảm hơi đợi phút giây

### 4. Những linh hồn bơ vơ

Trạm Bắc đưa về tin xót xa  
Lang thang thể thảm kẻ không nhà  
Đông quê khôn khó tìm ra chợ  
Bồng bé con thơ dất dứ già

### 5. Xẻ cháo nhường cơm

Hồng Lạc người chung một giống nòi  
Có đâu Nam Bắc đất chia hai  
Xót tình máu mủ cơn nguy biến  
Xẻ cháo nhường cơm ai hỏi ai  
Máu chảy ruột mềm đau xót lắm  
Rách lành đùm bọc lấy cho nhau  
Trong nhà đang có người kêu đói  
Xẻ cháo nhường cơm mau hãy mau  
Nạn đất tai trời đành đã vậy  
Nhưng mà chị ngã hãy còn em  
Có rồi nhưng cũng chưa là đủ  
Xẻ cháo nhường cơm thêm lại thêm

### 6. Hấp hối đợi chờ

Tai mới nghe qua lòng thốn thức  
Xác người xe nhật mỗi ban mai  
Còn bao nhiêu nữa đang quần quại  
Hấp hối chờ cơm hơi món hơi  
Gốc rạ cọng rơm vợ mót sạch  
Dây khoai củ chuối món cao lương  
Vỏ cây dây lá không còn nữa  
Đất trụi đồng trơ nuốt thảm thương



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Thoi thóp tàn chợ cứu tế  
Hột cơm khi đói khi no  
Giàu nghèo ai cũng thừa tâm huyết  
Nhiều ít nài chi hãy cứu cho*

### 7. Cấm yên

*Vật uống món ăn dành đã hết  
Có tiền không gạo biết đâu mua  
Ruộng vườn trồng trái đồng không cỏ  
Không vụ chiêm không vụ mùa  
Mạ mới gieo xong đã gặt liền  
Mái tranh không sợ khói vươn lên  
Thử thì bắt tỉ thanh minh tiết  
Để sự trừ trung đã cấm yên*

### 8. Ai đắp diêm

*Làng mạc đều hiu cảnh nảo nùng  
Bờ ao lặng ngắt tiếng côn trùng  
Sân vườn vắng bóng loài gia súc  
Cửa ngõ lều không ôi lạnh lùng  
Nhan nhản ngoài đồng xác chết phơi  
Xôn xao đàn quạ liệng đen trời  
Mùi tanh theo gió bay lan khắp  
Hơi sức ai còn đắp diêm ai  
Đồng loại còn thương hưởng ruột rà  
Bà con nhau đó có ai xa  
Dem lòng ta đòi thương người đói  
Thì thấy lòng ta bao thiết tha*

### 9. Đúc chuông

*Nhớ chuyện đời xưa lễ đúc chuông  
Xa gần góp lại của thiên môn  
Có người sốt sáng mua âm đức  
Bạc nén vàng thoi cũng góp luôn  
Lửa đỏ nung tan cả vạc đồng  
Người quăng đôi xuyên kẻ đôi vòng*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Muốn vo quả phúc cho tròn trặn  
Gửi cả vào đây vạn ước mong  
Nay đã gặp rồi mùa Cứu khô  
Đúc chuông ngày trước phước về đâu  
Ai ơi hãy nhớ câu nhà Phật  
Một mạng người hơn chín nhíp cầu*

### **10. Nạn đói nước Ngô**

*Nước Việt ngày xưa muốn phục thù  
Dem toàn lúa hấp trả về Ngô  
Thấy là lúa tốt cho gieo giống  
Năm ấy bên Ngô bị mất mùa  
Nạn đói làm bại nước Ngô  
Gương kia  
Còn để tự bao giờ  
Nay không hấp giống cho mùa mất  
Đốt thóc thay vì đốt củi khô  
Giặc đói xâm lăng nước mình  
Hột cơm cứu đói ; đạo tình binh  
Ngày đêm hãy gấp đường ra Bắc  
Tiếng khải triên vang khúc thái bình  
Mười khúc đoạn trường*

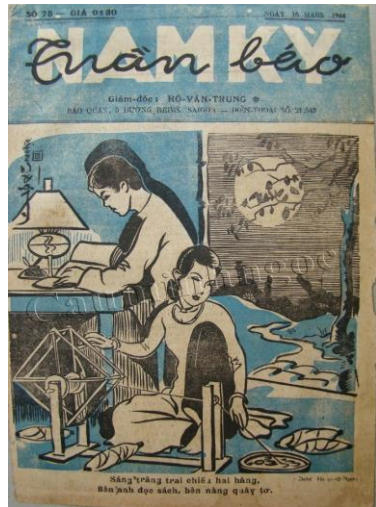
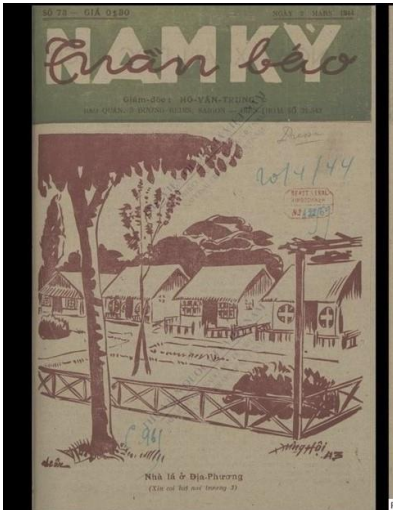
(Mùa đói năm 1945)

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

\*

### Tiết 20: Nam Kỳ tuần báo

*Nam Kỳ tuần báo* là tờ báo ra đời ở Nam Kỳ do Hồ Văn Trung tức nhà văn Hồ Biểu Chánh làm Giám đốc, dưới sự bảo trợ tài chánh của người Pháp. (số báo đầu tiên xuất bản ngày 03/9/1942, số cuối cùng in ngày 15/6/1944), Tuần báo này in được 85 số rồi đình bản.



*Nam Kỳ Tuần báo* số 73 ngày 2 tháng 3 năm 1944 và số 75 ngày 16 tháng 3 năm 1944

## HUỲNH ÁI TÔNG

Đã giới thiệu tới độc giả các bài du khảo của các tác giả đương thời, có tên tuổi giá trị trên văn đàn như: Hồ Biểu Chánh, Trúc Hà, Khuông Việt, Thiều Sơn, Huỳnh Văn Chính, Vương Quý Lê, Nguyễn Thị Tố Lan, ...

Theo như những nhà khảo cứu cho biết, khởi đầu độc giả cũng như những người cộng tác ủng hộ nhà văn Hồ Biểu Chánh, nhưng sau đó họ phát hiện, ông dùng tờ báo làm công cụ cho thực dân Pháp nên họ xa lánh dần, tờ báo phải ngưng xuất bản.

Tài liệu tham khảo:

- Nam Kỳ Tuần báo: Thư viện Quốc Gia Việt Nam

Trích văn:

### Nên Và Cứ

Trọn một tháng đầu năm tây tôi không có một tấm lịch đăng coi ngày. Chạy xin những chỗ người ta thường cho lịch mỗi năm thì đâu đâu cũng nói là không có, không in, không in được, vì giấy khan, vì in mất, v...v...

Tưởng rằng có thể sống một cách đơn giản, ung dung, mặc cho thời gian trôi đi, không cần biết ngày, tháng làm gì, thêm rộn. Nhưng không được. Không có tấm lịch ở nhà còn rộn hơn là có nó. Hứa bữa trước, làm bữa sau. Hẹn ngày này, để ngày tới. Thành thế ra sống giữa thanh-thiên mà cũng như mò trong đêm tối. Vất vả quá chịu không được, nên phải cẩn rắng, bóp bụng mua một tấm lịch.

Tấm lịch mà tôi vừa mua đây nó đặc-biệt hơn những lịch thường vì ngoài ngày tây, ngày nam, nó còn có giờ hung giờ kiết và những việc nên cứ, nên làm mỗi ngày.

Bữa đầu có lịch cảm như sống lại một cuộc đời có tổ-chức và lấy làm sung sướng vô cùng. Xé bỏ một xấp bự rồi ngồi đọc hết tất cả bao nhiêu chữ in ở ngày hôm đó.

Đó là một ngày thứ bảy nhưng cũng là ngày nên: tấm-gội và cũ: khóc kể.

Mình tấm rồi, được. Nhưng mình có gì mà khóc kể, càng được nữa. Đứng lẩm! Linh lẩm!

Nhưng vừa lúc đó có thằng nhỏ ở ngoài cửa chạy vô và coi người nó dơ-dáy quá chừng. Tôi biểu nó đi tắm. Nó nhứt định không đi. Tôi rầy nó om-sòm. Nó ngồi lý như pho tượng. Giận quá, tôi đánh nó. Nó vừa khóc, vừa la, vừa kể. Nhưng ai mà nở tàn nhẫn với con. Thế rồi tôi hồi-tâm lại.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi thương nó và bắt tức cười về những chuyện mới xảy ra.

Tôi thấy rằng lịch quá kỹ nên đã có nhiều chỗ thừa.

Ngày đó khuyên người ta nên tắm gội, nhưng làm sao cho hết thảy mọi người đều tắm gội trong ngày đó được? Thiếu gì người bệnh tật không thể tắm gội được trong ngày đó. Mà cũng không thiếu gì kẻ ham ở dơ, sợ nước, mà không chịu tắm gội như thằng nhỏ của tôi.

Những kẻ tự-do hơn nó được yên phận đã đành.

Nhưng nó còn chịu sự săn-sóc của cha mẹ. Nó không tự-do theo ý muốn của nó được.

Nó bị rầy, bị đánh, tự nhiên nó phải khóc, phải kể.

Sau khi nó đã nín ròi, tôi đưa tấm lịch cho nó coi và nói với nó thêm rằng:

- Đó con coi. Lịch nói hôm nay nên tắm gội và không nên khóc kể. Bị con không nghe theo nên con bị đòn, con khóc.

Nó lật tờ hôm sau trong những việc nên làm, không thấy nói nên tắm gội, nó mừng lắm, liền trả lời tôi rằng:

- Hôm nay con không tắm, ba làm con khóc, được rồi, huề!

Nhưng mai con không tắm, ba đừng đánh con nữa, nghe hôn?

## LẠC-QUAN-NHƠN

Tài liệu tam khảo:

- *Nên và cử* : Thư viện Quốc Gia Việt Nam - *Nam Kỳ Tuần báo* trang 8 số 73 ngày 2 tháng 3 năm 1944

## 1. Hồ Biểu Chánh



### Hồ Biểu Chánh - Hồ Văn Trung (1885-1958)

Hồ Biểu Chánh tên thật là Hồ Văn Trung, sinh ngày 1 tháng 10 năm 1885, tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công, trong một gia đình nghèo.

Năm lên 8, Hồ Biểu Chánh học chữ Nho, năm lên 12 ông bắt đầu học Quốc ngữ và chữ Pháp tại trường tổng Vĩnh Lợi, rồi sau học trường tỉnh Gò Công. Nơi đây ông được cấp học bổng để theo học tại trường Chasseloup-Laubart ở Sài Gòn. Cuối năm 1905 ông thi đậu bằng Thành Chung.

Năm 1906, ông thi đỗ làm Ký lục tại Soái phủ Nam Kỳ (Sài Gòn), tòng sự tại Dinh Hiệp Lý, năm 1912, 1913 tòng sự tại toà bố tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau. Năm 1914, tòng sự tại toà bố tỉnh Long Xuyên. Năm 1917, Hội Khuyến Học Long Xuyên xuất bản *Đại Việt tạp chí*, ông có cộng tác với tạp chí này, viết về khoa học, kinh tế, tài chánh.

Năm 1918, đổi về làm việc tại toà bố Gia Định. Năm 1920, làm việc tại văn phòng Thống Đốc Nam Kỳ. Cuối năm 1921 thi đậu Tri Huyện.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1927 thăng tri phủ, đổi đi làm Quận Trưởng quận Cần Long, tỉnh Trà Vinh. Năm 1932, đổi đi làm Quận Trưởng quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Năm 1934, đổi đi làm Quận Trưởng quận Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ.

Năm 1935, đổi về Sài Gòn làm Phó Chủ Sự phòng 3, kiểm soát ngân sách tỉnh và thành phố. Năm 1936, thăng Đốc Phủ Sứ, trong năm này ông làm đơn xin hưu trí, nghị định cho về hưu tháng Giêng năm 1937, nhưng mãi đến năm 1941, ông mới được về hưu.

Ngày 4-8-1941, ông được cử làm Nghị Viên Hội Đồng Liên Bang Đông Dương, đến ngày 26-8-1941, ông được cử làm Nghị viên kiêm Phó Đốc Lý thành phố Sài Gòn. Cuối năm 1941, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn sáp nhập làm một, ông làm Nghị viên trong Ban Quản Trị thành phố Sài Gòn cho đến năm 1945.

Năm 1942-1944, Hồ Biểu Chánh chủ trương *Nam Kỳ tuần báo* và *Đại Việt Tập Chí* tại Sài Gòn.

Năm 1946, ông làm Chánh Văn phòng cho Chánh phủ Nam kỳ của Thủ tướng Nguyễn Văn Thinh. Sau khi Bác sĩ Nguyễn Văn Thinh quyết sinh. Hồ Biểu Chánh mới từ bỏ hẳn cuộc đời công chức.

Sau khi về hưu, ông ở Gò Công một thời gian, rồi trở lại Sài Gòn, ông vẫn tiếp tục sáng tác cho đến khi nhắm mắt lìa đời ngày 4 tháng 11 năm 1958, tại biệt thự Hồ Biểu Chánh, đường Hồ Biểu Chánh (gần ngã tư Ngô Đình Khôi và Trần Quang Diệu). Phú Nhuận, tỉnh Gia Định.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Khi ông mất, thi sĩ Đông Hồ lấy tên các tác phẩm của ông, làm câu đối đi viếng tang ông như sau:

- *Cay đắng mùi đời, Con nhà nghèo, Con nhà giàu, tác phẩm viết trăm lẻ năm thiên, Vì nghĩa vì tình, Ngọn cỏ cứng gió đũa, Tình mộng, mấy Ai làm được.*

- *Cang thường nặng gánh, con Khóc thẳm, con Cười gượng, thanh cân trái bảy mươi bốn tuổi, Thiệt giả giả thiệt, Vườn văn xưa Ghé mắt, Đoạn tình còn Ở theo thời.* (14)

Trong đời công chức, ông có những huy chương sau :

- 28-12-1920: Khuê bài danh dự bằng bạc
- 06-04-1921: Kim Tiền
- 26-08-1924: Monisaraphon
- 25-03-1927: Ordre Royal du Dragon de l'Annam
- 02-09-1937: Ordre Royal du Cambodge
- 09-08-1941: Chevalier de la Légion d'Honneur

Về văn nghiệp, ngoài tiểu thuyết ra, ông còn viết nhiều thể tài khác như khảo cứu về tôn giáo, chánh trị, viết tuồng cải lương, hát bội...

Về tiểu thuyết, ông đã sáng tác những tác phẩm sau đây:

- *Ai làm được* (sáng tác 1912, Xưa Nay, 1923)
- *Chúa tàu Kim Qui* (báo Công Luận 1922, Xưa Nay, 1926)
- *Cay đắng mùi đời* (Xưa Nay, 1923)
- *Tình mộng* (1923)
- *Một chữ tình* (1923)
- *Nam cực tình huy* (1924)

## HUỖNH ÁI TÔNG

- *Nhơn tình ảm lạnh* (1925)
- *Tiền bạc, bạc tiền* (1925)
- *Thầy thông ngôn* (1926)
- *Ngọn cỏ gió đùa* (1926)
- *Chút phận linh đình* (1928)
- *Kẻ làm người chịu* (1928)
- *Vì nghĩa vì tình* (1929)
- *Cha con nghĩa nặng* (1929)
- *Khóc thầm* (1929)
- *Nặng gánh cang thường* (1930)
- *Con nhà nghèo* (1930)
- *Con nhà giàu* (1931)
- *Ở theo thời* (1935)
- *Ông Cử* (1935)
- *Một đời tài sắc* (1935)
- *Cười gương* (1935)
- *Dây oan* (1935)
- *Thiệt giả, giả thiệt* (1935)
- *Nợ đời* (1936)
- *Đóa hoa tàn* 1936)
- *Lạc đường* (1937)
- *Từ hôn* (1937)
- *Tân phong nữ sĩ* (1937)
- *Lời thề trước miếu* (1938)
- *Tại tôi* (1938)
- *Bỏ chồng* (1938)
- *Ý và tình* (1938)
- *Bỏ vợ* (1938)
- *Người thất chí* (1938)
- *Tìm đường* (1939)
- *Hai khối tình* (1939)
- *Đoạn tình* (1939)
- *Ái tình miếu* (1941)
- *Cư kính* (1941)
- *Mẹ ghẻ, con ghẻ* (1943)

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- *Thầy Chung trúng số* (1944)
- *Hai Thà cưới vợ* (1944)
- *Một đóa hoa rừng* (1944)
- *Ngập ngừng* (1944)
- *Chị Hai tôi* (1944)
- *Bức thư hối hận* (1953)
- *Trọn nghĩa vẹn tình* (1953)
- *Nặng bầu ân oán* (1954)
- *Đỗ nương nương báo oán* (1954)
- *Lá rụng hoa rơi* (1954-1955)
- *Tơ hồng vương vấn* (1955)
- *Hai chồng* (1955)
- *Hai vợ* (1955)
- *Đại nghĩa diệt thân* (1955)
- *Trả nợ cho cha* (1955)
- *Những điều nghe thấy* (1955-1956)
- *Ông Cả Bình Lạc* (1955-1956)
- *Một duyên hai nợ* (1956)
- *Trong đám cỏ hoang* (1956-1957)
- *Vợ già chồng trẻ* (1956)
- *Hạnh phúc lối nào* (1957)
- *Sống thác với tình* (1957)
- *Nợ tình* (1957)
- *Đón gió mát, nhắc chuyện xưa* (1957)
- *Chị Đào, chị Lý* (1957)
- *Nợ trái oan* (1957)
- *Tắt lửa lòng* (1957)
- *Lấy lòng hào khí* (1957-1958)
- *Lần qua đời mới* (1958-?)
- *Hy sinh* (1958--?)

Hồ Biểu Chánh thuộc vào hàng tiểu thuyết gia tiên phong của miền Nam. Năm 1912, ông sáng tác *Ai Làm Được*, nhưng phải đợi 10 năm sau, ông mới sửa chữa và cho in ra, thời gian 10

## HUỶNH ÁI TÔNG

năm ấy vật đổi sao dời, tiểu thuyết đã đi được những bước vững chắc rồi.

Lối hành văn của ông vượt hẳn các nhà văn lớp trước như Trần Chánh Chiếu, Lê Hoảng Mưu, tuy tiểu thuyết của những năm đầu, thỉnh thoảng ông cũng dùng lối biên ngẫu, như đoạn sau đây trong *Nhơn Tình Ấm Lạnh*:

*Đêm đã khuya nên trên đường chẳng còn ai đi nữa, trăng thật tỏ mà mấy nhà ở dọc theo đường lại kín cửa ngủ hết. Duy Linh ra khỏi cửa ngõ của ông Huyện hàm rồi, thì thủng thủng huồn bước mà về. Đi vài chục bước ngõ ngoái lại một lần, thì thấy vách tường trắng toác, nóc lầu hồng hồng, trước cửa lầu ngọn đèn chiếu sáng trung, sau nhà bếp dạng người còn náo nức. Bóng trăng vì nhánh áng nên chỗ mờ chỗ tỏ, cây cỏ bị ngọn gió đàng nên lắc lại lắc qua. Động ngâm nga nghe tiếng để khóc bên chân, bay sập sập thấy cánh chim quơ trước mặt.*

Tuy nhiên tiểu thuyết của ông đã có ranh giới phân biệt rõ ràng thời kỳ sơ khai đã chấm dứt, nghiên cứu tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, chúng tôi thấy những nét đặc biệt bằng bạc trong hầu hết các tác phẩm của ông.

Về luân lý, ông vẫn theo luân lý Khổng Mạnh, nhưng luôn muốn có cải cách, uyển chuyển cho phù hợp với hoàn cảnh chứ không quá câu nệ, chẳng hạn như trong *Vì Nghĩa Vì Tình*:

*Tối lại cô ngủ không được, cô nằm suy tới tính lui, làm thân đàn bà con gái, nếu tỏ với đàn ông con trai một lời không đoan chánh, thì thẹn thừa xấu hổ có chi bằng, mà nếu mình vì danh tiết, không đành khêu tình, đặng mà cứu cái sanh mạng của người ta thì té ra mình trọng chữ “trinh” hơn là chữ “nhơn”, làm người dường ấy chưa phải là người đứng đắn. Cô cân*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*phân từ chút, cô xét nét từ hồi, nếu cô giữ vẹn tiết trinh thì Chánh Tâm phải chết, rồi Trọng Quý phải mang cái quả báo. Cô là người có lòng nhân từ, cô không nở vì phận cô mà cô để cho kẻ khác bị hại, thà là cô mang tiếng thất tiết mà cô cứu người ta, chớ cô có chấp danh tiết của cô thì cái lỗi bắt nơn nó còn nặng hơn cái lỗi thất tiết nhiều lắm. Mà tại sao lại gọi rằng thất tiết? Phận gái phải gìn giữ nét na, mình liếc mắt trêu hoa, mình tỏ lời gheo nguyệt, mình làm giả dối đặng cho khách buồn rầu động tình mà quên nỗi vợ con vậy thôi, chớ mình dạy gì mà để rom gân cho lừa bắt, thọc tay vào cho chàm dính, mà sợ xử tiết ô danh.*

Nhân vật của Hồ Biểu Chánh phần nhiều đều có khuynh hướng phiêu lưu, từ Chí Đại trong *Ai Làm Được*, Phan Văn Quý trong *Mẹ Ghẻ Con Ghẻ*, Duy Linh trong *Nhân Tình Ấm Lạnh*, Châu Tất Đắc trong *Từ Hôn*, Lân trong *Lời Thề Trước Miếu*, cho đến thằng Hồi, thằng Quì trong *Vì Nghĩa Vì Tình*, thằng Được, thằng Bỉ trong *Cay Đắng Mùi Đời*, thằng Hiệp, thằng Cao trong *Lạc Đường* là những nhân vật phiêu bạt, lang thang để :*“đi một ngày đàng, học một sàng khôn”*. Những nhân vật phiêu lưu ấy thường chọn con đường thương mại để nên người. Chắc chắn ông muốn thay đổi tạp quán, khuyến khích người ta nên rời khỏi con trâu, cái cày, mảnh vườn, đám ruộng để đi đó đi đây, dùng con đường thương mại tiến thân.

Xã hội tiểu thuyết của ông phần lớn là xã hội của những điền chủ, Hội đồng ở thôn quê, của ông Phủ, ông Phán, thầy Thông, cô Ký ở thành thị, bên cạnh những Ba Có bán chè trong *Nợ Đời*, Tư Cu trong *Vì Nghĩa Vì Tình*, Lý Trường Mậu trong *Lạc Đường*... lớp trưởng giả đây rầy những lường lọc, bắt công, xa hoa, còn trong khuê phòng các con ông Hội đồng, điền chủ chịu nhiều nỗi gian truân, nào là Cẩm Vân trong *Vì Nghĩa Vì Tình*, Phi Phụng trong *Nhân Tình Ấm Lạnh*, Thu Hà trong *Khóc Thắm*, Bạch Tuyết trong *Ai Làm Được*..., còn những

## HUỶNH ÁI TÔNG

người nghèo khó rất đáng thương tâm như Trần Văn Sửu trong *Cha Con Nghĩa Nặng*, hương Hào Điều trong *Khóc Thảm*.

Ông cũng đã phá về quan niệm hôn nhân của người xưa như “môn đăng hộ đối”...Nhưng không phải đối mới hoàn toàn như *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh, hay ngược lại một sự cảm hóa như *Cô Giáo Minh* của Nguyễn Công Hoan, ông muốn kêu gọi sự thức tỉnh về quan niệm hôn nhân như trong *Tại Tôi*, một tiếng kêu trầm thống cho bà cả Kim, đại diện cho lớp trưởng giả miền Nam thời bấy giờ, không phải một sự phản kháng, không phải do may rủi tình cờ, mà là trường hợp điển hình gây ra nỗi thương tâm ray rức cho bậc cha mẹ.

Từ năm 1927, ông là bậc “*Dân chi phụ mẫu*”, vậy mà tiểu thuyết ông tả những chuyện loạn luân, giết người như Lý Trường Mậu giết Mái Chín Cúng giết tiền cho vợ con, sau vợ con sa đọa, mẫn tù anh ta trở về lại giết vợ là Ba Trâm và con là Cô Ba Hào, rồi anh ta tự tử trong *Lạc Đường* (1937), Trinh giết bà Lợi để cướp tiền trong *Người Thất Chí* (1938), Hương Hào Điều giết Vĩnh Thái và Thị Sen là đôi gian phu dâm phụ trong *Khóc Thảm* (1929).

Tiểu thuyết của ông có hậu, quả báo nhãn tiền, mọi việc đều đề răn dạy, phải chăng nó phản ánh cái xã hội ngang tàng thời đó? của thứ anh hùng “thế thiên hành đạo”; nếu tiểu thuyết đề giáo hóa con người thì nó cũng có khả năng làm cho người ta bất chước, nghĩa là nó có ảnh hưởng tốt và xấu tùy theo trình độ và trường hợp của mỗi người. Nhưng phải công nhận đây là sự táo bạo của nhà văn lớp trước.

Nhiều tiểu thuyết của ông đã phóng tác theo tiểu thuyết Tây phương rất tài tình, như quyển *Ai Làm Được*, ông mô phỏng theo quyển *André Cornelis* của P. Bourget, *Chúa Tàu Kim Qui* phỏng theo *Le Comte de Monte-Cristo* của Alexandre Dumas, *Ngọn Cỏ Gió Đùa* phỏng theo *Les Misérables* của Victor

Hugo, *Cay Đắng Mùi Đời* phỏng theo *San Famille* của Hecto Mailot, *Người Thất Chí* phỏng theo *Tội Ác Và Hình Phạt* của Dostoievski...

Trong *Tội Ác Và Hình Phạt* của Dostoievski ám chỉ ý tưởng hình phạt do luật định, không làm tội hơn sợ hãi nhiều như những nhà làm luật tưởng, trừ khi chính hấn đòi hỏi hình phạt đó trong tinh thần, nhưng cuối cùng rồi Dostoievski cũng đưa Raskôlnikóp trở về nhà giam của xã hội con người ở Tây Bá Lợi Á với bản án tám năm tù khổ sai, còn Hồ Biểu Chánh đây Trình tự phạt mình hơn mười năm xa lánh con người trong dải Thất Sơn, vì chàng ta tự đòi hỏi cái hình phạt ấy cho mình, ông đã vượt quá Dostoievski.

Văn chương của Hồ Biểu Chánh cũng giản dị như những nhà văn lớp trước, nhiều khi ông kể chuyện hơn là tả chuyện, ông cũng dành lấy quyền nói cho mình quá nhiều mà không để cho những tình tiết tạo thành câu chuyện. Chẳng hạn một đoạn trong *Nhân Tình Ấm Lạnh*, ông sử dụng lối ấy:

*Ở đời có nhiều cái vận hội lạ lùng có khi việc nên đã thấy trước mà rồi lại hóa ra hư, việc quấy đã tỏ tường mà ai cũng cho là phải. Mà việc quấy thiên hạ cho là phải, ấy là tại bụng người đua bợ nên chẳng luận làm gì, chỉ như việc gần nên mà hóa ra hư, nghĩ thiệt không biết sao mà liệu trước ...*

Bối cảnh tiêu thuyết của Hồ Biểu Chánh phần nhiều ở Lục Tỉnh, Sài Gòn và Gia Định, đó là những nơi ông đã sống, làm việc có nhận xét, có nhiều ấn tượng để viết, nên khi tả cảnh ông ghi được những nét tinh tế, do đó ông tả cảnh thôn quê, chúng ta thấy như một bức tranh đẹp có nhiều màu sắc linh động. Một cảnh ông tả Xóm Tre ở Gò Công.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Đến nửa tháng năm, trời mưa dầm dề ngày nào cũng như ngày nấy. Chiều bữa nọ, trận mưa mới tạnh, bóng mặt trời chói chói phía bên đông; trong xóm nhà nhúm lửa nấu cơm chiều khói lên ngui-ngút; tre nứu nhau mừng trời mát lá giũ phát phơ. Ngoài đồng náo nức nông phu, bạn cấy thá ví tiếng vang vầy, công cấy hát hò hơi lạnh lớt. Dưới sông bao ngược ghe chài chở lúa trương buồm rồi thả trôi theo giòng nước, chiếc nào chở cũng khảm lừ. Trên lộ Cây Dương xe ngựa đưa người nức nít chạy chậm xì, tiếng lục lạc nhỏ khua xa xa nghe như tiếng nhái.*

Về tả người, chúng ta xem qua kỹ thuật của ông, tả Huỳnh Phi Phụng trong Nhân Tình Ấm Lạnh:

*Cô tuổi vừa mới 17, nước da trắng đỏ, đầu tóc đen huyền, hàm trắng trắng mà đều như hột bầu, ngón tay dài mà lại non như da giấy, mình mặc áo lãnh màu bông phấn quần lụa bom-bay mới tinh, chơn đi giày thêu cườm, bông tay cà rá, dây chuyền đều nhận hột xoàn sáng ánh.*

Tả Ba Trâm, vợ cập rãng Mậu trong Lạc Đường:

*Ba Trâm tóc tai đã dượt ở trong buồn bước ra. Tuy cô hằm hút trong cái chồi lá, tuy cô mặc cái áo cụt vải trắng với một cái quần lãnh đen củ xì, nhưng mà nước da trắng trong, mái tóc dợn sóng, tay chân dịu nhiều, môi má ửng hồng, tuổi đã quá ba mươi mà sắc vẫn còn xinh đẹp. Nhan sắc này lẽ thì phải ở nhà lâu, ngồi xe hơi mới xứng đáng.*

Đến khi Ba Trâm lấy chồng khác, đã ở nhà lâu, đi xe hơi rồi, ông tả lại cô ta:

*Cô bận một bộ đồ mát bằng lụa mỏng, màu bông hường; nước da của cô đã trắng; mà nhờ màu áo gọt thêm, làm cho nhan*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

sắc của cô pha vẻ lả lơi với vẻ nghiêm nghị, nên coi đẹp đẽ vô cùng.

Cái lối viết trơn tuột của ông, theo giọng văn miền Nam “nói sao viết vậy”, tưởng chỉ cần nghe thằng Được nói với Ba Thời:

- *Sướng a ! Tía tôi vừa đây tôi biểu tía tôi mua thép uốn lưỡi câu rồi tôi đi câu với tía tôi chơi. Ngày má, hôm trước thằng Phát đi câu với tía nó, nó câu được một con cá trê lớn quá, má à.*

Còn nếu cần nữa, chúng ta đọc luôn bức thư của tên Hữu, gửi cho Ba Thời cũng trong *Cay Đắng Mùi Đời*.

*Xà-No, le 16 Decembre 19..*

*Tao gửi lời về thăm mấy được mạnh giỏi. Tao ở dưới này bình an như thường. Năm nay tao làm ăn cũng khá khá. Như mấy có nghèo lắm thì bán cái nhà lấy bạc đi qua Mỹ Tho rồi ngồi tàu mà xuống đây.*

*Mà nếu mấy đã có nơi nào khác rồi thì phải gửi thơ cho tao biết. Nói dùm tao gửi lời thăm anh Hai chị Hai và bà con lối xóm hết thấy.*

*Hữu ký*

Trích thơ:

### **Tế mộ Trương Công Định**

*Việt Nam độc lập ó vang rân  
Kéo đến tế mộ Trương tướng quân  
Lùng lẫy đờng đờng hương chánh khí  
Sụt sùi điếm điếm lụy đồng nhân*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Trước sau tá quốc đều mong mới  
Sống thác bình Tây cũng nợ nần  
Ăn trái nhớ người gieo hạt quý  
Soi gương dĩ vãng đức tinh thần.*

Gò Công 25 - 8- 1945 (nhân ngày Nhật Bản chiếm Gò Công)

### Tự thán

*Tản cư lưu lạc mấy trăng rồi  
Đất khách nhà người sót phận tôi  
Mở miệng nhắc ngâm câu thanh trĩ  
Phủ tay thêm giảng thuyết luân hồi  
Thanh tuyền<sup>(\*)</sup> mong hưởng nguồn an ủi  
Khổng Tước<sup>(\*\*)</sup> riêng buồn bước nổi trôi  
Non nước xa trông mây âm đạm  
Lỡ cười lỡ khóc ruột gan sôi .*

-----  
(\* ) Suối Thanh Tuyền ở Bến Súc, Biên Hòa

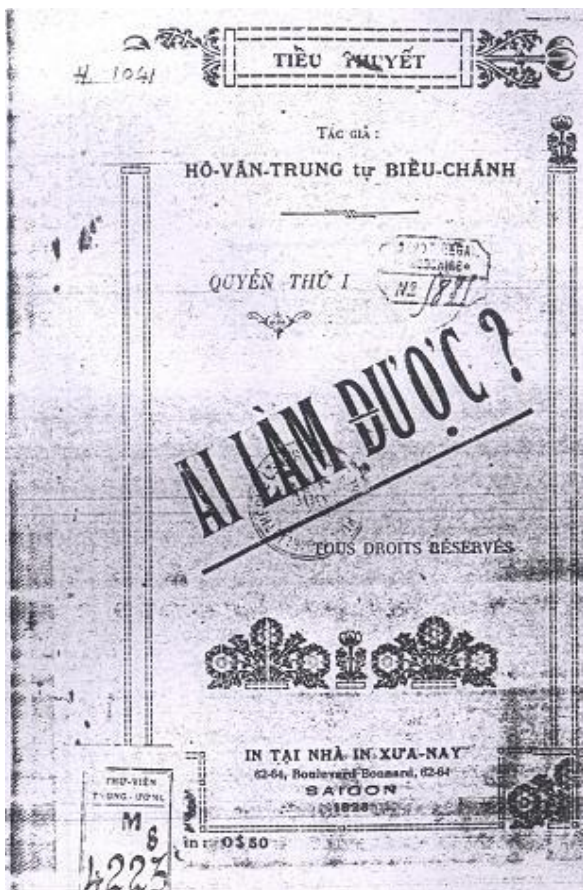
(\*\* ) Gò Khổng Tước ở Gò Công

- 0 -

*Nói chung, tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh rất hấp dẫn lớp độc giả trung lưu và bình dân thời bấy giờ, do cốt truyện đều đáng thương tâm vì những hoàn cảnh éo le ngang trái. Nhân vật đồng quê có, thành thị có phô bày xã hội đương thời thích hợp với nhiều tầng lớp. Truyện của ông đều nhằm mục đích hướng thượng, ông luôn luôn để cho những nhân vật thiện của ông nhắc nhở hành động của mình, để đi tới con đường lương thiện.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Kỹ thuật xây dựng truyện của ông khá cao, ông dồn đẩy những nhân vật chính vào các trạng huống thương tâm, những tình tiết dồn dập, dễ gây cảm xúc cho độc giả.*



*Gần 50 năm sống và viết, viết cho đến hơi thở cuối cùng, ông đã để lại cho văn học miền Nam 71 quyển tiểu thuyết, văn nghiệp thật hiếm có đối với một nhà văn. Trong văn học sử, người ta lãng quên nhiều nhà văn lớp trước của miền Nam, nhưng người ta không thể quên được tên tuổi, văn nghiệp của*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Hồ Biểu Chánh. Độc giả trọng tuổi vẫn còn ưa chuộng tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh vì cốt chuyện, và vì người ta còn tìm thấy dĩ vãng xã hội mình một thời đã sống.*

*Từ thuở nhỏ Hồ Biểu Chánh đã chịu ảnh hưởng giáo dục Pháp, trọn đời công chức đi làm quan cho nhà cầm quyền Pháp, nên ông không có tham gia tranh đấu cho sự độc lập của nước nhà vì vậy trong tác phẩm ông không có nhân vật tham gia kháng chiến, tuy nhiên về những áp bức bất công của xã hội, dưới ngòi bút của ông phê phán chẳng khoan dung. Ông luôn có tấm lòng với những người nghèo khó. xây dựng những nhân vật hiếu đễ, nhân từ, gieo nhân tích đức theo lễ giáo thánh hiền.*



Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Ái Tông *Văn Học Miền Nam*, Hiên Phật Học, 2009

## 2. Thiếu Sơn



**Thiếu Sơn – Lê Sỹ Quý (1907-1978)**

Thiếu Sơn tên thật là Lê Sỹ Quý sinh tại Hà Nội năm 1907 trong một gia đình có truyền thống học vấn. Năm 1927, sau khi tốt nghiệp Thành chung, ông vào làm công chức ở Sở Bưu điện Gia Định.

Ông bắt đầu viết cho tạp chí *Nam Phong* năm 1931, *Phụ Nữ tân văn* năm 1935, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* năm 1943, *Đuốc Nhà Nam*, *Nam Kỳ tuần báo*, *Đại Việt tạp chí* ...

Ông đã cùng Hoài Thanh và Phan Khôi tham gia cuộc tranh luận văn học “*Nghệ thuật vị nghệ thuật – Nghệ thuật vị nhân sinh*” với Hải Triều vào thập niên 1930. Thoạt đầu ông nghiêng về Nghệ thuật vị nghệ thuật, sau ông im lặng rút lui chấp nhận nghệ thuật vị nhân sinh.

Sau Cách mạng tháng tám, ông chuyển sang các đề tài chính trị, tham gia Đảng Xã hội Pháp SFIO. Năm 1947 đến 1949, Thiếu Sơn làm chủ bút báo *Justice* (Công lý), tích cực đấu tranh kháng Pháp đến nỗi có lần bị bắt giam.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1949, ông cùng với Vũ Tùng, Dương Tử Giang vào mặt khu tham gia kháng chiến. Sau Hiệp định Genève, ông trở lại Sài Gòn, rồi cùng với Vũ Tùng, Dương Tử Giang, Lý Văn Sâm, sử dụng các báo *Công Lý*, *Điện Báo*, *Thần Chung* đấu tranh chống chế độ Ngô Đình Diệm. Vì vậy, ông bị chính quyền bắt giam cho đến năm 1960.

Năm 1968, ông tham gia Liên minh “Dân tộc, Dân chủ, Hòa bình”, năm 1972 bị chính quyền Sài Gòn bắt đi tù ngoài Côn Đảo.

Năm 1973, ông được “trao trả tù binh” tại Lộc Ninh. Thiếu Sơn ra Bắc rồi sang Pháp cho đến cuối năm 1975, ông trở về nước, sống ở Sài Gòn tiếp tục sự nghiệp viết văn. Bài viết cuối cùng của ông: *"Trí thức với cách mạng, cách mạng với trí thức"* đăng trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* số ra ngày 27-12-1977. Ông bị tai biến mạch máu não mất ngày 5-1-1978, tại Tp. HCM, thọ 70 tuổi.

Sự nghiệp văn chương của Thiếu Sơn ngoài một số bài viết, tác phẩm đã xuất bản gồm có:

- *Phê bình và Cáo Luận* (Nam Ký Hà Nội, 1933)
- *Người bạn gái* (tiểu thuyết, Cộng Lực Hà Nội, 1941)
- *Câu chuyện văn học* (Cộng Lực Hà Nội, 1943)
- *Đời sống tinh thần* (Đời Mới Sài Gòn, 1945)
- *Giữa hai cuộc cách mạng 1789 và 1945* (1947)
- *Dân Chủ và Dân Chủ* (viết chung, Chân Trời Mới, 1948)

Trong Phụ lục của quyển tiểu thuyết *Người Bạn Gái* là bài “*Nhà văn đứng trước thời cuộc hay là Chiến Tranh với Hòa-Bình*”, ông viết:

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Sau những năm “nhàn cư vi bất thiện” mà tôi đã sống một cuộc đời phong ba gây nên bởi những đục-vọng điên cuồng, những bản năng hạ-tiện, tôi đã cảm thấy cả cái xấu-xa hèn-kém của một con người phạm-tục.

Tôi phản động lại. Tôi muốn đời tôi được bình-tĩnh và thanh-cao hơn. Tôi đóng cửa ngôi nhà trong ba tháng. Viết hết được bộ tiểu-thuyết 200 trang và lấy làm khoan-khoái lắm.

Trong cái thời gian đó, tôi quên ăn, quên ngủ, quên chi, quên cả những công-nợ gây nên bởi cờ bạc, quên cả những sự túng-thiếu ở gia-đình.

Tôi sống với những nhân-vật của tôi. Tôi truyền cái sanh-khí của tôi cho họ, tôi kết bạn với họ, tôi thương yêu họ quá đến nỗi cho tới đoạn kết-thúc mà tôi cũng không nỡ giết chết một mạng nào.

Có lẽ tôi không rành nghệ thuật tiểu-thuyết. Có lẽ tiểu-thuyết tôi sẽ chẳng được hoan-ngheh. Nhưng tôi vẫn vui lòng rằng có nó mà tôi đã như gái giang-hồ sớm biết tòng lương. Tôi được sống trong những giờ phút say sưa ở giữa những đợt sóng mát-mẻ của tình-cảm thanh-cao. Tôi được sống một cách đầy đủ trong những lúc đã tiêu-dao ở những cảnh thần-tiên lý-tưởng.

Những ngày đó tôi đâu có thèm đọc tới những tin tức chiến tranh ở mặt trận Âu-Châu. Tôi cũng chẳng cần biết có sự căng thẳng ngoại giao dưới trời Đông-Á.

Tôi sống trong cảnh thái-bình, tội gì tôi phải bận lòng đến những khổ-cảnh của nạn binh-đao mà loài người gây ra một cách vô ý-thức.

Gần đây, tiểu-thuyết của tôi đã viết xong, tôi còn đang muốn lưu luyến ở trong cảnh đời thái bình riêng biệt đó thì đột nhiên cái sự-thật tàn nhẫn nó đến làm tan cái giấc mộng thân ái của tôi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Tôi đang nằm trên chiếc ghế dài, hút điếu thuốc, phà khói bay, cùng một tâm-trạng cũng nhẹ-nhàng như mây khói thì ở ngay trên đầu có đàn chim sắt bay qua làm nao-động cả vắng không-trung bình-tĩnh.*

*Thiên-hạ đổ xô ra coi, rồi mạnh ai nấy phê-bình, bàn tán.*

*Người khen chung nó to lớn. Người phục chung nó bay mau. Riêng tôi lấy làm bất-mãn rằng chúng nó đã làm nao-động cõi lòng yên lặng của tôi.*

*Tôi tự nghĩ: nếu chúng nó đem ít chục trái bom rồi thả ngay xuống cái đám người đứng đó thì lúc ấy họ sẽ hành-động ra sao? Tất nhiên mạnh ai nấy chạy và tất nhiên không còn lòng dạ nào mà khen phục chúng nó như bây-giờ.*

*Chính tôi đây, tôi đã từng có tâm-hồn của người hiếu-chiến. Những lúc thấy nước mạnh an hiếp nước yếu, thấy công-lý bị lấn bởi cường-quyền, lòng tôi cũng tức-bực muốn thiên hạ đem gươm, giáo, súng đạn mà nói chuyện với nhau.*

*Nhưng từ ngày tôi thấy rõ cái tai hại của chiến tranh thì tôi lại thất vọng vô-cùng mà không hoan nghênh nó nữa .....*

- 0 -

*Người ta biết Thiếu Sơn là một nhà bình luận văn học có tài được lòng nhiều người, hơn là một tiểu thuyết gia.*

Tài liệu tham khảo:

- Thiếu Sơn: *Văn Học Miền Nam* Hiên PHẬT HỌC 2009, Việt Nam, Tập I



Tiết 21: Đại-Việt Tập-Chí



Đại Việt Tập Chí là một bán nguyệt san, ấn hành ngày 1 và 16 mỗi tháng. Số đầu tiên phát hành vào ngày 1 tháng 10 năm 1942, số sau cùng ngày 1 tháng 1 năm 1945.

Đại-Việt Tập-Chí do ông Hồ Văn Trung tức nhà văn Hồ Biểu Chánh làm Giám Đốc, toà soạn đặt tại số 5 đường Reims,

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sàigòn. Có lẽ ông muốn làm sống lại tinh thần tờ Đại-Việt Tập-Chí do Hội Khuyến Học Long Xuyên chủ trương phát hành năm 1918, được 7 số thì đình bản.

Những nhà văn, học giả cộng tác với Bán nguyệt san này có: Đặng Thúc Liêng, Đào Duy Anh, Thượng Tân Thị, Ngạc Xuyên Ca Văn Thịnh, Trúc Hà, Lê Chí Thiệp, Thiều Sơn, Dr. Lê Văn Ngôn, Khuôn Việt, Trương Vĩnh Tổng, Nguyễn Văn Liên ...

Thời gian này là thời gian dân chúng Việt Nam chống thực dân Pháp, đòi hỏi nước nhà độc lập, cũng có nhóm đòi hỏi Nam Kỳ tự trị. Trong tình hình đó, tạp chí không được nhiều người ủng hộ, do đó Đại-Việt Tập-Chí cùng chung số phận với Nam Kỳ Tuần Báo phải đình bản.

Tài liệu tham khảo:

- Đại-Việt Tập-Chí:  
<https://diendantailieu.com/threads/dai-viet-tap-chi-bo-suu-tap.18854/>



Trích văn:

**Tôn-chỉ và Chương-trình của Đại-Việt Tập-Chí**

*Giữ lúc hoàn-cầu biến động, nhơn-loại chiến-tranh, làm cho cuộc sanh-hoạt khó-khăn, đường tấn-hóa ngưng-trệ, mà chúng tôi lại bình-tĩnh, chăm lo hiệp bạn đồng-tâm, mời nhà trí-thức, để xuất bản tờ Đại-Việt Tập-Chí; việc của chúng tôi làm xem bề ngoài dường như một việc trái đời.*

*Chúng tôi xin phân giải liền rằng chẳng phải chúng tôi không biết hiện-tại khó-khăn, mà cũng chẳng phải chúng tôi không thấy tương-lai gai-gốc. Chúng tôi biết và thấy rõ lắm: Vì biết và thấy như vậy, nên chúng tôi phải hăng-hái xông lướt các điều trắc-trở mà dựng tờ Đại Tập-Chí Việt đây.*

*Chắc toàn-thể Đồng-nhơn ai cũng hiểu, theo trạng-thái hiện thời trong bốn biển, thì dân nước nào cũng vậy, phải khôn,*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*phải mạnh, mới có thể sống được trên địa-cầu. Mà muốn khôn và mạnh đặng sống, thì chỉ có một phương-pháp duy-nhứt, là: Học.*

*Việt-Nam quốc-sử đã chứng minh đành-rành cho dân-tộc ta là một dân-tộc háo-học, chẳng những háo-học để mở rộng vòng tài-trí mà thôi, mà cũng háo-học để bồi bổ đạo tu-dưỡng nữa.*

*Trước kia tổ-tiên ta đeo đuổi theo Hán-học trót vài ngàn năm; tuy học-thuật ấy không phải là học-thuật cố-hữu của ta, song đã giúp xây dựng cho ta một nền luân-lý chơn-chánh tốt-tươi, lại cũng đã giúp đào tạo cho ta vô số văn-nhơn cao siêu, sĩ-phu thanh khiết và anh-hùng oanh-liệt.*

*Sau này chúng ta tuy mới hấp thụ mùi Pháp-hóa chưa đầy một thế-kỷ, song nhờ tinh-thần Pháp-học thích hiệp với cơ tấn-hóa của nhơn-quần, nên chúng ta đã thành tâm ái mộ rồi chăm lo tập rèn, bởi vậy học-thuật mới chẳng bao lâu mà đã un-đúc cho ta một nhóm nhơn-tài khá cao, khá đẹp.*

*Trước kia Nho-giáo đã xây nên luân-lý vững chắc riêng cho ta. Sau này Pháp-hóa tiếp gây hồn tân-tiến mạnh mẽ thêm cho ta nữa. Nếu ta đem luân-lý đạo nghĩa nọ, mà ngày nay coi giống hết với luân-lý của nước Pháp Mới, để hiệp lại với tâm-hồn tân-tiến này, mà Quốc-Trưởng PÉTAIN đương lo gieo trồng cho khắp cả thần-dân từ Chánh-quốc ra tới các hải-ngoại phụ-thuộc, thì sự tấn-bộ của ta từ đây ắt sẽ vững-vàng nhờ sẵn gốc cứng chắc, sẽ mau lẹ nhờ sẵn thể mạnh-mẽ.*

*Nhưng muốn tấn-bộ cần phải học, học cho đông, học cho nhiều, học cho cao, học cho rộng mới được. Hiện nay quốc-dân Đông-Pháp đại đa số còn hẹp-hòi về bề học-thức, còn suy-kém về bề đạo-đức, và còn non-nớt về bề tinh-thần. Nếu muốn được khôn-khéo hùng-cường, đặng tiến theo một nhịp Phục-*

*hưng với Chánh-quốc, thì tất nhiên phải mau mau lo bồi-bổ những khuyết-điểm ấy trước hết.*

*Cách hai mươi mấy năm trước, cũng vì muốn khai-trí tiến-đức cho nhau mà bồi-bổ khuyết-điểm, nên những đứng ưu-thế mãn-thời mới ra công lập tờ Nam-Phong Tạp-Chí ngoài Bắc và tờ Đại-Việt Tạp Chí trong Nam. Tiếc thay, tờ sau mới xuất bản được có 7 tháng rồi phải nghỉ; còn tờ trước thì sống gần được vài mươi năm, giúp xây nền học-thức mới, giúp nhắc lối luân-thường xưa được một hồi, ời cũng phải gác bút tắt đèn giữa đường, để cho trong khoảng mươi năm sau này quốc-dân bơ-vơ, không có cơ-quan giáo-dục để nương-núu mà rèn long mở trí.*

*Hôm nay chúng tôi xem qua thế-cuộc, rồi ngánh lại Đồng-bang, thì chúng tôi rất cảm xúc trong long, nên noi gương người xưa, không đành khoanh tay ngồi ngó, để mặc đa số Đồng-bang lò-mò trong khoảng tối-tâm, hụp lặn trong vòng phóng-tử. Vì vậy chúng tôi phải hiệp cùng bạn Đồng chí lo phục-sanh cho tờ Đại-Việt Tạp-Chí đây. Chúng tôi chẳng dám mong thay thế cho tờ Nam Phong Tạp-Chí rực rỡ ngày xưa; chúng tôi chỉ quyết noi theo dấu của bực tiền-bối mà ày dựng để cống hiến cho Đồng-bang một cơ-quan giáo-dục hiệp thời và thiết thiết.*

*Đã là cơ-quan giáo-dục Đại-Việt Tạp-Chí cố nhiên sẽ chuyên lo phổ thông các Đông Tây học-thuật, sẽ chuyên lo khảo-cứu, dịch-thuật và nghị-luận các khoa-học cần thiết với sự mở rộng trí thức cho nhau, sẽ chuyên lo chấn-hưng luân-lý cố-hữu của mình, sẽ chuyên lo tô-điểm quốc-văn cho thêm thanh cao rực-rỡ, nói tóm một lời, sẽ lo liệu mà làm cho một ngày gần đây người Việt-Nam dầu chỉ biết đọc sách quốc-văn mà thôi, mà cũng có thể nung trình-độ học-thức lên cao bằng trình-độ học-thức của các dân-tộc văn-minh vậy.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

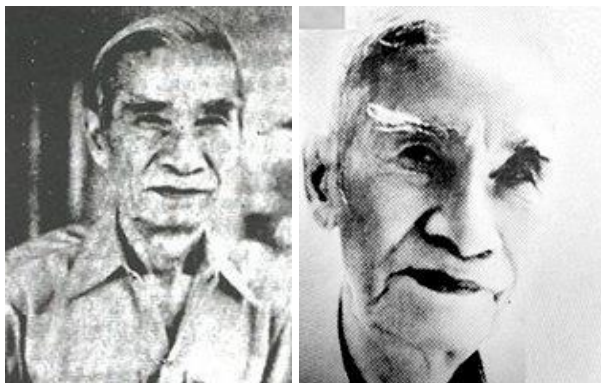
*Chúng tôi ước mong tấm lòng công ích thành thiết và đầy đủ của chúng tôi trong bộ biên-tập sẽ kêu gọi được tâm chí ưu-thể mãn-thời của các đứng trí-thức lớn nhỏ xa gần, và sẽ tụ hội được nhiều hiệp-tác cao siêu để cùng nhau làm cho tờ Đại-Việt Tập-Chí trở nên một cơ-sở quốc-gia giáo-dục vẻ-vang, xứng với xứ Liên-Bang Đông-Pháp an tịnh này, mà quan Tổng-Thống Toàn-Quyền Jean **Decoux** đương chấn-hưng khai hóa theo một thể-thức với nước Pháp Mới của Quốc-Trưởng **Pétain**, là một đứng hiên triết anh-hùng, cả hoàn cầu đều mến yêu tôn trọng.*

### HỒ-VĂN TRUNG Cẩn khải

Tài liệu tham khảo:

- Tôn-chỉ và Chương-trình của Đại-Việt Tập-Chí Trang 1 số 1 năm 1942

## 1. Ca Văn Thỉnh



**Ngạch Xuyên Ca Văn Thỉnh (1902-1987)**

Ca Văn Thỉnh sinh ngày 21-3-1902 tại xã Tân Thành Bình, huyện Mỹ Cày, tỉnh Bến Tre. Thuở nhỏ ông học ở trường tỉnh, rồi lên học ở Sài Gòn. Sau khi đỗ Tú Tài được học bổng vào Trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương ở Hà Nội.

Sau khi tốt nghiệp, ông được bổ nhiệm vào ngạch giáo sư Trung học, rồi làm Hiệu trưởng trường Bến Tre.

Trong thời gian này, ông để tâm nghiên cứu về văn học viết các bài khảo cứu, đăng trên các báo *Đồng Nai*, *Tri Tân*, *Đại Việt tạp chí*. Ông dùng bút hiệu Ngạch Xuyên, đôi khi ghi cả bút hiệu và họ tên Ngạch Xuyên Ca Văn Thỉnh.

Năm 1945, cũng như những nhà trí thức yêu nước khác, ông tham gia chánh quyền tỉnh Bến Tre, sau đó làm Ủy viên của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ. Năm 1946, ông tham gia phái đoàn Nam bộ ra Bắc nhận lãnh Quyền Bộ trưởng Bộ giáo dục. Năm 1952, trở về Nam đến năm 1954, tập kết ra Bắc chuyển sang công tác ngoại giao. Năm 1959, làm Giám Đốc Thư viện Khoa học Xã hội Trung ương ở Hà Nội.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sau 1975, ông trở về Nam làm Giám đốc Thư viện Khoa học Xã hội Miền Nam tại thành phố Hồ Chí Minh (Thư viện Quốc Gia cũ tại Sài Gòn) một thời gian rồi nghỉ hưu.

Ông mất ngày 5-10-1987, tại thành phố Hồ Chí Minh, thọ 85 tuổi.

Tác phẩm đã in:

- *Thơ văn yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX* (viết chung với Bảo Định Giang - 1962)
- *Nguyễn Thông – Con người và tác phẩm* (viết chung với Bảo Định Giang - 1984)
- *Hào khí Đồng Nai* (1985)

Trích văn:

### **Truyền thống quật cường của Nam Bộ và Việt Nam với tinh thần đấu tranh của Nguyễn Đình Chiểu**

...Mấy năm trước đây, ông già đã bí mật nuôi cán bộ trong nhà, ở dưới hầm, thường dùng mật hiệu bằng đĩa hát : khi có địch đến, thì báo động bằng bài hát Khóc Hoàng Thiên, còn bài Khổng Minh tọa lâu là báo an . Mật thám theo dõi nghi ngờ ông. Khi tên mật thám vào nhà ông, nghe bài Khóc Hoàng Thiên, nó lấy đĩa hát Khổng Minh tọa lâu báo ông thay đĩa hát. Lanh trí, ông vờ lờ tay đánh rơi xuống đất làm đĩa hát vỡ ra mấy mảnh. Tên mật thám cầm một mảnh đĩa vỡ nhọn và sắc đe dọa ông phải khai báo việt cộng giấu dưới hầm, ông cự tuyệt không khai. Tên ác ôn lấy mũi đĩa đâm vào hai mắt ông. Vì kiên quyết bảo vệ cán bộ mà ông lão Hóc Môn bị mù. Dù mù, ông vẫn tiếp tục phục vụ cách mạng. Tinh thần chung thủy đấu



BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

tranh kiên cường của ông lão Hốc Môn cũng như của Nguyễn Đình Chiểu đã gây được ảnh hưởng sâu rộng đến ngày nay...

Trích thơ:

**Khách Cao Miên quốc ký hoài Diệp Minh Phụng Kỳ sơn.**

Tân Châu giải lãm hệ phiên thành,  
Việt khách tương tư xúc xứ sinh.  
Đế Thích tự tiền Hồ kệ điệu,  
Nam Vinh giang thượng mạch ca thính.  
Đồng ngâm nhan sắc cô bông nguyệt,  
Cổ quốc âm thư vạn lý trình.  
Cực mục phong đào hành bất đắc,  
Liên nhân thôi phục giá cô minh.

Trịnh Hoài Đức

Bản dịch của Ngọc Xuyên Ca Văn Thịnh:

**Làm khách nước Cao Miên nhớ gửi bạn Kỳ Sơn Diệp Minh Phụng**

*Tân Châu mở cõi đàng Phiên thành,  
Khách Việt tương tư khúc cảnh sinh.  
Câu kệ rợ hồ chùa Đế Thích,  
Tiếng hò khách mạch đất Nam Vinh.  
Thuyền cô, trăng đội dung quang bạn,  
Nước cũ âm tin mấy dặm trình.  
Mút mắt ba đào đi chẳng được,  
Giá cô kêu gọi gọi thâm tình.*

- 0 -

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Văn nghiệp Ca Văn Thỉnh để lại không nhiều nhưng những bài viết của ông vào thập niên 1940 là những bài khảo cứu có giá trị, nhưt là những tài liệu về Phan Thanh Giản, rất hữu ích cho những người khảo cứu về văn học ở miền Nam.*



Tài liệu tham khảo:

- Ca Văn Thỉnh: *Văn Học Miền Nam* Hiên PH USA 2009, Tập I
- *Truyền thống quật cường* Web: [khoaocnet.com](http://khoaocnet.com)

## 2. Khuông Việt



**Khuông Việt - Lý Vĩnh Khuông (1912-1978)**

Ông Khuông Việt tên thật là Lý Vĩnh Khuông sinh năm 1912 tại Bãi Xàu, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Lúc còn nhỏ, Vĩnh Khuông học ở quê nhà, sau đó lên Sài Gòn học trường Pétrus Ký. Năm 1930, ông đậu bằng Thành chung được bổ dụng làm nhân viên thư viện của Phủ Thống Đốc Nam Kỳ. Có thời gian ông chuyển ra làm việc ở Côn Đảo rồi lại đổi về làm việc tại Thư viện Quốc gia tiền thân của Thư Viện Khoa học Xã Hội đường Lý Tự Trọng ngày nay.

Ông có chân trong Ủy ban Văn học Phan Thanh Giản của Hội Đức Trí Thê Dục Nam Kỳ. Ông là một cây bút chuyên viết các bài khảo cứu sử, văn học đăng trên Tri Tân, Thanh Nghị ở Hà nội, Nam kỳ tuần báo và Đại Việt Tạp chí trong Nam.

Năm 1942, ông đoạt giải thưởng của tạp chí Tri Tân về ký sự lịch sử “*Một nhà ngoại giao Việt Nam, lãnh sự Nguyễn Thành Ý*” đăng trên tạp chí Tri Tân số 44, tháng 4/1942 bút danh Phong Vũ. Ông cũng được Hội Khuyến Học Nam Kỳ trao tặng giải thưởng cho tác phẩm nghiên cứu văn học **Tôn Thọ Tường** do nhà xuất bản Tân Việt ấn hành.

Ông cũng tham gia các hoạt động xã hội, năm 1944, ông được

## HUỶNH ÁI TÔNG

bầu làm Tổng Thư Ký Hội truyền bá quốc ngữ Nam kỳ. Năm 1945, được bầu làm Tổng Thư ký Ủy Ban cứu trợ miền Bắc.

Khoảng năm 1948, Đảng xã hội Pháp lập một Đảng bộ ở Sài Gòn gọi tắt là SFIO, xuất bản tờ báo Justice (Công lý), ông tham gia Đảng này, được Đảng bộ Sài Gòn cử sang Pháp với tư cách đại biểu dự đại hội lần thứ 40 của Đảng Xã hội Pháp.

Trước khi dự đại hội Đảng Xã hội, ông được cấp Thẻ Ký giả của báo Công Chúng do Trần Tấn Quốc làm Chủ Nhiệm và Nam Quốc Cang làm Chủ bút. Ngày 18-9-1948, Khuông Việt được tổ chức Liên Hiệp Quốc cấp Thẻ Ký giả để sẵn tin khi Đại Hội Đồng Liên Quốc khai mạc tại Paris vào ngày 21-9-1948.

Sau khi tham dự Đại hội Đảng Xã hội Pháp, Đại hội đồng LHQ, Đại hội bất thường Đảng Xã hội Pháp vào tháng 12/1948. Tại Đại hội Đảng xã hội, ông mạnh dạn lên án chủ nghĩa thực dân, gây xung đột với cánh hữu trong Đảng, ông bị hăm dọa nên không dám về nước, phải sống lưu vong tại Pháp cho đến sau khi Hiệp định Geneve 1954 ra đời, ông mới trở về Sài Gòn.

Ông lại bị chánh quyền bắt giam cho đến năm 1956, ông mới được trả tự do. Sau đó ông cộng tác với nhà xuất bản Vĩnh Bảo, đồng thời viết hồi ký **Người Nhật với Đông dương**. Ông mất vào ngày 26-10-1978 tại nhà riêng ở Phú Nhuận, thọ 66 tuổi.

Ông có nhiều bài nghiên cứu về sử học, văn học đăng trên các tạp chí Thanh Nghị, Tri Tân, Nam Kỳ tuần báo, Đại Việt tạp chí, cộng tác với nhiều nhật báo xuất bản tại Sài Gòn.

Tác phẩm đã in:

- *Lãnh sự Việt Nam ở Sài Gòn* (1941)
- *Tôn Thọ Tường* (Tân Việt 1942)
- *Người Nhật với Đông dương*.

Trích văn:

*Vài lời nói đầu*

*Đây không phải là một tiểu sử hoàn toàn, hay là một thi tập đầy đủ của Tôn Thọ Tường.*

*Những nỗi khó khăn trong việc sưu tầm tài liệu về dật sử, văn thơ của Tôn Thọ Tường còn lưu truyền lại một cách mơ hồ và rời rạc, dạy chúng tôi nên muôn vàn thận trọng.*

*Viết về Tôn Thọ Tường một nhân vật của đất Đồng Nai, không tên tuổi ở chốn thần kinh cũng như mở nơi “ngàn năm văn vật”, không để lại cho đời một tập thi, một quyển văn nào, nhứt là không còn con cháu trực hệ, chúng tôi chỉ muốn phác họa lại cuộc đời một danh sĩ trong số đông đã sống vào thời kì di chuyển mà văn minh Đông Á bắt đầu tiếp xúc với văn minh Tây Âu, chúng tôi chỉ muốn do một vài tài liệu chắc chắn, sót lại và các văn phẩm lưu truyền, rón tìm hiểu tình cảnh và tâm trí của Tôn Thọ Tường, một sĩ phu của đất Nam kỳ khi vừa Pháp thuộc.*

*Kẻ hậu sanh mà muốn hiểu rõ nỗi lòng của tiền nhân, là muốn làm một việc khó khăn và táo bạo. Nhưng trong khi chính ta còn nhiều lúc cần hiểu lấy ta, sao ta lại không rón tìm hiểu người xưa! Tìm hiểu người xưa là cốt mong đặng một vài ánh sang dầu không giúp ích cho ta, có lẽ cũng an ủi ta được đôi phần trong những khi tâm hồn lừng lừng man mác trước một di tích bất hủ của thời xưa, hay một cảnh đẹp thần tiên của đất nước.*

*Tìm hiểu người xưa, ắt hẳn chúng tôi không khỏi khơi lên đống tro tàn của cuộc đời dĩ vãng. Tuy nhiên biết đâu trong đống tro tàn đó lại chẳng còn một vài đóm lửa, dầu không nung nấu đặng tâm trí người sau, cũng làm ám áp đặng đôi phần những tâm hồn hoài cựu?*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Nỗi khó khăn là muốn hiểu rõ tiền nonh hoặc muốn xét đoán hành động của người để tìm ánh sáng, kể hậu sanh chẳng những cần phải biết rõ hoàn cảnh gia đình, thân thế cùng trí đức của người, mà lại còn cần phải thấu đáo tình trạng xã hội thời bấy giờ và các trào lưu của những nguồn tư tưởng đương xung đột nhau thuở ấy. Có thể, mới mong ra tránh được những sự lầm lạc khó tha cùng những lời bình phẩm nông nổi.*

*Điều tảo bạo chúng tôi vẫn băng khoăn về nó là khảo cứu về Tôn Thọ Tường thì không thể nào không nói đến khoảng lịch sử cận đại của nước nhà, nhứt là lịch sử của sáu tỉnh miền Nam vì buổi đó đời sống của Tôn chẳng những có ảnh hưởng ít nhiều đến nền văn học, mà lại còn liên lạc mật thiết với nhiều thay đổi ... (9) về chánh trị trong xứ nữa.*

*Đã biết khó mà lại gắng làm, đã không trông sử mà lại dám nói đến sử, chúng tôi tránh sao khỏi nhiều nỗi vụng về, sơ sót.*

*Bởi thế, chúng tôi xin các bạn hãy đọc quyển sách nhỏ này với một tấm lòng khoan dung rộng rãi, và chúng tôi hết sức mong mỗi đặng nghe những lời chỉ bảo quý báu của các bậc cao minh.*

*Sài Gòn, ngày 20 Février 1941*

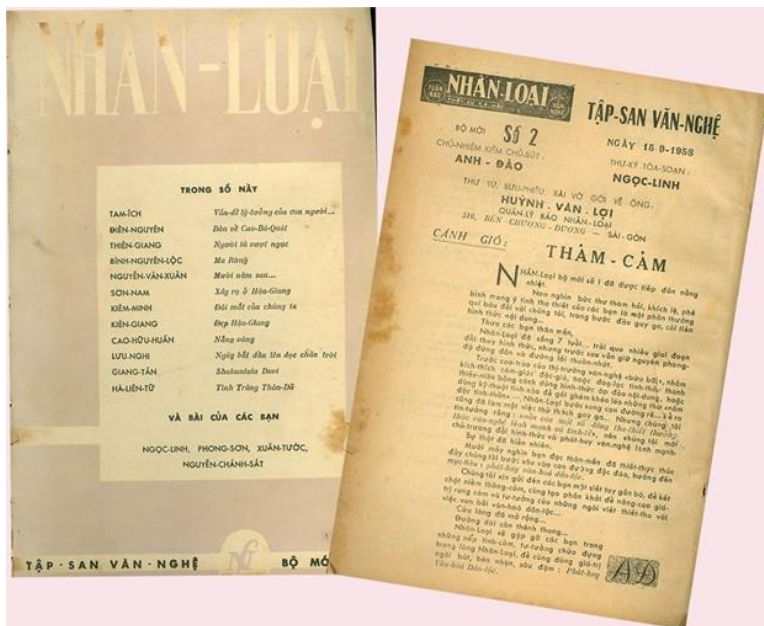
Khuông Việt viết về Tôn Thọ Tường, một nho sĩ văn hay thời đó, lại đi làm cho Pháp vừa mới thôn tính xứ Nam kỳ, người ta cho ông là “tay sai” của địch do đó văn thơ của ông không được lưu truyền, Khuông Việt đã sưu tập được thơ của người xưa, đó là công khó. Đọc đoạn trích trên, chúng ta thấy ông hành văn nhẹ nhàng, trong sáng.

Tài liệu tham khảo:

Không Việt: *Văn Học Miền Nam* Hiên Phật Học 2009, Tập I

# BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

## Tiết 22: Tạp chí Nhân Loại



Theo ông Nguyễn Hùng kể lại hoàn cảnh ra đời tạp chí *Nhân Loại* như sau. Sau 1954, ông vừa mới lên Sài Gòn gặp được Trường Xuân Trúc rủ làm báo *Nhân loại* và mỗi người phải đóng 500 đồng vì không có ngân khoản nào của cách mạng tài trợ. Sở dĩ ông được chọn làm thư ký tòa soạn là do có giấy tờ công khai sớm hơn mọi người. Ngày thương bảng tuần báo *Nhân loại* trước của nhà in Hồ Văn Lợi, 316 bên Chương Dương chỉ có ba người là Nguyễn Bảo Hóa người thay mặt bộ biên tập giải quyết những chuyện nghiệp vụ, Trường Xuân Trúc và Nguyễn Hùng. Theo lời Nguyễn Hùng, ông chỉ là người thường trực tại tòa soạn được vài việc nhẹ nhàng như đọc thư từ của bạn đọc nếu cần thì trả lời. Kế đó là đọc bản thảo các nơi gửi tới ‘góp ý’ đăng được hay không? Được giao nhiệm vụ đọc báo ngoại quốc như *Selection* hay *Consellation*. Ông chỉ làm thư ký tòa soạn được vài tháng rồi

## HUỶNH ÁI TÔNG

bàn giao cho người khác. (Ngọc Linh?). Đến số 14 bộ mới tờ tuần báo *Nhân loại* cải biến nhẹ nhàng là tờ tuần báo văn nghệ-thời sự-xã hội. Lúc này Nguyễn Hùng không còn làm thư ký tòa soạn nữa nhưng trong thành phần biên tập không ghi tên thư ký tòa soạn mới. Số đầu tiên đổi mới này có bài của Tân Đức. Từ số này, tờ báo có khuynh hướng văn nghệ rõ hơn mặc dầu bộ cũ vẫn có văn của Lê Vĩnh Hòa, Viễn Phương, Ngọc Linh... Đến số 41 (15/2/1957) mới có tên Ngọc Linh là Thư ký Tòa soạn nằm trên manchette báo.

Ngoài những cây bút miền nam đã thành danh như Tô Nguyệt Đình (Nguyễn Bảo Hóa – Tiêu Kim Thủy), Viễn Phương, Thảm Thệ Hà, Bình Nguyên Lộc trên tờ Nhân Loại xuất hiện những cây bút miền nam trẻ như Sơn Nam, Lê Vĩnh Hòa, Văn Phụng Mỹ (Trang Thế Hy), Kiên Giang, Ngọc Linh. Bên cạnh đó còn những cây bút miền nam khác góp mặt không thường xuyên như Cô Họa Phố, Lê Dân, Vĩnh Điền, Trường Xuân Trúc... Sau này Viên Linh đã nhận định ‘Thế hệ văn học đầu của Miền Nam qui tụ quanh các báo *Nhân loại*, *Sáng tạo*, *Bách khoa*, *Thế kỷ hai mươi*, *Hiện đại*...’

*Nhân loại* đã tạo được một thế đứng riêng biệt không thể phủ nhận được khi viết về nông thôn miền nam và tạo thành một khuynh hướng đối lập về ngôn ngữ cũng như khuynh hướng chính trị trong cách phản ánh hiện thực bằng văn chương. Võ Phiến đã nhận định: ‘Nhìn chung từ trước tới sau suốt thời kỳ 1954 – 1975 lúc nào cũng có những nhóm văn nghệ sĩ gần nhau không hẳn vì lập trường văn nghệ mà là vì một quan điểm chánh trị... *Quan điểm*, *Nhân loại*, *Tự do*... Văn học thời kỳ này mang đậm màu sắc chánh trị...’

Thời gian đó, gần như có sự đối chọi giữa hai dòng văn học. *Sáng tạo* thì văn chương, chữ nghĩa rỗng rang, uốn éo, chẻ sợi tóc làm tư, làm dáng văn chương. Nội dung thì viết nhiều về kỷ niệm thời còn ở miền bắc hay “huống về một thủ đô văn



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

hóa mới” với cuộc sống của Sài Gòn đêm đêm hoa lệ vũ trường nhật nhòa phấn hương. Còn *Nhân loại* thì giọng văn, ngôn ngữ nam bộ, huých toẹt, dễ hiểu ôn nhu, nhẹ nhàng kể chuyện nông thôn miền nam thời thuộc pháp, những phong tục, truyền thống đất lề quê thói “hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê”. Cả hai có điểm chung là cùng “chết” vào năm 59 vì hết tiền.



Nhà văn Nguyễn Hùng (Thầy Lê Anh)

Tạp chí *Sáng tạo* kéo dài được 31 số, tháng 9/59 đóng cửa vì không được tài trợ nữa. Cho đến tháng 7/60 được Sở Nghiên cứu Chính trị (Trần Kim Tuyền) tài trợ ra lại bộ mới và cũng chỉ kéo dài được 7 tháng vì bị cắt nguồn kinh tế. Lý do tại sao bị cắt thì không biết. Không làm hài lòng ông Tuyền chăng vì chỉ vị nghệ thuật, lo chống lại văn nghệ tiền chiến mà văn chương nội dung chống cộng không hiệu quả? Còn *Nhân loại* của nhóm Tân Đức, Tô Nguyệt Đình, Ngọc Linh... thì cũng chết vào năm 1959 vì bị trung tâm phát hành báo chí chính

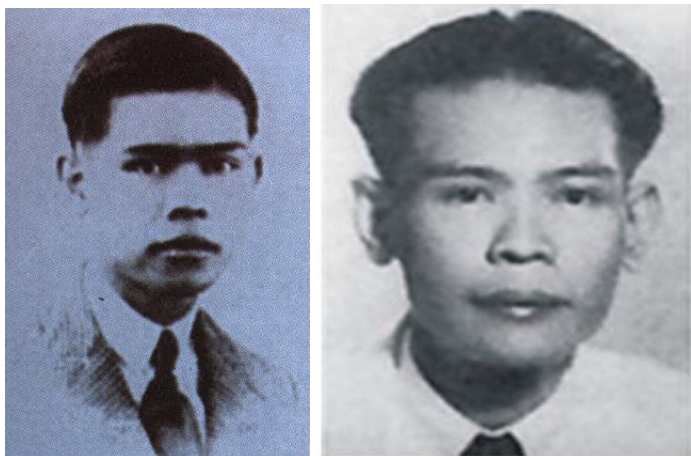
## HUỶNH ÁI TÔNG

quyền ếm lại, không phát hành. *Nhân loại* chết nhưng những nhà văn nam bộ vẫn tiếp tục hoạt động văn chương trên các tờ báo, tạp chí khác.

Tài liệu tham khảo:

- Nhân Loại Tập san: Lê Văn Nghĩa *Tạp chí Nhân Loại và cá tính văn học miền Nam*

## 1. Bình Nguyên Lộc



**Bình Nguyên Lộc - Tô Văn Tuấn (1914-1987)**

Bình-nguyên Lộc tên thật là Tô Văn Tuấn, trong giấy khai sinh ghi sinh ngày 7 tháng 3 năm 1915, nhưng thật ra ông sinh năm 1914, tại làng Tân Uyên, tổng Chánh Mỹ Trung, quận Tân Uyên, tỉnh Biên hòa (nay thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương), con ông Tô Phương Sâm làm nghề buôn gỗ, mẹ là bà Dương Thị Mão.

Lúc nhỏ, ông có học chữ Nho với ông thầy Nho trong làng, sau đó ông theo học trường Tiểu Học Tân Uyên, năm 1929 ông thi đậu vào trường Pétrus Ký, năm 1933 đỗ bằng Thành Chung (*Diplôme d'Études Complémentaires* hay *Diplôme d'Études Primaire Supérieur Indochinois*, còn gọi là *Bằng Cao đẳng tiểu học*)

Năm 1934, Bình-nguyên Lộc thôi học về quê cưới vợ là Dương Thị Nguyệt, năm sau, ông thi vào làm thư ký hành chánh, nhưng phải đợi một thời gian khá lâu mới được tuyển dụng vào làm công chức tại Kho bạc (Ty Ngân khố) tỉnh Thủ Dầu Một (Bình Dương). Năm 1936, ông được đổi về Sài Gòn

## HUỶNH ÁI TÔNG

làm nhân viên kế toán ở Kho bạc Sài Gòn (Tổng Ngân Khố). Ông khởi sự viết viết văn vào thời kỳ này, chuyện ngắn đầu tay của ông là *Phù Sa*, đăng trên tạp chí Thanh Niên do KTS Huỳnh Tấn Phát chủ trương, ông cũng khởi thảo tác phẩm *Hương gió Đồng Nai* và hoàn tất năm 1943, nhưng đã mất bản thảo trong chiến tranh.

Năm 1944, Bình-nguyên Lộc bị bệnh tâm thần, nên xin nghỉ dài hạn không lương, rồi từ đó không trở lại làm việc nữa. Năm 1945, ông tản cư, năm sau hồi cư về Lái Thiêu, từ năm 1949 ông và gia đình định cư ở Sài Gòn.

Ông gia nhập làng văn từ đây, Năm 1950, ông viết cuốn *Nhót gió* và xuất bản cùng năm. Sau đó, Bình-nguyên Lộc làm thư ký tòa soạn cho vài tờ báo xuất bản tại Sài Gòn. Năm 1952, ông chủ trương tờ *Vui sống*, tuần báo văn nghệ quy tụ nhiều cây bút nổi danh đương thời như Đông Hồ Lâm Tấn Phác, Thanh Nghị Hoàng Trọng Quý, Lê Trương Ngô Đình Hộ, Thiếu Sơn Lê Sĩ Quý, Sơn Nam Phạm Minh Tày ... Năm 1956, ông cùng các văn hữu cho ra tờ *Bến Nghé*, tuần báo văn nghệ mang màu sắc địa phương đất Gia Định xưa. Ngoài ra, ông cùng các đồng nghiệp thành lập Nhà xuất bản Bến Nghé, xuất bản các tác phẩm văn chương mang sắc thái Đồng Nai, Bến Nghé. Ông đã cộng tác với các báo Tiếng Chuông, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Nhân Loại, Bách Khoa, Văn ... Ông (óm) giao du mật thiết với Nguyễn Ang Ca (mập), khi hai ông đi chung với nhau, văn hữu thường gọi đùa là “Thằng Mập, Thằng Óm” theo phim hài của Pháp. Ông đoạt giải thưởng Văn Chương toàn quốc năm 1959-1960. Từ năm 1970 đến 1975 là Hội Viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục của Việt Nam Cộng Hòa.

Sau khi Cộng Sản chiếm miền Nam năm 1975, Bình-nguyên Lộc được nhà cầm quyền đương thời mời tới dự một lần họp với các nhà văn khác tại Bộ Thông Tin cũ, để các nhà văn biết đường lối viết theo chánh sách của chế độ mới, Bình-nguyên

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Lộc đã nhiều kinh nghiệm viết lách, được giải thưởng Văn chương toàn quốc là Hội Viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục của Việt Nam Cộng Hòa, để giữ vẹn thanh danh của mình, cho nên ông phải lách, từ lúc đó về nhà đóng cửa không hề cầm bút, tô vẽ ca ngợi chế độ Xã hội chủ nghĩa.

Năm 1985, ông được con trai bảo lãnh sang Mỹ trị bệnh. Định cư ở Sacramento, thủ phủ California, Bình-nguyên Lộc lại tiếp tục cầm bút sáng tác và đã mất tại đây vào ngày 7 tháng 3 năm 1987 vì bệnh huyết áp, thọ 73 tuổi.

Ngoài Bình-nguyên Lộc, ông còn dùng nhiều bút danh trong quá trình sáng tác. Dưới đây là một số bút danh khác: **Phong Ngạn**: bút danh của tiểu thuyết dã sử *Quang Trung du Bắc và Tân Liêu Trai*. **Phóng Ngang, Phóng Đọc**: biến thể của Phong Ngạn, bút danh của những bài trào phúng. **Trình Nguyên**: bút danh cho một truyện dài kỳ đăng báo, tiểu thuyết dã sử liên quan đến cuộc chiến Việt Chiêm, chỉ xuất hiện trong một truyện. **Tôn Dzật Huân**: bút danh của truyện trinh thám, là một loại đảo chữ biến thể từ tên thật Tô Văn Tuấn, chỉ dùng một lần. **Hồ Văn Huân**: bút danh của khảo cứu *Sửa sai cổ sử*, cũng là đảo chữ, biến thể từ tên Tô Văn Tuấn, xuất hiện từ khi ở hải ngoại. **Diên Quỳnh**: bút danh của chỉ một truyện vừa và của một truyện ngắn.

Tác phẩm của ông gồm nhiều chuyện ngắn đăng rải rác trên các báo, một số truyện dài trước đăng trên các nhật báo, sau ông cho xuất bản thành sách. Trong số các tác phẩm của ông có truyện dài **Dò Đọc**, được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1959-1960, đã nâng tên tuổi ông lên rất cao, còn truyện ngắn có Rừng Mắm đã được nhiều tuyển tập đăng lại, được nhiều người đánh giá là một tác phẩm giá trị.

Ngoài các tác phẩm văn học, Bình-nguyên Lộc còn đề tâm nghiên cứu về nhân chủng học và ngữ học, ông đã cho xuất

## HUỶNH ÁI TÔNG

bản quyền **Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam, Lột Trần Việt Ngữ, Thổ Ngời Đồng Nai ...**

Quyển **Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam** là một công trình nghiên cứu có giá trị và dày công phu, có người phê bình quyển sách này, cho rằng ông quen theo bút pháp tiểu thuyết của mình nên có vài điểm chưa được mạch lạc.

Tác phẩm đã in:

Truyện dài và Tập truyện:

- *Nhốt gió*, tập truyện, Nhà xuất bản Thời Thế - 1950, Sài Gòn
- *Đò dọc*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Bến Nghé - 1958, Sài Gòn
- *Gieo gió gặt bão*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Bến Nghé - 1959, Sài Gòn
- *Tân Liêu Trai*, tập truyện (bút danh Phong Ngạn), NXB Bến Nghé - 1959, Sài Gòn
- *Ký thác*, tập truyện, Nhà xuất bản Bến Nghé - 1960, Sài Gòn
- *Nhện chờ mối ai*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Nam Cường - 1962, Sài Gòn
- *Ái ân thâm nặng cho dài tiếc thương*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Thế Kỷ - 1963, Sài Gòn
- *Bóng ai qua ngoài song cửa*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Thế Kỷ - 1963, Sài Gòn
- *Bí mật của nàng*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Thế Kỷ - 1963, Sài Gòn
- *Hoa hậu Bồ Đào*, Nhà xuất bản Sống Mới - 1963, Sài Gòn
- *Mối tình cuối cùng*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Thế Kỷ - 1963, Sài Gòn
- *Nửa đêm trăng sụp*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Nam

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Cường - 1963, Sài Gòn

- *Tâm trạng hồng*, tập truyện, Nhà xuất bản Sống Vui - 1963, Sài Gòn

- *Xô ngã bức tường rêu*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Sống Vui - 1963, Sài Gòn

- *Đừng hỏi tại sao*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Tia Sáng - 1965, Sài Gòn

- *Mưa thu nhớ tầm*, tập truyện, Nhà xuất bản Phù Sa - 1965, Sài Gòn

- *Uống lộn thuốc tiên*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Miền Nam - 1965, Sài Gòn

- *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc*, tạp bút, Nhà xuất bản Thịnh Ký - 1966, Sài Gòn

- *Tình đất*, tập truyện, Nhà xuất bản Thời Mới, 1966, Sài Gòn

- *Nụ cười nước mắt học trò*, tập truyện, Nhà xuất bản Trương Gia - 1967, Sài Gòn

- *Quán Tai Heo*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Văn Xương - 1967, Sài Gòn

- *Thâm lặng*, tập truyện, Nhà xuất bản Thụy Hương - 1967, Sài Gòn

- *Điểm Phượng*, tập truyện, Nhà xuất bản Thụy Hương - 1968, Sài Gòn

- *Đèn Cần Giờ* - 1968, Sài Gòn

- *Một chàng hai nàng*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Thụy Hương - 1968, Sài Gòn

- *Sau đêm bố ráp*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Thịnh Ký - 1968, Sài Gòn

- *Trăm nhớ ngàn thương*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Miền Nam - 1968, Sài Gòn

- *Khi Từ Thức về trần*, truyện, Nhà xuất bản Văn Uyển - 1969, Sài Gòn

- *Nhìn xuân người khác*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Tiến Bộ - 1969, Sài Gòn

- *Món nợ thiêng liêng*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Ánh Sáng

## HUỶNH ÁI TÔNG

- 1969, Sài Gòn
- *Cuồng rún chưa lia*, tập truyện, Nhà xuất bản Lá Bối - 1969, Sài Gòn
- *Lương tâm kẻ trộm*, truyện ngắn, tạp chí *Hương Quê* - 1971, Sài Gòn.
- *Lữ đoàn Mông Đen*, Nhà xuất bản Xuân Thu - 2001, Hoa Kỳ
- *Tỳ vết tâm linh*
- *Cõi âm bên quán cây dương*
- *Gái chợ về quê*

### Về nghiên cứu:

- *Ca dao*
- *Cổ văn chú giải*
- *Luận thuyết y học*
- *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, khảo luận, Nhà xuất bản Bách Bộc - 1971, Sài Gòn
- *Thổ ngơi Đồng Nai*
- *Từ vựng đối chiếu 10 ngàn từ* - 1971, Sài Gòn
- *Từ vựng danh từ Mã Lai mà Trung Hoa vay mượn* - 1972, Sài Gòn
- *Lột trần Việt ngữ*, khảo luận ngôn ngữ Việt, Nhà xuất bản Nguồn Xưa - 1972, Sài Gòn

### Về Thi ca:

- *Thơ tay trái*
- *Việt sử trường ca*
- *Thơ Ba Mền* (tiểu thuyết thơ).

Bình-nguyên Lộc có kỹ thuật viết tiểu thuyết kích thích tâm lý độc giả phải đọc tới những trang tiếp theo để biết được chuyện gì sẽ xảy ra, một cái gì đó mà người đọc cần phải tìm hiểu, khám phá, trong một truyện ngắn, Bình-nguyên Lộc cho ta



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

thấy kỹ xảo này của ông; ông tả một người khách đi xe taxi, bắt gặp một gói giấy của người khách đi trước bỏ quên, trong ấy có vài vật, thế là ông dẫn độc giả đoán người bỏ quên vật trên xe là đàn bà hay đàn ông, có nhà cửa riêng hay chưa, nhà có người làm hay không ...

Chẳng hạn như trong **Gieo Gió Gặt Bảo**:

*... Bà Nhâm lại phải nói một mình, không được kẻ đối thoại cho vào tai lời nào cả. Bà ta cũng khá tinh mắt nên nhận thấy là Hào lo ra. Không biết bạn có chuyện gì rối trí, bà ngó ra sau hướng mà Hào thường dòm, thì thấy ông Nho đang đứng trò chuyện với một cô gái đẹp.*

*“À, ra nó ghen!” Bà Nhâm nghĩ thầm như vậy rồi cười lớn lên.*

*Nhưng lạ quá! Hào loại gọi chồng mà rằng:*

*- Anh Nho à, em còn nói chuyện lâu với bà Nhâm, anh lấy xe đưa em nó dạo mát đi, để em về bằng taxi.*

*Bà Nhâm thật là điên đầu: “Thì ra không phải nó ghen. Ghen sao dám bảo chồng đưa cô ấy đi dạo mát?”*

*Khi Nho và Liên lên xe, xe chạy khuất dạng, Hào lật đật giã từ bà Nhâm, khiến bà này lại lập ra một giả thuyết mới: “À, ra nó ghen ai! Chà con mẹ này khá nghi lắm đấy!”*

Kỹ thuật thứ hai là ông ưa phân tích tâm lý nhân vật:

*“Ý quấy bỗng đột ngột xẹt qua trí Nho, khiến ông hoảng hốt, ông nghĩ nếu có một cái máy gì để đo lòng người thì nó sẽ ghi ra biết bao điều như chớp. Như trường hợp của ông đây.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Khi không đang là người hấn hòi bỗng trong giây phút ngắn lại đục long đục dạ như một kẻ vô liêm.*

*“Bây, Bây lắm” ông đã tự trách như vậy hồi nãy, rồi đâm ra ghét bạn hữu đã nghĩ xằng, gọi cho ông điều không hay. Ông đã lập nghiêm chào họ để dặt Liền vào rạp. Nhưng ngòi nãy giờ, những ý nghĩ bất chánh lờn vờn trở về sau một lúc lâu bị xua đuổi. Chúng nó trở về, ban đầu rụt rè lấp ló nhưng sau, chúng đâm bạo, nhào càng tới và cố lì không chịu đi nữa.*

*“Không sao!” Nho tự an ủi ông, rồi nói với lũ khốn nạn kia. “À, quân bây không chịu đi à? Được thì cứ mà ở đó. Nhưng ta đây quyết không nghe lời quân bây thì quân bây làm gì ta được. Ủ, làm gì ta được. có giỏi thử xem!”*

Bình-nguyên Lộc có nghiên cứu về kỹ thuật viết tiểu thuyết, ông có căn bản lý thuyết và chịu ảnh hưởng kỹ thuật tiểu thuyết Tây phương, cho nên bút pháp viết tiểu thuyết của ông rất già dặn.

Nhà văn thường diễn đạt cảm giác qua từ THẤY như “*Tôi thấy thương hấn!*” còn ông thì viết: “*Hảo NGHE thương chồng hơn bao giờ hết.*”

Qua nhiều nhân vật, tình tiết trong tiểu thuyết của mình, Bình-nguyên Lộc thường trình bày nếp sống của người Việt chịu ảnh hưởng Tây phương như đoạn văn dẫn trên.

Ông viết nhiều đề tài, thường chọn bối cảnh miền Đông, nhưng ngược lại truyện *Rừng Mắm* trong Tập truyện **Ký Thác**, ông chọn bối cảnh miền Tây là một truyện ngắn đặc sắc nhất của ông, chẳng những nó nói lên được đời sống của những người dân tiên phong khai phá miền cực Nam nước Việt, mà nó còn nói lên sự hy sinh, tính cần cù, chí nhẫn nại, tình yêu quê

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

huong là cá tính của người miền Nam. Chúng ta thử đọc lại một đoạn *Rừng Mắm*:

*Bờ biển thoải thoải dốc xuống, trông rừng cây lạ ấy như một đạo binh núi, tuôn tràn từ trên cao xuống mé biển ngoài xa.*

*Xa, xa lắm, có những cây mọc lẻ tẻ như những tên lính xung phong mau bước tiến tới để hãm thành lập công.*

- *Nhìn xuống gốc cây! Ông nội bảo.*

- *Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xóa những đóa hoa năm cánh, hai màu đối chọi trông rất đẹp.*

- *Cây gì mà lạ vậy ông nội? Trổ bông ngay dưới gốc.*

*Bông trổ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây này là cây mắm, đây là rừng mắm đấy.*

- *Cây mắm? Sao tui không nghe nói đến cây ấy bao giờ.*

- *Con không nghe, vì cây ấy không dùng được để làm gì cả cho đến làm củi chụm cũng không được.*

- *Vậy chớ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hằng hà sa số như là cây cỏ ấy.*

- *Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lũng và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia mắm sẽ ngã rạp. Giống trầm lại nổi ngói nó. Rồi sau mấy đời trầm, đất thuần, cây ăn trái mới mọc được.*

*Thấy thẳng cháu nội ngờ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:*

*- Ông với lại tía con là cây mắm, chơn giằm trong bùn. Đồi con là đồi tràm, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài mít, dứa cau.*

*Đồi mắm tuy vô ích, nhưng không uống, như là linh ngoài mặt trận vậy mà. Họ đã ngã gục cho kẻ khác là con cháu họ hưởng.*

*Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi. Và lại con không thích hy sinh chút ít cho con cháu của con hưởng sao?*

*Thằng Cộc nhìn lại ông nội nó và thương không biết bao nhiêu ông già đã bỏ mồ bỏ mả ông cha để hì hục năm năm trong đồng chua, nước mặn của ổ Heo.*

Dĩ vãng, một thứ bình cũ rượu mới. Người Việt Nam ở thôn quê, ai đã sinh trước trận thế chiến thứ hai đều có ít nhiều dĩ vãng của mình về Hát bội, còn nếu ai có tâm hồn nhạy cảm hơn lại chẳng có thêm tình cảm ngây thơ. Cả hai thứ đó Bình-nguyên Lộc đã tạo nên một cốt truyện *Tình Thơ Đại* trong Tập truyện **Nụ Cười Nước Mắt**, gọi nhớ dĩ vãng xa xưa đầy xúc cảm :

*Một lát sau đó cô Ba hết cười rồi ngồi phệt xuống bãi cỏ, nín thở ngồi xuống theo.*

*Bấy giờ cô gái vui tươi kia buồn vô hạn, nhìn vào khoảng không rất lâu, đoạn day qua, cúi hân lên đầu tôi và nói:*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- Em nè, chị cảm ơn em lắm. Em đã làm cho chị sung sướng không biết bao nhiêu. Nhưng chừng ấy chị đã già rồi em à, đâu còn hát chung với em được.

- Chị làm sao mà già được.

- Em xem nước dưới kia và những cọng rác trôi trên mặt nước. Nước ấy và rác ấy trôi ngang qua đây, rồi đi thẳng luôn ra biển không bao giờ trở lại chốn này cả. Tuổi tác con người cũng thế em à! Em hai mươi tuổi là chị đã ba mươi rồi.

Tôi không hiểu gì về những câu triết lý về kiếp người cả, nhưng tôi ngây ngất vì được cô Ba hôn lên đầu, nên nói một câu vô nghĩa:

- Ừ đúng vậy, mà em sẽ hát với chị.

- Mộng ảo ! Chị sẽ già...

- Chị mà làm sao già được.

Cô Ba chỉ thờ dài.

Lâu lắm, tôi hỏi :

- Sao chị không muốn hát với em ? Em ưa ẵm chị lúc chị ngã.

- Chị chỉ mong được thế, nhưng như đã nói chị sẽ già em à. Hay là giờ chị ẵm em trước, cũng thế thôi.

Nói xong, cô Ba ẵm giữa tôi trên tay rồi cúi xuống nhìn thẳng vào mắt tôi mà cười, cười nhưng đôi mắt buồn hiu.

Tôi sung sướng đê mê, úp mặt vào lòng cô Ba mà khóc. Bỗng nghe một tiếng nấc, day mặt ra tôi thấy cô Ba cũng khóc. Mãi

## HUỶNH ÁI TÔNG

*cho đến ngày nay mà tôi còn nghe cái cảm giác nóng hổi trên má do những giọt lệ của cô Ba rơi xuống đó, gây ra.*

*Cô Ba thút thút nói :*

*- Muôn ngàn năm sau, chị sẽ nhớ đến buổi chiều hôm nay, buổi chiều sung sướng nhất của đời chị.*

Bút pháp của Bình-nguyên Lộc vượt trội hơn những nhà văn trước, ông hành văn gọn gàng, đôi khi làm cho đối thoại trở nên “nhát gừng”. Ông không dùng rỗng tiếng miền Nam, nhưng vẫn có:

*Thằng Cộc về tới nhà thì cơm trưa đã dọn xong.*

*- Mày đi đâu mà tới đứng bóng mới về ?*

*- Tui đi lượm lông chim lông-ô.*

*- Lông đâu?*

*- Mà kiếm hoài hông có.*

*- Mồ tổ cha mày, nhiều chuyện. Chim lông-ô đời xưa mới có chớ đời nay đâu còn nữa. Mai gặt nghe không ? Ăn cơm khuya rồi xuống đồng cho sớm, đừng đi đâu hết.*

Về thơ của ông xin mời đọc trong tập Thơ Ba Mến:

*Lạnh thấm lòng, mưa mai lác đác,  
Quán bên hè, uống tách cà-phê.  
Nhìn ghe bỗng chạnh tình quê,  
Rung rung nước mắt: tư bề người đứng.*

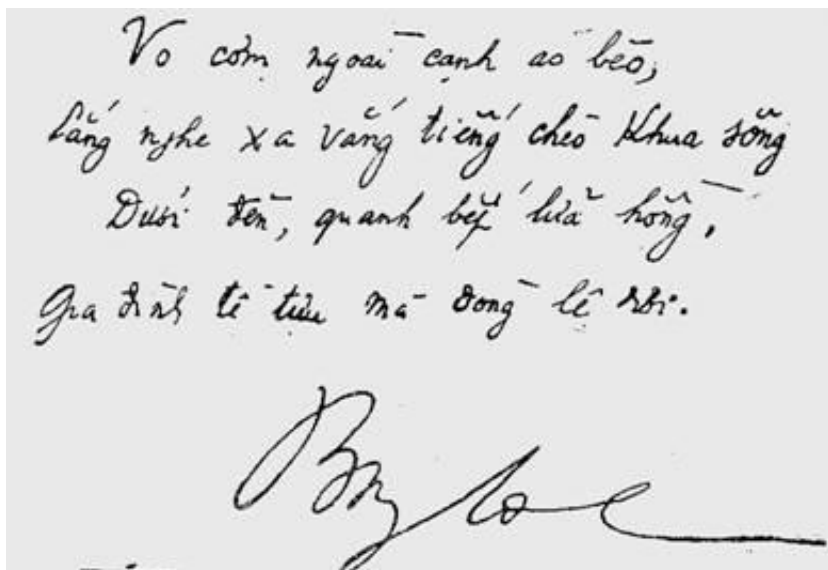
*Bến Ông Lãnh màn mưa bao phủ,  
Ghe thương hò ử rữ dưới kia.  
Ghe ơi, vài bữa ghe về,  
Nhấn người dưới ruộng, cô Quì còn không?  
Mùi đất nước ruộng bùn phảng phất  
Nhớ cố hương ngậy ngát lòng sầu.*

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Năm năm, bao cuộc bể dâu?  
Phút giây in lại như hầu hôm qua.

Bàn bên cạnh, một ông bới tóc,  
Liếc sang nhìn đang khóc trộm thầm,  
Đoán mình là kẻ đồng tâm,  
Lân la nói chuyện. Mưa dầm cứ rơi.

Cà-phê nóng hơi nghi ngút,  
Lò than hồng lách tách nổ ran.  
Nghe người kể chuyện xóm làng,  
Cõi lòng ảm đạm, bàng hoàng băng khuâng,  
Viết lại đây mâu đời luân lạc,  
Thương những người chìm nổi, đầy voi.  
Thơ quê khôn tả hết lời,  
Để ghi dấu vết một thời chiến tranh.



Bình-nguyên Lộc là một nhà văn tên tuổi ở Việt Nam, ông cũng là nhà văn truyền thống miền Nam, tuy bút pháp của ông

## HUỶNH ÁI TÔNG

không dùng rờng giọng miền Nam nhưng vẫn có, kỹ thuật điều luyện chịu ảnh hưởng nhiều của Tây Phương thời bấy giờ.

Một số lớn truyện của ông đăng trên các báo, có tài liệu cho rằng có khi ông viết cùng lúc cho 14 tờ báo khác nhau, vì tiểu thuyết đăng trên báo nên thường các nhà văn kéo dài tình tiết, đối thoại. Vì thế, so với truyện ngắn, loại này ông thành công hơn tiểu thuyết. Tiểu thuyết của ông có thể xếp vào loại tiểu thuyết tâm lý tình cảm.

Tài liệu tham khảo:

Bình-nguyên Lộc *Văn Học Miền Nam* Hiên Phật Học USA 2009, Tập I



## 2. Sơn Nam



**Sơn Nam - Phạm Minh Tày (1926-2008)**

Nhà văn Sơn Nam tên thật là Phạm Minh Tày, sinh tại làng Đông Thái, quận Gò Quao, tỉnh Rạch Giá, theo ông cho biết, đáng lý tên ông là Tài, nhưng chánh lục bộ của làng không rành chữ quốc ngữ nên ghi sai là Tày.

Lúc nhỏ, ông học tiểu học tại quê nhà, sau theo học Trung Học tại Cần Thơ.

Năm 1945, cuộc cách mạng mùa Thu, cũng như hầu hết những thanh niên thời bấy giờ, ông tham gia phong trào Thanh Niên Tiền Phong, rồi theo kháng chiến, hoạt động trong vùng Rạch Giá, Long Xuyên. Trong thời gian này ông bắt đầu sáng tác, đã đoạt giải thưởng Cửu Long 1951-1952 với truyện **Tây Đầu Đố** ở trong vùng kháng chiến.

Từ năm 1954, ông lên Sài Gòn sống bằng nghề viết văn. Năm 1955, ông viết những truyện ngắn đăng trong Nhân Loại Tạp San, về sau gom lại in chung trong **Hương Rừng Cà Mau**.

Năm 1960-1961, Sơn Nam bị bắt giam ở Phú Lợi, Thủ Dầu Một (Bình Dương) là một trại giam những người hoạt động

## HUỶNH ÁI TÔNG

cho Cộng sản Bắc Việt. Năm 1972, ông lại bị chính quyền miền Nam bắt lần nữa vì có khuynh hướng thân Cộng.

Sau năm 1975, ông có bài viết đăng trên nhật báo Sài Gòn Giải Phóng, là cơ quan ngôn luận chính thức của đảng Cộng Sản Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, về sau, bài của ông đăng trên nhiều tờ báo, tạp chí khác, tên tuổi của ông trên các bài viết được nhiều người ưa thích. Ông là Hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam.

Ông mất ngày 13 tháng 8 năm 2008, tại thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 82 tuổi.

Văn Nghiệp của Sơn Nam gồm có:

- *Chuyện Xưa Tích Cũ*, 2 tập (1958)
- *Nguyên Trung Trực: Anh hùng dân chài* (1959)
- *Tìm hiểu đất Hậu giang* (1960)
- *Hương rừng Cà Mau* (1962)
- *Chim quỳên xuống đất* (1963)
- *Hình bóng cũ* (1963)
- *Vọc nước giỡn trăng* (1965)
- *Hai côi U Minh* (1965)
- *Nói về miền Nam* (1967)
- *Truyện ngắn của truyện ngắn* (1967)
- *Vạch một chân trời* (1968)
- *Xóm Bàu Láng* (1969)
- *Người Việt có dân tộc tính không ?* (1969)
- *Bà chúa Hòn* (1970)
- *Đồng bằng sông Cửu Long* (1970)
- *Trời nước bao la* (1970)
- *Thiên Địa Hội và cuộc minh tân* (1971)
- *Gốc cây - Cục đá và ngôi sao* (1973)
- *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* (1973)
- *26 truyện ngắn* (1987)
- *Tục lệ ăn trộm* (1987)

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- *Người Sài Gòn* (1990)
- *Gia Định xưa* (1990)
- *Bến Nghé xưa* (1991)
- *Theo chân người tình* (1991)
- *Một mảnh tình riêng* (1992)
- *Dạo chơi* (1994)
- *Hồi ký Sơn Nam* (2005)

Trích văn:

Về thơ Sơn Nam chỉ có đôi bài, một trong **Hương Rừng Cà Mau**:

### Thay lời tựa

*Trong khói sóng mênh mông,  
Trong khói sương mênh mông  
Có bóng người vô danh  
Từ bên này sông Tiền  
Qua bên kia sông Hậu  
Mang theo chiếc độc huyền  
Điệu thơ Lục Vân Tiên  
Với câu chữ:  
Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả...  
Tới Cà Mau - Rạch Giá  
Cát chồi, đốt lửa giữa rừng thiêng...*

*Muối, vất nhiều hơn cỏ  
Chướng khí mù như sương.  
Thân không là lính thú  
Sao chưa về cố hương ?  
Chiều chiều nghe vượn hú,  
Hoa lá rụng, buồn buồn  
Tiễn đưa về cửa biển  
Những giọt nước lìa nguồn,  
Đôi tâm hồn cô tịch*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Nghe lắng sâu cô thôn  
Dưới trời mây heo hút...  
Hơi Vọng Cổ nương bờ tre bay vút  
Điệu hò... ơ theo nước chảy chan hoà  
Năm tháng đã trôi qua  
Ray rít mãi đời ta  
Nắng mưa miền cổ thổ*

*Phong sương mấy độ qua đường phố  
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê...*

S.N.

### **Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư**

- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bậy Ngọt lặn! Để tôi ra lệnh cho phó hương áp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo "Chim Trời" giựt mình.

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

- Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.

- À! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả? Hèn chi nó bơi xuồng lên công sở lãnh báo, đúng

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

bày bữa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền!

Thầy phái viên cố nén sự bức tức khi nghe người độc giả thân mến của mình bị thầy xã khinh khi ; thầy hút thuốc suy nghĩ rồi lại hơi buồn buồn mà nhớ đến sự thất bại về tài chánh.

Ông độc giả Trần Văn Có thiếu sáu tháng tiền báo tức là hai đồng sáu cắc rưỡi. Từ chợ Rạch Giá vô đây, thầy đã tốn gần ba cắc rưỡi tiền tàu, tiền thuốc hút. Chuyến về lại phải xuất thêm ba cắc nữa... Ông độc giả nghèo nàn này chắc gì trả được một đồng trong số tiền thiếu chịu nhà báo!

Nhưng đã tới đây rồi mà trở về thì uống cuộc viễn du Hậu Giang này quá! Thầy phái viên quyết tình binh vực thể diện của người độc giả nọ:

- Không phải tôi đi đòi tiền ! Tôi đi dò hỏi ý kiến bạn đọc đối với tờ báo. Tiền bạc là quý... Nhưng ý kiến của bạn đọc lại quý hơn. Độc giả ở tới đâu, chúng tôi đi tới đó.

Sau vài phút đi tới đi lui, thầy xã găt đầu:

- Được. Để tôi biểu thằng "Trao" chèo tam bản đưa thầy. Thầy nên dè chừng. Tên Trần Văn Có nói mười, thầy tin một là vừa. Anh ta công kích tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang Sa gởi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít Le, chuyện nước Ý đánh nước Á, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lối nói lảng qua chuyện Tàu...

Thầy phái viên tò mò:

- Vậy thì ông độc giả của chúng tôi rành chữ nho?

- Ai biết rõ được. Anh ta nói có dây có nợ, tích người học trò

## HUỖNH ÁI TÔNG

nghèo tên là người Thừa Cung gì đó... chẵn heo; ông quan đại thân Lý Tích đích thân nấu cháo cho chị ăn dè dặt bị lửa tấp cháy râu. Chưa hết đâu, thầy phái viên ơi! Hễ gặp ai say rượu anh ta nói một hơi như thầy chùa tụng kinh, có ca có kệ. Cái gì mà *các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mắt đỏ gay, mắt lờ đờ...*

Thầy phái viên cười lớn, nhịp mạnh tay xuống bàn ba bốn lần như đánh trống chầu hát bội, đôi mắt sáng ngời, chân nhảy nhót như con nít:

- Hay quá ! Hay quá ! Tôi thăm ông độc giả đó mới được. Ông làm thầy giáo hả thầy? Nhờ thầy đưa tôi đi tới gặp mặt. Ngộ quá hen! Ủ! Ủ!

Bực mình quá chừng, thầy xã nghĩ : "Ông phái viên này kêu mình bằng thầy mà lại tung bốc kêu Tư Có bằng ông. Hay là ông chê mình không dám xuất tiền mua báo như Tư Có. Chừng bận về, mình mua vài năm báo chơi cho biết mặt".

Thầy xã hối thúc cho chú trạo sửa soạn quai chèo đưa thầy phái viên đến ấp Cà Bậy Ngọt. Thầy phái viên cảm ơn một tiếng nhỏ rồi cúi đầu xuống nói rừ rì như xa như gần, trong cuồng hòng:

- Ô! Để coi *các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mắt đỏ gay, mắt lờ đờ, quần áo xộc xệch, chân đi xiêu bên nọ vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói làm nhảm... Lũ trẻ theo sau reo cười chế nhạo... Đúng vậy, QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ lớp Sơ đẳng, Việt Nam Tiểu học từng thư... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thận soạn... Eo ơi ! Cái buổi thơ ấy đó nay còn đâu.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Đường đi ấp Cà Bậy Ngọt quá xa vời ! Chiếc tam bản nhún xuống một cái "ò" rồi nhảy tới một cái "sạt" theo nhịp chèo hai chèo. Nắng chang chang rắc vàng trên thảm cỏ hoang xanh ngắt. Vài nhánh bình bát gie ra, quất vào bụi sột soạt. Xế chiều, cò trắng phất cờ như đón người khách lạ. Trích, cúm nùm kêu ré lên. Con rạch thâu hẹp lại. Chiếc tam bản lắc nghiêng như trái dừa khô trên mặt nước đầu sóng gió. Ánh trạo chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp mỗi tay một cây chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trong lòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh trạo mỉm cười:

- Chèo như vậy đi lẹ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cưỡi trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa...

- Chú trạo biết rành nhà Từ Có không?

- Dạ, biết. Từ Có ở một mình, nuôi heo, giăng câu, ăn ong, nghe nói y ở xứ Vãng Long xuống đây tính bề dạy học mà xin phép chưa được...

\*\*\*

Buổi cơm chiều ngon lành làm sao! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu "ông cọt". Anh trạo đã về, Từ Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuống đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đò. Thếp đèn dầu cá kéo thêm một tim thứ nhì nữa, cháy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như mảnh lưới tơ giăng bủa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Từ Có bỏ mùng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khỏi như vậy mà muỗi cứ bu lại rớt lènh bành trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng nghịu, thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén dờ mí mừng, chun lẹ vào ngồi kế bên :

- Xứ gì lạ quá! Anh Tư ở đây hoài sanh bịnh chết.

Tư Có đáp:

- Xứ Cà Bê Ngop, tiếng Khơ Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu "len" tới đây thất bại, phong thổ âm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bịnh hoạn, thừa thốt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trở mắt:

- Vậy à? Còn mấy làng khác?

- Đông Thái, Đông Hoà, Đông Hưng, Văn Khánh Đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là độc giả báo Chim Trời của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư?

- Nói chí tình, đó là của người bà con ở Sài Gòn "đăng" dùm tôi, ban đầu tưởng nói chơi dè dặt nhà báo gởi xuống thiệt, xem cũng đỡ buồn. Phần nhiều bài vở của mấy ông viết cao quá. Tôi thường đọc cái trương Văn Uyển, có bài thơ bát cú của cô Bích Lý vịnh cảnh sông Hương. Hay quá lẽ ! về sau, ông Trần Bất Diệt ở Cầu Kè họa vận...



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Thầy phái viên gật đầu, ừ lấy lệ, thật ra hồi nào tới giờ đi cố động cho báo Chim Trời mà ít khi thầy đọc kỹ báo nhà. Tư Có hỏi tiếp:

- Nhà báo Chim Trời đông người không thầy? Chắc là lớn lắm? Làm sao mà thành chữ được.

- Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.

- Trời thần ơi ! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm... Còn mấy ông chủ nhiệm, chủ bút, phóng viên... Chắc làm việc rần rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sực nhớ đến tình trạng loe hoe của toà soạn, lại gật đầu lần nữa.

- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, tứ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách *Quốc Văn giáo khoa thư*, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chứ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hít "ca rê", tay xách tòn ten bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc minh sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râu, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài "*chốn quê hương đẹp hơn cả*" chứ gì?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Rồi chú đọc một hơi:

- *Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi : ông đi du sơn du thủy...*

- *Đó đa! Đó đa! Anh Tư nhớ kỹ quá... Người du lịch mới trả lời : ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những mối cảm tình chứa chan... Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.*

- *Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chẵn trâu cầm roi: ai bảo chẵn trâu là khổ... Không, chẵn trâu sướng lắm chứ.*

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng:

- *Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như voi ngựa, ngất nghiêng ngòi trên mình trâu, tôi nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...*

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ:

- *Hay quá ! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người... Như cái hình ông già đẩy xe bò lên dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lợn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trời bụng phơi và môm kêu eng éc...*

Tư Có vỗ trán :

- *Còn ông già khuôn tảng đá nữa, thấy mà thương: Trời nhá nhem, chạng vạng tối, tôi thấy một ông cụ già hi hục khuôn tảng đá. Ông cụ nhắc lên để xuống đến bốn năm lần mới đem*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy... Lão đi lỡ vấp phải tảng đá này, sầy cả chân đau lắm nên khuan bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chăng.*

Thầy phái viên lại không chịu rằng mình kém trí nhớ:

- Ngang hình ông già đó, trương phía tay trái có bài *chọn bạn mà chơi, thói thường gần mực thì đen*. Cha chỉ ngón tay, con đứng khoanh tay cúi đầu mà nghe. Dưới chót lại có hàng chữ: *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài*.

Tư Có gắt đầu :

- Đó là ngụ ý răn he gương tốt thói xấu. Phải siêng năng như Sừ chăm học, ngồi bên đèn mà đọc sách ; đừng lười biếng như thằng Bình đánh vòng. Phải bền chí học hành. Ở thầy phái viên chắc nhớ cái hình con kiến tha mồi! Văn chương nghe như đờn Nam Xuân: *Nước mềm, đá rắn thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cưa mãi gỗ cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...*

\*\*\*

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì : Kẻ mền *cái thú ở nhà quê*, người lặn đạn với *cái thú ở kẻ chợ*.

Nằm mãi không ngủ được, thầy phái viên lắng nghe *những tiếng động trong nhà*, giữa tiếng *mọt nghiêng gỗ kèn kẹt như người đưa võng*, bất chấp tiếng chuột chạy sột soạt và nhất là tiếng muỗi rùng lộng hành kêu vo vo, thầy mơ lại những ngày *năm nay tôi lên bảy, tôi đã lớn, tôi không... lêu lổng nữa*. Còn

## HUỶNH ÁI TÔNG

đâu mùi hương của những quyển sách mới bao bì kỹ lưỡng nhưng vài ngày sau đã rách bìa! Làm sao nghe được tiếng phập phồng trong ngực của đứa bé khi trời mưa to, đi học trễ, run rẩy bước vào trường rồi cởi áo phơi ngay trong lớp... Đây, thầy giáo mặc đồ bà ba, lâu lâu bước ra khỏi lớp để chào hỏi khi thầy xã, thầy cai tổng đi ngang qua. Một đôi lúc, thầy giáo quá cay nghiệt đã dùng thước đánh vào những đầu ngón tay non yếu, hoặc hơi cây thước báng...

Dầu sao đi nữa, những kỷ niệm xa xưa vẫn vui, vui như một lũ học trò giành nhau chụp cho được cây dùi trống, đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào lớp.

Giọng Tư Có nói nhỏ :

- Ngủ chưa, thầy phái viên?

Thầy phái viên yên lặng, *trời mới mưa, các chỗ trống đầy nước cả nên cóc và nhái kêu inh ỏi*. Vài giọt mưa rớt nhẹ xuống đất... Và rơi trên rạch Cà Bê Ngọt trước nhà. Hồi năm nào, thầy là giọt nước trong lành đó, bây giờ nó đã trôi xa, ra sông, chứa đựng rác rến, chảy hăng ra biển. Ừ, họa chăng đó là con đường hiệu quả nhất là được sớm bốc thành hơi, đầu thai trở lại nguồn... Nghĩ vậy, thầy khoan khoái mỉm cười ngồi dậy hỏi :

- Ngủ chưa anh Tư?

- Chưa!

- Tôi này giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài :

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây thâm tiền.

- Đâu có ! Đâu có ! Minh là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi "đăng" là vì ái mộ báo Chim Trời chớ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tín không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động :

- Thôi thầy ngủ lấy sức để mai về bình yên. Khuya nghe chồn cáo cộc kêu, thầy đừng giật mình : Ở đây miệt rừng, không có... *xa xa thì nghe tiếng chó sủa trắng.*

Thầy phái viên cười dòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai "*Ôi ! Cái cảnh biệt ly ở xóm Cà Bê Ngọt sao mà buồn vậy!*". Vĩnh biệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao Vọng Cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra, giờ này.

\* \*

Ông viết truyện ngắn, tiểu thuyết, khảo cứu đăng trên các tạp chí như Nhân Loại, Bách Khoa, Văn Hữu ... các nhật báo Tiếng Chuông, Lẽ Sống... bối cảnh ông thường lấy ở vùng Rạch Giá, Long Xuyên; đề tài ông khi thác thuộc về dĩ vãng,

## HUỶNH ÁI TÔNG

đời sống, tạp quán của người miền Tây Nam Bộ như Hát bội, Hồ đỏi đáp, câu sáu, bắt rắn ...

Những địa danh như Ốc eo, Tà Lon khiến cho người đọc liên tưởng tới nền văn minh Ốc eo thuộc nước Phù Nam nay ở vùng Ba Thê, hay Tà Lon thuộc vùng Bảy Núi.

Những địa danh khác như Cà Bậy Ngọt, Khoen Tà Lung... làm cho người ta nghe lạ tai, thích thú vì đó là những địa danh của người Khmer còn sót lại ở Miền Tây rất nhiều như Chác Cà Dao (Hòa Bình Thạnh), Mặc Cần Dung (Bình Hòa), Năng Gù (Bình Thủy) ở Long Xuyên hoặc Xoài Cá Nả, Bãi Xào ở Sóc Trăng ...

Mượn bối cảnh đồng quê, dùng địa danh của bình dân thường dùng, để gợi cho người đọc nhớ về dĩ vãng, đặt mình vào trong không khí nghe kể chuyện cổ tích, truyền kỳ, để xa rời thực tế để bị lôi cuốn nhập vào truyện của ông.

Nhân vật của Sơn Nam đều ngoài ba mươi, tuổi vừa năng động, tâm hồn vừa trầm tĩnh lại, đã trải qua ít nhiều kinh nghiệm cuộc đời.

Ông cũng viết nhiều tác phẩm nghiên cứu về văn minh miền Nam, về nhân vật về các di tích lịch sử, tác phẩm về loại này như: Tìm Hiểu Đất Hậu Giang (1960), Nói Về Miền Nam (1967), Người Việt Có Dân Tộc Tính Không ? (1969), Đồng Bằng Sông Cửu Long (1970), Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam (1973) ... Mục đích của ông là muốn làm sống lại cuộc Nam tiến, khai quật quá khứ để tìm về cội nguồn của những người tiên phong đã sống và khai phá miền Nam, để thấy được công lao của tiền nhân, thấy được những yếu tố đã tạo thành cá tính người miền Nam: giản dị, nhân hậu và chân thực.

Sơn Nam chẳng những viết để sống, mà ông viết còn để tìm về cội nguồn, ông đã bỏ công đi đó, đi đây khắp đất nước ta, cuộc

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

bộ quanh vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định để ghi dấu người xưa, để rong chơi tuổi già. Văn nghiệp của Sơn Nam đã làm nổi bật đất nước vùng cực Nam, từ ngữ rặc giọng miền Nam, về hai điểm này, ông hơn hẳn các nhà văn lớp trước như Hồ Biểu Chánh, Phi Vân.



## HUỲNH ÁI TÔNG

Tài liệu tham khảo:

- Sơn Nam: *Văn Học Miền Nam* hiên Phật Học 2009, Tập II



*Nhà lưu niệm nhà văn Sơn Nam ở Trung Lương, Tiền Giang*





*Tiết 23: Những nhà văn nhà báo có tên tuổi trên diễn đàn Văn chương, báo chí ở Miền Nam.*

Có những nhà văn, nhà báo tên tuổi đã đóng góp cho nền văn học Miền Nam, tương cũng cần phải đưa họ vào đây để cho độc giả được biết.

Mỗi nhà văn, nhà báo có một sự nghiệp, sự nghiệp ấy để lại cho người sau biết, giúp cho chúng ta mở mang kiến thức, rõ được những chi tiết mà chúng ta muốn tìm, hoặc giả đó là tác phẩm văn chương cũng sẽ giúp chúng ta giải trí, biết thêm về xã hội một thời nào đó, hoặc phong cảnh đẹp của địa phương qua tác phẩm mà tác giả đã mô tả.

Cũng cần nói thêm có những nhà văn rất giọng miền Nam nghĩ ra sao viết như vậy, không đẽo gọt, để tự nhiên, gần như trái ngược với tánh chất của Văn là vẻ đẹp hay làm cho đẹp thêm

## HUỶNH ÁI TÔNG

lên. Nhưng mà hầu hết các nhà văn truyền thống miền Nam đều dùng cách hành văn bình dị như bà Bút Trà nói với nhà văn Bình Nguyên Lộc : ... “viết làm sao mà chị bán cá ngoài chợ đọc cũng hiểu.”

Một số các nhà khảo cứu văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ tưởng cũng nên nêu ra, để mọi người cùng hiểu về những công trình của họ hữu ích để lại cho mai sau.

Cho nên chúng tôi thêm chương này, nghĩ rằng nếu không thì có thể bị thiếu, xem như đây là một tiết bổ túc hay tiếp nối theo những tiết trước cho được đầy đủ hơn.

## 1. Vương Hồng Sển



**Wương Hồng Sển (1902-1996)**

Wương Hồng Sển bút hiệu Anh Vương, Vân Đường, Đạt Cổ Trai tên thật là Vương Hồng Thạnh (王 江 盛), nhưng chữ 盛 phát âm theo Phước Kiến là Sển, ông sanh năm 1902 tại quê ngoại, làng Xoài Cá Nã (nay là làng Đại Tâm - kè thị xã Sóc Trăng), thân phụ ông là người Minh Hương Vương Kim Hưng, thân mẫu ông người Việt gốc Khờ-me Hứa Thị Hứa, trên giấy tờ Vương Hồng Sển sanh ngày 4 tháng 11 năm 1904 tại làng Khánh Hưng.

Năm 1910, lên 8 học trường Sơ học Khánh Hưng Năm 1919, được 17 tuổi rời Sóc Trăng lên Sài Gòn học trường Chasseloup-Laubart. Năm 1923, sau bốn năm học, đậu bằng Thành Chung (Brevet Élémentaire), rồi thi đỗ kỳ thi tuyển thư ký chánh phủ, được bổ dụng làm thư ký Trường Bá Nghệ đường Đỗ Hữu Vị, sau đổi lại là Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng Sài Gòn, cho đến năm 1928.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1924, cưới vợ đầu tiên là cô Trần Thị Tố, đến năm 1926 ly dị.

Năm 1927, cưới vợ thứ hai cô Dương Thị Tuyết, cháu nội bà Đốc phủ An ở Hòa Tú, Sóc Trăng.

Năm 1928 đến 1932, đổi về Sa Đéc làm phát ngân viên tại Tòa Bó (Tòa Hành Chánh tỉnh) Sa Đéc.

Năm 1932-1936, đổi về làm ở Ty Địa Bộ Sóc Trăng.

Năm 1936-1939, làm Thông ngôn cho ông Chánh Tham Biện (Tỉnh trưởng) Cần Thơ.

Năm 1939-1943, đổi về làm ở Dinh Thống Đốc Nam Kỳ, lúc mới về làm phụ tá cho ông Dương Văn Minh (thư ký công nhật – sau đó ông Minh bị động viên).

Năm 1943-1943, chuyển về Tòa Bó Sóc Trăng, đã làm công chức đủ 20 năm nên xin về hưu.

Năm 1945, được Thanh Niên Tiền Phong bầu làm Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Lâm Thời tỉnh Sóc Trăng, nhưng vài tháng sau bị buộc từ chức.

Năm 1945-1947, chạy loạn về nhà quê.

Tháng 7 năm 1947, lánh nạn nên chạy lên Sài Gòn.

Ngày 19-7-1947, mua vé máy bay cho vợ từ Sài Gòn về Sóc Trăng, từ đó vợ ông bỏ ông luôn sau 19 năm chung sống, không con cái.

Tháng 10 năm 1947, ông sống chung với bà Nguyễn Kim Chung, nghệ danh Năm Sa Đéc.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Tháng 4-1948, xin được làm ở Viện Bảo Tàng Sài Gòn, lương công nhật, sau làm Giám Đốc Viện này cho đến năm 1963, khi Tướng Nguyễn Khánh lên, ông bị mất chức, nghỉ luôn từ đó.

Trong những năm làm việc ở Viện Bảo Tàng, ông được mời đi tham quan Đài Loan, Nhật Bản, Pháp, Ý, Bỉ.

Năm 1951, bà Năm Sa Đéc sanh cho ông đứa con trai duy nhất, đặt tên là Vương Hồng Bảo, sau 1975, Vương Hồng Bảo làm ăn thua lỗ bị tù và chết trong tù năm 1998.

Năm 1953, ông tạo dựng được căn nhà của mình, nhà ông tại số 9/1 đường Nguyễn Thiện Thuật, P14, Q. Bình Thạnh, được ông đặt tên gọi là Văn Đường Phủ.

Năm 1965-1967, ông được mời dạy ở Đại Học Văn Khoa Huế.



*Ảnh chụp tháng 6 năm 1981, từ trái sang phải: Quách Tấn, Vương Hồng Sển, Nguyễn Hiến Lê, Lê Ngô Châu.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ khi đi làm, ông bắt đầu sưu tầm đồ cổ, ông trở thành nhà sưu tập danh tiếng về cổ ngoạn, ông cũng viết sách về những gì thuộc về cổ xưa như *Sàigòn Năm Xưa*, *Thú Chơi Sách*, *Thú Chơi Cổ Ngoạn*.... Ông sống với bà Năm Sa Đéc rất hạnh phúc, bà mất năm 1988, thọ 81 tuổi, còn ông mất năm 1996 tại Gia Định, thọ 94 tuổi, linh cữu ông được đưa về an táng tại quê nhà ở Sóc Trăng. Vân Đường Phủ và tất cả báu vật cổ một đời ông đã soạn, đều hiến cho thành phố HCM.

Tác phẩm:

- *Thú chơi sách* (Tự Do, 1960)
- *Sài Gòn năm xưa* (tập I, II 1960, III 1992)
- *Hồi ký 50 năm mê hát* (1968)
- *Phong lưu cũ mới* (1970)
- *Thú xem chuyện Tàu* (1970)
- *Thú chơi cổ ngoạn* (1971)
- *Chuyện cười cổ nhân* (1971)
- *Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa* (1972)
- *Cảnh Đức trấn đào lục* (1972)
- *Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn* (1972)
- *Hơn nửa đời hư* (1992)
- *Tạp bút năm Nhâm Thân* (1992)
- *Khảo về đồ sứ từ hậu Lê đến sơ Nguyễn* (1993)
- *Những đồ sứ do đi sứ mang về* (1993)
- *Những đồ sứ khác Quốc dụng, Ngự dụng v.v.* (1993)
- *Tạp bút năm Quý Dậu* (1993)
- *Tự vị tiếng Việt miền Nam* (1994)
- *Nửa đời còn lại* (1995)
- *Thú ăn chơi*
- *Khảo về hát bội*

Trích văn:

### Cháo Cá Chợ Cũ

Người nào, năm nay 1983, khi đi đường Võ Di Nguy, trước khi quẹo qua đường bên hông Nha Ngân Khố ngày xưa, chưa tới bốn năm căn gì đó, gọi ty thuế vụ của cái chế độ tiêu tùng ông Thiệu, nơi bên phố tay trái, có một căn lụp xụp, chủ nó đã đông mát từ lâu, nhưng cảnh nhà không đổi, vẫn cũ xì cũ xọp, ban đêm đông vài miếng ván ọp ẹp, lồi ra vào tối gài bằng mảnh cửa thông xám đen vì lâu năm, nay người chủ mới lại ở, vẫn để y không đổi, người khách qua đường tôi nói trên đây, nào biết căn nhà bề ngoài coi xập xệ này, lại là nơi khách phong lưu trước đây chiều chiều hay sáng sáng vẫn tấp nập nơi đây và giành nhau từng tô cháo vừa ngon vừa bổ vừa rẻ tiền, tôi muốn nói tô cháo cá Chợ Cũ, danh bất hư truyền, từ ngày tôi lên học (1919), đến ngày dẹp tiệm (1975), đã cha truyền con nối, suốt bốn năm thế hệ, trót trăm năm chớ không phải chơi, vì trước khi tôi lên đây ăn học, thì quán kia đã có, vẫn y một chỗ, vẫn không thay đổi mặt tiền bề ngoài, và món cháo hương vị vẫn không đổi và vẫn cung phụng cho khách kén ăn trải trăm năm danh tiếng.

Tôi đã biết chủ của cái quán ấy, từ một ông già Quảng Đông, ốm cao nhưng lưng thẳng như chữ I, đứng nấu từng tô cháo cho mọi người, qua thẳng chệch con chủ tiệm, vẫn đứng bán làm đầu bếp nấu cho cha, vẫn áo thun trắng thật sạch, cụt tay, vẫn ốm và cao như ông già Quảng lỏng không khác, kết tiếp đến thằng Tàu, cháu nội ông già - cháo cá, cũng vẫn y như một: áo thun, ốm và lưng ngay chòe bất khuất, xuống đến thằng chắt nội, ba mươi cái xuân, một cây lưng thẳng, một tay cầm muỗng cán dài, một tay cầm tô hứng cháo nóng sôi sục sục; không một giọt rót rơi, khách nào muốn ăn sang, nó đập cái phụng, bỏ vào tô một hột gà tươi đỏ rói, tiếp đến thằng chít nội

## HUỶNH ÁI TÔNG

thừa kê, vắn áo thun, vắn ốm thon thon, kê đến tháng tư năm 1975, nồi cháo không ai chụm lửa, gia quyến anh Ba Tàu bán cháo đã rút lui về xứ, bỏ lại đây bao nhiêu khách đồ thành đã mất một món ăn không thay thế, và tô cháo còn chẳng là trong bài tường niệm vô duyên này.

“Nhớ ai như nhớ thuốc lào, mới chôn điếu trước lại đào điếu sau (muốn hát “điếu trước điếu sau” hay hát “điếu xuống điếu lên” chi cũng mặc), và đó là câu hát xưa ngoài nớ, nay có thể nhại lại, rằng: “Nhớ ai như nhớ tô cháo cá năm nào, sáu xu (0\$06) một chén, ngọt ngào, “ăn thêm”. Ăn thêm, muốn ăn thêm thì hãy hô to: ‘Thiếu xực’, tức đã nơi được hai tiếng Quảng: thiếu (thêm lên) và xực là thực, ô ! có khó gì tiếng Quảng Đông ấy. Khi nghe hai tiếng “thiếu xực” thì bỗng chốc có tô khác bung lại, hơi lên nghi ngút, ăn chẳng thấy no, mà no làm sao được vì lỏng bông toàn nước ngọt cá thịt, xương heo và thịt tôm hùm làm bở, nói rằng cháo Quảng, mà mò không thấy một hạt gạo, họ nấu toàn bằng tám mẫn, nói đó là tám cũng chưa được đúng, cháo Quảng rõ là hồ sệt sệt, người mới mạnh dùng không trúng thực, người mệt mới ăn vào nhẹ bụng mau tiêu, tô cháo cá Chợ Cũ quả là một tô thuốc tráng thận, mất tô cháo là mất đi một món ăn ngon bổ khỏe, chưa có món rẻ tiền nào thay thế.

Một tô “bột gạo nát nấu thật nhừ”, thả vào một mớ đu đủ nước cam thảo, gừng xắt vụn, ít lá hành, ít bụi tiêu cà, đĩa cá tươi để riêng, đặt trên bàn chờ khách tự tay cho cá vào tô, muốn ăn tái hay thật chín tùy sở thích, giá một cắc bạc (0\$10) thời đó ; khách nào muốn ăn thêm cá, gọi thêm một đĩa tính bốn xu (0\$04), kẻ nào muốn ăn sang gọi một tô cá trộn gói riêng, giá mười xu (0\$10), muốn dằn bụng thật no, kêu thêm bánh - dầu cha quẩy !, mỗi cái bánh một xu (0\$01), vị chi xài chưa tới một cắc ngoài, mà vừa xong một bữa vĩ vớ, vừa nhẹ nhàng thơ thới, lại thêm bổ khỏe. Thật là giang san không đời ! Viết đến đây,



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

nhớ câu “Giang san tận thuộc hoàng trào Tống, mãi thủ Hoa sơn lão đạo manh”, không biết có đúng hay chẳng nguyên văn của ông Trần Đoàn, chỉ nhớ đó là tích vua Tống sai đòi thuế, Trần Đoàn, xưng là lão đạo manh, trả lời hòn Hoa sơn, năm trước vua Khuông Dấn, đánh cò thua, đã ký bán núi cho ông dứt khoát lâu rồi!

Sương vậy thay thời thái bình, phong lưu vừa tay tầm vóc, tính từ xu từ các! Nhưng quên nói, quán xịch xạc, lồi thồi, nền lót gạch Tàu đỏ bụi giày đóng từng lớp dày ít năng chà rửa, nhưng vẫn thật sạch, không xả rác, bàn ghế bằng cây thông thao lao đã mòn cạnh vì lâu năm, quán tuy xấu bề ngoài, nhưng khách toàn là lựa chọn, hoa khô công tử, không kén mặt, miễn ngon là được; một hôm, tôi đưa vợ chồng ông Tấn nguyên cựu bộ trưởng giáo dục thời ông Trần Văn Hữu cùng đi voi phu nhơn là chị Nguyễn Thanh Long, đến quán thưởng thức món cháo cá, ông là cử nhân Pháp Sorbonne, chuyên về văn phạm và có tiếng là khó tánh, bà là “bằng cấp đầy mình”, giỏi Pháp văn, nói tiếng Anh như lật rau, kể về tánh khó và kỹ, không thua chồng, sức bực bánh mì mua cho chó ăn mà bà vẫn lấy bàn chải chải tro bụi rồi mới dâng cho cậu xực, hai ông bà vào quán, dùng xong bữa, đưa nhau ra đường, ông phê bình: “Chớ chi quán biết dọn dẹp trang trí, gạch bông trắng trẻo, bàn ghế tân thời, thì hay biết mấy!”. Chị Long đi giữa tôi cung kính nói với: “Thưa bộ trưởng, nếu như vậy thì đã hết xính xái Ba Tàu!”.

(Vương Hồng Sên *Sài Gòn tạp pín* lù Hội Nhà Văn, 1992)

### Sài Gòn “Tạp Pín Lù” là gì ?

Nếu dịch đúng ra Hán Việt, là “*Sài Gòn đả biên lô*” vẫn chưa ai hiểu là gì? *Tả*, tạp là “đá”, đánh; “*Pín*” có hai nghĩa: - pín là đuôi sam thẳng Chệc đời Mãn Thanh, nhưng đây pín có nghĩa là “biên” (Hán tự) và “bên, gần bên” (Nôm). *Lù* là lò, lò lửa.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tạp pín lù, là “đũa biên lò”, tức là món ăn nấu chín gần bên lò lửa; cũng như “*ăn sán lẩu*” là ăn thịt sống nhúng vào nước sôi bắt trên lò lửa nóng. Số là người Tây bày ra một từ khí làm bằng chì, thiếc, vật kim khí có chân cao giữa khoét lỗ đặt vài cục than cháy, chung quanh là nồi chứa nước thịt ngọt, khách ăn tự lựa từng món ngon: mè gà, lòng heo, ruột già, ruột non, dồi trường, tự gấp bằng đũa và nhúng vào nước thịt đang sôi, rồi tự gấp qua chén và không cần biết món nhúng đã chín hay còn sống sượng. Rồi thì rượu cay, rau sống giòn nghiền chàm ngòam cả miệng không thốt ra lời được, món ăn ấy gọi “*ăn sán lẩu*”, dịch ra Hán tự là “*Sán sanh*” (thức ăn còn sống, chưa chín), “*lẩu*”: lò (lô), ăn “*sanh lô*”, nhưng nếu nói: “*sanh lô*” ba Tàu không hiểu, phải nói theo họ “*ăn sán lẩu*”, hoặc ăn “*cù lao*” vân vân. Tiếng miền Nam rắc rối pha chề, người ngoài vô đây, xin khuyên đừng ham “nói chữ”.

*Sài Gòn tạp pín lù*, nôm na là *Sài Gòn thập cẩm*, *Sài Gòn ào ào*, *Sài Gòn ba lạng nhặng*, ai muốn hiểu sao thì hiểu. *Sài Gòn sán lẩu* cũng được, nhưng tạm dùng danh từ tạp pín lù. Nếu nói theo Bắc thì “*Sài Gòn thập cẩm*”; nếu nói theo Trung thì “*Sài Gòn ào ào*”, nhưng tác giả sanh tại Sóc Trăng (Nam Kỳ) nên: tập này danh gọi *Sài Gòn tạp pín lù* là vì vậy.

### Thay Lời Tựa

Hôm nay, 6-10-1983, mông một tháng chín Quý Hợi, ba giờ chiều, đang nằm trên võng đọc sách, bỗng tôi chợt nghĩ và lật đặt lên ngòai nào bàn máy, sắp giấy đánh thành mỗi trang ba bản, chưa biết, - nếu lỡ chừng, sẽ gọi là “mục, chương”, nếu viết được nhiều trên trăm trang, thì sẽ gọi hay đặt tên đó là như đã thấy, là: tập thứ ba của bộ “**Sài gòn năm xưa**” và sau này, nếu có dịp thuận tiện sẽ in thành sách, tiếp theo “tập I” mà có người đã lấy bản **Sài gòn năm xưa**, phóng ảnh và in lậu bên Mỹ, bán tận Paris, và cũng là tiếp “tập II” tôi đã viết xong dưới

đây và chưa có dịp xuất bản, và không chừng chẳng có dịp nào xuất bản.

Ô hay! Tại sao trên mâm cơm người Việt, ta được bày hớ lớn, nào canh ngon xen với một món “xào khô”, một đĩa ram mặn, xen với nào muối tiêu, nào xì dầu và không quên món chấm quốc túy khi sang là nước mắm nhỉ Phú Quốc, cũng gọi tắt “nước mắm hòn” hoặc nước mắm nhất hảo hạng Mũi Né, khi hèn, buổi xuống chum, bất kỳ “ngang, ngựa”, nước mắm dư bữa ăn trước, nước muối tiêu có thêm chút đường, chút giấm, được chanh thì càng quý, xếp không trật tự, người ngồi vào mâm muốn gấp, muốn chấm món nào tùy sở thích rồi trái lại, trời đất ơi, khi tôi đang buồn, tôi viết, tôi chơi, trời đất ơi, kêu trời sao cho thấu, khi đọc, đọc giả lại rầy tôi viết “thiếu khoa học và không sắp xếp cho ngăn nắp gọn gang”?

Đã và ngẫu hứng, thưa quý liệt vị, xin làm phước cho tôi được có “chút tự do”. Và nói túng mà nghe dọn có trật tự như buổi ăn theo Tây: xúp đi trước, cá, gà rồi thịt đồ thịt rừng, la sấm la sét, đến chừng chán, trật tự cách mấy rồi chán vẫn chán, và mấy ai đã đòi trật tự buổi này. Trở lại câu chuyện viết lách, tỳ như viết “hồi ký”, “nhật ký” làm vậy vô hà trật tự. Quý vị sẽ thấy: tôi vui đâu chúc đó, hứng khi nào, viết khi nấy viết xong, khi toan đóng lại thành tập, bỗng đổi ý tôi chừng ấy mới sắp lại, tầm tậm cho có chừng, và trật tự nổi gì?

Một cái bánh ngon, là cái bánh nguyên, vừa mới ra lò, còn nóng hổi, “vừa thổi vừa ăn” tôi muốn nói “tập I”, đến như tập III này, vì còn chút đường dư bột vụn, tôi o bế lại cho đỡ con đói lòng, quý vị thương tình, xin bớt hay đừng có chấp.

Tôi thanh minh một lần nữa, khi soạn tập I, tôi vẫn chưa đọc đủ các tài liệu đã xuất bản rồi, và sau đây, vừa mới đây, như buồn, lấy sách cũ ra đọc, - bươi đóng tro tàn vụn thấy vài

## HUỶNH ÁI TÔNG

truyện hay hay, bèn chép ra đây, rõ là “xà bản, thập cẩm”, “tạp pín lù”.

Muôn dùng muôn đọc muôn cho vào xọt giấy, đều được, chi xin chút cảm thông là đáng quý rồi và không khách sáo, đây xin muôn vãn tạ ơn lòng.

### Cẩn tự

(Trích: Sài Gòn Tạp Pín Lù)

Vương Hồng Sển viết văn rờng miền Nam, người ta thích đọc văn ông vì ông viết những chuyện xưa, dính liền với Sài Gòn mọi người đều có ít nhiều liên quan, nó gọi cho người đọc, ai cũng có tánh tò mò muôn biết, nhờ ông viết sang đàng, chuyện nọ sang chuyện kia có dây mơ, rễ má làm cho người đọc càng thích thú, càng muôn đọc tiếp để được hiểu biết thêm, lối văn hấp dẫn của ông pha một chút hài, một chút ai oán như một món ăn do người thợ nấu khéo, nêm nước mắm mặn lại dần chút đường ngọt làm cho hương vị thêm đậm đà.

Tài liệu tham khảo:

- Vương Hồng Sển Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Vương Hồng Sển Web: [thuvien.net](http://thuvien.net)

## 2. Nguyễn Duy Cần



**Thu Giang - Nguyễn Duy Cần (1907-1998)**

Nguyễn Duy Cần sinh ngày 15 tháng 7 năm 1907 tại làng Điều Hòa, tổng Thạnh Trị, tỉnh Mỹ Tho.

Vào thập niên 1950, ông là giáo sư, kiêm hiệu trưởng một trường trung học tư thục tại Sài Gòn.

Theo ông cho biết, những ngôi mộ cổ nằm trong Vườn Tao Đàn, là những ngôi mộ thuộc chùa Khải Tường xưa, đó là những ngôi mộ thuộc gia tộc của ông, hàng năm ông đều phải quét vôi, sơn phết lại.

Năm 1931, ông bắt đầu sự nghiệp viết văn, tự xuất bản quyển Toàn Chân, sách thuộc loại triết học, gây cuộc bút chiến trên 6 tháng ở báo Mai.

Sau đó ông tiếp tục viết sách Duy Tâm, Duy Vật rồi dần dần đến những bậc thánh nhân, hiền triết Đông phương, nêu lên

## HUỶNH ÁI TÔNG

tấm gương sáng làm những bài học cho người đời noi theo, trong loại sách Học Làm Người của nhà xuất bản Phạm Văn Tươi Sài Gòn.

Do ảnh hưởng gia đình, ông thâm tín đạo Phật, nên đã viết quyển *Phật học tinh hoa*, cốt trình bày phần tinh yếu của kinh điển Phật giáo.

Năm 1964, Đại Học Vạn Hạnh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập tại Sài Gòn, ông được mời dạy môn Triết Học Đông Phương.

Ông mất năm 1998 tại Sài Gòn, thọ 91 tuổi.

Tác phẩm đã in:

- *Toàn chân* (triết luận 1931)
- *Duy tâm và duy vật* (1935)
- *Thanh dạ Văn chung* (1939)
- *Cổ nhân* (1940)
- *Cái dũng của Thánh nhân* (Phạm Văn Tươi, 1951)
- *Óc sáng suốt* (1952)
- *Thuật tư tưởng* (1953)
- *Thuật xử thế của Người Xưa* (1954)
- *Trang tử tinh hoa* (1956)
- *Lão Tử tinh hoa*
- *Văn minh Tây phương và Đông phương* (1957)
- *Tôi tự học* (1960)
- *Thuật Yêu đương* (1960)
- *Lão Tử Đạo đức Kinh* (1960)
- *Một nghệ thuật sống* (1960)
- *Cái cười của Thánh nhân*
- *Tinh hoa Đạo học Đông phương*
- *Phật học tinh hoa*
- *Nhập môn triết học Đông phương*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- Văn hoá Giáo dục miền NamVN (1970)
- Nam hoa kinh
- Dịch học tinh hoa
- Để trở thành nhà Văn
- Tâm sự người Xưa
- Đạo học Đông phương trong xã hội ngày nay
- Thuật dưỡng sinh của Đông phương Đạo học
- Chu Dịch huyền giải
- Liệt Tử Xung hư chân kinh

Trích văn:

### *Điềm Đạm Là Gì ?*

*Đức Hạnh của con người, dẫu có nhiều thứ bậc nào, cũng không ngoài hai loại: tư đức và công hạnh. Tư đức là những đức tánh ăn chịu về nhân cách riêng của từng cá nhân như: nhẫn nại, can đảm, quả quyết, điềm đạm. Công hạnh là những hạnh tốt của cá nhân đối với người chung quanh, như đối với cha mẹ, anh em, bà con, vợ chồng, bạn bè và hơn nữa, với chủng tộc và nhân loại...*

*Ở đây, tôi xin bàn về cái tư đức đầu tiên mà cũng là cứu cánh của tất cả những tư đức khác, tức là cái tư đức căn bản đưa con người lên tới bậc CHÍ NHÂN: tính ĐIỀM ĐẠM.*

*ĐIỀM ĐẠM là gì?*

*Điềm-đạm tức là cái tính “như như bất động”, thân nhiên bình tĩnh, “không để cho ngoại vật động đến tâm mình”[i]. Người điềm đạm, tức là người đã làm chủ cả Tình dục và Ý chí của mình. Nói một cách khác, người điềm đạm, tức người “tự động” không “bị động” vì những vật không tòng mình nữa.*

## HUYỀN ÁI TÔNG

“... Khổng Tử bị vây ở đất Khuông, không còn phương thế nào thoát ra được, bèn lấy đàn, đàn và ca. Tử Lộ hỏi: “Phu Tử làm sao vui được thế?...” Khổng Tử nói: “Người lại đây ta nói cho mà nghe... Ta đã làm hết sức ta, để tránh cái chuyện này, thế mà không được, đó không phải còn tại ta nữa, mà là tại Trời. Xưa Nghiêu, Thuấn không bị cự cùng như ta ngày nay đâu, chẳng phải do nơi cái tài thận trọng của các ông ấy hơn ta mà được, mà là tại cái Mạng của họ không như của ta. Kiệt, Trụ, không phải tại họ tài ba ít hơn Nghiêu, Thuấn mà họ bị hại chỉ vì cái Mạng của họ không giống như hai người kia. Lặn xuống đáy biển, mà không biết sợ giao long, đó là cái Dững của bọn chài lưới. Vào rừng mà không biết sợ hổ báo, đó là cái Dững của bọn thợ săn. Thấy gươm bén mà không biết sợ, xem tử như sanh, ấy là cái Dững của người liệt sĩ. Biết được chỗ cùng thông là Thời, Mạng và bất cứ là ở vào cảnh nguy hiểm nào cũng không biết sợ, đó là cái DỮNG của Thánh nhân...”

*Cái Dững của Thánh nhân tức là chỗ cùng cực của Điềm Đạm.*

*Tích xưa, - theo thần thoại Phù tang - các vị thần ở trên cõi trời, có một khi cùng tranh nhau quyền bá chủ cả thế gian. Bất kỳ là vị nào, cũng đều cho mình là quyền lực trên hết tất cả Trời Đất. Các vị thần mới nhất định bầu cử một người làm trọng tài trong cuộc thi chọi, coi ai được làm bá chủ. Vị trọng tài này, có trí phán đoán và tính ngay thẳng đặc biệt, cũng là người cao tuổi hơn hết. Trong các vị thần, một vị bước ra nói: - Các ngài hãy xem đây, sẽ thấy rõ sức mạnh phi thường của tôi như thế nào. Tức thời, một ánh sáng chớp lạnh xương, liền theo đó, tiếng sấm nổ vang, làm rung động cả không trung, dường như cả thế gian đều rung rinh sắp đổ... Các vị thần đều tái mặt. Lúc bấy giờ, không còn một ai còn dám nghĩ mình là người bất khả xâm phạm nữa.*

*Vị thần Bão tố, bước ra nói:*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- Sức mạnh của tôi, còn ghê gớm hơn nữa kia. Hãy xem dưới kia, cánh đồng mênh mông lặng lẽ...

Nói vừa dứt lời, bỗng mặt nước biển dâng lên... Ban đầu từ từ... kể đó sóng nổi gió tung... Nước càng dâng, gió càng lớn, sóng càng to... cuộn cuộn âm âm... chỉ thấy còn có một vùng nước mênh mông trắng giã... Những ngọn núi cao, sóng đánh lấn riết, không còn thấy mặt... Sóng càng phút càng cao, gió càng phút càng lớn... hăm he chìm ngập đến cõi trời.

Các vị thần thất sắc, cầu khẩn xin tha... Thần Bão tổ vẫy tay một cái: sóng lặn, gió êm... bấy giờ nước biển lao xao, sóng chạy lăn tăn trên bãi cát.

Các vị thần vừa tỉnh trí hoàn hồn, thì nghe có một giọng lãnh lót cất lên:

“Sức mạnh không phải ở nơi sự phô trương của sức bạo tàn, vì nó chỉ có phá hoại mà không tạo lập. Sức mạnh ở cái thuật khuất phục ấy bằng ý muốn của họ. Người ta cảm vì sự dịu dàng mà chịu khuất phục chứ không phải vì bị khủng khiếp mà chịu khuất phục”.

Dứt lời, vị thần Âm nhạc lấy ống tiêu... thổi lên một hơi, nhẹ nhàng, êm ái như thế nào mà hết thấy các vị thần mê mẩn tâm thần, như ngây dại... Tất cả đều như bị sức âm nhạc lôi cuốn vào giấc ngủ thôi miên.

Nhưng có một vị thần... thái độ huyền bí, dường như thần-nhiên bất-động... Vị này không thấy sấm sét mà choá mắt. Sóng bủa, nước dưng cũng không khiến gương mặt trầm tĩnh của ông thay đổi. Mà tiếng nhạc du dương, thâm trầm huyền ảo kia cũng không cảm động lòng ông chút nào cả.

Vị trọng tài dạy qua hỏi:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Ngài có phải mù, điếc gì không?

- Không. Tôi thấy và tôi nghe.

- Tại sao Ngài không động lòng. Sấm nổ, nước dưng không làm cho quả tim Ngài chao động lên sao? Nhạc thân, tiêu thánh không làm cho tâm hồn Ngài xao xuyến sao?

- Ngài làm! Quả tim tôi cũng đập, tâm hồn tôi cũng xao.

- Nhưng sao gương mặt Ngài, tôi không thấy lộ vẻ lo sợ hay vui sướng gì cả?

- Không. Tôi là “Điềm Đạm”. Tôi là kẻ biết huấn luyện cảm giác tôi, tôi là kẻ đã làm chủ cảm giác tôi rồi. Còn các Ngài, các Ngài chỉ là những người còn làm tôi mọi nó vì chính các Ngài đã không thể chế trị nó. “Có ích gì lo đi chế-trị sự vật quanh mình, trong lúc mà, một tiếng nhạc tiêu tao cũng đủ làm cho cái tay cầm sấm sét kia phải rụng rời như rũ liệt... Còn nói đến uy lực nổi gì, kẻ có tài ảo hoặc người kia, khi thấy nước dưng, nghe sấm nổ, cũng vẫn lao nhao lo sợ như ai...”

Các vị thân, cúi mặt làm thinh.

Vị trọng tài nói tiếp:

- Quyền bá chủ là người này. Sức mạnh thật, nơi tâm hồn điềm tĩnh của người này! “Hơn cả sự điều khiển sự vật, người này đã khéo léo biết điều khiển tình dục của mình.” “Bất kỳ là một thể lực nào, nếu còn một thể lực khác đánh ngã, không còn gọi đặng là sức mạnh nữa. Người này không phô trương những thể lực vô ích như thế, rõ là người có sức mạnh trên hết. Bất kỳ là những ám thị, những dẫn dụ nào, cũng không làm nao núng tâm hồn người này đặng. Trái lại, người này đã thấy hết, và đã khéo lợi dụng cả thấy để làm tôi mọi cho mình. Nếu các anh

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*em tin cậy nơi sự phê phán của tôi, thì tôi xin nói thật: “Vị thần điềm-đạm này là chúa tể chúng ta cả thầy.”*

*Từ ấy đến nay, câu phê phán ấy vẫn không sai giá.*

*Phải, sự Điềm Đạm là chúa tể của chúng ta cả thầy.*

*Đạo hạnh con người đi đến đó, là đã tới chỗ cùng cực của nhân cách con người rồi. Trót một nền học thuật của Lão Trang, không ngoài cái ý đem con người đến cõi “điềm đạm chí cực”. Cái đó sâu xa, cao thượng quá, chưa phải chỗ nói của tôi hôm nay. Tôi đã dành sẵn cho nó một nơi khác. Muốn lên chỗ cao, phải khởi từ chỗ thấp. Muốn được một tinh thần bất úy, điềm đạm như các bậc Thánh nhân, trước hết phải biết nguyên nhân khiến lòng ta hay chao động sợ sệt... Sợ, không phải là một chứng bệnh nan y. Phải có chí, và kiên tâm thì làm gì không đạt được ý nguyện. Sau đây, tôi sẽ bàn đến những phương pháp, từ thấp lên cao, để cho mỗi một người của chúng ta đều được đi đến cái tinh thần đại dũng ấy.*

### (Trích **Cái Dũng Của Thánh Nhân**)

Thu Giang Nguyễn Duy Cần viết rất nhiều sách, những sách của ông thuộc về loại sách học làm người, ông nghiên cứu thâm sâu về học thuật, tư tưởng của thánh nhân Đông Phương, trình bày lại để giúp cho người khác nhận thức được tinh hoa của Tam giáo.

Trong các sách của mình, Thu Giang Nguyễn Duy Cần chú ý đến mục đích đào tạo văn hóa và bản lĩnh ứng xử cho các tầng lớp thanh niên hiếu học. Những tác phẩm như *Cái dũng của thánh nhân*, *Thuật xử thế của người xưa*,... cũng là một cách để ông có thể hướng dẫn cách giữ sự bình tĩnh phi thường cho từng cá nhân tránh bị ảnh hưởng xô đẩy của mọi luồng tư tưởng hỗn loạn. Mẫu người trong *Cái dũng của thánh nhân* là

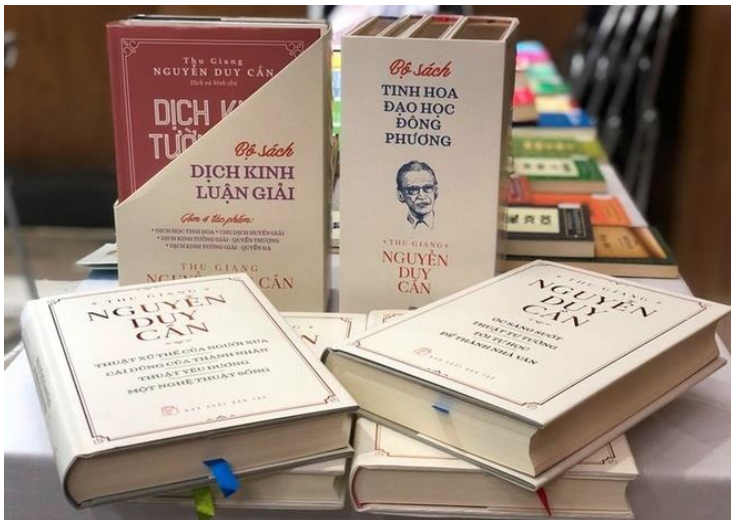
## HUỶNH ÁI TÔNG

một con người điềm đạm nhưng có đủ dũng khí và bản lĩnh đối diện với mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống. Quyển sách này đã gây được tiếng vang lớn trên văn đàn.

Với sự am tường và thâm thấu sâu sắc hệ tư tưởng triết học Đông phương, ông đã đưa vào trong các tác phẩm cách ứng xử khôn ngoan, sự bình tĩnh chuộng phẩm chất hơn chuộng số lượng, luôn lấy cái gốc vững vàng cho mọi công cuộc phát triển của cá nhân và xã hội. Các tác phẩm đào tạo tri thức cho thanh niên được Thu Giang - Nguyễn Duy Cần lần lượt cho ra đời như: *Óc sáng suốt, Tôi tự học, Thuật tư tưởng, Thuật xử thế của người xưa, Tinh hoa Đạo học Đông Phương, Một nghệ Thuật Sống...*Trong các tác phẩm hầu hết được trình bày đan xen các ứng dụng vào cuộc sống của nền Đạo học Phương Đông, ông chủ trương dùng Nhu thắng Cương, dùng trí hơn dùng sức...

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Duy Cần Web: [vi.wikipedia](http://vi.wikipedia)



### 3. Lê Ngọc Trụ



**Lê Ngọc Trụ (1909-1979)**

Ông Lê Ngọc Trụ bút hiệu Ngọc Toàn, sinh ngày 25-3-1909, tại Cây Gõ, Châu thành, tỉnh Chợ Lớn. Thuở nhỏ học trường Phú Lâm (Chợ lớn), sau học trường Sư Phạm Sài Gòn (École Normal – Sau này là Nha Học chánh, Trường Trung Vương). Ông tham dự cuộc bãi khóa ngày 17-5-1929, bỏ thi, nên không có bằng tốt nghiệp.

Từ năm 1932-1945, ông đứng trông nom tiệm vàng Lê Văn Ngữ (cha vợ) ở Chợ Lớn, trong thời gian này ông cũng như nhiều nhà văn khác tự nghiên cứu, học hỏi tiếng Việt và do giao thiệp với Hoa kiều - gốc Quảng Đông – có những điểm dị biệt và tương đồng với cách phát âm tiếng Việt, ông đề tâm suy tư và có những kiến giải mới mẻ trên nền tảng khoa học, để từ đó áp dụng viết đúng chánh tả cho chữ Việt.

Ông viết bài đăng báo Tự do năm 1939, Bàn góp về luật tứ thanh – Báo Đông Dương số 43 năm 1940. Luật tứ thanh và luật hỏi ngã - Tập kỷ yếu Hội khuyến học Nam Kỳ, tháng 1

## HUỶNH ÁI TÔNG

năm 1943...và rất nhiều bài viết đăng trên các nhật báo, tạp chí.

Ông cùng với ông Phạm Văn Luật soạn sách *Nguyễn Cư Trinh và quyển Sài Vãi* do NXB Tân Việt, Sài Gòn ấn hành năm 1951.

Ông cùng với ông Trần Văn Hương giới thiệu chú thích tuồng *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Khắc Đản và tuồng Kim Thạch kỳ duyên của Bùi Hữu Nghĩa.

Từ năm 1946, ông làm Phó thủ thư rồi Chủ sự Phòng sưu tầm của Thư viện Quốc gia, ông có chân trong Hội Khuyến học Nam kỳ, Sau năm 1954, làm Giám đốc Viện khảo cổ Sài Gòn, Quản thủ Thư viện Quốc gia,

Năm 1961, ông được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Năm 1968, ông được phong giáo sư diễn giảng rồi thực thụ, thuộc Viện Đại học Sài Gòn.

Ông nghỉ hưu năm 1977, mất ngày 11-8-1979 tại thành phố Hồ Chí Minh, thọ 70 tuổi.

Tác phẩm đã in:

- *Nguyễn Cư Trinh và quyển Sài Vãi* (Soạn chung với Phạm Văn Luật, Tân Việt, Sài Gòn 1951)
- *Chánh tả Việt ngữ* (Nam Việt, Sài Gòn, 1954)
- *Kim Vân Kiều* (Soạn chung với Trần Văn Hương, Khai Trí, 1962)
- *Kim Thạch kỳ duyên* (Soạn chung với Trần Văn Hương, Khai Trí, 1964)
- *Tâm nguyên tự điển* (NXB TP. HCM, 1993)

Trích văn:

### **Tựa**

“Tiếng Việt, theo thông lệ chung, đã mượn lẫn tiếng của các nước láng giềng (thường viết giềng) có quan hệ về địa dư và lịch sử với ta. Ông Henry Maspéro đã kết luận hợp lí rằng tiếng Việt Nam là kết quả trại lẫn của nhiều thứ tiếng. Nhưng đặc điểm của tiếng Việt là đã mượn tiếng nước ngoài rồi Việt Nam hóa nó đi, biến đổi các tiếng mượn theo âm hưởng Việt Nam. Các học giả Pháp, như Léopold Cadière, Henry Maspéro, E. Souvignet đã đồng ý là tiếng Việt mượn rất nhiều bên tiếng Hán Việt.

Thâu thập tài liệu của các học giả nói trên, cùng với sự khảo cứu của học giả Đào Trọng Đủ, giáo sư Nguyễn Bạt Tụy, chung tôi biên soạn nên quyển tự điển này, lấy tên hiệu là VIỆT NAM NGŨ NGUYÊN TỰ VI, nay được Nhà Xuất Bản sửa lại là TÂM NGUYÊN TỰ ĐIỂN VIỆT NAM (Tiếng Việt gốc Hán Việt là phần chủ yếu).

Quyển tự điển này chia làm ba phần:

Phần thứ nhất, là phần tiếng Việt có âm, nghĩa tương đồng với tiếng các dân tộc láng giềng. Phần này, theo chúng tôi không xác định được tiếng nào mượn của tiếng nào, nên sắp chung về loại “Tương đồng ngôn ngữ” (correspondances lexicologiques).

Phần thứ hai, cũng là phần chủ yếu, gồm những tiếng Việt mượn bên tiếng Hán Việt, hoặc vẫn giữ nguyên âm, thanh với ý nghĩa, hoặc đã biến đổi các tiếng ấy theo luật biến âm biến thanh theo luật của tinh thần tiếng Việt.

Để tiện việc tìm thấy, phần này được chia làm hai chương:

a) Tiếng Hán Việt chuyển qua tiếng Việt.

## HUỲNH ÁI TÔNG

b) Tiếng Việt chuyển gốc Hán Việt.

Phần thứ ba, là phần cần được cập nhật hóa theo nhịp tiến triển của sự giao lưu giữa dân tộc ta và các dân tộc trên thế giới. Nó gồm những tiếng đã được du nhập do dân ta trực tiếp mượn ngay của các dân tộc khác rồi Việt hóa nó đi, uốn sửa nó cho có âm hưởng Việt Nam. [Và sau này chúng tôi ủy khác cho con gái lớn tôi là Lê Kim Ngọc Tuyết, và cháu kêu tôi bằng cậu ruột là Trần Thượng Thủ, lần hồi bổ túc phần này để kịp cập nhật hóa theo đà giao lưu văn hóa với nước ngoài.]

Hoàn thành cuốn sách này, chúng tôi trước hết nhờ sự gợi ý và đôn đốc của anh em trong Hội Khuyến học Nam Kỳ (1944), rồi sau đó nhờ sự khuyến khích, góp ý và chỉ giáo của các văn hữu gần xa, đặc biệt của anh em trong Ủy ban Điển chế Văn tự. Xin quý vị nhận nơi đây sự cảm ơn nồng nhiệt và chân thành của chúng tôi.

Trong quá trình sưu tầm, biên khảo, không làm sao tránh được sự thiếu sót sai lầm, mong quý vị học giả, vì tiền đồ văn hóa nước nhà, vui lòng chỉ giáo cho, chúng tôi muôn vàn ghi ơn.

Mùa Giáng sinh 1974

Lê Ngọc Trụ

Trong những nhà nghiên cứu ngữ học Việt Nam như Nguyễn Hiến Lê, Trương Văn Chính, Nguyễn Bạt Tụy, Bình Nguyên Lộc công trình của Lê Ngọc Trụ được nhiều người biết đến, vì sách của ông cần thiết và hữu dụng.

Tài liệu tham khảo: Huỳnh Ái Tông *Văn Học Miền Nam* Hiên Phật Học USA 2009



#### 4. Nguyễn Hiến Lê



**Nguyễn Hiến Lê (1912-1984)**

Nguyễn Hiến Lê sinh ngày 8 tháng Giêng năm 1912, ở làng Phương Khê, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây nay thuộc huyện Ba Vì Hà Nội.

Xuất thân từ một gia đình nhà Nho, ông học tại trường Yên Phụ. Thân phụ mất sớm, được thân mẫu tiếp tục cho ông ăn học, vào những dịp hè ông được theo học chữ Hán với người Bác ruột, nhờ đó ông có căn bản Hán văn, sau lên học trường Bưởi ở Hà Nội, thi đỗ vào Trường Công Chánh Hà Nội.

Năm 1934, ông tốt nghiệp trường Công chính ngạch Cán sự Địa Chánh, vào Nam đi thực tập trong 2 năm tại các tỉnh miền Tây như Sa Đéc, Long Xuyên, Cần Thơ, Bạc Liêu ... Trong lúc đi đo đạc ông bắt đầu viết nhật ký, để ghi những sự việc mới lạ ở đất miền Nam. Năm 1937, hết 2 năm thực tập, ông làm việc tại Sài Gòn, cưới vợ người Hà Nội là bà Trịnh Thị Tuệ nhưng theo gia đình làm việc ở Bạc Liêu, gia đình ông sống ở Sài Gòn.

Khi Nam Bộ kháng chiến xảy ra năm 1946, ông tản cư về Tân Thạnh thuộc quận Cao Lãnh, sau đó qua Long Xuyên tìm kế sinh nhai, trước tiên ông mở lớp dạy tư ở nhà người quen, sau

## HUỶNH ÁI TÔNG

đó được ông Nguyễn Ngọc Thơ, tỉnh trưởng Long Xuyên, giới thiệu dạy ở Trung Học Thoại Ngọc Hầu, do việc đi dạy học, ông bắt đầu dịch những sách thuộc loại Học Làm Người, giao cho nhà xuất bản Phạm Văn Tươi ấn hành

Sau đó ông thôi dạy học, chuyên tâm viết, dịch sách. Năm 1953, ông chuyển lên Sài Gòn mở nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê đề xuất bản sách của ông và vài thân hữu, tiếp tục dịch sách, sáng tác, biên khảo, viết báo.

Trước 1975, Nguyễn Hiến Lê từ chối đề nghị giải thưởng văn chương toàn quốc, nhiều người đều cho rằng ông rất xứng đáng được giải này, ông luôn là một cây bút có tiếng, viết miệt mài theo một thời khóa biểu nhất định. Sau năm 1975, được mời dự nhiều buổi họp của văn nghệ sĩ, ông cũng có đi dự vài lần, sau lấy lý do bệnh không tham dự được, người ta đề nghị đưa ông vào bệnh viện thống nhất là bệnh viện dành cho cán bộ đảng, ông từ chối vì mình không có công trạng gì, người ta đề nghị trợ cấp cho ông, ông cũng khéo từ chối vì còn tự lo liệu được, có nơi mời viết bài, ông cũng gửi bài viết, có bài bị cắt sửa, có bài chẳng đăng báo, nhờ vậy ông khỏi viết thêm bài.

Có thể cho rằng ông thuộc nhóm Bách Khoa, ông thường cộng tác với Giản Chi biên soạn những sách thuộc về Trung Quốc, với Trương Văn Chính về Văn Phạm Việt Nam, với Thiên Giang về Lịch sử Thế Giới.

Trong đời cầm bút của mình, đến trước khi mất, ông đã xuất bản được hơn một trăm bộ sách, về nhiều lĩnh vực: văn học, ngôn ngữ, triết học, tiểu luận phê bình, giáo dục, kinh tế, chánh trị, gương danh nhân, du kí, dịch tiểu thuyết, học làm người... Tính ra, số bộ sách của ông được xuất bản gần gấp 1,5 lần số tuổi của ông và tính từ năm ông bắt đầu có sách in năm 1949, trung bình mỗi năm ông hoàn thành ba bộ sách với 800 trang bản thảo có giá trị gửi tới người đọc.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Trong một số tác phẩm của mình, Nguyễn Hiến Lê dùng bút danh Lộc Đình. Ông kể: "*gần ngõ Phát Lộc có một cái đình không biết thờ vị thần nào mà kiến trúc rất đơn sơ. Hai cánh cửa gỗ luôn đóng kín, trên mái cổng tam quan có đắp một bầu rượu khá lớn nằm giữa hai con rồng uốn khúc châu đầu vào. Thuở bé, tôi được theo bà ngoại vào đình mấy lần, tôi thấy bên trong là một khoảng sân rộng vắng ngắt. Tuy vậy, mà quang cảnh lạnh lẽo trầm mặc thâm u của ngôi đình bỗng nhiên len sâu trong tâm tư tôi những khi ngồi học trong lớp, hoặc những khi tôi đến chơi nơi nào đông vui là tôi lại chạnh nghĩ đến ngôi đình, nhớ đến bà ngoại tôi. Nhất là sau ngày cha tôi và bà ngoại tôi vĩnh viễn ra đi trong cái ngõ hẹp tối tăm ấy...*" và "*Bút danh Lộc Đình tôi dùng ký dưới một bài văn ngắn từ hồi trẻ... Lộc là ngõ Phát Lộc, còn Đình là cái đình ấy.*"

Năm 1980, ông về lại Long Xuyên. Cùng năm ông bắt đầu viết *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê*, đến tháng 9 năm 1980 thì hoàn thành. Đồng thời ông tách những đoạn nói về văn nghiệp ra riêng, sửa chữa, bổ sung và biên tập lại thành cuốn sách *Đời viết văn của tôi*. Tác phẩm này được sửa chữa xong vào năm 1981, sau đó sửa chữa thêm và hoàn chỉnh vào năm 1983.

*Hồi ký Nguyễn Hiến Lê* được nhà xuất bản Văn Học xuất bản lần đầu tiên năm 1992, sau đó cho xuất bản nhiều lần, nhưng nhà xuất bản tự ý cắt sửa nhiều nơi và bỏ nhiều chương, bởi vì những chương đó phê phán chủ nghĩa Mác sai lầm, phê phán chế độ đương thời, người ta vẫn đánh giá ông là một nhân cách lớn.

Ông lâm bệnh được đưa vào bệnh viện An Bình ở Chợ Lớn điều trị, rồi mất tại đây lúc 8 giờ 50 phút ngày 22 tháng 12 năm 1984, hưởng thọ 73 tuổi. Linh cữu của ông được hỏa thiêu vào ngày 24 tháng 12 năm 1984 tại lò hỏa thiêu Thủ Đức. Tro cốt của ông được đem về chôn trong khuôn viên nhà bà kế thất Nguyễn Thị Liệp. Năm 1998, cô giáo Liệp tạ thế, được an táng

## HUYỀN ÁI TÔNG

trong khuôn viên chùa Phước Ân ở Rạch Cái Bường (thuộc xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp), tro cốt của ông cũng được đặt bên trên phần mộ của bà.



Tác phẩm:

- *Tổ chức công việc theo khoa học* (1949)
- *Đắc nhân tâm* (dịch Dale Carnegie - 1951)
- *Kim chỉ nam của học sinh* (1951)
- *Luyện tình cảm* (dịch F. Thomas – 1951)
- *Để hiểu văn phạm* (1952)
- *Bảy bước đến thành công* (dịch G. Byron - 1952)
- *Tổ chức gia đình* (1953)
- *Thế hệ ngày mai* (1953)
- *Nghệ thuật nói trước công chúng* (1953)
- *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười* (1954)
- *Săn sóc sự học của con em* (1954)
- *Hiệu năng* (1954)

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- *Tự học để thành công* (1954)
- *Đại cương văn học sử Trung Quốc* (3 quyển 1955)
- *Lịch sử thế giới* (viết với Thiên Giang – 1955)
- *Sống 24 giờ một ngày* (dịch Arnold Bennett – 1955)
- *Quảng gánh lo đi và vui sống* (dịch Dale Carnegie – 1955)
- *Giúp chồng thành công* (dịch Dorothy Carnegie – 1956)
- *Nghề viết văn* (1956)
- *Muốn giỏi toán hình học phẳng* (1956)
- *Bí quyết thi đậu* (1956)
- *Đông Kinh Nghĩ Thục* (1956)
- *Rèn nghị lực* (1956)
- *Luyện tinh thần* (dịch Dorothy Carnegie – 1957)
- *Luyện văn I* (1953, *II & III* 1957)
- *Muốn giỏi toán đại số* (1958)
- *Thời mới dạy con theo lối mới* (1958)
- *Gương danh nhân* 1959)
- *Muốn giỏi toán hình học không gian* (1959)
- *Gương hi sinh* (1962)
- *Hương sắc trong vườn văn* (2 quyển – 1962)
- *Tương lai trong tay ta* (1962)
- *Kiếp người* (dịch Somerset Maugham – 1962)
- *Xung đột trong đời sống quốc tế* (1962)
- *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam* (viết với Trương Văn Chình – 1963)
- *Sống đẹp* (1964)
- *Gương kiên nhẫn* (1964)
- *Một niềm tin* (1965)
- *Luyện lý trí* (1965)
- *Đại cương triết học Trung Quốc* (viết chung với Giản Chi – 1965)
- *Cách xử thế của người nay* (dịch Ingram – 1965)
- *Sống đời sống mới* (dịch Powers – 1965)
- *Cổ văn Trung Quốc* (1966)
- *Gương chiến đấu* (1966)

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Tìm hiểu con chúng ta* (1966)
- *Xây dựng hạnh phúc* (dịch Aldous Huxley – 1966)
- *Thắng tiến trên đường đời* (dịch Lurton – 1967)
- *Lời khuyên thanh niên* (1967)
- *Tay trắng làm nên* (1967)
- *Vấn đề xây dựng văn hoá* (1967)
- *Tổ chức công việc làm ăn* (1967)
- *Chiến tranh và hoà bình* (dịch Lev Nikolayevich Tolstoy – 1968)
- *Chiến Quốc sách* (viết chung với Giản Chi -1968)
- *Bí mật dầu lửa* (dịch Gaillard – 1968)
- *Đế Thiên Đế Thích* (1968)
- *Bài học Israel* (1968)
- *40 gương thành công* (1968)
- *Thư ngỏ tuổi đôi mươi* (dịch André Maurois – 1968)
- *Sống 365 ngày một năm* (1968)
- *Những cuộc đời ngoại hạng* (1969)
- *Bán đảo Ả Rập* (1969)
- *Khóc lên đi ôi quê hương yêu dấu* (dịch Alan Paton – 1969)
- *Mưa* (tuyển dịch nhiều tác giả – 1969)
- *Trút nỗi sợ đi* (dịch Coleman – 1969)
- *Con đường lập thân* (dịch Ennever – 1969)
- *Sử ký Tư Mã Thiên* (viết chung với Giản Chi – 1970)
- *Làm con nên nhớ* (viết với Đông Hồ – 1970)
- *Tô Đông Pha* (1970)
- *Nhân sinh quan và thơ văn Trung Hoa* (dịch – 1970)
- *Quê hương tan rã* (dịch C. Acheba – 1970)
- *Một lương tâm nổi loạn* (1970)
- *15 gương phụ nữ* (1970)
- *Hoa đào năm trước* (1970)
- *Thư gửi người đàn bà không quen* (dịch André Maurois – 1970)
- *Einstein* (1971)
- *Con đường hoà bình* (1971)

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

- *Lợi mỗi ngày một giờ* (1971)
- *Lịch sử văn minh Ấn Độ* (dịch Will Durant – 1971)
- *Thế giới ngày mai và tương lai nhân loại* (1971)
- *33 câu chuyện với các bà mẹ* (1971)
- *Chấp nhận cuộc đời* (dịch L. Rinser – 1971)
- *Ý chí sắt đá* (1971)
- *Chinh phục hạnh phúc* (dịch Bertrand Russell – 1971)
- *Sống theo sở thích* (dịch Steinckrohn – 1971)
- *Giữ tình yêu của chồng* (dịch Kaufmann – 1971)
- *Nhà giáo họ Khổng* (Cảo Thơm - 1972)
- *Liệt tử và Dương tử* (Lá Bối - 1973)
- *Cầu sông Drina* (dịch I. Andritch – 1972)
- *Bài học lịch sử* (dịch Will Durant – 1972)
- *Ý cao tình đẹp* (1972)
- *Thế giới bí mật của trẻ em* (1972)
- *Bertrand Russell* (1972)
- *Cháu bà nội tội bà ngoại* (1974)
- *Những vấn đề của thời đại* (1974)
- *Nguồn gốc văn minh* (dịch Will Durant – 1974)
- *Văn minh Á Rập* (dịch Will Durant – 1975)
- *10 câu chuyện văn chương* (1975)
- *Mạnh Tử* (1975)
- *Sử Trung Quốc* (3 tập - 1982)
- *Con đường thiên lý* (1990)
- *Tôi tập viết tiếng Việt* (1990)
- *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê* (1992, 1993, 1994, 1997, 2001, 2006)
- *Khổng Tử* (viết xong 1978 - Xuất bản 1992)
- *Đời nghệ sĩ* (1993)
- *Lão Tử* (dịch trọn Đạo đức kinh, viết xong 1977 - Xuất bản 1994)
- *Trang Tử* (viết xong 1975 - Xuất bản 1994)
- *Hàn Phi Tử* (viết chung với Giản Chi, 1975 - Xuất bản 1994)
- *Tuân Tử* (viết xong 1975 - Xuất bản 1994)

## HUỖNH ÁI TÔNG

- *Mặc học* (dịch một phần bộ Mặc Tử, viết xong 1976 - Xuất bản 1995)
- *Luận ngữ* (Dịch trọn bộ và chú thích, viết xong 1978 Xuất bản 1995)
- *Đời viết văn của tôi* (1996)
- *Lịch sử văn minh Trung Quốc* (dịch Will Durant – 1997)
- *Gogol* (2000)
- *Tourgueniev* (2000)
- *Tchekhov* (2000)
- *Để tôi đọc lại* (2001)
- *Những quần đảo thần tiên* (dịch Somerset Maugham - 2002)
- *Kinh Dịch, đạo của người quân tử* (viết xong 1979 - Xuất bản 1992, ...,2002...)

Các bài đăng trên tạp chí:

242 bài trên tạp chí *Bách Khoa*, 50 bài trên các tạp chí *Mai*, *Tin Văn*, *Văn*, *Giáo Dục Phổ Thông*, *Giữ Thơm Quê Mẹ*. Ngoài ra ông còn viết lời giới thiệu cho 23 quyển sách.

Trích văn:

### **Viết về văn học Trung Quốc**

Công trình mệt cho tôi nhất – mệt mà thú – hồi tản cư ở Long Xuyên nhất là viết bộ *Đại cương văn học sử Trung Quốc* gồm ba cuốn: I. Từ thượng cổ đến đời Tuỳ; II. Đời Đường; III. Từ Ngũ đại đến hiện đại.

Viết bộ đó chủ ý của tôi cũng là để *tự học*. Trong bài Tựa - mà tôi lấy làm đặc ý - tôi nói hồi ở trường Bưởi tôi đã tò mò muốn biết về văn học Trung Quốc. Nên cố học Trung Quốc như có sức gì huyền bí thu hút tôi, một thanh niên theo Tây học. Mỗi lần nghe đúng tên như *Văn tâm điều long*, *Chiêu Minh văn*



*tuyển, Tiền Xích Bích phú, Qui khứ lai từ...* dù chẳng hiểu nghĩa, tôi cũng thấy trong lòng vang lên một điệu trầm trầm, như nhớ nhung cái gì. Phải chăng đó là tiếng vang những giọng ngâm nga của tổ tiên tôi còn văng vẳng trong lòng tôi?

Muốn tìm hiểu văn học Trung Quốc mà sách báo Việt chỉ làm cho tôi thất vọng. Cuốn *Việt Hán văn khảo* của Phan Kế Bính sơ lược quá; còn đọc những bài dịch Cổ văn, thơ Đường đăng lác đác trên tạp chí *Nam Phong* và một số báo khác thì không khác gì coi mây bông sói, bông hồng, bông ngâu, bông móng rồng mà mây chị bán hoa ở phố Hàng Đường (Hà Nội) gói trong chiếc lá chuối, chứa trong cái thúng để bán cho các bà nội trợ mua về cúng rằm, làm sao biết được vườn làng Ngọc Hà, làng Yên Phụ ra sao.

Tôi chỉ còn cách học chữ Hán để đọc sách của người Trung Hoa viết. Khi đã có một số vốn độ 3.000 chữ, đủ để mò trong các tự điển Trung Quốc, tôi kiếm mua mấy bộ *Cổ văn, Đường thi, Văn học sử, Bạch thoại văn học sử, Trung Quốc văn học tư trào sử lược...* như tôi đã nói (chương XIII), rồi mò mẫm lần. Thật khó nhọc vô cùng! Đọc một bài trong *Cổ văn quan chỉ* dài độ hai mươi hàng, tôi thường mất cả buổi mà chỉ hiểu lờ mờ. Bộ ấy chú thích rõ ràng, và có dịch cổ văn ra bạch thoại; nhưng cổ văn và bạch thoại của tôi đều ở mức sơ đẳng, phải dùng cổ văn để đoán bạch thoại và ngược lại dùng bạch thoại để đoán cổ văn.

Còn những cuốn Văn học sử thì tuyệt nhiên không có chú thích, nhiều chỗ tôi phải viết thư hỏi bác tôi, nhưng không dám hỏi nhiều vì mất công bác viết thư trả lời. Đành đọc nhiều sách, nhiều lần rồi vỡ nghĩa dần.

Học tới đâu tôi tóm tắt, ghi tới đây, so sánh các sách, sắp đặt rồi chép trong những tập vở 100 trang. Sau cùng dịch một số bài văn thơ, viết thành chương. Nội công việc dịch và viết này

## HUỶNH ÁI TÔNG

cũng mất chín, mười tháng. Các bài cổ văn thì tôi dịch lấy, thơ tôi dịch được một số, bác tôi dịch cho một số lớn. Bài thơ nào không đề tên người dịch là của tôi, đề “Vô danh dịch” là của bác tôi. Hai bác cháu đều chú trọng nhất tới đức “tín”, nghĩa là dịch sao cho đúng, cho sát, không dám sửa lời, thêm ý. Chúng tôi biết nhiều bài người trước đã dịch rồi mà hay, nhưng vì ở Long Xuyên thiếu sách, tôi không thể kiểm được, nên không dẫn vô.

Tôi viết như vậy cốt để học, chứ không nghĩ đến việc in. Viết xong, thấy có thể giúp cho các bạn hiếu học có một khái niệm về văn học Trung Quốc nên mới sửa lại rồi cho xuất bản. Sự nhận định của tôi chắc không sai nhiều vì tôi đã tham khảo kỹ, bằng những phương tiện tôi có; bố cục có mạch lạc và sáng sủa; nhưng tôi nhận rằng còn những lỗi dịch sai, nhất là phiên âm sai, mặc dầu vậy tôi cũng cứ cho ra mắt độc giả. Sở dĩ “tôi cả gan như vậy là vì tin lòng quảng đại của các vị cựu học, không nỡ trách kẻ hậu tiến học thức nông cạn mà sẵn lòng hạ cố chỉ bảo cho những chỗ sai lầm, hầu giúp bọn tân học chúng tôi hiểu thêm cái cổ học của các cụ, tức là cái nền tảng văn hóa dân tộc Việt Nam chúng ta” (trích trong bài Tựa).

Văn học Trung Quốc ảnh hưởng rất lớn đến văn học Việt Nam mà các cụ quá khiêm tốn không chịu viết thì bọn xâm như tôi đành phải mò kim vậy.

Viết xong tôi chép lại, khoảng 750 trang, mất ba tháng nữa (vì có nhiều chữ Hán và bài nào cũng có phần phiên âm).

Ngày 20 tháng mạp đông năm Quý Tị (26-XI-1953), mọi công việc hoàn thành, tôi thấy khoan khoái. Tôi thảo bài Tựa, cuối bài ghi cảnh trăng khuya trong vườn hoa ở phòng viết trông ra:

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

“Trăng mới ló dạng. Cảnh vật đang tối tăm, bí mật bỗng hoá ra êm đềm nên thơ. Nhà liễu đã lấp lánh bên dòng nước. Giò huệ rung rinh tỏa hương dưới bóng dừa. Đêm nay tôi muốn thả hồn tìm thi nhân cùng danh sĩ Trung Hoa thời trước.

“Hồi hương hồn chư vị áy! Tôi mang ơn chư vị rất nhiều, gần bằng mang ơn văn nhân nước tôi; vì từ hồi mới sanh, tôi đã được nghe lời ngâm Chinh phụ, Thúy Kiều xen lẫn với lời bình văn thơ của chư vị và ngay trong văn học nước tôi cũng thường thấy ảnh hiện nổi của lòng chư vị. Tâm hồn tôi ngày nay một phần cũng do chư vị đào luyện nên.

“Viết cuốn này tôi muốn có cơ hội gần chư vị thêm một chút. Tác phẩm của chư vị quá nhiều, tôi không đọc hết, nên ngoài cái lỗi giới thiệu vụng về, tất còn mang thêm cái tội vô tình xuyên tạc. Xin chư vị lượng thứ”.

Mới có 27 năm mà cảnh tôi tả trong đoạn đó nay đã thay đổi hẳn: dòng kinh đã lấp, góc liễu đã không còn, nhưng thêm được hai cây hoàng lan, chiều tối hương thơm ngào ngạt cả một xóm.

Bác tôi mừng tôi hoàn thành tác phẩm, cho tôi hai bài thất ngôn tứ tuyệt:

紅業門前鬥艷香  
滿盤詩史費平章  
金風鐵馬閒中過  
一匣青山自主張

Hồng tử môn tiền đấu diễm hương,  
Mãn bàn thi sử phí bình chương.  
Kim phong thiết mã nhàn trung quá,  
Nhất hạp thanh sơn tự chủ trương.

你自編之我閱之  
一家樂事在相知  
何須更向東西問  
繼往開來更屬誰

*Nễ tự biên chi ngã duyệt chi  
Nhất gia lạc sự tại tương tri.  
Hà tu cánh hướng đông tây vấn,  
Kế vãng khai lai cánh thuộc thùy?*

Dịch nghĩa:

(1)

*Trước cửa, các hoa đỏ, tía tranh nhau phô hương sắc,  
Trên bàn đầy thi sử, khó khọc phê bình.  
Gặp lúc nhàn trong thời buổi bình đao,  
Có chủ trương lưu lại một hộp sách trong núi xanh (lưu tác phẩm cho đời sau)*

(2)

*Cháu cứ viết đi, bác duyệt cho,  
Cái vui trong gia đình ở chỗ bác cháu hiểu nhau.  
Cần chi phải hỏi người bên đông bên tây,  
Việc kế vãng khai lai còn tùy thuộc vào ai nữa.*

Bác tôi còn cho tôi hai câu đối:

古色古香文自古  
新心新筆世方新

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Cổ sắc cổ hương văn tự cổ  
Tân tâm tân bút thể phương tân.*

一 門 文 獻 堪 徵 史  
兩 國 兵 焚 不 滅 書

*Nhất môn văn hiến kham trung sử  
Lưỡng quốc binh phân bất diệt thư*

Dịch nghĩa:

(1)

*Sắc cổ, hương cổ, văn thời cổ  
Lòng mới, bút mới, đời vừa mới*

(2)

*Một nhà văn hiến có thể ghi vào sử  
Lửa binh hai nước không diệt được sách*

Bộ Đại cương văn học sử Trung Quốc, ông P. Văn Tươi nhận là có giá trị nhưng không chịu xuất bản vì in rất tốn (phải sắp chữ Hán) mà khó bán. Năm 1955 tôi lại phải bỏ vốn ra in, 1956 mới xong [17]. Chỉ in 1.500 bản, tốn 75.000đ (mỗi cuốn 25.000đ). Giá vàng hồi đó vào khoảng 4.000đ - 5.000đ một lượng. Bán một năm được khoảng 500-600 bộ, đủ vốn; số còn lại bán bảy tám năm sau mới hết. Vậy, làm cái nghề viết văn cũng cần có vốn kha khá thì mới giữ được chí hướng, làm được những việc mình thích, mà chẳng phải tùy thuộc ai. Nếu tôi không có xuất bản lấy thì 10-15 năm sau chưa chắc đã có nhà chịu in cho, lòng ham viết tất phải nguội dần mà sẽ không viết thêm được cuốn nào về cổ học Trung Hoa nữa.

## HUỶNH ÁI TÔNG

In xong tôi mang về Long Xuyên ngay để bác Ba tôi coi. Tôi buồn rằng cha mẹ tôi và bác Hai tôi không còn. Tôi đã không phụ công của ba người thân đó. Trang đầu sách tôi đề:

### KÍNH DÂNG

*Hương hồn Thân mẫu tôi, Người đã cho tôi học thêm chữ Hán ở giữa thời tàn tạ của Nho học.*

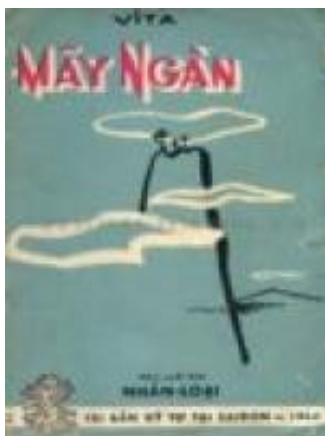
Bộ đó năm 1964 nhà Khai Trí tái bản; in 2.000 bản, được viện Đại học Huế khuyến sinh viên đọc; nhưng năm 1974 bán vẫn chưa hết. Lần tái bản này tôi chỉ sửa được một phần lỗi trên bản flan (bản để đổ chì) thôi, vì sắp chữ lại thì tốn công lắm.

*Nguyễn Hiến Lê xứng danh là một học giả uyên thâm, ông viết, dịch rất nhiều loại sách, từ học làm người đến lịch sử, kinh tế, chánh trị, ngữ pháp, nhất là văn, triết học Trung Quốc, sách của ông viết rất có giá trị vì ông chịu khó học hỏi tìm tòi đến tận cội nguồn, hơn nữa ông làm việc có phương pháp và khảo cứu nghiêm túc vấn đề. Đáng là tấm gương sáng cho người sau noi theo.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Hiến Lê Web: [vi.wikipedia](http://vi.wikipedia)
- *Viết về văn học Trung Quốc* Web: [viteuu.blogspot.com](http://viteuu.blogspot.com)

## 5. Vita



### Vita - Lê Văn Vị (1910 - 1956)

Nhà văn Vita tên thật là Lê Văn Vị, bút danh Vita là ông ghép tên của ông và vợ là Hà Thị Tâm, ông sinh ngày 22 tháng 5 năm 1910 tại làng Tân Kim (Cần Giuộc), nay thuộc tỉnh Long An.

Lúc còn trẻ, ông học xong trung học ở Sài Gòn, rồi lên gia đình du học bên Pháp. Ông đã sống gian khổ vừa làm vừa học, ông lấy bằng cử nhân Toán, rồi về nước năm 1933. Ông đã dạy học tại các trường trung học tư thục Huỳnh Khương Ninh, Lê Bá Cang, Vương Gia Càn, Les Lauriers, Tiên Long, Tân Dân, Nguyễn Văn Khuê, Huỳnh Thị Ngà...

Ông từng làm gia sư dạy môn Toán cho bà Tùng Long, nhờ vậy trong một năm bà Tùng Long đậu 3 bằng: Thành Chung, Brevet Élémentaire và Brevet D'Enseignement Supérieur, năm trước bà thi rớt vì học Toán kém.

Song song với nghề dạy học, ông còn viết văn, viết báo và viết sách giáo khoa. Ông cộng tác với một số báo như: Đuốc Nhà Nam, Sài Thành, Asie Nouvelle, Presse indochinoise...

## HUỲNH ÁI TÔNG

Ông mất ngày 30 tháng 6 năm 1956 vì bệnh, hưởng thọ 46 tuổi.

Tác phẩm đã in:

Tiểu thuyết:

- *Mây Ngàn* (1936)
- *Nhớ Thương* (1940)
- *Tiếng Tơ Lòng* (thơ – 1940)
- *Duyên Phù Sinh* (1942)
- *Suối Tình* (1946)
- *Những Cái Bóng* (1948)
- *Gió Mưa Xuân* (1959)
- *Vang Bóng Thời Xuân* (1961)
- *Loạn Ly* (1962)
- *Nghĩa và Trinh*

Sách giáo khoa:

- *Nghị luận luân lý* (1953)
- *Mỹ từ pháp* (trong đó có phần phiên dịch, 1956)

Dịch thuật:

- Việt ngữ dịch sang Pháp ngữ : *Tiếng Thu* của Lưu Trọng Lư, *Ông Đồ* của Vũ Đình Liên
- Pháp ngữ dịch sang Việt ngữ: *Le Lac* của Lamartine

Lamartine (1790-1869) là một trong những nhà thơ khởi xướng phong trào phái lãng mạn trong văn học Pháp vào thế kỷ XIX.



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Bài thơ “Le Lac” được nhiều người ưa thích trong số các vần thơ của Lamartine.

Trong “Le Lac”, Lamartine trở lại chốn xưa, nơi đánh dấu cuộc tình với người tình Julie Charles (Elvire) nay đã mất.

Nhà văn VITA dịch ra Việt ngữ:

### Cái hồ

*Cứ đẩy mãi xuôi vào bến mới  
Trong đêm trường đưa tới chẳng về  
Thời-gian, bể cả rộng ghê  
Nhân-sinh chiếc bách, bến mê không ngừng?*

*Này hồ hỡi ! Năm dài vừa mãi,  
Bên sóng yêu nàng hẳn đến nhìn,  
Xem ! Ta trên đá một mình,  
Mà người đã thấy bạn tình khi xưa.*

*Rền-rĩ thê dưới gầm động thạch,  
Sóng bủa sườn, người rách tả-toi,  
Gió tung bọt sóng toi-bời,  
Gót son trắng điem, tuyết-vời yêu-đương.*

*Một chiều nọ, trên gương hồ phẳng,  
Còn nhớ chẳng? thuyền lẳng lặng trôi,  
Xa xa, mặt nước, bầu trời,  
Chỉ nghe rơi mái chèo...rơi nhịp nhàng.*

*Thình lình cất tiếng nhân-gian lạ,  
Bến say mê, lay cả vang-âm  
Lẳng nghe sóng bạc âm-thầm,  
Tiếng ai yêu-dấu, bỗng, trầm hữu-duyên :*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Hãy dừng lại, giờ hên, phút tốt,  
Khoan trôi đi ! đừng cất cánh bay !  
Để ta tận hưởng vui say  
Chóng qua của những chuỗi ngày xuân tươi !*

*Biết bao kẻ chơi-vơi bề khổ,  
Câu thời gian giúp họ qua mau  
Nghịch trần với khổ lo âu :  
Riêng ai hạnh-phúc xin cầu người quên.*

*Nhưng khẩn-khoản gia thêm ít khắc,  
Thời-gian đành thoãn-thoắt lướt bay,  
Cầu xin chậm bớt đêm nay,  
Rồi vừng đông sẽ xóa ngay đêm tàn.*

*Hãy yêu, yêu mãi, yêu vô-lượng,  
Mau vui say giờ cuộn cuộn sang :  
Giờ qua đời cũng chóng tàn  
Kiếp trần không bến, thời-gian không bờ !*

*Ganh chi bấy thời gian, những lúc,  
Thú yêu-đương hạnh phúc tràn tuôn,  
Bay đi vun-vút biệt luôn,  
Cũng đồng như lúc đau, buồn, thế chẳng ?*

*Ít ra cũng lưu chi dấu vết  
Kìa ! qua luôn, kìa ! mất hết sao ?  
Đã ban hạnh-phúc dồi-dào,  
Rồi nay lại xóa chẳng bao thuở hồi ?*

*Hồi trường-cửu, hư-vô, dĩ-vãng,  
Mịt-mù xa vô-hạn, vực sâu !  
Ngày vui ngây-ngất chôn sao,  
Thời-gian cướp đoạt có hầu trả chẳng ?*

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Hỡi hồ đá, hang sâu, rừng tối,  
Được thời-gian thấm gội trẻ xinh  
Ít ra kỷ-niệm đêm tình,  
Lưu dùm, tạ-vật đượm nghìn sắc-hương !*

*Dầu bảo táp hay con yên-tĩnh,  
Và đôi con trong cánh sơn-sơ,  
Trong rừng thông bóng âm-u,  
Hay trong khóm đá hoang-vu soi hình.*

*Dầu trong gió rùn mình nhẹ lướt,  
Trong sóng đưa vỹ nước bên hồ,  
Hay trong trăng bạc nhấp-nhô,  
Lông soi ngán nước, ánh mơ dịu-dàng.*

*Gió hiu hắt, sậy lau than vãn,  
Hương thoảng xông quanh quần từng không !  
Bao nhiêu cảnh vật cảm-thông,  
Xin đồng nhắc-nhớ « Tình chung nơi hồ »*

VITA dịch (Trầm-tu-lục)

Nguyên tác Le Lac của Lamartine

*O lac ! l'année à peine a finis a carrière,  
Et près des flots chéris qu'elle devait revoir  
Regarde ! Je viens seul m'asseoir sur cette pierre  
Où tu la vis s'asseoir !*

*Tu mugissais ainsi sous ces roches profondes  
Ainsi tu te brisais sur leurs flancs déchirés,  
Ainsi le vent jetait l'écume de tes ondes  
Sur ses pieds adorés.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Un soir, t'en souvient-il ? nous voguions en silence,  
On n'entendait au loin, sur l'onde et sous les cieux  
Que le bruit des rameurs qui frappaient en cadence  
Tes flots harmonieux.*

*Tout à coup des accents inconnus à la terre  
Du rivage charmé frappèrent les échos,  
Le flot fut attentif, et la voix qui m'est chère  
Laissa tomber ces mots :*

*O temps, suspends ton vol ! et vous, heures propices  
Suspendez votre cours !  
Laissez-nous savourer les rapides délices  
Des plus beaux de nos jours !*

*Assez de malheureux ici-bas vous implorent :  
Coulez, coulez pour eux :  
Prenez avec leurs jours les soins qui les dévorent  
Oubliez les heureux !*

*Mais je demande en vain quelques moments encore,  
Le temps m'échappe et fuit.  
Je dis à cette nuit : « Sois plus lente », et l'aurore  
Va dissiper la nuit.*

*Aimons donc, aimons donc, de l'heure fugitive,  
Hâtons-nous, jouissons !  
L'homme n'a point de port le temps n'a point de rive  
Il coule et nous passons !*

*Temps jaloux ! se peut-il que ces moments d'ivresse  
Où l'amour à longs flots nous verse le bonheur,  
S'envolent loin de nous de la même vitesse  
Que les jours de malheur ?*

BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Hé quoi ! n'en pourrions-nous fixer au moins la trace  
Quoi ! passés pour jamais ? quoi ! tout entier perdus ?  
Ce temps qui les donna, ce temps qui les efface,  
Ne nous les rendra plus ?*

*Éternité, néant, passé, sombres abîmes !  
Que faites-vous des jours que vous engloutissez ?  
Parlez : nous rendrez -vous ces extases sublimes  
Que vous nous ravissez ?*

*O lac ! rochers muets, grottes, forêt obscure !  
Vous que le temps épargne ou qu'il peut rajeunir,  
Gardez de cette nuit, gardez, belle nature,  
Au moins le souvenir !*

*Qu'il soit dans ton repos, qu'il soit dans tes orages,  
Beau lac, et dans l'aspect de tes rians coteaux,  
Et dans ces noirs sapins, et dans ces rocs sauvages  
Qui pendent sur tes eaux !*

*Qu'il soit dans le zéphyr qui frémit et qui passe,  
Dans les bruits de tes bords par tes bords répétés,  
Dans l'astre au front d'argent qui blanchit ta surface  
De ses molles clartés !*

*Que le vent qui gémit, le Roseau qui soupire,  
Que les parfums légers de ton air embaumé,  
Que tout ce qu'on entend, l'on voit ou l'on respire,  
Tout dise : « Ils ont aimé ! »*

Lamartine (Méditations poétiques)

Quyên tiêu thuyêt *Mây ngàn*, tác phẩm đầu tay đã làm nên sự nghiệp văn chương của nhà văn. Nhân vật chính của tập truyện là Quyên và Thu, hai du học sinh trên đất Pháp, lỏng trong

## HUỶNH ÁI TÔNG

bối cảnh hiện thực cuộc sống gian nan vất vả của du học sinh các nước và nhân dân lao động nghèo khổ trên đất Pháp vào cuối nửa trước thế kỷ 20. Họ đến Pháp để theo học ngành Luật và Văn chương, mong đem kiến thức giúp đời nhưng khó khăn vật chất bủa vây làm cuộc sống quá cơ cực khiến Nguyên bỏ mình nơi đất khách, Thu trở về gia đình với đôi bàn tay trắng.

Trong Mây ngàn, với ngòi bút của Vita, cảnh vật chỉ là một tráng thái của tâm hồn, để tô đậm tâm lý nhân vật, ông viết: “Lá cây không ngừng hoạt động. Gợn nhẹ ánh trăng vàng, dòng nước lờ lờ chảy. Cả hai bên bờ sông như đăm đuối say mê. Tâm cảm thấy tơ lòng rung động... Thản nhiên, Thu thấy hiện ra trước mắt một tốp ăn mày, rách rưới ần thỉu kêu cơm rả rích ngày rằm. Trong lúc ấy, có cảnh một đám người quần áo lòa lẹt, cười cười nói nói, xúm xít ngồi xung quanh chiếc mâm đồng dầy đầy món ngon vật lạ...”.

Phi Vân tác giả *Đề* quê viết về Vita như sau:

*“Bằng một lối văn gọn ghẽ, nhẹ nhàng, ông Vita diễn đạt được hết cả tư tưởng của ông rất bao quát, minh mông, trong sạch. Mỗi vật của ông đều có một linh hồn “sống” Ái tình của ông tràn ngập hương thơm của tiết nghĩa, của thủy chung”.*

(báo Bút Mới - Sài Gòn)

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Q. Thắng *Từ Điển Tác Gia Văn Hóa Việt Nam*, Văn Hóa, Hà Nội, 1999
- Bà Tùng Long *Hồi ký* Web: [namkyluctinh.org](http://namkyluctinh.org)
- Vita Web: [sachxua.net](http://sachxua.net)

## 6. Trần Tấn Quốc



**Thanh Tâm - Trần Tấn Quốc (1914-1987)**

Nói đến nhà báo Nam Đình, Nam Quốc Cang, không thể không nhắc đến nhà báo Trần Tấn Quốc.

Trần Tấn Quốc, tên thật là Trần Chí Thành, sinh ngày 25-9-1914 (Giáp Dần), tại làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc, nay là xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là ông Trần Tấn Hưng (1884 - 1960) - Đông y sĩ khá nổi tiếng tại Cao Lãnh. Thân mẫu là bà Lê Thị Lư (1884 - 1975).

Thuở nhỏ, ngoài việc học ở nhà trường ông còn học thêm chữ Nho với thân phụ và với ông Trà Giang thôn lão (thân phụ của ông tòa Phan Văn Thiết).

Năm 1930, Trần Chí Thành đậu bằng Sơ học (Certificat d'Etudes primaires sau đổi tên là Văn bằng Tiểu Học), lúc đó mới 16 tuổi. Hai người mà ông ngưỡng mộ và thán phục thời bấy giờ là ông Nguyễn An Ninh và ông Diệp Văn Kỳ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ảnh hưởng tuyên truyền giáo dục của người cậu là Lê Ngọc Ẩn và vợ là Trần Thị Nhượng, Trần Chí Thành tham gia rải truyền đơn, biểu tình ngày 03-5-1930 tại Cao Lãnh. Sau đó, Trần Chí Thành bị nhà cầm quyền bắt với tội danh “*Hoạt động phá hoại chống nhà nước*”, tòa Vĩnh Long kêu án 5 năm tù, đày Côn Đảo (vào đầu năm 1931).

Tháng 10-1934, ông ra tù (sớm hơn 1 năm). Nhân đi xem lễ kỷ niệm Độc lập của Pháp tại chợ Cao Lãnh, ông viết bài *Cảm nghĩ khi xem lễ 14 Juillet tại Cao Lãnh*, ký tên CT, gửi đăng trên một nhật báo ở Sài Gòn năm 1935, phê phán nhà cầm quyền bày ra những trò chơi làm mất phẩm giá con người, bài báo làm xôn xao dư luận. Vì bài báo ấy khiến cho nhà cầm quyền đương thời theo dõi hành vi của ông, nó là động cơ thúc đẩy ông bỏ Cao Lãnh lên Sài Gòn để lập thân, Tháng 6 năm 1936, ông gửi một bài phóng sự đến nhật báo Việt Nam, báo này nhận thấy ông có triển vọng, nên đã thuê nhận vào làm phóng viên được hưởng lương tháng. Ông gia nhập làng báo từ đó.

Từ năm 1936 - 1975, Trần Tấn Quốc đã nếm trải đủ cung bậc của nghề làm báo suốt 40 năm, qua 7 chế độ chính trị khác nhau.

Ông cộng tác với nhiều tờ báo ở Sài Gòn, từng biên tập và làm chủ bút các tờ: *Điện tín* (1940 - 1945), *Tin Điện*, *Tin Mới*, *Dư Luận*, *Việt Thanh* (1946 - 1947), *Đuốc Nhà Nam* (1968 - 1972). Ông đã sử dụng 12 bút hiệu: Chí Thành, Trần Chí Thành, Trần Tấn Quốc, Cao Trần Lãnh, Thanh Tâm, Trần Tích Lương, Trần Tử Văn, Thanh Huyền, Anh Thành, Chàng Ba, Nghệ Sĩ Mù, Cô Hạnh. Bên cạnh, ông còn đóng góp tích cực cho bộ môn sân khấu cải lương. Đó là sáng kiến mở ra trang “kịch trường” đầu tiên trên tờ báo *Tiếng đội* (năm 1950) và đặc biệt là năm 1958 đặt ra giải “*Thanh Tâm*”, nhằm khuyến khích các nghệ sĩ trẻ “nhiều triển vọng” của ngành sân khấu “*với cao*



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*vọng xây dựng một thể hệ nghệ sĩ cải lương tài và đức đi đôi, hầu xóa bỏ ít nhiều thành kiến đối với nghề hát xir ta...”*

Nghệ sĩ được giải “huy chương vàng” là những tài danh sân khấu, nhờ có giải Thanh Tâm nên tên tuổi của họ được sáng chói hơn, ngành cải lương một thời vàng son, do sự kiện Tết Mậu Thân từ đó giải Thanh Tâm không còn, sân khấu cải lương cũng bắt đầu đi xuống từ đó.



Những nghệ sĩ được Huy chương vàng Triển vọng hay Xuất sắc gồm có: Thanh Nga (1958), Lan Chi - Hùng Minh (1959), Ngọc Giàu - Bích Sơn (1960), Thanh Thanh Hoa (1961), Ánh Hồng - Ngọc Hương (1962), Diệp Lang - Tấn Tài - Thanh Tú - Bạch Tuyết - Kim Loan - Trương Ánh Loan (1963), Lê Thủy -

## HUỶNH ÁI TÔNG

Thanh Sang (1964), Bo Bo Hoàng – Thanh Nguyệt (1965),  
Phương Quang - Phương Liên (1966), Phương Bình - Bảo  
Quốc - Mỹ Châu - Ngọc Bích (1967)

Ông giao du, quen biết rộng rãi, từ các bậc ký giả lão thành  
như: Nguyễn Phan Long, Đào Trinh Nhất, Nam Đình (Nguyễn  
Thế Phương)... đến các nghệ sĩ tài danh như; Bảy Nhiêu, Năm  
Phỉ, Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Năm Nở, Tư Chơi, Bảy  
Nam, Từ Anh, tư Út ...

Tháng 6 năm 1975, Trần Tấn Quốc thu xếp gia đình tại Sài Gòn  
và đến cuối năm ông về ở hẳn quê nhà (xã Mỹ Trà, thành phố  
Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

Ông qua đời vào lúc 2 giờ khuya, ngày 28-7-1987, hưởng thọ  
73 tuổi, sau một cơn đau tim và khó thở.

Các tác phẩm của ông:

- *Sài Gòn Septembre 1945*
- *Nam Bộ kháng chiến*
- *Cô gái Côn Đảo*
- *Kỷ niệm làm báo 1936 - 1975.*

Cuộc đời và sự nghiệp của Trần Tấn Quốc đã được cố soạn giả  
Viễn Châu đúc kết qua 2 câu đối gởi tặng ông vào năm 1977:

- *Công nhân, Tiếng dội, Buổi sáng, Đuốc Nhà Nam, giải  
Thanh Tâm gắng sức vun bồi, duyên bút mực, nghiệp báo  
chương, xếp lại hành trang, đất Cao Lãnh bao dài bao nuôi  
tiết . . .*

- *Phùng Há, Năm Châu, Ba Vân, Lê Thị Phỉ, làn ca kịch  
góp công tô điểm nợ phần son, tình sân khấu, tàn rồi mộng  
ước, sông Đình Trung mấy khúc mấy u sầu . . .*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Có thể nói, bốn mươi năm làm báo, Trần Tấn Quốc đã để lại cho đồng nghiệp, cho văn nghệ sĩ Sài Gòn một tấm gương sáng, một nhân cách, một tâm lòng và một tính khí nghề nghiệp cao lớn. Những lời tự sự của ông cũng chính là những lời dạy xứng đáng cho những thế hệ làm báo tiếp theo: “ *Người làm báo bình vực cho lẽ phải và công bằng một cách hăng say với tinh thần hiệp sĩ, không cần ai kêu gọi, không màng việc oán trả ơn đền. Nơi nào có tiếng thì thâm than thở của dân là có tai của nhà báo ghé vào, nơi nào có sự lộng quyền ý thế, là có mắt của nhà báo ngó tới. Nghề làm báo cao cả như vậy, lý tưởng cao sâu của người cầm bút như vậy, há chẳng đáng gọi là một đạo sao ?*”



*Ns Bảy Nhiêu trao giải Thanh Tâm cho Thanh Nga năm 1958*

Năm 1958, giải Thanh Tâm do ký giả Trần Tấn Quốc Ch nhiệm báo Tiếng Đội lập ra để phát thưởng cho các nghệ sĩ Cải Lương. Năm đó nghệ sĩ Thanh Nga (1942-1978) mới có 16 tuổi, được Huy chương Vàng Giải Thanh Tâm đầu tiên.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ đó giải Thanh Tâm được phát cho nhiều nam, nữ nghệ sĩ Cải lương, cho đến sau Tết Mậu Thân năm 1968, nhiều đoàn Cải Lương rã gánh, giải Thanh Tâm khng còn nữa. Nhờ danh tiếng giải thưởng Thanh Tâm đó mà Cải lương miền Nam một thời bộc phát, hưng thịnh trước khi lui vào dĩ vãng.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Tấn Quốc : *Văn học miền Nam Tập 1*
- Giải Thanh Tâm: Nguyễn Phương: *Huy Chương Vàng, Giải Thanh Tâm, Những ngôi sao cải lương ngày xưa hiện giờ ra sao? Web:cailuongvietnam.com*



*Nữ nghệ sĩ Thanh Nga – Juliette Nguyễn Thị Nga (1942-1978)*

## 7. Bà Tùng Long



**Bà Tùng Long - Lê Thị Bạch Vân (1915-2006)**

Bà Tùng Long tên thật Lê Thị Bạch Vân sinh ngày 1 tháng 8 năm 1915 tại Đà Nẵng. lúc đó thân sinh bà đang làm cho một công ty tư nhân của người ngoại quốc tại Hội An, ông có tham gia Phong trào Duy Tân của ông Phan Thành Tài (thân phụ của các ông Phan Bá Lân, Phan Thuyết), phong trào bị đổ bể, có người bị tù đi Côn đảo. Thân phụ bà về quê ở Đà Nẵng thi vào làm việc tại Sở Thương chánh Đà Nẵng, bà theo học hết bậc Tiểu học tại đây, rồi ra Huế học trường Trung học Đồng Khánh.

Năm 1932, thân phụ bà đổi vào Sở Douanes Sài Gòn thì bà học những năm cuối ban Trung học tại Collège Des Jeunes Filles Indigène (Nữ trung học Bản xứ), vì nữ sinh mặc đồng phục áo dài màu tím, cho nên người Sài Gòn quen gọi là trường Áo Tím. Sau đổi lại là trường Gia Long, Sau 30-4-1975, trường đổi tên là Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai.

Năm 1935 bà thành hôn cùng nhà báo Hồng Tiêu Nguyễn Đức Huy, em của ông Bút Trà Nguyễn Đức Nhuận chủ nhiệm báo Sài Gòn Mới.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1935-1936, Bà Tùng Long thuê bảng hiệu (manchette) báo Tân Thời, một thời gian chủ báo hủy hợp đồng, bà ngưng làm báo.

Năm 1942, vì chiến tranh gia đình bà phải tản cư về quê chồng ở Quảng Ngãi, lánh nạn ở vùng quê Mỹ Thắng-Nghĩa Kỳ, tại đây bà mở trường Tân Dân dạy học từ 1945 đến 1949, trong 4 năm đã đào tạo được nhiều học sinh vào Trung Học Bình Dân (Chợ Chùa- Quảng Ngãi). Sau đó, Ty Giáo Dục địa phương nhận thấy bà dạy có kết quả, nên mời làm Hiệu Trưởng liên trường quanh vùng Nghĩa Kỳ.

Sau đó, gia đình bà hồi cư về Sài Gòn. Năm 1952, Bà Tùng Long dạy Pháp Văn và Việt Văn tại các trường Les Lauries, Tân Thịnh, Đạt Đức... Nhưng vì lương không đủ sống, bà bắt đầu viết truyện đăng từng kỳ cho một số nhật báo. Từ 1953, Bà Tùng Long khởi xướng mục Gỡ rối tơ lòng trên báo Sài Gòn Mới và giữ vị trí này trong nhiều năm, góp phần thu hút độc giả cho tờ báo. Ngoài ra bà còn cộng tác cùng các báo khác như Tiếng Vang, Miền Nam, Phụ Nữ Diễn Đàn, Phụ Nữ Ngày Mai, Nhân Loại...

Với tác phẩm của bà rất ăn khách, các báo được bà cộng tác đều bán rất chạy, rất thành công về mặt thương mại, nhất là tờ Sài Gòn Mới của Bà Bút Trà. Bà Tùng Long là một tác giả quen thuộc của miền Nam trước 1975. Vào thập niên 1960, vừa dạy học vừa viết báo, viết văn, thu nhập của Bà Tùng Long mỗi tháng tới gần 10 lượng vàng. Vào đầu thập niên 1960, bà giữ chức Tổng thư ký Hội Phụ Nữ Việt Nam Cộng Hoà, đắc cử Dân biểu tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1961-1962, bà Tùng Long có chân trong Hội Đồng Giải Văn Chương Toàn Quốc của Việt Nam Cộng Hoà.

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

Về bút danh Bà Tùng Long, bà giải thích: "*Các vị nho học của chúng ta có câu "Vân Tùng Long, Phong Tùng Hồ" nghĩa là mây theo rồng, gió theo cọp... Tôi tên Vân cho nên lấy bút danh Tùng Long. Và khi ký bút danh này, tôi thấy không trùng với ai, cho nên tôi dùng luôn đến nay. Vì ký bút danh Tùng Long, tôi sợ độc giả hiểu lầm tôi là đàn ông, cho nên tôi thêm chữ Bà vào để phân biệt."*

Từ năm 1956 tổng cộng Bà Tùng Long có 50 tác phẩm được in, trong đó 16 cuốn được tái bản sau 1975. Phần lớn các tiểu thuyết của bà đề cập đến thân phận người phụ nữ, ca ngợi tình yêu. Tác phẩm cuối đời của bà là tập hồi ký xuất bản năm 2003.

Năm 2004, tác phẩm của bà đã được công ty Phương Nam mua bản quyền.

Bà Tùng Long mất ở nhà riêng, tại thành phố HCM ngày 24 tháng 6 năm 2005, hưởng thọ 90 tuổi. Các con của bà cũng có tên tuổi trên văn đàn như Nguyễn Đức Trach, Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Đức Thạch, Nguyễn Đông Thức

Tác phẩm đã in:

- *Lâu tinh mộng* (Huỳnh Văn, 1956)
- *Tình duyên* (Tấn Phát, 1956)
- *Ngày mai tươi sáng* (nhi đồng - Sống Mới, 1957)
- *Ái tình và danh dự* (Bình Minh, 1957)
- *Chúa tiền chúa bạc* (Huỳnh Văn, 1957)
- *Còn vương tơ lòng* (Tấn Phát, 1957)
- *Giang san nhà chồng* (Bình Minh, 1957)
- *Hai trẻ đánh giày* (nhi đồng - Sống Mới, 1957)
- *Hoa tử muội* (Tấn Phát, 1957)
- *Mẹ chồng nàng dâu* (Rạng Đông, 1957)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Nhị Lan* (Rạng Đông, 1957)
- *Một người chị* (nhi đồng - Sống Mới, 1957)
- *Tám long bác ái* (nhi đồng - Đồng Nai, 1957)
- *Vợ lớn vợ bé* (Tấn Phát, 1957)
- *Tình vạn dặm* (Rạng Đông, 1958)
- *Tình và nghĩa* (Rạng Đông, 1958)
- *Vợ hiền* (Rạng Đông, 1958)
- *Trên đồi thông* (Hương Nam, 1963)
- *Con đường hạnh phúc* (Thế Kỷ, 1963)
- *Giòng đời* (Tia Sáng, 1966)
- *Ai là mẹ* (Trung Thành, 1967)
- *Bên suối Chi Lan* (Thế Kỷ, 1967)
- *Biệt thự Mỹ Khanh* (Trung Thành, 1967)
- *Chọn đá thử vàng* (Trung Thành, 1967)
- *Duyên lành* (Đẹp, 1967)
- *Giữa cơn song gió* (Kim Lệ, 1967)
- *Một bóng người* (Trung Thành, 1967)
- *Những phút chia ly* (Thiên Tứ, 1967)
- *Tình cảm* (Hồng Hưng, 1967)
- *Tờ di chúc* (Trung Thành, 1967)
- *Con đường một chiều* (Trung Thành, 1969)
- *Người xưa đã về* (Thế Kỷ, 1972)
- *Bóng người xưa*
- *Đời con gái*
- *Duyên tình lạc bến*
- *Chỉ một lần yêu*
- *Lâu tình mộng*
- *Hồi ký Bà Tùng Long*

Trong Hồi ký Bà Tùng Long cho biết:



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*“Tôi vừa viết tiểu thuyết cho báo, vừa dạy con học, vừa thảo thực đơn cho con gái đi chợ. Viết văn đối với tôi đã trở thành chuyên nghiệp chớ không phải viết theo cảm hứng.*

*Tôi ngồi đâu cũng viết được và viết bất cứ lúc nào, khi có nhu cầu... Tôi thích viết loại bút Bic mực màu đen, viết trên giấy báo đã in một mặt.*

*Tôi viết văn để nuôi con. Khi các con tôi những đứa lớn trưởng thành, dù dốt được các em chúng, bây giờ tôi sẽ nghỉ viết.”*

Văn của Bà Tùng Long viết cũng như chủ trương của Bà Bút Trà ở tờ Sài Gòn Mới, viết cho mọi người đọc đều có thể hiểu được, chính vì thế mà vào thời đó từ anh học sinh cho đến những người trí thức, muốn đọc những tác phẩm có ý tưởng mới, có cách hành văn lạ đều không thể tìm thấy nơi tác phẩm của Bà Tùng Long. Cho nên các nhà phê bình văn học không quan tâm, tên tuổi của bà không được nói đến trong văn học.

Về việc này Bà Tùng Long cũng có nói đến một lần trong *Hồi ký*:

*Sau này có lần một bà bạn rủ tôi đi nghe một buổi diễn thuyết về đề tài: “nhà văn cũng là một sứ giả gửi một thông điệp đến độc giả”. Diễn đàn là linh mục Thanh Lãng, Hội Văn bút tổ chức. Lúc ấy Phạm Việt Tuyền làm Chủ tịch. Thính giả toàn là hội viên của hội Văn bút cùng một nhóm sinh viên học sinh của các ông Thanh Lãng, Việt Tuyền, và một số nhà văn, nhà báo. Khi ngồi vào chỗ, chị bạn của tôi, chị Nghệ, một nữ trí thức từng làm chính trị vừa ở Pháp về,*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*nói với tôi: - Mình không ngờ được dự một buổi nói chuyện lý thú, xem thử họ nói cái gì.*

*Trong bài diễn thuyết của mình, Thanh Lãng đã đi đến một kết luận đề cao vai trò của nhà văn: Một nhà văn là một sứ giả gởi một thông điệp đến cho độc giả khắp nơi. Vì thế vai trò của nhà văn là một sứ mạng cao quý. Quanh vấn đề này, nhiều người được mời lên phát biểu ý kiến. Toàn là những ông có cấp bằng cao, viết những quyển sách triết học hay những tác phẩm bình luận khó hiểu.*

*Rồi bỗng trong đám thính giả ngồi ở hàng ghế sau cùng, một sinh viên ở một phân khoa nào đó nói giọng Bắc xin lên phát biểu ý kiến. Cậu ta khen những sách lý luận cao siêu và chê các nhà văn tiểu thuyết ở Sài Gòn lúc bấy giờ, và nêu tên Dương Hà, Trọng Nguyên và... bà Tùng Long. Thật bất ngờ! Cậu ta bảo tôi không biết một chữ Pháp nào và chỉ nghe người ta kể các chuyện tiểu thuyết Tây rồi viết lại. Viết như vậy thì tại sao lại có báo chịu mua đăng, có độc giả chịu khó đọc?*

*Chắc khi nói cậu ta không ngờ trong đám thính giả lại có bà Tùng Long. Trong số người có mặt, còn có Nguyễn Hữu Ngự, nhà văn cộng tác với báo Bách Khoa (ký hiệu Nguyễn Ngu Í) và cũng là đồng nghiệp cùng dạy trường Tân Thịnh với tôi. Nguyễn Hữu Ngự dạy sử địa, còn tôi thì dạy Việt văn và Pháp văn. Cũng có cả Trần Dạ Từ, chồng của Nhã Ca, đang là phóng viên Đài phát thanh Việt Nam lúc bấy giờ, ngồi ở hàng ghế đầu và đang thu thanh buổi diễn thuyết cho đài.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Cậu sinh viên này vừa nói xong thì ông Nghiêm Xuân Việt, một luật gia và cũng là một giáo sư trường Đại học Luật khoa, liền đứng ra trả lời vì ông có tên trong Hội Văn bút và cũng là nhóm tổ chức cuộc diễn thuyết ngày hôm ấy. Ông Việt cao giọng tán thành ý kiến của sinh viên nọ là nên đọc những sách thuộc loại nghiên cứu, sách có giá trị văn chương do những nhóm gọi là uyên bác cao thâm sáng tác, bởi họ mới thật là những sử giả gởi đi các thông điệp cho quốc dân đồng bào. Còn loại sách nhằm nhí như sách của các tác giả mà cậu sinh viên nọ vừa nói xong thì có quyền đừng đọc đến.*

*Ông Việt vừa nói xong thì Nguyễn Hữu Ngự và Trần Dạ Từ đều quay xuống nói với tôi (khi tôi vào giảng đường trường Quốc Gia Âm Nhạc họ có thấy và có chào): “Chị cứ để đó, tụi này sẽ lên trả lời cho chị”.*

*Nhưng tôi đã đứng lên và lên chỗ bàn thư ký để xin ghi tên phát biểu. Lúc ấy Minh Đức Hoài Trinh ngồi ghi. Minh Đức nhìn tôi cười, còn chị Nghệ thì nói: - Chị không soạn bài mà dám phát biểu ngay à? Tôi thì không có tài ấy đâu.*

*Tôi cười và chờ đến phiên mình lên phát biểu. Không chờ đợi, tôi được mời lên ngay, vì ai chớ Phạm Việt Tuyền hay Minh Đức Hoài Trinh thì có lạ gì tôi. Phạm Việt Tuyền cùng dạy ở trường Tân Thịnh với tôi, và khi Phạm Việt Tuyền làm tờ Tự Do thì chính anh đã mời tôi giúp cho một tiểu thuyết và tôi đã viết chuyện Gió Ngàn Phương (đã xuất bản trước 1975).*

*Tôi còn nhớ rõ hôm ấy tôi mặc bộ áo dài trắng (tôi luôn mặc áo dài trắng khi đi dạy, khi đến các tòa soạn báo hay*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*đi dự lễ hội, dự hội nghị), và sự hiện diện của tôi trước micro đã gây cho hội trường một sự ngạc nhiên, nhất là khi Phạm Việt Tuyền trình trọng giới thiệu tôi là một cây bút có nhiều tác phẩm cộng tác với nhiều tờ báo hằng ngày và làm thư ký tòa soạn cho tuần báo Phụ Nữ Diễn Đàn, cộng tác với báo Văn Nghệ Tiền Phong và còn là giáo sư dạy ở các trường tư thục.*

*Hội trường bỗng im bật và chờ tôi phát biểu. Đầu tiên tôi cảm ơn ban tổ chức cho phép tôi có cơ hội lên để nói vài ý nghĩ thô thiển, và tôi thành thật cảm ơn cậu sinh viên vừa phát biểu đã nói đến tôi. Trong đời tôi, chê tôi cũng quý như khen vì giúp tôi có kinh nghiệm tốt hơn khi sử dụng ngòi bút. Xong tôi đi ngay vào đề tài của Thanh Lãng, một nhà văn là một sử giả gửi thông điệp đến mọi người. Nhưng sử điệp ấy phải như thế nào để mọi người dù tầng lớp nào cũng có thể đọc hiểu được thì mới có thể tiếp nhận. Chứ những quyển sách viết quá cao, đầy triết lý sâu xa thì đâu phải ai cũng có thể tiếp nhận một cách vui vẻ và nồng nhiệt. Tôi nói tiếp: “Tôi không có khả năng để viết những loại sách cao siêu, cao thật cao ấy (và tôi giơ tay lên ra dấu khỏi đầu) nhưng tại sao tôi lại chấp nhận số phận của người cầm bút? Tôi có đọc một đoạn văn trên một tờ báo Pháp thấy có một nhà văn nam nào đó tuyên bố rằng: “Nếu tôi có một ngai vàng thì tôi sẵn sàng đổi nó để tìm hiểu tâm lý phụ nữ”. Như thế thì tôi, một phụ nữ, tại sao không viết để nói lên tâm lý của phụ nữ? Vì tôi đã trải qua thời kỳ niên thiếu dưới mái ấm gia đình của cha mẹ, bên các em thân yêu, tôi đã từng là một thiếu nữ, tôi hiểu những ước muốn, những buồn vui của giới thiếu nữ, của tuổi mới lớn. Tôi đã từng là một người vợ, một người mẹ.*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*Tôi hiểu tâm sự của người vợ khi gặp cảnh ngộ ngang trái, khi sống trong hạnh phúc, khi nuôi dạy các con, và hiểu những đòi hỏi của các con mình. Tôi lại còn là một cô giáo từng đứng trên bục giảng và tìm hiểu những đôi mắt thơ ngây, vô tư của lũ học trò đang muốn gì, ao ước được những gì. Vì những ước mong thế đó mà tôi mạnh dạn cầm bút. Nói rằng tôi không biết một tiếng Pháp nào, chỉ nghe người ta kể chuyện trong các quyển tiểu thuyết Pháp rồi viết lại, thì nếu được như vậy kể ra tôi cũng có chút tài còn con nào đó, vì tôi kể chuyện như vậy mà vẫn có người đọc, người nghe, nhà báo chấp nhận mời viết thì thật là chuyện lạ trên đời phải không các bạn? Về chuyện tôi có đọc được sách Pháp hay không, lúc nãy qua lời giới thiệu của anh Phạm Việt Tuyền chắc các bạn cũng hiểu là lời chỉ trích kia có đúng hay không, tôi không cần đính chính. Nhưng tôi không dám tự phụ mà nói lên rằng thông điệp của tôi gửi cho phụ nữ, cho các bà mẹ, cho các học sinh chắc chắn là được đón nhận. Nếu không vậy làm sao tôi viết, làm sao có người thuê tôi viết? Nói lên cái tâm lý của phụ nữ vì mình là một phụ nữ, tôi đã mạnh dạn nhận lấy vai trò của tôi, một phụ nữ”.*

*Chỉ có năm phút để phát biểu nên tôi kết luận: - Qua số thư từ tôi nhận được hằng ngày trong đó phần đông là thư của bạn gái, kế tiếp là thư của độc giả nam, của học sinh sinh viên, tôi chỉ lấy làm lạ là tại sao ông Nghiêm Xuân Việt lại có thể nói rằng những cuốn sách viết dở của các nhà văn như bà Tùng Long, Dương Hà, Trọng Nguyên thì vứt đi đừng đọc là xong. Riêng tôi, gặp một quyển sách ở tầm tay, đọc qua nếu là dở tôi vẫn cố gắng đọc cho hết để thấy nó dở chỗ nào. Một nhà văn ở châu Âu đã viết:*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*“Trong một quyển sách dở vẫn có thể tìm thấy một câu hay hoặc một ý kiến khá”.*

Tiểu thuyết của bà mang tính giáo dục trong các lĩnh vực hôn nhân, bình đẳng nam nữ, đề cao vai trò nữ giới trong gia đình và xã hội. Là một nhà giáo, dạy học từ thôn quê lúc chiến tranh nghèo khó cho đến ở thủ đô ánh sáng miền Nam, là một nhà văn được giới bình dân nhất là độc giả phụ nữ ưa chuộng, là một nhà hoạt động xã hội lại sắp bước vào ngưỡng cửa chánh trị, riêng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con nên người. Bà Tùng Long đã thành công nhiều mặt đủ chứng tỏ tài năng của bà.

Tài liệu tham khảo:

- Bà Tùng Long *Hỏi Ký* Web: e-thuvien.com
- Bà Tùng Long Web: vi.wikipedia.org



## 8 . Phi Vân



**Phi Vân – Lâm Thế Nhơn (1918-1977)**

Phi Vân tên thật là Lâm Thế Nhơn sinh năm 1918 trong một gia đình trung lưu ở xã Vĩnh Mỹ huyện Vĩnh Lợi tỉnh Bạc Liêu, lớn lên ông học ở Cà Mau.

Phi Vân chuyên viết truyện ngắn và phóng sự. Năm 1943, quyển *Đông Quê* của ông đoạt giải nhất trong cuộc thi văn chương do Hội Khuyến Học Cần Thơ tổ chức, từ đó cho tới năm 1970, quyển này đã được in 5 lần. Ngoài ra ông còn những tác phẩm khác.

Ông từng là một nhà báo chuyên viết phóng sự, truyện ngắn cho hầu hết các nhật báo, tuần báo, tạp chí ở miền Nam lúc bấy giờ như Tiếng Chuông, Dân Chúng, Tiếng Dân (của cụ Huỳnh Thúc Kháng), Dân Quý, Cấp Tiến và chủ bút tờ Thủ Đô thời báo.

Khi tờ Thủ đô thời báo bị đóng cửa, ông không tham gia bất kỳ tổ chức văn hóa nào, sống thanh thản với lương tâm trong sáng của một trí thức, nhà văn nặng lòng với đất nước. Phi Vân từng bộc bạch: *“Nguyện vọng của tôi là chờ cho thời cuộc lắng*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*dị, sự giao thông được dễ dàng để lại ngao du về miền quê, tiếp tục công việc sáng tác hiện đang bị gián đoạn.”*

Ông cũng đã giữ chức Tổng Thư Ký Nghiệp đoàn ký giả Nam Việt trong Liên đoàn ký giả quốc tế (IFJ)

Ông mất tại Sài Gòn ngày 1-11-1977 thọ 59 tuổi.

Tác phẩm:

- *Đồng quê*, 1942 (dịch ra bạch thoại ở Hoa lục dưới tựa *Nguyên Dã* năm 1950)
- *Cô gái quê*
- *Tình quê*, 1949
- *Dưới đồng sâu*
- *Nhà quê trong khói lửa*, 1950

Như đã nói, quyển *Đồng Quê* của ông được nhiều người ưa chuộng vì tác giả đã tả lại xã hội thôn quê miền Nam vào tiền bán thế kỷ 20, nào là phong tục đám cưới, thầy pháp, thầy bùa, hò đối đáp, đi câu trộm...

Mỗi một truyện của ông vẽ lại góc nhỏ của xã hội đồng quê, cho ta thấy vài khía cạnh của phong tục tạp quán, những bộn bề hào ác bá, đầu trộm đuôi cướp làm cho đời sống dân quê chịu nhiều nỗi áp bức. Nhưng dân quê vẫn sống với đồng ruộng, tình nghĩa ông xóm bên chung rượu chén trà, giải trí với những gánh hát bội, giọng hò câu hát trên ông trong những đêm trăng thanh gió mát hữu tình, hay những lúc ngày mùa nhộn nhịp. Muốn hiểu phong tục tạp quán miền Nam không thể không đọc qua tác phẩm của ông.

Bối cảnh tác phẩm *Đồng Quê* của Phi Vân là vùng đất Cà Mau, thôn quê là đề tài phong phú cho nhà văn, hơn nữa nơi đó rừng sâu nước độc, là chân trời mới, có sức hấp dẫn lạ lùng cho độc



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

giả ở thành thị, phần khác một số độc giả gốc ở thôn quê nay đến sinh sống nơi thành thị, nhớ cảnh nhớ quê, nhớ mái nhà xưa, nhớ tiếng dế nỉ non canh trường, nhớ tiếng ếch nhái trong những đêm mưa rỉ rã, họ nhớ mùa lúa vàng, nhớ cộng rơm, gốc rạ, cho nên họ đọc *Đồng Quê* để tìm hiểu, để nhớ kỷ niệm xưa.

Cà Mau, còn những nhà văn khai thác những đề tài hấp dẫn lạ lùng, như Sơn Nam dựng chuyện ở vùng Rạch Giá Cà Mau trong *Hương Rừng Cà Mau*, Bình Nguyên Lộc với *Rừng Mắm* chứa đầy triết thuyết về xã hội miền Nam.

Chuyện Phi Vân viết cợt tách cách trào lộng, dí dỏm, thử đọc một đoạn của truyện ngắn:

### **Đạo**

*Riêng ông giáo Xệ chủ nhà, đã yếu rượu mà ông theo mấy ông khách gần huyệt hơi.*

*Bổng Phó Xã Việt cười khè:*

*- Xin lỗi Chủ, Sư Muôn giải nghĩa chữ Đạo trật lất còn Chủ chiết tự ra còn... sai nát hơn nữa!*

*Ông Chủ giật mình, mặt đang đỏ gay, gần như tái lại. Ông tròn mắt:*

*- Thăng Phó Xã mày nói sao? Tao giải trật à? Tao mà trật? Ủ chữ nghĩa mày già hơn, giảng thế nào cho trúng nghe thử?*

*- Bẩm Chủ, tự nhiên, chề được là giải được. Chủ đừng quá nóng. Tôi đã nói “nghĩa lý không tư vị” kia mà! Đây về chữ Đạo, thì tự tôi thích ra như vậy:*

*Hai chấm phết là âm dương, gạch ngang là hiệp nhất, dưới chữ tự, bên chữ chi phẩy, là “Tự mình chi đó!*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Tự mình thông tri âm dương, biết phân phải trái, biết lẽ chánh tà, mới phải là Đạo hoàn toàn chớ Ấy là tôi chiết tự sơ sơ như thế, chớ nếu phải giải cho rành thì phải cắt nghĩa tại sao chữ Đạo có liên tiếp đến 12 nét, mười hai hội của khí vận tuần hườn, từ “chí, sừ” chí u “tuát, hội?...*

*Phó xã Việt như hùng chí, ông tiết cảm đầu nói, nói mãi quên dòm sau trước, chừng trực nhìn lại, mấy ông khách và chủ nhà, anh ta trợn tròn, dírt ngay: Kẽ gục qua, người gục lại, riêng Đình Uyñnh đã ngoẻo đầu ngáy khô khô ...*

*Đêm đã về khuya. Người nhà đều ngủ mất, xa xa có tiếng chó sủa ở đầu làng.*

*Ông Chủ đang ngửa mình sau thành ghé vừng ủa ra một tiếng rất lớn, rồi chúí nhủi xuống bàn, cố giọng:*

*- Đạo! Hay... hay ...! Bọt phe thăng Phó Xã! Bọt phe thăng Phó Xã....*

Chuyện của Phi Vân, người ta có thể đọc đi đọc lại, nó vẫn có sự hấp dẫn, lôi cuốn y như mới đọc lần đầu. Ngoài những chuyện tình cảm, Phi Vân ông ngọn bút của mình để đả phá những chuyện mê tín dị đoan của người dân quê như chuyện *Sanh nghề từ nghiệp*, *Mét Văn Quang*, một ông thầy tướng số nửa quê, nửa chợ đã bị một tên điền chủ cho một trận đòn nên ông.

Chuyện *Ông tướng thầy Ba* hay *Châu Xương cử thanh long đao*, cũng là những châm phá đậm nét trong bức tranh tả chân của ông, qua đó chúng ta thấy dưới ngòi bút dí dỏm, Phi Vân đã vạch rõ những điều mê tín dị đoan ấy, và cho thấy người ta đã lợi dụng ông mê tín của dân quê, để lừa dối một cách trắng trợn.

Dựng lên câu chuyện tình trong *Phóng sự tiểu thuyết*, Phi Vân cũng không bỏ qua sự đã phá mê tín dị đoan, nhưng sự áp bức

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

của nạn cường hào ác bá, lợi dụng những cơ hội người ta  
ong thất thế, hay những người hiền lành để dờ hết những  
mánh lới lợi dụng và bóc lột, chuyện ấy ai cũng biết và thường  
thấy xảy ra, nhưng Phi Vân cho ta thấy khía cạnh của cuộc đời,  
đau thương, nhục nhã đè nặng lên đời sống ong ngày của  
người dân chất phác, nghèo nàn.

Bút pháp Phi Vân ngắn gọn. Ông sử dụng chiasm, phẩy gậy gọn  
làm cho văn của ông rõ ong, động tác nhanh như đoạn sau  
đây trong *Phóng sự tiểu thuyết*:

- *Hay là thừa lúc này mình thử bùa?... y bậy nà! Con của Thầy  
mình! Thầy thì Thầy chớ, “thử” chớ phải “thiệt” sao?... Cha,  
rùi Thầy mình biết? Biết làm sao được, chỉ có hai đứa ở  
nhà...Rùi Thầy mình về bắt tử?*

*Tôi phụng phòng hỏi:*

- *Có hai ời, Thầy thím sao chưa về?*

- *Em cũng không biết nữa. Hồi đi nói về sớm mà tới bây giờ ...*

*Tôi nhóng:*

- *Thôi thì tôi về vậy, khuya rồi !*

- *Ý ở lại với em chút nữa anh Sáu à!*

*Trong giọng nói có chút một chút gì như van lơn quyến luyến.*

*Bốn bề lặng lẽ như tờ. Phía sau lửa cháy lách tách. Tôi quá  
quyết, cắn môi: Thầy kệ, thử càn...*

*Toàn ong tôi bỗng run lên, trống ngực tôi đánh rầm rầm. Hai  
hàm ong tôi cắn khít lại, rồi ... “Ôm mà xơ rốp...”*

*Có hai ời, lại tôi chỉ cái này !*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Thì lạ lòng thay, linh nghiệm thay, tôi gọi vừa dứt lời, cô Yén vươn mình bước xuống đất, ngoan ngoãn như con mèo sau bếp...*

*Thình lình có tiếng chó sủa, rồi chó mừng. Tôi giựt mình đứng dậy*

*- Ba má về...!*

*Đang đi lại tôi, cô Yén trở mình “cái vụt” mừng reo, chạy ồ ra mở cửa.*

*Từ ông ồng rất gọi hình: ... lúa đã trở đuôi ồng. Cả đồng vun một màu vàng mơ . hay ... Vào một đêm không trăng, trời chuyển mịt mù tối đen, rồi mưa rì rả.*

*Những đoạn trích trên, phần nào chứng tỏ được Phi Vân là một nhà văn truyền thống miền Nam, nhưng cái đặc thù của ông là bút pháp dí dỏm, trào lộng.*

*Tương cần trích ồng đoạn kết trong Phóng sự tiêu thuyết, để thấy rõ tâm hồn và quan niệm sống của Phi Vân.*

*Năm năm tù và mười năm biệt xứ không dài bao nhiêu, nhưng nó thay trọn cuộc đời tôi. Tôi muốn người ta cho tôi ngồi trong khám mãi để quên đi, quên biệt, còn hơn cho tôi trở về với người đời.*

*Năm năm trong tù tôi học rành chữ Quốc ngữ và mon men được chút đỉnh chữ Tây.*

*Mười năm biệt xứ khiến tôi có dịp dạn dày với cuộc đời và nói rộng tâm con mắt.*

*Tù hạn trả xong, tôi lần về làng cũ. Cảnh vật không còn như xưa nữa. Ông và bà thầy pháp đã vào cảnh Tiên, Phật; thằng Út đã đi theo cái lương; đất chủ Nghĩa bán cho người khác;*

## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

*con tám Én đã có chồng với một dọc con dài, chồng nó là thằng tư Bò.*

*Tôi cất tạm một căn nhà trên hòn Đá Bạc. Ở đó, ngày ngày nghe tiếng gió thét, ong gâm. Chỉ có gió thét ong gâm mới an ủi được ong tôi.*

*Và chiều chiều, khi vầng thái dương sắp chìm vào nước biển, tôi leo lên một mỏm đá cao chót vót đứng nhìn về phía đất liền.*

*Sau rặng cây xanh bên ấy, chạy dài đồng này sang đồng kia, ruộng này sang ruộng khác. Trong những đồng ruộng mênh mông, hiền lành đó, ẩn trú biết bao nhiêu là tá điền và chủ điền...*

*Mà thôi, dĩ vãng đã chết, còn nhắc lại làm gì nữa! ...*

*Họ không phải là người gây nên tội ác, họ chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh xã hội và của một thời kỳ...*

Xin trích một đoạn từ bài diễn văn của giáo sư Nguyễn Văn Kiết chủ tịch ủy ban văn chương Hội Khuyến Học Cần Thơ, đọc trong dịp lễ phát giải thưởng văn chương Thủ Khoa Nghĩa năm 1943:

*Chỗ hứng thú của quyển phóng sự ấy là nó cho ta thấy những phong tục cũ kỹ ở thôn quê, những tin tưởng dị đoan của hạng bình dân lao động. Nó cho ta thấy những cuộc giao tiếp, xung đột giữa bọn điền chủ và tá điền, những tâm hồn mộc mạc trong bọn này và những vai quyền thế lực của bọn kia. Đọc qua, chúng ta thấy mình len lỏi chốn đồng quê, đang mục kích những cuộc tụ họp chơi bời, những cảnh cần lao rộn rịp. Tỉnh thoảng như đưa lại giọng hò trâm bồng trong đám gát, như phát lại mùi thơm thanh đậm của lúa vàng.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tác giả lại còn dắt ta đi quanh co trong những sông rạch ở vùng Bạc Liêu, Cà Mau và sao mấy ngày dạo chơi mệt mỏi, tác giả dừng lại cho ta thấy một cánh sắc êm đềm: Trên bờ sông Trẹm, lững lờ mấy làn khói trắng bốc lên và dưới sông dứa xanh tươi, một thiếu phụ ẩm con đứng đợi chồng về, lâu lâu đuổi bầy gà đang bới trên giồng rau cải. Hoặc giữa đêm trường vắng vẻ, chiếc thuyền xuôi mái theo rạch Bàn, tác giả mời ta trông lên bờ sau hàng dứa nước âm u, một vài ánh đèn le lói, nghe từ xa đưa lại tiếng chày giã gạo, tiếng chó của đêm...

Cho được kể lại rất tài tình những điều quan sát rất kỹ càng, làm cho ta như nghe, như thấy, lúc cảm, lúc vui, tất phải chờ một ngọn bút tỉ mỉ mà linh hoạt, một giọng văng thành thật mà hữu duyên, một cách viết tự nhiên, không rườm rà mà đầy đủ.

Ông Phi Vân đã gồm cả mấy điều kiện ấy: Quyển phỏng sự của ông như một tấn tuồng gay cấn đặt trong cảnh trí xanh tươi: Hay là – muốn nói cho rõ hơn – nó là một “nông kịch” Chiara nhiều lớp: có hồi hộp, có vui cười và sau rốt kết cuộc rất thương tâm, khiến cho độc giả phải ngậm ngùi cảm động.

Có lẽ đó là bài luận lý sâu sắc mà tác giả không muốn chỉ cho rõ ông, để ta tự hiểu ngầm mà thương hại cho hạng nông dân lao lực. Họ sống một cuộc đời mộc mạc, siêng năng; nhưng mãi kiếp phải làm nạn nhân cho bọn giàu sang thế lực. Mà cả thấy chúng ta, theo như tác giả nói lại là “nạn nhân của một thời kỳ”; cho nên đối với mọi người ta nên để ông thương hại và thứ dung, và nên cầu nguyện cho chốn đồng quê được hút vui tươi yên ổn...

Tài liệu tham khảo:

- Phi Vân: Văn học Miền Nam 1954-1975 Tập 1
  - Phi Vân nhà báo nhà văn của đồng quê Nam Bộ.
- baotreonline.com



## Chương kết.

Trước 1975, phải công nhận văn học miền Nam bị coi thường, bởi vì so với lịch sử dân tộc thì lịch sử miền Nam chỉ mới vài trăm năm, trong khi lịch sử Việt Nam có đến hàng ngàn năm, trong đó mảng văn học Việt Nam có đến cả ngàn năm, nào những *Lĩnh Nam Chích Quái*, *Truyện Kỳ Mạn Lục*, *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*..., trong khi miền Nam chỉ có *Lục Vân Tiên*.

Văn chương là gì? Hiểu theo ngữ nguyên Văn là vẻ đẹp. Chương là vẻ sáng. Văn chương có nghĩa là vẻ đẹp để sáng sủa của một sáng tác, nhưng những nhà văn sơ khởi ở miền Nam, họ không chủ trương sáng tác những bản văn với lời lẽ bóng bẩy, giọng văn êm dịu. Họ cho biết nghĩ ra làm sao, nói như thế nào thì viết như thế ấy.

Trong nhật trình *Nam kỳ* số 1, ngày 21 tháng 10 năm 1897, trong bài *Lời cùng các người coi nhật trình ta* viết như sau:

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Về việc chữ nghĩa thì dùng những tiếng tầm thường, không dùng những tiếng cao kỳ, dân sự ít hiểu. Chúng ta có ý nói về điều này, là vì nhật trình Nam Kỳ thì là để mà rao báo những chuyện có ích cho mọi người đều hiểu, không phải là chuyện cao xa để cho một ít người thông minh hiểu biết mà thôi. Những người Annam hay chữ nghĩa đã thông hiểu ý tứ chúng ta, thì biết việc rõ ràng, chẳng cần chấp sự chúng ta dùng những tiếng tầm thường, vì các người ấy đã biết là việc làm ích chung cho mỗi một người ...*

Cho nên những nhà văn miền Nam khởi từ Nguyễn Trọng Quản cho đến Trần Chánh Chiêu, Lê Hoàng Mưu, Hồ Biều Chánh ... văn của họ không đẽo gọt, không quá mượt mà.

Trong hồi ký của nhà văn Bình Nguyên Lộc viết về bà Bút Trà, ông thực lòng khen ngợi khi bà lập tờ báo, chỉ nhằm mục đích chửi lại những tờ báo đã chửi bà cho vay nặng lãi, nhưng khi bà ra được tờ *Sài Gòn Họa Báo*, sau đổi tên là *Sài Gòn Mới*, bà không hề chửi lại họ một chữ nào. Ông đề nghị sẽ cộng tác viết tiểu thuyết cho tờ *Sài Gòn Mới* nhưng bà Bút Trà thẳng thừng từ chối đề nghị của nhà văn Bình Nguyên Lộc với lý do: *“Tôi chỉ đăng bài mà chị bán cá có đọc cũng hiểu. Cậu viết khó hiểu, người bình dân không đọc đâu.”*

Có một nhà văn cho biết vào năm 1954, ông ta di cư vào Nam, thấy một người phu xích lô, buổi trưa ghé xe nơi vệ đường có bóng mát, ngồi vào xe, lật tờ báo ra đọc, ông ta hết sức lấy làm lạ, nhưng chắc ông ta còn quên kể thêm, chị bán xôi ở góc ngã tư đường, khi vắng khách kéo tờ báo ở dưới gánh xôi ra đọc.

Đó chỉ là khía cạnh của văn hóa miền Nam, nhờ đó tiểu thuyết feuilleton phát triển mạnh vào những năm 1930-1970, nhưng chính vì tiểu thuyết feuilleton đã làm cho các nhà phê bình văn học trước kia không để ý đến, có thể họ đã đánh giá chúng



## BÁO CHÍ VÀ NHÀ VĂN THỜI SƠ KHỞI

không phải là tác phẩm văn chương, mà văn chương vị nghệ thuật hay vị nhân sinh ?

Cho đến nghìn sau dù cho người ta quên hết tất cả những tờ báo ở miền Nam, ở Việt Nam, nhưng không thể nào quên được *Gia Định Báo*, người ta có thể quên hết các nhà văn Việt Nam nhưng không thể nào quên được Trương Vĩnh Ký nhà văn Miền Nam, nhà văn quốc ngữ tiên phong, và con rể ông cũng là học trò của ông, nhà văn Nguyễn Trọng Quản người viết tiêu thuyết bằng chữ quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam.

Mặc dù nhóm Trí Đức Học Xá của Đông Hồ có luyện văn, tuần báo *Sóng* của họ như một thử nghiệm, gặp lúc kinh tế khó khăn hay không được nhiều người ủng hộ, nên chưa đầy năm thì *Sóng* đã chết.

Cho đến nay, văn học miền Nam vẫn còn là mảnh đất trù phú cho những nhà nghiên cứu, những người viết luận án tốt nghiệp sau Đại học, nó cần được khai phá nhiều hơn, để người ta thấy được cái tinh hoa của văn học miền Nam, từ xây dựng nền văn học mới, cho tới kiên cường đấu tranh chống thực dân, hầu mang lại độc lập cho đất nước, ấm no hạnh phúc cho mọi người.

Sau cùng, tôi cảm ơn ông Bùi Hữu Hạnh trang chủ Sách Việt, đã chia sẻ cho tôi bản PDF 7 số *Đại Việt Tạp Chí* do hội Khuyến Học Long Xuyên xuất bản năm 1918 và ông Tạ Thu Phong trang chủ Trúc Bạch Thư Xá, đã scan và gửi cho tôi *Nam-Kỳ Kinh-Tế Báo* số 103, năm 1922 và ảnh ông Alfred Schreiner Giám đốc Nhựt trình *Nam Kỳ*. Nhờ sự giúp đỡ quý báu đó, tôi có thêm tài liệu và hình ảnh phong phú cho quyển sách này.

HUỶNH ÁI TÔNG

Cùng soạn giả:

- *Văn học miền Nam (1923-1954)*
- *Văn học miền Nam 1954-1975 (7 tập)*
- *Hai mươi năm văn học miền Bắc 1954-1975 (5 tập)*
- *Văn học Việt Nam Cận và Hiện đại (7 tập)*

**Hiên PHẬT HỌC**

**2014**

**2023**